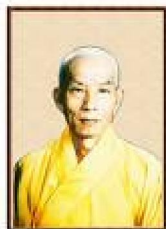


GIẢNG KINH LĂNG NGHIÊM



HT. Duy Lực

TT. Thích Đồng Thường Lập Thành Văn Tự

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 30-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Nói Đầu

ĐẠI PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM KINH

Tập Một

Quyển 1

BẢY CHỖ GẶN HỎI TÌM TÂM

Phá chấp tâm ở trong thân

Phá chấp tâm ở ngoài thân

Phá chấp tâm ẩn núp sau con mắt.

Phá chấp nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân.

Phá chấp sự suy nghĩ là tâm.

Phá chấp tâm ở chính giữa.

Phá chấp "tất cả vô trước" là tâm.

NGŨ ÁM VÓN VÔ SANH

1. SẮC ÁM VÓN VÔ SANH

2. THỌ ÁM VÓN VÔ SANH.

3. TƯỜNG ÁM VÓN VÔ SANH.

4. HÀNH ÁM VÓN VÔ SANH.

5. THỨC ÁM VÓN VÔ SANH.

Quyển 3

LUC NHẬP

1. NHÃN NHẬP VÓN VÔ SANH.

2. NHĨ NHẬP VỐN VÔ SANH

6. Ý NHẬP VỐN VÔ SANH.

THẬP NHỊ XỨ

1. NHÃN CĂN VỚI SẮC TRẦN VỐN VÔ SANH.

6. Ý CĂN VỚI PHÁP TRẦN VỐN VÔ SANH.

THẬP BÁT GIỚI

1. NHÃN CĂN, SẮC TRẦN, NHÃN THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH.

6. Ý CĂN, PHÁP TRẦN, Ý THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH.

THẤT ĐẠI.

1. TÁNH ĐỊA ĐẠI VỐN VÔ SANH.

2. TÁNH HỎA ĐẠI VỐN VÔ SANH.

3. TÁNH THỦY ĐẠI VỐN VÔ SANH.

4. TÁNH PHONG ĐẠI VỐN VÔ SANH.

5. TÁNH KHÔNG ĐẠI VỐN VÔ SANH.

6. TÁNH KIẾN ĐẠI VỐN VÔ SANH.

7. TÁNH THỨC ĐẠI VỐN VÔ SANH.

Quyển 4

Quyển 5

Tập Hai

Quyển 6

Quyển 8

THẬP TÍN

DIỆU GIÁC

DỤC GIỚI

Quyển 9

SẮC GIỚI

SƠ THIỀN

NHỊ THIỀN

TAM THIỀN

TỨ THIỀN

NGŨ TỊNH CƯ THIỀN

VÔ SẮC GIỚI

A TU LA

MA NGŨ ẤM

I - MA SẮC ẤM

II - MA THỌ ẤM

III - MA TƯỚNG ẤM

Quyển 10

IV - MA HÀNH ẤM

V. MA THỨC ẤM

HẾT

Lời Nói Đầu

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là kinh đại thừa liễu nghĩa, tức là Đức Phật đã nói ra hết nghĩa. Trong kinh này, ngài Quán Thế Âm chọn “nhĩ căn viên thông” để tu là phản văn văn tự tánh.

Phản văn là lìa khỏi động tịnh, chứ không phải lìa động bên ngoài mà nghe tịnh bên trong! Đã lìa khỏi động tịnh thì không còn tên nghe nữa. Cho nên, trong Thiền tông có câu: “Thường nghe khi chưa nghe”.

Ngài Hư Vân nói: “Tham thoại đầu là phản văn văn tự tánh”. Hòa thượng Duy Lực hoàng dương Tổ Sư thiền cũng là đúng với ý chỉ kinh này và giải đáp thắc mắc của các hành giả.

Nay chúng tôi ghi lại những lời trong băng của Hòa thượng giảng các phần khó hiểu. Kinh giảng được chia ra làm hai tập, việc làm đây không khỏi sai sót, tuy cố gắng hết sức. Nếu các vị độc giả thấy có gì khiếm khuyết, xin chỉ giáo cho.

Người thực hiện: Thích đồng Thường.

ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM KINH

Tập Một

Giải thích đề kinh:

-Đại là siêu việt số lượng.

-Phật đánh là đỉnh đầu Phật, gọi là vô kiến đỉnh (không thấy). Tại sao? Vì Phật đỉnh khắp không gian. Trong công án Phật Thích Ca nói lấy thước đo 1 trượng 6 không thấy đỉnh, đo cao cho tới trời Phạm Thiên cũng không thấy đỉnh.

-Thủ Lăng Nghiêm dịch là cứu kính kiên cố rốt ráo không lay động, không biến hoại (tồn tại vĩnh viễn không sinh diệt, cùng khắp thời gian). Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm cũng gọi là Phật tánh (tự tánh) khắp không gian và

thời gian, nên gọi là thật tướng. Khắp không gian không khứ lai gọi là Như Lai. Khắp thời gian không sinh diệt gọi là Niết Bàn.

-Kinh là thông thường (thấu qua tất cả pháp từ xưa đến nay).

Chánh văn:

Lời dịch giả

Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại: Văn ngôn đời xưa quá súc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời. Người xưa nói: "Đọc chỗ chẳng có chữ" là vậy. Chúng tôi gặp những trường hợp này thì thêm lời vào để sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn. Những danh từ tiếng Hán mà tiếng Việt ít dùng, lại không thể dịch ra tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú, còn những nghĩa lý thâm sâu khó hiểu thì chúng tôi lược giải thêm.

Chúng tôi muốn tránh chỗ tối nghĩa, để cho người đọc dễ hiểu, nên chẳng chú ý đến sự trau chuốt lời văn, xin độc giả từ bi hoan hỉ cho.

Thích Duy Lực

Giải thích:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, vào nhà Đường ở Trung Quốc do sa môn Bát La Mật Đế người Ấn Độ dịch nghĩa và sa môn Di Đà Thích Ca ở nước Tu Trường, thuộc miền tây bắc Trung Quốc dịch lời.

Bộ kinh này ở trong Hoàng cung dân tộc Ròng không cho ai lấy đi chỗ khác, vì thế sa môn Bát La Mật Đế đành phải biên chữ thật nhỏ bỏ trong bắp thịt chân khâu lại rồi mang qua Trung Quốc. Khi lấy ra thì thấy các chữ bị máu làm mờ, vợ Phồn Dung chỉ cách làm rõ chữ, bằng cách lấy sữa người để rửa rồi dịch ra.

Văn chương của Thừa tướng Phồn Dung rất hay. Đời sau Lương Khải Siêu cho kinh ông dịch là thiên ngục, nhưng sự thật không thể cho là ngục được. Thời xưa viết kinh sách trên thẻ tre vì không có giấy, nên kinh sách họ học để đầy nhà. Vì vậy dùng văn tự rất súc tích, nhiều chỗ có ý mà không lời, không những kinh Phật mà sách thuốc và các loại sách khác cũng có ý mà không lời.

Trường hợp này, người Hán thành thạo chữ Hán đọc dễ hiểu, người Việt ít biết chữ Hán nên đọc khó hiểu. Vì vậy, tôi thêm lời vào chỗ có ý, chỗ nào cần thì ghi chú, còn chỗ nào nghĩa lý thâm sâu phải lược giải thêm. Tôi là người Hoa có nói ra thường có văn phạm tiếng Hán, vì thế nhờ người Việt chấp bút ra văn phạm tiếng Việt, thật ra vẫn còn văn phạm tiếng Hán người đọc cũng biết là do người Hoa dịch.

Quyển 1

Chánh văn:

Tôi nghe như vậy: Lúc bấy giờ tại tịnh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt, Đức Phật và chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là Đại A La Hán, đã ra khỏi luân hồi, đầy đủ oai nghi, giúp Phật hoàng pháp nơi các quốc độ, trì giới thanh tịnh, làm mô phạm cho tam giới, ứng hiện vô số thân, hóa độ chúng sanh đến cùng tốt vị lai ra khỏi trần lao. Hàng đệ tử được phó chúc trụ trì Phật pháp gồm có: Đại Trí Xá lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà v. v... là bậc thượng thủ, và có vô số Bích Chi với môn đồ đồng đến nơi Phật cùng các Tỳ Kheo mãn hạ tự tứ. Khi ấy, mười phương Bồ Tát tuân theo lời Phật sẽ cầu Mật nghĩa, hỏi đạo để quyết nghi.

Giải thích:

Khi Phật còn tại thế chưa có kinh, sau khi Phật nhập diệt, hàng đệ tử của Phật nhóm lại kết tập, tôn giả A Nan nói ra, vì trí nhớ của tôn giả A Nan rất hay. Trong hàng đại chúng 500 vị A La Hán nghe qua nếu chỗ nào không đồng ý thì lên tiếng. Nếu bằng lòng thì im lặng, cho nên tôn giả A Nan nói câu đầu tiên là: “Tôi nghe như vậy”.

Lúc bấy giờ, tại tịnh xá Kỳ Hoàn, thành Thất La Phiệt, Đức Phật và đại chúng 1.250 vị A La Hán. Các vị A La Hán đã giải thoát phần đoạn sinh tử. Sinh tử gồm có 2 thứ: Phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử.

Phàm tu tập chứng quả A La Hán thì được lìa phần đoạn sinh tử, không còn luân hồi trong lục đạo. Nhưng vẫn còn nửa đường chưa đến cứu cánh quả Phật, nên còn biến dịch sinh tử. Có nghĩa là họ còn tiến lên quả Bích Chi Phật.

Bích Chi Phật là độc giác, thời không có Phật, họ tu quán 12 nhân duyên chứng quả Duyên Giác.

Phật hoằng pháp đến đâu đều có 1.250 vị A La Hán đi theo hộ trì. Trì giới thanh tịnh làm mô phạm cho tam giới. Giới Tỳ Kheo là giới Tiểu thừa, còn giới Bồ Tát là giới Đại thừa. Tỳ Kheo chứng quả A La Hán, không có thọ giới Bồ Tát. 250 giới của Tỳ Kheo là giới căn bản. Giới Tiểu thừa của Thanh Văn là giữ thân không phạm, giới Đại thừa của Bồ Tát thì giữ ý không phạm. Ví dụ giới trộm cắp của Tỳ Kheo, nếu tay chưa đụng lấy cái tách thì chưa phạm, khi lấy cái tách rời khỏi chỗ mới phạm giới. Giới Bồ Tát khởi ý niệm muốn ăn cắp là phạm.

Nếu giới Tỳ Kheo giết lầm người thì tội nhẹ, và giết người ấy không chết thì tội đó cũng nhẹ; giới Đại thừa khởi niệm lên là phạm. Cho nên, giới Bồ Tát không cho nuôi mèo, vì mèo hay bắt chuột, lại cho nuôi trâu bò nhưng phải làm phép tịnh thí; nghĩa là người nuôi không có quyền cho hay bán, tại cho người ta có thể giết nó, vậy phải nuôi nó đến già chết.

Tam giới giới gồm có: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới.

Con người và con vật trên mặt đất đều sống trong Dục Giới. Cõi trời có 6 lớp Dục Giới sống trong hư không. Dục Giới có xác thân nam nữ. Sắc Giới tuy có xác thân, nhưng không do dâm dục mà ra. Vô Sắc Giới không có xác thân chấp A lại da thức là ta, có cõi trời Tứ Không cao nhất thọ mạng đến 8 muôn đại kiếp, thấp là 4 muôn đại kiếp, thấp nữa là 2 muôn đại kiếp. Mặc dầu, họ hưởng hết 8 muôn đại kiếp, hết phước báo rồi phải bị luân hồi sinh tử, như Uất Đầu Lam Phát hết tuổi thọ 8 muôn đại kiếp rồi cũng bị đọa con chồn bay.

Theo trong này không kể các vị Bồ Tát, chỉ có 1.250 vị A La Hán. Nhưng ở đây nêu ra các bậc thượng thủ như: Đại Trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà,... (đây chỉ dịch âm) là các bậc thượng thủ và Bích Chi Phật rất nhiều, với môn đồ đồng đến nơi Phật cùng với các Tỳ Kheo mãn hạ tự tứ.

Tại sao gọi là mãn hạ tự tứ?

Theo luật Tỳ Kheo phải kiết hạ 90 ngày cấm túc không được ra ngoài. Mùa hạ ở Ấn Độ nóng nực, phái nữ hay mặc quần áo đơn sơ, và sâu bọ thường ra ngoài đường, ấy là nguyên do chư Tăng kiết hạ, trong 90 ngày không đi khát thực, Phật tử đem vật thực lại tịnh xá cúng dường.

Như các chùa ở Việt-Nam cho Phật tử đăng ký cúng dường cơm chur Tăng trong mùa hạ. Vào 3 ngày cuối hạ tự tứ là tự kiểm điểm bản thân mình có phạm giới không? Và thưa trước đại chúng rằng: “Có ai thấy tôi phạm giới không? Có ai nghe tôi phạm giới không? Hoặc có nghi tôi phạm giới không? Xin các vị ra trước đại chúng nói ra để cử tội”.

Khi ấy 10 phương chur Bồ Tát tuân theo chur Phật cầu mật nghĩa, hỏi đạo để quyết nghị. Nghĩa là khi giải hạ ở đại chúng cầu Phật thuyết pháp giải quyết những việc nghi ngờ.

Chánh văn:

Bấy giờ, Như Lai trải tòa ngồi yên vì đại chúng trong Hội khai thị pháp chưa từng có, nghĩa lý thâm sâu, diệu âm thuyết pháp vang khắp mười phương thế giới, hằng sa Bồ Tát đều đến tụ hội, trong đó Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng thủ.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nhân ngày giỗ của phụ vương làm lễ trai tăng, sắm đủ các món ăn quý báu, đích thân đến thỉnh Phật và chur Đại Bồ Tát vào cung thọ trai. Trong thành còn có nhiều trưởng giả, cư sĩ khác cũng cùng ngày thiết lễ trai tăng, thỉnh Phật đến thọ cúng dường. Phật sai Văn Thù dẫn đầu chur Bồ Tát và A La Hán, chia thành nhiều nhóm, ứng lời mời đến thọ trai nơi các trai chủ. Chỉ có A Nan được vị khác mời riêng, đi xa chưa về, không kịp cùng dự với tăng chúng.

Giải thích:

Mỗi lần Phật thuyết pháp đều do vấn đáp mà thành kinh. Phật trải tòa ngồi yên vì đại chúng khai thị pháp chưa từng có, chưa nghe chưa hiểu, nên nói nghĩa lý thâm sâu. Tiếng thuyết pháp của Phật gọi là diệu âm, khi thuyết pháp vang khắp 10 phương thế giới, không phải ở trong hội Lăng Nghiêm. Hằng sa Bồ Tát đều đến tụ hội, trong đó có Văn Thù Sư Lợi là bậc thượng thủ.

Kinh này có là do vua Ba Tư Nặc nhân ngày giỗ phụ vương, mà làm lễ trai tăng sắm sửa các món ăn quý báu, đích thân đến thỉnh Phật và chur đại Bồ Tát vào cung thọ trai.

Cùng một ngày đó, các trưởng giả đều thỉnh Phật đi thọ trai, nên Phật phải chia ra nhiều nhóm ứng lời mời đi đến thọ trai nơi các trai chủ, chỉ có tôn giả A Nan được vị khác mời riêng đi xa chưa về không kịp dự với Tăng chúng.

Chánh văn:

Lúc ấy, trên đường trở về, một mình A Nan chẳng có thượng tọa và A Xà Lê cùng đi, ngày đó lại không ai mời đi cúng dường, trong tâm mong cầu gặp được vị trai chủ sau cùng. Trước kia, A Nan đã từng nghe Phật tử Bồ Đề và Đại Ca Diếp, là bậc A La Hán, mà người chuyên chọn khát thực nhà giàu, người chuyên chọn khát thực nhà nghèo, tâm chẳng bình đẳng, quyết tuân theo pháp bình đẳng bất nhị của Như Lai, để tránh mọi sự chê bai và nghi hoặc, trong tâm cho rằng: Đối với trai chủ, chẳng kể quý tộc hay hèn hạ, thức ăn dơ sạch, phát tâm từ bi để thành tựu cho tất cả chúng sanh đều được gieo trồng vô lượng công đức. Vừa nghĩ như vậy, tay ôm bình bát, đi từng nhà dọc theo đường phố, oai nghi nghiêm chỉnh, đúng pháp khát thực.

Giảng giải:

Thường thường đi 2 người trở lên, nhưng lúc đó chỉ 1 mình tôn giả A Nan đi về chẳng có Thượng tọa, A xà lê cùng đi. Ở Việt Nam cách xưng hô các vị Tăng bậc thấp gọi là Đại đức trên là Thượng tọa và trên nữa là Hòa thượng.

Theo giới luật Tỳ Kheo khi thọ giới mỗi năm kiết hạ được 1 tuổi hạ. Được 9 hạ gọi là Hạ tọa, được 10 hạ gọi là Trung tọa. Từ 20 hạ đến 29 hạ gọi là Thượng tọa, 30 hạ sắp lên gọi là Trưởng lão, nhưng ở Việt Nam không có Hạ tọa, Trung tọa.

Thượng tọa gọi là thân giáo sư, trong giới luật nói “Hòa thượng là thầy bổn sư của mình, phải gần gũi 10 năm học hỏi. Đủ 10 năm mới đủ tư cách làm thầy nhận đệ tử”, nhưng bây giờ không phải vậy.

Ngày đó, không ai mời cúng dường, A Nan mong cầu gặp được trai chủ sau cùng, trước kia A Nan từng nghe Phật tử Bồ Đề và Đại Ca Diếp là bậc A La Hán, một người chuyên khát thực nhà giàu, một người chuyên khát thực nhà nghèo, tâm chẳng bình đẳng.

Theo phép khát thực không phân biệt giàu nghèo, cầm cây tích trượng từ nhà này sang nhà kia, đứng trước cửa rung cây tích trượng để Phật tử biết cúng dường; chỉ đi trong 7 nhà, nếu không cúng cũng phải đi về. Thật ra chỉ 1 nhà cúng là đủ ăn, nếu có dư phải chia cho người khác, không được để dành cho ngày mai. Đồ ăn khát thực phải chia làm 2 phần, 1 phần dành cho buổi sáng, 1 phần dành cho buổi trưa.

Vậy, phải đi khát thực từ con đường nào? Đi con đường nào cũng được, đi gần chỗ ở của mình. Theo truyền thống Phật tử Thái Lan đều có tinh thần cúng dường, nếu không cúng cảm thấy khó chịu.

Lý do đi khát thực nhà nghèo vì họ không làm phước nên tạo cho họ làm phước; đi khát thực nhà giàu vì họ hay làm tội nên tạo cho họ làm phước nhiều hơn làm tội, khi chết sẽ đầu thai bên phước báo.

Ở trên là lý do phân biệt không tốt, A Nan suy nghĩ mình sẽ khát thực bình đẳng không phân biệt giàu nghèo, nên bị chú thuật của Ma Đăng Già mê hoặc.

Chánh văn:

Lúc A Nan đang khát thực đi ngang nhà dâm, bị nàng huyễn thuật Ma Đăng Già dùng tà chú Phạm Thiên của ngoại đạo tóc vàng nhiếp vào nhà dâm, vuốt ve cám dỗ, sắp bị hoại giới thể.

Phật đã biết trước việc này, thọ trai xong, liền về, vua và đại thân, trưởng giả cư sĩ, đều đi theo Phật, xin nghe pháp yếu.

Bấy giờ, đánh đầu Thế Tôn phóng ra hào quang bách bửu vô úy, trong hào quang nở ra bửu liên hoa ngàn cánh, trên đó có hóa thân Phật ngồi kiết già thuyết thần chú, sai Văn Thù đem chú đến cứu hộ, tà chú tiêu diệt, dắt A Nan và Ma Đăng Già về nơi Phật ở.

Giải thích:

Lúc ấy, A Nan đang khát thực đi ngang nhà dâm, bị nàng Ma Đăng Già dùng chú thuật ngoại đạo nhiếp vào nhà dâm, rồi vuốt ve cám dỗ. Vì A Nan có tâm phân biệt như trên đã nói, nên tâm không được định, thần chú của Ma Đăng Già mê hoặc.

Phật đã biết trước việc này, khi thọ trai xong, vua cùng đại thân và đại chúng đợi nghe Phật thuyết pháp. Ngay đó trên đỉnh đầu Phật phóng hào quang có nghìn cánh bông sen, trong bông sen có Phật ngồi kiết già thuyết thần chú, rồi Phật sai Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ A Nan, dắt A Nan và Ma Đăng Già về nơi Phật ở.

Chánh văn:

A Nan gặp Phật, đánh lễ rơi lệ, hồi hận xưa nay chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa tròn đạo lực, nay ân cần thỉnh hỏi Như Lai về phương tiện đầu tiên của ba thứ thiên quán: Sa Ma Tha (1), Tam Ma (2) và Thiên Na (3), mà mười phương Như Lai đã tu được thành chánh giác. Khi đó có hằng sa Bồ Tát và các bậc Đại A La Hán, Bích Chi Phật nơi mười phương đều xin cùng nghe, im lặng ngồi yên để lãnh thọ pháp yếu của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn giơ tay dịu dàng sờ đầu A Nan, nói với A Nan và đại chúng:

- Có pháp Tam Ma Đề, gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương, bao hàm vạn hạnh, là đường lối vi diệu trang nghiêm, cũng là pháp môn đưa đến giải thoát cuối cùng của mười phương Như Lai, nay ngươi hãy chú ý nghe.

Giảng giải:

Lúc ấy, A Nan gặp Phật đánh lễ rơi lệ hồi hận ngày xưa chỉ học rộng nghe nhiều, A Nan có tánh nhớ hay, chê người không bình đẳng cũng do học rộng nghe nhiều, nhưng không trọng đạo lực, nên bị Ma Đăng Già mê hoặc. Vì vậy, thỉnh Phật nói về phương pháp tu để tròn đạo lực, Phật dạy 3 thứ thiên quán: - Sa ma tha - Tam ma bát đề - Thiên na.

-Sa ma tha tiếng phạn dịch là cực tịnh, giống như chỉ quán tông Thiên Thai là không quán.

-Tam ma bát đề giống như chỉ quán tông Thiên Thai là giả quán.

-Thiên na giống như chỉ quán tông Thiên Thai là trung quán.

10 phương Như Lai đều do 3 thiên quán này tu thành chánh giác. Thiên tông không theo 3 thiên quán này. Cho nên, kinh Viên Giác nói: “Trừ ra người đó ngộ” (Thiên tông).

Khi đó có hằng sa Bồ Tát và các bậc Đại A La Hán, Bích Chi Phật nơi 10 phương đều xin lắng nghe. Phật giơ tay dịu dàng sờ đầu A Nan nói A Nan và đại chúng rằng:

-Có pháp tam ma đề gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương, tức là tự tánh khắp không gian và thời gian. Muốn kiến tánh phải y theo pháp môn này để tu, trong đó bao hàm vạn hạnh là đường lối vi diệu trang nghiêm,

cũng là pháp môn đưa đến giải thoát cuối cùng của 10 phương Như Lai, nay các người hãy chú ý lắng nghe.

Chánh văn:

A Nan đánh lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Phật bảo A Nan:

-Người và ta là anh em, cùng một giống nòi, chẳng biết lúc mới phát tâm, ở nơi pháp ta, người thấy tướng thù thắng gì liền xả ân ái sâu nặng của thế gian?

A Nan bạch Phật:

-Con thấy ba mươi hai tướng thù thắng tuyệt diệu của Như Lai, hình thể trong sáng như lưu ly, thường tự nghĩ tướng này chẳng phải do dục ái sanh ra. Tại sao? Vì dục ái ô nhiễm xấu xí, cấu kết tinh huyết như bản chẳng thể sanh ra diệu tướng quang minh, thanh tịnh thù thắng như thế, do đó nên khâm mộ theo Phật xuất gia.

Phật nói:

-Lành thay! A Nan, các người nên biết, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử liên tục, chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ, thể tánh trong sạch sáng tỏ, lại nương theo vọng tưởng, vọng tưởng chẳng chơn nên có luân hồi. Mười phương chư Phật cùng một đạo lìa khỏi sanh tử đều do trực tâm, vì tâm hạnh và lời nói ngay thẳng, như thế từ đầu đến cuối, cho đến các ngôi bậc, ở khoảng giữa chẳng có các tướng quanh co.

-Nay người muốn tham cứu vô thượng Bồ Đề, phát minh chơn tánh, hãy trực tâm mà trả lời câu hỏi của ta. A Nan, nay ta hỏi người: Lúc người phát tâm duyên theo ba mươi hai tướng của Như Lai, lấy gì để thấy? Ai biết sự ham thích?

Giải đáp:

A Nan đánh lễ nghe lời Phật dạy, Phật bảo A Nan: Ta và người là anh em chú bác cùng một giống nòi, chẳng biết người thế nào mà phát tâm xả bỏ ân ái nhiều kiếp sâu nặng đề xuất gia?

A Nan bạch Phật: Con thấy 32 tướng tuyệt diệu thù thắng của Như Lai hình thể trong sạch như lưu ly, thường nghĩ trong tâm tướng này không phải do dục ái mà sanh ra. Người thường do dục ái sanh ra, còn tướng Phật không phải do dục ái sanh ra. Tại sao? Vì dục ái là tinh huyết như bản không thể sinh ra diệu tướng quang minh thanh tịnh thù thắng như thế! Do đó hăm mộ 32 tướng thù thắng theo Phật xuất gia.

Phật nói:

Tốt lắm! Các người từ vô thi đến nay sanh lão bệnh tử liên tục, chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ thể tánh trong sạch sáng tỏ, lại nương theo vọng tưởng chẳng chân thật nên có luân hồi. Mười phương chư Phật cùng một đạo lia khỏi sanh tử đều do trực tâm, vì tâm hạnh và lời nói ngay thẳng như thế, từ đầu đến cuối cho đến các ngôi bậc.

Các ngôi bậc này chỉ cho 57 ngôi bậc: Càn Huệ Địa, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác, ở trong khoảng giữa không có các tướng quanh co.

Nay người muốn tham cứu vô thượng Bồ Đề phát minh chơn tánh (tự tánh, Phật tánh) thì phải trực tâm trả lời câu hỏi của ta. Phật hỏi A Nan: Người phát tâm duyên theo 32 tướng của Như Lai lấy gì để thấy? Ai biết sự ham thích?

Chánh văn:

-Bạch Thế Tôn, dùng tâm và mắt của con thấy tướng thù thắng của Như Lai, sanh lòng ham thích nên phát tâm, nguyện xả bỏ sanh tử.

Phật bảo:

-Như người vừa nói, sự ham thích do nơi tâm và mắt. Nếu chẳng biết tâm và mắt ở đâu thì chẳng thể hàng phục được trần lao; ví như đất nước có giặc, vua sai binh dẹp trừ, binh lính tất phải biết sào huyệt của giặc. Khiến người bị luân chuyển ấy là lỗi tại tâm và mắt. Ta hỏi người: Tâm và mắt của người hiện đang ở đâu?

Giải đáp:

A Nan bạch Phật: Con dùng tâm và mắt của con để nhìn thấy Như Lai, nên sanh lòng ham thích mà phát tâm nguyện bỏ sanh tử.

Phật bảo: Như người vừa nói sự ham thích do tâm và mắt, nếu không biết tâm và mắt ở đâu thì chẳng hàng phục trần lao?

Cuộc sống hàng ngày lục căn tiếp xúc với lục trần sanh ra phiền não gọi là trần lao. Ví như đất nước có giặc, vua sai binh lính dẹp trừ, binh lính tất phải biết sào huyệt của giặc; khiến người bị luân chuyển ấy là bởi tâm và mắt, ta hỏi người tâm và mắt của người hiện đang ở chỗ nào?

Chánh văn:

BẢY CHỖ GẶN HỎI TÌM TÂM

Phá chấp tâm ở trong thân

-Bạch Thế Tôn! Tất cả mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân. Nay con nhận được mắt con ở trên mặt con và tâm thức ở trong thân, như mắt Thanh Liên Hoa của Như Lai ở trên mặt Như Lai vậy.

Phật bảo:

-A Nan! Nay người ngồi trong giảng đường của Như Lai, nhìn thấy rừng Kỳ Đà ở chỗ nào?

-Bạch Thế Tôn! Giảng đường rộng rãi thanh tịnh này trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà thì ở ngoài giảng đường.

-A Nan! Bây giờ người ở trong giảng đường trước tiên thấy gì?

-Bạch Thế Tôn! Con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, sau thấy đại chúng, rồi nhìn ra ngoài mới thấy rừng cây.

-A Nan! Người thấy rừng cây, do nhân nào được thấy?

-Bạch Thế Tôn! Vì cửa sổ giảng đường mở trống nên con ở trong thấy suốt bên ngoài.

Phật bảo A Nan:

-Như người vừa nói, thân ở trong giảng đường, nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây; mà có chúng sanh nào ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài thì chẳng đúng.

-A Nan! Người cũng như vậy, linh tâm của người tất cả sáng tỏ, nếu tâm sáng tỏ hiện tiền của người thật ở trong thân thì trước tiên phải thấy rõ trong thân. Vậy có chúng sanh nào trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật bên ngoài chăng? Dầu chẳng thấy được tim, gan, tỳ, vị, thì các chỗ: Móng ra, tóc dài, gân chuyễn cũng phải thấy chứ, sao lại chẳng thấy? Nếu trong thân còn chẳng thấy thì làm sao thấy vật bên ngoài? Cho nên người nói "Cái tâm giác tri trụ ở trong thân" là chẳng đúng. (Tự tánh bất nhị, vốn chẳng có nghĩa đúng và chẳng đúng, chỉ vì trị bệnh chấp thật nên nói chẳng đúng).

Giảng giải:

Bảy chỗ gạt hỏi tìm tâm, ban đầu A Nan chấp tâm ở trong thân.

-Bạch Thế Tôn, tất cả 10 loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân. Nay con nhận được mắt con ở trên mặt con và tâm thức ở trong thân, như mắt thanh liên hoa của Như Lai cũng ở trên mặt Như Lai vậy.

Phật bảo A Nan: Nay người ngồi trong giảng đường của Như Lai, nhìn thấy rừng Kỳ Đà ở chỗ nào?

-Bạch Thế Tôn, giảng đường rộng rãi thanh tịnh này ở trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà thì ở ngoài giảng đường.

-A Nan, bây giờ người ở trong giảng đường trước tiên thấy gì?

-Bạch Thế Tôn, con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai sau thấy đại chúng rồi nhìn ra ngoài mới thấy rừng cây.

-A Nan, người thấy rừng cây do nhân nào được thấy?

- Bạch Thế Tôn, vì cửa sổ giảng đường mở trống nên con thấy suốt bên ngoài.

Phật bảo A Nan:

-Như người vừa nói, thân ở trong giảng đường, nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây, mà có chúng sanh nào ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài chăng?

-Bạch Thế Tôn ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai lại thấy rừng cây bên ngoài thì chẳng đúng.

-A Nan, người cũng như vậy, linh tâm của người tất cả sáng tỏ, nếu tâm sáng tỏ hiện tiền của người ở trong thân thì trước tiên phải thấy rõ trong thân. Vậy có chúng sanh nào trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật bên ngoài không? Dầu chẳng thấy được tim gan tỳ vị thì các chỗ móng ra, tóc dài gân chuyễn cũng phải thấy chứ, sao lại chẳng thấy? Nếu trong thân chẳng thấy làm sao thấy được bên ngoài? Cho nên, người nói “cái tâm giác tri trụ ở trong thân” là chẳng đúng (tự tánh bất nhị chẳng có nghĩa đúng và nghĩa chẳng đúng, chỉ vì trị bệnh chấp thật nên nói chẳng đúng).

Chánh văn:

Phá chấp tâm ở ngoài thân

A Nan cúi đầu bạch Phật:

-Con nghe lời dạy của Như Lai, ngộ được tâm con thật ở ngoài thân. Tại sao? Ví như đèn thắp trong phòng thì trước phải chiếu sáng trong phòng, rồi sau mới từ cửa rọi ra ngoài sân. Tất cả chúng sanh chẳng thấy trong thân, chỉ thấy ngoài thân, cũng như ngọn đèn ở ngoài phòng chẳng thể chiếu sáng trong phòng, nghĩa này rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, vậy so với nghĩa lý rốt ráo của Phật chẳng sai ư?

Phật bảo A Nan:

-Các Tỳ Kheo vừa theo ta khát thực trong thành rồi trở về rừng Kỳ Đà. Ta đã thọ trai xong, người thử nghĩ, trong số Tỳ Kheo, chỉ một người ăn mà các vị khác được no chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Không ạ! Tại sao? Dù các Tỳ Kheo đều là bậc A La Hán, nhưng cơ thể chẳng đồng, đâu thể một người ăn mà khiến cả chúng đều no.

-A Nan! Nếu tâm giác tri của người thật ở ngoài thân thì trong ngoài khác nhau, chẳng có liên quan, hễ tâm biết thì thân chẳng biết, thân biết thì tâm chẳng biết. Nay ta đưa tay cho người xem, trong lúc mắt thấy, tâm người biết được chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Vâng biết.

-A Nan! Nếu thân và tâm cùng biết một lượt thì sao lại nói tâm ở ngoài thân? Nên biết, người nói "tâm giác tri trụ ở ngoài thân" là chẳng đúng.

Giải giải:

Phá chấp tâm ở ngoài thân.

A Nan cúi đầu bạch Phật:

-Con nghe lời dạy của Như Lai, ngộ được tâm con thật ở ngoài thân. Tại sao? Ví như đèn thắp sáng trong phòng thì trước hết phải chiếu sáng trong phòng, rồi sau mới từ cửa soi ra ngoài sân, tất cả chúng sanh chẳng thấy trong thân, chỉ thấy ngoài thân, cũng như ngọn đèn ở ngoài phòng chẳng thể chiếu sáng trong phòng, nghĩa này rõ ràng chẳng còn nghi ngờ. Vậy so với nghĩa lý rốt ráo của Phật chẳng sai ư?

Phật bảo A Nan:

-Các Tỳ Kheo vừa theo ta khát thực trong thành, rồi trở về rừng Kỳ Đà. Ta đã thọ trai xong, người thử nghĩ trong số các Tỳ Kheo chỉ 1 người ăn mà các vị khác được no chẳng?

-Bạch Thế Tôn, không ạ, tại sao? Các Tỳ Kheo đều là bậc A La Hán nhưng cơ thể chẳng đồng, đâu thể 1 người ăn mà khiến cả chúng đều no.

-A Nan, nếu tâm giác tri của người thật ở ngoài thân thì trong ngoài khác nhau, chẳng có liên quan, hễ tâm biết thì thân chẳng biết, thân biết thì tâm chẳng biết. Nay ta đưa tay cho người xem trong lúc mắt thấy tâm người biết được chẳng?

-Bạch Thế Tôn, vâng biết.

-A Nan, nếu thân và tâm cùng biết một lượt thì sao lại nói tâm ở ngoài thân? Nên biết, người nói tâm giác tri trụ ở ngoài thân là chẳng đúng.

Chánh văn:

Phá chấp tâm ẩn núp sau con mắt.

-Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, chẳng thấy bên trong nên chẳng ở trong thân; thân tâm cùng biết một lượt chẳng thể rời nhau nên chẳng ở ngoài thân, nay con thiết nghĩ tâm ở một chỗ.

-Ở chỗ nào?

-Tâm giác tri này đã chẳng biết trong mà thấy bên ngoài, theo con nghĩ là nó ẩn núp sau con mắt. Ví như có người lấy chén lưu ly úp vào hai mắt (ngày nay có thể nói là đeo kính), tuy có vật úp ở ngoài mà chẳng ngại nhãn căn, tùy sự thấy liền phân biệt được. Tâm giác tri của con chẳng thấy bên trong vì ở nơi con mắt, thấy rõ ràng bên ngoài vì ẩn núp sau con mắt.

Phật bảo A Nan:

-Theo lời người nói, tâm núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly, vậy thì lúc thấy núi sông, mắt thấy chén lưu ly chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Thật thấy chén lưu ly.

-A Nan, con mắt núp sau chén lưu ly thì thấy được chén lưu ly; còn tâm núp sau con mắt sao chẳng thấy mắt? Dù cho là thấy mắt, mắt tức là cảnh, cảnh làm sao thấy cảnh? Nếu chẳng thấy mắt thì người nói "Tâm giác tri ẩn núp sau con mắt" là chẳng đúng.

Giải giảng:

Phá chấp tâm ẩn sau con mắt.

-Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy chẳng thấy bên trong nên chẳng thấy ở trong thân, thân tâm cùng biết chẳng thể rời nhau nên chẳng ở ngoài thân nay con thiết nghĩ tâm ở một chỗ.

-Ở chỗ nào?

-Tâm giác tri này đã chẳng biết trong mà thấy bên ngoài, theo con nghĩ nó ẩn sau con mắt, ví như có người lấy chén lưu ly úp vào 2 con mắt (ngày nay có thể nói là đeo kính) tuy có vật úp ở ngoài mà chẳng ngại nhãn căn, tùy sự thấy liền phân biệt được. Tâm giác tri của con chẳng thấy bên trong vì ở nơi con mắt thấy rõ ràng bên ngoài vì ẩn núp sau con mắt.

Phật bảo A Nan:

-Theo lời người nói tâm núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly vậy thì lúc thấy núi sông mắt thấy chén lưu ly chăng?

-Bạch Thế Tôn! Thật thấy chén lưu ly.

-A Nan, con mắt núp sau chén lưu ly thì thấy được chén lưu ly, còn tâm núp sau con mắt sao chẳng thấy mắt. Dù cho là thấy mắt, mắt tức là cảnh, cảnh làm sao thấy cảnh? Nếu chẳng thấy mắt thì người nói “tâm giác tri ẩn sau con mắt” là chẳng đúng.

Chánh văn:

Phá chấp nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân.

-Bạch Thế Tôn! Nay con lại thiết nghĩ rằng, thân thể của chúng sanh, tạng phủ ở trong, khiêu huyết (ngũ căn) ở ngoài, nơi tạng thì tối, nơi khiêu thì sáng. Nay con ở trước mặt Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân, nghĩa này thế nào?

Phật bảo A Nan:

-Khi người nhắm mắt thấy tối, cái cảnh tối ấy là đối với mắt hay chẳng đối với mắt?

-Nếu đối với mắt thì tối ở trước mắt, tức ở ngoài thân, sao nói ở trong thân? Giả sử cho tối là trong thân thì lúc trong phòng tối chẳng có ánh sáng, những gì trong phòng tối đều là tạng phủ của người sao?

-Nếu chẳng đối với mắt thì làm sao được thấy? Nếu là sự thấy bên ngoài, thành lập sự thấy đối vào trong, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân; vậy khi mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy mắt?

-Lại, nếu chẳng thấy mắt thì cái nghĩa "con mắt đối vào trong" chẳng thể thành lập: Nếu thấy mắt thì tâm giác tri và nhãn căn đều ở tại hư không, làm sao nói ở trong?

-Lại, nếu ở ngoài hư không thì chẳng phải thân người, tức hiện nay Như Lai thấy mặt người cũng là thân người sao? Vậy mắt người thấy biết thì thân người chẳng biết. Nếu người cho thân và mắt cùng biết một lượt, thì phải có

hai cái biết, tức một thân người phải thành hai Phật! Nên biết người nói "thấy tối gọi là thấy trong thân" là chẳng đúng.

**Giảng giải:
(Lược qua)**

Chánh văn:

Phá chấp sự suy nghĩ là tâm.

-Con đã từng nghe Phật khai thị chúng rằng: Tâm sanh nên các pháp sanh, pháp sanh nên các tâm sanh. Nay con suy nghĩ, chính cái suy nghĩ ấy là tâm của con; tùy sự suy nghĩ tâm liền có, cũng chẳng ở trong, ngoài và chính giữa.

-A Nan, người nói pháp sanh nên các tâm sanh, tùy sự suy nghĩ tâm liền có. Tâm chẳng có tự thể thì chẳng thể suy nghĩ; nếu chẳng có tự thể mà suy nghĩ được thì vô căn phải thấy được vô trần, nghĩa này chẳng đúng.

Nếu có tự thể thì người thử dùng tay tự búng thân mình xem, cái tâm biết của người là từ trong thân ra hay từ bên ngoài ra? Nếu từ bên trong ra thì phải thấy trong thân; nếu từ bên ngoài ra thì trước tiên phải thấy mặt.

-Mắt chủ sự thấy, tâm chủ sự biết, tâm không phải như mắt, nói tâm thấy là chẳng đúng nghĩa.

Phật bảo A Nan:

-Nếu thấy là con mắt thì người ở trong phòng, cửa biết thấy chẳng? (phòng dụ cho thân, cửa dụ cho mắt). Như kẻ đã chết con mắt vẫn còn, lẽ ra phải thấy được vật; nếu thấy được vật thì sao gọi là chết?

-Lại, tâm hay biết của người nếu thật có tự thể, là một thể hay nhiều thể? Nay nơi thân người, tâm cùng khắp cơ thể hay chẳng cùng khắp?

-Nếu nói một thể, khi tay người búng một chi, lẽ ra tứ chi đều biết, nếu đều biết thì chỗ búng chẳng có, nếu có chỗ búng thì chẳng phải một thể. Nếu như nhiều thể thì thành nhiều người, vậy thể nào là của người?

-Nếu nói khắp cả cơ thể thì đồng như sự búng kẻ trên, nếu chẳng khắp thì khi người sờ đầu và chân, đầu có biết chân phải không biết, nhưng hiện nay

ngươi lại chẳng phải như vậy. Nên biết ngươi nói: "Tùy sự suy nghĩ tâm liền có" là chẳng đúng.

Giải giải:

Phá chấp sự suy nghĩ là tâm.

(Suy nghĩ phải có tự thể để suy nghĩ).

-Con đã từng nghe Phật khai thị tứ chúng rằng: Tâm sanh nên các pháp sanh, pháp sanh nên các tâm sanh. Nay con suy nghĩ ấy là tâm của con, tùy sự suy nghĩ tâm liền có, cũng chẳng ở trong, ngoài và chính giữa.

Tâm suy nghĩ không có hình tướng mình thấy vật là sở thấy, có sở thấy nên có năng thấy. Tâm có sở biết, suy ra có năng biết là tự thể của tâm.

Nói là tâm sanh nên có các pháp sanh, bây giờ quý vị ở đây tâm nhớ chuyện nhà, như cái tủ, quần áo,... tâm nghĩ thì các cảnh hiện ra gọi là tâm sanh cảnh. Cảnh trước mắt thì cảnh sanh tâm, như thấy cảnh hoa này đẹp, cảnh hoa đẹp thì tâm mình cho hoa đẹp gọi là cảnh sanh tâm. Tâm sanh cảnh hay cảnh sanh tâm mà tự thể của tâm là gì? Ở chỗ nào?

Phật bảo A Nan: Ngươi nói các pháp sanh nên các tâm sanh, tùy sự suy nghĩ của tâm liền có, tâm chẳng có tự thể thì chẳng thể suy nghĩ. Nói có con mắt thì phải có tự thể con mắt, nói tự thể của tâm thì phải có tự thể mới suy nghĩ được, nếu tâm không có tự thể làm sao suy nghĩ được? Cho nên, Phật nói tâm chẳng có tự thể thì không có suy nghĩ.

Nếu chẳng có tự thể mà suy nghĩ được thì khỏi cần căn cũng suy nghĩ được. Tức vô căn cũng có căn, không có trần thì cũng có trần, như không có nhãn căn và không có cái tách vẫn thấy được cái tách (vô trần, vô căn thấy được vô trần). Cái này có trần như mặt kiến, bình hoa trước mắt, có trần do nhãn căn thấy. Nếu tự thể thấy không cần căn trần. Cho nên, nói vô căn thấy được vô trần, nghĩa này không đúng.

Nếu có tự thể thì ngươi thử dùng tay tự búng thân mình xem, cái tâm biết của ngươi là từ trong thân ra hay từ bên ngoài ra?

Dùng tay búng thì tâm biết có sự búng, tâm biết có sự búng thì ở trong thân ra hay bên ngoài ra? Vừa rồi nói ở trong không đúng, ở ngoài cũng không đúng, vậy ở đâu?

A Nan đáp: Mắt chủ sự thấy, tâm chủ sự biết, tâm không phải như mắt, nói tâm thấy là chẳng đúng nghĩa.

Phật bảo A Nan: Nếu thấy là con mắt thì người ở trong phòng, cửa biết thấy chẳng? (phòng dụ cho thân, cửa dụ cho mắt). Như kẻ đã chết con mắt vẫn còn, lẽ ra phải thấy được vật, nếu thấy được vật sao gọi là chết?

Lại, tâm hay biết của người nếu thật có tự thể là một thể hay nhiều thể? Nay nơi thân người, tâm cùng khắp cơ thể hay chẳng cùng khắp. Nếu nói một thể, khi tay người búng một chi, lẽ ra tứ chi đều biết, nếu đều biết thì chỗ búng chẳng có, nếu có chi búng thì chẳng phải một thể. Nếu như nhiều thể thì thành nhiều người, vậy thể nào là của người?

Nếu nói khắp cơ thể thì đồng sự búng nói trên, nếu chẳng cùng khắp thì khi người rờ đầu và chân, đầu có biết chân phải không biết nhưng hiện nay người chẳng phải như vậy. Nên biết người nói “tùy sự suy nghĩ tâm liền có” là chẳng đúng.

Chánh văn:

Phá chấp tâm ở chính giữa.

-Bạch Thế Tôn! Khi Phật với Văn Thù và các Pháp Vương Tử luận về thật tướng, con cũng nghe Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Theo như con nghĩ, vì chẳng biết trong nên chẳng phải ở trong, thân tâm cùng biết một lượt nên chẳng phải ở ngoài, nay cùng biết một lượt mà chẳng thấy bên trong, tất phải ở giữa.

-Người nói "ở giữa" thì cái chính giữa ấy phải rõ ràng, chẳng phải không chỗ. Theo người suy xét, giữa ở chỗ nào? Ở nơi xứ (12 xứ, gồm cả lục căn, lục trần) hay ở nơi thân?

-Nếu ở nơi thân, nơi ngoài da thì chẳng phải là giữa; ở giữa thì đồng như ở trong. Nếu ở nơi xứ, là có thể nêu ra hay chẳng thể nêu ra? Nếu chẳng thể nêu ra thì đồng như không có; nếu có thể nêu ra lại chẳng định được chỗ nào. Tại sao? Ví như có người cắm cây nêu làm chính giữa, nhìn từ phương Đông thì cho cây nêu ở phương Tây, nhìn từ phương Nam thì cho cây nêu ở phương Bắc, cái thể giữa được nêu ra đã lẫn lộn thì tâm cũng thành rối loạn, chẳng rõ ở đâu.

A Nan thưa:

-Con nói "chính giữa" chẳng phải hai thứ này. Như Thế Tôn nói: Nhãn căn và sắc trần duyên nhau sanh ra nhãn thức. Nhãn căn phân biệt, sắc trần vô tri, thức sanh nơi giữa, tức là tâm vậy.

Phật bảo:

-Nếu tâm người ở giữa căn trần, vậy tâm thể này gồm cả hai hay chẳng gồm? Nếu gồm cả hai thì vật và thể xen lộn, vật thì vô tri, thể thì có biết, thành hai thứ đối địch, lấy gì làm giữa? Nếu lìa biết (căn) và không biết (trần) thì chẳng có thể tánh, vậy lấy tướng nào làm chính giữa? Nên biết người nói "Tâm ở chính giữa" là chẳng đúng.

Giảng giải:

Phá chấp tâm ở chặ giữa.

-Bạch Thế Tôn! Khi Phật nói với Văn Thù và các Pháp Vương Tử luận về thật tướng, con cũng nghe Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Theo như con nghĩ vì chẳng biết trong nên chẳng phải ở trong thân, tâm cùng biết một lượt nên chẳng phải ở ngoài, nay cùng biết một lượt mà chẳng thấy bên trong tất phải ở giữa.

-Người nói ở giữa thì cái ở giữa đó phải rõ ràng, chẳng phải không chỗ, theo người suy xét giữa ở chỗ nào? Ở nơi xứ (gồm cả lục căn lục trần) hay ở nơi thân?

Nếu ở nơi thân là ngoài da thì chẳng phải là giữa, ở giữa đồng như ở trong. Nếu ở nơi xứ là có thể nêu ra hay chẳng thể nêu ra? Nếu chẳng thể nêu ra thì đồng như không có, nếu có thể nêu ra lại chẳng định được chỗ nào, tại sao? Ví như có người cầm cây nêu làm chính giữa nhìn ở phương Đông thì cho cây nêu ở phương Tây, nhìn từ phương Nam thì cho cây nêu ở phương Bắc. Cái thể giữa nêu ra đã lẫn lộn thì tâm cũng thành rối loạn chẳng rõ ở đâu.

A Nan thưa:

-Con nói chính giữa chẳng phải 2 thứ này. Như Thế Tôn nói, nhãn căn và sắc trần duyên nhau sanh ra nhãn thức, nhãn căn phân biệt sắc trần vô tri thức sanh vô giữa tức là tâm vậy.

Phật bảo:

-Nếu tâm ở giữa căn trần, vậy tâm thể này gồm cả 2 hay chẳng gồm? Nếu gồm cả hai thì vật và thể xen lộn, vật thì vô tri, thể thì có thành 2 thứ đối địch, lấy gì làm giữa? Nếu lìa biết (căn) và không biết (trần) thì chẳng có thể tánh, vậy lấy tướng nào làm chính giữa? Nên biết người nói tâm ở chính giữa là chẳng đúng.

Chánh văn:

Phá chấp "tất cả vô trước" là tâm.

-Bạch Thế Tôn! Khi xưa con thấy Phật với bốn đại đệ tử (Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na và Xá Lợi Phất) cùng chuyển pháp luân, thường nói "cái tâm giác tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở giữa, chẳng ở chỗ nào cả, tất cả vô trước gọi là tâm". Vậy con vô trước, được gọi là tâm chẳng?

Phật bảo A Nan:

-Người nói cái tâm giác tri chẳng ở chỗ nào cả, vậy như các loài bay trên hư không, ở dưới nước và trên bờ, gọi là tất cả vật tượng nơi thế gian mà người vô trước đó, là có hay không? Không thì đồng như lông rùa sừng thỏ, nói gì vô trước? Nếu có sự vô trước thì chẳng thể gọi là không. Không tướng mới không, chẳng không thì có tướng, tâm đã chấp có tướng, thì còn nói gì vô trước? Nên biết, nói "Tất cả vô trước gọi là tâm giác tri" là chẳng đúng.

Giải giải:

Cuối cùng A Nan chấp "tất cả vô trước là tâm".

-Bạch Thế Tôn! Khi xưa con thấy Phật với bốn đại đệ tử (Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na, và Xá Lợi Phất) cùng chuyển pháp luân, thường nói "cái tâm giác tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở khoảng giữa, chẳng ở chỗ nào cả, tất cả vô trước gọi là tâm", vậy con vô trước được gọi là tâm chẳng?

Phật bảo A Nan:

-Người nói cái tâm giác tri chẳng ở chỗ nào cả, như các loài bay trên hư không, ở dưới nước và trên bờ, gọi là tất cả vật tượng nơi thế gian mà người vô trước đó có hay không? Không thì đồng như lông rùa sừng thỏ, nói gì vô trước? Nếu có sự vô trước thì chẳng thể gọi là không, không tướng mới

không, chẳng không thì có tướng, tâm đã chấp có tướng thì còn nói gì vô trước? Nên biết nói “tất cả vô trước là tâm giác tri” là chẳng đúng.

* Giảng chữ: “vô trước”.

-Đã có cái tánh mà nói tâm không có chấp trước, nếu không có cái tánh thì lấy gì vô trước? Trống rỗng không có đối tượng để mình vô trước. Có vật tượng đã là trước rồi (chấp có) thì làm sao nói là vô trước được, cho nên nói tâm vô trước là không đúng.

Lược giải:

Ở đây nêu ra bảy chỗ gan hỏi, ý Phật là muốn đưa A Nan thẳng đến chỗ tự ngộ, lời Phật chẳng phải chơn lý. Phật chỉ dùng thuốc giả để trị bệnh giả của A Nan. Tại sao nói là bệnh giả? Vì những kiến chấp của A Nan vốn chẳng thật. Tại sao nói thuốc giả? Vì lời phá chấp của Phật cũng chẳng thật.

Cũng như A Nan nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, cho đến nói vô trước là tâm, kỳ thật không phải có chỗ chẳng đúng hay chẳng sai, vì chấp nhất định ở một chỗ, nên Phật nói chẳng đúng. Nếu bệnh chấp chưa hết thì có thể nêu ra vô số chỗ, chứ đâu phải chỉ có bảy chỗ ư? Nếu bệnh chấp đã hết thì một chỗ cũng chẳng có, nói gì đến bảy chỗ!

Tự tánh vốn bất nhị, nếu chấp theo lời Phật, cho "thật chẳng ở trong" là nhị, cho "thật chẳng ở ngoài" cũng là nhị, cho đến bất cứ có ở một chỗ nào, hay chẳng ở một chỗ nào đều là nhị. Tại sao? Vì nếu có ở một chỗ này thì những chỗ kia không có, chỗ có chỗ không tức là nhị. Nên Phật nói: Phạm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa (Phàm có lời nói đều chẳng phải nghĩa thật).

Giảng giải:

Vì A Nan chấp chỗ này thì Phật phá chỗ này, chấp chỗ kia thì Phật phá chỗ kia, là phá tâm chấp của A Nan, chứ không phải lời phá chấp của Phật là chân lý.

A Nan chấp ở trong thì Phật phá không phải ở trong thân. A Nan chấp ở ngoài thân thì Phật phá không phải ở ngoài thân. Nhưng chấp chẳng phải trong thân là chân lý là không đúng, chẳng phải ở ngoài thân là chân lý cũng không đúng.

Ấy là dùng để phá chấp của A Nan, chứ không phải là chân lý. Nếu không phải ở trong thân thì tự tánh không cùng khắp, chẳng phải ở ngoài thân thì tự tánh cũng không cùng khắp. Vì tự tánh cùng khắp, chỉ thấy có chỗ là không đúng, chấp không có chỗ cũng không đúng.

Cho nên, phàm có nổi ý niệm cho là đều không đúng, không phải lời của Phật phá chấp là đúng, lời của Phật dùng để phá chấp không phải là chân lý.

Chánh văn:

Lúc ấy, Như Lai từ chũ vạn trước ngực phóng ra hào quang, rực rỡ trăm ngàn màu sắc, đồng thời chiếu khắp mười phương vô số quốc độ Phật, soi khắp đỉnh đầu tất cả Như Lai trong mười phương bửu sát, rồi xoay về soi cả đầu A Nan cùng đại chúng, bảo A Nan rằng:

-Nay ta vì người dựng đại pháp tràng, khiến mười phương chúng sanh đều được diệu tâm sáng tỏ, pháp nhãn thanh tịnh. A Nan, trước người trả lời thấy nắm tay chói sáng, vậy cái nắm tay này do đâu mà có?

Làm sao thành nắm tay? Người lấy gì để thấy?

A Nan đáp:

-Do tánh thanh tịnh sáng ngời như núi báu của thân Phật sanh ra hào quang, ngón tay Phật co nắm lại thành nắm tay, chính mắt con thấy tướng nắm tay vậy.

Phật bảo A Nan:

-Hôm nay ta nói thật cho nghe: Những người có trí cũng phải nhờ thí dụ mới được khai ngộ. A Nan, ví như tay của ta, nếu chẳng có cánh tay thì chẳng thành nắm tay của ta, nếu chẳng có con mắt người thì chẳng thành sự thấy của người. Vậy lấy nhãn căn của người so với nắm tay của ta, hai nghĩa giống nhau chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Vâng giống. Nếu chẳng có con mắt thì chẳng thành sự thấy của con, vậy đem nhãn căn của con so với nắm tay của Như Lai, hai nghĩa giống nhau.

Phật bảo A Nan:

-Người nói giống nhau, nghĩa này chẳng đúng. Tại sao? Như người không có cánh tay thì tuyệt nhiên chẳng có nắm tay, nhưng người không có mắt thì chẳng phải không thấy. Vì sao? Người thử hỏi người mù có thấy gì chẳng? Người ấy ắt sẽ trả lời: "Nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, chẳng còn thấy gì khác". Xét theo nghĩa này thì tiền trần tự tối, sự thấy đâu có giảm bớt!

Giải giải:

Đoạn này Phật muốn chứng tỏ sự thấy không phải là con mắt. Con mắt giống như cây đèn để hiển hiện sắc tướng.

Lúc ấy, Như Lai từ chữ VẠN trước ngực phóng ra hào quang rực rỡ trăm ngàn màu sắc, đồng thời chiếu khắp mười phương vô số quốc độ Phật, soi khắp đỉnh đầu tất cả Như Lai trong 10 phương bửu sát, rồi quay về soi cả đầu A Nan cùng đại chúng, bảo A Nan rằng:

-Đây Phật muốn thuyết đại kinh, tức là triệu chứng Phật muốn thuyết pháp bất khả tư nghì, cho nên phóng hào quang tất cả các quốc độ Như Lai và đại chúng trong hội.

-Nay ta vì người dựng pháp tràng, khiến 10 phương chúng sanh đều được diệu tâm sáng tỏ, pháp nhãn thanh tịnh A Nan trước người trả lời thấy tay chói sáng, vậy cái nắm tay này do đâu mà có? Làm sao thành nắm tay? Người lấy gì để thấy?

A Nan đáp:

-Do tánh thanh tịnh sáng ngời như núi báu của thân Phật co nắm lại thành nắm tay chính mắt con thấy tướng nắm tay vậy.

Phật bảo A Nan:

-Hôm nay ta nói thật cho nghe, những người có trí cũng phải nhờ thí dụ mới được khai ngộ. A Nan, ví như nắm tay ta nếu không có cánh tay thì chẳng thành nắm tay, nếu chẳng có con mắt người thì chẳng thành sự thấy của người. Vậy lấy nhãn căn của người so với nắm tay của ta, hai nghĩa này có giống nhau chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Vâng giống, nếu chẳng có con mắt thì chẳng thành sự thấy của con, vậy đem nhãn căn của con so với nắm tay của Như Lai, hai nghĩa giống nhau.

Phật bảo A Nan:

-Người nói giống nhau, nghĩa này chẳng đúng. Tại sao? Như người không có cánh tay thì tuyệt nhiên chẳng có nắm tay, như người không có mắt thì chẳng phải không thấy. Vì sao? Người thử hỏi người mù có thấy gì không? Người ấy chắc sẽ trả lời “nay trước mắt tôi chỉ thấy màu đen chẳng còn thấy gì khác”. Xét theo nghĩa này thì tiền trần tự tối sự thấy đâu có giảm bớt.

Tiền trần, tiền là trước mắt, trần là bụi. Tức là để ví dụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, 5 thứ này thuộc về tiền trần.

Ngũ căn: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân.

Ngũ thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức để phân biệt tiền trần.

Thức thứ 6 là ý căn để phân biệt pháp trần, pháp trần không phải đối trước mắt. Cho nên không phải là tiền trần, tức là ở xa thấy, quá khứ có thể thấy, vị lai cũng có thể thấy, không bị không gian, thời gian hạn chế gọi là pháp trần.

Hỏi:

Thế gian tướng thường trụ là cái gì đã xảy ra rồi thì nó trụ ngay ở sát na đó, nên Phật có huệ nhãn thấy tất cả quá khứ xảy ra y thời lúc đó có phải không?

Đáp:

Không những quá khứ vị lai cũng vậy, cũng như người chứng quả A La Hán thấy được 80.000 kiếp trước và thấy được 80.000 kiếp sau.

Hỏi:

Người tu hành cái nghiệp thay đổi thì việc xảy ra trong tương lai phải thay đổi, sao lại thấy y như lúc trước?

Đáp:

Lúc chưa thay đổi cũng như lúc thấy thay đổi, chỉ lúc thấy đó thôi; một giờ sau thay đổi thì một giờ sau thấy khác. Hiện nay, thấy nhiều giò trái cây, một

giờ sau bung bốt 1 giờ thấy thiếu 1 giờ thì cũng thấy vậy. Tức là thay đổi thấy theo thay đổi.

Hỏi:

Theo sự thấy người ta, có quyết tâm tu hành thì sự thấy có thay đổi chứ?

Đáp:

Phải rồi, nó có khác nhau, tới chừng khác nhau mới thấy khác nhau, bây giờ thấy của cô chưa có chứng quả A La Hán, rồi 1 năm sau thấy cô chứng quả A La Hán.

Hỏi:

Thí dụ ngài Xá lợi phát là A La Hán, ngài nhìn 1 người nào đó thấy được 80.000 kiếp của ông kia, ông kia có tu hành hay không thì ông ấy tự chuyển, như vậy có khác hay không?

Đáp:

Thì nó khác, nhưng ngôi pháp nào trụ theo ngôi pháp đó thì mỗi sát na nó khác, bây giờ sát na này ông chưa có nổi niệm muốn tu hành thì những kiếp sau nó khác, nếu đã nổi niệm tu hành thì nó đã thay đổi.

-Như vậy ngài thấy có phải cố định không?

-Không phải nhất định thấy việc đó theo sát na.

-Theo sự thấy có nhất định xảy ra không?

-Không có nhất định xảy ra, tức là cũng có thể xảy ra.

-Nó sẽ không theo đúng như $1 + 2 = 3$, $2 + 3 = 5$, nó không sẽ theo như vậy, như người đã làm ác thì tương lai sẽ làm thiện?

-Phải, đúng vậy, tùy theo mỗi người, sát na đó thì đúng.

Hỏi:

Thế gian tướng thường trụ vì nó không thay đổi phải không?

Đáp:

-Người thấy đó không thay đổi, nhưng sát na thứ nhì không có không thay đổi.

-Chuyện qua rồi có thay đổi không?

-Chuyện qua rồi không thay đổi.

Phật bảo A Nan:

-Người thử hỏi người mù trước mắt có thấy gì không? Người ấy chắc sẽ trả lời: “Nay trước mắt tôi chỉ thấy đen tối, chẳng còn thấy gì khác”. Xét theo nghĩa này thì tiền trần tự tối, chứ không có tánh thấy, tánh thấy không có giảm bớt.

A Nan hỏi:

Những người mù trước mắt chỉ thấy đen tối sao gọi là thấy?

Phật bảo A Nan:

Người mù không có mắt chỉ thấy tối đen, so với người có mắt ở trong phòng tối cũng chỉ thấy tối đen, 2 thứ tối đen ấy có khác hay chẳng khác?

-Bạch Thế Tôn! Thật chẳng có khác.

-A Nan, nếu người không có mắt, thấy toàn tối đen, thỉnh thoảng được mắt sáng liền thấy các sắc tướng trước mắt, gọi là “mắt thấy”. Người ở trong phòng tối cũng thấy toàn tối đen, bỗng nhiên được đèn sáng thấy các sắc tướng trước mắt thì gọi là “đèn thấy” phải không? Nếu đèn thấy thì chẳng được gọi là đèn, lại đèn thấy thì có dính dáng gì đến người? Vậy biết đèn chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là tâm chẳng phải mắt.

Trong này nói là tâm, tức là chỉ tánh thấy.

Chánh văn:

A Nan và đại chúng dù nghe lời Phật nói vậy, miệng tuy im lặng, nhưng tâm vẫn chưa ngộ, mong được giảng rõ thêm, nên thành tâm chấp tay, đợi Phật dạy bảo.

Bây giờ, Thế Tôn duỗi cánh tay sáng ngời, mở năm ngón tay, bảo A Nan và đại chúng:

-Lúc ta mới thành đạo nơi Lộc Viên, có nói với năm vị Tỳ Kheo và tứ chúng rằng: Tất cả chúng sanh chẳng thành Bồ-Đề và chúng quả A La Hán, đều làm theo phiền não khách trần. Lúc đó, các người do đâu được khai ngộ, nay chúng thánh quả?

Khi ấy, Kiều Trần Như đứng dậy bạch Phật:

-Con là bậc trưởng lão trong chúng được gọi là hiểu rộng biết nhiều, vì ngộ hai chữ Khách Trần nên được chúng quả. Thế Tôn, ví như người đi đường vào nghỉ ở khách sạn, ăn ngủ xong rồi lên đường đi tiếp, chẳng thể ở lại, còn người chủ thì cư trú tại đó, chẳng cần đi đâu. Vậy chẳng trụ là khách, trụ gọi là chủ, nên lấy sự "chẳng trụ" làm nghĩa chữ Khách.

-Cũng như mưa mới tạnh, ánh sáng mặt trời rọi qua kẽ hở, thấy rõ tướng bụi trần lẳng xăng nơi hư không. Trần thì lay động. Hư không tịch nhiên. Vậy tịch lẳng gọi là không, lay động gọi là trần, nên lấy sự "lay động" làm nghĩa chữ Trần.

Phật nói:

-Đúng thế!

Giảng giải:

-A Nan và đại chúng dù nghe lời Phật nói vậy, miệng tuy im lặng nhưng tâm vẫn chưa ngộ, mong được giảng rõ thêm nên thành tâm chấp tay đợi Phật dạy bảo.

Bây giờ, Thế Tôn duỗi cánh tay sáng ngời mở năm ngón tay, bảo A Nan và đại chúng:

-Lúc ta mới thành đạo nơi Lộc Viên có nói với 5 vị Tỳ Kheo và tứ chúng rằng: Tất cả chúng sanh chẳng thành Bồ Đề và chúng quả A La Hán đều làm theo phiền não khách trần. Lúc đó các người do đâu được khai ngộ, nay chúng quả thánh?

Khi ấy, Kiều Trần Na đứng dậy bạch Phật: Con là bậc trưởng lão trong chúng được gọi hiểu rộng biết nhiều, vì ngộ 2 chữ “khách trần” nên được

chứng quả. Thế Tôn! Ví như người đi đường vào nghỉ ở khách sạn, ăn ngủ xong rồi lên đường đi tiếp, chẳng thể ở lại, còn người chủ thì cư trú tại đó, chẳng cần đi đâu. Vậy chẳng trụ là khách, trụ gọi là chủ, nên lấy sự chẳng trụ làm nghĩa chữ “khách”.

Cũng như mưa mới tạnh, ánh sáng mặt trời rọi qua kẽ hở, thấy rõ tướng bụi trần lẳng xăng nơi hư không. Trần lay động, hư không tịch nhiên. Vậy tịch lặng gọi là không, lay động gọi là trần, nên lấy sự “lay động” làm nghĩa chữ “trần”.

Phật nói: Đúng thế!

Chánh văn:

Tức thời Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay, nắm rồi lại mở, mở rồi lại nắm, hỏi A Nan:

- Nay người thấy gì?

A Nan đáp:

-Con thấy bàn tay của Như Lai lúc mở lúc nắm.

Phật bảo A Nan:

-Người thấy tay ta mở nắm, là tay ta có mở có nắm, hay cái thấy của người có mở có nắm?

A Nan đáp:

-Bàn tay của Như Lai tự mở nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có mở nắm.

Phật hỏi:

-Cái nào động, cái nào tịnh?

A Nan đáp:

-Tay Phật chẳng trụ, tánh thấy của con tịnh còn chẳng có, làm sao có động! (Bản kiến bất nhị, động tịnh đều chẳng nhiễm).

Phật nói:

-Đúng thế!

Liền đó, Như Lai từ trong bàn tay phóng ra một tia hào quang rọi bên phải A Nan. A Nan liền quay đầu nhìn bên phải, Phật lại phóng một tia hào quang rọi bên trái A Nan, A Nan lại quay đầu nhìn bên trái,

Phật bảo A Nan:

-Đầu ngươi vì sao lại lay động?

A Nan đáp:

-Con thấy Như Lai phóng hào quang đến hai bên cạnh con, nên theo đó nhìn qua nhìn lại, đầu tự lay động.

-A Nan, ngươi nhìn theo hào quang lay động là đầu ngươi động hay cái thấy động?

-Bạch Thế Tôn! Đầu con tự động, tánh thấy của con ngưng còn chẳng có, nói gì lay động! (Bản kiến không đối đãi, động và chẳng động đều chẳng dính dáng).

Phật nói:

-Đúng thế!

Do đó, Phật bảo đại chúng rằng:

-Nếu chúng sanh cho "lay động" là trần, "chẳng trụ" là khách, các ngươi hãy xem, như A Nan đầu tự lay động mà tánh thấy chẳng động; lại tay ta tự mở nắm mà tánh thấy chẳng mở nắm. Vậy sao các ngươi hiện nay lại cho động là thân, cho động là cảnh, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo. Vì tâm tánh chẳng chơn, nhận vật làm mình, tự trôi lăn theo dòng sanh tử, cam chịu luân hồi.

Giảng giải:

Tức thời, Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay nắm rồi lại mở, mở rồi lại nắm, hỏi A Nan:

-Nay người thấy gì?

A Nan đáp:

-Con thấy bàn tay của Như Lai lúc mở lúc nắm.

Phật bảo A Nan:

Người thấy tay ta mở nắm là tay ta có mở nắm hay cái thấy của người có mở nắm?

A Nan đáp:

Bàn tay của Như Lai tự mở nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có mở nắm.

Phật hỏi:

Cái nào động cái nào tịnh?

A Nan đáp:

Tay Phật chẳng trụ, tánh thấy của con tịnh còn chẳng có làm sao có động? (Bản kiến bất nhị, động tịnh đều chẳng nhiễm).

Phật nói:

Đúng thế!

Liền đó, Như Lai từ trong lòng bàn tay phóng ra một tia hào quang rọi bên phải A Nan. A Nan liền quay đầu nhìn bên phải, Phật lại phóng một tia hào quang rọi bên trái A Nan, A Nan lại quay đầu nhìn bên trái. Phật bảo A Nan:

Đầu người vì sao lại lay động?

A Nan đáp:

Con thấy Như Lai phóng hào quang đến hai bên cạnh con, con theo đó nhìn qua nhìn lại, đầu tự lay động.

A Nan, người nhìn theo hào quang lay động là đầu người động hay cái thấy động?

Bạch Thế Tôn! Đầu con tự động tánh thấy của con ngưng còn chẳng có nói gì lay động! (Bản kiến không đối đãi, động và chẳng động đều chẳng dính dáng).

Phật nói: Đúng thế!

Do đó Phật bảo đại chúng rằng: Nếu chúng sanh cho “lay động” là trần, “chẳng trụ” là khách, các người hãy xem như A Nan đầu tự lay động mà tánh thấy chẳng động, lại tay ta tự mở nắm mà tánh thấy chẳng mở nắm.

Vậy sao các người hiện nay lại cho động là thân, cho động là cảnh, tức là cho thân là ta, cho cảnh là ta thấy, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, sanh diệt đâu phải ta! Cái chân thật ta là không sanh diệt, tồn tại vĩnh viễn!

Nếu sau này diệt mất thì ta ở đâu? Vậy ai tu chúng? Tu chúng để làm gì? Nhưng mọi người đều cho động là ta, cho cảnh là ta thì niệm sanh diệt lạc mất chân tánh thành theo điên đảo. Chân tánh của ta không nhìn nhận, mà lại nhìn nhận giả tạm thay đổi, sau này sẽ biến mất cho là ta, mới gọi là điên đảo.

Vì tâm tánh chẳng chơn, nhận giặc là mình, thân tâm sau này sẽ biến thành đất, biến thành tro mà bây giờ nhận tro là mình, cái này là vật đồng với mấy cái kia, như nhà cửa xe cộ cũng là vật, thân mình cũng là vật; nếu ở trong tự tánh thì mọi vật đều bằng nhau.

Cái nhà sau này biến mất, thân sau này cũng biến mất. Còn chân thật của ta không biến mất, tồn tại vĩnh viễn. Không nhìn nhận cái tồn tại vĩnh viễn là ta, mà nhìn nhận cái sau này biến mất là ta thì rất điên đảo. Vì vậy, mới tự trôi lăn trong vòng sanh tử cam chịu luân hồi.

Ghi chú:

-Sa ma tha là tiếng Phạn (Án Độ) là một thứ thiền định rất cực thịnh, đồng như không quán tông Thiên Thai.

-Tam ma đề còn gọi là Tam ma bát đề là thứ thiền quán tác dụng biến hóa đồng như giả quán tông Thiên Thai.

Kinh Viên Giác hình dung Sa ma tha như gương soi vật, nó cực tịnh như người nam đến thì hiện người nam, người nữ đến hiện hình nữ, người già đến hiện người già, người nhỏ đến hiện người nhỏ.

Nhưng cái gương không lay động chút nào, tất cả đều hiện trong đó. Hiện trạng đó động nhưng bản thể của gương không động, nó cực tịnh thì tự tánh của mình cũng vậy.

-Tam ma đề có dụng biến hóa đồng như giả quán, tất cả vật do lục căn cảm giác thấy nghe được đều là biến hóa; cũng là một biến hóa của dụng tự tánh mình, gọi tam ma đề.

-Thiền na là thiền định tịch diệt, không hình tướng, nhưng có biến hóa là những tướng giả như các đồ vật, không có số lượng, lìa năng sở đối đãi gần như trung quán. Kinh Viên Giác ví dụ nó như ấn trong chuông trống. Mình thấy không có hình tướng, số lượng, nhưng đánh chuông thì tiếng phát ra. Trong chuông trống không hình tướng là tướng tịch diệt. Nhưng không phải hoàn toàn không có. Nếu không có tại sao khi đánh thì tiếng phát ra không bị chuông hạn chế! Tới chỗ xa cũng nghe được. Không chẳng phải không, giả cũng không phải giả, cho nên gọi là trung quán.

Tự tánh của mình khi nào dùng thì tự động ra, không dùng thì không thấy gì cả.

Ba thứ thiền quán này ghi trong kinh Lăng Nghiêm, Viên Giác, tu của tông Thiên Thai là không quán, giả quán, trung quán.

-Bản thức, bản tâm, bản giác, bản kiến, bản văn, bản tri,... đều là biệt danh của tự tánh.

-Tự tánh của mình có sự chân thật gọi là thật tướng tồn tại vĩnh viễn, không bao giờ có sự biến đổi, nhưng dụng tùy cảnh biến đổi. Như gương soi cảnh tượng, nếu cảnh đổi thì theo đó biến đổi; biến đổi không phải bản thể biến đổi mà cái dụng biến đổi. Cái dụng của mỗi người là lục căn, bản thể của lục căn là bản thức phân biệt. Nói chung là bản thức, nói riêng là bản kiến, bản văn.

-Bản kiến là phân biệt cái thấy.

-Bản văn là phân biệt cái nghe.

-Bản giác là phân biệt cái giác.

Cảm giác có 4 thứ: Kiến, văn, giác, tri.

-Nhãn thức là chủ sự thấy.

-Nhĩ thức là chủ sự nghe.

-Tỷ thức, thiệt thức và thân thức thì chủ sự giác, gọi là bản giác.

-Ý thức chủ sự biết gọi là bản tri.

Đều là biệt danh của tự tánh tồn tại vĩnh viễn, không biến mất. Sau đây kinh Lăng Nghiêm diễn tả tánh thức không lay động, không biến mất là bản kiến, còn mấy cái kia cũng vậy.

Theo đúng pháp môn thực hành mới gọi là tu hành, như tu Tổ Sư thiền phải theo đúng pháp môn Tổ Sư thiền, tu Tịnh Độ phải theo đúng pháp môn Tịnh Độ. Phải đúng theo pháp môn của Phật dạy để thực hành, có tu mới có chứng gọi là tu hành. Tu không có chứng sao gọi là tu hành! Vì không đúng pháp môn của Phật dạy, nói tu hành không đúng.

Chánh văn:

Lúc bấy giờ, A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay, lạc mất bản tâm, lầm nhận bóng phân biệt của nhân duyên căn trần, hôm nay khai ngộ, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai hiển bày chỗ chơn vọng hư thật của thân tâm, phát minh hai tánh sanh diệt và chẳng sanh diệt ngay trước mắt.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật:

-Xưa kia con chưa được nghe lời dạy của Phật, thấy bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (chấp các pháp cũng có cũng không) và Tỳ La Chi Tử (chấp mãi kiếp tự nhiên đắc đạo), đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt gọi là Niết Bàn. Nay dù gặp Phật nhưng vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới được chứng tỏ chỗ chẳng sanh diệt của tâm này, hiện nay hàng hữu lậu trong chúng đều mong cùng nghe.

Phật nói với vua:

-Thân ông ở đây, nay ta hỏi ông, cái nhục thân này là đồng như kim cang, thường trụ chẳng hoại hay có biến diệt?

-Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn, như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết chắc chắn thân này rồi sẽ diệt mất.

Phật nói:

-Đúng thế, đại vương! Tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày so với thuở nhỏ như thế nào?

-Bạch Thế Tôn! Xưa con còn nhỏ, da thịt mịn mơn, đến khi trưởng thành, khí huyết sung túc, nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!

Phật nói:

-Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên biến hoại!

-Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, con thật chẳng hay, mùa đông mùa hạ thấm thoát trôi qua, dần dần đến thế này. Tại sao? Khi hai mươi tuổi, dù gọi là trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn lúc lên mười, khi ba mươi tuổi lại sút hơn lúc hai mươi, đến nay đã sáu mươi hai, so với lúc năm mươi thì suy yếu hơn nhiều. Thế Tôn, con cảm thấy sự dời đổi âm thầm trôi chảy theo kỳ hạn mười năm, nhưng nếu suy xét tỉ mỉ thì cái biến đổi ấy đâu phải từng 10 năm! Thật ra thì mỗi năm mỗi đổi, cho đến mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ, trong mỗi sát na niệm niệm biến đổi chẳng ngừng, nên biết thân này chung quy biến diệt vậy.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ, A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái nghĩ mình từ vô thi đến nay lạc mất bản tâm, lầm nhận bóng phân biệt của nhân duyên căn trần.

Bản tánh là tự tánh (Phật tánh) không hình tướng số lượng, nhưng chân thật của ta tồn tại vĩnh viễn. Bây giờ mình lạc mất bản tâm, lại lầm nhận bóng

phân biệt, như các căn... phân biệt cái này cái kia, cho là tánh của ta thấy nghe biết. Những cái đó là hình bóng phân biệt, không phải chân thật của ta.

Hôm nay được khai ngộ, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, chấp tay lễ Phật mong được nghe Như Lai hiển bày chỗ chơn vọng hư thật của thân tâm phát minh hai tánh sanh diệt ngay trước mắt.

Khi ấy vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật:

-Xưa kia con chưa được nghe lời Phật dạy thấy bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (chấp các pháp cũng có cũng không) và Từ La Chi Tử (chấp mãi kiếp tự nhiên đắc đạo) đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt gọi là Niết Bàn. Nay dù gặp Phật nhưng vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới chứng tỏ chỗ chẳng sanh diệt của tâm này, hiện nay hàng hữu lậu trong chúng đều mong cùng nghe.

Phật nói với vua:

-Thân ông ở đây, nay ta hỏi ông cái nhục thân này đồng như kim cang thường trụ bất hoại hay có biến diệt?

-Bạch Thế Tôn, thân con rốt cuộc phải biến diệt.

Phật hỏi:

-Ông chưa từng diệt sao biết phải diệt?

-Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết thân này rồi sẽ diệt mất.

Phật nói:

-Đúng thế! Đại vương tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày so với tuổi nhỏ như thế nào?

-Bạch Thế Tôn! Xưa con còn nhỏ da thịt mịn mơn, đến khi trưởng thành khí huyết sung túc, nay tuổi già ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!

Phật nói:

-Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên biến hoại.

-Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, con thật chẳng hay, mùa đông mùa hạ thấm thoát trôi qua, dần dần đến thế này. Tại sao? Khi hai mươi tuổi dù gọi là trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn lúc lên 10 tuổi. Khi 30 tuổi lại sút hơn lúc 20. Đến nay đã 60 so với lúc 50 thì suy yếu hơn nhiều.

Thế Tôn, con cảm thấy âm thầm trôi chảy theo kỳ hạn 10 năm, nhưng nếu suy xét tỉ mỉ thì cái biến đổi ấy đâu phải từng 10 năm! Thật ra, mỗi năm mỗi đổi, cho đến mỗi tháng mỗi ngày, mỗi giờ trong mỗi sát na, niệm niệm biến đổi chẳng ngừng, nên biết thân này chung quy biến diệt vậy.

Chánh văn:

Phật nói:

-Ông thấy biến hóa dời đổi chẳng ngừng, ngộ biết phải diệt. Vậy trong lúc diệt, ông còn biết trong thân có cái gì chẳng diệt chẳng?

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật:

-Con thật chẳng biết!

Phật nói:

-Nay ta chỉ cho ông cái tánh chẳng sanh diệt. Đại Vương, ông thấy nước sông Hằng hồi mấy tuổi?

Vua đáp:

-Lúc lên ba, mẹ con dắt đi yết lễ thần Tỳ Bà Thiên, đi qua sông này, khi ấy đã biết sông Hằng.

Phật nói:

-Như lời ông nói, lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến sáu mươi niệm niệm dời đổi theo từng ngày giờ. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông, rồi đến năm mười ba, thấy nước sông, tánh thấy như thế nào?

Vua đáp:

-Tánh thấy cũng giống như khi ba tuổi, cho đến năm nay đã sáu mươi hai cũng chẳng có khác. (Bản kiến vốn chẳng sanh diệt biến đổi).

Phật nói:

-Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ, vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc nhỏ thấy sông Hằng, cái tánh thấy có già trẻ gì chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Không ạ!

Phật nói:

-Mặt ông dù nhăn mà cái tánh của kiến tinh (năng thấy) chưa từng nhăn, có nhăn là biến, chẳng nhăn thì bất biến; biến ắt phải diệt, bất biến vốn chẳng sanh diệt. Vậy lấy gì để thọ nhận sanh tử cho ông? Mà còn đem tà thuyết của bọn Mạt Già Lê kia, cho là thân này sau khi chết đoạn diệt!

Vua nghe Phật dạy, tin biết Bản Kiến thật chẳng đoạn diệt, bỏ thân này sẽ được thân khác, nên cùng đại chúng vui mừng được pháp chưa từng có. Ngay đó, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay đánh lễ, quỳ gối bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Nếu cái tánh thấy nghe này thật chẳng sanh diệt, sao Thế Tôn lại nói chúng con lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo? Xin Phật từ bi, rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, ngón tay chỉ xuống, bảo với A Nan:

-Nay người thấy tay ta là chánh hay đảo?

A Nan đáp:

-Chúng sanh thế gian cho đây là đảo, mà con thì chẳng biết thế nào chánh, thế nào đảo.

Phật bảo A Nan:

-Nếu người thế gian cho đây là đảo thì lấy gì làm chánh?

A Nan đáp:

-Như Lai đưa cánh tay chỉ lên trời gọi là chánh.

Phật liền giơ cánh tay lên, bảo rằng:

-Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần là đảo; tánh thấy chẳng có chánh, đảo, cảnh trần mới có chánh, đảo, nay chẳng theo tánh thấy mà duyên theo cảnh trần, đã là một lớp điên đảo. Lại, theo lý lẽ thường, cánh tay chỉ xuống thuận theo thân là chánh, cánh tay chỉ lên nghịch với thân là đảo; nay người thế gian đầu đuôi đối nhau, cho thuận là đảo, cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần. Vậy đem thân người so với pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ, thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, thân các người gọi là tánh điên đảo. Người hãy quán xét kỹ giữa thân người và thân Phật, cái cho là điên đảo ấy, ở chỗ nào gọi là điên đảo?

Giảng giải:

Phật hỏi:

-Mấy tuổi ông thấy sông Hằng?

Vua đáp:

-Ba tuổi thấy sông Hằng

Phật nói:

-Như lời ông nói lúc 20 tuổi thì sút hơn 10 tuổi, cho đến 60 tuổi niệm niệm thay đổi theo từng ngày giờ. Biết cái thân ông sẽ biến mất vậy, khi ông 3 tuổi thấy nước sông rồi đến 13 tuổi thấy nước sông như thế nào?

Vua đáp:

-Tánh thấy khi 13 tuổi cũng giống lúc 3 tuổi, đến năm nay 62 tuổi cũng chẳng có khác.

Tức là cái thân từ nhỏ biến thành già, cứ biến đổi hoài, còn tánh thấy lúc 3 tuổi đến bây giờ chẳng khác (bản kiến vốn chẳng sanh diệt biến đổi).

Tánh thấy không hình tướng, không số lượng, không lay động. Theo luật định cái nào có lay động thì biến đổi, nếu có biến đổi thì phải tiêu mất, còn cái nào không lay động thì không biến đổi, không biến đổi thì không mất.

Ở trên Phật dùng tay nắm buồng để chứng tỏ tay nắm buồng thì lay động, còn tánh thấy không lay động thì không biến đổi. Cho nên, 3 tuổi thấy sông Hằng đến 62 tuổi thấy sông Hằng, tánh thấy không biến đổi, không biến đổi thì không mất.

Phật nói:

-Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ; vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc nhỏ thấy sông Hằng, tánh thấy có già trẻ gì chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Không ạ! Mặt mũi có già trẻ còn tánh thấy đâu có già trẻ!

Phật nói:

-Mặt ông dù nhăn mà tánh thấy (kiến tinh) chưa từng nhăn, có nhăn là biến, chẳng nhăn thì bất biến, biến ắt phải diệt, bất biến vốn chẳng sanh diệt, vậy lấy gì để thọ sanh tử cho ông?

Thân này có sanh tử, còn tánh thấy làm sao có sanh tử được? Mà đem tà thuyết của bọn ngoại đạo cho là thân này sau khi chết đoạn diệt, ấy là không đúng.

Vua nghe Phật dạy, tin biết bốn kiến thật chẳng đoạn diệt, bỏ thân này sẽ được thân khác chưa từng có.

Ngay đó, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay đánh lễ quỳ gối bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Nếu cái thấy nghe này thật chẳng sanh diệt, sao Thế Tôn lại nói chúng con lạc mất chơn tánh hành theo điên đảo? Xin Phật từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con.

A Nan nghe đến chỗ này chưa rõ, nói tánh thấy tánh nghe là bất kiến, bản vẫn không biến đổi, không mất. Không mất tại sao Thế Tôn nói chúng con lại mất chơn tánh? Xin Phật từ bi rửa sạch trần cấu vì không hiểu, như gương dính bụi (trần cấu).

Tức thời, Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng ngón tay chỉ xuống bảo với A Nan:

Nay ngươi thấy tay ta là chánh hay đảo?

A Nan đáp:

Chúng sanh thế gian cho đây là đảo mà con thì chẳng biết thế nào là chánh, thế nào là đảo?

Phật bảo A Nan:

Nếu người thế gian cho đây là đảo thì lấy gì làm chánh?

A Nan đáp:

-N hư Lai đưa cánh tay chỉ lên trời gọi là chánh.

Vậy chúng tỏ phân biệt cánh tay chỉ lên chỉ xuống cho là chánh và đảo, không phải phân biệt bản kiến với cánh tay. Ban đầu chỉ xuống cho đảo là đúng. Nhưng chỉ lên cho chánh là phân biệt với cánh tay rồi.

Chứ không phân biệt bản kiến với cánh tay.

Phật liền giơ cánh tay lên bảo rằng:

Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần là đảo, tánh thấy tồn tại vĩnh viễn mới là chánh. Cánh tay lay động nên điên đảo, đó là cảnh trần. Tánh thấy chẳng có chánh đảo, nay chẳng theo tánh thấy mà duyên theo cảnh trần, đã là một lớp điên đảo.

Lại theo lý lẽ thường cánh tay chỉ xuống thuận theo thân là chánh, cánh tay chỉ lên nghịch với thân là đảo; nay người thế gian đầu đuôi đối nhau cho thuận là đảo cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần.

Vậy đem thân người so với pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ. Thân của Như Lai gọi là chánh biến tri (một trong mười hiệu Phật), Còn thân của các người gọi là tánh điên đảo. Vì cái thân phải bị biến đổi tiêu mất. Người phải quán xét kỹ giữa thân người và thân Phật (đây là nói pháp thân của Phật), cái cho điên đảo ấy ở chỗ nào gọi là điên đảo?

Lược giải:

Thanh tịnh pháp thân tức diệu tâm sáng tỏ chơn thật (gốc), kiến văn giác tri tức là vật do diệu tâm hiện ra (ngọn); về gốc là chánh, theo ngọn là đảo, ví như bọt nổi nơi biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo. Phật hỏi A Nan:

Người thấy tay ta là chánh hay đảo? Khi đó A Nan nên ở nơi tánh thấy của mình trực ngộ thể nào chánh, thể nào đảo, chẳng nên nơi tay Như Lai cho là chánh, là đảo.

Cũng như Tu Bồ Đề tỉnh tọa trong hang, chẳng nhờ căn thức được thấy Pháp thân Như Lai, gọi là Chánh Biến Tri. Dùng mắt A Nan để thấy tay Như Lai, lại ở nơi tay phân biệt chánh hay đảo, ấy là duyên theo lục thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa ngôi chánh nên gọi là tánh điên đảo.

Giảng giải:

Thanh tịnh pháp thân là diệu tâm sáng tỏ chân thật tức là Phật tánh cũng gọi tự tánh (gốc). Kiến văn giác tri là lục căn nhận biết do diệu tâm hiện ra (ngọn).

Bởi vì có diệu tâm nên có kiến văn giác tri, nhưng kiến văn giác tri biến đổi sanh diệt. Diệu tâm sáng tỏ không sanh diệt, không biến đổi gọi là gốc, còn biến đổi sanh diệt gọi là ngọn. Vì gốc gọi là chánh, theo ngọn gọi là đảo.

Ví như bọt nổi trên biển, nhận biển là chánh, biển là bản thể sanh ra bọt thì bọt là đảo. Cũng như thân này là bọt, bản tánh tự tánh là biển; do tự tánh nên có thân này sanh ra, tự tánh là gốc thân này là ngọn.

Phật hỏi A Nan:

Tay ta chánh hay đảo? Tay ta ở trên thân này dù tay chỉ lên chỉ xuống đều là đảo vì thân này vốn là đảo. Khi đó A Nan nên ở nơi tánh thấy của mình trực ngộ cái nào là chánh cái nào là đảo mới đúng! Mà bỏ bản kiến lại ở nơi thân phân biệt chánh đảo thật là điên đảo.

Như Tu Bồ Đề chẳng nhờ căn thức mà thấy được pháp thân của Như Lai mới là chánh biến tri. A Nan dùng mắt để thấy cánh tay của Như Lai đưa lên đưa xuống, lại ở nơi cánh tay phân biệt chánh hay đảo, ấy là duyên theo lục thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa ngôi chánh gọi là tánh điên đảo.

Chánh văn:

Khi ấy A Nan và đại chúng ngẩn ngơ nhìn Phật không nháy mắt, chẳng biết chỗ thân tâm điên đảo, Phật mở lòng từ bi thương xót A Nan và đại chúng, phát hải triều âm bảo khắp trong Hội rằng:

-Các thiện nam tử! Ta thường nói: Các duyên tâm và sắc với các tâm sở (buồn, vui, yêu, ghét v. v...) các pháp sở duyên (cảnh trần) đều do tâm biến hiện, thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm hiện ra, vậy sao các người lại lạc mất cái bản tánh vốn tròn đầy sáng tỏ của diệu tâm, nhận lầm cái mê (vọng tâm) nơi ngộ (diệu tâm) cho là tâm tánh, bèn mê diệu minh (diệu tâm sáng tỏ) trở thành vô minh, từ vô minh biến thành ngoan không, vô minh là năng biến, ngoan không là sở biến, năng sở hòa hợp biến ra tứ đại, là ngoại sắc của y báo, sắc lẫn lộn với tâm vọng tưởng thành có chúng sanh, là nội sắc của chánh báo, tướng (vọng tướng), tướng (vọng sắc) làm thân, nhiếp tri thân tâm là thức thứ tám, tụ duyên lay động bên trong là thức thứ bảy, dong ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ sáu, từ vô minh biến khởi vọng duyên vọng trần, mà nhận tướng nhiều loạn lãng xăng này, mê muội cho là tự tâm ở trong sắc thân, chẳng biết sắc thân, núi sông, đất đai cho đến hư không đều là vật do diệu tâm biến hiện, ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt nước cho đó là bao gồm tất cả nước biển, cũng như các người, tự bỏ Bản Kiến, lại ở nơi tay ta phân biệt chánh, đảo, thật là mê lại thêm mê. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót vậy.

A Nan thọ nhận lòng từ bi dạy bảo thâm sâu của Phật, roi lệ chấp tay bạch Phật rằng:

-Con dù được nghe diệu âm, ngộ biết chỗ bản lai thường trụ viên mãn của diệu tâm mà con hiện nay dùng tâm phan duyên nghe tiếng thuyết pháp của Phật, dầu ngộ được tâm này, nhưng chưa dám cho là bản tâm, mong Phật thương xót khai thị diệu pháp, nhổ trừ gốc nghi ngờ của con, để được đến đạo vô thượng.

Phật bảo A Nan:

-Các người nay còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, vậy pháp này cũng là duyên, chẳng hợp pháp tánh. Cũng như có người dùng tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người ấy nên nhờ ngón tay để thấy mặt trăng; nếu nhìn ngón tay cho là mặt trăng thì chẳng những bỏ mất mặt trăng, cũng chẳng biết ngón tay.

Tại sao? Vì cho ngón tay là mặt trăng, chẳng những không biết ngón tay, lại cũng chẳng phân biệt được sáng tối. Tại sao? Vì cho cái bản thể của ngón tay là tánh sáng của mặt trăng, chẳng rõ được hai tướng sáng tối vậy. Các người cũng thế, nếu dùng ý thức phân biệt tiếng thuyết pháp của ta, cho là

tâm của các người, thì tâm này phải là sự phân biệt âm thanh, riêng có tánh phân biệt.

Ví như người đi đường ở lại khách sạn, nghỉ tạm rồi đi, chẳng được thường trú, còn người giám đốc khách sạn thì khỏi đi đâu cả, nên gọi là chủ. Nay cũng như thế, nếu là chơn tâm (chủ) của người thì khỏi cần đi đâu, sao lại là âm thanh chẳng có tự thể của tánh phân biệt?

Thế thì, cái tâm phân biệt âm thanh dung mạo này, là các sắc tướng chẳng có tự thể của tánh phân biệt cho đến sự phân biệt cũng chẳng có, phi sắc phi không, mà bọn ngoại đạo Câu Xá Ly mê muội cho là Minh Đế (thần ngã). Nếu là các pháp nhân duyên chẳng có tự thể của tánh phân biệt thì tâm tánh các người đều có chỗ trả về, lấy gì làm chủ?

Giải giải:

Khi ấy, A Nan và đại chúng ngẩn ngơ nhìn Phật không chớp mắt, chẳng biết chỗ thân tâm điên đảo, Phật mở lòng từ bi thương xót A Nan và đại chúng, phát hải triều âm khắp bảo trong hội nghe rằng:

Vì trước kia A Nan hỏi Phật: Bản kiến, bản văn chân thật tồn tại vĩnh viễn, tại sao nói lạc mất? Nhưng không nhìn nhận bản thể tồn tại vĩnh viễn là năng, mà lại nhận cái sở. Cho nên mới gọi là lạc mất.

Phật nói: Các thiện nam tử! Ta thường nói các duyên tâm và sắc với các tâm sở (buồn vui yêu ghét...).

Buồn vui yêu ghét là do tâm cảm giác, cảm giác buồn, cảm giác vui, cảm giác yêu và cảm giác ghét gọi là tâm sở. Còn cái năng của bản thể tâm vốn không có buồn vui yêu ghét, tại mình nhìn nhận ở ngoài cho là mình.

Ví dụ:

Hai chân đâu có dính cứt sinh, vì đi con đường cứt sinh làm dính đôi chân; rồi cho con đường cứt sinh của mình là sai lầm.

Buồn vui yêu ghét là ở ngoài tâm mình, tâm mình đâu có buồn vui yêu ghét, tại mình cứ nhận cái đó. Cái tâm không có buồn vui yêu ghét, cái cảnh của tâm mới có buồn vui yêu ghét.

Các pháp sở duyên (cảnh trần) đều do tâm biến hiện, thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm biến hiện ra; vậy sao các người lại lạc mất bản tánh vốn tròn đầy sáng tỏ của diệu tâm, cho sự buồn vui yêu ghét cho là mình; nhận lầm cái mê (vọng tâm) nơi ngộ (diệu tâm) cho là tâm tánh, bèn mê diệu minh (diệu tâm sáng tỏ) trở thành vô minh.

Vì vô minh nên có buồn vui yêu ghét, từ vô minh biến thành ngoan không, vô minh là năng biến, ngoan không là sở biến (ngoan không là không có tri giác), năng sở hòa hợp mới biến ra địa thủy hỏa phong, là ngoài sắc của y báo (tất cả vũ trụ vạn vật để con người dùng gọi là y báo), thân tâm gọi là chánh báo.

Sắc lẫn lộn với tâm vọng tưởng thành có chúng sanh là nơi sắc của chánh báo, tưởng là vọng tưởng, tướng là vọng sắc. Có tưởng ám suy nghĩ có nhớ có quên ấy là vọng tưởng, vọng tưởng mới suy nghĩ cái tướng như cái này là tướng trái cây, đây là tướng bánh trung thu, tướng cái tách. Nhưng đều là vọng sắc (sắc là vật chất), thân này là vật chất cũng là vọng sắc, nhưng mà tướng thân này cho là thân để nhiếp trì thân tâm này là thức thứ tám.

Thân tâm mình có thức thứ 8 nhiếp trì thì sống hàng ngày từ nhỏ đến lớn và khi chết thì nó lia khỏi thân sau cùng. Thức thứ 8 ngộ là chơn tâm, mê không phân biệt thiện ác là kho tàng chứa thiện ác. Do thức thứ 7 chấp thức thứ 8 là ta.

Phụ duyên lay động bên trong là thức thứ 7. Tại sao lay động? Vì ngày đêm suy nghĩ hoài, suy nghĩ cái gì? Suy nghĩ thức thứ 8 là ta, là muốn yêu cái Ta, làm cho Ta phải hơn người khác. Dem chúng tử thiện ác vô ra trong kho tàng, gọi là truyền tổng thức. Chúng tử chín mùi thì nó đem ra cho thức thứ 6 và 5 thức trước để thi hành, khi giác ngộ thì chuyển thức thứ 7 thành bình đẳng tánh trí (không còn ngã).

Rong ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ 6, từ vô minh biến khởi vọng duyên vọng trần, mà nhận tướng nhiễu loạn lăng xăng này, mê muội cho là tự tâm ở trong sắc thân, nhưng chẳng biết núi sông đất đai, cho đến hư không đều là vật do diệu tâm biến hiện. Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn chỉ nhận một bọt nước, cho đó là bao gồm tất cả nước biển.

Biển giác là bản thể của ta, còn cái bọt ở trên nước do biển sanh ra.

-Tại sao diệu tâm biến hiện?

-Vì chấp nên có biến hiện.

-Tại sao lại có chấp?

-Không phải tự nhiên chấp, ở đây đến khi ngộ rồi mới biết.

Ở sau này có nói, vốn không có vọng, không lay động làm sao nổi lên lay động được! Nổi lên vọng là vô minh, cũng như cái gương đâu có biến người già người trẻ, người nam người nữ, đâu có sanh ra! Sự thật mình thấy có người già, người trẻ, người nam, người nữ, hình tướng rõ ràng. Nhưng nó không dính dáng đến tấm gương, tấm gương đó là Ta.

Vọng không có lý do, có lý do không phải vọng, như nhận bọt nước cho là biển. Như các người tự bỏ bản kiến lại ở tay ta phân biệt chánh đảo, thật mê lại thêm mê. Cho nên Như Lai nói là kẻ đáng thương xót vậy.

A Nan nghe thọ nhận lòng từ bi dạy bảo thâm sâu của Phật, rơi lệ chấp tay bạch Phật rằng:

-Con dù được nghe diệu âm ngộ biết chỗ bản lai thường trụ viên mãn của diệu tâm mà con hiện nay dùng tâm phan duyên nghe tiếng thuyết pháp của Phật, dấu ngộ được tâm này, nhưng chưa dám cho là bản tâm, mong Phật thương xót khai thị diệu pháp, nhổ trừ gốc nghi ngờ của con để được đến đạo vô thượng.

Phật bảo A Nan:

-Các người còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, vậy pháp này cũng là duyên, chẳng hợp pháp tánh. Cũng như có người dùng tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người ấy nên nhờ ngón tay để thấy mặt trăng, nếu nhìn ngón tay cho là mặt trăng, chẳng những không biết ngón tay, lại cũng chẳng phân biệt được sáng tối. Tại sao? Vì cho bản thể của tay là ánh sáng của mặt trăng, chẳng rõ được 2 tướng sáng tối vậy.

Các người cũng thế, nếu dùng tâm phan duyên phân biệt tiếng thuyết pháp của ta, cho là của các người thì tâm này phải lìa sự phân biệt âm thanh, riêng có tánh phân biệt.

Phân biệt âm thanh phải có tánh phân biệt, bởi vì âm thanh là sanh diệt, ngoài âm thanh phải có tánh phân biệt tồn tại vĩnh viễn mới biết được sanh diệt.

Nếu theo cái sinh diệt mất, làm sao biết được cái sinh diệt? Cũng như tất cả khoa học nhận biết đều do bộ óc nhận biết, sau này bộ óc chết rồi, cái biết chứa trong bộ óc cũng theo bộ óc mà diệt luôn.

Phải có cái gì không diệt! Mới biết được xưa kia đã biết mới tồn tại được. Nếu theo bộ óc diệt thì những cái biết của bộ óc đâu có giá trị? Phân biệt này là bộ óc phân biệt, không phải tự thể chơn tâm.

Nếu tâm này chơn thật thì phải lia sự phân biệt âm thanh riêng có tánh phân biệt, phân biệt âm thanh là tiếng thuyết pháp của Phật hay là tiếng của người khác, cái phân biệt này là cái phân biệt của bộ óc (tâm phan duyên).

Hỏi:

Còn mình hiểu pháp đó là cái gì?

Đáp:

Đó là tâm phan duyên, không phải lia tâm phan duyên, có tâm phân biệt tồn tại vĩnh viễn không theo trần tiêu diệt, không theo tánh phân biệt biến mất. Tánh phân biệt của bộ óc, sau này sẽ biến mất thì cái hiểu biết đó cũng biến mất.

Hỏi:

Kiếp này con hiểu Phật pháp, nếu con chết thì cái hiểu đó có ghi vô trong tạng thức để kiếp sau con nối tiếp không?

Đáp:

Cái đó có bản thể không biến mất.

Hỏi:

Nếu hiểu Phật pháp kiếp này, sau khi chết theo đó biến mất thì kiếp sau lấy gì tu?

Đáp:

Hạt giống Bát Nhã có sẵn ở trong tạng thức, không phải do nghe thuyết pháp mà sanh ra, cái đó là tâm phan duyên.

Hỏi:

Đến Niết Bàn là 10 bước, con chưa bước hết thì chết, kiếp sau con tiếp tục bước nữa không?

Đáp:

Có tiếp tục, nhưng chỉ rửa bớt trần cấu, không phải thêm vô cái ghi nhớ; như tắm gương bớt bụi, rồi kiếp sau tiếp tục lau chùi, không phải chứa hình ảnh nam nữ trong đó. Bởi vì, bản kiến không có những cái buồn vui yêu ghét nhiễu loạn. Do nghe pháp mới tẩy rửa sạch được buồn vui yêu ghét.

Hỏi:

Kiếp trước ông tú tài là con gái làm những bài thơ, sau ông tú tài cũng làm những bài thơ giống như kiếp trước của ông, vậy hiện tượng đó ra sao?

Đáp:

Chuyện luân hồi là vọng, còn bây giờ nói chuyện phát hiện chơn tâm. Luân hồi là chiêm bao, từ chiêm bao này qua chiêm bao kia. Do tâm phan duyên nhân quả trong chiêm bao, không dính líu với bản thể chân thật của mình. Trong bản thể chơn thật là tẩy đi cảnh chiêm bao.

Cho nên, tâm của các người thì tâm này phải lìa sự phân biệt âm thanh, riêng có tánh phân biệt mới là bản thể của ta. Ví như người đi đường ở lại khách sạn nghỉ tạm rồi đi, chẳng được thường trụ, còn người giám đốc khỏi đi đâu cả nên gọi là chủ.

Bây giờ mình nghe pháp để nhận chủ chứ không nhận khách, sao lại lìa âm thanh chẳng có tự thể của tánh phân biệt? Thế thì, cái tâm phân biệt âm thanh dung mạo này, lìa các sắc tướng chẳng có tự thể của tánh phân biệt, cho đến sự phân biệt cũng chẳng có, phi sắc phi không mà bọn ngoại đạo Câu Xá Ly mê muội cho là Minh Đế (thần ngã).

Nếu lìa các pháp nhân duyên chẳng có tự thể của tánh phân biệt thì tâm tánh các người đều có chỗ trở về, lấy gì làm chủ?

Chánh văn:

A Nan nói:

-Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì cái diệu tâm sáng tỏ của Như Lai nói, sao chẳng có chỗ trả về? Xin Phật thương xót, khai thị cho con.

Phật bảo A Nan:

-Nay người thấy được ta là do cái kiến tinh sáng tỏ (đệ nhị nguyệt), kiến tinh này chẳng phải là diệu tâm sáng tỏ (đệ nhất nguyệt), gương nói như mặt trăng thứ hai, cũng chẳng phải bóng của mặt trăng thứ nhất vậy. Người hãy chú ý nghe, bây giờ ta sẽ chỉ rõ chỗ chẳng thể trả về.

A Nan, như đây, giáng đường mở cửa bên đông, mặt trời mọc lên thì sáng, nửa đêm không trăng thì tối; chỗ có cửa nẻo thì thông, chỗ có vách tường thì nghẽn, chỗ phân biệt là duyên, nơi hư không là trống rỗng, bụi trần nổi lên thì thấy mịt mù, mưa tạnh trời thanh thì thấy sáng sủa,

A Nan, người xem các tướng biến hóa này, nay ta trả về chỗ bản nhân của nó! Sao gọi là bản nhân? Các tướng biến hóa này, sáng trả về mặt trời, tại sao?

Vì không mặt trời thì chẳng sáng, sáng thuộc mặt trời, nên trả về mặt trời, tối trả về đêm không trăng, thông trả về cửa nẻo, nghẽn trả về vách tường, duyên trả về phân biệt, trống rỗng trả về hư không, mịt mù trả về bụi trần, sáng sủa trả về mưa tạnh, tất cả việc thế gian không ngoài những loại này, vậy còn kiến tinh thấy được tám thứ kể trên đó, người định trả về đâu?

Nếu trả cho sáng thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối, thế thì sáng tối chẳng thể phân biệt, còn bảy thứ kia cũng giống như vậy. Những cái trả về được tất nhiên chẳng phải người, cái không thể trả về, chẳng phải người là ai?

Vậy biết tâm người vốn diệu minh trong sạch, người tự mê muội lạc mất bản tâm, cam chịu luân hồi, thường bị trôi lăn trong vòng sanh tử, nên Như Lai nói là đáng thương xót!

Giải thích:

A Nan nói:

Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về thì cái diệu tâm sáng tỏ của Như Lai nói sao chẳng có chỗ trả về? Xin Phật thương xót khai thị cho con.

Phật bảo A Nan:

Nay người thấy được ta là do cái kiến tinh sáng tỏ (đệ nhị nguyệt) là cái dụng của bản thể, chứ không phải bản thể. Đồ vật trước mắt mà mình thấy được là do tánh thấy, tánh thấy tồn tại vĩnh viễn chân thật không phải bản thể, chỉ là cái dụng của bản thể, nên ở đây nói là đệ nhị nguyệt không phải đệ nhất nguyệt (bản thể), gương nói như mặt trăng thứ hai, cũng không phải bóng mặt trăng thứ nhất vậy.

Tánh thấy là dụng của bản thể, sau khi khai ngộ thì dụng là thể, thể cũng là dụng. Muốn giải nghĩa thì nói thể sanh ra dụng, thể không có hình tướng nên không nói được; dụng như thấy các đồ vật rõ ràng; có tánh thấy mới thấy được sở thấy, không phải bản thể chân thật (diệu tâm sáng tỏ).

Hỏi:

Cái dụng của bản thể là mặt trăng thứ 2, cũng không phải bóng mặt trăng thứ 1, vậy là sao?

Đáp:

Mình đứng dưới ánh sáng có cái bóng, bóng đâu có dùng được! Còn tánh thấy dùng được, như thấy cái này là nho, bánh,... mà lại thấy một lượt khắp không gian. Cái bóng làm sao có tánh này? Nhưng cũng không phải bản thể của mặt trăng, chỉ là cái dụng thôi.

Người hãy chú ý nghe bây giờ ta sẽ chỉ rõ chỗ chẳng thể trở về.

A Nan, như đây giảng đường mở cửa bên Đông, mặt trời mọc lên thì sáng, nửa đêm không trăng thì tối, chỗ có cửa nẻo thì thông, chỗ có vách tường thì nghẽn, chỗ phân biệt là duyên, nơi hư không là trống rỗng, bụi trần nổi lên thì thấy mịt mù, mưa tạnh trời thanh thì thấy sáng sủa.

A Nan, người xem cái tướng biến hóa này, nay ta trả về bản nhân của nó. Sao gọi là bản nhân? Cái tướng biến hóa này, sáng trả về mặt trời.

Tại sao? Vì không có mặt trời thì chẳng sáng, sáng thuộc về mặt trời, nên trả về mặt trời, tối trả về đêm không trăng, thông trả về cửa nẻo, nghẽn trả về vách tường, duyên trả về phân biệt, trống trả về hư không, mịt mù trả về bụi trần, sáng sủa trả về mưa tạnh, tất cả thế gian không ngoài những loại này.

Vậy còn kiến tinh thấy được tám thứ kể trên đó, người định trả về đâu? Nếu trả về cho sáng thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối. Thế thì, sáng tối chẳng thể phân biệt, còn 7 thứ kia cũng giống như vậy.

Những cái trả về được, tất nhiên chẳng phải người, cái không phải trả về chẳng phải người là ai?

Vậy biết tâm người vốn diệu minh trong sạch, người tự mê muội lạc mất bản tâm cam chịu luân hồi, thường bị trôi lăn trong vòng sanh tử, nên Như Lai nói là đáng thương xót!

Hỏi:

Thế nào luật nhân quả?

Đáp:

Việc nhân quả trong mở mắt chiêm bao, còn cái này muốn hiển bày chân tâm.

Hỏi:

Nếu con người đầu thai vào súc sanh, sao trở lại làm người được nữa?

Đáp:

Tất cả việc luân hồi là chuyện trong chiêm bao, việc trong chiêm bao nếu thức tỉnh thì biến mất. Tại sao thấy có sự luân hồi? Lược Giải Bát Nhã Tâm Kinh nói: Vì tâm mình hoạt động ngày đêm không ngừng, ban đêm biến hiện nhắm mắt chiêm bao, ban ngày biến hiện mở mắt chiêm bao, mà chiêm bao ấy chẳng có thật.

Con người cho nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, vì tự mình có thức tỉnh nên có kinh nghiệm chứng tỏ nhắm mắt chiêm không thật. Mở mắt chiêm bao không cho là thật.

Phật giải thích mở mắt chiêm bao và nhắm mắt chiêm bao giống nhau. Nhắm mắt chiêm bao là một thức biến hiện. Mở mắt chiêm bao là do hai thức biến hiện. Hai thức và một thức đều là tâm biến hiện. Cho nên nói: “Tất cả do tâm tạo”, nhưng người ta không tin.

Tại sao? Vì chưa có thức tỉnh. Như nhắm mắt chiêm bao chưa thức tỉnh, dù có Thiện tri thức giải thích không thể tin được. Vì tiếp xúc cái gì cũng thật. Khi nhắm mắt chiêm bao hết cơn ngủ, tự thức tỉnh thì chứng tỏ được. Mở

mắt chiêm bao không bao giờ tự thức tỉnh được, phải tham thiền cho đến kiến tánh mới thức tỉnh. Lúc đó tự mình chứng tỏ, nên gọi là chứng ngộ.

Bây giờ, chưa thức tỉnh đang ở trong chiêm bao, tuy Phật giải thích rất kỹ, nhưng khó tin được! Vì mình tiếp xúc cái gì cũng thấy chân thật.

Hỏi:

Hiện tượng những vị đã kiến tánh, lại đầu thai trong 6 loài thì việc ấy như thế nào?

Đáp:

Trong đại tạng có câu chuyện: Tăng Biện Thông ở Ngũ Đài Sơn gặp 1 vị Tăng già hình thù dơ dáy, ai cũng ghét ông. Vị Tăng già thấy Biện Thông có tánh không phân biệt thương ghét. Lúc Biện Thông ở đó mấy tháng, rồi muốn về kinh thành, khi đi từ già với vị Tăng già.

Vị Tăng già nói: Tôi muốn gửi lá thư.

Thông Biện trả lời: Được.

Ở ngoài lá thư đề người nhận Bạc Hà, lá thư không có niêm phong, đi tới nửa đường Thông Biện mở ra xem, trong thư có 16 chữ, ý trong đó là: “Độ chúng sanh xong mau mau về, đừng có lưu lại mà tạo thêm nghiệp”. Khi đến cửa thành, Thông Biện hỏi thăm Bạc Hà ở đâu, mấy đứa con nít chỉ con heo lớn nằm ở gần đó. Thông Biện nghĩ thầm trong tâm, không lẽ là con heo. Rồi tìm ra chủ heo là ông Triệu.

Thông Biện hỏi ông Triệu: Sao gọi con heo này là Bạc Hà?

Ông Triệu đáp: Vì nó ăn toàn bạc hà, tôi đã nuôi nó mười mấy năm, thường thường nuôi heo chỉ 1 năm, rồi đem làm thịt, mà con heo bạc hà này đã mười mấy năm không làm thịt vì có lý do, tôi nuôi heo nhiều không nhốt trong chuồng thả đi tự do, nhờ con heo bạc hà kêu về, không bị lạc mất con nào, nên tôi rất thương con này.

Tăng Biện Thông nghĩ là lá thư gửi cho con heo này nên liền bỏ lá thư xuống đất, lúc đó con heo liền tấp lá thư nhai nuốt vào bụng, rồi đứng hai chân chết ngay lúc đó.

Theo chuyện này chứng tỏ Bồ Tát thị hiện heo để độ heo. Tứ Nhiếp pháp gồm có: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Bố thí, ái ngữ, lợi hành thì ngoại đạo làm được, còn đồng sự thì chỉ có đạo Phật mới làm được.

Hỏi:

Bồ Tát làm con heo đâu có hại ai mà sao phải nhập diệt?

Đáp:

Công việc đã xong ở lại làm cái gì nữa, vì những con heo có duyên với Bồ Tát khi độ xong phải nhập diệt, cũng như Phật Thích Ca ở cõi Ta Bà cùng với những người có nhân duyên Phật Thích Ca độ xong thì phải nhập diệt.

Hỏi:

Bồ Tát nhập vào cõi Ta Bà không bị nhiễm phải không?

Đáp:

Làm sao mà nhiễm! Chư Phật độ chúng sanh, tùy theo nghiệp duyên mà độ, bây giờ chúng ta có nghiệp duyên đối với Phật pháp của Phật Thích Ca, cho nên cùng nhau nối pháp Phật Thích Ca.

Hỏi:

Con thắc mắc chuyện Phật Thích Ca bị đau đầu?

Đáp:

Những thứ đó là thị hiện trong chiêm bao, phương tiện để cho chúng sanh tin nhân quả không mất. Nhưng sự thật Phật không có đau đầu.

Hỏi:

Phật thị hiện như trên lúc lâm chung có ảnh hưởng không?

Đáp:

Làm sao có ảnh hưởng! Vì đã thức tỉnh chiêm bao, đâu có bị hạn chế trong chiêm bao; tức là bậc thánh chỉ có thể lưu bố tượng, chứ không có trước tượng. Mặc dầu, nói không cho là có, nói có cho là không, nói đau không

cho là đau, nói vui không cho là vui, nói buồn không cho là buồn, tức là không có sanh ra tư tưởng chấp thật.

Chánh văn:

A Nan nói:

-Con dù biết tánh kiến này chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết là chân tánh của con?

Phật bảo A Nan:

-Ta hỏi người, nay người chưa đắc quả vô lậu, nhờ thần lực của Phật, được thấy cõi sơ thiên chẳng có ngăn ngại, mà A Na Luật thấy cõi Ta Bà như xem trái Yêm Ma La trong bàn tay, các Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi, mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật, chẳng chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh thì chẳng quá vài dặm.

A Nan, nay ta cùng người xem cung điện của Tứ Thiên Vương, từ đó trở xuống, xem tất cả hình tượng sáng tối khắp hư không, dưới nước và trên bờ, đều bị chướng ngại nơi tiền trần phân biệt, nay ta cho người phân biệt trong sự thấy, xét xem cái nào là tự thể của tánh thấy, cái nào là vật tượng?

A Nan, cùng tột sức thấy của người, từ cung trăng cho đến Thất Kim Sơn, quán xét cùng khắp, dù có đủ thứ ánh sáng cũng đều là vật chứ chẳng phải người, dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió động, bụi nổi, cho đến núi sông, đất đai, người thú, cỏ lá... đều là vật chứ chẳng phải người.

A Nan, các tánh vật xa gần dù có khác biệt, nhưng đều do kiến tinh trong sạch của người mà nhìn thấy. Vậy thì các loài vật tự có sai biệt mà tánh kiến chẳng khác, cái kiến tinh diệu minh này chính là tánh thấy của người.

-Nếu kiến tinh là vật thì người cũng có thể thấy kiến tinh của ta, nếu cùng thấy gọi là thấy kiến tinh ta, thì lúc ta chẳng thấy, sao người không thấy chỗ chẳng thấy của ta? Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của ta thì chẳng phải cái tướng chẳng thấy; nếu không thấy chỗ chẳng thấy của ta, thì kiến tinh tất nhiên phi vật, sao lại chẳng phải người?

-Nếu kiến tinh là vật, thì vật cũng có tánh thấy, lúc người thấy vật, vật cũng thấy người, thể tánh lẫn lộn thì người và ta với tất cả thế gian chẳng thể an lập. A Nan, nếu lúc người thấy là người chẳng phải ta thấy, thì cái tánh thấy

cùng khắp đó không phải người là ai? Sao lại tự nghi chơn tánh của người cho là chẳng chơn, mà cầu sự thật nơi ta?

Giảng giải:

A Nan nghi tâm tánh có thể trả về, vì những cảnh phân biệt cho là ta, Phật giải thích rõ ràng.

A Nan nói: Con dù biết tánh kiến này, chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết tâm tánh của con?

Phật bảo A Nan: Ta hỏi người, nay người chưa đắc quả vô lậu (lậu là tập khí phiền não, là thói quen nhiều kiếp), Tiểu thừa chứng quả A La Hán thì dứt được kiến hoặc và tư hoặc của tam giới; kiến hoặc là tư tưởng mê lầm, tư hoặc là mê hoặc. Tất cả thói quen đã hết gọi là vô lậu, còn hữu lậu là còn tập khí; còn tập khí thì có phiền não; đến vô lậu thì hết phiền não.

Lúc ấy, A Nan chưa đắc quả vô lậu, nhưng nhờ thần lực của Phật thấy được cảnh sơ thiên chẳng có ngăn ngại. Sơ thiên thuộc về sắc giới, tức là ở trên dục giới, cõi trời dục giới 6 lớp, sắc giới có 18 lớp chia làm tứ thiên.

Bây giờ, chúng ta chưa có thể thấy được, mà A Na Luật thấy cõi Ta Bà như xem trái yêm ma la trong bàn tay. A Na Luật không có con mắt nhưng đã chứng quả, khỏi cần dùng con mắt để thấy cõi Ta Bà (tam thiên đại thiên thế giới) như thấy trái cây như trên bàn tay.

Các Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật. Chứng quả Bồ Tát không những thấy 1 thế giới, như thế giới Ta Bà, Tây phương có thế giới Cực Lạc, Đông phương có thế giới Dược Sư Lưu Ly. Trong vũ trụ có vô biên thế giới, người chứng quả A La Hán chỉ thấy có 1 thế giới.

Tại sao gọi là tam thiên đại thiên thế giới? Tiểu thế giới gồm có 4 đại châu, quả đất này thuộc 4 đại châu, gọi là Nam thiệm bộ châu. Còn 3 cái khác không phải trái đất này. Cộng 3 cái khác thành 1 tiểu thế giới.

Một tiểu thế giới gồm có 1 mặt trăng, 1 mặt trời. 1000 tiểu thế giới gọi là tiểu thiên thế giới, 1 tiểu thiên thế giới x 1000 gọi là trung thiên thế giới, 1 trung thiên thế giới x 1000 gọi là đại thiên thế giới.

Mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật, tức là tất cả cõi đều thấy được, không sót cõi nào, vì bản thể đã cùng khắp không gian, chẳng chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh là thấy tùy theo nghiệp của mình.

A Nan, nay ta cùng người xem cung điện của Tứ Thiên Vương (nhờ thần lực của Phật thấy được sơ thiên, Tứ Thiên Vương thuộc về sắc giới), từ đó trở xuống xem tất cả hình tượng sáng tối khắp hư không, dưới nước và trên bờ đều bị chiếu nơi tiền trần phân biệt, nay ta cho người phân biệt trong sự thấy, xét xem cái nào là tự thể của tánh thấy, cái nào là vật tượng? (A Nan chưa phân biệt rõ, cho nên mới hỏi Phật).

A Nan, cùng tột sức thấy của người từ cung trăng cho đến Thất Kim Sơn, quán xét cùng khắp, dù có đủ ánh sáng cũng đều là vật chứ chẳng phải người, dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió động, bụi nổi, cho đến núi sông đất đai, người thú cỏ lá...đều là vật chứ chẳng phải người.

A Nan, các tánh vật xa gần dù có khác biệt, nhưng đều do kiến tinh trong sạch của người mà nhìn thấy (nếu không có kiến tinh trong sạch của người thì đâu thấy được những vật tượng này). Vậy thì các loài vật có sai biệt, mà kiến tinh chẳng khác, cái kiến tinh diệu minh này là tánh thấy của người.

Nếu kiến tinh là vật, thì người cũng có thể thấy kiến tinh của ta (kiến tinh là thể tinh thần không có hình tướng, không có số lượng, không có thể thấy được vì nó không phải là vật), nếu cùng thấy gọi là thấy kiến tinh ta thì lúc ta chẳng thấy, sao người chẳng thấy chỗ chẳng thấy của ta?

A Nan chưa hỏi, Phật phá trước là chứng tỏ kiến tinh có sức năng thấy, nhưng không phải là vật, mà cùng khắp không gian thời gian, có năng lực thấy rõ ràng, nhưng năng thấy không có chỗ để chỉ. Nếu nói là vật thì người phải thấy kiến tinh của ta. Nếu nói người thấy, ta thấy, cùng thấy là thấy được kiến tinh của ta.

Vậy, ta chẳng thấy thì người phải thấy chứ! Tại sao người chẳng thấy? Vì cùng thấy cũng có kiến tinh, mà chẳng thấy đâu phải không có kiến tinh! Kiến tinh vẫn còn thì người phải thấy chứ, nên Phật chứng tỏ cùng thấy không phải là kiến tinh của ta, chẳng thấy cũng không phải là kiến tinh của ta.

Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của ta thì chẳng thấy cái tướng chẳng thấy (đã nói chẳng thấy rồi, nên mà thấy được thì đã thấy rồi làm sao nói chẳng

thấy); nếu không thấy chỗ chẳng thấy của ta, thì kiến tinh tất nhiên phi vật, sao lại chẳng phải người? (Vì tất cả đều do người thấy, những cái vật thì chẳng phải người rồi. Do kiến tinh của người thấy được vậy đó là ai?)

Nếu kiến tinh là vật thì vật cũng có tánh thấy, lúc người thấy vật, vật cũng thấy người (vì kiến tinh phi vật, Phật muốn nói rõ thêm, nếu kiến tinh là vật thì vật cũng có tánh thấy), thể tánh lẫn lộn thì người và ta với tất cả thế gian chẳng thể an lập.

A Nan, nếu lúc người thấy là người chẳng phải ta thấy thì cái tánh thấy cùng khắp đó, không phải người là ai?

(Vì do người thấy chứ không phải do ta thấy, thì chứng tỏ tánh thấy cùng khắp từ trên Sơ thiên cõi trời Tứ Thiên Vương, dưới đất hải lục trên không, núi sông đất đai, tất cả đều thấy; những cái đó đều do kiến tinh thấy được, nó đã chẳng phải vật thì là người rồi).

Sao lại tự nghi chơn tánh của người cho là chẳng chơn mà cầu sự thật nơi ta?

Lược giải:

Tại sao nói kiến tinh này là người chẳng phải vật? Nếu kiến tinh là vật thì kiến tinh của ta người cũng thấy được, nhưng sự thật thì kiến tinh của ta người chẳng thể thấy.

Nếu nói ta thấy người thấy, lúc cùng thấy tức là thấy kiến tinh của ta, vậy thì lúc ta thấy, người đã thấy được rồi, lúc ta chẳng thấy, người cũng phải thấy được chứ, mà sự thật lại chẳng như thế.

Nếu nói lúc thấy là dùng cái thấy để thấy, lúc chẳng thấy là dùng cái chẳng thấy để thấy, gọi là thấy chỗ chẳng thấy của ta, vậy đã chẳng tự thấy, lấy gì để thấy cái tướng chẳng thấy kia? Nếu cái tướng chẳng thấy kia cho người thấy được, tức là tướng thấy, lại chẳng phải tướng chẳng thấy.

Vậy biết: Chỗ chẳng thấy của ta, người nhất định chẳng thể thấy được; lúc ta chẳng thấy, người đã chẳng thể thấy được thì lúc cùng thấy cũng chẳng thể thấy, thấy và chẳng thấy đều chẳng thể chỉ ra kiến tinh, vậy kiến tinh của ta rõ ràng phi vật. Kiến tinh của ta phi vật thì kiến tinh của người cũng là phi vật.

Kiến tinh của người đã phi vật thì chẳng thuộc nơi vật, làm sao chẳng phải

ngươi? Đây là dùng cái nghĩa chẳng thể thấy để sáng tỏ kiến tinh phi vật. Nếu kiến tinh có thể thấy được thì kiến tinh cũng là vật vậy, làm sao được làm chủ vạn tượng mà an lập cõi thế gian?

Giảng giải:

Lược giải này vừa giảng sơ qua, vì kiến tinh là cái thể tinh thần, cái thể tinh thần khắp cả hư không và khắp thời gian. Mặc dầu, bây giờ mình chưa chứng quả, cũng như A Nan lúc đó chưa chứng quả vô lậu, nhưng tánh thấy không giảm bớt. Mình là phàm phu, mà tánh thấy cũng bằng Phật vậy, không giảm bớt.

Lúc đó, A Nan không thể chỉ ra kiến tinh thì không tin được là kiến tinh của ta. Phật mới dùng vật trước mắt để chứng tỏ, chỉ rõ kiến tinh là thể tinh thần không phải vật. Nếu nói ta thấy ngươi thấy, hai người cùng thấy là thấy được kiến tinh của ta. Vậy cùng thấy đã thấy được rồi, lúc không cùng thấy thì phải thấy được chứ! Lúc ta không thấy thì ngươi cũng phải thấy kiến tinh của ta, vì cùng khắp không gian thì không thể mất.

Sự thật thì chẳng phải vậy, cho nên lúc cùng thấy cũng không thể thấy được kiến tinh của ta. Vậy chứng tỏ kiến tinh của ta là phi vật, chẳng phải vật thì ngươi rồi, vì các vật tượng đều do ngươi thấy thì chẳng phải ngươi là ai? Tại sao lại còn mê hoặc mà lại hỏi ta?

Chánh văn:

-Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy này chắc là con chứ chẳng phải ai khác, thì khi con và Như Lai xem cung điện của Tứ Thiên vương và cung trăng, tánh thấy này cùng khắp cõi Ta Bà, khi lui về tịnh xá, chỉ thấy vườn chùa, trước cửa giảng đường chỉ thấy hành lang.

Thế Tôn, tánh thấy như vậy, bản thể vốn cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ một phòng, vậy là do tánh thấy rút lớn thành nhỏ, hay do vách tường làm cho ngăn cách? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, mong Phật từ bi giảng rõ.

Phật bảo A Nan:

-Tất cả sự vật lớn, nhỏ trong, ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần, chẳng nên nói rằng cái thấy có co giãn, ví như trong khuôn vuông thấy có hư

không vuông, ta lại hỏi người: Hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định?

Nếu vuông nhất định, đặt lại khuôn tròn thì hư không ấy chẳng thể tròn; nếu chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông. Người nói chẳng biết nghĩa này thế nào, nghĩa tánh như thế, đâu còn thế nào nữa!

A Nan, nếu muốn hiển bày chẳng có vuông tròn, chỉ cần trừ bỏ khuôn vuông, hư không vốn chẳng có hình thể vuông tròn, chớ nên nói "trừ bỏ tướng vuông của hư không" (khuôn dụ cho vọng thức phân biệt, hư không dụ cho bản tâm).

-Cũng như người hỏi: Khi vào phòng rút cái thấy cho nhỏ lại, vậy khi nhìn mặt trời thì phải kéo cái thấy cho bằng với mặt trời sao? Nếu xây vách tường làm cho cái thấy bị ngăn cách, vậy khi đục một lỗ nhỏ, sao chẳng thấy dấu tích nối liền của sự thấy? Nghĩa này chẳng đúng.

Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, mê mình là vật, lạc mất bản tâm, tùy vật xoay chuyên, nên thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, ngồi bất động đạo tràng, thân tâm tròn đầy sáng tỏ, gồm mười phương quốc độ trên đầu một mảy lông.

-Bạch Thế Tôn! Nếu kiến tinh này là diệu tánh của con, thì diệu tánh nay ở ngay trước mắt; diệu tánh đã là con thì thân tâm con lại là vật gì?

-Nếu nói thân tâm chẳng phải diệu tánh thì nay thân tâm thật hay phân biệt sự vật; nếu nói trước mắt đều là diệu tánh, thì cái kiến tinh kia sao lại chẳng phân biệt được thân con?

-Nếu nói kiến tinh vô hình, mà có tự thể đồng như các vật, có cảm ứng mới sanh khởi sự dụng kia, thật là bản tâm của con thì phải cho con thấy ngay, vậy kiến tinh trước mắt là thật con, còn thân này thì chẳng phải con, thế thì kiến tinh đã ở bên ngoài thân, sao được gọi là diệu tánh của con? Có khác gì Như Lai trước kia đã hỏi gạn rằng: "Vật thấy được con"? Mong Phật từ bi khai thị cho kẻ chưa ngộ.

Phật bảo A Nan:

-Nay người nói kiến tinh ở trước mắt người, nghĩa này chẳng đúng. Nếu thật ở trước mắt người mà người thật thấy được, thì kiến tinh này đã có phương sở, chẳng phải không chỉ ra được.

Nay ta cùng người ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem khắp rừng suối và điện đường, trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng, người hãy ở trước tòa Sư Tử của ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy, chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông là hư không, cho đến cỏ cây, chỉ mảnh, lớn nhỏ dù khác, hễ có hình tướng thì đều chỉ ra được.

Nếu kiến tinh thật ở trước mắt người, thì người phải dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là kiến tinh. A Nan nên biết, nếu hư không là kiến tinh thì cái nào là hư không? Nếu vật là kiến tinh thì cái nào là vật? Người hãy ở nơi vạn tượng phân tích kỹ càng, chỉ cho ta xem cái kiến tinh sáng tỏ ấy, rõ ràng đồng như các vật, chẳng được lầm lẫn!

A Nan nói:

-Nay con ở giảng đường này; nhìn ra từ sông Hằng, trên đến nhật nguyệt, tùy nơi tay chỉ mắt nhìn, những gì chỉ được đều là vật chứ chẳng phải kiến tinh. Thế Tôn, như lời Phật vừa nói; chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh Văn như chúng con, cho đến Bồ Tát, cũng chẳng thể ở nơi vạn tượng chỉ ra cái kiến tinh lia tất cả vật riêng có tự tánh.

Phật nói:

-Đúng thế! Đúng thế!

Phật lại bảo A Nan:

-Như lời người nói, chẳng có kiến tinh lia tất cả vật riêng có tự tánh, vậy thì trong các vật mà người chỉ, chẳng có cái nào là kiến tinh. Nay ta lại bảo người: Người và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem từ rừng cây cho đến nhật nguyệt, đủ thứ hình tướng sai biệt, nhất định chẳng có kiến tinh cho người chỉ, người hãy phát minh nơi những vật kể trên cái nào chẳng phải kiến tinh?

A Nan đáp:

-Con xem khắp cả rừng Kỳ Đà, thật chẳng biết trong đó cái nào chẳng phải kiến tinh. Tại sao? Nếu cây chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy cây? Nếu cây là kiến tinh thì chẳng nên gọi là cây; như vậy cho đến nếu hư không chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy hư không? Nếu hư không là kiến tinh thì chẳng nên gọi là hư không. Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong vạn tượng không vật nào chẳng phải kiến tinh cả.

Phật nói:

-Đúng thế! Đúng thế!

Bấy giờ, những người chưa đến bậc vô học trong chúng nghe Phật nói vậy, ngờ ngác chẳng hiểu đầu đuôi của nghĩa này, đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay, bỗng nhiên cảm thấy run sợ, Như Lai biết họ bần khổ lo sợ, sanh lòng thương xót, an ủi A Nan và đại chúng:

-Các thiện nam tử, lời chơn thật của Vô Thượng Pháp Vương chúng dối chẳng vọng, như sở như thuyết, chẳng phải như bốn thứ tà thuyết càn loạn bất tử của bọn Mạc Già Lê, các người hãy suy xét kỹ, chớ nên làm mất lòng tự tin!

Giảng giải:

A Nan nghe Phật nói kiến tinh chẳng phải vật tức là người. Nhưng thói quen đã lâu đời cho cái thấy là con mắt, nhưng sự thật tánh thấy không phải con mắt; tánh thấy là thể tinh thần, vì con mắt là vật chất có thể chỉ ra tánh thấy khắp không gian, nhưng A Nan vẫn còn nghi ngờ.

-Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy này chắc là con, chứ chẳng phải khác thì con và Như Lai xem cung điện của Tứ Thiên Vương và cung trăng, tánh thấy này cùng khắp các cõi Ta Bà, khi lui về tịnh xá chỉ thấy vườn chùa, trước cửa giảng đường chỉ thấy hành lang.

Thế Tôn, tánh thấy như vậy bản thể vốn cùng khắp một cõi, nay trong phòng thì chỉ thấy khắp 1 phòng, vậy là do tánh thấy có rút lớn thành nhỏ hay do vách tường làm cho ngăn cách? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, mong Phật từ bi giảng rõ.

Phật bảo A Nan:

Tất cả sự vật lớn nhỏ trong ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần, chẳng nên nói rằng cái thấy có co giãn, ví như trong khuôn vuông thấy có hư không vuông, ta lại hỏi người: Hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định? Nếu vuông nhất định đặt lại khuôn tròn thì hư không ấy chẳng thể tròn, nếu chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông.

Như cái khuôn vuông này hư không vuông, có nhất định không? Nếu hư không vuông có nhất định, lập ra khuôn tròn thì hư không chẳng thể tròn; đã nói hư không ở khuôn vuông thì nói hư không vuông, còn hư không ở trong khuôn tròn thì nói hư không tròn. Vậy không có nhất định, như thế vuông tròn là do cái khuôn chứ không phải do hư không có vuông tròn.

Cho nên, không bỏ hình dung của hư không, vì hư không đâu có vuông tròn mà phải trừ bỏ! Chỉ cần bỏ khuôn tròn vuông; hư không vốn không có vuông tròn, vậy vật tượng có sai biệt là do vật tượng. Hư không dụ cho tánh thấy, khuôn vuông tròn dụ cho vật tượng.

Người nói chẳng biết nghĩa này thế nào, nghĩa tánh như thế đâu còn thế nào nữa! A Nan, nếu muốn hiển bày chẳng có vuông tròn, chỉ cần trừ bỏ khuôn vuông tròn, hư không vốn chẳng có hình thể vuông tròn chớ nên nói: “Trừ bỏ tướng vuông tròn của hư không” (khuôn dụ cho vọng thức phân biệt, hư không dụ cho bản tâm).

Như người hỏi:

-Khi vào phòng rút cái thấy cho nhỏ lại, vậy khi nhìn mặt trời thì phải kéo cái thấy cho bằng với mặt trời sao? Nếu xây vách tường làm cho cái thấy bị ngăn cách, vậy khi đục lỗ nhỏ, sao chẳng thấy dấu tích nối liền của sự thấy?

Vì tánh thấy không phải vật, không thể rút lớn thành nhỏ, rút nhỏ thành lớn, nó luôn luôn khắp không gian.

Nghĩa này chẳng đúng, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê mình là vật lạc mất bản tâm, tùy vật xoay chuyển, nên thấy lớn nhỏ.

Bây giờ mình thấy có trước có sau, có lớn có nhỏ, đều do tập khí từ vô thủy, mình mê là vật, rồi bị nó chuyển, làm lạc mất bản tâm, không nhìn bản tâm là mình, lại nhìn vật là mình thì mới có sự lớn nhỏ trong ngoài, có đủ thứ phân biệt.

Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, ngồi bất động đạo tràng thân tâm tràn đầy sáng tỏ, gồm 10 phương quốc độ trên đầu 1 mảy lông.

Vì bản thể Phật tánh khắp hư không thì đâu có trong ngoài lớn nhỏ, khắp không gian thì đâu có trước sau! Ở đây chỉ nói đến không gian chưa nói đến thời gian.

-Bạch Thế Tôn! Nếu kiến tinh này là diệu tánh của con, thì diệu tánh này ở ngay trước mặt, diệu tánh đã là con thì thân tâm con là vật gì?

A Nan còn chưa tin được bản tâm, nói diệu tánh của con, nhưng mà con không có thấy được, còn thân tâm của con phân biệt được tất cả lớn nhỏ trong ngoài, nếu Phật nói tánh thấy là diệu tánh của con thì thân tâm của con là vật gì?

Nếu nói thân tâm chẳng phải diệu tánh thì nay thân tâm thật hay phân biệt sự vật, nếu nói trước mặt là diệu tánh (vì khắp hư không) thì kiến tinh kia sao chẳng phân biệt được thân con?

Như A Nan nói diệu tánh của con, còn thân tâm này sao không phải là con? Vậy làm sao tin được?

Nếu nói kiến tinh vô hình, mà có tự thể đồng như các vật; có mới sanh khởi dụng kia thật là bản tâm của con, thì phải cho con thấy ngay. Vậy kiến tinh trước mắt là thật con, còn thân này thì chẳng phải con.

Thế thì, kiến tinh ở bên ngoài thân, sao được gọi là diệu tánh của con? Có khác gì Như Lai trước kia có hỏi gạn rằng: Vật thấy được con? Mong Phật từ bi khai thị cho kẻ chưa ngộ.

Phật bảo A Nan:

-Nay người nói kiến tinh ở trước mắt người, nghĩa này chẳng đúng. Kiến tinh là thể tinh thần cùng khắp hư không, nếu nói ở trước mắt người là không đúng; thật ở trước mắt người mà người thấy được thì kiến tinh này có phương sở, chẳng phải không chỉ ra được!

Nay ta và người ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem khắp rừng suối và điện đường trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng, người hãy ở trước tòa sư tử của ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy, chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông là hư không, cho đến cỏ cây chỉ mảnh, lớn nhỏ dù khác, hễ có đủ hình tướng thì đều chỉ ra được.

Nếu kiến tinh thật ở trước mắt người thì người phải dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là kiến tinh. A Nan nên biết, nếu hư không là kiến tinh thì cái nào là hư không? Nếu vật là kiến tinh thì cái nào là vật? Người hãy ở nơi vạn tượng phân tích kỹ càng, chỉ cho ta xem cái kiến tinh sáng tỏ ấy, rõ ràng đồng như các vật, chẳng được lầm lẫn!

Nếu nói kiến tinh trước mắt thì phải chỉ cái nào? Như cái tách, trái cây,... phải chỉ rõ như vật tượng trước mắt vậy.

A Nan nói:

-Nay con ở giảng đường này, nhìn xa từ sông Hằng, trên đến nhật nguyệt tùy nơi tay chỉ mắt nhìn, những gì chỉ được đều là vật chứ chẳng phải kiến tinh. Thế Tôn, như lời Phật vừa nói: Chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh Văn như chúng con, cho đến Bồ Tát cũng chẳng thể ở nơi vạn tượng chỉ ra cái kiến tinh là tất cả vật riêng có tự tánh.

A Nan nói với Phật: Từ trên trời cho đến trên trái đất, cái nào chỉ được đều là vật, chứ chẳng phải kiến tinh, không những tụi con chưa chứng quả vô lậu, tức là còn hữu lậu, những Bồ Tát đã chứng quả vô lậu cũng còn chỉ không ra, chẳng thể ở nơi kiến tinh là tất cả vật riêng có tự thể (tự tánh).

Phật nói: Đúng thế! Đúng thế!

Phật lại bảo A Nan:

-Như lời người nói, chẳng có kiến tinh là tất cả vật riêng có tự tánh, vậy thì trong các vật mà người chỉ, chẳng có cái nào là kiến tinh. Nay ta lại bảo người: Người và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà xem từ rừng cây cho đến nhật nguyệt đủ thứ hình tướng sai biệt, nhất định chẳng có kiến tinh cho người chỉ, người hãy phát minh nơi những vật kể trên cái nào chẳng phải kiến tinh?

Hồi này người chỉ được đều là vật, chẳng phải kiến tinh, Phật hỏi lại: Người nói tất cả vật đều không phải là kiến tinh, người hãy xem lại từ trên trời dưới đất, tất cả vật người nói cái nào chẳng có kiến tinh thì người hãy chỉ ra?

A Nan đáp:

-Con xem khắp cả rừng Kỳ Đà thật chẳng biết trong đó cái nào chẳng phải kiến tinh. Tại sao? Nếu cây chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy cây? Nếu cây là kiến tinh thì chẳng nên gọi là cây?

Như cái tách này, nếu cái tách này chẳng phải kiến tinh thì làm sao thấy được cái tách? Nếu cái tách là kiến tinh thì không nên gọi là cái tách.

Như vậy cho đến hư không chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy hư không? Nếu hư không là kiến tinh thì chẳng nên gọi là hư không (bởi vì hư không đã là kiến tinh rồi). Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong vạn tượng không vật nào chẳng phải kiến tinh cả.

Đối với hỏi này thì mâu thuẫn, vì nói tất cả vật chẳng phải kiến tinh, nhưng bây giờ tất cả chỗ nào đều là kiến tinh cả, bởi vì không có kiến tinh thì không thấy được, đã thấy được thì kiến tinh tiếp xúc với vật đó.

Phật nói: Đúng thế! Đúng thế !

Bây giờ, những người chưa đến bậc vô học trong chúng nghe Phật nói vậy ngơ ngác chẳng hiểu đầu đuôi của nghĩa này.

Bởi vì mâu thuẫn, hỏi này nói tất cả vật không phải kiến tinh, bây giờ nói tất cả vật đều là kiến tinh. Người đã chứng quả vô học thì biết được và người chưa chứng quả vô học thì ngơ ngác nghĩa này, đánh mất lý lẽ hiểu biết từ xưa nay.

Vì lý lẽ hiểu biết từ xưa nay thấy bằng con mắt, con mắt thì chỉ được, vì ở trong thân; còn kiến tinh không ở trong thân, thành ra không hiểu được nghĩa này, lý lẽ hiểu biết từ xưa đến nay bị lật đổ hết.

Bỗng nhiên cảm thấy run sợ. Như Lai biết họ băn khoăn lo sợ, sanh lòng thương xót an ủi A Nan và Đại chúng:

-Các thiện nam tử! Lời chân thật của Vô Thượng Pháp Vương chẳng dối chẳng vọng, như sở như thuyết, chẳng phải như bốn thứ tà thuyết càn loạn bất tử của bọn Mạc Già Lê, các người hãy suy xét kỹ, chớ nên làm mất lòng tự tin!

Lược giải:

Tại sao ngờ ngác chẳng biết đầu đuôi của nghĩa này? Vì trước thì nói kiến tinh chẳng phải vật, sau lại nói kiến tinh đều là vật; trước nói diệu tánh hiện tiền, sau lại nói chẳng thể chỉ ra, nên ngờ ngác đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay vậy.

"Nói lời chơn thật, như sở như thuyết" v.v... tức ngũ ngữ trong Kinh Kim Cang. Phật thuyết chơn ngữ là nghĩa chung với nhị thừa (có sanh tử để diệt, có Niết Bàn để chứng); thật ngữ là nghĩa chung với Bồ Tát (nghĩa đại thừa, sanh tử và Niết Bàn đều như hoa đốm trên không); như ngữ là nghĩa chẳng chung với tam thừa (trí tuệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể diễn tả); vô thật vô hư; vô hư nên bất cuoáng ngữ (chẳng dối), vô thật nên bất dị ngữ (thấy trước việc chưa đến gọi là Bất Dị). Ở đây chỉ dùng hai chữ "chẳng vọng" để bao gồm.

Bà Sa Luận nói: Ngoại đạo chấp cõi trời thường trụ gọi là Bất tử, cho "chaúng đáp càn" được sanh cõi trời ấy, nếu thật chẳng biết mà đáp càn, sợ thành càn loạn, nên có ai hỏi thì đáp rằng "Lời bí mật chẳng nên nói hết", hoặc đáp chẳng định. Phật quả rằng: Họ thật là kẻ càn loạn vậy.

Giải giải:

Tại sao bậc hữu học nghe Phật thuyết pháp lại ngờ ngác chẳng biết đầu đuôi nghĩa này? Vì trước kia nói kiến tinh chẳng phải vật, sau lại nói kiến tinh đều là vật, thì mâu thuẫn; trước lại nói diệu tánh hiện tiền, sau lại nói không thể chỉ ra, nên ngờ ngác đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay.

Nói lời chơn thật, như sở như thuyết tức ngũ ngữ trong kinh Kim Cang:

Phật thuyết chơn ngữ là nghĩa chung Thanh Văn và Duyên Giác có tư tưởng chấp thật để phá, rồi có Niết Bàn để chứng. Thật ngữ là nghĩa chung với Bồ Tát không có tư tưởng chấp thật, sanh tử và Niết Bàn như hoa đốm trên hư không là Đại thừa.

Như ngữ là nghĩa chẳng chung với tam thừa tức là Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, trí tuệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể diễn tả.

Vô thật vô hư gọi là bất cuoáng ngữ (chẳng dối), Vô thật nên bất dị ngữ (thấy việc chưa đến gọi là bất dị). Ở đây chỉ dùng hai chữ "chẳng vọng" để bao gồm.

Bà Sa Luận nói: Ngoại đạo chấp cõi đời thường trụ gọi là bất tử. Cho “chẳng đáp càn” được sanh cõi trời ấy, nếu chẳng biết mà đáp càn, sợ thành càn loạn, nên có ai hỏi thì đáp rằng “lời bí mật chẳng nên nói hết” hoặc đáp chỉ định. Phật quả rằng: Họ thật kẻ càn làm loạn vậy.

Chánh văn:

Lúc ấy, Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

-Đại chúng trong Hội này chẳng ngộ hai nghĩa Thị, Phi Thị với Kiến Tinh và Sắc Không của Như Lai vừa hiện bày. Thế Tôn, những hiện tượng sắc không nơi trước mắt, nếu là kiến tinh thì phải chỉ ra được, nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể thấy. Nay chẳng biết nghĩa ấy do đâu, nên có kinh sợ chứ chẳng phải vì xưa kia thiện căn thiếu kém, mong Như Lai từ bi, phát minh những vật tượng và kiến tinh, trong đó chẳng có Thị và Phi Thị kia vốn là vật gì?

Phật bảo Văn Thù và Đại Chúng:

-Mười phương Như Lai và Đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định, thoát khỏi căn trần, kiến tinh (năng kiến) với sắc không (sở kiến), ý năng tướng, tướng sở tướng vốn chẳng thật có, cũng như hoa đốm trên không, vậy kiến tinh và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có Thị hay Phi Thị ở trong đó? Văn Thù, nay ta hỏi ngươi, như ngươi là Văn Thù, lại có Văn Thù nào Thị Văn Thù hay Phi Thị Văn Thù chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con là chơn Văn Thù, chẳng Thị Văn Thù. Tại sao? Nếu có Thị tức có hai Văn Thù, mà nay chẳng phải không có Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng Thị và Phi.

Phật nói:

-Bản kiến diệu minh với hư không và lục trần cũng đều như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ, tròn đầy trong sạch của Vô Thượng Bồ Đề, vọng thành sắc không và kiến văn, như đệ nhị nguyệt, vậy cái nào là Thị nguyệt, cái nào là Phi nguyệt? Văn Thù, chỉ một chơn nguyệt, trong đó vốn chẳng Thị nguyệt Phi nguyệt. Cho nên nay ngươi phát minh đủ thứ kiến tinh và cảnh trần, gọi là vọng tướng, chẳng thể chỉ ra Thị hay Phi Thị. Vì giác tánh tinh diệu sáng suốt, nên khiến ngươi được vượt khỏi "chỉ và phi chỉ" vậy.

A Nan bạch Phật rằng:

-Đúng như Pháp Vương nói, Bản Giác khắp mười phương thế giới, trạm nhiên thường trụ, tánh chẳng sanh diệt. Vậy với cái chấp Minh Đế của bọn Sa Tỳ Ca La và những ngoại đạo nói có Chơn Ngã cùng khắp mười phương có gì sai biệt? Thế Tôn đã từng ở núi Lăng Già giảng dạy nghĩa này cho Đại Huệ rằng: "Bọn ngoại đạo thường nói tự nhiên, ta thuyết nhân duyên, chẳng phải cảnh giới của họ".

Nay con xét thấy cái giác tánh tự nhiên này phi sanh phi diệt, xa lìa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải nhân duyên, vậy so với cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo như thế nào? Xin Phật khai thị để cho chúng con khỏi lọt vào bọn tà, được giác tánh chơn thật sáng tỏ của diệu tâm.

Phật bảo A Nan:

-Nay ta dùng phương tiện chơn thật như vậy khai thị cho người, người còn chưa ngộ, lại lầm cho là tự nhiên. A Nan, nếu chắc là tự nhiên thì tự phải xét rõ cái thể của tự nhiên, người hãy quán xét trong bản kiến diệu minh này, lấy gì làm tự thể? Lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể? Lấy rỗng không làm tự thể hay lấy ngăn bít làm tự thể? Nếu sáng là tự thể thì chẳng thể thấy tối, nếu rỗng không là tự thể thì chẳng thể thấy ngăn bít, như vậy cho đến nếu lấy tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy đã đoạn diệt, sao lại thấy sáng?

A Nan nói:

-Nếu bản tánh diệu kiến này chẳng phải tự nhiên, nay con phát minh là do nhân duyên sanh, nhưng tâm còn chưa rõ. Xin hỏi Như Lai: Nghĩa này như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên?

Phật bảo:

-Người nói nhân duyên, ta lại hỏi người, nay người nhân kiến tinh mà có tánh thấy hiện tiền, vậy cái thấy này nhân sáng có thấy hay nhân tối có thấy? Nhân rỗng không có thấy hay nhân ngăn bít có thấy?

-A Nan, nếu nhân sáng có thấy thì chẳng thể thấy tối; nếu nhân tối có thấy thì chẳng thể thấy sáng. Như vậy cho đến nhân rỗng không, nhân ngăn bít, đều đồng như sáng tối.

-Lại nữa, A Nan, kiến tinh này duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên rỗng không có thấy hay duyên ngăn bít có thấy?

-A Nan, nếu duyên rỗng không có thấy thì chẳng thể thấy ngăn bít; nếu duyên ngăn bít có thấy thì chẳng thể thấy rỗng không. Như vậy cho đến duyên sáng duyên tối, đều đồng như rỗng không và ngăn bít.

-Nên biết cái bản giác diệu minh này phi nhân duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên. Vô Phi và Bất Phi, Vô Thị và Phi Thị, lia tất cả tướng, là tất cả pháp. Nay người sao lại ở trong đó dùng chấp tâm đuổi theo những danh tướng hí luận của thế gian, vọng khởi phân biệt, cũng như dùng tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc, hư không làm sao cho người bắt được?

-Bạch Thế Tôn! Nếu bản kiến diệu minh phi nhân phi duyên, tại sao Thế Tôn thường nói với các Tỳ Kheo rằng: Tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên, tức là nhân không, nhân sáng, nhân tâm, nhân mắt, vậy nghĩa này thế nào?

Phật nói:

-Ta thuyết những tướng nhân duyên của thế gian chẳng phải đệ nhất nghĩa. A Nan, ta lại hỏi người: Người thế gian nói "tôi thấy", vậy cho thế nào gọi là thấy, thế nào gọi là chẳng thấy?

A Nan đáp:

-Người thế gian nhờ ánh sáng nhật nguyệt và đèn, thấy tất cả tướng gọi là thấy, nếu không có ba thứ ánh sáng này thì chẳng thể thấy.

-A Nan, nếu lúc không sáng gọi là chẳng thấy, thì chẳng thể thấy tối, nếu thấy tối chỉ là không sáng thì sao gọi là chẳng thấy?

-A Nan, nếu lúc tối chẳng thấy sáng gọi là chẳng thấy; mà lúc sáng chẳng thấy tối cũng phải gọi là chẳng thấy, vậy thì hai tướng sáng tối đều gọi là chẳng thấy.

-Do hai tướng sáng tối tự đoạt mất nhau, chẳng phải tánh thấy của người tạm thời không có. Vậy thì cả hai đều là thấy, sao nói chẳng thấy?

-A Nan nên biết, trong lúc thấy sáng, kiến tinh chẳng phải sáng; trong lúc thấy tối, kiến tinh chẳng phải tối; trong lúc thấy rỗng không kiến tinh chẳng

phải rỗng không; trong lúc thấy ngăn bít, kiến tinh chẳng phải ngăn bít, bốn thứ nghĩa này vốn sâu như vậy.

-Lại người nên biết: Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến do ly kiến, kiến bất năng cập, tại sao lại nói nhân duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp? Hàng Thanh Văn như các người trí kém tâm hẹp, chẳng thông đạt thật tướng trong sạch, nay ta dạy người nên khéo suy tư, hãy siêng năng tinh tấn, thẳng vào diệu đạo Bồ Đề.

Giải giảng:

Lúc ấy, pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

-Đại chúng trong hội này, chẳng ngộ hai nghĩa Thị, Phi Thị với kiến tinh và sắc không của Như Lai vừa hiện bày. Thế Tôn, những hiện tượng sắc không nơi trước mắt, nếu là kiến tinh chỉ ra được, nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể thấy.

Nay chẳng biết nghĩa đây do đâu, nên có kinh sợ chứ chẳng phải xưa kia thiện căn thiếu kém, mong Như Lai từ bi phát minh, những vật tượng và kiến tinh, trong đó chẳng có Thị và Phi Thị kia vốn là vật gì?

Thị là đúng, Phi Thị là không đúng. Ở trên phân biệt: Kiến tinh là năng thấy, sắc không là sở thấy. Vì người đời cứ chấp cái thấy là con mắt, con mắt thì dính với thân mình, đã có thói quen từ lâu đời.

Lại nói kiến tinh không phải con mắt, mà ở ngoài thân mình, cùng khắp không gian, thân mình cũng có và ngoài thân mình cũng có, nên người ta khó hiểu khó tin.

Cho nên, không biết nghĩa đầu đuôi như thế nào? Không phải vì thiện căn thấp kém, Phật tánh của ai cũng đều như Phật. Mong Như Lai từ bi thuyết rõ những thị phi sắc không, kiến tinh để cho đại chúng được hiểu biết.

Phật bảo Văn Thù và đại chúng:

Mười phương Như Lai và đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định.

Chánh định là tam muội, căn là lục căn, trần là lục trần. Chưa chứng quả còn phải bị lục căn lục trần bó buộc, chưa thoát được. Tất cả Bồ Tát và chư Phật

luôn ở trong chánh định, không dính líu với căn trần, tức là thoát khỏi căn trần.

Kiến tinh (năng kiến) với sắc không (sở kiến), ý năng tương, tương sở tương vốn chẳng thật có, cũng như hoa đốm trên hư không.

Lục căn, lục trần đều do vọng tâm biến hiện. Tất cả thấy được núi sông đất đai, vũ trụ vạn vật, đều là do kiến bệnh mới thấy. Nếu không có kiến bệnh thì không thấy, như con mắt bệnh mới thấy hoa đốm trên hư không.

Vậy kiến tinh và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của Vô thượng Bồ Đề, sao lại có Thị và Phi Thị ở trong đó?

Thị là đúng, phi là sai, đúng sai là tương đối. Vô Thượng Bồ Đề là giác ngộ, là Phật tánh, là bất nhị không có tương đối thì không có đúng sai, cho nên không có Thị và Phi Thị ở trong đó.

Phật gọi Văn Thù: Nay ta hỏi ngươi, ngươi là Văn Thù, lại có Văn Thù nào Thị Văn Thù hay Phi Thị Văn Thù chẳng?

Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con là chơn Văn Thù, chẳng Thị Văn Thù. Tại sao? Nếu có Thị tức là hai Văn Thù, mà nay chẳng phải không có Văn Thù, trong đó chẳng có hai tướng Thị và Phi.

Phật nói:

-Bản kiến diệu minh với hư không và lục trần cũng đều như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ, trần đầy trong sạch của Vô Thượng Bồ Đề, vọng thành sắc không và kiến văn như đệ nhị nguyệt.

Bản kiến tức là tự tánh, có sức thấy gọi là bản kiến, có sức nghe gọi là bản văn, có sức biết gọi là bản tri. Phàm có chữ bản đều là bản tâm, bản tánh, cũng gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả đầy đủ trong sạch, vì do vọng tâm biến hiện thành có sắc không, sắc là vật chất, không là hư không.

Kiến văn là lục căn tức là sự thấy nghe, như đệ nhị nguyệt không phải là đệ nhất nguyệt, đệ nhất nguyệt là bản tâm, là thực tế. Đệ nhị nguyệt biến hiện là vọng.

Vậy cái nào là Thị nguyệt, cái nào là Phi nguyệt? Văn Thù, chỉ có 1 chơn nguyệt, trong đó vốn không có Thị nguyệt và Phi nguyệt. Cho nên, nay

ngươi phát minh đủ thứ kiến tinh và cảnh trần, gọi là vọng tưởng chẳng thể chỉ ra Thị và Phi thị.

Tất cả thấy cái này cái kia đều do con mắt bệnh như thấy hoa đóm trên hư không vậy, kiến tinh là bệnh nên mới thấy, không bệnh thì không thấy. Bởi vì những cái này đều do vọng tâm biến hiện. Một thức biến hiện là nhắm mắt chiêm bao, hai thức cùng biến hiện là mở mắt chiêm bao; có nhắm mắt chiêm bao, nên biết cảnh mở mắt chiêm bao. Tất cả kiến văn giác tri, lục căn tiếp xúc lục trần đều có cảnh mở mắt chiêm bao, mở mắt chiêm bao là do kiến bệnh mới có.

Chỉ có mặt trăng chơn thật, không có mặt trăng đúng và không có mặt trăng sai, cũng như chỉ có 1 Văn Thù, chứ không có Văn Thù đúng và Văn Thù sai. Cho nên, gọi là vọng tưởng chẳng thể chỉ ra thị hay phi thị.

Vì giác tánh tinh diệu sáng suốt, nên khiến ngươi được vượt khỏi “chỉ” và “phi chỉ” vậy.

Bản thể tự tánh vốn là tinh diệu sáng suốt không có thể dùng lời nói để diễn tả được, nên khiến người ta vượt khỏi “chỉ” và “phi chỉ”.

A Nan bạch Phật rằng: Đúng như pháp vương nói, bản giác khắp 10 phương thế giới, trạm nhiên thường trụ (không hoại) tánh không có sanh diệt (vô thị vô chung).

Vậy với cái chấp Minh Đế của bọn Sa Tỳ Ca La những ngoại đạo nói có chơn ngã cùng khắp 10 phương có gì sai biệt? Thế Tôn đã từng ở núi Lăng Già giảng dạy nghĩa này cho Đại Huệ (đại diện đương cơ trong kinh Lăng Già) rằng: “Bọn ngoại đạo thường nói tự nhiên, ta thuyết nhân duyên, chẳng phải cảnh giới của họ”.

Nay con xét thấy cái giác tánh tự nhiên này phi sanh phi diệt, xa lìa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải nhân duyên, vậy so với cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo như thế nào? Xin Phật khai thị để cho chúng con khỏi lọt vào bọn tà, được giác tánh chơn thật của diệu tâm.

Phật bảo A Nan:

-Nay ta dùng phương tiện chân thật như vậy để khai thị cho ngươi, ngươi còn chưa ngộ, lại lầm cho là tự nhiên. A Nan, nếu chắc là tự nhiên ngươi hãy

xét rõ cái thể của tự nhiên, người hãy quán xét trong bản kiến diệu minh này, lấy gì làm tự thể?

Vì kiến tinh phân biệt sáng, phân biệt tối, phân biệt rộng không, phân biệt ngăn bít, 4 tướng này khác nhau, do kiến tinh mà phân biệt. Nếu người nói tự nhiên thì phải có bản thể tự nhiên. Vậy lấy cái nào làm bản thể tự nhiên? Không có sáng thì tối, có vách tường thì ngăn bít, mở cửa ra thì thông.

Nếu lấy sáng làm tự thể thì bản thể đã sáng rồi, làm sao tối được? Nếu lấy tối làm tự thể thì bản thể đã là tối rồi, làm sao sáng được? Bởi vì sáng với tối đoạn mất lẫn nhau. Lấy thông và nghẽn cũng vậy. Lấy rộng không làm tự thể hay lấy ngăn bít làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy đã đoạn diệt, sao lại thấy sáng? (Lấy cái nào làm tự thể cũng không được).

A Nan nói:

-Nếu bản tánh diệu kiến này chẳng phải tự nhiên, nay con phát minh là do nhân duyên sanh, nhưng tâm con còn chưa rõ. Xin hỏi Như Lai nghĩa này như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên? (Nói tự nhiên thì Phật bác không đúng thì A Nan lại nói nhân duyên).

Phật bảo:

-Người nói nhân duyên, ta lại hỏi người, nay người nhận kiến tinh mà có tánh thấy hiện tiền, vậy cái thấy này nhân sáng có hay nhân tối có thấy? Nhân rộng không có thấy hay nhân bít có thấy?

Nhân kiến tinh mới thấy 4 tướng: Sáng, tối, rộng không, ngăn bít. Nếu nói nhân duyên thì nhân sáng mới thấy, nhân tối mới thấy, nhân rộng không có thấy hay nhân ngăn bít có thấy? Nếu nhân sáng có thấy thì không có tối, nhân rộng không có thấy thì không có ngăn bít, hai cái kia cũng như vậy.

Lại nữa, A Nan kiến tinh này duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên rộng không có thấy hay duyên ngăn bít có thấy?

Nói nhân nói duyên thì cũng vậy. Duyên là trợ duyên sanh ra cái thấy. Nếu duyên sáng có thấy thì không thấy tối. Duyên rộng không có thấy thì không thấy ngăn bít, cũng như ở trên nói vậy.

Nên biết các bản giác diệu minh này phi nhân duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên. vô phi và bất phi, vô thị và phi thị, lìa tất cả tướng là tất cả pháp.

Tất cả tương đối đều không phải, tự tánh cùng khắp không gian và khắp thời gian, không có thể nói là 1, làm sao có tương đối, có đúng sai, có tự nhiên có nhân duyên, hay bất tự nhiên, bất nhân duyên đều là không phải. Lìa tất cả tướng là tất cả pháp, đó là nghĩa vô sở trụ. Nếu dính vào tướng nào đều không phải.

Nay người sao lại ở trong đó dùng chấp tâm đuổi theo các danh tướng, lý luận của thế gian.

Lời nói và suy nghĩ của thế gian gọi thế lưu bố tướng, phạm phu ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng, tức cho là thật. Thế là thế gian, lưu là lưu hành, bố là phổ biến, tướng là tư tướng.

Trong ngũ âm thuộc tướng âm, vì có tướng âm nên có suy nghĩ sai lầm mới cho là nhân duyên, tự nhiên... đó là chấp tâm của thế gian biến hiện mới có những danh tướng hý luận. Như cái tách cho là cái tách chân thật, do ở trong mở mắt chiêm bao mới thấy.

Vọng khởi phân biệt cũng như dùng tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc, hư không làm sao cho người bắt được?

Lược giải:

Hai chữ Kiến Kiến tức là bản kiến tự hiện, chẳng có năng kiến, sở kiến, Phật đã giải thích kỹ càng trong quyển nhì này; nếu có năng sở, đều là kiến bệnh đã thành từ vô thi, có năng kiến năng giác đều là bệnh. Vì bản kiến bản giác chẳng ở trong bệnh mới gọi là kiến kiến, tức là kiến tánh.

Tự tánh chẳng phải sở kiến, nên cũng chẳng có năng kiến để kiến tự tánh, vậy lúc kiến kiến (Kiến kiến chi thời), dù nói kiến nhưng chẳng phải là kiến (Kiến phi thị kiến), vì chẳng có năng kiến và sở kiến, cho nên nói kiến còn phải lìa kiến (kiến do ly kiến), vì Năng kiến chẳng thể thấy đến, nên nói Kiến bất năng cập.

Giải giảng:

“Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến do ly kiến kiến bất năng cập” là âm chữ Hán. Người giảng kinh Lăng Nghiêm thường lấy hai chữ kiến làm năng sở, có người lấy chữ “kiến trước” làm năng, chữ “kiến sau” làm sở. Có

người lấy chữ “kiến sau” làm năng, chữ “kiến trước” làm sở. Nhưng theo ý trong kinh, không phải là năng sở, kiến kiến (kiến tánh) là bản kiến tự hiện.

“**Kiến kiến**” chẳng có năng kiến, chẳng có sở kiến, Phật giải thích rất kỹ trong quyển nhì; thường thường người đọc hay lướt qua, vì tập khí lâu đời chứa trong bụng có thành kiến sẵn. Cứ theo tư tưởng của mình chấp thật, không chú ý Phật nói trong kinh.

Trong đó nói có năng sở là kiến bệnh đã thành từ vô thi. Như con mắt bệnh mới thấy hoa đốm trên hư không, mình thấy vũ trụ vạn vật đã thành kiến bệnh từ vô thi, có năng kiến năng giác đều là bệnh. **Bản kiến bản giác không bệnh gọi là kiến kiến, tức là tự tánh tự hiện không có năng sở. Vì tự tánh bất nhị, nên không có năng kiến sở kiến, năng giác sở giác.**

Tự tánh chẳng phải sở kiến, thường thường người ta giải kiến tánh là kiến tự tánh, nên có năng kiến để kiến tự tánh. Nếu có năng kiến để kiến tự tánh thì tự tánh thành sở kiến. Tự tánh thành sở kiến không gọi là kiến tánh, chẳng có năng kiến để kiến tự tánh. Vì tự tánh không có năng sở, khắp không gian thời gian; kiến lập 1 còn không được, huống chi kiến lập 2 làm năng sở!

Vậy lúc kiến kiến (kiến chi thời), dù nói kiến chẳng phải là kiến; vì theo thể lưu bố tướng, lời nói của thể gian nên mới nói là kiến. Theo thể gian nói có năng kiến thì phải có sở kiến, nhưng ở đây tuy nói là kiến, nhưng không phải là kiến, kiến chẳng phải là kiến (kiến phi thị kiến). Vì chẳng có năng kiến và sở kiến, cho nên kiến còn phải lìa kiến (kiến do ly kiến).

Nếu trụ nơi kiến thì lọt vào trước tướng, bậc Thánh chỉ có thể lưu bố tướng, do người thể gian đã lưu hành phổ biến, nên bậc Thánh cũng phải nói là kiến. Nhưng không ở trong cái kiến này chấp là chân thật. Có kiến thật thì phải có năng kiến và sở kiến.

Bởi vì, bản kiến khắp không gian thời gian, vô thi vô chung, vô sanh vô diệt, thành ra không thể thành lập cái kiến. Cho nên lúc thuyết pháp, tuy nói kiến còn phải lìa kiến. Nếu chấp thật kiến sanh ra trước tướng gọi là điên đảo tướng. Vì năng kiến chẳng thể thấy đến (kiến bất năng cập).

Chánh văn:

-Bạch Thế Tôn! Phật vì chúng con hiển bày các tướng nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp và chẳng hòa hợp, tâm còn chưa rõ, nay lại nghe nói Kiến Kiến Phi Kiến, khiến con càng thêm mê muội, cúi xin Phật mở lòng từ bi, khai thị cho chúng con được diệu tâm sáng tỏ trong sạch.

Nói xong, rơi lệ đánh lễ, kính nghe lời dạy của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và đại chúng, sắp khai giảng pháp tổng trì (tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa), những đường tu vi diệu của các thiên quán Tam Ma Đề, bảo A Nan rằng:

-Người dù nhớ hay, nhưng chỉ thêm phân học rộng nghe nhiều, đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp Sa Ma tha, tâm còn chưa rõ, nay người hãy chú ý nghe, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến hàng hữu lậu tương lai sẽ được chứng quả Bồ Đề.

-A Nan, tất cả chúng sanh cam chịu luân hồi, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sanh, ngay đó theo nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến?

1. Vọng kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh.

2. Vọng kiến Đồng Phận của chúng sanh.

-Sao gọi là vọng kiến Biệt Nghiệp?

-A Nan! Như người thế gian con mắt bị nhắm, ban đêm thấy ánh sáng, riêng có bóng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý người thế nào? Cái bóng tròn hiện nơi ánh đèn này là màu sắc của ngọn đèn hay là màu sắc của kiến tinh?

-Nếu là màu sắc của ngọn đèn, thì người không nhắm sao chẳng cùng thấy, mà chỉ có người nhắm mới thấy bóng tròn này? Nếu là màu sắc của kiến tinh, kiến tinh đã thành màu sắc, thì người nhắm thấy bóng tròn kia gọi là cái gì?

-Lại nữa A Nan! Nếu lia ngọn đèn riêng có bóng tròn này, thì khi nhìn qua bình phong, bàn ghế, phải có bóng tròn hiện ra, nếu lia kiến tinh riêng có bóng tròn thì chẳng phải mắt thấy, vậy sao người nhắm lại thấy bóng tròn?

-Nên biết, màu sắc ở nơi đèn, do mắt bị bệnh mới thấy bóng tròn, bóng tròn và cái thấy đều là bệnh nhắm, kẻ thấy được nhắm thì chẳng phải bệnh; chớ

nên nói bóng tròn là đèn, là thấy, hoặc nói chẳng phải ngọn đèn chẳng phải cái thấy.

-Ví như đệ nhị nguyệt chẳng phải bản thể, cũng chẳng phải bóng của đệ nhất nguyệt. Tại sao? Vì do bụi mắt mới thành có đệ nhị nguyệt. Người trí chẳng nên truy cứu cái đệ nhị nguyệt này là hình bóng hay chẳng phải hình bóng, là kiến tinh hay chẳng phải kiến tinh, vì đó là do bụi mắt sanh ra, thế thì cái bóng tròn này cũng vậy, do mắt nhắm mà thành, nay muốn gọi cái nào là màu sắc của ngọn đèn, cái nào là màu sắc của kiến tinh? Huống còn vọng sanh phân biệt, cho là chẳng phải màu sắc của ngọn đèn, chẳng phải màu sắc của kiến tinh ư?

Giảng giải:

-Bạch Thế Tôn! Phật vì chúng con hiển bày các tướng nhân duyên, tự nhiên hòa hợp tâm con chưa rõ, nay lại nghe nói kiến kiến phi kiến, khiến con càng thêm mê muội, cuối xin Phật mở lòng từ bi khai thị cho chúng con diệu tâm sáng tỏ trong sạch.

Nói xong rơi lệ đánh lễ kính nghe lời dạy của Phật.

Bấy giờ Thế Tôn thương xót A Nan và đại chúng khai giảng pháp tông trì (tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa) những đường tu vi diệu của các thiên quán Tam Ma Đề bảo A Nan rằng:

-Ngươi dù nhớ hay nhưng chỉ thêm phần học rộng nghe nhiều, đối sự quán chiếu vi diệu của pháp Sa Ma Tha tâm còn chưa rõ, nay ngươi hãy chú ý nghe ta sẽ vì ngươi khai thị từng lớp một, cùng khiến hàng hữu lậu tương lai sẽ được chứng quả Bồ Đề.

Sa Ma Tha dịch là cực tịnh giống như Không quán của tông Thiên Thai, kinh Viên Giác ví dụ cái gương cực tịnh không lay động, nhưng dụng luôn luôn hiển bày. Người Hán đến hiện người Hán, người Hồ đến hiện người Hồ, nam đến hiện nam, nữ đến hiện nữ,... cái dụng luôn luôn rõ ràng, tuy bóng hiện trong đó có thay đổi, nhưng gương không lay động; tự tánh của mình cũng vậy, chẳng động chẳng hoại.

A Nan, tất cả chúng sanh cam chịu luân hồi là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt ngay đó phát sanh, ngay đó theo nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến?

Vọng kiến là kiến chấp cũng là ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng tức là có sở trụ, còn bản thể tự tánh là vô sở trụ. Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”. Vì hai thứ vọng kiến phải cam chịu luân hồi, hai thứ vọng kiến là cái gì?

-Vọng kiến biệt nghiệp của chúng sanh.

-Biệt kiến đồng vọng của chúng sanh.

Sao gọi là vọng kiến biệt nghiệp? (Nghiệp riêng tức là nghiệp mỗi người mỗi khác).

A Nan! Như người thế gian con mắt bị nhắm, ban đêm thấy bóng đèn riêng có bóng tròn ngũ sắc bao phủ, ý người thế nào? Cái bóng tròn hiện nơi ánh đèn này là màu sắc của ngọn đèn hay màu sắc của kiến tinh?

Người mắt bệnh thấy xung quanh ngọn đèn có màu sắc bao phủ. Trong kính cho năng thấy là kiến tinh (tánh thấy), trước có giải thích không phải do mắt thấy, là có tánh thấy khắp không gian thời gian, tồn tại vĩnh viễn. Người chết rồi, nhưng tánh thấy vẫn còn, không chết mất gọi là kiến tinh.

Bây giờ, mình thấy cái này cái kia đều do kiến tinh mới thấy được, không phải do con mắt; nếu nói do mắt thấy, tại sao người chết còn con mắt sao lại không thấy? Ở trên Phật có giải thích. Mắt nhắm nên mới thấy ngũ sắc bao xung quanh ngọn đèn. Vậy, nói màu sắc của ngọn đèn hay màu sắc của kiến tinh?

Nếu là màu sắc của ngọn đèn thì người không nhắm sao không thấy? Người bệnh nhắm mới thấy, người không bệnh nhắm không thấy thì chứng tỏ màu sắc đó không phải của ngọn đèn.

Nếu là màu sắc của kiến tinh thì kiến tinh đã thành màu sắc (kiến tinh là năng kiến), kiến tinh đã thành màu sắc thì người nhắm thấy bóng đèn tròn đó là ai thấy? Thấy là kiến tinh thấy, kiến tinh đã thành màu sắc thì năng thấy là ai? Người thấy bóng tròn kia là cái gì? Vậy là vô lý!

Lại nữa, A Nan! Nếu lia ngọn đèn riêng có bóng đèn này thì khi nhìn qua bình phong, bàn ghế phải có bóng tròn hiện ra. Nhưng sự thật thì không phải, đều không có chỉ ở xung quanh bóng đèn. Nếu lia kiến tinh riêng có bóng tròn thì chẳng phải mắt thấy, vì kẻ thấy là kiến tinh, nếu lia kiến tinh thì không có năng thấy, vậy sao người nhắm lại thấy bóng tròn? Cũng

không đủ lý do. Nên biết, màu sắc ở nơi đèn, do mắt bị bệnh nên thấy bóng tròn, bóng tròn và cái thấy đều là bệnh nhặm, (chứ không có sự chân thật) kẻ thấy được nhặm thì chẳng phải bệnh, chớ nên nói bóng tròn là đèn, là thấy, hoặc nói chẳng phải ngọn đèn chẳng phải cái thấy.

Vì việc đó là vọng, không có thể nói thấy hoặc chẳng thấy, nói là đèn hay chẳng là đèn, vì vốn không có, tại con mắt bệnh mới có.

Ví như đệ nhị nguyệt chẳng phải bản thể cũng chẳng phải bóng của đệ nhất nguyệt.

Như trên có nói, chỉ có 1 mặt trăng là chơn nguyệt, vì do mắt bệnh nên thấy mặt trăng thứ 2 (đệ nhị nguyệt), không phải bản thể mặt trăng và không phải bóng của mặt trăng chân thật.

Tại sao? Vì dụi mắt thấy thành đệ nhị nguyệt, nên người trí không cần truy cứu đệ nhị nguyệt là hình bóng hay chẳng phải hình bóng, là kiến tinh hay chẳng kiến tinh.

Khi không dụi mắt mới thấy mặt trăng thứ 2, nếu không dụi mắt thì đâu thấy có mặt trăng thứ 2. Bây giờ thấy mặt trăng thứ 2 và lại hỏi mặt trăng thứ 2 là gì, hình bóng hay chẳng phải hình bóng, là kiến tinh hay chẳng phải là kiến tinh.

Đó là việc vô lý, do dụi mắt sinh ra; thế thì cái bóng tròn này cũng vậy, do mắt nhặm mà thành; nay muốn gọi cái nào là màu sắc của ngọn đèn, cái nào là màu sắc của kiến tinh? Tất cả đều việc vô lý, việc không có mà nói thành có.

Huống còn vọng sanh ra phân biệt, cho là chẳng phải màu sắc của ngọn đèn, chẳng phải màu sắc của kiến tinh ư? Phải và chẳng phải đâu có dính dáng gì! Tất cả đều là vọng.

Chánh văn:

Sao gọi là vọng kiến Đồng Phận?

-A Nan! Ở cõi Ta Bà này, trừ biển cả ra, phần đất bằng gồm có ba ngàn châu, ở giữa là đại châu, Đông Tây bao gồm hai ngàn ba trăm nước, ngoài ra

các tiểu châu ở giữa biển hoặc có từ hai trăm đến ba trăm nước, hoặc có từ một, hai cho đến bốn mươi, năm mươi nước.

A Nan, ví như trong đó có một tiểu châu, chỉ có hai nước, dân một nước thì đồng cảm ác duyên, khiến cả nước cùng thấy tất cả cảnh giới chẳng lành, như những ác tướng do nhật nguyệt, tinh tú và khí trời hiện ra v.v... Chỉ cả nước này thấy đủ thứ ác tướng như vậy, còn dân nước kia lại chẳng hề thấy nghe những ác tướng đó.

-A Nan, nay ta vì người đem hai việc kể trên so sánh cho rõ: Như chúng sanh kia vọng kiến biệt nghiệp, thấy bóng tròn hiện nơi ánh đèn, dù hình như có cảnh tượng trước mắt, nhưng cái thấy ấy vốn do mắt nhắm mà thành, nhắm tức là kiến bệnh, chẳng phải màu sắc sở tạo, nhưng người thấy được nhắm thì chẳng có kiến bệnh (biết Phật tánh vẫn là bệnh, phải được thấy Phật tánh mới hết bệnh).

-Như người hôm nay, dùng con mắt thấy núi sông đất đai và chúng sanh, đều là cái kiến bệnh đã thành từ vô thi. Tại sao? Vì có năng thấy và sở thấy, nên tựa như cảnh tượng hiện ra trước mắt, giống cái giác minh của người duyên cái sở thấy thành nhắm.

-Bản giác có năng thấy tức là nhắm, "Bổn giác minh tâm" là tự tánh, cái giác ấy vốn chẳng phải bệnh, có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đó mới thật là Kiến Kiến (tức là kiến tánh). Đã được kiến tánh thì đâu còn tên gọi là Kiến, Văn, Giác, Tri nữa!

-Cho nên, người hôm nay thấy ta, thấy người và thấy tất cả chúng sanh đều do kiến bệnh, nếu chẳng phải kẻ có kiến bệnh, thì cái kiến ấy chơn thật, thể tánh chẳng bệnh nên chẳng gọi là Kiến.

-A Nan! Vọng kiến Đồng Phận của cả nước, cũng như vọng kiến Biệt Nghiệp của một người. Người mắt nhắm thấy bóng tròn kia là do biệt nghiệp sở sanh; cả nước đồng phận sở dĩ thấy tướng chẳng lành này là do cộng nghiệp tạo nên. Cả hai đều là kiến bệnh đã thành từ vô thi.

-Tất cả chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến mười phương các nước hữu lậu, đều vì đem cái sáng tỏ vô lậu của diệu tâm, cùng với bệnh duyên hư vọng của kiến, văn, giác, tri, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu được xa lìa các duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp, thì diệt trừ được những cái nhân sanh tử, tự hiện tánh đầy đủ chẳng sanh diệt của Bồ Đề, nên được bản tâm trong sạch bản giác thường trụ.

Giải đáp:

Sao gọi là vọng kiến đồng phận?

-A Nan! Ở cõi Ta Bà này, trừ biển cả ra phần đất bằng gồm có 3.000 châu, Đông Tây bao gồm 2.300 nước, ngoài ra các tiểu châu ở giữa các biển, hoặc có từ 200 đến 300 nước hoặc có từ 1, 2 cho đến 40, 50 nước.

Đây là kiến thức thời Phật thuyết pháp người ta chỉ biết bao nhiêu đó, Phật thuyết pháp cho đương cơ, cho biết tình hình thế giới bao nhiêu vậy thôi. Khoa học bây giờ hiểu biết khác, lúc ấy người ta hiểu biết đến đâu thì Phật chỉ nói đến đó, Phật chỉ muốn nói rõ vọng kiến đồng phận.

A Nan, ví như trong đó có 1 tiểu châu, chỉ có 2 nước, dân 1 nước thì đồng cảm ác duyên, khiến cả nước cùng thấy tất cả cảnh giới chẳng lành, như những ác tướng do nhật nguyệt, tinh tú và khí trời hiện ra, chỉ cả nước này thấy đủ ác tướng như vậy, còn dân nước kia lại chẳng thấy nghe những ác tướng ấy.

Như mình đang ở nước Mỹ không có gì, còn những chỗ khác có bão lụt là cùng cảm ác duyên đó mới cùng chịu cảnh tai nạn. Đó gọi là vọng kiến đồng phận (cộng nghiệp).

A Nan, nay ta vì người đem hai chuyện kể trên so sánh cho rõ: Như chúng sanh kia vọng kiến biệt nghiệp, thấy bóng tròn hiện nơi ánh đèn, dù hình như có cảnh tượng trước mắt, nhưng cái thấy vốn do mắt nhắm mà thành, nhắm tức là kiến bệnh, chẳng phải màu sắc sở tạo, nhưng người ta thấy được nhắm, thì chẳng có kiến bệnh (biết có Phật tánh vẫn là bệnh, phải thấy Phật tánh mới là hết bệnh).

Như người hôm nay, dùng con mắt thấy núi sông đất đai và chúng sanh, đều là cái thấy kiến bệnh đã thành từ vô thủy.

Bây giờ, mình thấy cái này cái kia đều là kiến bệnh đã thành từ vô thủy, nhưng không ai nhìn nhận như vậy, cho đến nhà khoa học, nhà triết học đều cho cái thấy này là chân thật, nhưng Phật nói có bệnh nên mới thấy cái này cái kia, ở trước mắt mình đều là kiến bệnh.

Tại sao? Vì có năng thấy và sở thấy nên tựa như cảnh tượng hiện ra trước mắt, vốn cái giác minh của người duyên cái sở thấy thành nhắm.

Cái năng thấy có bệnh tức là nhậm. “Bản giác minh tâm” là tự tánh, cái giác ấy vốn chẳng có bệnh, nhưng có năng giác và sở giác mới thành bệnh (phàm có năng sở đối đãi đều là bệnh). Nếu bản giác không ở trong bệnh, đó mới thật là kiến kiến (kiến tánh). Đã được kiến tánh thì đâu còn tên gọi kiến, văn, giác, tri nữa!

Do con mắt bệnh mới có kiến, văn, giác tri, nên Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô lục căn, vô lục trần, vô lục thức”, dùng chữ “vô” để quét sạch, lục căn tiếp lục trần sanh ra lục thức trở thành kiến bệnh từ vô thi. Bát Nhã Tâm Kinh không giải thích, nhưng kinh Lăng Nghiêm giải thích từng lớp một.

Cho nên, người hôm nay thấy ta, thấy người và thấy tất cả chúng sanh đều do kiến bệnh, nếu chẳng phải kẻ có kiến bệnh thì cái kiến ấy chơn thật, thể tánh chẳng bệnh nên chẳng gọi là kiến.

Bây giờ, gọi kiến là bệnh, vì người thế gian đặt tên kiến, tại có bệnh nên mới đặt tên như vậy. Tự tánh không có năng kiến và sở kiến, nên không có tên gọi là kiến. Phật thuyết pháp muốn cho người thế gian được hiểu, phải dùng lời nói của thế gian, nên Phật mới phân biệt thế lưu bố tướng và trước tướng.

Người thế gian đặt ra lưu hành phổ biến gọi là thế lưu bố tướng, phàm phu ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng gọi là điên đảo tướng, còn bậc thánh thuyết pháp cũng gọi theo thế gian, nhưng không sanh ra trước tướng, nên không gọi là điên đảo tướng (Đại Niết Bàn).

A Nan, vọng kiến Đồng Phận của cả nước cũng như vọng kiến Biệt Nghiệp của một người. Người mắt nhậm thấy bóng kia là do biệt nghiệp sở sanh, cả nước đồng phận sở dĩ thấy tướng chẳng lành này là do cộng nghiệp tạo nên. Cả hai đều là kiến bệnh đã thành từ vô thi.

Một mình thấy riêng là kiến bệnh đã thành từ vô thi, chung một nước cùng thấy cũng là kiến bệnh từ vô thi. Nếu không có kiến bệnh thì không phải là thấy hay chẳng thấy. Việc đó sau khi ngộ mới biết được, bây giờ Phật dùng lời nói cũng không thể cho mình hiểu được, Phật chứng tỏ cái bệnh của mình, chứ không phải chứng tỏ cái không có bệnh.

Như mình ở trong chiêm bao, nếu muốn biết việc không chiêm bao thì phải nhảy ra ngoài chiêm bao. Nếu cứ ở trong chiêm bao truy tìm thì tìm không ra được, vì gặp đâu cũng là cảnh chiêm bao.

Tất cả chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến 10 phương các nước hữu lậu (hữu lậu là đối với vô lậu, lậu là tập khí phiền não, Tiểu thừa chứng quả A La Hán thì tất cả hữu lậu kiến hoặc, tư hoặc đều hết thì chứng vô lậu. Còn những người chưa hết kiến hoặc, tư hoặc của tam giới thì còn là hữu lậu), đều vì đem cái sáng tỏ vô lậu của diệu tâm (diệu tâm không có tập khí phiền não nên gọi là vô lậu), cùng với duyên hư vọng của kiến, văn, giác tri, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử.

Mình bị sanh tử nhưng không mất Phật tánh, chỉ là đem diệu tâm để hòa hợp vọng tưởng, thành có sanh tử, tức là vọng sanh vọng tử, sanh tử đều là vọng.

Nếu được xa lìa các duyên hòa hợp (hòa hợp với chẳng hòa hợp là tương đối đều không đúng) thì diệt trừ được những cái nhân sanh tử, tự hiện tánh đầy đủ chẳng sanh diệt của Bồ Đề, nên được bản tâm trong sạch bản giác thường trụ.

Chánh văn:

-A Nan! Người dù đã ngộ bản giác diệu minh, thể tánh phi nhân duyên phi tự nhiên, nhưng còn chưa rõ bản giác này chẳng phải do hòa hợp sanh, cũng chẳng phải không hòa hợp.

A Nan, ta dùng sự tiền trần hỏi người, nay người còn bị những tánh nhân duyên vọng tưởng hòa hợp của thế gian mà tự nghi hoặc, lại cho sự chứng tâm Bồ Đề là do hòa hợp sanh khởi. Vậy thì cái kiến tinh vi diệu trong sạch này là hòa với sáng hay hòa với tối? Hòa với thông hay hòa với nghẽn?

-Nếu hòa với sáng, thì khi người thấy sáng hiện tiền, kiến tinh xen lộn ở đâu? Tướng thấy còn có thể phân biệt, cái hình tướng xen lộn là như thế nào?

-Nếu chẳng phải kiến tinh thì làm sao thấy sáng? Nếu là kiến tinh thì làm sao kiến tinh lại thấy kiến tinh?

-Nếu kiến tinh đầy khắp thì còn chỗ nào hòa với sáng? Nếu sáng đầy khắp thì còn chỗ nào để hòa với kiến tinh. Kiến tinh phải khác với sáng, khi xen lộn thì làm mất tánh sáng, nếu mất tánh sáng, nói hòa với sáng là chẳng đúng. Hòa tối, hòa thông, hòa nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-Lại nữa, A Nan! Kiến tinh của người là hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với nghẽn?

-Nếu hợp với sáng, thì khi tối, tướng sáng đã diệt, thì kiến tinh này chẳng thể hợp với tối, làm sao thấy tối? Nếu lúc thấy tối chẳng hợp với tối, thì khi hợp với sáng cũng chẳng phải thấy sáng. Đã chẳng thấy sáng, sao nói hợp với sáng, và biết cái sáng chẳng phải tối? Hợp tối, hợp thông, hợp nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-Bạch Thế Tôn! Theo con suy nghĩ, cái bản giác này với các cảnh trần và cái tâm niệm tưởng là chẳng hòa hợp.

Phật bảo:

-Nay ngươi lại cho là chẳng hòa hợp, ta lại hỏi ngươi, cái kiến tinh này nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa với sáng hay chẳng hòa với tối? Chẳng hòa với thông hay chẳng hòa với nghẽn?

Nếu chẳng hòa với sáng, thì kiến tinh với cái sáng phải có ranh giới, vậy ngươi hãy xét xem chỗ nào là sáng? Chỗ nào là kiến tinh? Giữa kiến tinh với sáng, ranh giới ở đâu?

-A Nan! Nếu ở nơi sáng chẳng có kiến tinh thì sáng và kiến tinh chẳng tiếp xúc nhau, làm sao thấy được tướng sáng để thành lập ranh giới? Hòa tối, hòa thông, hòa nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-Lại nữa, kiến tinh của ngươi nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa hợp với sáng hay chẳng hòa hợp với tối? Chẳng hợp với thông hay chẳng hợp với nghẽn?

-Nếu chẳng hợp với sáng, thì kiến tinh với sáng hai tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với sáng chẳng thể tiếp xúc, thế thì cái thấy còn chẳng biết chỗ của tướng sáng, làm sao xét rõ cái lý hợp hay chẳng hợp? Hợp tối, hợp thông, hợp nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-A Nan! Ngươi còn chưa rõ tất cả tướng huyễn hóa nơi tiền trần, tùy nơi nhân duyên sanh ra, theo nơi nhân duyên diệt mất, thể tánh của tướng huyễn hóa hư vọng này vốn là diệu giác sáng tỏ, như vậy cho đến ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, vì nhân duyên hòa hợp, hư vọng cho là có sanh, nhân duyên tan rã, hư vọng cho là có diệt, mà chẳng biết sanh diệt khứ lai vốn là Như Lai Tạng, cũng gọi là diệu minh thường trụ, bất động chu viên (cùng khắp không gian), diệu tánh chơn như, nơi tánh chơn thường tìm sự khứ lai, mê ngộ, sanh diệt đều bất khả đắc.

Giải giảng:

A Nan! Người dù đã ngộ bản giác diệu minh, thể tánh phi nhân duyên phi tự nhiên, nhưng còn chưa rõ cái bản giác này chẳng phải do hòa hợp sanh, cũng chẳng phải không hòa hợp.

A Nan, ta dùng tiền trần hỏi người (tiền trần là sắc, hương, vị, xúc. Còn ý căn là pháp trần, không phải trước mắt, như mình ở đây có thể nghĩ về Việt-Nam, chỗ này chỗ kia), nay người còn bị những tánh nhân duyên vọng tưởng hòa hợp của thế gian mà tự nghi hoặc, lại cho sự chứng tâm Bồ Đề là do hòa hợp sanh khởi.

Vậy, kiến tinh vi diệu trong sạch này là hòa với sáng hay hòa với tối? Hòa với thông hay hòa với nghẽn?

Phát hiện tiền trần, 4 nhân duyên (sáng, tối, thông, nghẽn), nói kiến tinh thấy sáng thì hòa với sáng, đã hòa với sáng thì lúc tối không thấy tối, làm sao kiến tinh phân biệt được sáng tối? Hòa thông hòa nghẽn nghĩa cũng vậy. Nhưng Phật ở đây giải thích rõ ràng hơn.

-Nếu hòa với sáng thì khi người thấy sáng hiện tiền, kiến tinh xem lộn ở đâu? Tướng thấy còn có thể phân biệt, cái hình tướng xen lộn là như thế nào?

Nếu chẳng phải kiến tinh làm sao thấy sáng? Nếu là kiến tinh thì làm sao kiến tinh lại thấy kiến tinh?

Kiến tinh đã hòa với sáng, thì thấy sáng tức là thấy kiến tinh! Vậy kiến tinh làm sao thấy được kiến tinh? Kiến tinh là năng kiến, sáng là sở kiến. Nếu kiến tinh hòa với sáng thì kiến tinh thành sở thấy rồi. Kiến tinh thấy kiến tinh là vô lý!

Nếu kiến tinh đầy khắp thì còn chỗ nào hòa với sáng? Nếu sáng đầy khắp thì chỗ nào để hòa với kiến tinh? (Vì sáng khắp hư không, bản thể kiến tinh cũng khắp hư không thì có chỗ nào để hòa!) kiến tinh phải khác với sáng (kiến tinh thì biết, sáng thì vô tri), khi xen lộn thì làm mất tánh sáng, nếu mất tánh sáng, nói hòa với sáng là chẳng đúng. Hòa tối, hòa thông, hòa nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-Lại nữa, A Nan! Kiến tinh của người là hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với nghẽn?

-Nếu hợp với sáng thì khi tối, tướng sáng này đã diệt thì kiến này chẳng hợp với tối, làm sao thấy tối? Nếu lúc thấy tối chẳng hợp với tối thì khi hợp với sáng cũng chẳng thấy sáng. Đã chẳng thấy sáng, sao nói hợp với sáng; và biết cái sáng chẳng phải tối? Hợp tối, hợp thông, hợp nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-Bạch Thế Tôn! Theo con suy nghĩ cái bản giác này với các cảnh trần và cái tâm niệm tưởng là chẳng hoà hợp. (Trước kia nói hoà hợp, khi Phật giải thích thì A Nan nói chẳng hoà hợp).

Phật bảo:

-Nay người lại cho chẳng hoà hợp, ta lại hỏi người cái kiến tinh này nếu chẳng hoà hợp, là chẳng hoà hợp với sáng hay chẳng hoà hợp với tối? Chẳng hoà hợp với thông hay chẳng hoà hợp với nghẽn?

-Nếu chẳng hoà hợp với sáng thì kiến tinh và cái sáng phải có ranh giới (mới không có hoà được), vậy người hãy xét xem chỗ nào là sáng? Chỗ nào là kiến tinh? Giữa kiến tinh với sáng, ranh giới ở đâu?

Bây giờ mình thấy sáng, ranh giới ở đâu? Chỗ nào là kiến tinh? Chỗ nào là sáng? Chỉ không được, vậy nói không hoà hợp cũng chẳng đúng, vì không có ranh giới.

-A Nan! Nếu ở nơi sáng chẳng có kiến tinh thì sáng và kiến tinh chẳng tiếp xúc nhau, làm sao thấy được tướng sáng để thành lập ranh giới? Hoà tối, hoà thông, hoà nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-Lại nữa, kiến tinh của người nếu chẳng hoà hợp, là chẳng hoà hợp với sáng hay chẳng hoà hợp với tối? Chẳng hợp với thông hay chẳng hợp với nghẽn?

Nếu chẳng hợp với sáng thì kiến tinh với sáng, hai tánh trái ngược nhau (tức là 1 cái biết và 1 cái không biết), cũng như lỗ tai với sáng chẳng thể tiếp xúc, (vì lỗ tai tiếp xúc với âm thanh), thế thì cái thấy còn chẳng biết chỗ của tướng sáng, làm sao xét rõ cái lý hợp hay chẳng hợp? Hợp tối, hợp thông hợp nghẽn nghĩa cũng như vậy.

-A Nan! Còn chưa rõ tất cả tướng huyễn hóa nơi tiền trần, tùy nơi nhân duyên sanh ra, theo nơi nhân duyên diệt mất, thể tánh của tướng huyễn hóa hư vọng này vốn là Diệu Giác sáng tỏ, như vậy cho đến ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, vì nhân duyên hoà hợp, hư vọng cho là có sanh,

nhân duyên tan rã, hư vọng cho là có diệt, mà chẳng biết sanh diệt khứ lai vốn là Như Lai tạng, cũng gọi là diệu minh thường trụ, bất động chu viên, diệu tánh chơn như, nơi tánh chơn thường tìm sự khứ lai, mê ngộ, sanh diệt đều bất khả đắc.

Tức là cùng khắp không gian, nếu phân biệt thì thành vọng, nếu không phân biệt là diệu tánh chơn như, cũng như trước kia có nói tánh thấy không chết không mất, tồn tại vĩnh viễn, muốn chỉ thì chỉ không ra, vì khắp không gian, khắp thời gian; khắp thời gian nên không có sự bắt đầu, không có sự sanh khởi. Nếu không có sự sanh khởi thì lấy cái gì để phân biệt, bản lai vốn là vậy.

Nếu dùng lục căn hư vọng của thế gian muốn tiếp xúc thì không thể được, nhưng không phải không có, vốn là Như Lai Tạng sẵn sàng. Bộ óc tiếp xúc không được, khi nào kiến tánh thì hiện ra tự biết, là tự tánh tự biết chứ không phải bộ óc tự biết. Bộ óc sau khi chết, biến thành tro biến thành đất.

Vậy lấy cái sinh diệt để biết không sinh diệt làm sao được? Cái không sinh diệt thì biết cái sinh diệt. Nhà khoa học căn cứ bộ óc phát minh máy điện toán, tận sức nghiên cứu tinh vi của bộ óc, phát hiện một chút thì tiến bộ thêm một chút, bây giờ còn tiến hoài vì chưa hiểu rõ cấu tạo tinh vi của bộ óc tới chỗ cuối cùng. Nhà khoa học và triết học đều không biết, chỉ có Thiên tông phát hiện cấu tạo tinh vi bộ óc, gọi là kiến tánh.

Nhà khoa học phải căn cứ cái hiện hữu mới nghiên cứu phát minh cái này cái kia. Nhưng bộ óc tinh vi đã sẵn có, rồi mới phát minh được cái máy điện toán, bộ óc tinh vi mà ai tạo ra? Căn cứ vào đâu mà thành lập? Vì không có chỗ để căn cứ, bộ óc không thể biết, do bộ óc sinh diệt. Người tạo ra bộ óc không sinh diệt, cho nên dưới đây nói đều là vốn vô sanh.

Chánh văn:

NGŨ ẤM VỐN VÔ SANH

-Sao nói Ngũ Ấm vốn là Như Lai Tạng, cũng là Diệu tánh chơn như?

I. SẮC ẤM VỐN VÔ SANH

-A Nan! Ví như có người dùng con mắt trong sạch, nhìn hư không sáng sủa chỉ có trống rỗng, hẳn không thấy gì, người ấy khi không ngó hẳn một chỗ chẳng nháy mắt, ngó lâu mắt mỏi thì thấy hoa đốm hiện nơi hư không (hoa

đốm dụ cho sắc ám), hoặc thấy những tướng lằng xằng giả dối. Nên biết sắc ám cũng vậy.

-A Nan! Những hoa đốm này chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ mắt ra. Nếu từ hư không ra, ắt phải trở vào hư không, nếu có ra vào thì chẳng phải hư không. Nếu hư không chẳng phải hư không thì tự nhiên chẳng thể dung nạp tướng hoa đốm sanh diệt trong đó, cũng như thân thể A Nan chẳng dung nạp được một A Nan nữa.

-Nếu hoa đốm từ con mắt ra thì phải trở vào con mắt; nếu từ mắt ra, ắt phải có tánh thấy, nếu có tánh thấy thì khi xoay về, lẽ ra phải thấy mắt. Nếu chẳng có tánh thấy, khi ra đã che mờ hư không, thì khi về phải che mờ con mắt. Lại, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt phải không mờ, vậy sao nói thấy hư không sáng sủa mới gọi là con mắt trong sạch? Nên biết sắc ám hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng giải:

Người thế gian cho cái thấy này chân thật, Phật đã biết nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, mở mắt chiêm bao cũng là chiêm bao; còn người thế gian cho nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, mở mắt chiêm bao thì không chấp nhận là chiêm bao. Phật muốn chứng tỏ sự thấy không phải chân thật, mới giải thích rất kỹ càng, để cho người tin được tất cả vốn vô sanh, nên người chứng quả ngộ pháp vô sanh hay chứng vô sanh pháp nhẫn.

Chánh văn không có đề những đề mục như sắc ám vốn vô sanh, nên tôi mới đề thêm để cho người đọc dễ hiểu.

1- SẮC ÁM VỐN VÔ SANH.

A Nan! Ví như có người dùng con mắt trong sạch, nhìn hư không sáng sủa chỉ có trống rỗng, hẳn không thấy gì, người ấy khi không ngó hẳn một chỗ chẳng nháy mắt, ngó lâu mắt mỏi thì thấy hoa đốm hiện nơi hư không (hoa đốm dụ cho sắc ám) hoặc thấy những tướng lằng xằng giả dối, nên biết sắc ám cũng vậy.

Dùng con mắt thấy hư không sáng sủa, không có gì hết, nhưng nhìn hẳn một chỗ, nhìn lâu tới chừng mỏi mệt thì thấy hoa đốm. Sau này đều dùng chữ “ngó lâu mỏi mệt” để thí dụ, lấy hoa đốm dụ cho sắc ám, do con mắt ngó lâu mỏi mệt hiện ra. Ở trên nói cái bệnh đã thành từ vô thi, mới hiện ra sắc tướng có năng thấy có sở thấy, sắc ám cũng vậy.

-A Nan! Những hoa đốm này chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ mắt ra. Nếu từ hư không ra, ắt phải trở về hư không, nếu có ra vào thì chẳng phải hư không. Nếu hư không chẳng phải hư không thì tự nhiên chẳng dung nạp tướng hoa đốm sanh diệt trong đó, cũng như thân thể A Nan chẳng dung nạp được một A Nan nữa.

Phật dùng sự hiểu biết của mình để chứng tỏ sự hiểu biết của mình là sai lầm. Mình cho là thật, nhưng thật ra không có cái nào là thật; mình cho là giả, nhưng thật không thành lập được, huống chi giả làm sao thành lập được? Cho là giả thì cái bệnh càng nặng thêm.

-Nếu hoa đốm từ con mắt ra thì trở về con mắt, nếu từ con mắt ra, ắt phải có tánh thấy, nếu có tánh thấy thì khi xoay về, lẽ ra phải thấy mắt. Nếu chẳng có tánh thấy, khi ra đã che mờ hư không thì khi về phải che mờ con mắt. Lại, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt phải không mờ, vậy sao nói hư không sáng sủa mới gọi là con mắt trong sạch? Nên biết sắc ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng phải tánh tự nhiên.

Nói nhân duyên thì không có nhân đầu tiên, nói tự nhiên thì khỏi cần nhân duyên, 2 cái đều không phải. Bây giờ muốn thấy thì phải có nhân duyên, nhưng không có nhân đầu tiên, như thí dụ con gà và trứng gà, con gà sanh ra trứng gà, trứng gà sanh ra con gà, cái đó là nhân duyên nhân quả với nhau.

Nếu là nhân duyên thì phải con gà trước hay trứng gà trước (nhân đầu tiên). Con gà không thể làm nhân đầu tiên, trứng gà không thể làm nhân đầu tiên; không thể nhân đầu tiên thì lý nhân duyên không thành lập, cho nên nói phi nhân duyên.

Còn nói tự nhiên thì phải tự nhiên có con gà, tự nhiên có trứng gà. Nhưng không thể được, con gà do trứng gà sanh ra, trứng gà do con gà sanh ra, không thể tự nhiên được.

Thành ra lý nhân duyên, lý tự nhiên không thành lập được. Cho nên, Phật nói phi nhân duyên, phi tự nhiên là vậy.

Chánh văn:

2. THỌ ẨM VỐN VÔ SANH.

-A Nan! Ví như có người tay chân khỏe mạnh, thân thể điều hòa, cuộc sống yên ổn, quên hẳn sự thuận nghịch, người ấy vô cơ hai bàn tay xoa nhau, vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng nơi hai bàn tay.

Nên biết thọ ẩm cũng vậy.

-A Nan! Những xúc giác huyền hóa này (xúc giác dụ cho thọ ẩm), chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ bàn tay ra. A Nan, nếu từ hư không ra, đã tiếp xúc với bàn tay, sao chẳng tiếp xúc với thân thể? Chẳng lẽ hư không lại biết lựa chỗ để tiếp xúc ư?

-Nếu từ bàn tay ra thì chẳng cần đợi hai bàn tay hợp lại mới có xúc giác; lại, đã từ bàn tay ra, lúc hai tay hợp lại biết có xúc giác, lúc hai tay rời ra thì xúc giác phải chạy vào, vậy xương tủy, cánh tay cũng phải biết được cái dấu tích của xúc giác khi vào. Nếu có tâm biết ra biết vào, thì phải có một vật đi lại trong thân, đâu cần đợi hai tay hợp rồi mới gọi là tiếp xúc!

-Nên biết thọ ẩm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giải thích:

-A Nan! Ví như có người tay chân khỏe mạnh, thân thể điều hòa, cuộc sống yên ổn, quên hẳn thuận nghịch, người ấy khi không dùng hai bàn tay xoa nhau vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng nơi hai tay.

Nên biết thọ ẩm cũng vậy.

Người bình thường khỏe mạnh quên hết thuận nghịch, khi không lấy hai bàn tay xoa nhau mới biết trơn rít lạnh nóng. Cái ấy là do tiếp xúc sanh ra.

-A Nan! Những xúc giác huyền hoặc này (xúc giác dụ cho thọ ẩm) chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ bàn tay ra. A Nan, nếu từ hư không ra, đã tiếp xúc với bàn tay, sao chẳng tiếp xúc với thân thể? Chẳng lẽ hư không lại biết lựa chỗ để tiếp xúc ư?

Phật giải thích rất kỹ, những xúc giác huyền hóa này tức là xúc giác dụ cho thọ ẩm, chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ hư không ra tiếp xúc với bàn

tay, sao không tiếp xúc với thân thể? Chẳng lẽ hư không biết lựa chọn sao? Cho nên, nói từ hư không ra là không đúng.

-Nếu do từ bàn tay ra thì chẳng cần hai bàn tay hợp lại mới có xúc giác. Nếu từ bàn tay ra thì 2 bàn tay khỏi cần chà với nhau mới phải, nhưng không phải vậy, phải cần 2 bàn tay tiếp xúc với nhau, mới sanh ra trơn rít lạnh nóng; đã từ bàn tay ra, lúc 2 tay rời ra thì xúc giác phải chạy vào, bởi vì nó từ bàn tay ra, lúc 2 tay lia thì phải trở về.

Vậy xương tủy cánh tay cũng phải biết được các dấu tích của xúc giác khi vào thì xương tủy, cánh tay cũng phải biết. Nếu có tâm biết vào thì phải có một vật đi lại trong thân, đâu cần đợi 2 tay hợp rồi mới gọi là tiếp xúc!

Nên biết thọ ấm hư vọng vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Chánh văn:

3. TƯỚNG ẤM VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Ví như nghe người nói đến trái mơ chua thì tiết ra nước miếng, nghĩ đến leo dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn, (nước miếng và ghê rợn dụ cho tướng ấm), nên biết tướng ấm cũng vậy.

-A Nan! Cái tiếng chua này chẳng từ trái mơ ra, cũng chẳng từ miệng ra. Nếu từ trái mơ ra thì trái mơ tự biết nói, đâu cần đợi người nói? Nếu từ miệng ra thì miệng phải tự nghe tiếng, đâu cần đợi tai nghe?

Nếu chỉ riêng tai có nghe thì nước miếng sao chẳng từ tai chảy ra? Tướng tượng mình leo dốc thì cũng như vậy. Nên biết tướng ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giải thích:

-A Nan! Ví như nghe người nói đến trái mơ chua thì tiết ra nước miếng, nghĩ đến leo dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn (nước miếng và ghê rợn dụ cho tướng ấm) nên biết tướng ấm cũng vậy.

Mình nghe nói chua thì tiết ra nước miếng, như trên đất bằng bắt cái cầu đi bình thường chân không có ghê rợn, nếu cái cầu này đem lên hư không thì đi thấy có ghê rợn, ghê rợn là do mình sợ té, đất bằng thì không sợ té.

-A Nan! Cái tiếng chua này chẳng phải từ trái mơ ra, cũng chẳng từ miệng ra (do nghe tiếng nói mơ chua, lại nghĩ đến rồi tiết ra nước miếng). Nếu nói tiếng chua này từ trái mơ ra thì trái mơ tự biết nói, đâu đợi người nói? (Người nói chứ đâu phải trái nói)

Nếu từ miệng ra thì miệng phải tự nghe tiếng, đâu cần đợi nghe tiếng? Nếu riêng tai có nghe thì nước miếng sao chẳng từ tai chảy ra? Tưởng tượng mình leo dốc thì cũng như vậy. Nên biết tướng âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Nó không có từ chỗ nào ra, do mình suy nghĩ ghi nhớ mới có vọng hiện hữu; cuộc sống hàng ngày đều do suy nghĩ ghi nhớ mới có phiền não. Nếu lìa được suy nghĩ ghi nhớ thì không còn phiền não.

Chánh văn:

4. HÀNH ÂM VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Ví như dòng nước chảy mạnh (dòng nước dụ cho hành aám), làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau, nên biết haønh aám cũng vậy.

-A Nan! Tánh dòng nước như thế chẳng do hư không sanh ra, chẳng do nước mà có, chẳng phải tánh của nước, cũng chẳng lìa hư không và nước.

-Nếu do hư không sanh ra thì mười phương vô tận hư không đều thành dòng nước vô tận, và tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu do nước mà có thì nước là năng có, dòng nước là sở có, hai tướng khác nhau thì tánh của dòng nước lẽ ra chẳng phải là nước; nếu dòng nước tức là tánh của nước thì khi nước trong lặng lại chẳng phải tự thể của nước. Nếu lìa hư không và nước thì hư không vốn chẳng có trong và ngoài, và ngoài nước ra chẳng có dòng nước. Nên biết hành âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giải thích:

-A Nan! Ví như dòng nước chảy mạnh (dòng nước dụ cho hành âm), làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau, nên biết hành âm cũng vậy.

-A Nan! Tánh dòng nước như thế chẳng do hư không sanh ra, chẳng do nước mà có, chẳng phải tánh của nước cũng chẳng lìa hư không và nước.

-Nếu do hư không sanh ra thì 10 phương vô tận hư không đều thành dòng nước vô tận và thế giới đều bị chìm đắm cả (bây giờ mình đâu thấy thì chứng tỏ không phải từ hư không sanh ra). Nếu do nước mà có thì nước là năng có, dòng nước là sở có, 2 tướng khác nhau thì tánh của dòng nước lẽ ra chẳng phải là nước.

Nghĩa này khó hiểu vì có nước chảy gọi là dòng nước là sở có, năng sở phải khác nhau. Nhưng đây năng sở không khác, dòng nước là nước, năng có cũng là nước, sở có cũng là nước, chỉ là nước chảy thôi,

2 tướng không khác nhau. Nếu do nước ra thì năng sở khác nhau mới phải, nhưng chẳng phải như vậy.

Nếu dòng nước tức là tánh của nước thì khi nước trong lặng (không chảy) lại chẳng phải tự thể của nước.

Dòng nước ngưng chảy thì trong lặng, đáng lẽ không phải là nước mới phải, nhưng vẫn là nước, không có năng sở. Vậy nói dòng nước là do nước sanh ra không đúng, lý này người ta rất khó hiểu.

Chánh văn:

5. THỨC ẤM VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Ví như có người lấy một cái bình (cái bình dụ cho nghiệp thân), trong đựng đầy hư không (hư không dụ cho thức ấm), bít kín miệng bình đem xa ngàn dặm tặng cho nước khác, nên biết Thức Ấm cũng vậy.

-A Nan! Hư không này chẳng phải từ phương kia ra, cũng chẳng phải từ phương này vào. Nếu từ phương kia ra, trong bình đã đựng hư không đem đi, thì phương kia phải thiếu hư không. Nếu từ phương này vào, khi mở miệng bình trút ra thì phải thấy hư không ra. Nên biết thức ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giải thích:

Giải thích thức ấm vô sanh này cũng khó hiểu, cái thân này thí dụ như cái bình đựng thức ấm, đi đâu thai thành heo, ngựa, đem thức ấm đi chỗ khác.

-A Nan! Ví như có người lấy một cái bình (cái bình dụ cho cái thân), trong đựng đầy hư không (hư không dụ cho thức ấm, vì thân này có ngũ ấm, sắc, thọ, tưởng, hành, thức), bịt kín miệng bình đi xa ngàn dặm tặng cho nước khác, nên biết thức ấm cũng vậy (lục đạo luân hồi như đi nước này nước kia. Nhưng ở đây chúng tỏ vốn là vô sanh, vốn là vọng, không có thức ấm).

-A Nan! Hư không này chẳng phải từ phương kia ra, cũng chẳng phải từ phương này vào (thức là hư không) hư không đựng trong cái bình. Nếu từ phương này vào thì hư không phải thiếu một chút, đem bình đựng hư không trút ra phương kia thì phải thêm một chút hư không. Sự thật không phải vậy.

Nếu từ phương kia ra, trong bình đã đựng hư không đem đi thì phương kia phải thiếu hư không (sự thật thì không có thiếu, trút ra thì hư không cũng không có dư).

Nếu từ phương này vào khi mở miệng bình trút ra thì phải thấy hư không ra (nhưng sự thật không phải không thấy). Nên biết thức ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng phải tánh tự nhiên.

Nghiệp thân dụ cho cái bình, bây giờ mình đem cái thức đi đâu thai, như đi tới nước khác tặng cho người khác. Kỳ thật, ở trong Như Lai Tạng khắp không gian thời gian, không khứ lai nên gọi là Như Lai, không sanh diệt nên gọi là Niết Bàn.

Chấp thân này thì phải có khứ lai, phải có gián đoạn; hư không làm sao có khứ lai, gián đoạn? Tại mình đem hư không đựng trong bình bít miệng, rồi nói hư không ở trong bình, nhưng sự thật không phải. Nói nghiệp thức ở trong thân này. Đâu phải! Thức này cùng khắp hư không. Hư không đựng trong bình, nhưng ở ngoài vẫn đầy đủ hư không.

Tại mình không biết, chỉ nhận thân nghiệp này, như cho hư không ở trong bình là của ta, chứ hư không ở ngoài bình không phải ta. Nhưng sự thật ngoài thân này đều là cái thức của mình, cái thân là 1 bộ phận thôi. Trong kinh này nói thân này và vũ trụ vạn vật đều là diệu tâm sáng tỏ của mình sanh ra. Lục Tổ lúc ngộ nói: “Đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn vật”. Vạn vật đều tự tánh sanh ra, cái thân này cũng là vật, trái cam, trái lê cũng là vật bằng nhau.

Lúc kiến tánh thì tất cả dụng cùng khắp không gian thời gian đều là tự tánh, thì thân này cũng y như cũ. Bao nhiêu đèn lớn nhỏ đều cùng 1 ánh sáng khắp không gian, không thể chỉ ra ánh sáng nào thuộc đèn nhỏ, ánh sáng nào

thuộc đèn lớn; tức có ngã và không ngã là tương đối tự tiêu diệt thì cùng khắp không gian, nên không có chỗ để chỉ.

Ngã và vô ngã đều không, 1 triệu đèn vẫn là 1 triệu đèn, đèn lớn phát ra ánh sáng lớn, đèn nhỏ phát ra ánh sáng yếu. Như chúng sanh vẫn là chúng sanh có tánh riêng biệt, nhưng Phật tánh không phân biệt, đều cùng khắp không gian như ánh sáng đèn vậy.

Lược giải:

Trung Quán Luận có bài kệ rằng:

Các pháp chẳng tự sanh,
Cũng chẳng phải tha sanh,
Chẳng cộng chẳng vô nhân,
Cho nên nói Vô Sanh.

Sao nói các pháp chẳng tự sanh? Vì phải đợi nhân duyên hòa hợp mới được sanh. Sao nói chẳng tha sanh? Vì các duyên đều chẳng có tự tánh. Sao nói chẳng cộng sanh? Vì tự và tha còn chẳng có, lấy gì để cộng? Sao nói chẳng vô nhân sanh? Vì bản thể sáng tỏ của diệu tâm, phải do tu hành đến giác ngộ mới được hiển bày, chẳng tự nhiên mà thành. Vậy biết tất cả sự vật trên thế gian vốn là Vô Sanh, vì chẳng có lý do nào để sanh vậy.

Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì Sắc như bụi mắt thấy hoa đóm trên không; Thọ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng; Tưởng như nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng; Hành như dòng nước chảy, chẳng có năng sanh sở sanh (nước chẳng phải năng sanh, dòng nước chẳng phải sở sanh); Thức như cái bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho vọng thức.

Bản Giác tánh không, cùng khắp pháp giới, hề mê thành vọng thức thì thành hư không ở trong bình, nhét bít miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong có ngoài, kỳ thật trong bình ngoài bình chỉ cùng một hư không (dụ cho tánh và thức vốn là một thể), hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng sanh diệt. Bình dụ vọng nghiệp, hư không dụ vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo, như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi.

Lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến thất đại ở quyền sau, đều sáng tỏ nghĩa này (Vạn Pháp Vốn Vô Sanh).

Giảng giải:

Trung Quán Luận có bài kệ:

Các pháp chẳng tự sanh,
Cũng chẳng phải tha sanh,
Chẳng cộng chẳng vô sanh,
Cho nên nói vô sanh.

Sao nói các pháp chẳng tự sanh? Vì phải đợi nhân duyên hòa hợp mới được sanh, nhân duyên không hòa hợp thì không sanh, cho nên nói chẳng tự sanh.

Sao nói chẳng tha sanh? Vì các duyên đều chẳng có tự tánh, do hòa hợp mới có, không hòa hợp thì không có tự tánh, không phải do cái khác mà sanh ra. Đối cái này thì nói cái kia là khác, đối cái kia thì nói cái này là khác, cũng như cái bình đối với trái lê thì nói trái lê là khác, còn trái lê thì nói cái bình là khác.

Sao nói chẳng cộng sanh. Vì tự và tha chẳng có, không có lý thành lập, lấy gì để cộng?

Sao nói chẳng vô nhân sanh? Vì bản thể sáng tỏ của diệu tâm, phải do tu hành đến giác ngộ mới được hiển bày, chẳng tự nhiên mà thành. Vậy, biết tất cả sự vật trên thế gian vốn là vô sanh, chẳng có lý do nào để sanh. Bởi không có lý do sanh khởi, nên người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn.

Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì sắc như bụi mắt thấy hoa đốm trên không.

Thọ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng. Cái trơn, rít, lạnh, nóng, vốn không có, tại do xoa mới thành có.

Tưởng như nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng. Mình không ăn trái mơ, chỉ nghe thấy đã tiết ra nước miếng, tức là hư vọng.

Hành như dòng nước chảy chẳng có năng sanh sở sanh. Nước chẳng phải năng sanh, dòng nước chẳng phải sở sanh.

Thức như bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho nghiệp thức. Thí dụ này rất hay, nhưng cũng khó hiểu hơn mấy cái kia.

Bản Giác Tánh Không cùng khắp pháp giới, hề mê thành vọng thức thì giống như hư không trong bình. Tại chấp thì phải có nơi chỗ, người nào cũng chấp cái thức là thân của mình. Nhét nút miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong, có ngoài. Nói cái thức ở trong thân khác cái thức ngoài thân, như nói hư không ở trong bình khác hơn hư không ở ngoài bình.

Kỳ thật, trong bình, ngoài bình chỉ cùng một hư không. Do tâm chấp mới thành khác, tâm đã chấp cái thân là ta thì cái thức ở trong thân mới là ta, còn cái thức khắp hư không chẳng phải ta. Nhưng sự thật trong bình ngoài bình cùng khắp hư không (dụ cho tánh và thức vốn là một thể).

Hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng sanh diệt, bình dụ cho vọng nghiệp, hư không dụ cho vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi.

Như nghiệp thân kéo thức đi luân hồi trong lục đạo, vì mình chỉ nhìn thấy cái thân này, chứ không chịu nhìn cái thức cùng khắp hư không. Trong kinh nói, mình không nhìn nước khắp biển cả, mà lại nhìn bọt nước cho là mình. Kỳ thật, khắp nước biển (đại giác) là mình, không nhận mà chỉ nhận bọt nước cho là mình; tất cả hư không là mình, mà chỉ nhận cái nhục thân, thành ra oan uổng phải chịu luân hồi (nghiệp thân kéo thức đi lục đạo luân hồi).

Hỏi:

Muốn giác ngộ phải 3 a tăng kỳ kiếp, còn Phật chỉ thị hiện, ngài đã thành Phật từ lâu, như trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói, chứ nói trong 1 đời mà giác ngộ thì chuyện đó không thể xảy ra, vậy việc này như thế nào?

Đáp:

Quá khứ, hiện tại, vị lai là do tánh si ái kéo dài nên sanh ra thời gian đó. Thấy là thời gian, tại si ái cùng khắp thì lập ra cái giới (kinh Lăng Nghiêm). Kinh Kim Cang nói: “Quá khứ, hiện tại, vị lai tâm bất khả đắc”, tức là quá khứ, hiện tại, vị lai vốn không có thật, do tâm si ái mới thành có, mà lại chấp thật có thời gian, rồi phải tu 3 a tăng kỳ kiếp mới thành Phật.

Nếu có cái chấp ấy, đừng nói là 3 a tăng kỳ kiếp thành Phật, mà 1 triệu a tăng kỳ kiếp cũng không thành Phật. Vì có thời gian chân thật để chấp làm

sao kiến tánh được? Phá hết tất cả chấp mới kiến tánh; còn chấp một chút, tức là có sở trụ, chứ không phải bản thể vô trụ.

Thiền sư Diệu Cao hay buồn ngủ, nên ngài ngồi thiền nơi chỗ núi cao, dưới vực thẳm; nếu ngồi ngủ gật thì té phải chết, vì thế sau này người ta gọi ngài là Diệu Cao. Ngài lên cao ngồi vì sợ chết, ban đầu không buồn ngủ; nhưng lâu ngày vọng tưởng hết, buồn ngủ lại đến thì vừa té xuống, nhưng có người đỡ.

Diệu Cao hỏi: Ai cứu tôi vậy?

Đáp: Hộ Pháp Vi Đà.

Diệu Cao trong lòng mừng, tự nghĩ mình tu hành có Hộ Pháp ủng hộ, nên sanh tâm kiêu căng.

Hộ Pháp Vi Đà nói: Ông nổi niệm kiêu căng, nên 20 năm tôi không hộ pháp nữa.

Ngài trong lòng nghĩ vì mình kiêu căng nên Hộ Pháp không ủng hộ, nếu ngồi thiền té xuống không có Hộ Pháp thì sẽ chết, ngài tự ăn năn sám hối và tiếp tục ngồi thiền, ngồi lâu cũng lại buồn ngủ, té xuống lại có người đỡ.

Diệu Cao hỏi: Ai cứu tôi vậy?

Đáp: Hộ Pháp Vi Đà.

Diệu Cao hỏi: Vừa rồi nói 20 năm không hộ tôi mà sao lại cứu tôi vậy?

Hộ Pháp Vi Đà nói: Ông có 1 niệm sám hối đã qua khỏi 20 năm.

Vậy thời gian không có thực tế là do có niệm mới thành.

Hỏi:

“Tiền niệm bất sanh, hậu niệm bất diệt” là như thế nào?

Đáp:

“**Tiền niệm bất sanh, hậu niệm bất diệt**” là không sanh diệt. Vậy, đâu có tiền niệm, hậu niệm. Vì theo lời nói của thế gian nên có tiền có hậu, tiền hậu là tương đối; tự tánh bất nhị không tương đối, không có tiền hậu.

Tại muốn nói tiền niệm bất sanh, hậu niệm bất diệt là bản niệm, không có tiền niệm sanh, không có hậu niệm diệt, mà bản niệm khắp thời gian không sanh diệt gọi là Niết Bàn, khắp không gian không có khứ lai gọi là Như Lai. Tuy tên gọi đủ thứ, nhưng bản thể không khác.

Hỏi:

Phật Thích Ca tu hành giác ngộ hay là chỉ thị hiện?

Đáp:

Phật Thích Ca tu hành giác ngộ và chư Tổ kiến tánh trong Truyền Đăng Lục nói “**khi kiến tánh mới biết không có Phật để thành, vốn là vô tu vô chứng**”. Nói tu nói chứng là đã chấp thành bệnh (bệnh giả); ấy vốn không có bệnh, nên Phật mới đưa ra thuốc giả để trị bệnh giả. Bệnh giả đã hết thì thuốc giả cũng phải bỏ, như chiếc bè qua sông; qua đến bờ bên kia thì chiếc bè vô dụng, đâu phải vác chiếc bè đi chơi!

Tất cả đều do bệnh chấp, rồi mới nói là thị hiện hay là Phật tu hành đắc đạo. Bây giờ nói tu hành, nhưng đến kiến tánh thì thấy không phải do tu hành đắc đạo; vì tự tánh đâu có giảm bớt, đâu có gián đoạn, đâu có thành hoại! Ai cũng biết, nhưng bị tâm mê chấp thành quên.

Hỏi:

Phật tánh con ruồi và Phật tánh Đức Phật có bằng nhau không?

Đáp:

Phật tánh chúng sanh và Phật tánh của Phật đều bằng nhau, tại tạo nghiệp con ruồi, nên phải đầu thai ruồi; như con dơi có ra da, ra da là cái dụng của Phật tánh. Nhưng tại nghiệp con dơi có ra da, như nghiệp con người là bộ óc tinh vi; nhà khoa học lấy cái tinh vi của bộ óc làm ra máy điện toán, học con dơi phát minh ra da.

Tất cả cái gì, ở trong Phật tánh đều có đầy đủ bằng như Phật. Vì không giảm bớt, nên Phật tánh không gián đoạn. Cho nên, bây giờ mình là chúng sanh cũng đang làm Phật, nếu mình không làm Phật thì Phật tánh đã gián đoạn, nhưng chỉ do mình không nhìn nhận thôi.

Kinh Pháp Hoa nói: “Hạt châu như ý ở trong ché áo, sao không đem ra dùng?” dùng thì giàu sang, muốn cái gì có cái nấy, vì nó là như ý.

Hỏi:

Ngồi thiền để tâm vắng lặng có hòa vào tâm biên giác không?

Đáp:

Hư không dụ cho thức, khắp hư không tức là biên giác, biên giác không sanh diệt, không tên gọi. Bây giờ gọi biên giác là do mình đặt tên, nên không thể cho là cái gì! 2 chữ “cho là” dùng không được, vốn là Như Lai tạng hay là Diệu tâm sáng tỏ, là vô sanh vô diệt. Mình đề ra câu hỏi thì đã có bắt đầu, tức là đã sanh rồi.

Kinh Lăng Già có những câu hỏi ấy: Có Phật tánh hay không có Phật tánh? Có Phật tánh là thế luận 1, không có Phật tánh là thế luận 2. Có vũ trụ hay không có vũ trụ? Có vũ trụ là thế luận 1, không có vũ trụ là thế luận 2. Tất cả tương đối đều là thế luận, Phật chỉ nói thế luận 1, thế luận 2. Vì câu hỏi đó đã sai lầm, câu hỏi là thế luận thì chỉ nói là thế luận cũng đủ, đâu cần giải thích; vì câu hỏi không có nghĩa lý gì, chuyện đó vốn không có.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Vốn không có thế giới chúng sanh là do vọng mới có chúng sanh”, do sanh mới có diệt, từ chỗ vô thi vô sanh, nếu mình đặt ra “cho là” đã sanh là thi (bắt đầu) rồi. Những việc đó có hỏi cũng không đúng, nếu Phật trả lời cũng là vọng. Vì câu hỏi là vọng thì trả lời cũng là vọng, cho nên mới trả lời là thế luận 1 thế luận 2, thế luận 3, thế luận 4,...

Hỏi:

Tọa thiền có thể “niệm trước không sanh, niệm sau không diệt” không?

Đáp:

Niệm trước không sanh, niệm sau không diệt là bản niệm, vốn không có trước sau. Không sanh không diệt làm sao có trước sau? Có trước sau là sanh diệt rồi.

Hỏi:

Nếu không tham thối đầu, chỉ ngồi xuống có đến cảnh giới đó không?

Đáp:

Nếu ngồi để tâm không, hết vọng tưởng là vô ký; vô ký là thiền bệnh, lúc không có nhất niệm là vô ký. Rồi nổi lên 1 niệm là vọng niệm thì cũng ở trong sanh diệt. Hoàn toàn không có niệm là vô niệm, vô niệm cũng là cái tịnh duyên của niệm, niệm thiện niệm ác gọi là niệm nhiễm.

Mặc dầu, niệm thiện cũng là nhiễm, không có niệm thiện không có niệm ác gọi là vô niệm cũng là tịnh duyên, tức niệm trong sạch, cũng chưa đến chỗ vô thi vô minh. 24/ 24 không có niệm nào khởi được, muốn khởi lên 1 niệm cũng không được, chỉ có nghi tình mới gọi là vô thi vô minh.

Một hồi không có niệm nào, một lúc thì nổi lên niệm, hay là biết mình vô niệm, biết mình thanh tịnh cũng là cái bóng phân biệt của pháp trần (kinh Lăng Nghiêm).

Hỏi:

Có một người nữ trong ban nhạc không mập mà lại sợ mập nhịn ăn, nhịn đến khi cô ấy chết, hiện tượng ấy như thế nào?

Đáp:

Chuyện đó chưa đúng cụ thể, ở Việt Nam có 1 người nghi mình bệnh lao, nhưng sự thật không có bệnh lao. Vì tâm có tạo bệnh lao, rồi người đó ăn uống rất cẩn thận, nhưng 3 tháng sau, rọi kiếng thấy bệnh lao và sau này do bệnh lao mà chết.

Từ chỗ không có mà nghi ra thành có thật, là do tâm người ấy tự tạo, chứ không phải ai cho. Cô ấy cũng vậy, tự tạo cho mình; nghiệp thân bây giờ cũng do tiền kiếp mình tạo. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu người chẳng có tướng thì không có thân, do cái tướng của người và cái tướng của cha mẹ mới ra thân người”.

Hỏi:

Cái hình chỉ có chấm chấm, tùy theo cách nhìn của mỗi người thấy hiện ra cảnh giới, có người nhìn chẳng thấy gì cả, có người khác nhìn thấy mặt trời mặt trăng hiện ra, trong trường hợp này giải thích cho chúng sanh như thế nào?

Đáp:

Tất cả do cái nghiệp, tâm niệm tưởng của mình tạo ra; như chùa nào có xá lợi Phật, có người thấy màu vàng, có người thấy màu trắng, có người thấy màu đen, có người thấy lớn, có người thấy nhỏ, có người thấy một hột, có người thấy nhiều hột, mỗi người mỗi khác, mà tùy theo nghiệp của người đó mà thấy, tức là vọng kiến biệt nghiệp mỗi người mỗi khác.

Phật thí dụ hạt châu ma ni tùy sắc, mặc đồ trắng thấy hạt châu trắng, mặc đồ đen thấy hạt châu đen, mặc đồ đỏ thấy hạt châu đỏ; nhưng hạt châu vốn không có màu, thấy màu là tại nơi mình, không phải là tại hạt châu. Phật đã nói: “Tất cả thấy nghe hiểu biết các pháp đều là bệnh từ vô thi”.

Hỏi:

Nói tu là chuyên nghiệp, vậy lúc nào mới chuyên được nghiệp?

Đáp:

Làm sao lúc nào! Phải tự hỏi, nếu mình không chấp trước thì mới chuyên được nghiệp, nếu mình gặp đâu dính đó làm sao chuyên được nghiệp? Khởi tâm động niệm đều là nghiệp, nghiệp là do mình làm, nếu mình không tạo nữa làm sao có nghiệp? Tại mình tạo, cứ tiếp tục tạo hoài làm sao rời khỏi được! Cho nên, tu là ngưng cái tạo, tham thiền là ngưng tạo, không cho bộ óc tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ, mới ngưng tạo thì chuyên được nghiệp.

Bây giờ còn tiếp tục tạo, như chấp tu cũng thành nghiệp, trong kinh Lăng Nghiêm có giải thích.

Hỏi:

Nói tu để nghiệp thì như thế nào?

Đáp:

Tất cả đều do tâm chấp mới có tu có chứng, tới khi kiến tánh thấy không có Phật để thành, không có tu để chứng. Kinh Kim Cang nói: “Không có vô thượng Bồ Đề, tại tôi không có chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, Nên Đăng Phật mới thọ ký cho tôi thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni”, nếu còn chứng đắc thì có ngã chấp.

Kinh Viên Giác có tứ tướng bậc thánh (ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả), tại chấp gọi là mê trí.

-Biết có sở chứng gọi là ngã tướng.

-Ngộ biết chẳng do ta chứng, siêu việt tất cả chứng nhưng có năng ngộ gọi là nhân tướng.

-Rõ biết năng chứng năng ngộ không thể đến được, còn tâm liễu tri gọi là chúng sanh tướng.

-Chiếu soi tâm liễu tri cũng bất khả đắc, chỉ có một giác thể trong sạch, tất cả tịch diệt (Niết Bàn), còn trụ Niết Bàn gọi là thọ giả tướng.

Sự thật căn nhà vốn không có xoay, sao gọi là ngưng xoay? Nói ngưng xoay dụ là chuyện nghiệp, căn nhà vốn không xoay, tại sao có chuyện ngưng xoay? Cho nên sanh tử, Niết Bàn vốn như hoa đốm trên hư không.

Nghiệp đã chín mùi thì quả đến, quả đến trùng lúc đang tu, nhân nào quả này. Mình còn ở trong chiêm bao thì phải chịu nhân quả trong chiêm bao, chứ không phải mình tu mà nghiệp đổ cho mình, tại người ta hiểu lầm; đang tu thì quả mới có sau, không phải có liền. Nhưng đang tu phát tâm mạnh thì quả đến liền.

Như ở thời Phật có 2 vợ chồng cùng chung chiếc chăn 2 người thay phiên xin ăn. Họ phát tâm đem chiếc chăn cúng dường Phật, do phát tâm rất mạnh nên quả đến liền. Vì Phật nói nhà vua, vua thấy vậy mới cho tiền và ban chức quyền cho họ.

Hỏi:

A La Hán có đồng với cảnh giới vô thỉ vô minh không?

Đáp:

A La Hán dứt hết kiến hoặc, tư hoặc của tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) thì tất cả phiền não đều hết, không bị luân hồi; nhưng còn phải bị biến dịch sanh tử, họ còn tiến lên Đại thừa. Như tiến lên

Duyên Giác rồi tiến lên Bồ Tát Sơ Địa, đến Nhị Địa. Tiến lên 1 bước như Sơ Địa chết tiến lên Nhị Địa, Nhị Địa chết tiến lên Tam Địa, gọi là biến dịch sanh tử, tức là chưa đến cuối cùng Diệu Giác.

Còn những người định tánh Thanh Văn không chịu bỏ quả vị của mình để tiến lên, nên bị Phật quở là “như lúa bị hư”, nhưng họ chỉ có một thời gian giống như bị say rượu, đến chừng hết chấ quả A La Hán, rồi bỏ A La Hán tiến lên.

Hỏi:

Phật nói thân người mới tu được, còn A La Hán không còn thọ sanh, vậy họ tu như thế nào?

Đáp:

Thân người tu để thành bậc thánh là dứt phần đoạn sanh tử. Còn bậc thánh chỉ bỏ tâm chấp Niết Bàn Tiểu thừa, họ tu là dứt tập khí xuất thế gian, tập khí thế gian họ đã dứt hết. Phạm phu tu là dứt tập khí thế gian.

Hỏi:

Tham thiền đến vô thị vô minh, nhưng chưa ngộ, bỗng nhiên họ chết thì việc ấy như thế nào?

Đáp:

Chưa tới vô thị vô minh mà ngộ chỉ là giải ngộ, chứ không phải là chứng ngộ, ngộ mà phá vô thị vô minh mới gọi là kiến tánh.

Tham thiền đến vô thị vô minh nhưng chưa ngộ, bỗng nhiên chết, họ phải theo nghiệp trước mà thọ sanh, nếu không gặp thiện tri thức vẫn kiến được tánh. Như Thiền sư Diệu Tông 15 tuổi kiến tánh là cháu nội thừa tướng Tô Công Tụng, tự mình phá sơ quan, sau này gặp Thiền sư Đại Huệ phá luôn Mạc Hậu Lao Quan.

Hỏi:

Người niệm Phật đến vô niệm, khi họ chết thì tái sanh như thế nào?

Đáp:

Họ cũng theo nghiệp trước mà thọ sanh, nếu niệm Phật không đúng Tín Nguyện Hạnh thì theo nghiệp thọ sanh; thiện nghiệp nhiều thì thọ sanh giàu sang phú quý, họ không được vãng sanh Tịnh Độ. Họ phát đại nguyện mà làm đúng thì được đời nghiệp vãng sanh đến chỗ cực lạc Tây Phương, nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền khởi lên nghi tình mới được ngộ. Bởi do nghi mới ngộ được, không có nghi là không có ngộ, pháp thế gian và xuất thế gian đều vậy.

Hỏi:

A Di Đà Phật ở trong tâm mình làm sao đến Tây Phương gặp A Di Đà Phật?

Đáp:

Không phải chỉ A Di Đà Phật ở trong tâm mình, mà tất cả chư Phật hằng hà sa số cũng ở trong tâm mình, tại tâm mình khắp hư không thì cái ngộ cũng vậy, cái đó gọi là Phật tánh, chữ “Phật” là ngộ, đâu có ở ngoài tâm mình? Mình đang làm người thì bị sanh tử, nhưng vốn không có sanh tử, tại do vọng tâm chấp nên mới có.

Thế giới vốn không thật có, như kinh Lăng Nghiêm nói: “Hư không do tâm tạo mới thành hư không, dụ như biển, hư không dụ như bọt ở trên biển, mà thế giới kiến lập trong hư không, tức là ở trong bọt biển, tới chừng bọt bể thì thế giới ở đâu? Mà mình lại ở trong thế giới nữa”.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 3

Chánh văn:

LUC NHẬP

-Lại nữa, A Nan! Sao nói Lục Nhập vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh chơn như?

I. NHÃN NHẬP VỐN VÔ SANH.

-Ví như dùng mắt ngó hẳn một chỗ, lâu tự mỗi mệ, cả con mắt và cái mỗi mệ đó, đều là tướng ngó lâu mỗi mệ của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Sáng và Tối hiện ra cái thấy, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh thấy; cái thấy này là Sáng và Tối vốn chẳng có tự thể.

-A Nan nên biết! Kiến tinh này chẳng từ sáng, tối ra, chẳng từ con mắt ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ sáng ra, thì khi tối, kiến tinh đã theo sáng diệt, lẽ ra chẳng thể thấy tối; nếu từ chỗ tối ra, thì khi sáng, kiến tinh phải theo tối diệt, lẽ ra chẳng thể thấy sáng.

Nếu từ con mắt ra thì chẳng có sáng tối, vậy biết kiến tinh vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì nhìn ra ngoài thấy cảnh trần, xoay về phải thấy con mắt; lại, hư không tự thấy có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy biết Nhãn Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giải giảng:

Kinh Lăng Nghiêm là kinh liễu nghĩa, sáng tỏ nghĩa tâm tạo; tâm tạo mới có, cái có ấy không phải thật. Ở đây giảng phá lục căn, lục trần đều không có thật.

1 – Nhãn nhập vốn vô sanh:

Con mắt mình thấy có 2 cảnh sáng tối, nếu không có 2 cảnh sáng tối thì không thấy. Sau này còn giải thích kỹ. Lúc đó, trí thức con người không bằng bây giờ, vì khoa học tiến bộ, trí thức biết nhiều hơn. Kinh giảng theo sự hiểu biết thời đó, Phật nói lý để con người nghe dễ hiểu, sự thấy lục căn tiếp xúc lục trần không phải thật.

Nên đối với khoa học hiện tại không thích hợp, nhưng khoa học không hợp với thực tế, thực tế là cái tâm; tâm không hình tướng, không số lượng, dùng lục căn không thể tiếp xúc được. Cho nên, ở trong này giải thích, tại con mắt ngó lâu thành mỗi mệ sanh ra hoa đốm. Hư không chẳng có hoa đốm, mà biến thành có. Con mắt mình thấy cũng vậy.

Như ở quyển 2 nói: “Mình thấy cái này cái kia đều là cái bệnh từ vô thi, nếu con mắt không bệnh thì không thấy cái này cái kia”. Mình biết được cho là gì đó, đều là tâm lượng của ta. Lượng là số lượng, chân tâm không có số

lượng, biết thấp là số lượng thấp, biết cao là số lượng cao, tuy cao tới cùng tột cũng ở trong số lượng. Số lượng không phải thật, nếu thật không phải số lượng.

Cho nên, kinh Lăng Già nói: “Tự tâm hiện lượng”. Kinh hoa nghiêm nói: “Tất cả do tâm tạo”, bây giờ máy điện toán cũng chứng tỏ được là do tâm tạo, còn Trương Bảo Thắng tạo ra có liền, cũng chứng tỏ tâm tạo. Như vũ trụ nhỏ vũ trụ lớn, động lực là tâm, cho đến hạt nguyên tử có động lực xoay hoài cũng do tâm.

Chánh Văn:

2. NHĨ NHẬP VỐN VÔ SANH

-A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; cả hai tai cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Động và Tĩnh hiện ra cái nghe, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh nghe; tánh nghe này lia Động và Tĩnh, vốn chẳng có tự thể.

-A Nan nên biết! Cái nghe này chẳng từ động tịnh ra, chẳng từ tai ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu cái nghe từ chỗ tịnh ra, thì khi động, cái nghe đã theo tịnh diệt, lẽ ra chẳng thể nghe động; nếu từ chỗ động ra, thì khi tịnh, cái nghe đã theo động diệt, lẽ ra chẳng biết được tịnh.

Nếu từ lỗ tai ra thì chẳng có động tịnh, vậy biết cái nghe vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, hư không đã thành tánh nghe thì chẳng phải hư không; lại hư không tự nghe, có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy biết Nhĩ Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giải giải:

Nhãn nhập như vậy, nhĩ nhập cũng như vậy. Nhãn nhập do 2 tướng sáng tối mới có, còn nhĩ nhập do 2 tướng động tịnh, nếu lia động tịnh không có nhĩ nhập, lia sáng tối cũng không có nhãn nhập.

Người ta không biết, cho là tự nhiên hay cho là nhân duyên. Nhà khoa học biết vấn đề gì cho là nhân duyên, còn cái nào không biết cho là tự nhiên. Đức Phật phủ nhận nhân duyên và tự nhiên, như con gà và trứng gà, 2 thứ khác nhau.

Nếu nói nhân duyên như con gà sanh ra trứng gà, trứng gà ấp ra con gà, làm nhân với nhau mà sanh ra. Nếu lý nhân duyên thành lập thì phải có nhân đầu tiên, cái nhân đầu tiên thì phải có sự bắt đầu, sự thật không có bắt đầu được.

Cho nên, Phật nói là vô thi, không có nhân đầu tiên, tức là còn gà không thể có trước. Tại sao? Tại không có trứng gà để ấp ra. Trứng gà không thể có trước. Tại sao? Vì không có con gà để sanh ra. Vậy, không có nhân đầu tiên thì lý nhân duyên không thể thành lập.

Còn tự nhiên khỏi cần nhân duyên, tức là con gà khỏi cần trứng gà ấp, trứng gà khỏi cần con gà sanh. Cho nên, lý tự nhiên không thể thành lập. Vì kinh Lăng Nghiêm phủ nhận lý nhân duyên và tự nhiên, chứng tỏ tất cả không có cái nào thật.

Nói về Phật pháp thì tất cả do tâm tạo, nếu tâm tạo nên không có thật; vì tâm tạo mới có, tâm không tạo thì không có. Con mắt mình thấy, lỗ tai nghe đều không thật. Ý thức hiểu kém là số lượng thấp, ý thức hiểu nhiều là số lượng cao, dù cao cùng tốt cũng tâm tạo, chứ không có thật. Tâm thật không có số lượng, do tai mắt tiếp xúc hiện ra số lượng.

Chánh Văn:

6. Ý NHẬP VỐN VÔ SANH.

-A Nan! Ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ đã bèn thức, gặp cảnh thì nhớ, không nhớ thì quên, như cảnh mộng giả dối cho là chơn thật, ấy là điên đảo. Các tướng sanh, trụ, dị, diệt, tùy duyên thay đổi từng sát na, chẳng vượt khỏi nhau. Gom sự hiểu biết trong đó thành tướng mỗi một; cả ý căn cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề.

- Do hai thứ vọng trần Sanh và Diệt, vọng khởi pháp trần bên trong, thành cái biết của ý căn. Ý căn như dòng nước, sự trước mắt nhờ tai mắt thấy nghe tiền trần bên ngoài là thuận lưu (đồng thời ý thức); sự tưởng nhớ chẳng nhờ tai mắt được thấy nghe pháp trần bên trong là nghịch lưu (độc đầu ý thức), khi chảy ngược vào chỗ tai mắt chẳng thể đến (sự vật đã qua hoặc cách xa), chỉ có ý căn mới biết, gọi là tánh hay biết của ý căn; tánh hay biết này lia thức, ngủ, sanh, diệt, vốn chẳng có tự thể.

-A Nan nên biết! Cái hay biết của ý căn chẳng từ thức ngủ ra, chẳng từ sanh diệt ra, chẳng từ ý căn ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ thức ra, thì khi ngủ, ý căn đã theo thức diệt, lấy gì để biết ngủ? Nếu từ sanh mà

ra, thì khi diệt đồng như không, ai biết sự diệt? Nếu từ diệt ra thì khi sanh đã không có, ai biết sự sanh?

Nếu từ ý căn ra thì chẳng có tướng thức, ngũ, vậy cái hay biết của ý căn đồng như hoa đóm trên không, vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không tự biết, có liên quan gì đến chỗ nhập của người? Nên biết, Ý Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giải giảng:

Năm căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thì có phù trần căn, như con mắt thấy được, ý căn không thấy được, ý hoạt động khó biết. Nếu dùng máy điện toán đo thì biết.

Phật giải thích tai mắt có thể đến gọi là thuận lưu, như đường suối chảy, nay mình thấy trái cây, lọ hoa,... Còn nghịch lưu thì tai mắt chẳng thể đến, chỉ có ý căn đến được. Như mình tưởng nhớ ngày xưa, tưởng nhớ bà con mình ở Việt Nam,...

Nhưng có đối đãi sanh diệt, mình có việc tưởng nhớ để cho ý căn tiếp xúc được, nếu lìa khỏi sanh diệt thì không có; như nhãn căn phải có sáng tối, nhĩ căn phải có động tịnh, ý căn phải có sanh diệt.

Chánh văn:

THẬP NHỊ XỨ

-Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Nhị Xứ vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh Chơn Như?

I. NHÃN CĂN VỚI SẮC TRẦN VỐN VÔ SANH.

-A Nan! Người hãy xem rừng cây và các suối ao trong vườn Kỳ Đà này, ý người thế nào? Ấy là sắc trần sanh ra nhãn căn, hay nhãn căn sanh ra sắc tướng?

-A Nan! Nếu nhãn căn sanh ra sắc tướng, vậy khi nhìn hư không chẳng phải sắc tướng, thì tánh sắc phải mất; hễ mất thì tất cả chẳng có, sắc tướng chẳng có thì làm sao rõ được tánh không? Sự không cũng như thế.

-Lại, nếu sắc trần sanh ra nhãn căn, thì khi nhìn hư không chẳng phải sắc, nhãn căn liền mất, nhãn căn đã mất thì lấy gì để phân biệt Sắc và Không.

-Nên biết sự thấy và sắc không đều chẳng xứ sở, tức sắc trần và sự thấy, hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng giải:

Trước kia phá lục căn: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Tiếp theo là lục trần, ý nghĩa cũng vậy, không có cái nào là thật. Phật dùng sự hiểu biết của người đương thời, để chứng tỏ lục căn lục trần đều không có thật.

Chánh văn:

6. Ý CĂN VỚI PHÁP TRẦN VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Người thường dùng ý thức duyên theo ba tánh thiện, ác và vô ký, sanh khởi pháp trần. Vậy pháp trần này từ nơi tâm ra, hay lia tâm riêng có phương sở?

-A Nan! Nếu từ tâm ra thì pháp trần chẳng phải cảnh trần, chẳng phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được?

-Nếu lia tâm riêng có phương sở, thì tự tánh của pháp trần là biết hay chẳng biết? Biết tức gọi là tâm, tâm này lia tâm người thì chẳng phải pháp trần của người biết, đồng như tâm của người khác; nếu lia tâm người lại còn có tâm biết, thì tâm người thành hai sao?

Nếu chẳng biết thì pháp trần này đã chẳng phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì phải ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không đều chẳng thể nêu ra, chẳng lẽ trong thế gian lại có cái ở ngoài hư không ư? Lại tâm chẳng phải sở duyên thì xứ từ đâu mà an lập?

-Nên biết, pháp trần và tâm đều chẳng có xứ sở, tức ý căn và pháp trần hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng giải:

Ý căn và pháp trần vốn vô sanh tức là không có thật, nếu thật có sanh mới là thật.

Phật bảo A Nan! Người thường dùng ý thức duyên theo 3 tánh thiện, ác, vô ký. Vô ký là không phải thiện không phải ác. Ác hại người, thiện giúp ích người, vô ký không giúp ích cho người cũng không hại người. Ý căn duyên theo 3 thứ này mới sanh khởi pháp trần, vì pháp trần không có hình tướng.

Ý căn tiếp xúc với pháp trần chỉ có sanh và diệt. Nhưng không có hình tướng để đối đãi, sự thật có pháp trần để biết, tức là có sanh diệt để biết. Vậy pháp trần này từ nơi tâm ra hay lìa tâm riêng có phương sở.

A Nan! Nếu từ tâm ra thì pháp trần chẳng phải cảnh trần, chẳng phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được? Nếu từ tâm ra thì tâm trở thành cảnh.

Trong này, nếu tự tâm ra pháp trần chẳng phải cảnh trần, bởi vì tâm đối cảnh trần mới sanh ra hiểu biết. Nếu cảnh tự tâm ra thì không có cảnh, tức là ý căn không có cảnh sanh diệt.

Nếu không có cảnh sanh diệt cho ý căn để hiểu biết, thì chẳng phải cái sở duyên của tâm, vì tâm duyên pháp sanh diệt thành có cảnh. Ý căn tự mình làm cảnh, tức năng biết là tâm, sở biết cũng là tâm, thì không có cảnh duyên cho tâm hiểu biết, làm sao thành sở biết? Sở biết là cảnh đối với ý căn, tâm tự ra cảnh thì không có xứ, không có chỗ hiểu biết của ý căn.

Ý căn không hình tướng là tịnh sắc căn, không phải như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân có phù trần căn ở bên ngoài. Như nhãn căn đối với vật chất thì thấy, còn ý căn thì không có tiền trần, mà có pháp trần. Pháp trần thì mênh mông khắp không gian thời gian, do ý căn mới tiếp xúc được.

Chánh văn:

THẬP BÁT GIỚI

-Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Bát Giới vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu Tánh Chơn Như?

I. NHÃN CĂN, SẮC TRẦN, NHÃN THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH.

-A Nan! Như người đã rõ, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh ra nhãn thức. Vậy thức này là từ nhãn căn ra, lấy nhãn căn làm giới; hay từ sắc trần ra, lấy sắc trần làm giới?

-A Nan, nếu từ nhãn căn ra mà chẳng có Sắc Không thì chẳng thể phân biệt, dầu cho có cái thức của người cũng chẳng dùng được. Sự thấy của người chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng thể nêu ra, vậy từ đâu để lập giới?

-Nếu từ sắc trần ra, hư không chẳng phải sắc trần thì thức người phải diệt, sao được biết tánh hư không? Nếu lúc sắc trần biến đổi, thức người cũng biết sắc trần biến đổi, mà thức người chẳng biến, vậy giới từ đâu mà an lập? Theo sự biến đổi là biến đổi, giới tướng vốn chẳng có; chẳng biến đổi thì thường còn, thức đã từ sắc trần ra, lẽ ra chẳng biết được chỗ hư không?

-Nếu do căn trần cộng sanh cái giới ở giữa, khi căn trần hợp lại thì chẳng thể lập giới, tức là lia trung; khi lia căn thì phải hợp trần, lia trần thì phải hợp căn, vậy thể tánh lẫn lộn, làm sao thành giới?

-Nên biết, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh nhãn thức giới, ba chỗ đều không tức nhãn căn, sắc trần và nhãn thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng giải:

Những đoạn trong kinh Lăng Nghiêm sau cùng có “chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” là phá nhân duyên và tự nhiên.

Lục căn gọi là nhập, lục căn tiếp xúc lục trần gọi là xứ (chỗ), còn lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức gọi là giới, tức là cái giới này không phải lục căn, lục trần. Thức là phân biệt nhận biết cái tốt xấu. Nhãn thức phân biệt cái này là trái bôm,... còn thập nhị xứ có ý căn thì có chỗ, có chỗ gọi là xứ. Thập bát giới thì có giới hạn phân biệt, như cái này tốt hay xấu,... có sự phân biệt gọi là giới.

Lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức vốn không phải thật, tức là vô sanh. Dù tốt cũng không phải thật, xấu cũng không phải thật. Nhưng ở đây nói là không thật thì người ta không tin, vì cuộc sông hàng ngày trong thập bát giới, tức là mỗi ngày dùng lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức phân biệt.

Phật dùng lý hiểu biết của người đương thời để chứng tỏ cái giới ấy không có thật.

A Nan! Như người đã rõ, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh ra nhãn thức. Vậy thức này từ nhãn căn ra mà chẳng có sắc không thì chẳng thể phân biệt. Vì sở thấy phải có hư không, phải có vật chất. Bây giờ không có vật chất không có hư không, làm sao thấy được? Dù có vật chất mà không có hư không, lấy tay đè sát mí mắt, không có chỗ hư không thì không có thể thấy được.

Sự thấy phải có sắc và không mới thấy được, nếu cái thấy đó từ nhãn căn chạy ra thì không có sắc không. Chẳng có sắc không làm sao thấy được? Chẳng có sắc không chẳng thể phân biệt, vì giới là phân biệt tốt hay xấu. Thấy như không thấy phân biệt cái gì!

Nếu từ sắc trần ra, hư không chẳng phải sắc trần thì thức của người phải diệt, sao được biết tánh hư không? Như trái bôm này là sắc trần, cái giới ấy từ trái bôm này ra, bây giờ con mắt thấy hư không chẳng phải sắc trần, vì sự thấy có hư không mới thấy được. Cho nên, nhìn hư không chẳng phải sắc trần, vì hiểu biết từ sắc trần mà ra. Từ sắc trần ra mà không có hư không thì hiểu biết đó phải tiêu diệt. Vậy lấy gì để phân biệt trái bôm này?

Chánh văn:

6. Ý CĂN, PHÁP TRẦN, Ý THỨC GIỚI VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Như người đã rõ, ý căn, pháp trần làm duyên với nhau, sanh ra ý thức. Vậy thức này từ ý căn ra, lấy ý căn làm giới; hay từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới?

-A Nan! Nếu từ ý căn ra, thì trong ý người ấy phải có suy tư mới phát minh được ý người; nếu chẳng suy tư thì ý chẳng thể sanh, lia duyên thì chẳng có hình tướng, vậy thức dùng để làm gì? Thức của người với sự suy tư và tánh hiểu biết là đồng hay khác?

Nếu đồng với ý tức là ý căn, sao nói từ ý căn ra? Nếu khác với ý thì chẳng phải ý căn, chẳng phải ý căn thì không có năng biết, năng không ấy sở cũng không, nếu không có sở biết thì sao nói từ ý căn ra? Nếu có sở biết thì làm sao biết ý căn? Vậy hai tánh đồng và dị đã chẳng có thì giới từ đâu lập?

-Nếu từ pháp trần ra, thì các pháp trong thế gian chẳng ngoài ngũ trần, người hãy xét xem, các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc đều có tướng rõ ràng để đối với ngũ căn, chẳng thuộc phạm vi của ý căn, nếu thức người nhất định từ pháp trần ra, thì người hãy xét kỹ hình tướng của mỗi pháp như thế nào?

Nếu lia sắc, không, thông, nghẽn, ly, hợp và sanh, diệt, ngoài các tướng này chẳng có sở đắc, sanh thì các pháp sắc, không cùng sanh, diệt thì các pháp sắc, không cùng diệt, vậy cái nhân sanh ra đã không, làm sao có thức? Thức đã chẳng có, giới từ đâu lập?

-Nên biết ý căn, pháp trần làm duyên với nhau sanh ra ý thức giới, ba chỗ đều không, tức ý căn, pháp trần, ý thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

A Nan bạch Phật:

-Như Lai thường giảng về nhân duyên hòa hợp rằng: "Tất cả các thứ biến hóa trên thế gian đều do tứ đại hòa hợp mà sanh", sao Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, xin Phật thương xót, khai thị pháp liễu nghĩa chẳng hý luận của trung đạo cho con và chúng sanh được rõ.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo A Nan:

-Trước đây, người nhầm chán các pháp Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác, phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề nên ta vì người khai thị Đệ Nhất Nghĩa Đế, sao người lại còn đem những hý luận của thế gian, vọng tưởng cho là nhân duyên mà tự ràng buộc? Người dù học rộng nghe nhiều, như người chỉ dùng miệng nói thuốc, khi thuốc thật hiện tiền thì lại chẳng biết, Như Lai gọi là thật đáng thương xót. Nay người hãy nghe kỹ, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến những người tu đại thừa sau này thông đạt được thật tướng.

A Nan yên lặng kính vâng thánh chỉ của Phật.

-A Nan! Như người đã nói, tứ đại hòa hợp sanh ra các thứ biến hóa trên thế gian. A Nan, nếu thể tánh của tứ đại chẳng phải hòa hợp thì chẳng thể lẫn lộn nhau, cũng như hư không, chẳng thể hòa hợp với các sắc tướng; nếu là hòa hợp thì đồng như biến hóa, đầu đuôi duyên nhau, sanh diệt tương tục, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn. A Nan, cũng như nước thành băng, băng lại thành nước, chẳng hề ngừng nghỉ.

Giảng giải:

Ý căn, pháp trần, ý thức giới, 3 cái này rất phức tạp hơn nhãn căn, sắc trần có hình tướng.

A Nan! Như người đã rõ, ý căn, pháp trần làm duyên với nhau sanh ra ý thức; vậy thức này từ ý căn ra, lấy ý căn làm giới; hay từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới?

Ý căn tiếp xúc pháp trần sanh ra ý thức, tức là sự phân biệt, ý thức đó từ ý căn ra, lấy ý căn làm giới, hay từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới? Giới tức là phân biệt, là sự hiểu biết đối pháp trần.

Phật nói kinh Lăng Nghiêm: “Lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức chẳng phải thật”, đều là việc trong chiêm bao mới có, nếu thức tỉnh thì chứng tỏ không phải thật. Phật Thích Ca muốn chúng sanh trong mở mắt chiêm bao được thức tỉnh, chứng tỏ mở mắt chiêm bao này không thật. Cuộc sống hàng ngày đủ thứ phiền não, trong tâm mình vốn không có cái này, tại mình chấp thật mới thành có. Nên Phật Thích Ca phá tâm chấp thật của mình.

Tham thiền là thức tỉnh chiêm bao mở mắt, như thức tỉnh chiêm bao nhắm mắt, chứng tỏ chiêm bao này không thật. Chiêm bao mở mắt, người ta cho là thật, khi tham thiền kiến tánh, tức là mở mắt chiêm bao thức tỉnh thì chứng tỏ không thật, gọi là chứng ngộ.

Chánh văn:

THÁT ĐẠI.

I. TÁNH ĐỊA ĐẠI VÓN VÔ SANH.

-Người xem tánh Địa, thô là đại địa, tế là vi trần, cho đến cực vi là lân hư trần, là sắc tướng nhỏ tột, nếu phân tách nữa thì thành tánh hư không.

-A Nan, nếu cái lân hư trần đó tách được thành hư không, thì hư không cũng sanh được sắc tướng. Nay người hỏi rằng, do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa trên thế gian, thì người hãy xét, cái lân hư trần này phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có? Chẳng lẽ lân hư trần hợp thành lân hư trần? Lại lân hư trần đã tách thành hư không, thì dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới được thành hư không? Nếu lúc hợp sắc, sắc chẳng phải hư không; nếu

lúc hợp không, hư không chẳng phải là sắc, sắc còn có thể tách ra được, chứ hư không làm sao mà hợp?

-Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng (Tự tánh), tánh Sắc chơn Không (thể tánh của Sắc chẳng phải thật, tức là Chơn Không), tánh Không chơn Sắc (thể tánh của Không chẳng phải thật, tức là Chơn Sắc), tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

Người thế gian chẳng biết những hiện tượng đó chỉ là mở mắt chiêm bao, lại mê lầm cho là nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

2. TÁNH HỎA ĐẠI VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Tánh Hỏa chẳng có tự thể, nhờ các trợ duyên mà phát sanh. Người xem các nhà, khi muốn nhúm lửa nấu cơm thì cầm tấm kiếng đưa dưới ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

-A Nan! Cái gọi là hòa hợp, cũng như ta cùng người và 1250 vị Tỳ Kheo, nay hợp thành một chúng; chúng dù là một, xét về căn bản thì mỗi người đều có thân riêng biệt, có tên gọi và họ hàng của mình, như

Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà La Môn, Ưu Lô Tần Loa thuộc dòng Ca Diếp Ba, cho đến người thì thuộc dòng họ Cù Đàm.

-A Nan! Nếu tánh lửa này do hòa hợp mà có, thì khi người cầm kiếng lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa này từ trong kiếng ra, từ bụi nhùi ra, hay từ mặt trời ra?

-A Nan! Nếu lửa từ mặt trời ra, đốt được bụi nhùi trong tay người ấy, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời chiếu qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kiếng ra, có thể đốt cháy bụi nhùi, sao cái kiếng lại không cháy? Cả cái tay người cầm kiếng còn chẳng thấy nóng thì làm sao kiếng lại cháy được? Nếu do bụi nhùi ra thì cần gì ánh sáng mặt trời với kiếng tiếp xúc nhau rồi mới có lửa?

-Người lại xét kỹ, kiếng do tay cầm, mặt trời thì ở trên không, còn bụi nhùi thì từ đất sanh ra, vậy lửa từ phương nào mà đi đến chỗ này? Mặt trời và

kiêng cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh lửa khi không tự có?

-Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh hỏa chơn không, tánh không chơn hỏa, tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

A Nan nên biết, người thế gian ở nơi này cầm kiêng thì nơi này bốc lửa; nếu khắp pháp giới đều cầm kiêng thì khắp pháp giới bốc lửa, lửa cháy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ tùy theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

3. TÁNH THỦY ĐẠI VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Tánh Thủy chẳng định, ngưng và chảy không chừng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Ca Tỳ La, Chước Ca La và các nhà đại huyền thuật Bát Đầu Ma Ha Tát Đa, khi muốn cầu Thái Âm Tinh để hòa các thuốc huyền thuật, thì các ông ấy ở giữa đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu, hứng nước dưới ánh trăng. Vậy nước này từ hạt châu ra, từ hư không ra, hay từ mặt trăng ra?

-A Nan! Nếu từ mặt trăng ra, ánh trăng đã có thể từ phương xa làm cho hạt châu chảy nước, thì những rừng cây mà ánh trăng chiếu qua, lẽ ra đều phải chảy nước. Nếu chảy nước thì khỏi đợi hạt châu mới có nước chảy; nếu không chảy nước thì rõ ràng nước chẳng phải từ mặt trăng ra.

Nếu từ hạt châu ra, thì trong hạt châu phải thường chảy nước, đâu cần đợi ánh trăng trong lúc nửa đêm? Nếu từ hư không ra thì hư không vô tận, nước cũng vô biên, vậy từ cõi người đến cõi Trời đều bị chìm ngập cả, làm sao lại có các loài ở dưới nước, trên bờ và trên không?

-Người hãy xét kỹ, mặt trăng ở trên trời, hạt châu ở nơi tay, còn mâm đựng hạt châu hứng nước thì do người đặt ra, vậy nước từ phương nào mà chảy đến đây? Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ nước khi không tự có?

-Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh thủy chơn không, tánh không chơn thủy, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới,

tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Hễ nơi này cầm hạt châu thì nơi này chảy nước; khắp pháp giới cầm hạt châu thì khắp pháp giới chảy nước.

Tánh thủy cùng khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức, của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

4. TÁNH PHONG ĐẠI VỐN VÔ SANH.

-A Nan! Tánh Phong chẳng có tự thể, động tịnh không chừng.

-Người thường ở nơi chúng mà sửa áo, chéo áo Tăng Già Lê chạm đến người bên cạnh thì có chút gió phát qua mặt người kia, vậy gió này từ chéo áo Cà Sa ra, từ hư không ra, hay từ mặt người kia ra?

-A Nan! Nếu gió từ chéo áo Cà Sa ra thì người đã mặc luôn cả gió, lẽ ra cái áo phải tung bay ra, rời khỏi thân người. Nay ta rũ áo ở trong Hội này, người hãy xem cái áo ta, gió núp ở chỗ nào? Chẳng lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió ư?

-Nếu gió từ hư không ra, khi cái áo người chẳng động, thì sao lại chẳng phát? Tánh hư không thường trụ thì gió phải thường sanh, vậy lúc chẳng gió, hư không phải diệt; gió diệt còn có thể thấy được, hư không diệt thì là hình tướng gì? Nếu có sanh diệt thì chẳng gọi là hư không, đã gọi là hư không thì làm sao lại có gió ra?

-Nếu gió từ mặt người bị phát sanh ra, thì đã từ mặt người đó ra, lẽ ra phải phát lại người, sao tự người sửa áo mà phát ngược lại người kia?

-Người hãy xét kỹ; sửa áo do người, cái mặt thì thuộc người kia, hư không thì vắng lặng chẳng lay động, vậy gió từ phương nào dong ruổi đến đây? Tánh gió và tánh hư không khác nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh gió khi không tự có ư?

-Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh phong chơn không, tánh không chơn phong, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy, biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

A Nan, như một mình người hơi động cái áo thì có chút gió ra, khắp pháp giới đều phát thì khắp pháp giới đều ra gió, tánh phong đây khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

5. TÁNH KHÔNG ĐẠI VÔN VÔ SANH.

-A Nan! Tánh Không vô hình, nhờ sắc tướng mới được hiển bày. Như trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách xa sông, những dòng Sát Lî, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, Phả La Đọa, Chiên Đà La v.v... khi dựng nhà xong, đào giếng lấy nước, đào ra một thước đất thì có một thước hư không; như vậy cho đến đào ra một trượng đất thì lại được một trượng hư không, hư không sâu hay cạn là tùy theo đất đào ra được nhiều hay ít. Vậy hư không này từ đào đất ra, do đào mà có, hay vô nhân tự sanh?

-A Nan! Nếu hư không vô nhân tự sanh, thì khi chưa đào đất, sao nơi đó lại chẳng vô chướng ngại, mà chỉ thấy đất liền, chẳng thấy trống rỗng?

-Nếu từ đào đất ra, thì khi đất ra, phải thấy hư không vào; nếu đất ra trước mà không thấy hư không vào, thì sao nói hư không từ đào đất mà ra? Nếu chẳng ra vào thì hư không với đất vốn chẳng có khác, chẳng khác tức là đồng, thì lúc đào đất ra, hư không sao chẳng ra? Nếu do đào mà có, thì phải đào ra hư không, chứ chẳng phải đào ra đất; nếu chẳng do đào mà có, thì làm sao lại thấy hư không?

-Người hãy xét kỹ, đào do tay người vận động, đất theo sự đào mà dời chỗ, vậy hư không từ đâu mà ra? Đào thì có thật chất, hư không thì trống rỗng, chẳng tác dụng với nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ hư không khi không tự ra?

-Vậy, tánh hư không cùng khắp, vốn chẳng lay động. Nên biết hiện tiền địa, thủy, hỏa, phong và hư không gọi là Ngũ Đại, tánh chất viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

-A Nan! Tâm người mê muội, chẳng ngộ được tứ đại vốn là Như Lai Tạng, người hãy xem hư không là ra hay vào; hoặc chẳng ra vào? Người còn chẳng biết trong Như Lai Tạng, tánh giác chơn không, tánh không chơn giác, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

-A Nan, như đào một giếng thì ra một giếng hư không, vậy mười phương hư không cũng như thế, tánh Không cùng khắp mười phương, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

6. TÁNH KIẾN ĐẠI VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Bốn kiến, Bốn giác vốn chẳng có năng tri sở tri, vì Sắc và Không mới có lập năng sở. Như người hôm nay ở vườn Kỳ Đà, ngày sáng đêm tối, nếu nửa đêm có trăng thì sáng, không trăng thì tối, do kiến tinh phân biệt nên có sáng và tối. Vậy kiến này với tướng sáng, tối và hư không, là một thể hay chẳng phải một thể? Hoặ đồng, chẳng đồng? Hoặ khác, chẳng khác?

-A Nan! Nếu cái kiến này cùng với sáng, tối, hư không vốn là một thể, thì sáng và tối hai tướng nghịch nhau, khi sáng chẳng tối, khi tối chẳng sáng. Nếu cùng với tối đồng một thể thì khi sáng, cái kiến biến mất, hề cùng với sáng đồng một thể, thì khi tối, cái kiến ấy phải diệt, đã diệt thì lấy gì để thấy sáng thấy tối? Nếu sáng tối khác nhau, kiến chẳng sanh diệt thì đâu có thể nói là một thể được?

-Nếu cái kiến này cùng với sáng tối chẳng phải một thể, thì người lia sáng, tối và hư không, phân tách cái kiến tinh xem là hình tướng gì? Lia sáng, tối và hư không thì kiến tinh đồng như lông rùa sừng thỏ.

Sáng, tối, hư không ba thứ đều khác biệt, vậy từ đâu mà lập kiến tinh? Sáng, tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được? Lia ba thứ vốn chẳng có, làm sao nói khác được? Hư không và kiến tinh vốn chẳng có ranh giới, làm sao nói chẳng đồng? Thấy sáng thấy tối, sở kiến thay đổi, làm sao nói chẳng khác?

-Người cần phải xem xét vi tế kỹ càng, xét tới cứu cánh triệt để. Sáng do mặt trời, tối do đêm không trăng, thông thuộc về hư không, nghẽn thuộc về đại địa, kiến tinh có giác, hư không vô tri, chẳng hòa chẳng hợp, vậy kiến tinh từ đâu mà ra? Chẳng lẽ khi không tự ra?

-Nên biết Kiến, Văn, Giác, Tri, thể tánh viên mãn cùng khắp mọi nơi, vốn chẳng lay động, với hư không vô biên chẳng động, và địa, thủy, hỏa, phong, lay động, cùng gọi là Lục Đại, thể tánh viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

-A Nan! Người đánh mất tự tánh, chẳng ngộ kiến, văn, giác, tri của người vốn là Như Lai Tạng. Người hãy xem cái kiến, văn, giác, tri này là sanh hay diệt, là đồng hay dị, là chẳng sanh diệt hay chẳng đồng dị?

Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến (cái bản kiến là tự tánh vốn giác vốn minh, cái tinh thể của bản giác vốn minh vốn kiến), vốn tự nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

Như một "kiến tinh" thấy cùng pháp giới, cho đến tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc, ý biết, sự diệu dụng rõ ràng viên mãn, cùng khắp mười phương pháp giới, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê làm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

7. TÁNH THỨC ĐẠI VÓN VÔ SANH.

-A Nan! Tánh của Thức vốn chẳng có nguồn gốc, duyên theo sáu thứ căn trần hư vọng mà sanh. Nay người hãy xem khắp thánh chúng trong hội này khi mới dùng con mắt lướt qua, chưa khởi phân biệt thì thấy chúng chỉ như bóng tượng trong gương, rồi tâm thức của người theo thứ tự phân biệt đây là Văn Thù, đây là Phú Lô Na, rồi tới Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất v.v... Vậy sự biết của thức này từ kiến tinh ra, từ sắc tướng ra, từ hư không ra, hay khi không vô nhân mà ra?

-A Nan! Giả sử thức của người từ kiến tinh ra, nếu chẳng có sáng tối và sắc không, thì chẳng có kiến tinh, kiến tinh còn chẳng có, vậy thức từ đâu mà ra?

-Nếu thức của người từ sắc tướng ra, chẳng từ kiến tinh ra, thì chẳng thấy sáng, cũng chẳng thấy tối, sáng tối đã chẳng thấy tức chẳng có sắc không, sắc tướng kia còn chẳng có thì thức do đâu mà ra?

-Nếu từ hư không ra, chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải kiến tinh. Nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể phân biệt, tự nhiên không thể biết được các tướng sáng tối và sắc không. Nếu chẳng phải sắc tướng thì sở duyên diệt mất, vậy kiến, văn, giác, tri chẳng có chỗ an lập. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu "không" thì thức đồng như chẳng có; nếu "có" thì thức đồng như các vật, dấu cho có thức của người cũng thành vô dụng.

Giải giải:

Thức là phân biệt, như biết tốt xấu... Bản tánh của thức vốn không thật, nhưng cuộc sống hàng ngày làm cho mình khổ, phiền não đủ thứ. Phật đã giải thích tất cả thứ ấy đều không thật, vì thức ấy không có từ chỗ nào ra được. Vọng thức phân biệt từ đâu ra? Nếu từ ý căn ra cũng không đúng, từ pháp trần ra cũng không đúng. Trên có giải thích rồi, pháp trần là đối tượng phân biệt, như là tốt, xấu, thiện, ác, buồn, vui,...

Những pháp buồn, vui có đối đãi, như sắc, thanh, hương, vị, xúc là tiền trần. Pháp trần là những việc ở xa hay quá khứ, như bà con ở Việt Nam mà nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thể không tiếp xúc, nhưng ý căn tưởng nhớ được. Tất cả sinh diệt đối đãi có hình hay không hình, thiện, ác... có thể nói là pháp trần.

Pháp trần là phân biệt với tiền trần. Tiền là trước mắt, như: Nhãn thấy sắc trước mắt, nhĩ nghe âm thanh trước mắt; tỷ ngửi mùi trước mắt, tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đối với 5 tiền trần. Còn ý căn đối với pháp trần, pháp trần như hồi xưa thấy nhưng bây giờ không thấy; ý căn nhớ lại hồi xưa giống như thấy vậy, cái đó thuộc về ý căn. Pháp trần đối với ý căn, ý căn suy nghĩ có thể đến đều là pháp trần.

Sự thấy do kiến tinh, nếu do từ kiến tinh ra thì không có sắc không, tức là không có sở duyên, kiến tinh là tánh thấy, tánh thấy tự thấy sao? Như con mắt đâu tự thấy mắt được? Tức là ý của Phật ở đây chứng tỏ tất cả vốn là vô sanh, do tâm mình hiểu biết, tuy cao nhất cũng lọt trong số lượng là vọng, không thật. Cho nên, lục căn tiếp xúc lục trần có hiểu biết, hiểu biết theo trình độ mình, dù thấp hay cao cũng là vọng, không thật.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM.

Quyển 4

Chánh văn:

Lúc bấy giờ, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử ở trong chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

-Thế Tôn có oai đức lớn, khéo vì chúng sanh hiển bày đệ nhất nghĩa đế của Như Lai. Thế Tôn thường khen con là bậc nhất trong những người thuyết pháp, mà nay con nghe pháp âm nhiệm mầu của Như

Lai, cũng như người điếc, cách xa trăm bước mà nghe tiếng muỗi bay, vốn chẳng thể thấy, huống là được nghe! Phật dù chỉ rõ, khiến con dứt trừ lỗi lầm, nhưng con còn chưa thấu suốt chỗ chẳng nghi hoặc của nghĩa này.

-Thế Tôn, hàng hữu lậu như A Nan, dù được khai ngộ, nhưng chưa dứt tập khí phiền não, còn chúng con là bậc vô lậu trong hội này, nay nghe pháp âm của Như Lai còn mắc phải những điều nghi ngờ.

-Thế Tôn, nếu tất cả các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v... Của thế gian đều là Như Lai Tạng, bản tánh vốn trong sạch, sao lại bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai, thành rồi hoại, hoại rồi thành, thành hoại chẳng ngừng?

-Lại Như Lai nói Địa, Thủy, Hỏa, Phong, bản tánh viên dung, cùng khắp pháp giới, trạm nhiên thường trụ. Thế Tôn, nếu tánh Địa cùng khắp, thì làm sao dung nạp được Thủy? Nếu tánh Thủy cùng khắp thì Hỏa chẳng thể sanh; sao lại nói hai tánh Thủy và Hỏa đều cùng khắp hư không, chẳng đoạt mất nhau?

-Thế Tôn, tánh Địa thì ngăn ngại, tánh không thì trống rỗng, làm sao hai tánh ấy đều cùng khắp pháp giới? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, xin Phật từ bi, khai mở lòng mê muội của con và đại chúng.

Nói xong, năm vóc gieo sát đất, kính mong lời dạy Vô Thượng của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phú Lô Na và hàng A La Hán lậu tận vô học trong Hội rằng:

-Hôm nay, Như Lai vì cả chúng trong Hội này hiển bày tánh chơn thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến hàng định tánh Thanh Văn và tất cả A La Hán chưa được Nhị Không (nhân ngã không và pháp ngã không), phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chơn chánh, thiết thực chẳng xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa, các người hãy chú ý nghe.

Phú Lô Na và đại chúng kính vâng pháp âm của Phật, yên lặng ngồi nghe.

Phật bảo:

-Phú Lô Na, như lời người nói, bản tánh trong sạch, sao lại bỗng sanh núi sông đất đai. Người chẳng thường nghe Như Lai dạy rằng: Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu hay sao?

Giảng giải:

Trên nói, lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức, tất cả đều không thật, nhưng Phật cũng nói vốn là Như Lai Tạng. Như Lai Tạng là bản tâm của mình, tạng như cái kho.

Tôi thường giải thích tánh không, tâm mình như hư không, tất cả vũ trụ vạn vật, nhà cửa, cây cối đều ở trong tâm này. Hư không là Như Lai Tạng, cuộc sống hàng ngày là vọng, chẳng thật, nhưng cũng là Như Lai Tạng, chứ không phải ở ngoài hư không. Tất cả cái gì, mặt trăng, mặt trời, nhà cửa cây cối, nam nữ,... đều ở trong tâm. Vì tâm là hư không, hư không là tâm.

Tại sao ở trên nói địa, thủy, hỏa, phong đều cùng khắp pháp giới, cùng khắp hư không? Theo lý thường đề hiểu, nếu chỗ có đất (địa) thì phải ngăn ngại. Nếu có nước thì phải diệt lửa, nếu có lửa thì nước không đến được. Vì lửa và nước nghịch nhau, tại sao đều cùng khắp pháp giới?

Nhưng Phật giải thích lửa do tâm tạo, nước cũng do tâm tạo. Địa, thủy, phong đều do tâm tạo thì đâu có khác! Vì do có 2 tâm. Tâm cùng khắp pháp giới, nên địa, thủy, phong cùng khắp pháp giới, khắp hư không là Như Lai Tạng, vốn là như vậy.

Chánh văn:

-Bạch Thế Tôn, vâng ạ, con thường nghe Phật khai thị nghĩa này.

Phật bảo:

-Người nói giác minh, là do tánh minh được gọi là giác; hay là cái giác bất minh, gọi là minh giác?

Phú Lô Na nói:

-Nếu cái bất minh này gọi là giác, thì chẳng có sở minh.

Phật bảo:

-Nếu chẳng có sở minh thì chẳng có minh giác, có sở chẳng phải là giác, không sở chẳng phải là minh, chẳng minh lại chẳng phải tánh tràm nhiên sáng tỏ của bản giác. Vì tánh giác ắt minh, vọng cho là minh giác, bản giác chẳng phải sở minh, do chấp sự minh nên lập sở minh, sở minh đã vọng lập, thì sanh cái năng minh hư vọng của người.

-Ở trong chẳng đồng dị, vọng chấp thành dị, khác với cái dị này, do sự dị mà lập sự đồng, tướng đồng dị đã sanh, từ đó lại lập ra cái chẳng đồng chẳng dị. Nhiều loạn như thế, đối đãi nhau sanh ra mỗi một, mỗi lâu thành trần, tự hỗn tạp lẫn nhau, do đó sanh ra trần lao phiền não, khởi dậy thành thế giới, tịch lặng thành hư không; hư không là đồng, thế giới là dị, do đồng dị lập ra chẳng đồng chẳng dị, ấy là pháp hữu vi, cái vốn chẳng đồng dị của bản giác, mới thật là pháp vô vi.

-Bản giác tánh không, chẳng minh chẳng vô minh, tùy theo nghiệp thức biến hiện nên vô minh bắt đầu; một niệm vô minh bỗng khởi, thì bản giác lia tánh không mà sanh vọng minh, tánh không cũng lia bản giác mà sanh ám muội. Bản giác sanh vọng minh thì phát ra thức, chỗ trong lặng chẳng lay động của thức tinh (nguồn gốc của thức) tức là Thủy, tánh "không" sanh ám muội, kết tụ thành sắc, tức là Địa (trái đất), Địa và Thủy nhiều loạn nhau thành Phong (Bầu khí quyển bao phủ trái đất).

Vì tánh "không" bị ám muội, cố chấp cái năng minh thành chướng ngại, nên vọng cho bản giác là sở minh, năng sở nhiều loạn, nên vọng có tánh biến hóa của Hỏa, ngọn Hỏa xông lên, nên có hơi Thủy khắp cả mười phương hư không. Hỏa bốc lên, Thủy chảy xuống, giao lộn vọng lập thì Thủy ướt thành biển cả, đất khô thành lục địa.

Do nghĩa này, nên trong biển cả Hỏa thường phun lên, trong lục địa sông ngòi thường chảy. Thế Thủy kém thế Hỏa thì kết thành núi, nên khi đập đá núi thì có tia lửa; thế Địa kém thế Thủy thì mọc lên thành cỏ cây, nên đốt cỏ cây thì thành đất, vắt ra thì có nước. Tứ đại giao lộn lẫn nhau vọng sanh nhân quả, do nhân duyên này nên thế giới tương tục.

Giải giảng:

Cuộc sống hàng ngày đều là vọng, mình đừng chấp thật, tu hành truy cứu cái chân thật của mình, tức là bản tâm của mình hiện lên thì mới cần.

Đoạn này, vì có người ham biết, chấp vào thành lập địa cầu, thành lập thế giới. Ở trên Phật có giải thích tất cả là vọng, đều do tâm tạo, như Trương Bảo Thắng tạo ra có liền.

Tại mình chấp cái minh (sáng), như nhiều người trí thức nói, cần phải trí huệ sáng sủa. Cái bệnh từ chỗ đó thành lỗi lầm, nói bản giác có cái sáng sủa, sáng là năng chiếu thì lập sở chiếu. Lập sở chiếu rồi thì tánh chiếu bị mất, không phải là không sáng, nhưng đã lập cái sáng rồi, cho là có cái sở thì có năng sở đối lập, nên tánh sáng bị mất.

Như đầu lại mọc thêm đầu thì phải khổ, cần bác sĩ cắt bỏ mới được. Cái sáng đã có sẵn, mà lập thêm cái sáng nữa, nên mới thành lỗi lầm. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Diệu minh và minh diệu”. Tại sao? Diệu là thường minh bất khả tư nghì, mà chẳng lập sở minh; tuy sáng, nhưng sáng tự nhiên chiếu, mà không có sở chiếu, vì nó cùng khắp.

Lập sở chiếu thì có chỗ nên tánh chiếu bị mất, mới không thành diệu, chẳng được gọi là diệu minh. Tại lập sở minh tức là có chỗ, cái sáng khắp không gian khắp thời gian không có chỗ. Nếu lập có chỗ thì bản minh bị mất không gọi là diệu minh. Diệu minh chẳng lập sở minh, cũng chẳng phải không có minh. Cái minh đó có sẵn, nên nói minh mà diệu, tức là không có năng sở đối đãi.

Nếu chấp thật có giác minh thì lọt vào tình thức phân biệt, thành ra lìa cái giác thì chẳng minh. Cái giác ấy là bản giác đâu có thể lìa được! Bây giờ lập ra cái minh gọi là giác minh, nếu lìa giác thì chẳng có minh. Chẳng có minh thì cũng không giác, cũng không thể nói là diệu, nên kinh Lăng Nghiêm nói “thành lỗi lầm”.

Cho nên, không được nói cho là cho rằng, không phải bản lai diện mục. Tham thiền là hiện bản lai diện mục của mình, nên không được thêm cái gì vào đó, tức là tất cả đều y như cũ.

Chánh văn:

-Lại nữa, Phú Lô Na, cái minh hư vọng này chẳng phải gì khác, do giác minh thành lỗi lầm; sở minh đã vọng lập, thành lý minh có ngăn mé. Vì vậy, nên nghe chẳng ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, sáu thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã vọng lập, do đó chia ra Kiến, Văn, Giác, Tri.

Cộng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà có hợp, ly, thành, hóa; do kiến chấp của sở minh nên sanh khởi sắc tướng, do năng minh của kiến chấp thì thành tư tưởng, ý kiến khác với mình thì thành ghét, tư tưởng đồng với mình thì thành yêu, gieo cái yêu thành hạt giống, thu nạp tư tưởng thành cái thai, giao cấu phát sanh, hấp dẫn cộng nghiệp, nên có nhân duyên sanh ra bào thai.

-Các loài thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hoá sanh, tùy theo sự cảm ứng mà thành: Noãn do tưởng niệm mà sanh, thai do ái tình mà có, thấp sanh do hợp mà cảm ứng, hóa sanh do tách ly mà hiện. Tình, tưởng, hợp, ly, thay đổi lẫn nhau, các loài thọ nghiệp theo đó mà thăng trầm, do nhân duyên này, nên chúng sanh tương tục.

-Phú Lô Na, do tư tưởng thương yêu liên kết thành nghiệp, yêu mãi không rời thì những cha mẹ con cháu trong thế gian sanh nhau chẳng ngừng, ấy đều từ gốc Dục Tham sanh khởi.

-Lòng tham ái giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi thì các loại thai, noãn, thấp, hóa trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau, ấy đều từ gốc Sát Tham sanh khởi.

-Người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loại chúng sanh, chết sống sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp lan tràn cùng tội đời vị lai, ấy đều từ gốc Đạo Tham (trộm cắp) sanh khởi.

-Người nợ mạng ta, ta trả nợ người, do nhân duyên này, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng sanh tử; người yêu tâm ta, ta ưa sắc người, do nhân duyên này trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng ràng buộc, ấy đều từ gốc Sát, Đạo, Dâm sanh khởi. Do nhân duyên này nên nghiệp quả tương tục.

-Phú Lô Na, ba thứ điên đảo kể trên tương tục như vậy, đều do sự lỗi lầm của giác minh cho là có tánh liễu tri của năng minh rồi biến hiện sắc tướng, từ vọng kiến đó sanh khởi các tướng hữu vi như núi sông đất đai, theo thứ tự đời đời, vì hư vọng này nên xoay chuyển chẳng ngừng.

Phú Lô Na nói:

-Thế Tôn! Nếu Diệu Giác này vốn nhiệm mầu sáng tỏ, cùng với tâm Như Lai chẳng thêm, chẳng bớt, khi không bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai; nay Như Lai đã chứng Diệu Giác, làm sao núi sông đất đai và các tập khí hữu lậu còn được sanh trở lại?

Phật bảo Phú Lô Na:

-Ví như người mê ở một xóm làng, nhận lầm phương Nam thành phương Bắc, vậy sự mê lầm này từ mê ra hay từ ngộ ra?

Phú Lô Na đáp:

-Người mê như vậy chẳng từ mê ra, cũng chẳng từ ngộ ra? Tại sao? Mê vốn chẳng gốc, làm sao từ mê ra? Ngộ chẳng sanh mê, sao nói từ ngộ ra?

Phật nói:

-Người mê kia đang trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ thị cho ngộ, Phú Lô Na, ý người thế nào? Người ấy dẫn mê, đối với xóm làng này, còn mê lại nữa chăng?

-Bạch Thế Tôn, không ạ!

-Phú Lô Na, mười phương Như Lai cũng như vậy, sự mê này vốn chẳng có gốc, tánh rốt cuộc là không, xưa vốn chẳng mê, do vọng chấp nên tựa như có mê có giác, giác được cái mê thì mê liền diệt, giác chẳng sanh mê.

-Cũng như người nhắm thấy hoa đốm trên không, nếu trừ được bệnh nhắm thì hoa đốm nơi không liền diệt. Bỗng có người ngu ở chỗ hư không mà hoa đốm đã diệt kia, mong đợi hoa đốm sanh nữa, người xét người này là ngu hay trí?

Phú Lô Na đáp:

-Hư không vốn chẳng có hoa đốm, vọng thấy có sanh diệt, thấy hoa đốm diệt đã là điên đảo rồi, lại còn muốn hoa đốm sanh nữa, thì thật là điên dại, làm sao còn gọi người điên như vậy là ngu hay trí!

Phật bảo:

-Theo như người hiểu, sao lại còn hỏi Diệu Giác của chư Phật lại sanh núi sông đất đai nữa! Cũng như quặng vàng, đất cát lộn với vàng ròng, khi quặng đã luyện thành vàng ròng thì chẳng trở thành quặng nữa; như cây đã đốt thành tro, thì chẳng trở lại thành cây nữa. Bồ Đề Niết Bàn của chư Phật cũng như vậy.

-Phú Lô Na, người còn hỏi về bản tánh viên dung, cùng khắp pháp giới của Địa, Thủy, Hỏa, Phong nghi rằng tánh Thủy và Hỏa sao chẳng đoạt mất nhau, và hỏi sao hư không và tánh Địa đều khắp pháp giới, lẽ ra chẳng dung nạp nhau.

-Phú Lô Na, ví như hư không chẳng phải các tướng, cũng chẳng ngăn ngại các tướng phát huy. Tại sao? Phú Lô Na, ở nơi hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây che thì tối, gió thổi thì động, trời tạnh thì trong, sương mù thì đục, bụi nổi thì mờ, nước lặn thì lóng lánh, ý người thế nào? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy, là tự sanh hay từ hư không ra?

Phú Lô Na, nếu mỗi mỗi tự sanh, khi lúc mặt trời chiếu, đã là mặt trời chiếu sáng, thì mười phương hư không đều thành màu sắc của mặt trời, tại sao lại còn thấy mặt trời trên không? Nếu hư không tự sáng, thì hư không phải tự chiếu sáng, tại sao lúc giữa đêm mây mù lại chẳng thấy sáng?

Nên biết cái sáng như vậy chẳng phải mặt trời, chẳng phải hư không, cũng chẳng ngoài mặt trời và hư không. Xét các tướng ấy vốn là hư vọng, chẳng thể chỉ bày, cũng như muốn hoa đốm trên không kết thành quả hư không, làm sao còn hỏi cái nghĩa chẳng đoạt mất nhau? Diệu Tâm sáng tỏ, vốn chẳng phải thủy, hỏa, tại sao lại còn hỏi về nghĩa chẳng dung nạp nhau?

-Tánh sáng tỏ của Diệu Tâm cũng vậy, nếu người phát minh cái hư không thì hư không hiện ra; địa, thủy, hỏa, phong mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra, nếu cùng phát minh thì cùng hiện ra.

-Thế nào là cùng hiện? Phú Lô Na, như trong một dòng nước, hiện ra bóng mặt trời, hai người cùng xem bóng đó, rồi người đi phương Đông, người đi phương Tây, mỗi người đều thấy mặt trời theo mình, một cái đi về phương Đông, một cái đi về phương Tây, chẳng có nhất định. Không nên hỏi rằng: Mặt trời là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người? Bóng mặt trời trong nước đã thành hai, tại sao trên trời chỉ có một? Sự hư vọng quanh lộn như thế chẳng có căn cứ.

-Phú Lô Na, người cho tướng Sắc, Không đoạt mất lẫn nhau nơi Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng tùy theo sắc không cùng khắp pháp giới, nên ở trong đó, gió thổi thì động, hư không thì lặn, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối, chúng sanh mê muội, trái giác tánh, hợp cảnh trần, phát khởi trần lao, nên có tướng thế gian.

-Ta dùng tánh chẳng sanh diệt của diệu tâm sáng tỏ hợp với Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng chỉ duy nhất một diệu tâm sáng tỏ, tròn đầy chiếu khắp pháp giới, nên ở trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, đạo tràng chẳng động mà khắp mười phương thế giới, thân thể bao hàm vô tận hư không, nơi đâu một mây lông hiện ra cõi Phật, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân, nghịch cảnh trần, hợp giác tánh, nên hiện ra tánh Chơn Như sáng tỏ của diệu tâm.

Giảng giải:

Thế giới tương tục, chúng sanh tương tục, nhật hỏa tương tục, tiếp tục với nhau, lỗi lầm là do giác minh. Cái giác vốn minh là như vậy, không có ai làm ra; mà mình làm tài khôn nói cái giác đó có cái minh, lập ra sở minh; nên giác minh thành lỗi lầm; lỗi lầm mới sanh ra thế giới, sanh ra chúng sanh, sanh ra nhật hỏa. Tất cả đều do tâm mình tạo.

Tâm tạo là ban đầu tạo cho cái giác phải có minh, nhưng cái giác không phải minh; cái minh của cái giác cùng khắp, nên không có sở minh; khi đã lập sở minh thành có phân biệt, nếu có sở thì đã thành nhiều rồi. Vì cái giác vốn bất nhị. Đã lập sở thì phải có sở này sở kia, đủ thứ muôn ngàn sai biệt, mới có thế giới, chúng sanh, nghiệp quả.

Trong kinh nói vốn là bản tâm của mình, không phải thế giới, không phải chúng sanh, không phải nghiệp quả. Do mình làm tài khôn lập ra mới thành vậy. Cho nên nói “tất cả đều do tâm tạo”, Phật khuyên mình đừng tạo thì đưa đến bản lai diện mục, tức là hiện chơn tâm ra, lúc ấy được tự do tự tại.

Đừng cho giác đó phải có minh và sở minh, tự lập có năng sở. Tôi thường nói “hư không có cái dụng là không; như tách cần phải có cái không để đựng sữa, bình cần có cái không để đựng nước, nhà cần có cái không để ở,...”.

Cứ phân biệt cái không của nhà khác cái không của tách và khác cái không của bình. Nhưng sự thật chỉ có một cái không, chứ chẳng có hai cái không; nếu giải thích muôn ngàn thứ không khác biệt, nên mới khác.

Hỏi:

Tại sao nói công dụng ông Trương Bảo Thắng?

Đáp:

Để chứng tỏ “tất cả đều do tâm tạo”. Máy điện toán cũng do tâm tạo, là học cấu tạo của bộ óc, như gởi tiền vào máy này thì máy khác đều có. Tánh thấy cùng khắp hư không, nên tất cả đồ vật đều thấy một lượt.

Tất cả đều thấy được là do khắp không gian thời gian. Phật nói nhân quả, thế giới, vi trần đều do tâm làm ra. Nhân tâm thành thể (kinh Lăng Nghiêm) là muốn tin tự tâm, không cần đi tìm cầu bên ngoài.

Thực hành được vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ, mới phá được ngã chấp, giúp cho mình tu mau được kết quả.

Tất cả thần thông trí huệ mình có đầy đủ, không cần phải đi tìm cầu, bằng với chư Phật, không hơn kém. Vì mình bị tạp chất tham sân si che khuất, khi nào luyện bỏ tạp chất thì nó hiện ra, gọi là kiến tánh. Chứ không phải tu mới thành.

Kinh Viên Giác nói: “Vàng trong quặng đã thành sẵn, vì lộn với đất cát tạp chất nên không thấy. Bỏ hết đất cát tạp chất thì vàng hiện ra, nếu trong quặng không có vàng thì luyện cách mấy cũng không hiện ra. Phật tánh của mình đã thành sẵn, không phải tu mới thành”.

Cho nên, Tổ Sư thiền tham đến cuối cùng là “vô tu vô chứng”. Tâm nhìn thoại đầu, tâm hỏi câu thoại, mà hỏi và nhìn một lượt. Vậy có 2 tâm sao? Không phải một tâm cũng phải hai tâm. Tâm không hình tướng, không số lượng, không thể diễn tả.

Tôi dùng cái đồng hồ để thí dụ, chứng tỏ là một lượt. Kim gió nhảy 1 giây không ngừng, con mắt nhìn kim gió nhảy không ngừng, còn miệng mình hỏi câu thoại cũng không ngừng, 3 cái đều không ngừng, có phải cùng một lượt không? 3 cái cùng một lượt tức là đồng thời thì không phải 2 tâm, cũng không phải 1 tâm.

Sự thật có đồng thời, con mắt nhìn, miệng hỏi, kim gió nhảy, 3 cái không gián đoạn, tức là một lượt. Lấy cái này để ví dụ không có trước sau, không phải nhìn trước hỏi sau, cũng không phải hỏi trước nhìn sau; không phải 2 tâm cũng không phải 1 tâm, vì tâm không có số lượng.

Hỏi:

Như thế nào là vô tâm?

Đáp:

Trong Thiền tông nói: “Vô tâm còn cách muôn trùng quan”, **vì vô tâm lọt vào chấp không, có và không là thế lưu bố tướng**. Bậc thánh chỉ có thế lưu bố tướng, không có trước tướng. Phàm phu có thế lưu bố tướng và có trước tướng. Nói có thì chấp có là thật, nói không thì chấp không là thật, nên lọt vào hữu vô. Còn bậc thánh không cho hữu là thật, nói vô không cho vô là thật.

Mặc dầu, nói vô tâm nhưng sự thật không phải vô tâm. Vì bản tâm không bao giờ gián đoạn, chỗ đó không dùng lời nói để diễn tả; nếu dùng ngữ ngôn, chẳng thể vào tri kiến Phật. Việc này cần phải ngộ mới được.

Hỏi:

Làm thế nào để ngộ?

Đáp:

Tham thiền để ngộ, Phật Thích Ca dạy người tham thiền, truyền lại cho đến ngày nay, chỉ chú trọng cái nghi, giữ được nghi sẽ đưa đến ngộ.

Hỏi:

Nếu còn nghĩ đến nghi tình thì lọt vào có và không phải không?

Đáp:

Sao lại có nghĩ! Vì thoại đầu là một niệm chưa sanh, nếu nghĩ thì niệm đã sanh rồi.

Hỏi:

Dùng nhất niệm vô minh để phá vô thi vô minh, vậy là như thế nào?

Đáp:

Tham thoại đầu là nhất niệm vô minh, nhất niệm vô minh này không phải nhất niệm vô minh của giáo môn. Nhất niệm vô minh của giáo môn là dùng cái biết. Còn Tổ Sư thiền dùng nhất niệm vô minh là cái không biết.

Vì không biết, nên không bị ngoại cảnh lôi kéo, như người khen không biết không thấy mừng, người chửi không biết không thấy buồn. Chỉ dùng cái không biết (nghi tình) thì đúng, đến thoại đầu (vô thi vô minh) được phá tan gọi là kiến tánh.

Hỏi:

Vô minh chỉ là hoa đốm ở giữa trời, mình gọi nó là vô minh, vậy nó có thật là vô minh không?

Đáp:

Không phải vô minh, tại có tâm chấp mới thành vô minh, cho nên Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô vô minh (không có vô minh), diệt vô vô minh tận (cũng không có hết vô minh)”. Đã không có vô minh, làm sao có hết vô minh? Nhưng đã chấp có vô minh, nên phải nói phá vô minh, sự thật không có vô minh để phá.

Hỏi:

Tịnh Độ đến nhất tâm bất loạn, còn Thiên tông đến chỗ nào?

Đáp:

Không có đến chỗ nào hết, Tại sao? Tại không có chỗ để đến, nếu có chỗ thì tâm mình không cùng khắp không gian; khắp không gian khỏi cần đến, chỗ nào cũng là thể của tâm mình.

Nhất tâm bất loạn của Tịnh Độ thì còn biết, Thiên tông thì không hiểu không biết, biết và không biết nghịch nhau.

Hỏi:

Quả A La Hán còn cái biết không?

Đáp:

Còn biết có Niết Bàn của mình chứng, họ còn biến dịch sanh tử. Như bị say rượu tịnh, hết say rượu tịnh bỏ quả A La Hán để tiến lên Đại thừa.

Hỏi:

Như thế nào vô tâm không cho hữu tâm biết?

Đáp:

Nếu dùng hữu tâm để biết vô tâm thì hữu tâm không phải vô tâm. Vô tâm không có năng biết vô tâm, vì biết là tâm, mà không biết cũng là tâm thì không biết mới đến được, còn cái biết không đến được. Vô tâm không có kiến, văn, giác, tri.

Kiến, văn, giác, tri là lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý). Mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, ý biết. Lục căn chia làm 4 bộ: Kiến thuộc về mắt, văn thuộc về tai, giác thuộc về mũi, nếm thuộc về thân, tri thuộc về ý; gọi chung là kiến, văn, giác, tri.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Dầu cho diệt hết kiến, văn, giác, tri, tâm còn giữ u nhân, cũng là bóng phân biệt của pháp trần”. Nếu tu pháp môn khác đến chỗ thanh thanh tịnh tịnh thì rất mừng. Nhưng Thiền tông còn phải quét cái thanh tịnh ấy, chứ không cho trụ. Cần phải tiến lên, nếu còn chấp chỗ vô tâm thì cũng chưa được, phải liễu tâm.

Thoại đầu, vô thị vô minh, đầu sào trăm thước, ý nghĩa 3 danh từ này đều giống nhau. Chỗ đó không có cái gì để nói, không có cái gì để tiếp xúc, không thể suy nghĩ được. Nhưng còn có cái bóng của bụi chưa sạch, mặc dầu không phải bụi.

Từ đầu sào 100 thước tiến lên 1 bước, cái bóng của bụi mới sạch, không còn cái gì nữa, bản lai diện mục mới hiện ra hoàn toàn. Lúc ấy, không lấy cái gì để biết, chỉ giữ nghi tình để tiến thôi. Bắt đầu tham thiền chỉ giữ nghi tình, không có cái gì khác; tại mình tưởng có cái gì khác, khi nhân duyên chín mùi thì tự ngộ.

Hỏi:

Tham thiền không giữ được cuộc sống bình thường hàng ngày phải không?

Đáp:

Lúc làm việc 8 tiếng đồng hồ dừng tập tham, tập tham 16 tiếng đồng hồ không làm việc. Tập tham thiền trong lúc không làm việc, tập tham trong 16 tiếng đồng hồ này quen thuộc thì lúc làm việc cũng tham được. Tham được là

tại thói quen hơn những thói quen khác, thành ra mới tự động được. Cho nên, lúc đó làm việc cũng tham, nhưng không phải tập tham.

Hỏi:

Nếu nói như vậy, có phải kẹt vào tiệm ngộ hay đốn ngộ?

Đáp:

Tiệm hay đốn là tùy đương cơ, cũng như Thiền sư Cao Phong Nguyên Diệu có mấy chục cái tiểu ngộ, mười mấy đại ngộ. Còn Lâm Tế chỉ 1 lần tới Lao Quan, không có Sơ Quan, Trùng Quan. Đó tùy theo người chứ không phải do pháp, pháp không có việc đó.

Hỏi:

Có phải triệt ngộ thì tập khí vẫn còn?

Đáp:

Phần nhiều thì còn, cho nên phải qua bảo nhậm. Như Lục Tổ phải qua bảo nhậm 15 năm, ngài là bậc thượng căn, lúc còn đi bán củi, nghe người ta tụng kinh thì phá được sơ quan. Rồi nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang, phá luôn Mạc Hậu Lao Quan.

Hỏi:

Lục Tổ triệt ngộ rồi, chưa dứt trừ hết tập khí, bỗng nhiên ngài sân lên, ngay khi đó ngài tịch thì kiếp sau ra sao?

Đáp:

Nếu còn tập khí mà tịch thì kiếp sau tiếp tục dứt tập khí đến chừng nào sạch hết, vẫn tái sanh; nhưng không có lui sụt, chỉ có tiến lên. Như có một vị Tăng, kiếp trước là Đại Huệ, đọc ngữ lục Đại Huệ chỉ 1 lần là thuộc lòng.

Hỏi:

Đức Phật thọ ký cho ngài Ma Ha Ca Diếp và ngài Di Lặc như thế nào?

Đáp:

Tất cả chúng sanh đều Phật thọ ký sau này thành Phật. Nhưng Phật đã nói “tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”. Nói sau này thành Phật dứt trừ tập khí. Trong giáo lý có 4 phần: Kiến phần là năng kiến, tướng phần là sở kiến, chứng phần, chứng tự chứng phần.

Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô lão tử diệt vô lão tử tận (không già chết, cũng không hết già chết). Chính tôi bây giờ sau này cũng phải già chết, mà làm sao tin nổi! Thật tế tôi đã già, sau này cũng phải chết. Tại sao Phật nói không có già chết? Vì chưa có tự chứng phần, mặc dầu Phật nói vậy, nói tin Phật nhưng sự thật mình tin chưa nổi.

Như nhắm mắt chiêm bao, mình tiếp xúc cái nào cũng thấy thật. Tiếp xúc trái cây, bàn ghế, nóng lạnh đều biết và luôn thân chiêm bao, người ta đánh cũng biết đau, biết mừng biết vui; giả sử trong chiêm bao, có thiện trí thức giải thích, cái tách, trái cây, luôn cả cái thân của ông đều không thật thì thân chiêm bao không tin nổi.

Tại sao? Vì tiếp xúc cái nào cũng đều thật. Nói cái thân không thật mà người ta đánh tôi, tôi biết đau, biết buồn biết vui; trong chiêm bao cũng có khóc, có sợ, thức dậy còn có nước mắt, trái tim còn đập, chứng tỏ chiêm bao có thật. Thiện trí thức giải thích có lý, nhưng tin không nổi, tin không nổi là thiếu tự chứng phần.

Mình tự thức tỉnh là được chứng phần, lúc đó không tin cũng không được; hồi nãy thân chiêm bao và các vật chất đâu, tìm không ra! Lúc đó được tự chứng phần thì tin, khỏi cần thiện trí thức giải thích.

Nay, mở mắt chiêm bao, mình thấy cái gì cũng thật. Nhưng Phật nói trong kinh không già chết, ai cũng không tin là chưa được tự chứng phần. Tới chùng kiến tánh, như ở trong chiêm bao thức tỉnh được tự chứng phần thì tin. Nhưng chưa có chứng tự chứng phần (ấn chứng).

Nếu không có thầy ấn chứng thì dùng kinh liễu nghĩa để ấn chứng hay ngữ lục của Tổ kiến tánh triệt để, để ấn chứng cũng được. Nếu có người kiến tánh triệt để ấn chứng thì tốt hơn.

Sợ mình có vọng tâm, chưa chứng mà nói là chứng. Được chứng tự chứng phần mới bảo đảm. Bây giờ mình tin đều là vọng tưởng, tại chưa có tự chứng phần; nói tin, nhưng sự thật chưa thật tin, nên mình lo sợ cái này cái kia là vậy. Nếu được tự chứng phần thì khỏi lo.

Hỏi:

Như thế nào nói tự tin?

Đáp:

Bây giờ hỏi Phật tử có tin Phật không? Ai cũng nói tin. Nhưng sự thật thì chưa tin, có thể tin phần nào thôi. Chưa phải tin 100%, tùy theo mỗi người có sức tin.

Hỏi:

Pháp môn khác có giải trừ tập khí, còn Thiên tông sao không thấy nói?

Đáp:

Thiên tông còn gọi là Tổ Sư thiên, ngài Nguyệt Khê là người kiến tánh. Giải thích rất giản dị mà thật kỹ.

1 – Tiểu thừa: Giai đoạn ngã chấp.

Bây giờ người nào cũng có ngã chấp, theo triết lý là Duy Vật Luận. Cuộc sống hàng ngày của mình ở trong phạm vi tương đối. Cách tu là Tứ Diệu Đế. Còn tâm trạng ở trong nhất niệm vô minh, thừa này gọi là thừa Thanh Văn. Mục đích dứt lục căn.

2 – Trung thừa: Giai đoạn pháp chấp.

Phá được ngã chấp, theo triết lý là Chủ Quan Duy Tâm Luận. Nhưng vẫn còn ở trong phạm vi tương đối. Cách tu là Thập Nhị Nhân Duyên. Cũng còn ở trong nhất niệm vô minh, thừa này gọi là thừa Duyên Giác. Mục đích là dứt nhất niệm vô minh.

3 – Đại thừa: Giai đoạn không chấp.

Tiểu thừa phá ngã chấp, Trung thừa pháp chấp, Đại thừa chấp không. Phá được ngã chấp, pháp chấp thì lọt vào không chấp. Đây là tâm và vật hợp một, còn trong phạm vi tương đối. Cách tu Lục Độ Ba La Mật. Đến vô tướng vô minh cũng gọi là Bồ Tát thừa. Mục đích phá vô tướng vô minh.

4 – Tối Thượng thừa: Giai đoạn thật tướng.

Khác hơn 3 thừa kia là duy vật, duy tâm, tâm và vật hợp một, chỗ này là Phi Tâm Phi Vật, không thể nói được. Trước kia ở phạm vi tương đối, tới đây thì phạm vi tuyệt đối, cách tu là thoai đầu. Đại thừa đến vô thí vô minh, còn đây là chân như Phật tánh, cũng gọi là Nhất Phật thừa vạn đức viên mãn, vô tu vô chứng. Cuối cùng phát hiện không phải tu mới thành, không phải chứng mới đắc. Đây là chỗ cuối cùng không còn tu nữa.

Nếu Ngài không phải kiến tánh thì không thể dùng ít lời nói, mà diễn tả được 4 thừa rất rõ ràng như vậy!

Hỏi:

Nếu nói như vậy, chỉ dành cho căn cơ cao, chỉ thẳng chân như Phật tánh. Còn mình phàm tục quá thì phải tu từ từ, nếu mình tu liền làm sao được?

Đáp:

Cái đó cũng theo chấp tâm mà nói, Phật đã nói tất cả chúng sanh bình đẳng, vốn không có cao thấp, vì chấp tâm mới thành cao thấp, nếu bỏ được tâm chấp thì không có cao thấp.

Hỏi:

Nếu không có kiến, văn, giác, tri, như những người điên thì sẽ ra sao?

Đáp:

Ngủ mê, chết giấc, bệnh tâm thần, không hiểu, không biết thì không thể tham thiền được.

Hỏi:

Thế nào tẩu hỏa nhập ma, khi thọ trì?

Đáp:

Tẩu hỏa nhập ma là do tâm chấp thật, có sở cầu, có sở đắc, có sở sợ. Nếu thực hành được 9 chữ này thì ma nhập chỗ nào? Tại ma nhập là do có ta. Ta còn không có, ma nhập chỗ nào! Nên bảo đảm không bị ma nhập. 10 điều tham Tổ Sư thiền, điều kiện thứ nhất là “vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ”. Nhưng tập tham mới được, không phải tự nhiên mà thành Phật.

Hỏi:

Nói nhập ma là nhập nơi tâm nào? Thầy thường dạy tâm chúng sanh không bờ mé. Nếu chỗ này nhập vào chỗ kia thì không thể gọi là không bờ mé. Vì có xuất nhập tất nhiên có hai?

Đáp:

Có hai chỗ thì không phải chân tâm, nên mới gọi là phàm phu. Phàm phu theo thể lưu bố tướng sanh ra trước tướng. Bây giờ mình là phàm phu đang thực tập để bỏ chấp thật, nhưng cũng rất khó. Nếu dùng cái không biết thì thật hay không thật, có hoặc không có, buồn và vui,... đều không biết.

Hỏi:

Tham Tổ Sư thiên và tu mong cầu thần thông có thể nhập ma không?

Đáp:

50 thứ ma ngũ âm trong kinh Lăng Nghiêm giảng thật kỹ. Nói tóm tắt là do tâm chấp, nên không dùng 2 chữ “cho là hay cho rằng”, bất cứ cho là hay cho rằng thì tẩu hỏa nhập ma, vì dùng cái biết, dùng tâm niệm để tu.

Tổ Sư thiên dùng cái không biết của nghi tình, bảo đảm không bị ma nhập. Khi nổi lên tâm chấp có cầu, có đắc, có sợ thì mới bị tẩu hỏa nhập ma. Nhưng đó lại nghịch với Tổ Sư thiên, họ tu không đúng tông chỉ của Tổ Sư thiên.

Hỏi:

Thế nào gặp Phật sát Phật, gặp ma sát ma?

Đáp:

Nếu mình giữ được nghi tình thì đã là sát rồi. Sát là sát tâm chấp, chứ không phải sát Phật. Còn sợ ma thì chấp thật có ma thì phải sát ma, cũng là sát cái tâm chấp ma.

Hỏi:

Phật Thích Ca truyền pháp môn Tịnh Độ cho Xá Lợi Phất phải không?

Đáp:

Không phải, Xá Lợi Phất chỉ đại diện đương cơ trong kinh Di Đà. Kinh Di Đà là bất liễu nghĩa, nên Phật không có thân truyền. Phật bất đắc dĩ mới giảng kinh bất liễu nghĩa. Kinh đại thừa liễu nghĩa còn không truyền, vì liễu nghĩa đối đãi với bất liễu nghĩa. 3 thiên quán Sa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề và Thiền Na của Như Lai thiền, Phật chỉ nói, không có truyền.

Duy nhất Phật truyền pháp Tổ Sư thiền, phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp; nhưng chỉ đưa nhánh hoa lên, không mở miệng, Ma Ha Ca Diếp mỉm cười không đáp. Tức là dùng tâm ấn tâm, nên gọi là truyền tâm ấn. Mặc dầu, nói truyền tâm ấn nhưng không có tâm để truyền.

Hỏi:

Làm thế nào cho thùng sơn đen lũng đáy?

Đáp:

Chỉ cần giữ nghi tình miên mật, cuối cùng thùng sơn mới lũng đáy. Thùng sơn lũng đáy diễn tả phá được vô minh. Thùng sơn không lũng đáy thì ánh sáng vô không được nên thấy đen tối. Ngài Nguyệt Khê nói là “hầm sâu vô minh”. Khi nào kiến tánh (ánh sáng vô thì hết đen tối) là phá căn bản vô minh (thùng sơn lũng đáy).

Chỉ duy nhất tham câu thoại đầu cho miên mật. Có công án: Một Ni Cô tham câu thoại đầu: “Chẳng phải tâm, chẳng phải vật, chẳng phải Phật, là cái gì?”

Vì có tâm cầu, cứ hỏi thầy có cách nào cho mau kiến tánh không? Thầy lắc đầu, không trả lời. Nhiều năm, cứ hỏi hoài. Có một ngày lại hỏi, thầy biết công phu đã chín mùi mới nói: Có.

Ni cô nói: Có, sao thầy không nói trước cho con biết? Xin thầy nói ra cho con biết!

Thầy nói: Bây giờ để ý nghe “chẳng phải tâm, chẳng phải vật, chẳng phải Phật, là cái gì”?

Ni Cô liền kiến tánh, sự thật chẳng có phương pháp khác. Vì Ni Cô chấp có phương pháp khác đề mau ngộ, nên cũng thành chướng ngại. Khi thầy nói ra dẹp được mong cầu cách khác thì kiến tánh liền ngay đó.

Hỏi:

Thế nào niệm một câu danh hiệu Phật phải súc miệng 3 ngày?

Đáp:

Đó là công án của Triệu Châu, phạm chấp cái gì thật thì không được, lời nói của Tổ, Phật cũng không được. Lời nói của Tổ là mục đích để cho người ta phát nghi, chứ không phải để cho người ta chấp thật. Nếu chấp thật thì sẽ tẩu hỏa nhập ma. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả do tâm tạo”, và cũng nói: “Nhân quả, thế giới, vi trần nhân thành thể”, vì tâm mới có các thứ đó.

Tiểu thừa thì duy vật, Trung thừa thì duy tâm. Đại thừa thì tâm và vật hợp một, Tối Thượng thừa thì chẳng phải tâm chẳng phải vật, mới siêu việt, không trụ ở tâm, không trụ ở vật.

Chư Tổ dạy mình chuyên tu 1 pháp môn, đi sâu vào, đừng có như dùng 2 chân đi trên 2 chiếc thuyền.

“Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, như tay dụ cho tâm hoạt bát vạn năng, lấy trái cây, lấy cuốn kinh,... lấy cái gì cũng được, vì không có sở trụ. Tham thiền khởi lên nghi tình là cây chổi tự động quét “biết và không biết” của bộ óc thì khôi phục lại hoạt bát vạn năng bản thể vô trụ cùng khắp không gian và thời gian.

Lục Tổ nói: “Lấy vô trụ làm gốc”. Duy Ma Cật nói: “Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”, lập tất cả pháp là cái dụng. Dụng là sanh kỳ tâm, vô sở trụ mới được cái dụng của tâm, nếu có sở trụ thì bị mắc kẹt.

Nếu trụ nơi có thì mắc kẹt nên không hiện ra cái dụng, trụ nơi không cũng bị mắc kẹt cái dụng. Cho nên, có và không đều phải quét thì khôi phục bản năng của bản thể. Lục Tổ vừa nghe đến câu này liền đại ngộ, không phải ai cho, tức là hồi nào vốn như vậy. Tại mình chấp thì bị chướng ngại nên không được ngộ.

Vô sở trụ thì không trụ nơi có, không trụ nơi không, không trụ nơi cũng có cũng không, không trụ nơi chẳng có chẳng không. Tức là không trụ nơi nào thì cái dụng mới hoạt bát vạn năng, ứng dụng việc gì đều được. Nếu trụ bất cứ chỗ nào một chút thì cũng bị chướng ngại cái dụng.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Do giác minh thành lỗi lầm”, là trụ nơi minh (sáng). Tâm mình vốn sáng, khỏi cần sáng nữa. Do chấp cái sáng thì mất cái sáng của bản thể, cho nên tin tâm mình tất cả sẵn sàng, khỏi cần lấy vô.

Như Bàn Uẩn nói với Ông quan: “Phàm cái nào mình đã có đều đổ ra hết, cái nào mình không có đừng lấy vô”. Người thế gian cho mình còn thiếu, nghèo rồi đi khát thực các nơi, không biết trong áo của mình có hạt châu như ý mà không lấy dùng (kinh Pháp Hoa).

Cho nên, người học đạo phải tin tự tâm mình có tất cả đầy đủ thần thông diệu dụng khắp không gian thời gian, siêu việt số lượng. Nếu nổi lên một niệm thì có số lượng (tâm lượng). Kinh Lăng Già nói: “Tự tâm hiện lượng”, cũng gọi là vọng tưởng.

Cái không sẵn sàng, vì do con người tạo ra sự phân biệt, mới sanh có đủ thứ phiền não, thế giới hiện tượng. Nên Phật muốn chúng ta đừng tạo thì được bình yên vô sự. Như tạo cái tách, nếu cái tách bể thì sanh ra phiền não.

Tất cả đều là vọng, nhưng là Như Lai Tạng. Phá trước tướng, chứ không phải không có thể lưu bố tướng! Tức là không hoại pháp thế gian, tất cả y như cũ; như cái tách vẫn là cái tách, trái bôm vẫn là trái bôm,... không thêm ý mình vô, không cho là phải như vậy mới đúng hay không đúng. Chỉ theo thể lưu bố tướng không sanh ra trước tướng.

Tại thói quen con người giải thích cái này, cái kia, nên Trung Quán Luận phá cái “không” thì phá hết tất cả. Tại sao phá 27 thứ, như phá Phật, phá Như Lai, phá Nhân Duyên,...? Vì con người có đủ thứ tâm chấp, chấp nhân duyên thì phải phá nhân duyên, chấp không thì phải phá không, chấp Phật thì phải phá Phật, chấp ma thì phải phá ma,... là phá tâm chấp. Vì vậy, phải phá đủ thứ, không phải chỉ phá một thứ.

Nếu tất cả thứ đều ở trong hư không, phá được hư không thì tất cả thứ đều phá. Nhưng không làm được như vậy, phá hư không rồi người ta vẫn còn chấp mấy cái khác nữa, cho nên tùy theo sự chấp mà phá. Người này chấp Bồ Tát thì phá Bồ Tát, người kia chấp Phật thì phá Phật,... Tùy theo cái chấp của chỗ nào thì phá chỗ đó, chứ không được phá chung.

Giải nghĩa của Phật chỉ là phá chấp, nhưng lời nói đủ thứ sai biệt. Đối với người này nói vậy. Thành ra người trí thức đọc kinh Phật thấy mâu thuẫn, nhưng sự thật không có mâu thuẫn, mà Phật không thể nói. Cũng như món

ăn, thích hợp người này, không thích hợp người kia, không thích hợp cho nhiều người được.

Vô trụ là không có chỗ nào để trụ được, nói cái gì cũng không trụ, tại người đó muốn trụ thì đâu có cách nào? Căn bản là vô trụ, như cái tay vô trụ thì hiện ra cái dụng hoạt bát vạn năng. Có sở trụ, bất cứ trụ nơi Phật, tuy Phật cao nhất cũng là chướng ngại cái dụng tự tánh, hướng là còn trụ dưới Phật. Nghe tôi giảng rất có lý, không được trụ lời nói của tôi và Phật.

Phật rất sợ người ta trụ vào lời nói của Phật. Lời nói không thể thay thế cho thực tế. Như diễn tả ông Trương cho người khác biết thì không thể được. Theo lời nói mà nhận biết ông Trương càng không được. Có hình tướng số lượng còn không diễn tả được, huống chi Phật tánh không hình tướng, số lượng, làm sao dùng lời nói mà diễn tả? Hiểu làm là tất nhiên rồi, chứ không thể không hiểu lắm!

Nên Phật mới thuyết 84.000 pháp môn. Chư Phật chư Tổ muốn người ta phát nghị để tự ngộ, tới ngộ rồi mới không hiểu lắm. Chưa ngộ thì phải có sự hiểu lắm, nên gọi là tự tâm hiện lượng. Từ chỗ hiểu lắm tiến tới chỗ ngộ thì không còn hiểu lắm, vì thực tế đã hiện lên rồi.

Tôi thường nói không dùng 2 chữ “cho là”, “cho là” là ý của mình xen vô thì làm hoại pháp thế gian, không phải pháp xuất thế gian phá hoại pháp thế gian! Cho nên, trên thế giới vì bảo thủ tư tưởng của mình, thường xảy ra xung đột chiến tranh. Tại mình cho cái này đúng thì mới sanh ra đủ thứ tai họa.

Trong Phật pháp phân biệt là thức, không phân biệt là trí. Vậy làm sao không phân biệt? Pháp Bảo Đàn nói: “Dù có phân biệt, nhưng không dụng đệ nhất nghĩa”. Nếu dùng lời nói để bao gồm không thể được. Phật nói: “Phàm có lời nói đều không có nghĩa thật”. Phật rất sợ người ta hiểu lầm nên nói câu này, Phật còn nói: “Ai nói Phật có thuyết pháp, người ấy phỉ báng Phật”.

Mặc dầu, sợ người ta hiểu lầm, nhưng người ta vẫn hiểu lầm, cho đến bây giờ Phật Giáo đồ hiểu lầm hơn 90%. Việc này rất là khó! Cho nên, hợp với người này thì không hợp với người kia. Nếu có hợp, đối với sự thật có ích gì! Phật muốn mọi người tự tu giải thoát, chứ theo cái hiểu cho là đúng và sai thì không có ích lợi. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chơn và vọng là 2 thứ vọng”.

Tôi thường khuyên các hành giả tự lo cho mình để tu, đừng lấy kiến giải của mình phải như vậy đúng hay sai; mặc dầu ý tốt, nhưng đối sự giải thoát không có ích lợi.

Hỏi:

Vô ký nghiệp có qua tác ý không?

Đáp:

Có tác ý mới thành nghiệp, nếu không tác ý thì không thành nghiệp, không ích lợi và không hại người, phàm có sự vật gì có tâm suy nghĩ gọi là nghiệp. Tâm mình suy nghĩ vật đó không hại, không giúp ích cho người thì thuộc về vô ký nghiệp, tức giữa thiện và ác là vô ký. Trong kinh: Chẳng phải thiện, chẳng phải ác, chẳng phải vô ký gọi là 3 thứ tánh.

Hỏi:

Xin thầy giảng công án: Lấy cát bỏ gạo hay lấy gạo bỏ cát?

Đáp:

Qui Sơn đang vo gạo, Tuyết Phong hỏi Qui Sơn: Vo gạo lấy cát bỏ gạo hay lấy gạo bỏ cát?

Qui Sơn đáp: Cát và gạo đều bỏ hết.

Tuyết Phong hỏi: Đại chúng ăn cái gì?

Tuy, lấy chuyện thật để hỏi nhưng có chuyện thiền ở trong đó, để thử Qui Sơn ngộ chưa!

Chư Tổ mở miệng là giúp ích cho hành giả được ngộ, cho nên có khi hỏi thật vô lý.

Người ngộ tự nhiên nơi ngộ thì biết, còn người chưa ngộ muốn cái lý vẫn không ngộ.

Hỏi:

Xin thầy giải thích: Ta thấy tiếng hay tiếng thấy ta trong kinh Lăng Nghiêm?

Đáp:

Có cái trả lời mà người ta không hiểu, cũng như: “Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo”, tức là người quân tử muốn tiền quả, phải lấy theo có đạo đức. Có vị trụ trì kiến tánh hỏi đại chúng: Tứ châu đại thánh, tại sao xuất hiện ở Dương châu?

Có ông trả lời: Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo.

Tất cả chúng đều cho trả lời vậy, thì y cũng không cải. Rồi công án này truyền đến đệ tử Lâm Tế là Am Chủ.

Am Chủ nói: Con cháu Vân Môn vẫn còn đây.

Phái Vân Môn lúc đó gần tuyệt, không có người kế thừa. Am Chủ nghe như vậy, biết con cháu Vân Môn còn. Người thường nghe không biết. Sau này, ông ấy kế thừa phái vân môn, vì ông ở trong phái Vân

Môn kiến tánh và nói ra 2 câu này thích hợp với phái Vân Môn.

Hỏi:

Không ta không người thì hiểu như thế nào?

Đáp:

Nếu tất cả không sai biệt thì chỉ có 1 cái không, chứ chẳng có 2 cái không. Mà nói 1 cũng không được, vì hư không đâu có ngoài mà nói 2. Nếu có 1 thì phải có 2 có 3... nhưng dùng lời nói thế gian phải nói 1, mà cái không đã sẵn, nhưng các thứ không để dùng lại khác biệt.

Cái không của bình, cái không của tách, cái không của nhà,... đủ thứ sai biệt và cũng nhiều nghĩa khác nhau. Không phải nghĩa sai biệt không đúng! Vì dùng của tách khác hơn cái dùng của bình, khác hơn dùng của nhà,... Tất cả lý khác nhau, nhưng cái không chẳng khác. Phật tánh mình cũng vậy.

Không ta không người hiểu sao cũng được. Nhưng cho có hiểu là sai lầm, hiểu sao cũng sai lầm là bệnh. Nếu nói có hiểu tức “cho là” thì bệnh.

Hỏi:

Tu Giáo môn như trồng cây có trái chín, Thiên tông chỉ cần rung cây thì trái sẽ rụng, có phải vậy không?

Đáp:

Cơ xảo chư Tổ Thiên tông nói ra là ngộ liền, nếu không ngộ phải nghi. Niềm tin có trước, tin 10 phần thì nghi mới có 10 phần. Nghi 10 phần thì ngộ mới 10 phần. Nếu chưa tin lời nói của Tổ làm sao phát nghi được? Trước kia không có nhân duyên trực tiếp, rồi học giáo môn cũng có căn bản niềm tin. Việc ấy là tùy theo nhân duyên của mỗi người, có người kiếp trước đã học rồi.

Hỏi:

A La Hán đã phá ngã chấp, rồi lấy gì để biết?

Đáp:

A La Hán phá được ngã chấp thì lọt vào **pháp chấp**, chấp pháp mình tu, mình chứng; tức là lấy pháp Niết Bàn cho là ta chứng, nghĩa là bỏ thân ngũ uẩn ngã, lại chấp Niết Bàn ngã. Ngã thật không có hình tướng số lượng là cái không chung. Tất cả chúng sanh chung Phật tánh, cũng là chung một cái không; còn cái dụng tùy theo mỗi người, như tách, bình, nhà,... dùng thì khác nhau, nhưng cùng một cái không.

Thí dụ đốt một trăm ngọn đèn, có đèn lớn đèn nhỏ; ánh sáng có khác biệt, nhưng đều chung một ánh sáng, không có hai ánh sáng; không phải chung một ánh sáng, rồi cái khác biệt của những cây đèn bị mất! Nhưng vẫn y như cũ. Cho nên, Phật pháp không phá hoại thế gian pháp.

Hỏi:

Ấn Độ Giáo lấy tiêu ngã tu hành hòa nhập đại ngã. Vậy có giống Phật Giáo tu hành giải thoát thể nhập vào Phật tánh không?

Đáp:

Đại ngã của Phật pháp gọi là chúng sanh tướng, còn phải phá luôn. Chúng sanh tướng cũng là ngã tướng, có sở tướng đều không được. Phàm có sở tướng đều là hư vọng. Phật pháp nói khó thì thật khó, nói dễ thì thật dễ.

Cái gì vẫn y như cũ, đừng thêm bớt, cho là vậy hay không phải vậy, chẳng dùng hai chữ “cho là”.

Chánh văn:

-Cái diệu tâm sáng tỏ này, phi tâm, phi không, phi địa, thủy, hỏa, phong; phi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; phi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; phi nhãn thức giới cho đến phi ý thức giới; phi minh, phi vô minh, phi minh vô minh tận, như thế cho đến phi lão phi tử, phi lão tử tận; phi khổ, tập, diệt, đạo; phi trí, phi đắc, phi bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; phi đến bờ bên kia, cho đến phi Như Lai, phi Ứng Cúng, phi chánh Biến Tri; phi Đại Niết Bàn, phi thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức, (tứ đức của Niết Bàn), cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều phi cả.

-Cái diệu tâm sáng tỏ này tức tâm, tức không, tức địa, thủy, hỏa, phong; tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức nhãn thức giới, cho đến tức ý thức giới; tức minh, tức vô minh, tức minh vô minh tận; cho đến tức lão, tức tử, tức lão tử tận, tức khổ, tập, diệt, đạo; tức trí, tức đắc; tức bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; tức đến bờ bên kia, cho đến tức Như Lai, tức Ứng Cúng, tức Chánh Biến Tri; tức Đại Niết Bàn, tức thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức; cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều tức như thế cả.

-Cái diệu tâm sáng tỏ này lia Tức lia Phi, cũng Tức cũng Phi Tức, tại sao chúng sanh tam giới của thế gian và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác của xuất thế gian muốn dùng cái tâm sở tri để suy lường Vô Thượng Bồ Đề của Như Lai; muốn dùng lời nói của thế gian để nhập Tri Kiến Phật, đâu có thể được!

-Ví như những cây đàn: Cầm sắt, tỳ bà, dù có diệu âm, nếu chẳng có sự khéo léo của ngón tay, thì diệu âm chẳng thể phát ra. Cũng vậy, cái diệu tâm chơn thật của người và chúng sanh mỗi mỗi vốn sẵn đầy đủ. Nhưng nơi ta khi búng tay thì hải ấn phát ra ánh sáng, (hải ấn là: Lâu đài bồng hiện trên mặt biển, dụ cho sức dụng vô biên của tự tánh tự hiện), còn nơi các người, vừa móng tâm thì trần lao đã khởi; ấy là do chẳng cầu vô thượng Bồ Đề, ham thích tiểu thừa, được ít cho là đủ.

Phú Lô Na nói:

-Diệu tâm sáng tỏ của con và Như Lai đều viên mãn không hai. Nơi con, vì xưa kia mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, chịu luân hồi đã lâu, nay dù chứng

được thánh quả, nhưng chưa đến chỗ rốt ráo. Nơi Thế Tôn thì tất cả vọng tưởng đều diệt, chỉ diệu tâm chơn thường hiện hành. Vậy xin hỏi Như Lai: Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che khuất diệu tâm, cam chịu chìm đắm?

Phật bảo Phú Lô Na:

-Người dù trừ được lòng nghi, nhưng còn có mê hoặc chưa dứt sạch, nay ta đem những việc của thế gian hỏi người. Người há chẳng nghe trong thành Thất La Phiệt, có ông Diễn Nhã Đạt Đa, buổi sáng lấy gương soi mặt, nhìn thấy mặt mày, bỗng ưa cái đầu trong gương, rồi tự trách đầu mình sao chẳng tự thấy mặt mũi, cho là yêu mị, khi không phát điên bỏ chạy. Ý người thế nào? Người ấy vì sao khi không bỏ chạy?

Phú Lô Na đáp:

-Người ấy tâm điên, chứ chẳng do gì khác.

Phật nói:

-Diệu tâm vốn tròn đầy sáng tỏ, đã gọi là vọng, làm sao có nhân? Nếu có cái nhân, sao còn gọi là vọng? Chỉ do các vọng tưởng xoay vần, tự làm nhân cho nhau, từ mê thêm mê, trải qua vô lượng kiếp, dù được Phật phát minh đại nghĩa, còn chẳng chịu quay về. Cái nhân mê như vậy, do mê tự có, biết cái mê vô nhân thì vọng chẳng chỗ dựa; sanh còn chẳng có, lấy gì để diệt?

Giảng giải:

Diệu tâm sáng tỏ này tức là tâm của mình, mọi chúng sanh đều sẵn có, tâm này không có sự bắt đầu, không có cuối cùng. Phật gọi là vô thi vô sanh, tức là không có sự sanh khởi; nếu có sự sanh khởi, tức là có sự bắt đầu. Vì không hình tướng, không số lượng; như hư không, chính hư không cũng ở trong tâm này.

Tất cả vũ trụ vạn vật, thế giới đều ở trong hư không. Kinh Lăng Nghiêm ví dụ: “Bọt biển là hư không, biển là tâm, thế giới ở trong hư không; khi bọt biển bể thì thế giới tiêu, tất cả chúng sanh vũ trụ vạn vật đâu còn”. Vì không chỗ dựa, tất cả đều do tâm kiến lập. Phật nói: “Tất cả đều do tâm tạo”.

Nếu do tâm tạo thì phải lia sự tương đối, đối đãi; cho nên ở đây nói phi, nếu muốn tìm thì phi, tức là tìm chỗ nào cũng không có. Nếu không tìm thì tức, chỗ nào cũng có. Như tánh thấy của mình khắp hư không, muốn tìm muốn

chỉ thì không ra. Nếu không chỉ thì chỗ nào cũng có, tại sao mình thấy một lượt? Phải có tánh thấy nên mới thấy một lượt.

Cái dụng của diệu tâm chứng tỏ khắp không gian, sự thật không gian thì ở trong diệu tâm. Cho nên, muốn tìm thì không chỗ để tìm, vì khắp nơi. Nếu không muốn tìm thì chỗ nào cũng có. Trước nói tất cả đều phi (chẳng phải), nếu không muốn tìm chỗ nào cũng là tức, có nghĩa là chỗ nào cũng diệu tâm. Tham thiền là phát hiện diệu tâm.

Phú Lô Na nghe Phật nói vậy, nhưng còn tư tưởng chấp thật, không biết tất cả do vọng tâm tạo ra. Tánh thấy của mình cũng là vọng (kinh Lăng Nghiêm), nhưng mình lại cho là thật. Cho nên mới hỏi: “Hư không thì trống rỗng, đất thì ngăn ngại, lửa với nước thì nghịch nhau, tại sao chúng đều dung nạp với nhau?” Trên đã giải thích rồi.

Đến đây Phú Lô Na lại hỏi:

Diệu Giác này vốn nhiệm màu sáng tỏ cùng với tâm Như Lai Tạng chẳng thêm chẳng bớt, sao khi không bỗng sanh các tướng hữu vi, như núi sông đất đai? Mà Như Lai đã chứng Diệu Giác làm sao núi sông đất đai, các tướng hữu lậu còn sanh ra? Phú Lô Na tưởng Phật đã chứng Diệu Giác thì tất cả núi sông đất đai đều phải tiêu diệt. Tại sao vẫn còn y nguyên vậy? Tại sao vẫn còn sanh trở lại?

Phật bảo Phú Lô Na: Ví như người mê ở 1 xóm làng đi lộn đường, muốn đi Nam lại đi Bắc. Người mê thỉnh linh được người ngộ chỉ cho đường đi, cũng như muốn nhà bà con ở hướng Nam lại đi hướng Bắc tìm là do tại mê. Bây giờ có người chỉ thì người ấy hết mê.

Như Lai cũng vậy, ngộ rồi sao lại còn mê nữa! Phật nói Phú Lô Na: Sự mê này vốn chẳng có gốc, tánh rốt cuộc không thật, xưa vốn chẳng mê, tại do vọng chấp nên có mê có giác. Giác được cái mê thì cái mê liền là.

Phật bảo Phú Lô Na:

-Người dù trừ được lòng nghi, nhưng còn mê hoặc chưa dứt sạch. Nay ta đem việc thế gian để hỏi người: Người há chẳng nghe trong thành Thất La Phiệt có ông Diên Nhã Đạt Đa, buổi sáng lấy gương soi mặt, nhìn thấy mặt mày, bỗng ư cái đầu trong gương, rồi tự trách cái đầu sao chẳng tự thấy mặt mũi, cho là yêu mi, khi không phát điên bỏ chạy.

Phật dùng Diễn Nhã Đạt Đa để ví dụ, khi không soi gương thấy mặt mũi của mình, ưa thích cái đầu mình, tại sao không thấy cái đầu mình vậy? Tự cho là yêu mị rồi phát điên bỏ chạy, cái điên này tự mê hay tự ngộ ra? Phú Lô Na trả lời: Ngộ chẳng sanh mê, làm sao tự ngộ ra! Mê chẳng sanh ngộ, làm sao tự mê ra? Vì điên cuồng không thể nói tại sao.

Phật nói: Tại sao khi không lại có đất đai, núi sông? Nói là vọng thì không có tại sao, nếu có lý do tại sao thì không gọi vọng. Vọng không có lý do để truy cứu.

Chánh văn:

-Người đắc đạo Bồ Đề, như người tỉnh giấc nói việc trong chiêm bao; tâm dù rõ ràng, làm sao lấy được những vật trong chiêm bao ra? Huống là vô nhân, vốn chẳng có gì! Như Diễn Nhã Đạt Đa, đâu có nhân duyên gì mà tự sợ đầu mình bỏ chạy. Nếu bỗng nhiên hết điên, cái đầu đâu phải từ ngoài mà được; dù chưa hết điên, đầu cũng chẳng mất. Phú Lô Na, tánh vọng như thế, làm sao có nhân?

-Nếu người chẳng duyên theo thế gian, nghiệp quả, chúng sanh, ba thứ phân biệt này xoay chuyển liên tục, ba duyên đã diệt thì ba nhân chẳng sanh, tánh điên của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm người tự dứt, dứt tức là Bồ Đề. Vậy diệu tâm sáng tỏ vốn khắp pháp giới, chẳng từ người khác mà được, chẳng nhờ nhờ nhọc nhằn tu chứng mà có.

-Ví như có người, nơi áo mình có hạt châu như ý mà chẳng tự biết, nghèo nàn rách rưới, ăn xin nơi phương xa. Người ấy dù nghèo, hạt châu chưa từng mất, bỗng được người trí chỉ ra hạt châu, liền thành giàu sang tùy theo ý muốn, mới ngộ bảo châu chẳng từ bên ngoài mà có.

Tức thời, A Nan ở trong chúng đánh lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

-Nay Thế Tôn, nói ba nghiệp Sát, Đạo, Dâm diệt rồi thì ba nhân chẳng sanh, và tánh điên của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự dứt, dứt tức là Bồ Đề, chẳng từ người khác mà được. Thế thì rõ ràng là nhân duyên rồi, làm sao Như Lai bác bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con do nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

-Thế Tôn, nghĩa này chẳng những hàng Thanh Văn hữu học trẻ tuổi như chúng con, cả Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề trong hội này, đều từ nơi ông lão Phạm Chí nghe cái thuyết nhân duyên của Phật, tâm được khai ngộ, thành quả vô lậu. Nay Phật nói Bồ Đề chẳng do nhân duyên, vậy

thì cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo Câu Xá Ly lại thành đê nhất nghĩa sao? Xin Phật đại bi, khai phá chỗ mê muội cho chúng con.

Phật bảo A Nan:

-Nhu Diễn Nhã Đạt Đa, nếu diệt trừ được cái nhân duyên phát điên, thì tánh chẳng điên tự nhiên hiện ra, lý cùng tột của nhân duyên và tự nhiên là vậy.

-A Nan! Nếu đầu của Diễn Nhã Đạt Đa vốn tự nhiên, đã là tự nhiên, thì tại sao sợ đầu bỏ chạy? Ấy là do nhân duyên nào?

-Nếu đầu tự nhiên do nhân duyên nên phát điên, tại sao chẳng tự nhiên do nhân duyên mà mất đi? Đầu vốn chẳng mất, tại sao vẫn còn vọng sanh điên sợ? Thế thì đầu phải nhờ nhân duyên?

-Nếu bản tánh vốn tự nhiên có điên sợ, vậy khi chưa điên, cái điên ẩn núp ở chỗ nào? Nếu tánh chẳng điên là tự nhiên, đầu vốn chẳng vọng, sao lại bỏ chạy?

-Nếu ngộ được cái đầu vốn chẳng mất, tánh điên cuồng vốn vọng danh, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận.

-Cho nên ta nói ba duyên diệt rồi tức là tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sanh, thì tâm sanh diệt được diệt, ấy cũng là sanh diệt; khi sanh và diệt đều sạch, mới gọi là vô công dụng đạo.

-Nếu có sự chẳng sanh, chẳng diệt gọi là tự nhiên, thì tâm tự nhiên này là do sanh diệt đã sạch mà hiện, ấy cũng là pháp sanh diệt, chẳng phải Bồ Đề. Cái lý chẳng sanh diệt kia gọi là tự nhiên, cũng như các tướng lẫn lộn thành một thể của thế gian, gọi là tánh hòa hợp; cái chẳng hòa hợp thì gọi là tự nhiên. Tự nhiên chẳng phải tự nhiên, hòa hợp chẳng phải hòa hợp, tự nhiên và hòa hợp đều lìa, có lìa có hợp đều sai, đến chỗ này mới được gọi là pháp chẳng hý luận.

Giảng giải:

Người thường tư tưởng chấp thật. Nhà khoa học, nhà triết học cũng dùng tư tưởng chấp thật. Nên Phú Lô Na chấp thật, thay mặt đại chúng hỏi Phật: Tại mê mới có núi sông đất đai, Phật đã ngộ sao vẫn thấy núi sông đất đai?

Cái thấy đó là do chúng sanh thấy, Phật theo sự thấy hiểu lầm của chúng sanh, giải thích để chúng sanh tự thức tỉnh mở mắt chiêm bao. Trong chiêm bao thấy cái nào cũng thật, lúc thức tỉnh thì cái thật trong chiêm bao tự mất.

Người đã thức tỉnh chiêm bao, còn lấy lý do và lấy đồ trong chiêm bao, dù tâm rất sáng tỏ việc này làm sao được? Như mình phát tài trong nhắm mắt chiêm bao, khi thức tỉnh thấy không có gì cả. Thức tỉnh rồi lại lấy tiền ở trong bao làm sao có?

Phật nói Diễn Nhã Đạt Đa ban, đầu nói tự nhiên sau nói nhân duyên. Nếu tự nhiên, khi lúc chưa phát điên, điên ần núp ngay chỗ nào? Nhân duyên mà không có nhân đầu tiên thì không thể làm nhân duyên được. Vậy Phật luôn luôn phá tự nhiên và phá nhân duyên.

Phật hỏi Phú Lô Na: Tại sao Diễn Nhã Đạt Đa điên?

Phú Lô Na đáp: Người ấy tâm điên chẳng do gì khác.

Tại tâm điên, chỉ có thể nói vậy, làm sao nói lý do tâm điên? Bây giờ ở trong xã hội có nhiều tâm thần. Mình muốn hỏi tại sao cũng không giải đáp được. Nếu cắt nghĩa tại sao thì có bệnh tại sao, như nói tại có nghiệp nhân nghiệp quả; rồi hỏi tại sao có nghiệp nhân,... tại sao cứ hỏi hoài không thể cùng được. Khi nào kiến tánh thì mới cùng, lúc đó khỏi cần giải thích mà tự rõ.

Dùng vọng tâm truy cứu đến chỗ nào cũng là vọng, vọng thì không có lý do. Phật trả lời cho Phú Lô Na: Đã nói vọng làm sao có nhân, có tại sao! Nếu có nhân, có tại sao, không được gọi là vọng, cái lý cùng tột chỉ là vậy. Cần mình ngộ mới giải quyết được. Nếu không ngộ cứ dùng trí óc của mình để truy cứu mãi không đến cùng tột được, vì chỗ vọng chỉ vào chỗ vọng mà thôi.

Chánh văn:

-Nếu dựa vào chỗ này để thủ chứng Vô Thượng Bồ Đề và Niết Bàn thì quả Phật vẫn còn cách xa lắm. Tại sao? Vì chấp do dụng công tu chứng mà có sở đắc vậy. Kỳ thật, Bồ Đề Niết Bàn vốn sẵn đầy đủ, chỉ có thể sát na ngộ nhập, chẳng do nhiều kiếp siêng năng tu chứng mà được, dầu cho nhớ hết diệu lý thanh tịnh như cát sông Hằng trong mười hai bộ Kinh của mười phương Như Lai, chỉ càng thêm hý luận.

Giải giảng:

Tất cả đệ tử của Phật tu hành muốn thủ chứng, như mình tham thiền muốn kiến tánh, gọi là kiến tánh thành Phật. Nhưng dùng tâm muốn lấy muốn kiến muốn đắc thì lọt vào vọng rồi. Phạm điều thứ nhất của Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư thiền là: “Vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ”. Tại sao? Vì Phật của mình đã thành sẵn, không phải kiến tánh mà đắc được. Nếu còn hy vọng thủ chứng là vọng.

Chánh văn:

-Người dù nói lý nhân duyên, tự nhiên chắc chắn rõ ràng, người đời khen người đa văn bậc nhất, với cái huân tập đa văn nhiều kiếp này, chẳng thể tránh khỏi nạn Ma Đăng Già, phải nhờ thần chú của ta, làm cho Ma Đăng Già dập tắt lửa dâm, sông ái khô cạn, chứng quả A Na Hàm, nơi pháp ta thành tựu tinh tấn, khiến người giải thoát.

A Nan, người dù nhiều kiếp ghi nhớ những lời bí mật nhiệm màu của Như Lai, chẳng bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai khổ yêu, ghét của thế gian.

Như Ma Đăng Già xưa kia là dâm nữ, do sức thần chú, tiêu diệt lòng ái dục, nay trong pháp ta gọi là Tỳ Kheo Ni Tánh với Gia Du Đà La (mẹ của La Hầu La), cùng ngộ nhân xưa, biết được nhân duyên nhiều kiếp, đều do tham ái làm khổ, chỉ một niệm huân tu pháp vô lậu thiện, nay người thì ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, sao người còn tự dối, kẹt nơi thấy nghe?

A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, nghi hoặc tiêu trừ, tâm ngộ thật tướng, thân ý khinh an, được pháp chưa từng có, rơi lệ đánh lễ chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

-Lòng trong sạch vô thượng đại bi của Phật, khéo khai ngộ cho tâm chúng con, dùng đủ thứ nhân duyên và phương tiện dìu dắt kẻ chìm đắm ra khỏi biển khổ.

Thế Tôn, nay con dù được nghe pháp âm như thế, nhận biết diệu tâm sáng tỏ khắp mười phương thế giới, trùm chứa các cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm trong mười phương quốc độ. Như Lai lại trách con đa văn vô ích, chẳng bằng tu tập, nay con như người phiêu bạt, bỗng được Thiên Vương ban cho cái nhà sang, dù được nhà lớn, nhưng phải biết chỗ cửa vào.

Vậy xin Như Lai từ bi khai thị cho những kẻ mê muội trong hội này, lia bỏ tiểu thừa, đều được bước lên con đường đã phát tâm từ xưa nay, thẳng đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai, khiến hàng hữu lậu biết cách uốn dẹp tâm phan duyên từ lâu đời, được pháp tổng trì, chứng nhập Tri Kiến Phật.

Giảng giải:

Tin mình sẵn có diệu tâm sáng tỏ, không phải do tu mới thành, do chứng mới đắc. Tất cả kinh điển của Phật chỉ là phương tiện, phá tư tưởng chấp thật của mình, cho mình trong mở mắt chiêm bao được thức tỉnh. Thức tỉnh rồi, mới biết mình có tất cả, không thiếu cái gì.

Nhắm mắt chiêm bao thức tỉnh thì được tự chứng phần, chứng tỏ nhắm mắt chiêm bao không thật. Minh hiện nay đang trong mở mắt chiêm bao chưa thức tỉnh, phải tham thiền đến lúc kiến tánh mới thức tỉnh; nếu chưa thức tỉnh, dù hiểu biết hết kinh điển, mà không tu hành thì đối với đạo càng xa.

Như Phật quả A Nan học rộng nghe nhiều không bằng một ngày tu. Vì tu mới hiện được bản tâm, còn học rộng nghe nhiều rồi chấp cho đó là thật, làm chướng ngại sự kiến tánh.

Hỏi:

Theo kinh này Phật dạy phải lia bỏ Tiểu thừa, nhưng Tiểu thừa cũng được quả A La Hán, họ có sai lầm chỗ nào, xin thầy chỉ rõ?

Đáp:

Kinh này Phật dạy người căn cơ Đại thừa, như nói theo pháp thế gian, Tiểu thừa là tiểu học, Trung thừa là trung học, Đại thừa là đại học. Phật giảng cho Thanh Văn nghe Đại thừa, Phật mới bảo bỏ Tiểu thừa và Trung thừa.

Như lên đại học thì phải tiểu học và trung học. Nếu còn ôm bài tiểu học và bài trung học, làm sao học bài đại học được? Ngày xưa mọi người chưa tin bài đại học, cho nên Phật dạy bài tiểu học, rồi bảo họ lên trung học. Chứ đâu được giữ lại không cho lên lớp!

Nói lia bỏ tiểu học, vì ôm pháp Tiểu thừa, không chịu buông để tiến lên, nên Phật bảo lia bỏ. Lia bỏ là những người đủ trình độ học đại học thì phải học đại học mới phải, mà cứ ôm bài tiểu học cho là chân lý làm sao tiến lên được? Phải lia bỏ là vậy.

Hỏi:

Chúng con học tiểu học chưa xong làm sao học đại học, như chúng con đối với Tiểu thừa chưa làm được làm sao lên Đại thừa?

Đáp:

Ấy là pháp thế gian chỉ để ví dụ, Phật pháp tuy có ba thừa: Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, lại có thêm một thừa nữa là Tối Thượng thừa. Đại Thừa Tuyệt Đối Luận của ngài Nguyệt Khê có nói rõ.

Như dùng máy điện toán đo bộ óc của bé Bi tham thiền, chấm dứt được suy nghĩ phân biệt nên đèn của máy tắt mất. Việc ấy không phải tôi nói gạt, chính mắt tôi thấy và những người đi cùng với tôi cũng thấy. Nó đâu có biết gì, nhưng Phật tánh sẵn sàng, chẳng những con người mà cầm thú cũng vậy.

Nhưng cầm thú không thể tu được, vì do cái nghiệp của nó. Cõi Trời tuy phước nhiều hơn loài người cũng không tu được, tại họ ham thích phước báo. A Tu La cũng không tu được vì tánh hay sân hận. Cho nên, chỉ có con người mới tu được, còn năm đạo kia không thể tu được. Con người có vui có khổ, cảm thấy khổ mới phát tâm muốn lìa cái khổ, nên phát tâm tu.

Ở thế gian, người có năng khiếu, mới mấy tuổi biết toán học còn hơn đại học. Đó chứng tỏ cái tâm đã sẵn. Nếu đã có năng khiếu ấy rồi, mà lại bảo nó học lớp sơ cấp làm sao được! Siêu việt bài đại học rồi thì khỏi học mấy thứ kia. Tại mấy thứ kia đã học qua, mặc dầu hiện tại nó không có học.

Như giáo môn từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng,... phải từ cấp từ cấp mà tiến lên. Thiền tông không có giai cấp, từ địa vị phàm phu tu chứng Đăng Giác.

Nói theo thế gian gọi là năng khiếu thì khỏi cần qua tiểu học trung học, qua liền đại học. Trong Thiền tông có nhiều người khờ ngốc kiến tánh, siêu việt tam thừa. Đây là pháp xuất thế gian, phát hiện cái mình sẵn có. Chứ không phải pháp thế gian, học mới biết, không học thì không biết. Nếu lấy pháp thế gian để so sánh bằng nhau với pháp xuất thế gian thì không được.

Hỏi:

Tiểu thừa còn phá được ngã chấp. Chúng con trước cần phá ngã chấp, rồi sau mới tu lên pháp cao, việc ấy như thế nào?

Đáp:

Theo pháp thế gian mà nói cao thấp, cao với thấp là tương đối cũng là pháp hữu vi. Pháp hữu vi có cao thấp, còn pháp vô vi thì không có cao thấp. Người nào có năng khiếu đó thì cứ học cái đó.

Phật giảng kinh Pháp Hoa có 5.000 người bỏ đi, không chịu nghe. Những người ấy cần phải học Tiểu thừa trước, rồi mới học Đại thừa, học từ cấp lên. Còn những người đủ trình độ Đại thừa thì học Đại thừa, khỏi cần từ cấp lên.

Cho nên, người tu Tối Thượng thừa rất ít, Đại thừa nhiều, còn Tiểu thừa thì nhiều hơn. Như học tiểu học rất nhiều, học trung học ít hơn, học đại học càng ít hơn, rồi vô nghiên cứu viện lại càng ít hơn nữa.

Thái Hư đại sư là người nổi tiếng gần đây, Đại thừa có 8 tông, ngài đều hoằng dương và nói: “Cốt tủy Phật Giáo là Thiên, nếu chẳng có Thiên không phải Phật Giáo”. Tác dụng của Phật pháp là muốn giải thoát, chỉ có Thiên tông mới chân thật đạt đến giải thoát.

Còn các thứ kia, như Tiểu thừa đừng có nói chứng quả A La Hán, chỉ chứng sơ quả Tu Đà Hoàn cũng không thấy một người. Tiểu thừa rất hưng thịnh, những người da trắng ở Tây phương, phần nhiều học Tiểu thừa. Nhưng bây giờ có ai chứng sơ quả được chưa! Đừng nói đến kiến tánh.

Kiến tánh là mở mắt chiêm bao thức tỉnh, tức không gian thời gian không có gì để nghi nữa, là hiểu biết hết rồi. Bây giờ, nói chứng tứ quả của Tiểu thừa không có một người, hướng là kiến tánh tới Đẳng Giác, thêm một bước là Diệu Giác (Phật).

Nhưng sự thật gần đây, có ngài Lai Quả, ngài Hư Vân, ngài Nguyệt Khê và Tăng sửa đường lộ ở tỉnh Vân Nam, 4 người này đều được kiến tánh. Bây giờ khắp thế giới, chỉ ra ai chứng sơ quả chưa? Nói thì dễ, nhưng phải có sự thật! Có thể có những người kiến tánh gần đây trong xã hội Trung Quốc, họ lại ở ẩn không ai biết. Có số người kiến tánh ở Trung Quốc thời xưa cũng không ai biết.

Hỏi:

Ngài Hư Vân hoằng dương Thiên tông và Tịnh Độ, việc ấy như thế nào?

Đáp:

Biết được nguồn gốc Phật pháp là không lấy không bỏ, gặp căn cơ nào thì dạy căn cơ đó. Ngài Hư Vân ở trong Thiên tông kiến tánh thì lấy Thiên tông làm chánh, các pháp kia làm phụ. Như người ta hỏi tông Thiên Thai thì tôi dạy thiên quán tông Thiên Thai, hỏi tông Tịnh Độ thì tôi cũng dạy tín, hạnh, nguyện của tông Tịnh Độ.

Có khoảng 6, 7 người trong Thiên tông kiến tánh, mà lại có hoằng Tịnh Độ thì người tu Tịnh Độ cho là Tổ Tịnh Độ. Nhưng sự thật Tổ ở bên Thiên tông, chứ không phải ở bên Tịnh Độ. Chứ không phải tôi bài xích Tịnh Độ. Tịnh Độ và các pháp khác đều ở trong tâm.

Vừa rồi nói Túc và Phi. Nếu nói Túc là tất cả, không có cái nào không phải Phật pháp. Pháp thế gian còn là Phật pháp, hướng là niệm Phật của Tịnh Độ là một pháp xuất thế gian. Người biết được căn bản thì không bỏ không lấy, cũng Phi cũng Túc, vừa rồi giảng đoạn này.

Nếu cố ý muốn tìm thì tất cả đều Phi. Nếu không muốn tìm thì chỗ nào cũng sẵn sàng là Túc. Cái này là tâm, cái kia là Phật, cái nào cũng là Phật thì không khác, nên gọi là bất nhị. Còn có ý chấp thì có khác, đủ muôn ngàn sai biệt. Cái sai biệt là tâm của mọi người. Cái không sai biệt, như ánh sáng đèn, muôn ngàn cây đèn có sai biệt, còn ánh sáng không có sai biệt.

Như đèn nhỏ thì ánh sáng yếu hơn, đèn lớn thì ánh sáng mạnh hơn. Ánh sáng cùng khắp gian thì không thể chỉ ánh sáng này thuộc cây đèn này, ánh sáng kia của cây đèn kia, muôn ngàn cây đèn chỉ có một ánh sáng.

Muôn ngàn chúng sanh chỉ có một Phật tánh. Muôn ngàn cái Không để dùng, như cái Không của tách, cái Không của bình, cái Không của nhà,... đều là một cái Không, chẳng có nhiều cái Không. Nhưng chẳng phải không có tách, không có bình, không có nhà. Cái Không của tách, cái Không của bình, cái Không của nhà,... đều là cái Không sẵn sàng của tâm.

Vì có phân biệt mới có Không này Không kia. Nếu chẳng có phân biệt thì tất cả chỉ một cái Không, chứ chẳng được 2 cái Không.

Có phân biệt thì mỗi cây đèn khác nhau. Nhưng ánh sáng không khác, ánh sáng muôn triệu cây đèn không khác, chỉ là một ánh sáng, chứ không có hai ánh sáng, sự thật là vậy. Phật phải nói theo sự thật, thuyết pháp của Phật là lấy chuyện trước mắt để chứng tỏ cho người ta tin, mà phải chứng tỏ theo sự hiểu biết của người nghe.

Như ngày xưa, khoa học chưa tiến bộ bằng bây giờ, Phật phải nói theo ngày xưa. Nếu nói theo người nghe bây giờ thì người ta cười. Nhưng hiểu biết hồi đó phải nói như vậy. Như ngày xưa nói con rồng làm mưa. Nếu bây giờ nói con rồng làm mưa thì người ta cười. Nhưng lúc đó phải nói như vậy người ta mới hiểu.

Hỏi:

Tâm Minh dịch kinh Lăng Nghiêm như thế nào?

Đáp:

Kinh Lăng Nghiêm của Tâm Minh dịch, so với mấy bản dịch khác thì hay hơn. Kinh Lăng Nghiêm đâu phải Tịnh Độ, kinh Lăng Nghiêm là liễu nghĩa của Đại thừa. Người học khác người tu thì khác, như tôi dạy Thiền tông cũng có giảng kinh Lăng Nghiêm.

Tôi dạy Tô Sư thiền là bất biến, còn tùy duyên dịch kinh Viên Giác, kinh Kim Cang, kinh Duy Ma Cật,... nói Thiên Thai, Tịnh Độ, Hoa Nghiêm, công thương kỹ nghe, khoa học,... Tôi thường nói khoa học, nhưng tôi không học khoa học; những người nghe tôi nói, tưởng tôi có học khoa học.

Hỏi:

Những người giúp ích cho người ta thì như thế nào?

Đáp:

Những người phỉ báng Phật pháp cũng giúp người ta vậy. Chính những người chân tu ít có giúp người ta. Trong giới luật Phật nói, nếu tu sĩ bỏ bỏn phận tu, chỉ làm những việc thiện giúp người, gọi là nhân thiện lại chiêu quả ác. Vì lấy sự cúng dường của mười phương cho là của mình. Rồi giúp người ta, để tăng cường địa vị của mình. Vì mục đích tăng cường ngã chấp, chứ không phải vì Phật pháp.

Hỏi:

Sự tranh luận đối với Phật pháp như thế nào?

Đáp:

Chính biện luận tranh giành nên Phật cấm, không cho tranh luận. Phật pháp sẵn sàng không cần tranh luận. Tranh luận muốn thắng là ngã chấp.

Thủ môn túc cầu Trương Quốc Anh đi đấu lần nào cũng thắng, nhưng Y không hy vọng thắng. Hồi trước, Y làm việc trong hãng bột ngọt cho nhà nước, tiền lương ít; nhiều lần chịu thiệt thòi. Qua giờ chính thức, người ta nhờ một mình lên xuống hàng không trả tiền mà Y vẫn vui vẻ. Nếu người khác làm sao chịu!

Hỏi:

Ở trong thế gian, phải theo cách sống thế gian, vậy như thế nào?

Đáp:

Bây giờ tất cả hiểu biết thì phải qua tai mắt, nhưng tai mắt của mình rất hạn chế. Theo khoa học thì biết 5 trạng thái, 3 trạng thái là: Cố thể, dịch thể, khí thể thì người nào cũng biết dùng tai mắt mà biết được.

Như nước là dịch thể, dưới 0 độ thành băng là cố thể, trên 90 độ thành hơi là khí thể. Còn trạng thái thứ 4 và thứ 5 thì phải qua cái máy mới biết. Như qua máy kính hiển vi thì thấy được các nguyên tử đang xoay, qua cái máy mới thấy hồng ngoại tuyến.

Còn Trương bảo Thắng dùng tâm tạo có liền, nếu dùng máy móc không thể truy cứu được. Đó là trạng thái thứ 6. Khoa học chưa biết, sau này khoa học sẽ biết. Theo Phật nói họ không thể biết được. Vì lục căn không thể biết được cái không có số lượng, chỉ biết được cái có số lượng.

Như đem thời gian, 1 sát na chia thành 60 A, 1 A chia thành 60 B, 1 B chia thành 60 C. Chỉ chia 3 lần, con số còn, thời gian thực tế thì bộ óc không biết. Lại chia 30 lần, 300 lần do con số biểu thị thời gian đó, nhưng bộ óc không thể nhận biết được. Chính mình đang sống trong thời gian hiện tại, mà mình không biết.

Không gian cũng vậy, nhà khoa học chỉ biết con số. Phạm có số lượng không phải tâm của mình, tâm của mình không có số lượng. Cho nên không thể tiếp xúc, nhưng cái dụng thì rõ ràng. Như tánh thấy không thể tiếp xúc, nhưng sờ thấy rõ ràng.

Hỏi:

Im lặng là gì?

Đáp:

Im lặng là cú thứ hai, nói là cú thứ nhất, chẳng nói chẳng nói là cú thứ ba, cũng nói cũng nói là cú thứ tư. Phàm lọt vào tứ cú thì không phải thật tế. Thật tế không lọt vào tứ cú, gọi là vô sở trụ.

Hỏi:

Ngài Văn Thù hỏi Duy ma cật, Duy Ma Cật im lặng thì ngài Văn Thù tán thán, việc ấy như thế nào?

Đáp:

Còn tiếp câu sau nữa là gì? Là “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Nếu không có câu sau thì không được. Nó là tuần hoàn, lý vũ trụ, lý Phật pháp cũng vậy. Không có sự bắt đầu và không có sự cuối cùng, nếu có cuối cùng thì cũng bắt đầu lại nữa. Bởi vì nói đến vô trụ, hai vị Văn Thù và Duy Ma Cật đối đáp, đến chỗ vô trụ làm gốc.

Văn Thù hỏi: Vô trụ lấy gì làm gốc?

Duy Ma Cật đáp: Vô trụ chẳng có gốc.

Đến chỗ này sợ người ta hiểu lầm, nên Duy Ma Cật nói lớn tiếng: Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp.

Tất cả pháp từ gốc vô trụ lập ra, như tay hoạt bát vạn năng là do vô trụ. Nếu có trụ thì mất cái dụng hoạt bát vạn năng. Cho nên các pháp sanh khởi từ gốc vô trụ, cũng gọi là viên thông. Viên là tròn cứ xoay hoài.

Tất cả vật lý đều xoay tròn, bản vệ tinh trên không gian cũng xoay như vậy. Vũ trụ lớn tuần hoàn cũng xoay như vậy, vũ trụ nhỏ hạt bụi cũng xoay như vậy, mà cái xoay đó không bao giờ ngưng. Sức xoay từ đâu ra? Ai cũng không biết.

Lục Tổ trả lời trong Pháp Bảo Đàn: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, mà do tâm của các ông động”. Nên Phật nói: “Tất cả đều do tâm tạo”.

Ông hỏi tâm là gì? Đó cũng là dụng của tâm phải ngộ mới được. Không ngộ thì nghi sau này ngộ mới hiểu, khi ngộ rồi thì hết nghi. Bây giờ còn nghi nhiều lắm, đến chừng vô tu vô chứng không thấy có ngộ. Nếu thấy có ngộ thì còn có mê. Mê là cú thứ nhất, không mê là cú thứ nhì là đúng rồi.

Thiền sư Cao Phong đã phá Trùng Quang rồi, ban ngày làm chủ được, ban đêm chiêm bao làm chủ được. Rồi thầy hỏi: “Không chiêm bao, không suy nghĩ chủ ở đâu”? Trả lời không được phải tham thêm 5 năm nữa, nghe cái gỏi của bạn đồng tham rớt xuống đất, ngộ triệt để. Ngộ triệt để thì chẳng có ngộ thêm cái gì, chỉ là cái ngộ Trùng Quan tan rã, không còn ngộ nữa, đến Mạc Hậu Quan.

Hồ nghi là dùng bộ óc tìm hiểu nghiên cứu, như tánh con người hay ham tìm hiểu; triết học, khoa học, tất cả xã hội đều dạy người ta tìm hiểu, học nhiều chừng nào hay chừng nấy. Từ tiểu học, trung học, cho đến các thứ chuyên môn đều dùng bộ óc đi nghiên cứu tìm hiểu. Còn chánh nghi là ngưng tất cả mọi tìm hiểu, ghi nhớ, suy nghĩ. Cho nên, cuối cùng gọi là vô tu vô chứng.

Hỏi:

Làm sao phân biệt tiểu ngộ, đại ngộ, triệt ngộ, liễu ngộ và thời gian nào được bảo nhậm?

Đáp:

Phần nhiều tiểu ngộ là hiểu biết của bộ óc, đại ngộ có 3 cửa: “Sơ Quan, Trùng Quan, Mạc Hậu Lao Quan”. Nhưng tùy theo trình độ căn cơ, người có trình độ cao không phải chỉ đến Sơ Quan, Trùng Quan, mà thấu luôn Mạc Hậu Lao Quan.

Có người ngộ phá sơ quan, rồi tiếp tục phá thêm 2 quan nữa, có người phá 2 quan, rồi cuối cùng phá thêm 1 quan. Cũng tùy mỗi người có khác nhau, cho nên nói Thiền tông không có giai cấp. Từ địa vị phàm phu ngộ đến chỗ cuối cùng, gọi là Đẳng Giác, tức là bằng với Phật.

Ngộ rồi, nhưng tập khí vẫn còn, nên phải bảo nhậm tập khí. Tập khí ham tìm hiểu ham biết. Dứt tập khí thì khỏi cần biết, tức là nói cứ nói, chỉ có thể lưu bố tướng, không có trước tướng. Không chấp cho là thật gọi là dứt tập khí, sau khi kiến tánh thì tự động dứt trừ.

Chánh văn:

Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, cả chúng trong hội một lòng mong đợi lời dạy của Phật.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong hội chưa được tự tại nơi tâm Bồ Đề, và những chúng sanh phát tâm Bồ Đề trong đời mạt pháp, khai thị pháp tu nhiệm mầu của Vô Thượng Thừa, bảo A Nan và đại chúng rằng:

-Các người quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với pháp Tam Ma Đề nhiệm mầu của chư Phật, chẳng sanh mỗi một, trước hết nên biết hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm.

-Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm?

-A Nan! Nghĩa thứ nhất: Nếu các người muốn lìa bỏ Thanh Văn, tu Bồ Tát Thừa, nhập Tri Kiến Phật, thì nên xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa, với chỗ giác ngộ của quả địa là đồng hay là khác? A Nan, nếu ở nơi nhân địa, dùng tâm sanh diệt làm cái nhân tu hành, để cầu cho được quả chẳng sanh diệt của Phật thừa thì chẳng đúng.

-Do nghĩa này, người nên xét kỹ vạn vật trên thế gian, các pháp có thể tạo ra đều phải biến diệt. A Nan, người hãy xem các pháp có thể tạo ra, có cái nào chẳng hoại chẳng? Nhưng chẳng bao giờ nghe nói hư không biến hoại. Tại sao? Vì hư không chẳng phải là vật sở tạo, cho nên chẳng thể biến hoại.

-Vậy thì trong thân người, tánh cứng là Địa, ướt nhờn là Thủy, hơi ấm là Hỏa, lay động là Phong, do tứ đại ràng buộc, mà chia cái diệu tâm sáng tỏ của người ra thành Kiến, Văn, Giác, Tri từ vô thi, tạo thành năm lớp ô trược.

-Sao gọi là trược? A Nan, ví như nước trong bản tánh thanh khiết, và những thứ bụi, đất, tro, cát, bản chất ngăn ngại, thể tánh vốn khác nhau. Bỗng có người lấy đất cát bỏ vào nước trong, làm cho đất mất ngăn ngại, nước mất thanh khiết, thành tướng vẩn đục, nên gọi là trược. Năm lớp ô trược của người cũng vậy.

-A Nan! Người thấy hư không khắp mười phương thế giới, hư không và kiến tinh chẳng thể phân ra rõ ràng; hư không thì chẳng có bản thể, tức là ngoan không; kiến tinh thì chẳng có bản giác, tức là vô minh, cả hai giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ nhất, gọi là Kiếp Trược.

-Kiến, Văn, Giác, Tri vốn chẳng ngăn ngại, vì kẹt nơi tứ đại nên thành ngăn ngại; Địa, Thủy, Hỏa, Phong vốn chẳng giác tri, vì xoay chuyển theo lục căn thành có giác tri, các điều đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ hai, gọi là Kiến Trước.

-Lại, trong tâm người, tánh tướng nhớ học tập phát ra tri kiến, dung nạp lục trần, lia trần thì chẳng có tướng, lia giác thì chẳng có tánh, từ đó giao kết lẫn nhau vọng thành lớp thứ ba gọi là Phiền Não Trước.

-Lại tâm niệm của người ngày đêm sanh diệt chẳng ngừng, tri kiến thì muốn ở mãi trên thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần lại thường đòi đổi trong lục đạo, những điều ấy giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ tư, gọi là Chúng Sanh Trước.

-Tánh kiến văn của các người vốn chẳng khác biệt, do lục trần ngăn cách, bỗng thành khác biệt, tánh biết thì đồng, sự dụng thì khác, đồng và khác chẳng định, từ đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ năm, gọi là Mệnh Trước.

-A Nan! Nay người muốn cho Kiến, Văn, Giác, Tri khế hợp với tứ đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai, trước hết phải lọc bỏ cội gốc sanh tử, dựa theo tánh trong lặng chẳng sanh diệt của diệu tâm, để xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về bản giác. Được tánh chẳng sanh diệt của bản giác làm cái tâm nhân địa, rồi mới viên thành sự tu chứng của quả địa.

Như lắng nước đục trong đồ đựng nước, để yên mãi chẳng lay động, đất cát tự chìm và nước trong hiện ra, ấy gọi là bắt đầu uốn dẹp được khách trần phiền não; gạn bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh, tướng minh thuần nhất thì tất cả biến hiện đều chẳng gây ra phiền não, và đều hợp với diệu đức trong sạch của Niết Bàn.

-Nghĩa thứ hai: Các người nếu muốn phát tâm Bồ Đề nơi Bồ Tát Thừa, sanh lòng đại dũng mãnh, quyết định lia bỏ các tướng hữu vi, nên suy xét kỹ cái cội gốc phiền não của nhuận (nhuần) nghiệp vô minh và nhuận sanh vô minh từ vô thi này là ai làm, ai chịu?

Lược giải:

Xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa là để hợp cái Chơn; xét kỹ cội gốc của phiền não là để tuyệt cái Vọng, vọng đã chẳng vọng thì tức vọng tức chơn.

Cội gốc của phiền não có hai: Một là Nhuận Nghiệp Vô Minh (nhiệm là thâm nhuận), tức là phiền não của những kiếp quá khứ; hai là Nhuận Sanh Vô Minh, tức là khi đầu thai, nơi tình thức sanh khởi yêu, ghét đối với cha mẹ. Hai thứ phiền não này vốn chẳng tự tánh, nếu ngộ biết chẳng tự tánh thì chẳng có kẻ làm, chẳng có kẻ chịu, ngay đó "không tịch", còn ai phiền não?

Người tiêu thừa chẳng lìa công dụng hữu vi, cho thật có phiền não cần phải phá trừ, ấy do chẳng biết căn trần là hư vọng. Người đại thừa thì khác, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề, chỉ cần xét kỹ nơi căn trần ai làm ai chịu, bỗng được khám phá, thì căn bản vô minh tức thời tan rã.

Giải giải:

A Nan và đại chúng nghe Phật nói diệu tâm sáng tỏ trùm khắp 10 phương thế giới và cùng khắp cõi Phật. Vậy A Nan vẫn còn nghi, mặc dầu con nghe như vậy, con hiểu con tin. Như vua cõi trời ban cho cái nhà lớn, nhưng không có cửa làm sao vào được?

Nói vua ban cho, sự thật tự mình sẵn có cái nhà to lớn này. Tham thiền là mở cửa để đi vào nhà lớn, tức là đến chỗ tri kiến Phật. Không còn tư tưởng tri kiến gì hết, mới gọi là tri kiến Phật.

Nói xong năm vóc gieo xuống đất, cả chúng mong đợi lời dạy của Phật.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn, Duyên Giác chưa được tự tại nơi thân Bồ Đề trong đời mật pháp (chúng ta hiện đang ở trong đời mật pháp) khai thị pháp tu nhiệm mầu của vô thượng thừa, bảo A Nan và đại chúng rằng:

-Các người quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với pháp Tam Ma Đề nhiệm mầu của chư Phật, chẳng sanh mỗi một, trước hết nên biết hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm.

Sa Ma Tha, Tam Ma Đề, Thiền Na, 3 thiền quán của giáo môn. Ở đây nói Tam Ma Đề bao gồm 3 thiền quán. Tam Ma đề nghĩa là biến hóa, Phật có bá trăm ức hóa thân. Biến hóa của người thế gian gọi là thần thông, nhưng bản năng của tự tánh, ai cũng có năng lực đó. Chỉ cần qua sự tu luyện bỏ các tạp chất thì hiện lên. Minh tu đến mức nào thì hiện lên mức ấy.

Như Trương Bảo Thắng ở Trung Quốc, kiếp trước có tu ngoại đạo, bây giờ cũng hiện được bản năng tự tánh, vô ra vách tường rất dễ, không bị chướng

ngại, dùng tâm ý vẽ chữ sau lưng ai cũng được. Mình mặc đồ nhiều, y lấy áo trong của mình ra, mà mình không biết. Tâm tạo ra liền có, đó là sự thật; có những người khác, tuy không bằng Trương Bảo Thắng, nhưng họ vẫn làm được. Chúng tỏ tâm mình đã sẵn có, chứ không phải tu mới được hay học ở ngoài mà có.

Giáo môn dùng Tam Ma Đề, vì pháp này là pháp xuất thế gian, nên nói là nhiệm màu như có vẻ thần bí vậy. Học cái này không phải như học pháp thế gian mà người ta đi thi học đến mỗi mệ. Còn cái này khỏi cần mỗi mệ, trong này nói “chẳng sanh mỗi mệ”. Trước hết nên biết hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm.

Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm?

-Nghĩa thứ nhất: Nếu người muốn lìa bỏ Thanh Văn tu Bồ Tát thừa (Thanh Văn là Tiểu thừa, Bồ Tát là Đại thừa). Muốn bỏ Tiểu thừa tu Đại thừa nhập tri kiến Phật thì nên xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa, với chỗ giác ngộ là đồng hay khác?

Tức là nhân nào quả nấy, nếu phát tâm hữu vi thì được quả hữu vi (Tiểu thừa), phát tâm vô vi (quả Phật). Nên Phật bảo lìa Tiểu thừa tiến lên Đại thừa được quả vô vi. Như Tiểu thừa cho có sanh tử, dùng thiền quán để chấm dứt sanh tử, chứng quả Niết Bàn. Còn vô vi quán sanh tử lúc nào cũng không có, khỏi cần dẹp, không có ai làm thì không có ai chịu.

-Do nghĩa này người nên xét kỹ, vạn vật trên thế gian, các pháp có thể tạo đều phải biến diệt.

Có thành thì phải có hoại, còn hư không thì không có ai tạo ra, cho nên không bao giờ nghe hư không hoại. Đập bể hư không là đập bể tâm chấp, tâm chấp không gian, tâm chấp thời gian, tâm chấp số lượng.

Nếu khái niệm không gian đập bể thì khái niệm thời gian, khái niệm số lượng cũng tan nát, mới được tự do tự tại. Bây giờ, mình đi tới đâu cũng bị không gian, thời gian và số lượng trói buộc; mà 3 thứ này là hư vô, không có bản thể, chỉ là 3 khái niệm của vọng tâm.

Hỏi:

Tâm không là gì?

Đáp:

Tâm không là bản tánh của mình, như là cái hư không này. Phàm muốn dùng phải nhờ cái không, như cái không của cái tách dùng để đựng nước, cái không của bình thủy đựng nước sôi, cái không của nhà dùng để ở,... tất cả dùng đều do tâm không này. Mặc dầu, dùng của bình thủy, cái tách, cái nhà,... có khác nhau. Nhưng cùng một cái không, tức là tâm không này.

Vũ trụ vạn vật, núi sông đất đai, công thương kỹ nghệ, bất cứ cái gì, đều phải nhờ cái không mới tồn tại, sinh sống và làm được. Bỏ tâm chấp hữu vi thì vô vi hiện là sẵn sàng khởi làm. Những cái làm ra được thì sẽ hoại, hư không chẳng làm thì không hoại, vì nó có sẵn; chưa có cái bình, hư không này có sẵn, gọi là pháp vô vi.

Hư không chẳng thể tạo, chẳng thể chấp. Vậy lấy cái gì để chấp? Bây giờ nắm bắt được hư không chẳng? Nói đập bể hư không, hư không làm sao đập bể? Tuy nói vậy, nhưng đó là để thí dụ. Người kiến tánh nói ra đều là chuyển ngữ thì không chỗ trụ. Những người đem giải, thành ra có chỗ trụ. Bàng Uẩn là cư sĩ đã kiến tánh, có nói ra điều gì cũng không trụ. Người kiến tánh mới nói được chuyển ngữ.

Người kiến tánh nói giống như người thế gian, nhưng người thế gian sanh ra trước tướng, còn người kiến tánh không sanh ra trước tướng. Vì người thế gian trước tướng, rồi cho người kiến tánh cũng có trước tướng là trụ nơi không. Nhưng sự thật, người kiến tánh nói có cũng được, đâu cần nói không!

Tất cả do tâm tạo, 5 thứ trực cũng do tâm tạo. Trong này giải từng danh từ.

-Vậy thì trong thân người, tánh cứng là địa, ướt nhuận là thủy, hơi ấm là hỏa, lay động là phong, do tứ đại ràng buộc mà chia cái diệu tâm sáng tỏ của người ra tánh kiến, văn, giác, tri từ vô thi tạo thành 5 lớp ô trực.

Thân của mình do tứ đại cấu tạo, tánh cứng là địa đại, hơi ấm là hỏa đại, nước là thủy đại, hơi thở là phong đại. Địa, thủy, hỏa, Phong vốn không có giác tri mà tổ chức làm thân này. Vì lộn với diệu tâm sáng tỏ thành kiến, văn, giác, tri là không có sự bắt đầu, mà tạo 5 lớp ô trực (không trong sạch). Tâm mình vốn trong sạch, nhưng chấp thân tứ đại sanh ra kiến, văn, giác, tri thì ô trực. Có 5 lớp ô trực:

1- Kiếp trước: Hư không chẳng có bản thể và kiến tinh chẳng có bản giác, hai thứ chẳng phân rõ ràng giao kết lẫn nhau.

2- Kiến trước: Là do kiến vẫn giác tri mà cảm thấy hiểu biết.

3- Phiền não trước: Cuộc sống hàng ngày vì lo cái thân phải có tiền này tiền kia, phiền não sanh ra nhiều.

4- Chúng sanh trước: Tâm niệm ngày đêm không ngừng thì phiền não liên tục, ban đêm biến hiện cảnh giới nhắm mắt chiêm bao, ban ngày biến hiện cảnh giới mở mắt chiêm bao. Tất cả chúng sanh đều như vậy.

5- Mệnh trước: Tứ đại không có sanh mạng, thần thức của mình với duyên cha mẹ mới có duyên này, nên có sanh mạng.

Năm lớp trước này đều là vọng, do tư tưởng chấp thật sanh ra. Nên Phật dạy mình bỏ tư tưởng chấp thật thì hiện lên tri kiến Phật (chẳng có tri kiến), gọi là trong sạch.

Như lắng nước cho đất cát chìm xuống, nếu lay động thì nước đục lại. Chỉ cần gạn bỏ đất cát còn lại nước trong, dù lay động cách mấy cũng không đục. Sau khi kiến tánh là luyện lọc hết chấp trước thì trong hoàn cảnh nào cũng thấy an vui tự tại.

Xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa là muốn học cái chơn (bản tâm). Muốn xét kỹ cội gốc phiền não là muốn tuyệt cái vọng thì phải bỏ những trước ấy, bỏ được trước thì chơn hiện.

Hỏi:

Trước kia tu nghiêm chỉnh thanh tịnh, vì hoàn cảnh nào đó, họ trở thành cuộc sống đời thường, việc ấy như thế nào?

Đáp:

Những vị ấy giống như đất cát chỉ chìm dưới đáy nước, nếu bị lay động thì nước nổi đục lên. Cho nên, tu đến kiến tánh triệt để, tất cả tập khí dứt sạch thì trong hoàn cảnh nào cũng không bị chi phối.

Chánh văn:

-A Nan! Người tu đạo Bồ Đề, nếu chẳng suy xét cội gốc phiền não, thì chẳng thể biết căn trần hư vọng đó diên đảo ở chỗ nào; chỗ còn chẳng biết thì làm sao uốn dẹp được nó, để chứng nhập quả vị của Như Lai?

- Cũng như người thế gian, khi muốn mở cái thắt kết, nếu chẳng thấy cái chỗ thắt kết thì làm sao biết mở? Nhưng chưa từng nghe nói hư không bị người ta phá hủy. Tại sao? Vì hư không chẳng hình tướng, chẳng thể thắt mở.

Vậy thì hiện tiền lục căn của người làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà, vọng thành sự thắt kết (phiền não). Do sự thắt kết này nên thế giới chúng sanh tự sanh ràng buộc từ vô thi, chẳng thể ra khỏi thế gian vậy.

-A Nan! Sao gọi là thế giới chúng sanh? Thế là đời đời, Giới là phương vị, nên biết: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên phương dưới là giới; quá khứ, hiện tại, vị lai là Thế.

Về phương vị của không gian có mười, về sự lưu chuyển của thời gian có ba. Không gian, thời gian cùng với sự đời đời trong thân của tất cả chúng sanh giao lộn lẫn nhau, nên thành thế giới chúng sanh.

Tánh giới (không gian) dù thiết lập thành mười phương, nhưng phương vị nhất định mà người thế gian có thể rõ được, chỉ có Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương, còn phương trên, phương dưới và chính giữa thì chẳng có vị trí nhất định.

-Tứ phương nhân với tam thế, thành số mười hai, rồi nhân với lớp thứ ba, thành $12 \times 100 = 1200$ (Nguyên văn có nêu ra 4 lớp: 1, 10, 100, 1000). Tổng quát lại, trong lục căn mỗi mỗi có đến một ngàn hai trăm công đức.

-A Nan! Người nên ở trong lục căn xác định chỗ hơn kém của mỗi căn.

-Như Nhãn Căn chỉ thấy phía trước, chẳng thấy phía sau, ngó qua hai bên thì ba phần chỉ thấy được hai. Tóm lại, công đức của nhãn căn chỉ được hai phần ba, vậy biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.

-Như Nhĩ Căn nghe khắp mười phương chẳng sót, lúc động thì tựa như có xa gần, lúc tịnh thì chẳng bờ bến, vậy biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

-Nhu Tỳ Căn nghĩ biết khi thở ra hít vào, có ra có vào, mà sót khoảng giữa khi ra vào giao tiếp, vậy ba phần thiếu một, nên biết Tỳ Căn chỉ có tám trăm công đức.

-Nhu Thiệt Căn tuyên dương cùng tốt trí thế gian và xuất thế gian; lời nói dù có chùng ngắn, nhưng nghĩa lý thì vô cùng, vậy biết thiệt căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

-Nhu Thân căn ở nơi thuận nghịch sanh ra xúc giác; (khi hợp thì năng giác có xúc giác), khi lìa thì bất tri (chẳng xúc giác), lìa chỉ có một, hợp thì thành hai, (khi lìa chỉ có một năng hoặc một sở chẳng định, khi hợp thì gồm đủ năng sở thành có hai), vậy ba phần thiếu một, nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.

-Nhu Ý Căn thâm lặng mà cùng khắp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian trong mười phương tam thế, cùng tốt thánh phàm, đều bao gồm trong đó, vậy biết ý căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

-A Nan! Nay người muốn ngược dòng sanh tử, trở về nguồn gốc của lưu chuyển, đến chỗ chẳng sanh diệt, thì nên xét kỹ sự thọ dụng của lục căn này, cái nào hợp, cái nào lìa; cái nào sâu, cái nào cạn; cái nào viên thông, cái nào chẳng viên thông.

Nếu người ngay nơi những căn này ngộ được căn nào viên thông, nương theo căn viên thông đó mà xoay ngược dòng nghiệp hư vọng từ vô thủy thì so với các căn khác, hiệu quả gấp nhiều lần, một ngày bằng một kiếp.

- Nay ta đã hiển bày một số công đức của lục căn như vậy, tùy người lựa chọn căn nào dễ nhập, thì ta sẽ phát minh, khiến người được thêm tinh tấn. Mười phương Như Lai nơi thập bát giới, mỗi người mỗi chọn một giới theo đó mà tu hành, đều được Vô thượng Bồ Đề, trong đó vốn chẳng hơn kém.

Vì người nay còn thấp kém, chưa thể phát huy trí huệ tự tại, nên ta khai thị căn viên thông, khiến người từ một cửa đi vào. Vào sâu một cửa đến chỗ chẳng vọng, thì tất cả lục căn đều nhất thời trong sạch.

-Bạch Thế Tôn, tại sao ngược dòng sanh tử đi sâu vào một căn, có thể khiến lục căn đều nhất thời trong sạch?

Phật bảo A Nan:

-Nay người đã được quả Tu Đà Hoàn, diệt được kiến hoặc của chúng sanh ba cõi trên thế gian, nhưng còn chưa biết những tập khí hư vọng đã tích chứa trong căn từ vô thủy, tập khí ấy phải nhờ tu đạo mới được dứt trừ. Khi đã dứt trừ, tức là đến bậc vô học, chẳng những biết được quá trình đời đời của sanh, trụ, di, diệt nơi một chúng sanh, mà còn biết được những hành tướng vi tế, niệm niệm đời đời của tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới.

-Nay người hãy xét lục căn này là nhất hay lục? A Nan, nếu cho là nhất, thì tại sao chẳng thấy, mắt sao chẳng nghe, đầu sao chẳng đi, chân sao chẳng nói? Nếu cho là lục, như ta ở trong hội vì người chỉ dạy pháp môn nhiệm mầu, vậy lục căn của người căn nào lãnh thọ?

A Nan đáp:

-Con dùng tai nghe.

Phật nói:

-Tai người tự nghe, có liên quan gì đến thân miệng, mà miệng thì hỏi đạo, thân tỏ cung kính? Vậy biết phi nhất thành lục, phi lục thành nhất; kỳ thật căn người chẳng phải vốn nhất vốn lục. A Nan nên biết cái căn phi nhất phi lục này, vì vọng chấp điên đảo, chìm nổi từ vô thủy, nên ở nơi bản tánh viên thông, sanh ra cái nghĩa nhất lục.

Người là bậc Tu Đà Hoàn, dù được tiêu lục, nhưng chưa diệt nhất, ví như hư không đặt vào nhiều khuôn hình, do khuôn hình khác nhau nên nói hư không có khác, nếu trừ bỏ khuôn hình, xem lại hư không thì nói hư không là một, hư không làm sao lại vì người mà thành đồng hay dị, hướng chi còn gọi là một hay chẳng phải một! Vậy biết, sự thọ dụng của lục căn cũng như vậy.

Lược giải:

A Nan nghi: Sao một căn sâu vào có thể khiến lục căn đều nhất thời trong sạch?

Phật giải thích rằng: Giả sử lục căn vốn một, vốn tự trong sạch, thì chẳng cần nói chi "lục tặc", giả sử lục căn vốn lục, chẳng hề dụng nhau, làm sao có thể nhất thời trong sạch?

Như hư không vốn chẳng khác biệt, do đặt nhiều khuôn hình thành có khác biệt; vì khuôn hình khác biệt, bèn cho hư không cũng khác biệt, nên nói sáu

chẳng phải một, nếu trừ bỏ khuôn hình, xem lại hư không, thì nói hư không là một, tức là sáu tiêu một còn, đây là dụ cho sanh ra nghĩa nhất lục.

Thật ra, hư không và khuôn hình chẳng thể hòa hợp, tất nhiên chẳng có đồng dị, đã chẳng đồng dị thì có chỗ nào để gán cái tên nhất lục u? Đây là dụ cho vốn chẳng nhất lục. Thấy được chỗ vốn chẳng nhất lục, thì tánh viên thông thường tịch hiện tiền, đâu còn chỗ nào chẳng trong sạch!

Tu Đà Hoàn gọi là "nhập lưu", mà chẳng có sở nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tức là lục tiêu, nhưng còn chấp thật có Niết Bàn, nên chưa diệt nhất. Kỳ thật, Nhất từ đâu đến, Không từ đâu khởi? Chỗ này cần phải tham cứu đến tự ngộ mới được rõ.

Giải giảng:

A Nan đại diện đương cơ trong kinh Lăng Nghiêm, thay mặt cho đại chúng để hỏi Phật. Phật giải thích cho A Nan nghe, tức là nói cho tất cả đại chúng, cho đến chúng sanh đời sau.

Bát Nhã Tâm Kinh phủ nhận lục căn, tự tâm của mình vốn trong sạch. Như hư không chẳng cần biết, là có từ vô thị đến nay. Trung Quán Luận nói: “Vi có nghĩa không, nên các pháp mới thành tự”, tất cả dùng đều phải nhờ cái không, hư không chẳng làm nhưng hiển bày tất cả cái dùng.

Hiển bày tất cả cái dùng thì đâu cần lục căn. Ở Trung Quốc có người con gái dùng lỗ tai thấy được, chứ không phải dùng con mắt. Trương Bảo Thắng không dùng tai mắt thấy, mà dùng ý căn nhìn thấy; không những thấy được, mà lấy cũng được. Ông dùng tâm niệm lấy tiền ngân hàng để cho mọi người xem, rồi trả lại y như cũ, mà ngân hàng không biết. Việc ấy chứng tỏ khỏi cần lục căn.

Bây giờ, mình cần lục căn, tại do tâm chấp. Phật dạy mình tu là phá tâm chấp, khỏi cần lục căn, rồi hiện ra cái dụng lục căn. Như Quán Thế Âm là lục căn hỗ dụng. Đáng lẽ, âm thanh phải dùng tai để nghe, mà lại dùng con mắt để nghe! Tiêu thừa chứng sơ quả Tu Đà Hoàn lìa khỏi lục căn, nhưng họ còn chấp Niết Bàn, nên gọi lục tiêu nhất còn.

A Nan nghi nhất tiêu, làm sao lục cũng tiêu?

Phật giải thích rằng: Giả sử lục căn vốn tự trong sạch là một thì chẳng cần nói chi lục tặc.

Lục căn là lục tặc tự ăn trộm của báu trong nhà, làm cho mình nghèo khổ. Kỳ thật, bản năng tâm mình rất lớn, tất cả đều sẵn có, do lục căn làm chướng ngại cái dụng của bản tâm.

Giả sử lục căn vốn là lục thì không hỗ dụng với nhau, làm sao có thể nhất thời trong sạch? Vì mắt chủ sự thấy, tai chủ sự nghe, 2 việc này tác dụng khác nhau. Như hư không vốn chẳng khác biệt, do đặt nhiều khuôn hình nên có khác biệt.

Phật giải thích vốn không có khác biệt, như đặt khuôn vuông cho là hư không vuông, bỏ khuôn vuông rồi đặt khuôn tròn cho là hư không tròn, có vuông tròn là do khuôn. Nếu nói bỏ hư không vuông hay bỏ hư không tròn là không đúng.

Nói bỏ lục căn là không đúng, bỏ khuôn hình thì hư không chẳng có vuông tròn. Lục căn như khuôn hình, mắt tai khác nhau như vuông tròn. Sự thật chứng tỏ vậy, trừ bỏ khuôn hình thì hư không vốn là một, nếu nói một cũng không có.

Chánh văn:

-Nhãn căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ sáng và tối tỏ bày lẫn nhau, dính bụi thành cái thấy; cái thấy gặp sắc trần, kết sắc trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể con mắt như trái nho tươi. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo sắc trần, tạo đủ thứ nghiệp.

-Nhĩ căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ động và tịnh đối chọi lẫn nhau dính bụi thành cái nghe, cái nghe gặp thanh trần, cuốn thanh trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại gọi là bản thể lỗ tai như lá cây cuốn. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo thanh trần tạo đủ thứ nghiệp.

-Tỷ căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ thông và nghẽn phát hiện lẫn nhau, dính bụi thành cái ngửi, cái ngửi gặp hương trần, thu nạp hương trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể cái mũi như hai móng tay rũ xuống. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo hương trần, tạo đủ thứ nghiệp.

-Thiệt căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ lạt và vị xen lộn lẫn nhau, dính bụi thành cái nếm, cái nếm gặp vị trần, thu hút vị trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể cái lưỡi như trắng lưỡi liềm. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo vị trần, tạo đủ thứ nghiệp.

-Thân căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ ly và hợp xoa nhau, dính bụi thành xúc giác, xúc giác gặp xúc trần, nắm xúc trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể cái thân như dáng trống cơm. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo xúc trần, tạo đủ thứ nghiệp.

-Ý căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ sanh và diệt tương tục lẫn nhau, dính bụi thành cái biết; cái biết gặp pháp trần, ôm pháp trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là cái ý suy tư như sự thấy trong phòng tối. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo pháp trần tạo đủ thứ nghiệp.

-A Nan! Lục căn như thế, do giác minh kia có năng minh để minh cái giác, thì đánh mất cái tinh minh liễu triệt ấy (tự tánh), thành ra dính mắc nơi hư vọng, rồi phát ra ánh sáng (cái ánh sáng do hư vọng phát ra, thì sáng chẳng phải sáng thật). Cho nên người hôm nay, lia tối lia sáng thì chẳng có cái thấy; lia động lia tịnh thì vốn chẳng cái nghe; không thông không nghẽn thì cái tánh ngữ chẳng sanh; không vị không lạt thì sự nếm chẳng ra; bất ly bất hợp thì xúc giác vốn chẳng có; không sanh không diệt thì sự liễu tri đặt ở chỗ nào?

-Người chỉ cần chẳng duyên theo sự động tịnh, hợp ly, vị lạt, thông nghẽn, sanh diệt, sáng tối, mười hai tướng hữu vi này, tùy tiện nhổ ra một căn, thoát khỏi sự dính mắc, trở về bản tánh chân thật, hiện ra sự chiếu soi của tự tánh. Tánh chiếu soi phát ra ánh sáng, thì sự dính mắc của ngũ căn kia liền cùng được giải thoát và tri kiến khởi lên, chẳng do cảnh trần. Chiếu soi chẳng duyên theo lục căn, mà nhờ lục căn phát ra ánh sáng, do đó, sự dụng của lục căn dung thông lẫn nhau.

Lược giải:

Bản tánh diệu viên trong lặng, gặp sắc trần thì thành cái thấy, gặp thanh trần thì thành cái nghe, v.v... Nên gọi là diệu viên. Nước trong lặng vốn chẳng dính mắc, do bụi trần lọt vào thành có dính mắc. Tánh của địa, thủy, hỏa, phong vốn đều không tịch, nên gọi là thanh tịnh tứ đại, gốc căn ẩn bên trong, trần phù bên ngoài, nên gọi là phù căn, tướng của địa, thủy, hỏa, phong vốn đều lay động, nên gọi là tứ trần.

Nếu như sự thấy trong phòng tối thì đâu thể có phù căn tứ trần? Vì tánh "không" lia bản giác thành ám muội, cái ám muội này kết với tối đen thành sắc trần; tối đen và sắc trần xen lộn với vọng tưởng, lay động bên trong thành có đen tối để thấy, cũng có thể gọi là phù căn tứ trần vậy, nên nói như sự thấy trong phòng tối.

Thanh tịnh tứ đại là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của thắng-nghĩa-căn, hai chữ Thắng Nghĩa là để hiển bày cái nghĩa lý siêu việt hơn nghĩa lý thông thường. Vì hay chiếu soi cảnh trần, phát ra cái thức phân biệt, cũng gọi là tịnh-sắc-căn (gốc căn chẳng có hình sắc để đối với mắt, nên gọi tịnh-sắc-căn). Phù căn tứ trần là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của phù-trần-căn, vì hay lưu chuyển theo cảnh trần, tạo đủ thứ nghiệp vậy.

Giải thích:

Phật giải thích lục căn tiếp xúc lục trần đều là hư vọng. Trần là bụi có thấy sắc gì cũng là bụi. Cho nên kinh này nói: “Mắt thấy sắc là cái bệnh từ vô thì”. Tai nghe tiếng động tịnh cũng là bụi, gọi là thanh trần. Mũi ngửi thom thúì gọi là hương trần, cũng là bụi.

Dính bụi thì không trong sạch, tứ đại vốn trong sạch; nhưng mình thấy sắc, chấp cho là thật nên phải dính bụi. 5 căn kia cũng vậy.

Bản tánh diệu viên trong lặng (viên là tròn bao gồm hết, trong lặng như nước trong lặng) gặp sắc trần thành cái thấy, gặp thanh trần thành cái nghe. Nếu không gặp sắc trần, thanh trần thì không thấy nghe; không thấy nghe, không phải chết mất. Bản tánh vốn thanh tịnh trong sạch, mà cái thấy nghe là dụng của tâm. Nhưng dụng ấy là vọng do bệnh chấp, vốn diệu viên bất khả tư nghì.

Nước trong lặng vốn chẳng dính mắc (trong lặng thí dụ cho nước, tâm mình như nước trong lặng), do bụi trần lọt vào, thành có dính mắc.

Như lục căn (tâm mình) vốn trong sạch, tại có lục trần lọt vào, thành bị lục trần dính mắc; như thấy sắc thì ham đẹp chê xấu, nghe tiếng thì thích khen ghét chê là do tâm chấp trước phân biệt, thành có dính mắc.

Tánh của địa, thủy, hỏa, phong vốn là không tịch; không tịch gọi là thanh tịnh tứ đại. Gốc căn ẩn bên trong, trần lộ bên ngoài gọi là phù căn. Tướng của địa, thủy, hỏa, phong vốn đều lay động, gọi là tứ trần.

Con mắt, lỗ tai đều là phù trần căn; con mắt giống như trái nho tươi, lỗ tai như lá cây cuộn, lỗ mũi như hai ngón tay rũ xuống. Đó là hình dung tứ trần, tứ là tứ đại. Thân do tứ đại tổ chức thành, nhưng 5 căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) nổi bên ngoài thấy được. Còn ý căn gọi là tịnh sắc căn, tịnh sắc là không có vật tượng nổi bên ngoài để thấy; nhưng có sự hiểu biết, mà không có cái sắc khắp hư không.

Nếu sự thấy trong phòng tối thì đâu có phù căn tứ trần!

Trong phòng tối không thấy đồ vật trong phòng, đồ vật trước mắt gọi là tiền trần. Tiền trần là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân tiếp xúc trước mắt là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Còn ý căn là đối với pháp trần không có giới hạn. Như thân ở đây tưởng nhớ bà con ở Việt Nam, cái ấy thuộc hiểu biết của ý căn. Sự thấy trong phòng tối như không thấy mà biết.

Thanh tịnh tứ đại là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của thắng nghĩa căn. Siêu việt nghĩa thông thường gọi là thắng nghĩa. Vì hay chiếu soi cảnh trần, phát ra thức phân biệt cũng gọi là tịnh sắc căn.

Gốc căn chẳng có hình sắc để đối với mắt, nên gọi là tịnh sắc căn. Phù trần căn có hình sắc để đối. Mặc dầu, nhĩ căn không có hình sắc, nhưng có âm thanh động tịnh để đối. Còn ý căn thì không có.

Phù căn tứ trần là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa phù trần căn, vì hay lưu chuyển theo cảnh trần, tạo đủ thứ nghiệp. Tại sao hay lưu chuyển theo cảnh trần? Như cảnh đẹp thì thích, cảnh xấu thì chướng ưa; tiếng khen thì vui, tiếng chê thì buồn; đều đuổi theo cảnh trần, cho nên tạo ra đủ nghiệp.

Trong giới luật nhà Phật, đồng thời một giới; vì tham mà phạm giới thì tội nhẹ, vì sân mà phạm giới thì tội nặng. Tại sao? Tại sân khó trị, tham dễ trị.

Hỏi:

Thế nào là đệ nhất nghĩa và thắng nghĩa?

Đáp:

Đệ nhất nghĩa khác với thắng nghĩa, thắng nghĩa là hơn cái nghĩa thông thường còn trong số lượng. Đệ nhất nghĩa thì không thể nói, là tự tánh không có nghĩa lý. Có nghĩa lý thì có số lượng là vọng, tự tánh không có số lượng.

Hỏi:

Chánh tư duy là gì?

Đáp:

Chánh tư duy là chấp cái chánh 37 phẩm trợ đạo trong Bát Chánh Đạo của Tiểu thừa. Lục Tổ nói: “Hữu niệm niệm là tà, vô niệm niệm là chánh và tà chánh đều quét sạch, trong sạch không còn gì”. Nếu còn giữ cái chánh thì đạo còn cách xa, cũng gọi vô tâm còn cách muôn trùng quan.

Tiểu thừa cho chánh tư duy là tốt, nhưng Đại thừa và Tối thượng thừa thì tư duy không được; phải ngưng tư duy, luôn cả tư duy cũng quét sạch. Tà chánh đều phải quét sạch, **không có tà chánh để đối đãi. Ấy mới là bản tánh của tâm mình.**

Hỏi:

Ý nghĩa văn, tư, tu của kinh này?

Đáp:

Văn, tư, tu này quét sạch tất cả đối đãi. Bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu. Nhập lưu là chẳng chạy theo lục trần mà quên sở nghe, sở nhập đã tịch, tức là không có sở thì 2 tướng động tịnh chẳng sanh (động tịnh là đối đãi). Âm thanh thì đối với nhĩ căn, đã dứt sở nghe thì không có âm thanh, động tịnh đều là sở nghe. Nếu tịnh không phải sở nghe làm sao biết là tịnh? Cho nên, sở nghe đã dứt thì 2 tướng động tịnh không sanh khởi.

Như thế dần dần tiến thêm thì năng nghe và sở nghe đều hết, sự hết năng sở nghe này chẳng trụ, còn biết chẳng trụ thì còn năng giác và sở giác (biết là giác), nên phải không chẳng trụ (không năng giác sở giác, vì năng giác và sở giác là đối đãi) thì sự không giác ấy mới cực viên. Nhưng không được trụ nơi không, năng giác sở giác được không, đến cùng tốt là nhập vào chỗ không.

Nhập vào chỗ không thì còn trụ nơi không, nên năng không sở không còn phải dẹp. Năng sở của không đã dẹp, thì tất cả sự sanh và diệt đều hết. Lúc ấy, sanh diệt đã diệt thì tịch diệt hiện tiền là Niết Bàn. Thành linh siêu việt thể gian và xuất thể gian, đến đây khắp 10 phương pháp giới đều sáng tỏ, được 2 thứ thù thắng tròn đầy sáng tỏ.

Tất cả tương đối từ lớp từ lớp, ban đầu năng nghe sở nghe, rồi hết năng nghe sở nghe thì đến năng giác sở giác; năng giác sở giác hết rồi, có năng không sở không.

Hỏi:

Tổ Sư thiền không cần văn, tư, chỉ cần tu phải không?

Đáp:

Cần hay không cần là đối đãi. Nghe cứ nghe, thấy cứ thấy, nhưng không chấp thấy nghe. Thấy nghe là pháp thể lưu bố tướng, mình đừng sanh ra trước tướng thì thấy cứ thấy, đâu phải mù! Nghe cứ nghe, đâu phải điếc!

Cho nên, chánh pháp không phá hoại pháp thể gian. Pháp thể gian vẫn y như cũ, chứ đừng thêm bớt. Thêm bớt là vọng thì phá hoại pháp thể gian, pháp thể gian cũng là dụng của tâm vậy. Vì chấp mới có tranh cãi biện luận, Phật không cho biện luận, tranh cãi. Tự tánh rất vi diệu, mà vi diệu thì khỏi làm.

Năm kia tôi đi Canada gặp một giáo sư đại học dạy tâm lý học, chuyên tâm lý thầy trò. Thầy làm sao đối với học trò, học trò làm sao đối với thầy, dùng tâm lý trạng thái gì? Tôi hỏi y, y nói tùm lum, nói mấy cái chi tiết, nói suôn một danh từ cũng không biết được.

Tôi nói: Làm thầy giảng bài cho học trò nghe, có thái độ gì cho đúng? Y nói không được, tôi nói phải dùng thái độ khách quan mới được. Nếu thầy đó dùng thái độ chủ quan thì không được, không được lấy ý mình dạy học trò.

Khách quan giống như vô sở trụ của Phật, nhưng chưa tới vô trụ mà hơn chủ quan. Nghe tôi nói y rất phục và nói không nghe những danh từ này. Tôi nói tôi chỉ học hết tiểu học thôi, bây giờ tôi dạy giáo sư đại học.

Chánh văn:

A Nan bạch Phật rằng:

-Nhu lời Phật dạy, nếu muốn cầu được quả thường trụ, thì chỗ phát tâm của nhân địa và quả địa phải cân xứng với nhau. Thế Tôn, trong quả vị Như Lai, bảy thứ: Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật tánh, Am Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, tên gọi dù khác, nhưng thể tánh trong sạch viên mãn kiên cố như Kim Cang Vương, thường trụ chẳng hoại.

-Nếu cái thấy nghe này là những tướng sáng tối, động tịnh, thông nghẽn vốn chẳng tự thể; cũng như tâm niệm là nơi tiền trần vốn chẳng có gì cả, thì tại

sao lại có thể đem sự đoạn diệt này làm nhân tu, mà mong cầu bảy quả thường trụ của Như Lai.

-Thế Tôn, nếu lia sáng tối thì cái thấy thành không có; nếu chẳng có tiền trần thì tâm niệm tịch diệt, nghĩ tới nghĩ lui, suy xét tỉ mỉ, vốn chẳng có cái tâm và tâm sở của con, vậy lấy gì làm nhân để cầu quả Vô Thượng Giác? Như Lai trước kia đã nói tánh giác trạm nhiên thường trụ, vậy lời nói trái với lẽ thường thì chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chơn thật? Xin Phật từ bi khai mở chỗ mê muội của con.

Phật bảo A Nan:

-Người chỉ học rộng nghe nhiều, chưa dứt sạch tập khí phiền não, trong tâm dù biết rõ cái nhân điên đảo, mà điên đảo thật hiện tiền thì chẳng biết, e rằng người còn chưa thiết lòng tín phục, nay ta thử đem những việc trần thế để phá trừ cái nghi của người.

Tức thời, Như Lai bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông, hỏi A Nan:

-Nay người nghe chẵng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

-Có nghe!

Khi tiếng chuông dứt rồi, Phật lại hỏi:

-Các người nghe chẵng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

-Chẵng nghe!

Khi đó La Hầu La lại đánh thêm một tiếng, Phật lại hỏi:

-Các người nghe chẵng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

-Có nghe!

Phật hỏi A Nan:

-Người cho thế nào là có nghe, thế nào là chẳng nghe?

A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng:

-Khi tiếng chuông đánh lên thì chúng con được nghe. Khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt thì chẳng nghe.

Như Lai lại bảo La Hầu La đánh chuông, rồi hỏi A Nan:

-Nay có tiếng chắng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

-Có tiếng.

Ít lâu tiếng ngưng, Phật lại hỏi:

-Nay có tiếng chắng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

-Không tiếng.

Lát sau, La Hầu La lại đánh một tiếng chuông. Phật lại hỏi:

-Nay có tiếng chắng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

-Có tiếng.

Phật hỏi A Nan:

-Người cho thế nào là có tiếng, thế nào là chẳng có tiếng?

A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng:

-Khi tiếng chuông đánh lên thì gọi là có tiếng, khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt, thì gọi là chẳng có tiếng.

Phật bảo A Nan và đại chúng:

-Lời nói các người sao tự càn loạn với nhau!

Đại chúng và A Nan đồng thời bạch Phật:

-Sao gọi chúng con là càn loạn?

Phật nói:

-Ta hỏi về nghe thì các người nói nghe, ta hỏi về tiếng thì người nói tiếng, cái nghe và tiếng trả lời chẳng định như thế, không phải càn loạn là gì?

-A Nan! Tiếng dứt chẳng âm vang thì người nói là chẳng nghe, nếu thật chẳng nghe thì tánh nghe phải diệt, đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên, thì người làm sao biết được? Biết có biết không ấy là thanh trần, hoặc có hoặc không đâu phải tánh nghe vì người mà thành có thành không? Nếu tánh nghe thật không thì ai biết không nghe?

-A Nan! Thanh trần ở trong tánh nghe tự có sanh diệt, chẳng phải tánh nghe của người theo thanh trần sanh diệt khiến tánh nghe thành có thành không. Người còn điên đảo nhận lầm thanh trần là tánh nghe, lạ gì chẳng mê muội cho Thường là Đoạn?

-Tóm lại, chẳng nên cho rằng lia các tướng động, tịnh, thông, nghẽn, nói chẳng có tánh nghe.

Như người đang ngủ mê trên giường, trong nhà có người giã gạo, người ấy trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo, tưởng thành tiếng khác, hoặc cho là tiếng trống, hoặc cho là tiếng chuông, trong chiêm bao liền lấy làm lạ, sao tiếng chuông lại như tiếng cây đập vào đá, khi chợt tỉnh dậy nghe tiếng chày, bảo với người nhà rằng, trong lúc chiêm bao đã làm tiếng chày cho là tiếng trống.

A Nan, người đó trong chiêm bao đâu nhớ những sự động, tịnh, thông, nghẽn. Thân hình dù ngủ, nhưng tánh nghe chẳng mất, vậy dầu cho hình tướng tiêu tan, thân mạng đời đời, làm sao tánh nghe này lại vì người mà tiêu diệt.

-Do các chúng sanh từ vô thủy, nương theo sắc thanh, đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, chưa từng khai ngộ bản tánh trong sạch thường trụ, chẳng theo tánh chơn thường, lại đuổi theo sanh diệt, do đó đời đời bị xoay vần trong vòng tạp nhiễm.

-Nếu bỏ sanh diệt, giữ tánh chơn thường, thì ánh sáng của Chơn Thường tự hiện, căn, trần, tâm thức, ngay đó liền tiêu; tướng vọng tưởng là trần, tánh phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, thì pháp nhãn của người liền được trong suốt, làm sao lại chẳng thành Vô Thượng Tri Giác?

Giảng giải:

Âm thanh là sanh diệt, tánh nghe thì không có sanh diệt.

-A Nan! Người há chẳng biết hiện trong hội này, A Na Luật Đà chẳng mắt mà thấy (Trương Bảo Thắng dùng ý căn cũng thấy được), rồng Bạt Nan Đà chẳng tai mà nghe; thần Nữ Căng Già chẳng mũi mà ngửi hương; Kiều Phạm Bát Đề lưỡi trâu mà biết vị; thần Thuấn Nhã Đa bản chất là gió, vốn chẳng tự thể, do ánh sáng tự tánh, tạm hiện hình bóng, nên chẳng có thân mà biết xúc; các hàng Thanh Văn được diệt tận định trong hội này, như Ma Ha Ca Diếp ý căn đã diệt từ lâu mà vẫn rõ biết khắp nơi, chẳng do tâm niệm.

Trương Bảo Thắng làm được, Y dùng ý căn để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả đều do tâm tạo”. Tâm mình tạo cũng được nhưng lâu, kiếp này tạo kiếp sau có. Như trong kinh, Phật đưa ra 6 người khỏi dùng 6 căn mà biết 6 trần. Chứng tỏ năng lực của tâm mình siêu việt tất cả. Tất cả vũ trụ vạn vật sanh diệt biến đổi thành tựu đều ở trong tâm mình, tất cả chúng sanh cũng có năng lực đó.

Tuy Phật đề ra 6 người để chứng tỏ, nhưng những cái đó mình cũng làm được. Tại sao mình làm không được? Tại do vọng tưởng che khuất. Dân Mỹ gồm 2, 3 trăm triệu, mỗi người đều có thể an sinh xã hội.

Lấy bộ ghi nhớ của bộ óc chế tạo ra cái máy ghi nhớ mấy trăm triệu người không bao giờ lộn.

Chính người tạo ra cái máy hay quên. Tại sao? Vì người đó suy nghĩ, còn cái máy không có bộ phận suy nghĩ. Chính cái suy nghĩ làm cho quên, làm cho mình nhớ lộn. Cái suy nghĩ đó, trong kinh gọi là vọng tưởng. Tham thiền là ngưng suy nghĩ, cho năng lực trong tâm hiện ra khắp không gian thời gian, làm gì cũng được.

-A Nan! Nếu các căn của người đều được giải thoát thì dụng của tự tánh tự hiện, như trong lặng mà phát ra ánh sáng, vậy phù trần và các tướng biến hóa trong thế gian đều tiêu, như nước sôi làm tan băng, ngay liền hóa thành vô thượng tri giác.

Mình sẵn có vô thượng tri giác, tại mình không tin; không phải tri giác bộ óc, tri giác bộ óc là vọng. Còn tri giác Phật tánh (chân tâm) gọi là vô thượng, không có cái nào cao nữa. Tham thiền là phát hiện tri giác của mình, để đem ra dùng.

Muốn vô thượng tri giác hiện ra thì trần lao phiền não phải tiêu hết, cái dụng mới hiện ra được, tức là tập khí hết sạch. Nếu dứt được một phần tập khí thì cái dụng hiện ra một phần. Những người tham thiền cũng có hiện một phần nào, như Trương Quốc Anh, cô Hằng Thiên, Trương Bảo Thắng,...

Mặc dầu, mình chưa hiện ra, nhưng dụng vẫn có đầy đủ. Nếu lục căn và lục trần tiêu hết thì giác tánh thành diệu viên, tức tròn đầy đủ, gọi là vô thượng tri giác.

-A Nan! Bạch Phật rằng:

Như lời Phật dạy, nếu muốn cầu được thường trụ thì chỗ phát tâm của nhân địa và quả địa phải cân xứng với nhau. Thế Tôn, trong quả vị của Như Lai, bảy thứ: Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như Phật tánh, Am Ma La Thức (bản thức là chưa có nổi niệm nào), Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, tên gọi dù khác, nhưng thể tánh trong sạch viên mãn, kiên cố như kim cương thường trụ chẳng hoại.

Tuy nói 7 thứ, tên gọi dù có khác, nhưng bản thể không có khác. Như nhiều cây đèn khác nhau, nhưng ánh sáng thì không khác. Tâm của mình cũng vậy, mặc dầu, nhiều chúng sanh khác nhau, nhưng Phật tánh không khác.

-Nếu cái thấy nghe này là tướng sáng tối, động tịnh, thông nghẽn vốn chẳng tự thể; như tâm niệm là nơi tiền trần vốn chẳng có gì cả, thì tại sao lại có thể đem sự đoạn diệt này làm nhân tu, mà mong cầu 7 quả thường trụ của Như Lai?

Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật tánh,... là 7 quả thường trụ không bao giờ hoại. Còn sự thấy nghe này, thấy phải nhờ sáng tối, nghe phải nhờ động tịnh, ngửi phải nhờ thông nghẽn. Nếu không động tịnh, thông nghẽn thì nghe và ngửi không có. Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật tánh vốn không có, nhưng các thứ ấy vẫn tồn tại mãi. Lấy nhân sanh diệt để cầu quả thường trụ thì nhân với quả không hợp, vậy làm sao được?

Phật nói: “Muốn cầu quả thường trụ thì phải làm nhân thường trụ”. Như nhân vô vi thì được quả vô vi, nếu nhân hữu vi thì được quả hữu vi. Dùng nhân sanh diệt để cầu cái quả thường trụ, làm sao được? A Nan có cái nghi này hỏi Phật:

Thế Tôn! Nếu lia sáng tối thì cái thấy thành không có. Nếu chẳng có tiền trần thì tâm niệm tịch diệt.

Nay tâm niệm hoạt động suy nghĩ. Suy nghĩ cái gì? Suy nghĩ tiền trần (sắc, thính, hương, vị, xúc). Mình nổi lên một niệm, không phải là niệm thấy, niệm nghe, niệm ngửi, niệm nếm, niệm xúc. Phải trong đó có một tiền trần, nếu hết tất cả tiền trần thì tâm niệm không có chỗ dựa, làm sao nổi lên được? Đây là nghi của A Nan, cho nên A Nan nói: Lời nói của Phật dù đúng, nhưng làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chân thật? Xin Phật từ bi khai mở chỗ mê muội của con?

Phật bảo A Nan:

-Người chỉ học rộng nghe nhiều, chưa dứt được tập khí phiền não, trong tâm dù biết rõ cái nhân điên đảo, điên đảo hiện tiền mà chẳng biết, e rằng người chưa thật lòng tin phục, nay ta đem những việc trần thế để phá trừ cái nghi của người.

Mặc dầu, A Nan nghe Phật giải thích rất có lý. Nhưng sự thật chưa có tin, nên cầu Phật khai thị thêm. Phật mới dùng chuyện trước mắt để khai thị, nói A Nan chỉ học rộng nghe nhiều, không tu làm sao phát hiện tri giác vô thượng của mình. Lúc đó, Phật dùng phương tiện để phá nghi của A Nan.

Tức thời, Như Lai bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông, hỏi A Nan: Nay người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: Có nghe!

Khi tiếng chuông dứt rồi, Phật lại hỏi:

-Các người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: Chẳng nghe.

-Khi đó La Hầu La lại đánh thêm một tiếng chuông.

Phật lại hỏi: Các người có nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: Có nghe!

Phật hỏi A Nan:

-Người cho thế nào là có nghe, thế nào là chẳng nghe?

A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng:

-Khi tiếng chuông đánh lên thì chúng con được nghe, khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt thì chẳng nghe (trả lời như vậy, theo người thường thì đúng; đánh lên thì nghe, một hồi lâu dứt tiếng không nghe).

Phật lại bảo La Hầu La đánh chuông, rồi hỏi A Nan: Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: Có tiếng.

Ít lâu tiếng ngưng, Phật hỏi: Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: Không tiếng.

Phật nói các người sao trả lời càn loạn bậy bạ vậy?

A Nan và đại chúng hỏi: Tại sao Phật nói chúng con trả lời càn loạn bậy bạ?

Phật nói: Cái nghe và tiếng khác nhau mà! Tôi hỏi tiếng trả lời tiếng. Tôi hỏi nghe thì trả lời nghe. Nếu nói chẳng nghe thì tánh nghe mất rồi. Như tiếng chuông gõ rồi làm sao nghe được? Tức là Phật cho biết, tiếng chuông có sanh diệt, tiếng là âm thanh thuộc về lục trần có sanh diệt. Còn tánh nghe, tánh thấy là cái dụng của tự tánh không sanh diệt, vì bản thể không sanh diệt thì cái dụng cũng không sanh diệt.

Tuy, cái dụng là vọng, nhưng bản thể không sanh diệt. Cho nên tánh nghe không theo chuông mà diệt. Tiếng chuông sanh khởi, nhưng tánh nghe không sanh khởi. Tiếng chuông diệt, nhưng tánh nghe không diệt. Phật dùng tiếng chuông để chứng tỏ cái dụng của tâm này chơn thường không chết mất.

Thân này sau khi chết, thiêu ra tro, chôn thành đất. Còn tánh thấy tánh nghe không chết, vì bản thể khắp không gian thời gian. Khắp thời gian thì không mất, nếu có mất thì không khắp thời gian.

Người thế gian tin thân này sanh diệt, mà cứ bảo vệ thương xót nuôi dưỡng thân này. Còn Phật tánh không màn đến! Cái ấy là chính của mình, tồn tại vĩnh viễn, nhưng lại bỏ rơi không màn đến; rất là mâu thuẫn điên đảo!

Trong này thí dụ: Lúc ngủ mê chiêm bao, tánh nghe vẫn còn. Như nghe tiếng chày tường là tiếng chuông. Mặc dầu tường lùm nhưng cũng do tánh nghe. Chứng tỏ tánh nghe vẫn còn, cho đến thân này chết, nhưng tánh nghe tánh thấy vẫn còn, không chết mất. Cái nào lay động thì biến đổi nên chết mất. Tánh thấy tánh nghe không lay động thì không biến đổi nên không chết mất.

Tham thiền là phát hiện cái của mình tồn tại vĩnh viễn, làm việc gì cũng được. Vì khắp không gian thời gian nên cái dụng cũng vô lượng vô biên. Nhưng tại mình không tin, lại tin bộ óc và thân này. Thân này không đáng tin, vì sau khi chết biến thành tro đất. Cái không thể biến thành tro đất đó lại không tin, mà tin cái sanh diệt biến thành tro đất. Cho nên, Phật nói điên đảo, rất đáng thương xót!

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 5

Chánh văn:

A Nan bạch Phật rằng:

-Như Lai dù đã khai thị nghĩa thứ hai, nhưng con xét những người mở thất kết, nếu chẳng biết cái gốc của thất kết, thì con tin chắc người ấy chẳng bao giờ mở được.

Thế Tôn, con và hàng hữu học Thanh văn trong hội cũng như vậy; chúng con với vô minh cùng sanh cùng diệt từ vô thủy, dù được thiện căn đa văn, mang tiếng là xuất gia, mà sự tu như người sốt rét cách nhật, lúc có lúc không. Xin Phật từ bi thương xót kẻ chìm đắm, khai thị thế nào là cái thất kết của thân tâm hiện hữu này, làm sao được mở, cũng khiến chúng sanh khổ não đời vị lai được ra khỏi luân hồi.

Nói xong, cùng đại chúng năm vóc gieo sát đất, cung kính rơi lệ, mong đợi lời khai thị vô thượng của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và hàng hữu học trong hội, đồng thời làm nhân xuất thế gian, chỉ đường cho tất cả chúng sanh đời vị lai, lấy tay xoa đầu A Nan. Liền đó, sáu thứ rung động khắp mười phương thế giới, vô số Như Lai trong các cõi ấy, mỗi mỗi đều từ đỉnh đầu phóng ra hào quang, đồng thời chiếu đến rừng Kỳ Đà, rọi vào đỉnh đầu Như Lai, cả chúng đều được pháp chưa từng có.

Lúc ấy, A Nan và đại chúng đều nghe mười phương Như Lai đồng thanh bảo A Nan rằng:

-Lành thay, A Nan! Người muốn biết cái Câu Sinh Vô Minh (căn bản vô minh), là gốc thắt kết khiến người lưu chuyển trong vòng sanh tử ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác; người lại muốn biết đạo Vô Thượng Bồ Đề khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác.

A Nan dù được nghe pháp âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật:

-Tại sao khiến con bị sanh tử luân hồi và được tự tại giải thoát, đều là lục căn, chẳng phải vật khác?

Phật bảo A Nan:

-Căn trần cùng gốc, thắt mở chẳng hai, tánh thức hư vọng như hoa đóm trên không. A Nan, do trần phát tri, vì căn kiến tướng; kiến và tướng chẳng có tự tánh, như những cây sậy gác vào nhau, cho nên người nay lập tri kiến thành tri, tức là căn bản của vô minh, nếu đối với tri kiến chẳng chấp là tri kiến, ấy tức là Niết Bàn, trong sạch vô lậu, làm sao trong đó còn có thể dung nạp vật khác.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa trên, bèn nói kệ rằng:

Chơn tánh hữu vi không
Duyên sanh cố như huyễn
Vô vi vô khởi diệt,
Bất thật như không hoa
Ngôn vọng hiện chư chơn,
Vọng chơn đồng nhị vọng,

Do phi chơn phi chơn,
Vân hà kiến sở kiến?
Trung gian vô thật tánh,
Thị cố nhược giao lô,
Kết giải đồng sở nhân,
Thánh phạm vô nhị lộ,
Nhữ quán giao trung tánh,
Không hữu nhị câu phi.
Mê hồi tức vô minh,
Phát minh tiện giải thoát,
Giải kết nhân thứ đệ,
Lục giải nhất diệt vong,
Căn tuyền trạch viên thông,
Nhập lưu thành Chánh Giác,
Đà Na vi tế thức,
Tập khí thành bạo lưu.
Chơn phi chơn khủng mê,
Ngã thường bất khai diễn
Tự tâm thủ tự tâm,
Phi huyễn thành huyễn pháp
Bất thủ vô phi huyễn,
Phi huyễn thượng bất sanh,
Huuyễn pháp vân hà lập?
Thị danh Diệu Liên Hoa,
Kim Cang Vương Bửu Giác
Như huyễn Tam Ma Đề,
Đòn chỉ siêu vô học
Thử A Tỳ Đạt Ma,
Thập phương Bạt Già Phạn,
Nhất lộ Niết Bàn môn.
Dịch nghĩa:
Tánh hữu vi vốn không,
Duyên sanh nên như huyễn
Vô vi không sanh diệt,
Chẳng thật như hoa đóm,
Nói vọng để hiển chơn,
Vọng chơn là hai vọng
Phi chơn phi bất chơn
Làm sao kiến sở kiến?
Trong đó chẳng thật tánh,

Nên như sậy gác nhau.
Thắt, mở đồng một nhân,
Thánh phàm chẳng hai đường,
Người xem tánh gác nhau,
Không, Hữu thấy đều sai.
Mê muội tức vô minh,
Phát minh liền giải thoát.
Mở, thắt theo thứ tự,
Lục mở nhất cũng tiêu
Chọn căn nào viên thông,
Nhập lưu thành Chánh Giác.
Đà Na (thức thứ tám) thức vi tế,
Tập khí như nước dộc.
Sợ chấp Chơn phi chơn,
Nên ta chẳng khai giảng
Tự tâm chấp tự tâm,
Phi huyền thành pháp huyền.
Chẳng chấp chẳng phi huyền
Phi huyền còn chẳng sanh,
Pháp huyền làm sao lập?
Đây gọi Diệu Liên Hoa
Bửu giác như Kim Cang
Tu theo Tam Ma Đề,
Búng tay siêu vô học
Pháp này chẳng gì bằng,
Mười phương chư Như Lai,
Chỉ một cửa Niết Bàn.

Lược giải:

Trước kia, A Nan hỏi Phật những phương tiện đầu tiên về ba thứ Thiên Quán: Sa Ma Tha, Tam Ma và Thiên Na, mà mười phương Như Lai đồng thanh đáp lại A Nan rằng: "Người muốn biết cái Câu Sinh Vô Minh, là gốc thắt kết khiến người lưu chuyên trong vòng sanh tử ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác; người lại muốn biết Đạo Vô Thượng Bồ Đề, khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của người, chứ chẳng phải vật khác".

Cũng như lời thí dụ băng nước kể trên, nước đóng thì thành băng, đâu thể cho lộn vật khác mà thành băng; băng tan thì thành nước, đâu thể cho lộn vật khác mà thành nước.

Lục căn làm mai mối cho giác, tự cướp của báu trong nhà, ấy là lục căn; lục mở nhất tiêu, mau chứng Chánh Giác, cũng là lục căn. Vậy tức vọng tức chơn, tức chơn tức vọng, chỗ này cần phải có diệu ngộ mới được, chữ Diệu này lời nói chẳng thể diễn tả, ắt phải chuyển thức thành trí, khéo hợp với Diệu Tâm sáng tỏ, mới có thể nói là Vô Thượng Bồ Đề.

Bửu Giác như Kim Cang: Tánh Kim Cang hay phá hủy tất cả, Thập Địa đều gọi là Tâm Kim Cang, như phá hủy sơ địa lên nhị địa, phá hủy nhị địa lên tam địa v.v... Nếu Bửu Giác này được hiện ra, chẳng những căn bản vô minh liền tiêu, cả Tri kiến Bồ Tát và Tri Kiến Phật cũng không còn.

Ba thứ Thiền quán Sa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na chỉ cần tự ngộ, hễ ngộ thì liền đến địa vị Phật, nên trong búng ngón tay siêu việt bậc vô học của nhị thừa. Bậc vô học vì còn chấp vô kiến, tức còn lọt vào công dụng, đây chơn tánh hiện tiền, hữu vô đều lìa, một cửa sâu vào, chẳng phải nhờ công dụng, nên gọi là cửa Đốn Ngộ vậy. (Chẳng nhờ công dụng là chẳng phải chẳng cần công phu).

Giảng giải:

A Nan bạch Phật rằng:

-Nhu Lai dù đã khai thị nghĩa thứ hai, nhưng con xét những người mở thất kết, nếu chẳng biết cái gốc của thất kết thì con tin chắc người ấy chẳng bao giờ mở được.

Thất kết tức là cái vô minh phiền não của mình, cũng như bị trói buộc, lấy thất kết để hình dung. Thất kết giải tỏa tức là phiền não hết, nhưng chúng sanh đã chấp chặt thành thất kết thì phải biết nguồn gốc của thất kết mới mở được. Nếu chẳng biết gốc của thất kết thì không bao giờ mở được.

A Nan bạch Phật:

Thế Tôn! Con và hàng hữu học Thanh Văn trong hội cũng như thế, chúng con với vô minh cùng sanh cùng diệt từ vô thủy, dù được thiện căn đa văn (học rộng nghe nhiều). Mang tiếng xuất gia, mà sự tu như người sót rét cách nhật (sốt rét cách một ngày lại nổi lên).

Nói là chơn thì không đúng. Tại sao? Vì chơn và chẳng phải chơn là đối đãi sanh với nhau. Do có chơn nên mới lập ra chẳng phải chơn, tại chẳng phải chơn mới lập ra chơn. Vậy, chẳng phải chơn và cũng chẳng phải bất chơn. Sự thật là vậy, làm sao có năng kiến để thấy sở kiến. Kiến là thấy, có mắt để thấy sở thấy, làm sao có? Nhưng bây giờ thì có, cái có này là vọng. Tại sao nói là vọng? Vì căn với trần đối đãi sanh với nhau, tức là nhân duyên. Nhân duyên mới có, không nhân duyên thì không có. Cho nên, tất cả đều chẳng thật.

Trong đó chẳng thật tánh,
Nên như sậy gát nhau.

Hai cây sậy gát nhau là có, nhưng lia nhau thì không; như con gà lia trứng gà thì không có con gà, trứng gà lia con gà thì không có trứng gà. Cho nên nói như sậy gát nhau.

Thất, mở đồng một nhân,
Thánh, phạm chẳng hai đường.

Phiền não như thất kết, giải thoát phiền não như mở thất kết. Thất và mở không khác đều do lục căn. Thất và mở là lục căn, vì đồng một nhân (lục căn). Thánh phạm cũng vậy, vì có phạm mới có thánh, vì có thánh nên có phạm. Thánh và phạm là tương đối sanh nhau. Như con gà và trứng gà tương đối sanh nhau, lia khỏi thì không có.

Người xem tánh gát nhau,
Không, hữu thấy đều sai.

Vừa rồi nói cây sậy gát nhau, nói tánh gát nhau có, nhưng lia thì không. Cho nên, nói có và nói không đều sai.

Mê muội tức là vô minh,
Phát minh liền giải thoát.

Minh không hiểu nên mê muội, chứng ngộ thì không thấy có vô minh là giải thoát. Như Bát Nhã nói: “Vô vô minh” (không có vô minh). Tại tâm chấp thành có vô minh. Không có tâm chấp thật thì vô minh cũng tiêu. Chấp thật và giải thoát đều do lục căn, chứ không phải vật khác. Cho nên, Phật nói lục căn là lục tặc (6 kẻ ăn trộm), tự trộm gia tài của mình mà không biết, cứ tin lục căn. Mắt muốn xem sắc đẹp, tai thích nghe lời khen ngợi, mũi ham ngửi mùi thơm, lưỡi ưa nếm đồ ngon,... Tất cả đều do lục căn.

Mở, thất theo thứ tự,
Lục mở nhất cũng tiêu.
Chọn căn nào viên thông,
Nhập lưu thành chánh giác.

Tu Đà Hoàn dịch là nhập lưu, tức là lia tục lưu nhập thánh lưu; lia được lục trần, không bị lục trần dính mắc. Còn chấp có lục trần để lia nên nói là sơ quả, còn phải đầu thai con người tới 7 lần, mới được giải thoát sanh tử luân hồi.

Đà na thức vi tế.

Đà na (A đà na) là tiếng Ấn Độ, tức thức thứ 9. Thường thường nói có 8 thức: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là lục thức; Mạt na là thức thứ 7; A lại da là thức thứ 8; Đà na là bản thức. Chưa gắn tên 8 thức kia, gọi là Đà na thức. Thức này rất vi tế khó thấy, cho nên Phật ít giảng thức này, vì giảng ra sợ người ta chấp thật.

Tập khí như nước dốc.

Nước dốc chảy thật nhanh, thấy giống như không chảy. Thời gian của sát na đi qua rất mau, nếu đem 1 sát na chia ra 60 A, 1 A chia ra làm 60 B, 1 B chia ra làm 60 C; thời gian của con số còn đó, nhưng bộ óc không biết được. Vì không lập thành hiện tại, vừa nói ra thì đã qua rất nhiều con số chia ấy rồi. Mình đang sống trong thời gian phân tích vi tế thì không thể dùng lời nói để diễn tả! Chỉ ngộ mới biết được.
(Hết tập một).

Tập Hai

Chánh văn:

A Nan và đại chúng nghe lời dạy vô thượng và bài tụng tinh túy, diệu lý trong suốt của Phật, tâm được sáng tỏ, tán thán pháp chưa từng có. A Nan chấp tay đánh lễ bạch Phật:

-Nay con dù nghe pháp tánh chơn thật, vi diệu trong sạch của Phật, nhưng tâm còn chưa thấu nghĩa "lục mở nhất tiêu" theo thứ tự của mở thất, xin Phật rủ lòng từ bi, thương xót cả hội này và chúng sanh đời vị lai, bố thí pháp âm và rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai từ nơi tòa sư tử, chỉnh áo trong và sửa đại y, dựa vào ghế thất bảo, lấy cái khăn bông của cõi Trời Dạ Ma cúng dường ở trước mặt đại chúng thất một cái kết, rồi hỏi A Nan:

-Đây gọi là gì?

A Nan và đại chúng đều đáp:

-Gọi là thất kết.

Như Lai thất thêm một kết nữa, lại hỏi A Nan:

-Đây gọi là gì?

A Nan và đại chúng lại đáp:

-Đây cũng gọi là thất kết.

Phật tuần tự thất sáu cái kết trên khăn, mỗi khi thất xong một cái, đều lấy cái kết vừa thất hỏi:

-A Nan! Đây gọi là gì?

A Nan và đại chúng cũng tuần tự đáp lại Phật:

-Đây gọi là thất kết.

Phật bảo A Nan:

-Khi ta mới thất cái khăn thì người gọi là thất kết, khăn bông này vốn chỉ có một, tại sao lần thứ hai, lần thứ ba các người cũng gọi là thất kết?

A Nan bạch Phật:

-Khăn này dù chỉ có một theo con nghĩ: Như Lai thất một lần thì được gọi là một cái kết, nếu thất đến trăm lần thì phải gọi là trăm cái kết, huống là khăn này chỉ có sáu kết, không lên đến bảy, cũng không ngưng ở năm, tại sao Như Lai chỉ cho cái đầu tiên được gọi là thất kết, còn cái thứ hai, thứ ba thì chẳng gọi là thất kết?

Phật bảo A Nan:

-Người biết khăn bông này vốn chỉ là một, khi ta thắt sáu lần thì gọi là sáu kết. Người hãy xét kỹ, bản thể của khăn là đồng, do thắt kết mà thành khác. Ý người thế nào? Cái thắt kết đầu tiên thì gọi là kết thứ nhất, như vậy cho đến cái kết thứ sáu, nay ta muốn gọi cái kết thứ sáu thành kết thứ nhất, có được chăng?

-Bạch Thế Tôn! Sáu kết nếu còn thì cái thứ sáu chẳng thể gọi là cái thứ nhất, dầu cho con dùng hết biện tài nhiều kiếp để sáng tỏ nghĩa lý, cũng chẳng thể khiến sáu thắt kết lộn tên được.

Phật nói:

-Đúng thế! Sáu kết chẳng đồng chỉ do một khăn tạo ra, nhưng muốn làm cho sáu kết đảo lộn tên gọi, thì chẳng thể được. Lục căn của người cũng vậy, trong một cuộc đồng, sanh một cuộc khác, người ắt chệ sự khác nhau của sáu kết, mà mong muốn thành đồng một, thì phải làm sao mới được.

A Nan đáp:

-Thắt kết nếu còn thì thị phi mống khởi, trong đó tự sanh phân biệt kết này chẳng phải kết kia, kết kia chẳng phải kết này. Nếu hôm nay Như Lai giải tỏa tất cả, thắt kết chẳng sanh nữa thì không có bỉ thử, nhất còn chẳng có, làm sao thành lục?

Phật bảo:

-Cái nghĩa "Lục mở nhất tiêu" cũng như thế, do tâm người cuồng loạn từ vô thỉ, vọng sanh tri kiến, sanh mãi không thôi, như con mắt ngó lâu mỗi một phát ra cảnh trần, thì có hoa đốm lãng xăng vọng khởi nơi tánh trong lặng, các tướng thế gian như núi sông, đất đai, sanh tử, Niết Bàn v.v... tất cả đều là tướng hoa đốm điên đảo do mỗi một mà phát sanh.

A Nan hỏi:

-Cái mỗi một này cũng như cái thắt kết kia, làm sao mở được?

Như Lai lấy tay cầm khăn đã thắt, kéo riêng mỗi bên trái, rồi hỏi A Nan:

-Thế này có mở được chăng?

-Bạch Thế Tôn! Không ạ. Phật lại lấy tay kéo riêng mỗi bên phải, hỏi A Nan:

-Thế này có mở được chăng?

-Bạch Thế Tôn! Không ạ.

Phật bảo A Nan:

-Nay ta lấy tay kéo mỗi hai bên mà chẳng mở được, vậy người có cách nào để mở chăng?

-Bạch Thế Tôn! Nên mở nơi trung tâm thắt kết thì tan rã ngay.

Phật nói:

-Đúng thế! Đúng thế! Muốn giải tỏa thắt kết thì phải mở nơi trung tâm thắt kết. A Nan, ta thuyết pháp từ nhân duyên ra, chẳng phải lấy tướng thô hòa hợp của thế gian. Như Lai phát minh pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ bản nhân của nó theo sở duyên gì mà ra; cho đến quá trình đời đời của một giọt mưa ở ngoài hằng sa thế giới, trước mắt các thứ tòng thăng, gai cong, cò trắng, quạ đen v.v.. đều rõ nguyên do.

A Nan! Nay tùy người lựa chọn một căn nơi Lục căn, nếu giải tỏa được gốc căn thì tướng trần tự diệt, vọng tưởng liền tiêu, vậy chẳng phải chơn là gì?

-A Nan! Ta lại hỏi người: Cái khăn sáu kết này nếu cùng một lượt mở ra, có được chăng?

-Bạch Thế Tôn! Không ạ! Kết này khi thắt có thứ tự, nay mở cũng phải theo thứ tự. Sáu kết dù đồng thể, nhưng thắt chẳng cùng thời, thì làm sao có thể mở cùng một lượt?

Phật nói:

-Giải tỏa lục căn cũng như vậy, căn này vừa bắt đầu giải tỏa thì được Nhân Ngã Không, nếu tánh Không sáng tỏ, thì Pháp Ngã giải thoát, thành tựu pháp giải thoát xong, cả hai thứ Không đều chẳng sanh, ấy gọi là từ Tam Ma Địa, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn của Bồ Tát.

A Nan và đại chúng nghe Phật khai thị huệ giác viên thông, chẳng còn nghi hoặc, bèn chấp tay đánh lễ, bạch Phật rằng:

-Nay chúng con thân tâm rõ ràng vô ngại, dù đã ngộ cái nghĩa "nhất lục đều tiêu", nhưng còn chưa thấu đạt nguồn gốc của viên thông. Thế Tôn, chúng con bị trôi lăn lẻ loi từ nhiều kiếp, ngờ đâu lại được làm con của Phật, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, nếu nhân cơ hội này mà thành đạo, được mật ngôn của Phật, đồng với bốn ngộ của con, thì mới tự rõ: Nghe và chưa nghe chẳng có sai biệt.

Xin Phật rủ lòng từ bi ban cho bí nghiêm để con được thành tựu lời khai thị cuối cùng của Như Lai. Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, lui về chỗ ẩn mật, mong Phật âm thầm mật thọ.

Lược giải:

Phật khai thị "Huệ giác viên thông" tức "Lục mở nhất tiêu" và đặc Vô Sanh Pháp Nhẫn kể trên, do "Lục mở" nên thân được vô ngại; do "nhất tiêu" nên tâm được vô ngại, dù chưa đến nơi lục căn thanh tịnh, nhưng nhờ nhất thì lục tiêu, lục tiêu thì nhất diệt, đã rõ ràng chẳng còn nghi hoặc, nhưng A Nan còn chưa ngộ nguồn gốc của viên thông ở đâu; căn nào viên thông nhất; dựa theo căn nào sâu vào mới mau chứng được viên thông.

Sự dựa theo căn viên thông, chứng quả viên thông, nơi A Nan thì do đó thành đạo, nơi Như Lai thì là lời khai thị cuối cùng, nên A Nan mong Phật chẳng tiếc bí nghiêm (pháp vi diệu nhiệm màu), mà âm thầm mật thọ. Nếu nói về căn viên thông thì có thể hiển bày, so sánh căn nào viên thông nhất để dựa theo đó vào Tam Ma Địa còn có thể được; nếu muốn ngay đó chứng ngộ thì phải mỗi mỗi tự tu tự chứng, đâu thể nhờ lời nói mà đến được! Lời nói còn chẳng thể đến thì làm sao có thể mật thọ?

Nhưng theo ý của A Nan, mong Phật mật thọ, tức là Phật chẳng dùng lời nói để nói, gọi là mật ngôn; A Nan chẳng dùng cái nghe để nghe, gọi là bốn ngộ, nên nói "được mật ngôn của Phật, tức đồng bốn ngộ của con", có nghe đồng như chưa nghe, thường nghe khi chưa nghe, gọi là chơn nghe, nên lui về chỗ ẩn mật mà mong cầu mật thọ.

Giả sử Phật có thể truyền thọ, A Nan có thể đắc được, thì chẳng phải là bí mật rồi, nếu do đó mà được chứng viên thông thì chẳng phải viên thông rồi. Sự chứng ngộ phải do tự ngộ, đâu thể do người khác ban cho mà được!

Giải thích:

Đoạn này Phật giải thích lục mở nhất tiêu. Phật dùng 1 cái khăn bông thắt 6 cái kết. Đem kết thứ 1 không được làm kết thứ 6, vì mỗi kết khác nhau. Lục căn đều là cái dụng của một tâm. Một tâm như cái khăn bông, lục căn cũng như 6 thắt kết.

Nếu lục căn còn thì không thể cho tai là mắt, không thể cho tai là mũi; nó lộn với nhau không được, mỗi căn có nhiệm vụ riêng của nó. Mỗi căn cũng là dụng của tâm, nhưng đã thành lục căn thì mỗi căn khác nhau. Như 1 cái khăn bông, khi thắt thành 6 cái kết thì mỗi cái kết khác nhau.

Làm sao cho 6 cái kết không khác nhau? A Nan nói: Phải mở hết 6 cái thắt kết thì khôi phục lại cái khăn. Muốn giải tỏa làm sao?

Phật nói: Kéo qua bên này được không?

A Nan trả lời: Không được.

Phật nói: Kéo qua bên kia được không?

A Nan trả lời: Không được.

Phật lại hỏi: Vậy làm sao giải tỏa?

A Nan trả lời: Phải mở ngay trung tâm thắt kết mới giải tỏa được.

Chỗ này, Ngưỡng Sơn thí dụ: Một cái phòng có 6 cửa sổ mở, ở giữa phòng đốt 1 cây đèn. Muốn ánh sáng không lọt ra ngoài thì phải đóng hết 6 cái cửa sổ. Nếu có một cái cửa chưa đóng kín thì ánh sáng sẽ lọt ra. Dùng màn che cửa sổ, không bằng tắt cây đèn là xong, khỏi cần che từng cửa sổ. Ý nghĩa thí dụ này là nhất bả lục tiêu, tức là một căn trở về cội thì lục căn hoàn toàn giải thoát.

Phật khai thị huệ giác viên thông (bản giác của mình sáng suốt gọi là huệ giác. Viên là viên tròn. Thông là không chướng ngại), tức là lục mở nhất tiêu đắc vô sanh pháp nhẫn (trên có nói), do lục mở nên thân được vô ngại, do nhất tiêu nên tâm được vô ngại.

Chúng tỏ ngưng cái tâm thì mấy cái kia tự ngưng. Như Ngưỡng Sơn nói: “Tắt cây đèn khỏi cần che màn”. Cho nên ở đây nói: “Nhất tiêu nên tâm

không chướng ngại”. Tại cho cái tâm là năng sáng thì kiến lập sở sáng, do cái sáng thành lỗi lầm.

Dù chưa đến nơi lục căn thanh tịnh, nhưng nhỏ nhất thì lục tiêu, lục tiêu thì nhất diệt. Nhỏ nhất như tắt cây đèn thì ánh sáng 6 cửa không còn. Vì ánh sáng vốn không có, làm sao lọt ra ngoài! Đã rõ ràng chẳng còn nghi hoặc. Nhưng A Nan chưa ngộ nguồn gốc của viên thông ở đâu? Căn nào viên thông nhất? Dựa theo căn nào sâu vào mới chứng được viên thông?

Có 25 viên thông, chọn căn nào trong lục căn để tu cũng được. Kinh này nói: “Chọn nhĩ căn là thích hợp”, gọi là phản văn văn tự tánh. Mình có tánh nghe, vì có âm thanh nên đặt tên nghe. Phản văn là lia âm thanh, lia âm thanh rồi đặt tên nghe cho ai? Tức là phản văn không còn nghe nữa.

Như tắt cây đèn thì không còn ánh sáng, làm sao có ánh sáng lọt ra ngoài cửa sổ? Theo mặt chữ “phản văn” để giải thích, ấy là hại người. Nhiều Pháp sư nói: “Phản văn là không nghe ở ngoài, mà nghe ở trong”. Nghe trong cũng là nghe vậy! Tức là không nghe động thì nghe tịnh. Nếu không động tịnh thì tánh nghe dựa vào đâu để nghe?

Tại có sáng tối mới có sự thấy, có động tịnh nên có sự nghe. Động tịnh đã không có thì lấy cái gì để mà nghe nữa! Nói phản văn, sự thật không có nghe. Phản văn là nghe tánh nghe, tánh nghe tự nghe, gọi là phản văn. Nhưng tánh nghe khởi cần nghe, vì nó tồn tại vĩnh viễn. Có âm thanh hay không âm thanh, không làm cho tánh nghe sanh diệt. Như có tiếng chuông hay không tiếng chuông thì tánh nghe chẳng bớt chẳng thêm.

Tất cả động tịnh không còn, tánh nghe cũng không mất. Sau có nói tánh nghe là: “Thường nghe khi chưa nghe”. Tánh nghe không nghe nhưng vẫn nghe, tức là dụng tự động không qua tác ý, nên gọi là Bát Nhã. Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi,... mình không có ý dùng, nó mới hiện ra dùng, vì cái dùng cùng khắp thời gian.

Sự dựa theo căn viên thông, chứng quả viên thông, nơi A Nan do đó thành đạo, nơi Như Lai là khai thị cuối cùng, nên A Nan chẳng tiếc bí nghiêm (pháp vi diệu nhiệm mầu), mà âm thầm mật thọ. Nếu nói về căn viên thông thì có thể hiển bày, so sánh căn nào viên thông nhất, để dựa theo đó vào Tam Ma Địa còn có thể được; nếu muốn ngay đó chứng ngộ thì phải mỗi mỗi tự tu tự chứng, đâu thể nhờ lời nói mà đến được! Lời nói còn chẳng đến làm sao có mật thọ? (Bí mật truyền thọ)

Nhưng theo ý của A Nan, mong Phật mật thọ, tức là Phật chẳng dùng lời nói để nói gọi là mật ngôn; A Nan chẳng dùng cái nghe để nghe gọi là bồn ngộ (bồn giác đã sẵn có, tuy mình chưa ngộ, nhưng Phật nói: Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật), nên nói “được mật ngôn của Phật, tức đồng như bồn ngộ của con”.

Phật không dùng lời nói để nói, thì A Nan không dùng cái nghe để nghe. Không có cái nghe để nghe mới gọi là chơn nghe.

Chỗ này nói: “Có nghe đồng như chưa nghe, thường nghe khi chưa nghe”, bản nghe là vậy. Không phải có tiếng mới nghe tiếng, không phải im lặng mới nghe tịnh. Động tịnh đều lia, cũng tức động tức tịnh. Không phải không biết động, không phải không biết tịnh, chỗ này cần phải ngộ mới được.

Có nghe đồng như chưa nghe, thường nghe khi chưa nghe gọi là chơn nghe, nên lui về chỗ ẩn mật mà mong cầu mật thọ.

Giả sử Phật có thể truyền thọ, A Nan có thể đắc được thì chẳng phải là bí mật, nếu do đó mà chứng được viên thông thì chẳng viên thông. Sự chứng ngộ phải do tự ngộ, đâu thể do người khác ban cho mà được!

Bản kiến, bản nghe, bản ngữi đều là biệt danh của tự tánh (Phật tánh, chân tâm), khởi căn qua sự tác ý nên gọi là Bát Nhã, đang dùng nhưng mình không biết. Như tất cả vũ trụ vạn vật đều nhờ hư không để dùng. Nhưng hư không chẳng nói dùng, chẳng nói không dùng; hư không bất động, nhưng hiển bày đủ thứ dùng.

Cái không của tách đang dùng, cái không của nhà cũng đang dùng; cái không chẳng động, chẳng nói dùng và không dùng, nhưng nó đang dùng. Chỗ này khó hiểu, nên phải ngộ mới được. Vì cái dùng nó sẵn sàng, tôi giảng các vị đang nghe đều là cái dùng của tâm. Mỗi mỗi có thân nam thân nữ đều là cái dùng của tâm. Dùng kính hiển vi để nhìn cái bàn, mỗi hạt nguyên tử đang xoay, cũng là cái dùng của tâm.

Lục Tổ nói: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của các ông động”, sức động ở đâu có? Ở tâm. Nếu không có thì sức động từ đâu ra? Vũ trụ nhỏ, vũ trụ lớn xoay như vậy. Tế bào của thân thể mình cũng xoay như vậy, nó cứ xoay hoài; kính hiển vi chỉ thấy hạt nguyên tử, nếu nhìn hạt trung tử, điện tử thì thấy không biết bao nhiêu sự tổ chức thành hạt điện tử. Vì tế thêm vi tế gọi là nhiệm mầu.

Mà sự thật tất cả đều do tâm tạo, cho nên Trương Bảo Thắng đi qua vách tường rất dễ dàng, như không có vách tường vậy. Tôi đang mặc quần, y lấy quần áo của tôi, nhưng tôi không biết. Chúng tỏ tất cả do tâm tạo, tâm tạo thì tất cả vật chất đều không thật.

Nhà khoa học phải có tai mắt tiếp xúc thì họ mới chịu. Phân tích con số thời gian rất nhỏ, họ không biết; sức động của hạt nguyên tử từ đâu ra cũng không biết, cái không biết đó họ cho là tự nhiên.

Nhưng Phật phủ định tự nhiên, nếu tự nhiên khỏi cần nhân duyên. Nhân duyên mà không có nhân đầu tiên thì không thành lập nhân duyên được, nên hai cái Phật đều phủ định. Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm: “Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên”. Nhà khoa học chỉ biết nhân duyên.

Chánh văn:

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo khắp chư Đại Bồ Tát và hàng vô lậu Đại A La Hán trong chúng rằng:

-Các người là hàng Bồ Tát và A La Hán trong pháp ta, đã chứng quả vô học, nay ta hỏi các người: Trong lúc mới phát tâm, nơi thập bát giới, ở giới nào mà ngộ được viên thông, và do phương tiện gì được vào Tam Ma Địa.

Kiều Trần Na trong nhóm năm vị Tỳ Kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật mà bạch rằng:

-Con ở Lộc Uyển và Kê Viên được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, do âm thanh Phật ngộ Tứ Thánh Đế. Khi đó, Phật hỏi các Tỳ Kheo, con là người ngộ giải trước tiên, Như Lai ấn chứng cho con tên là A Nhã Đa (ngộ giải), được diệu âm mật viên. Con do âm thanh mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Âm Thanh là hơn cả.

Ưu Ba Ni Sa Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con cũng được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ các tánh sắc đều là bất tịnh như xác chết, xương cốt thú mục hóa ra vi trần, rồi cuối cùng trở thành hư không. Sắc và Không cả hai vốn chẳng có nên thành đạo vô học.

Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni Sa Đà (tánh không), tướng trần đã sạch, thì diệu sắc mật viên. Con do sắc tướng mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì Sắc Tướng là hơn cả.

Hương Nghiêm Đồng Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Con nghe Như Lai dạy quán các tướng hữu vi, khi về trai đường tĩnh tọa, đang lúc thiền quán, thấy các Tỳ Kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lạng lẽ bay vào lỗ mũi. Con quán mùi hương này phi gỗ phi không, phi khói phi lửa, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, do đó, ý căn tiêu diệt, phát minh vô lậu, Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm, hương trần đã diệt thì diệu hương mật viên. Con do hương nghiêm đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Hương Trần là hơn cả.

Hai vị Pháp Vương Tử Dược Vương và Dược Thượng, cùng với năm trăm Phạm Thiên trong hội, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Chúng con làm lương y nơi thế gian nhiều kiếp từ vô thủy, trong miệng từng nếm những cỏ cây, kim thạch trong cõi Ta Bà này, đến mười vạn tám ngàn thứ, nên biết hết các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay v.v... và sự biến đổi của các vật hòa hợp hay tự sanh, là tánh thuốc nóng hay mát, có độc hay chẳng độc, thủy đều biết cả.

-Từ khi phụng sự Như Lai, rõ biết tánh vị phi không phi hữu, phi tức thân tâm, phi lìa thân tâm, do phân biệt bản nhân của vị trần mà khai ngộ, được Phật ấn chứng cho anh em chúng con cái danh hiệu Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát; nay ở trong hội này, làm Pháp Vương Tử. Chúng con do vị trần mà giác ngộ, lên bậc Bồ Tát, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng con, thì Vị Trần là hơn cả.

Bạt Đà Bà La cùng các bạn mười sáu Đại Sĩ liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Chúng con trước kia ở nơi Phật Oai Âm Vương nghe pháp rồi xuất gia, đến giờ tắm, chúng con theo lệ vào phòng tắm, bỗng ngộ tánh nước đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, vốn vô sở đắc.

Cho đến hôm nay theo Phật xuất gia, vì sự huân tập từ xưa chẳng quên, khiến đắc quả vô học, Như Lai đặt tên con là Bạt Đà Bà La (hiền hộ) do phát minh diệu xúc, thành Pháp Vương Tử, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì Xúc Trần là hơn cả.

Ma Ha Ca Diếp và Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Kiếp xưa, trong cõi này có Phật Nhật Nguyệt Đăng ra đời, con được thân cận nghe pháp tu học, sau khi Phật diệt độ, con thấp đèn liên tục cúng dường Xá Lợi, lại lấy vàng Tử Kim Quang tô thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời đời kiếp kiếp, thân thể thường viên mãn sáng ngời như vàng Tử Kim Quang. Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni này, tức quyến thuộc cùng phát tâm khi xưa của con.

-Con quán thế gian, lục trần đều biến hoại, chỉ y theo Pháp Không Tịch, tu Diệt Tận Định, thì thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như búng ngón tay. Con do quán Pháp Không, đắc quả A La Hán. Thế Tôn khen con tu hạnh đầu đà bậc nhất, diệu pháp sáng tỏ, tiêu diệt phiền não, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Pháp Trần là hơn cả.

A Na Luật Đà liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Lúc con mới xuất gia, thường ham nằm ngủ. Như Lai quả con là loài súc sinh, nghe lời Phật quả, con khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp "Lạc Kiến Chiêu Minh Kim Cang Tam Muội" chẳng nhờ con mắt, xem thấy mười phương rộng suốt như trái cây trong bàn tay; Như Lai ân chứng cho con đắc quả A La Hán. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con, thì Xoay Cái Thấy Trở Về Bản Tánh là hơn cả.

Châu Lợi Bàn Đạc Ca liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Con kém trí nhớ, chẳng thể tụng trì, khi mới gặp Phật, nghe Pháp rồi xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, trong một trăm ngày mà chẳng thuộc lòng, hễ nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước, Phật thương xót con ngu muội, dạy con an cư, tu Sổ Tức Quán.

Con quán hơi thở đến chỗ cùng tột, thấy các hành tướng vi tế dời đổi từng sát na nơi sanh, trụ, dị, diệt, tâm con bỗng ngộ, được đại vô ngại, cho đến phiền não dứt sạch, đắc quả A La Hán, trước pháp tọa của Phật, được ân chứng thành bậc vô học. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con, thì Xoay Hơi Thở Trở Về Tánh Không là hơn cả.

Kiều Phạm Bạt Đề liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Con có khẩu nghiệp khinh rẻ Sa Môn trong kiếp quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai như trâu, Như Lai dạy con pháp môn: "Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa". Con quán tánh biết vị chẳng phải thân thể, chẳng phải ngoại vật, ngay đó được siêu thoát những tập khí thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài lìa bỏ thế giới, xa lìa tam giới như chim sỏ lồng, lìa cấu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, đắc quả A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Xoay Cái Biết Vị Trở Về Tự Tánh là hơn cả.

Tất Lãng Già Bà Ta liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Khi con mới phát tâm theo Phật, thường nghe Như Lai dạy về những việc chẳng vui trong thế gian. Lúc đi khát thực trong thành, đang suy nghĩ pháp môn, bất giác bị gai góc đâm vào chân, cả thân đau đớn con nghĩ: Có cái năng biết mới biết sự đau đớn này; dù biết đau đớn, nhưng bản giác trong sạch, vốn chẳng có năng đau và sở đau. Con lại suy nghĩ: Một thân đau thể có hai giác? (năng giác và sở giác).

Nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng thành không tịch, trong 21 ngày, các tập khí phiền não đều dứt sạch, đắc quả A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Quên Thân Thuần Giác là hơn cả.

Tu Bồ Đề liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Con từ nhiều kiếp đến nay, tâm được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều đời như hàng sa; lúc còn trong thai đã biết tánh Không Tịch, cũng khiến chúng sanh chứng được tánh Không, như thế cho đến mười phương đều thành tánh Không.

Nhờ Như Lai phát minh Giác Tánh Chơn Không, nên tánh Không được sáng tỏ, đắc quả A La Hán, đốn nhập Tánh Không sáng tỏ của Biể Giác, đồng Tri Kiến Phật, được ấn chứng thành bậc vô học, về giải thoát tánh Không, con là bậc nhất, Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì chư tướng phi tướng, cả năng phi và sở phi đều sạch, Xoay Pháp Về Tánh Không là hơn cả.

Xá Lợi Phật liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con từ nhiều kiếp đến nay, Tánh Kiến của bản tâm trong sạch, thọ sanh nhiều đời như hằng sa, đối với các pháp biến hóa của thế gian và xuất thế gian, hề thấy liền thông suốt, được chẳng ngăn ngại.

Con ở giữa đường gặp anh em Ca Diếp Ba thuyết nghĩa nhân duyên, ngộ tâm chẳng bờ bến. Con theo Phật xuất gia, giác ngộ Tánh Kiến sáng tỏ, được đại vô úy, đắc quả A La Hán, do pháp âm của Như Lai hóa sanh, làm trưởng tử của Phật. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Tánh Kiến Của Bản Tâm Sáng Tỏ, Sự Sáng Tỏ Đến Chỗ Cùng Cực, Đồng Tri Kiến Phật là hơn cả.

Phổ Hiền Bồ Tát liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Con đã từng làm Pháp Vương Tử cho hằng sa Như Lai, mười phương Như Lai dạy những đệ tử có căn cơ Bồ Tát, tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó theo con mà lập tên.

Thế Tôn, con dùng Tánh Văn của bản tâm, phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở phương khác, ngoài hằng sa thế giới, mỗi thế giới đều có chúng sanh phát tâm theo hạnh Phổ Hiền, thì liền trong lúc đó con cõi voi sáu ngà, phân thân thành trăm ngàn, đồng thời đến mọi nơi, dẫn cho họ nghiệp chướng còn sâu, chưa thấy được con, con cũng thăm xoa đầu họ, ủng hộ an ủi, khiến cho họ được thành tựu hạnh nguyện. Phật hỏi về viên thông, nơi bản nhân của con thì Tánh Văn của Bản Tâm Sáng Tỏ, Phân Biệt Tự Tại là hơn cả.

Tôn Đà La Nan Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Lúc con mới theo Phật xuất gia, dù giữ đủ giới luật, nhưng với pháp Tam Ma Địa, tâm thường tán loạn, chưa được vô lậu.

Thế Tôn dạy con và Câu Si La quán nơi chót mũi, lúc con mới bắt đầu tu quán này, trải qua 21 ngày, thấy hơi thở ra vào như khói, thân tâm sáng tỏ, chiếu khắp thế giới thành rỗng không, trong sạch như lưu ly; tướng khói dần dần tiêu tan, hơi thở hóa thành màu trắng, tâm được khai ngộ, tập khí dứt sạch, những hơi thở ra vào hóa thành ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, đắc quả A La Hán.

Thế Tôn thọ ký cho con sẽ được Bồ Đề. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Sổ Tức, Tiêu Diệt Hơi Thở, Quán Lô Phát Minh Sáng Tỏ, Dứt Sạch Phiền Não là hơn cả.

Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con từ nhiều kiếp đến nay, được biện tài vô ngại, thuyết pháp Khổ Không, thông đạt thật tướng, như thế cho đến pháp môn bí mật của hằng sa Như Lai, đều vì diêu khai thị cho chúng sanh được sức vô úy.

Thế Tôn biết con có biện tài lớn, dạy con dùng âm thanh giúp Phật chuyển pháp luân, hoằng dương Chánh Pháp. Con do thuyết pháp, đắc quả A La Hán. Thế Tôn ân chứng cho con thuyết pháp bậc nhất. Phật hỏi về viên thông, con do Pháp Âm Hàng Phục Tà Ma Ngoại Đạo, Tiêu Diệt Tập Khí Phiền Nã là hơn cả.

Ưu Ba Ly liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con theo Phật, vượt thành xuất gia. Như Lai sáu năm khổ hạnh, hàng phục tà ma, chế phục ngoại đạo, giải thoát tham dục phiền não của thế gian, tất cả con đều đích thân được thấy. Phật dạy con trì giới, cho đến ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, các Tánh Nghiệp và Giá Nghiệp thấy đều trong sạch, thân tâm tịch diệt, đắc quả A La Hán.

Con là người điều hành kỷ luật trong chúng. Thế Tôn ân chứng cho con tu thân trì giới bậc nhất. Phật hỏi về viên thông, con do Trì Thân, Trì Thân Được Tự Tại, Lăn Đến Trì Tâm, Tâm Được Thông Suốt, Rồi Cả Thân Tâm Đều Thông Triệt là hơn cả.

Đại Mục Kiền Liên liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Trước kia con khát thực giữa đường, gặp ba anh em Ca Diếp Ba là: Ưu Lô Tần Loa, Già Gia, và Na Đề, giảng về nghĩa nhân duyên thâm sâu của Như Lai, con liền phát tâm, được đại thông đạt. Như Lai ban cho con áo cà sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng, con đi khắp mười phương được chẳng ngăn ngại, phát ra thần thông là bậc nhất, đắc quả A La Hán.

Chẳng những Thế Tôn, cả mười phương Như Lai đều khen thần lực con sáng tỏ trong sạch, tự tại vô úy. Phật hỏi về viên thông, con do xoay Ý Thức Lăng Xăng, Trở Về Tịch Lặng, Nên Diêu Tâm Sáng Tỏ, như lắng nước đục lâu thành trong sáng là hơn cả.

Ô Xô Sất Ma chấp tay đánh lễ bạch Phật:

-Con thường nhớ những kiếp xưa, tánh hay tham dục. Lúc ấy có Phật Không Vương ra đời, nói người đa dâm như đồng lửa hồng, dạy con quán khắp hơi lạnh và nóng trong cơ thể, ánh sáng tự tánh lặng đứng nơi trong, hóa tâm đa dâm thành lửa trí huệ, từ đó chư Phật đều gọi con là Hỏa Đầu.

Con nhờ sức "Hỏa Quang Tam Muội", đắc quả A La Hán; trong tâm phát đại nguyện, chư Phật thành đạo, con sẽ làm lực sĩ, uốn dẹp bọn tà ma. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Hơi Ấm Nơi Thân Tâm Lưu Thông Chẳng Ngại, Phiền Nã Dứt Sạch, Sanh Lửa Trí Huệ, Chứng Vô Thượng Giác là hơn cả.

Tri Địa Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con nhớ kiếp xưa, khi Phật Phổ Quang ra đời, con làm Tỳ Kheo, thường hay sửa sang những đoạn đường, bên nước, nơi gập ghềnh, lồi lõm làm cản trở xe cộ, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng chịu cực, trải qua nhiều đời Phật. Hoặc có chúng sanh ở nơi chợ búa cần người mang đồ, con liền mang giúp đến nơi đến chốn mà chẳng lấy tiền.

-Khi Phật Tỳ Xá Phù ra đời, nhằm lúc đói kém, con cũng giúp người, chẳng kể xa gần, chỉ lấy một xu; hoặc có xe trâu bị sa xuống bùn lầy, con dùng thân lực xô kéo, khiến ra khỏi khổ não. Thuở đó, vua thiết trai cúng dường Phật, con bèn sửa đường, chờ Phật đi qua, Tỳ Xá Như Lai xoa đỉnh đầu con và bảo rằng: "Nên bình tam địa, thì tất cả địa trên thế giới đều bình". Con liền khai ngộ, thấu vi trần của thân thể với tất cả vi trần tạo thành thế giới đều chẳng sai biệt; vi trần tự tánh không, nên mỗi mỗi chẳng đụng chạm nhau, cho đến binh lính giao chiến cũng chẳng đụng chạm.

Con do pháp tánh ngộ Vô Sanh Nhẫn, đắc quả A La Hán, hồi tâm hướng Đại Thừa, vào ngôi vị Bồ Tát, nghe chư Phật khai diễn Diệu Pháp Liên Hoa, nhập Tri Kiến Phật, con được chứng minh là bậc thượng thủ. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Thân Thể Và Thế Giới Hai Thứ Vi Trần Chẳng Sai Biệt, Vốn Là Như Lai Tạng, Do Hư Vọng Phát Ra Cảnh Trần; Trần Tiêu thì Trí Hiện, Thành Vô Thượng Đạo là hơn cả.

Nguyệt Quang Đồng Tử liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Thủy Thiên ra đời, dạy chư Bồ Tát tu tập Thủy Quán, vào Tam Ma Địa. Con quán tánh thủy trong thân từ nước

mũi, nước bọt, cho đến các thứ dịch vị, tinh huyết, đại tiểu tiện, lưu chuyển trong thân, đều đồng một tánh thủy, thấy nước trong thân cùng nước các bể Hương Thủy của Liên Hoa Tạng Thế Giới đều chẳng khác.

-Khi con mới tu thành quán này, tuy được thấy nước, chưa được quên thân. Lúc ấy, con là Tỳ Kheo tọa thiền trong phòng, đệ tử con từ cửa sổ nhìn vào, thấy nước trong đầy khắp phòng, nó nhỏ dại không biết, liền lấy một miếng ngói ném vào nước phát ra tiếng, thích thú bỏ đi, khi con xuất định, liền thấy đau tim như Xá Lợi Phất bị quỷ Vi Hại đập.

Con tự nghĩ: Nay con đã đắc quả A La Hán, lìa khỏi bệnh duyên đã lâu, sao bỗng bị đau tim, chẳng lẽ đã bị lui sụt chăng? Lúc bấy giờ, đệ tử đến kể lại việc trên, con mới bảo nó sau này nếu lại thấy nước thì nên mở cửa, vào lấy miếng ngói ra. Đệ tử vâng lời, khi con nhập định, nó lại thấy nước với miếng ngói rõ ràng, liền mở cửa lấy ra, sau đó con xuất định thì thân thể lại được như cũ.

-Con trải qua nhiều đời, gặp vô số Phật, đến đời Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, thì con mới được quên thân. Từ đó, cả thân đều hóa thành nước, cùng với nước các bể Hương Thủy nơi mười phương thế giới đồng một tánh Chơn Không, chẳng hai chẳng khác; nay ở nơi Như Lai, được danh hiệu là Đồng Chơn, dự hội Bồ Tát. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Tánh Nước Một Mực Lưu Thông, Được Vô Sanh Nhẫn, Bồ Đề Viên Mãn là hơn cả.

Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Thanh ra đời, khai thị bản giác diệu minh cho hàng Bồ Tát, dạy quán thế giới và thân chúng sanh đều theo sức gió của vọng duyên xoay chuyển.

-Bấy giờ, con quán sự an lập của không gian, sự động chuyển của thời gian, hành động của thân thể, sự động tịnh của tâm niệm, những cái động ấy đều chẳng hai chẳng khác.

Lúc đó, con liền giác ngộ tánh của những thứ động ấy, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, mười phương vô số diên đảo chúng sanh đều đồng một hư vọng, như vậy cho đến tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới, giống như hàng trăm con muỗi đặng trong bình, vo ve kêu âm, ở nơi nhỏ hẹp phát ra náo loạn.

Con gặp Phật chưa bao lâu, được Vô Sanh Nhẫn, lúc bấy giờ khai ngộ, thấy cõi Phật Đông Phương Bất Động, làm Pháp Vương Tử, phụng sự mười phương Phật, thân tâm phát ra ánh sáng, thấu triệt chẳng ngại. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Sức Gió Chăng Nơi Nương Tựa, Ngộ Tâm Bồ Đề, Vào Tam Ma Địa, Khế Hợp Với Diệu Tâm Của Mười Phương Phật là hơn cả.

Hư Không Tạng Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con cùng Như Lai chứng vô biên thân nơi Phật Định Quang. Lúc ấy, tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng mười phương vô số Phật Sát đều hóa thành hư không, lại ở nơi tự tâm hiện Đại Viên Cảnh, hào quang vi diệu, soi khắp Liên Hoa Tạng Thế Giới và tận mười phương hư không, đều vào trong Viên Cảnh, xen nhập thân con, như xen vào hư không, chẳng ngăn ngại nhau.

Thân con hay vào vô số quốc độ, tùy thuận đại thần lực, rộng làm Phật sự. Con quán tứ đại chẳng nơi nương tựa, vọng tưởng, sanh diệt, với hư không và cõi Phật vốn đồng, do phát minh tánh đồng, đắc Vô Sanh Nhẫn. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Hư Không Vô Biên, Vào Tam Ma Địa, Diệu Lực sáng tỏ là hơn cả.

Di Lạc Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con nhớ vô số kiếp trước, có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời, con dù theo Phật xuất gia, còn ham danh dự thế gian, ưa giao du với các quý tộc.

Lúc ấy, Thế Tôn dạy con tu tập Duy Tâm Thức Định, vào Tam Ma Địa. Từ nhiều kiếp đến nay, dùng Tam Muội này phụng sự hằng sa chư Phật, sự ham cầu danh dự đã dứt sạch. Đến đời Phật Nhiên Đăng, con mới được thành "Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội", ngộ các pháp dơ, sạch, có, không, nơi tất cả cõi Phật, đều do tâm thức biến hiện.

-Thế Tôn! Vì con ngộ Duy Tâm thức như thế, nên từ tánh thức hiện ra vô số Như Lai, nay được thọ ký sẽ thừa kế ngôi Phật ở cõi này. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Mười Phương Duy Thức, Tâm Thức Sáng tỏ, Chứng Nhập Viên Thành Thật, Xa Lìa Tánh Y-Tha-Khởi Và Biến-Kế-Chấp, Đắc Vô Sanh Nhẫn là hơn cả.

Giảng giải:

Ở đây kể 25 vị viên thông, số 25 này gồm có: Lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý), lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), lục thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức) và thất đại (địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức).

Có người dùng nhãn căn, có người dùng nhĩ căn... Tức là dùng lục căn để tu, có người dùng lục trần, có người dùng lục thức, có người dùng tứ đại. Có người dùng không, dùng kiến dùng thức.

-Tát Lăng Già đi dọc đường suy nghĩ, bị gai độc đâm vào chân thấy đau, nên có sự quán. Đau thì phải có năng đau và sở đau, nhưng bản tâm mình không có năng sở. Ai là năng đau? Ai là sở đau? Bản tâm không có năng đau và không có sở đau, thì cái đau là hư vọng. Quán rồi thì nó hết đau, không những hết đau mà do đây chứng quả.

-Di Lạc Bồ Tát sau này hạ sanh thành Phật, tu Duy Thức quán. Duy Thức tức là duy tâm, Phật pháp nói về cái tâm, tất cả do tâm tạo. Như Trương Bảo Thắng tâm tạo ra có liền, gọi là duy thức, duy tâm.

Không tạo gọi là bốn tâm, Phật tánh, Như Lai, Niết Bàn,... theo cái dụng mà lập danh. Bản tâm vốn không danh, không hình tướng, không số lượng, không thể dùng lục căn; nhưng cái dụng thì biết được, dùng lục căn tiếp xúc cái dụng được.

Bây giờ, mình đang nói chuyện là cái dụng của bản tâm, được cái thân này cũng do cái dụng của bản tâm. Tất cả vũ trụ vạn vật đều ở trong bản tâm, nhưng mình không tự biết. Tại bị vọng tưởng chấp thân thể này thành một chỗ, nhưng bản tâm thì cũng khắp hư không, không chỗ nào không có bản tâm.

Cái dùng của mình ở trong hư không này, dùng cái tách, cái nhà cũng ở trong hư không này. Nói Phật hạ sanh là đối với mình mà nói hạ sanh. Đã khắp hư không mà từ đâu hạ sanh? Tại mình chấp một chỗ, chấp thân này thì mới có thân Phật để hạ sanh, để mở cái trời của mình. Tất cả là do mình, chúng sanh nên có Phật hạ sanh. Nếu không có chúng sanh thì không có Phật hạ sanh.

Như hư không là tâm của mình, là tâm của Phật. Ai suy nghĩ ra bằng cái tách thì cái dụng cái tách, tức là cái không của cái tách. Suy nghĩ ra bằng cái nhà thì cái dụng bằng cái nhà cao rộng hơn. Nhưng cái tách là cái không này, căn nhà cũng bằng cái không này; mà cái không đó không nói là cái dụng của ta,

cũng không nói là cái này tôi đang dùng. Cái không chẳng lay động, nhưng đang dùng.

Người ngộ thì khỏi cần dùng vẫn đang dùng, người chưa ngộ lấy thân này mới dùng được. Như đi làm việc cũng lấy cái thân này đi làm việc, không làm việc thì không dùng. Ngộ rồi giải quyết được tất cả, nếu dùng bộ óc đi tìm hiểu, càng tìm hiểu thì càng xa. Tất cả đều do tâm tạo.

-Di Lạc Bồ Tát liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Con nhớ vô số kiếp trước có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời, con dù theo Phật xuất gia, còn ham danh dự thế gian, ưa giao du với các quý tộc.

Lúc ấy, Phật dạy con tu tập Duy Thức định, vào tam ma địa. Từ nhiều kiếp đến nay dùng tam muội này phụng sự hằng sa chư Phật, sự ham cầu danh dự đã dứt sạch. Đến đời Phật Nhiên Đăng, con mới được thành vô thượng diệu viên thức tâm tam muội, ngộ các pháp dơ sạch có không nơi tất cả cõi Phật, đều do tâm thức biến hiện.

Tất cả tương đối, dơ, sạch, có, không... cuộc sống hàng ngày đều ở trong nhất niệm vô minh là phạm vi tương đối. Phạm có nói ra là tương đối, không nói ra cũng là tương đối. Vì nói với nín là tương đối, bất cứ cái gì có lý hay không có lý là tương đối. Cuộc sống của mình đều ở trong phạm vi tương đối. Tới chừng ngộ Duy Thức là bất nhị thì không còn tương đối, lúc đó hiện ra bản thức nên gọi là Duy Thức.

Thế Tôn! Vì con ngộ Duy Tâm Thức như thế, nên tự tánh thức hiện ra vô số Như Lai.

Như Lai cũng do tánh thức mà hiện, tại tánh thức phân biệt cái này là chúng sanh, cái này là Như Lai. Nếu không có tánh thức phân biệt thì chẳng phải chúng sanh cũng chẳng phải Như Lai. Nhưng không phải không có chúng sanh, không có Như Lai. Như chẳng phải không có hư không, tuy không có cái gì để dùng, chứ không phải không có hư không, mà hư không đang dùng.

Chỗ này rất khó nói, nên nói là Duy Tâm Thức; chỗ khác nói không phải tâm không phải thức, cứ nói đi nói lại hoài. Tức là muốn phá tâm chấp của mình, không có tâm chấp thì cái gì cũng y như cũ. Như gọi cái tách thì cứ gọi cái tách, gọi cái nhà thì cứ gọi cái nhà, kêu con trâu thì cứ kêu con trâu, kêu con ngựa thì cứ kêu con ngựa. Đừng thêm ý vô cho thật hay là giả, chơn hay vọng.

Đó là tâm chấp của mình, nếu không có tâm chấp (trước tướng) thì tất cả y như cũ, vốn tự tại tự do. Nói dễ thì thật dễ, nhưng muốn làm được thì khó thật là khó. Tại mình quen với tập khí phiền não. Cho nên, Phật dạy tu là dứt trừ tập khí phiền não, kỳ thật không có cái pháp.

Một ông hỏi nghiệp chướng, trong bản tâm vốn không có cái đó, tức là không có năng đau và không có sở đau. Tâm là năng suy nghĩ, nghiệp chướng là sở suy nghĩ của tâm. Cái sở không phải là năng, tâm đang suy nghĩ không có nghiệp chướng, tại ham suy nghĩ cho nghiệp chướng là của ta, thành ra bị nghiệp chướng trói buộc. Tâm không hình tướng không có số lượng, khó hiểu.

Cho nên, tôi dùng hai chân thí dụ cho tâm: Hai chân là năng đi, con đường gai góc cứt sinh là sở đi của hai chân; hai chân không dính gai góc cứt sinh, vốn sạch sẽ. Tại hai chân ham đi con đường đó, mới bị dính gai góc cứt sinh, rồi cho gai góc cứt sinh là của hai chân. Cái tâm cũng vậy, nếu tâm không suy nghĩ nghiệp chướng, thì không bị nghiệp chướng dính mắc.

Như người bị gai góc đâm chân thấy đau. Bản tâm vốn không có năng đau và sở đau, tại do mình suy nghĩ nên mới có. Cho nên, gọi là Duy Thức, Duy Tâm. Vì tâm suy nghĩ cái này thì tạo thành cái này, suy nghĩ cái kia thì tạo thành cái kia. Suy nghĩ gai góc cứt sinh thì tạo gai góc cứt sinh, suy nghĩ nghiệp chướng thì tạo nghiệp chướng, suy nghĩ cái đau thì tạo cái đau. Nghe tôi nói dễ, nhưng thực hành rất khó.

Từ bắt đầu tu tập Duy Tâm Thức Định, đến khi thành vô thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội, tức là chuyên thức thành trí (thức thì phân biệt hay chấp thật, trí thì không phân biệt cái nào cũng là cái không này; không của cái tách cũng là cái không này, không của cái nhà cũng là cái không này, không của lư hương cũng là cái không này, chẳng có khác).

Nên nói vào viên thành thật. (Duy Thức là biến kế sở chấp và y tha khởi, cuối cùng là Viên Thành Thật, cũng là bản tâm bản thức của mình). Khi chưa chuyên thức, còn bị cảnh buộc, gọi là biến kế chấp, (tại sao bị ràng buộc? Cảnh vui chạy theo cảnh vui, cảnh buồn chạy theo cảnh buồn, đó gọi là biến kế chấp, vì tâm mình chấp cho là thật nên có vui, buồn).

Phá được biến kế chấp, còn bị pháp buộc, gọi là chấp y tha khởi (không đuổi theo buồn cũng không đuổi theo vui, mà có cái pháp để phá biến kế chấp buồn vui, thì gọi là y tha khởi, tại còn chấp có cái pháp để phá).

Ham danh dự thế gian, thích giao du với quý tộc, là tướng biến kế chấp. Sự ham cầu danh dự của thế gian đã dứt sạch, là cái tướng chấp y tha khởi. Đến khi liễu ngộ tất cả Duy Tâm Thức, nên thức tánh hiện ra vô số Như Lai, ấy là tướng Viên Thành Thật.

Vô số Như Lai là do thức tánh hiện ra, chứ không phải có Phật giáng sanh! Tất cả đều do tâm tạo thì Phật cũng do tâm tạo. Nếu Phật không phải tâm tạo thì tất cả cũng không phải do tâm tạo. Nói cái khác do tâm tạo thì được, nói Phật do tâm tạo thì mọi người chửi tôi; ấy là do Phật nói, chứ đâu phải tôi nói! Tất cả đều do tâm chấp thật của mình sanh ra, nên nói là tất cả đều do tâm tạo, cũng gọi là Duy Thức, Duy Tâm.

Duy tâm của Phật và duy tâm của các đại học thế gian thì khác nhau. Duy tâm của thế gian thì chấp thật, còn duy tâm của Phật thì phá chấp thật, nhưng cùng danh từ là duy tâm.

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Người mắt nhắm như Biến Kế Chấp, hiện màu xanh vàng như Y Tha Khởi, con mắt trong sáng như Viên Thành Thật vậy”.

Kinh Giải Thâm Mật thí dụ: Người bị mắt nhắm thì thấy hư không có hoa đốm, gọi là biến kế chấp. Hoa đốm đó tại chấp mới có, nó vốn không có, tại vì mắt nhắm nên thành biến kế chấp, hiện màu xanh màu đỏ (hoa đốm) gọi là y tha khởi, tức là y theo con mắt bệnh nên có màu này màu kia.

Con mắt trong sáng hết bệnh là Viên Thành Thật, hư không vẫn là hư không chẳng có hoa đốm. Bây giờ chúng ta sống trong con mắt bệnh, kinh Lăng Nghiêm nói cái bệnh từ vô thủy, chứ không phải mới đây.

Chánh văn:

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ Tát đồng tu, liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Quang ra đời, thuở đó, mười hai vị Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp. Vị Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, dạy con tu "Niệm Phật Tam Muội", ví như có người thì chuyên nhớ, người thì chuyên quên, nếu hai người ấy nhớ nhau, không kể gặp hay chẳng gặp, thấy mặt hay chẳng thấy; cứ nhớ mãi sâu vào tâm niệm, cho đến đời này, đời khác, thì như hình với bóng, chẳng cách xa nhau.

-Mười phương Như Lai tưởng nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh thì dù nhớ cũng chẳng làm gì được; nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con chẳng xa cách. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện nay hay về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ, như người ướp hương thì thân có mùi thơm, ấy gọi là Hương Quang Trang Nghiêm.

Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật, đắc vô sanh nhẫn, nay ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về cõi Tịnh Độ. Phật hỏi con về viên thông, con do Nhiếp Cả Lục Căn, Tịnh Niệm Tương Tục Vào Tam Ma Địa là hơn cả.

Lược giải:

Người niệm Phật chẳng có một sát na niệm ngũ dục của thế gian, mới được gọi là tịnh niệm (tâm niệm trong sạch). Tịnh niệm tương tục như con nhớ mẹ, là miệng niệm tâm nhớ, oai nghi nghiêm chỉnh, nhiếp cả lục căn, là nhãn chẳng thấy tướng xấu đẹp, nhĩ chẳng nghe tiếng khen chê, tỷ chẳng ngửi mùi thơm thối, thiệt chẳng nếm vị ngon dở, thân chẳng tiếp xúc lạnh, ấm, ý chẳng phân biệt buồn vui, ấy mới được gọi là nhiếp cả lục căn, cho đến nhất tâm bất loạn, như thế trong Tam Ma Địa, ắt phải thấy Phật.

Nói chẳng nhờ tu tập, tự được khai ngộ, như người ướp hương, chẳng mong mùi hương mà tự có mùi hương, ấy là nguyện lực bất khả tư nghì của Phật Di Đà. Dù nói nhờ nguyện lực của Phật Di Đà, nhưng cần phải có đại nguyện của chính mình để tương ưng với đại nguyện của Phật thì mới được thành tựu.

Đại nguyện nếu chỉ dùng tâm nghĩ miệng nói ấy là nguyện suông, cần phải thực hành đúng theo đại nguyện của chính mình phát ra, mới là nguyện chơn thật, và mới có thể tương ưng với đại nguyện của Phật.

Giải giảng:

Người tu Tịnh Độ dẫn chứng đoạn này để nói tu Tịnh Độ rất dễ, nhưng sự thật trong này nói: “Nhiếp cả lục căn, tịnh niệm tương tục vào tam ma địa là hơn cả”. Nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục đâu phải dễ, ở trong này lược giải.

Nếu người niệm Phật chẳng có 1 sát na niệm ngũ dục của thế gian, (ngũ dục: Tài, sắc, danh, thực, thù). Nếu không có niệm ngũ dục của thế gian mới gọi

là tịnh niệm tức là niệm trong sạch. Nếu cứ niệm ngũ dục làm sao có niệm trong sạch được? Đâu phải có niệm trong sạch là dễ!

Tịnh niệm tương tục như con nhớ mẹ thì mới tương ứng. Tịnh niệm còn không có, tức là cái niệm ngũ dục quá dơ, làm sao có công hiệu?

Nhiếp cả lục căn thì mắt chẳng thấy tướng xấu đẹp, tai không nghe tiếng khen chê, mũi không ngửi mùi thơm thúi, lưỡi không nếm mùi ngon dở, thân chẳng tiếp xúc lạnh ấm, ý chẳng phân biệt buồn vui; ấy mới gọi là nhiếp cả lục căn, cho đến nhất tâm bất loạn, như thế trong tam ma địa ắt là sẽ thấy Phật.

Nói tu Tịnh Độ dễ, tu thiền khó. Vậy nhiếp lục căn có được không? Có nhiếp được căn nào chưa? Không nhiếp được, tịnh niệm cũng không có nữa, hàng ngày cứ nghĩ nhớ ngũ dục thế gian, làm sao có được niệm trong sạch? Sự thật Tịnh Độ không phải dễ tu, mà Tổ Sư thiền không phải khó!

Cái khó dễ là do tâm mình tạo, chứ không phải cái pháp khó dễ. Cho nên, nói tất cả đều do tâm tạo. Nhưng mình nói người ta không tin, mà còn lại phi báng, vậy biết làm sao? Mình chỉ biết tự lo tu thôi, việc người khác đừng biết tới là tốt nhất. Đừng nói: Cái này tốt, cái kia xấu, mặc kệ người ta nói gì.

Quyển 6

Chánh văn:

Lúc bảy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

-Con nhớ khi xưa, từ vô số hằng sa kiếp trước có Phật Quán Thế Âm ra đời, con phát tâm Bồ Đề nơi Phật ấy, Phật dạy con từ Văn, Tư, Tu nhập Tam Ma Địa (Văn, Tư, Tu là Văn nơi tai, Tư nơi Tâm, Tu nơi Hạnh).

-Bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu (chẳng chạy theo lục trần) mà quên cái sở nghe (vong, sở: Vong nghĩa là quên). Sở nhập đã tịch, thì hai tướng động và tịnh chẳng sanh, như thế dần dần tiến thêm, thì năng nghe và sở nghe đều hết; sự hết năng sở của nghe cũng chẳng trụ.

Còn biết chẳng trụ thì còn năng giác và sở giác, nên phải Không cái năng giác sở giác, thì sự Không giác ấy mới cực viên tròn; năng giác sở giác được

Không đến cùng tốt, là nhập vào chỗ Không, nhập vào chỗ Không thì còn trụ nơi Không, nên năng không sở không cũng phải diệt.

Năng sở của Không diệt rồi thì tất cả sự sanh và diệt đều hết, sanh diệt đã diệt, thì tịch diệt hiện tiền, thành linh siêu việt thế gian và xuất thế gian. Đến đây, khắp mười phương pháp giới đều sáng tỏ, được hai thứ thù thắng tròn đầy sáng tỏ:

1. Trên khế hợp với giác tâm vốn huyền diệu của mười phương chư Phật, với Như Lai đồng một Từ Lực (Phật độ chúng sanh cho vui, nhưng không có năng độ, gọi là Vô Duyên Từ).

2. Dưới khế hợp với tất cả mười phương chúng sanh lục đạo, với tất cả chúng sanh đồng một Bi Ngưỡng (chúng sanh cầu Phật độ lia khổ, nhưng không có sở độ, gọi là Đồng Thể Bi).

Thế Tôn! Do con cúng dường Quán Âm Như Lai, Phật dạy con y tánh Văn như huyền, huân tu Kim Cang Tam Muội. Vì với chư Phật đồng một Từ Lực, nên khiến con được thành tựu 32 ứng thân vào các quốc độ.

1. Thế Tôn! Nếu chư Bồ Tát vào Tam Ma Địa tu pháp vô lậu, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Phật, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

2. Nếu có hàng hữu học được tịch tịnh diệu minh, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Độc Giác, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

3. Nếu có hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên được thắng tánh hiện tiền, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Duyên Giác, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

4. Nếu có hàng hữu học tu Đạo nhập diệt, được pháp Không của Tứ Thánh Đế, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Thanh Văn, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

5. Nếu có chúng sanh, muốn tâm minh ngộ, chẳng phạm dục trần, muốn thân trong sạch, thì con hiện thân Phạm Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

6. Nếu có chúng sanh, muốn làm thiên chủ, lãnh đạo chư thiên, thì con hiện thân Đế Thích, thuyết pháp cho họ khiến được thành tựu.

7. Nếu có chúng sanh, muốn thân được tự tại, đi khắp mười phương, thì con hiện thân Tự Tại Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

8. Nếu có chúng sanh, muốn thân được tự tại, bay khắp hư không, thì con hiện thân Đại Tự Tại Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

9. Nếu có chúng sanh, muốn thống lãnh quỷ thần, cứu giúp quốc độ, thì con hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

10. Nếu có chúng sanh, thích thống lãnh thế giới, bảo vệ chúng sanh, thì con hiện thân Tứ Thiên Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

11. Nếu có chúng sanh, muốn sanh nơi thiên cung, sai khiến quỷ thần, thì con hiện thân Thái Tử của Tứ Thiên Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

12. Nếu có chúng sanh, muốn làm vua cõi người, thì con hiện thân vua, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

13. Nếu có chúng sanh, thích làm chủ các dòng quý tộc, mọi người cung kính, thì con hiện thân trưởng giả, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

14. Nếu có chúng sanh, thích đàm luận những lời hay giữ mình trong sạch, thì con hiện thân Cư Sĩ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

15. Nếu có chúng sanh, Thích Cai trị việc nước, trông coi các ban ấp, thì con hiện thân Tể quan, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

16. Nếu có chúng sanh, thích các số thuật, tự nhiếp tâm giữ thân, thì con hiện thân Bà La Môn, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

17. Nếu có thiện nam tử, ham học pháp xuất gia, giữ gìn giới luật, thì con hiện thân Tỳ Kheo, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

18. Nếu có thiện nữ nhân, ham học pháp xuất gia, trì các giới cấm, thì con hiện thân Tỳ Kheo Ni, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

19. Nếu có thiện nam tử, thích giữ ngũ giới, thì con hiện thân Ưu Bà Tắc, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

20. Nếu có thiện nữ nhân, tự giữ ngũ giới, thì con hiện thân Ưu Bà Di, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

21. Nếu có thiện nữ nhân, lập thân trong cung vua, chủ việc nội chính, giúp việc nước nhà, thì con hiện thân nữ chủ (hoàng hậu), hay phu nhân, mệnh phụ, đại gia (nữ giáo sư của hoàng hậu và các cung phi), thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

22. Nếu có con trai, chẳng hoại trinh nam, thì con hiện thân đồng nam, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

23. Nếu có con gái, muốn giữ trinh nữ, chẳng cầu sự xâm bạo, thì con hiện thân đồng nữ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

24. Nếu có chư Thiên, muốn ra khỏi loài trời, thì con hiện thân chư Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

25. Nếu có con Rồng, muốn ra khỏi loài rồng, thì con hiện thân rồng, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

26. Nếu có Dược Xoa (1) muốn ra khỏi loài mình, thì con hiện thân Dược Xoa, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

27. Nếu có Càn thát Bà (2) muốn ra khỏi loài mình, thì con hiện thân Càn Thát Bà, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

28. Nếu có A Tu La, muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân A Tu La, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

29. Nếu có Khẩn Na La (3), muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân Khẩn Na La, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

30. Nếu có Ma Hầu La Già (4) muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân Ma Hầu La Già, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

31. Nếu có chúng sanh thích làm người, tu nghiệp người, thì con hiện thân người, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

32. Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc vô hình, hoặc có tướng, hoặc vô tướng, muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân như họ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

- Ấy gọi là 32 ứng thân nhiệm mầu vào các quốc độ, những thân ấy đều do vô tác diệu lực của sự huân tu tam muội tự tại thành tựu.

Giải giảng:

Hai mươi lăm vị kể ra viên thông của mình, cho A Nan chọn cái nào viên thông nhất để tu. Quán Thế Âm là dùng văn tư tu, văn là nghe, tư là suy nghĩ, nghe rồi suy nghĩ để tu.

Nhưng nói là nói vậy, sự thật cách thực hành bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu, văn là nghe, nhập lưu là chẳng chạy theo lục trần. Nếu chạy theo lục trần (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp) thì không phải nhập lưu.

Tức là nhập lưu phải liia lục trần. Nhập lưu tiếng Ấn Độ gọi là Tu Đà Hoàn là chứng sơ quả. Lục trần là sở nghe, cho nên gọi là vong sở (vong là quên).

Sở nhập đã tịch là không có lục trần nhập thì được tịnh lặng, nên hai tướng động tịnh chẳng sanh tức là không nghe động tịnh. Nếu dùng cái nghe, không nghe động thì phải nghe tịnh.

Như thế dần dần tiến thêm thì năng nghe và sở nghe đều hết, vì có tai nghe tiếng động tịnh là sở nghe, động tịnh đã sạch thì không có năng nghe và sở nghe.

Sự hết năng sở của nghe cũng chẳng trụ. Còn biết chẳng trụ thì còn biết năng giác sở giác, nên không cái năng giác sở giác thì sự giác ấy mới cực viên tròn.

Năng giác sở giác được không, đến cùng tốt thì nhập vào chỗ không; nhập vào chỗ không thì còn trụ chỗ không, nên năng không sở không cũng phải tiêu diệt.

Năng sở đều không thì tất cả sự sanh diệt hết, sanh diệt đều hết thì thế gian và xuất thế gian, đến đây 10 phương pháp giới đều sáng tỏ, được hai thứ thù thắng tròn đầy sáng tỏ.

1- Trên khế hợp với giác tâm vốn huyền diệu của 10 phương chư Phật với Như Lai đồng 1 từ lục.

2- Phật độ chúng sanh cho vui, nhưng không có năng độ, nên gọi là vô duyên từ, từ bị Quán Thế Âm khác hơn bác ái. Từ là vô duyên từ không có

tâm đối đãi, không có ta năng từ bi, không có người là sở từ bi nhận từ bi của tôi.

3- Dưới khế hợp với tất cả 10 phương chúng sanh lục đạo, với tất cả chúng sanh đồng một bi ngưỡng.

4- Chúng sanh cầu Phật độ lia khô, nhưng không có sở độ gọi là đồng thể bi; mặc dầu Quán Thế Âm là năng độ, chúng sanh là sở độ. Nhưng không cho có năng độ là ta, sở độ là chúng sanh. Thân thể chúng sanh là thân thể của tôi. Khổ của chúng sanh là khổ của tôi, cho nên gọi là đồng thể bi.

Tức là tất cả chúng sanh với tôi cùng một thân thể, chứ không phải tôi là năng độ. Chúng sanh là sở độ. Bác ái của tôn giáo khác còn cái ta là tăng cường ngã chấp, còn từ bi của Phật phá hết ngã chấp không còn năng sở; không có năng độ và sở độ, tất cả tương đối đều sạch hết.

Nói chung 32 hóa thân đều cái nghĩa này là tùy theo chúng sanh để độ, muốn độ chúng sanh nào thì hiện cái thân đó để độ. Muốn độ Tỳ Kheo thì hiện thân Tỳ Kheo, muốn độ Tỳ Kheo Ni thì hiện Tỳ Kheo Ni, muốn độ người nam thì hiện người nam, muốn độ người nữ thì hiện người nữ,... ứng thân Quán Thế Âm độ chúng sanh là vậy.

Ấy gọi là 32 ứng thân nhiệm mầu (bất khả tư nghì là dùng ý thức không thể suy nghĩ). Vào các quốc độ để độ chúng sanh. Những thân ấy đều do vô tác diệu lực của sự huân tu tam muội tự thành tựu.

Vô tác không có năng sở, không có ai làm. Dù Quán Thế Âm đi các quốc độ làm những việc này, nhưng không có người làm, tức là không có năng tác thì không có sở tác. Ấy, tự tánh vốn như vậy, như cái dụng của hư không; chẳng có năng tác sở tác, nhưng tất cả phải nhờ hư không hiển bày ra cái dụng.

Chánh văn:

-Thế Tôn! Con lại dùng vô tác diệu lực của sự huân tu Kim Cang Tam Muội này, cùng với tất cả chúng sanh lục đạo trong mười phương tam thế đồng một Bi Ngưỡng, nên khiến các chúng sanh nơi thân tâm con được 14 thứ công đức vô úy:

1. Do con chẳng quán âm thanh, tự quán kẻ quán, khiến chúng sanh khổ não mười phương tự quán âm thanh, liền được giải thoát.

2. Xoay tri kiến về bản tri, khiến chúng sanh dù vào đồng lửa, lửa chẳng thể cháy.
3. Xoay cái nghe về bản văn, khiến chúng sanh bị nước cuốn trôi mà chẳng chìm đắm.
4. Vọng tưởng dứt sạch, tâm chẳng sát hại, khiến chúng sanh vào xứ quý, quý chẳng thể hại.
5. Huân tập cái nghe thành Bản Văn, tiêu cả lục căn thành một tánh Văn, khiến chúng sanh đang lúc bị giết hại, dao gậy từng đoạn, các binh khí chạm vào thân người, như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, mà bản tánh chẳng lay động.
6. Huân tập tánh Văn thuần nhất sáng tỏ, chiếu khắp pháp giới, dẹp tan tối tăm, khiến chúng sanh dù gặp các loài Dược Xoa, La Sát, yêu mị, quỷ thần ở gần bên cạnh mắt họ chẳng thể nhìn thấy.
7. Âm thanh tiêu sạch, tánh nghe trở vào, thoát khỏi trần vọng, khiến chúng sanh gặp những thứ gông, cùm, xiềng, xích đều chẳng thể trói buộc.
8. Âm thanh tiêu diệt, tánh Văn viên mãn, Từ Lực khắp nơi, khiến chúng sanh đi qua chỗ nguy hiểm, chẳng bị giặc cướp.
9. Huân tu tánh Văn, xa lìa cảnh trần, sắc dục chẳng thể lôi kéo, khiến tất cả chúng sanh đa dâm xa lìa tham dục.
10. Thuần âm vô trần, căn trần viên dung, chẳng năng sở đối đãi, khiến tất cả chúng sanh hay giận dữ lìa bỏ sân hận.
11. Xoay minh tiêu trần, trở về bản tánh, cả pháp giới, thân tâm đều như lưu ly, thấu triệt vô ngại, khiến những kẻ ngu muội chẳng tin Phật pháp, xa lìa hẳn sự si mê ám muội.
12. Tiêu dung hình thể, trở về bản Văn, ngồi bất động đạo tràng, vào thế gian mà chẳng hoại pháp thế gian, đi khắp mười phương, cúng dường vô số Như Lai, nơi mỗi Như Lai làm Pháp Vương Tử, khi pháp giới chúng sanh cầu sanh con trai, được con trai có phước đức trí huệ.
13. Lục căn viên thông, sáng và soi không hai, khắp mười phương thế giới, lập Đại Viên Cảnh, Không Như Lai Tạng, thừa nhận pháp môn bí mật của

vô số Như Lai, chẳng có thiếu sót, khiến pháp giới chúng sanh cầu sanh con gái, được con gái có tướng tốt, đoan chính, phước đức, dịu dàng, được mọi người yêu mến.

14. Trăm ức nhật nguyệt chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới này, trong đó có 62 hằng sa pháp vương tử đang trụ trì nơi thế gian, tu chánh pháp, làm mô phạm, mỗi mỗi dùng phương tiện và trí huệ chẳng đồng, tùy thuận căn tánh mọi người để giáo hóa chúng sanh.

-Do con được Nhĩ Căn viên thông, phát ra diệu dụng, nên thân tâm vi diệu, cùng khắp pháp giới, khiến chúng sanh người trì danh hiệu con so với người trì danh hiệu của 62 hằng sa Pháp Vương Tử, hai người được phước đức bằng nhau.

-Thế Tôn! Sở dĩ một danh hiệu của con cân xứng với nhiều danh hiệu kia, là do con tu tập đắc chơn viên thông, ấy gọi là mười bốn thứ sức vô úy, thí cho chúng sanh phước đức đầy đủ.

Thế Tôn! Do con tu chứng Vô Thượng Đạo, được căn viên thông này, nên khéo được bốn thứ diệu đức vô tác bất khả tư nghì:

1. Do con được Bản Văn huyền diệu, tâm diệu lia văn: Kiến, Văn, Giác, Tri thành một bửu giác viên dung trong sạch, chẳng thể chia cách, nên hay hiện nhiều dung mạo vi diệu, thuyết vô biên bí mật thần chú, trong đó từ một đến tám vạn bốn ngàn con mắt và cánh tay, tùy nghi thị hiện, hoặc từ hoặc oai, hoặc định hoặc huệ, cứu giúp chúng sanh được tự tại.

2. Do sự Văn Tư của con thoát khỏi lục trần, như âm thanh vượt qua bức tường, chẳng bị ngăn ngại, nên con khéo hiện mỗi mỗi hình, mỗi mỗi chú, những hình những chú, đều hay thí cho chúng sanh được sức vô úy. Vì thế, mười phương vô số quốc độ đều gọi con là người Thí Vô Úy.

3. Do con tu tập Nhĩ Căn trong sạch, được diệu tâm viên thông, nên đi khắp thế giới, đều có thể khiến chúng sanh xả bỏ thân mạng và châu báu cầu con thương xót.

4. Con được ngộ tâm Phật, chứng nơi cứu cánh, hay dùng các thứ châu báu cúng dường mười phương Như Lai, cho đến chúng sanh lục đạo trong pháp giới, cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu sống lâu được sống lâu, cầu

chánh định được chánh định, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn được Đại Niết Bàn.

-Phật hỏi về viên thông, con từ Nhĩ Căn vào Viên Chiếu Tam Muội, Tùy Tâm tự Tại, Từ Sự Nghe Nhập Lưu, cho đến Đắc Tam Ma Địa, Thành Tựu Bồ Đề là hơn cả.

-Thế Tôn! Như Lai khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm, do con quán âm sáng tỏ mười phương, nên danh hiệu QUÁN ÂM khắp mười phương thế giới.

Giảng giải:

32 ứng thân của Quán Thế Âm, đều dùng sức vô tác, khỏi cần khởi tâm động niệm, tức là không tác ý. Không tác ý gọi là Bát Nhã, dịch là trí huệ. Trí huệ của thế gian phải tác ý của bộ óc, trí huệ của Quán Thế Âm khỏi cần tác ý, nó vốn là vậy; như hư không chẳng động, nhưng hiện ra cái dùng, gọi là vô tác diệu lực.

14 thí vô ý cũng do vô tác diệu lực, cho đến 4 thứ sau này cũng vậy. Cuối cùng kết luận nói là: Con từ nhĩ căn viên chiếu tam muội.

Ban đầu dùng nhĩ căn, sau này động tịnh đã hết thì không cần nhĩ căn nữa, gọi là viên chiếu tam muội.

Tùy tâm tự tại (khỏi cần tác ý) từ sự nghe nhập lưu, (ban đầu là sự nghe, khi nhập lưu thì không còn nghe nữa, vì đã lìa động tịnh thì không còn nghe nữa) đắc tam ma địa (chánh định) thành tựu Bồ Đề (giác ngộ) là hơn cả.

-Thế Tôn! Như Lai khen con khéo được pháp môn viên thông (trên có 25 viên viên thông, viên thông cuối cùng của Quán Thế Âm). Ở trong hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm.

Âm thanh của thế gian là dùng tai nghe mới phải, mà lại dùng quán (mắt) để nghe. Tại Quán Thế Âm đã tự động, khỏi cần dùng tai mà nghe, xem khỏi cần mắt, nếu cần mắt thì không tự động. Nếu đã tự động thì không cần tai, không cần mắt, cho nên gọi là vô tác. Vô tác mà quán được âm thanh của thế gian, không những ở cõi Ta Bà này, mà vô lượng vô biên quốc độ đều quán được cả.

Do con quán âm sáng tỏ mười phương (đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, đông, nam, tây, bắc, trên, dưới, khoa học nói là không gian). Nên danh hiệu quán âm khắp mười phương thế giới (không phải chỉ thế giới Ta Bà thôi, mười phương tất cả thế giới đều biết danh hiệu Quán Thế Âm).

Chánh văn:

Bấy giờ, Thế Tôn nơi tòa Sư Tử, từ ngũ thể cùng phóng hào quang, chiếu soi đỉnh đầu của mười phương vô số Như Lai, với các Pháp Vương Tử và chư Bồ Tát; các Như Lai ấy cũng trong ngũ thể cùng phóng hào quang, từ mọi nơi chiếu đến đỉnh đầu của Phật, với chư Đại Bồ Tát và A La Hán trong hội. Rừng cây, ao hồ đều diễn pháp âm, hào quang giao xen như lưới báu, đại chúng được pháp chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang Tam Muội.

Tức thời, trời mưa bách bửu liên hoa, xanh, vàng, đỏ, trắng, xen lộn lẫn nhau; mười phương hư không hóa thành màu sắc thất bửu, núi sông, đất đai nơi cõi Ta Bà này đều ẩn mất, chỉ thấy mười phương vô số quốc độ hợp thành một cõi, ca nhạc vang lừng, tự nhiên hòa tấu.

Lúc đó, Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng:

-Người hãy xem 25 vị vô học Đại Bồ Tát và A La Hán này, mỗi mỗi trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập viên thông chơn thật, lối tu của họ thật chẳng hơn kém và chẳng trước sau sai biệt. Nay ta muốn khiến A Nan khai ngộ, trong 25 lối tu, lối nào thích hợp, và sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong cõi này muốn vào Bồ Tát thừa, cầu đạo Vô Thượng, từ cửa phương tiện nào để được thành tựu?

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử vâng theo ý chỉ của Phật, liền đứng dậy đánh lễ chân Phật, thừa oai thần của Phật, nói kệ đáp rằng:

-Giác hải tánh trừng viên,
(Biển giác tánh trong lặng),
Viên trừng giác nguyên diệu,
(Vốn đầy đủ vi diệu),
Nguyên minh chiếu sanh sôu,
(Cháp sáng sanh sở chiếu),
Sở lập chiếu tánh vong.
(Sở lập tánh chiếu mất).
-Mê vọng hữu hư không,
(Mê vọng có hư không).

Y Không lập thế giới,
(Do Không lập thế giới),
Tướng trưng thành quốc độ,
(Tướng lạng thành Quốc Độ),
Tri giác nãi chúng sanh.
(Tri giác là chúng sanh).
-Không sanh Đại Giác trung,
("Không" sanh nơi Đại Giác)
Như hải nhất âu phát.
(Như biển nổi một bọt).
Hữu lậu vi trần quốc,
(Vô số nước hữu lậu),
Giai y Không sở sanh
(Đều từ Không sanh khởi),
Âu diệt Không bốn vô,
(Bọt bể Không đã diệt)
Huống phục chư tam hữu.
(Đâu thể còn tam giới).
-Qui nguyên tánh vô nhị,
(Về cội tánh chẳng hai),
Phương tiện hữu đa môn,
(Phương tiện có nhiều lối),
Thánh tánh vô bất thông,
(Bậc Thánh chẳng ngăn ngại),
Thuận nghịch giai phương tiện.
(Thuận nghịch đều tùy nghi).
Sơ tâm nhập tam muội,
(Sơ cơ vào chánh định),
Tri tốc bất đồng luân.
(Nhanh chậm chẳng đồng nhau).
-Sắc tướng kết thành trần,
(Quán Sắc thành nội trần),
Tinh liễu bất năng triệt.
(Tinh vi chẳng thấu triệt).
Như hà bất minh triệt,
(Nếu đã chẳng thấu triệt),
Ư thị hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Âm thanh tập ngữ ngôn,
(Âm thanh lộn ngữ ngôn),

Đản y danh cú vị.
(Chỉ nương tựa lời Phật).
Nhất phi hàn nhất thiết,
(Một chẳng gồm tất cả),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Hương dĩ hiệp trung tri,
(Hương do hợp mới biết),
Ly tắc nguyên vô hữu.
(Ly thì chẳng có mùi).
Bất hằng kỳ sở giác,
(Hợp ly tánh chẳng thường),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)

Giải giảng:

Bấy giờ, Thế Tôn nơi tòa sư tử, từ ngũ thể cùng phóng hào quang, chiếu soi đỉnh đầu mười phương vô số Như Lai, với các vương tử và chư Bồ Tát, các Như Lai cũng trong ngũ thể cùng phóng hào quang, từ mọi nơi chiếu đến đỉnh đầu của Phật, nơi chư đại Bồ Tát và A La Hán trong hội. Rừng cây, ao hồ đều diễn pháp âm, hào quang giao xen như lưới báu, đại chúng được pháp chưa từng có, tất cả đều được kim cang tam muội.

Tam muội là chánh định. Kim cang là vật cứng phá được tất cả vật khác, vật khác không phá được kim cang.

Tức thời, trời mưa bách bửu liên hoa, xanh, vàng, đỏ, trắng xen lộn lẫn nhau; mười phương hư không hóa thành màu sắc thất bửu, núi sông, đất đai nơi cõi Ta Bà này đều ẩn mất, chỉ thấy mười phương vô số quốc độ hợp thành một cõi, ca nhạc vang lừng tự nhiên hòa tấu.

Chỗ này Phật hiện thần thông để biểu thị pháp lớn, là mười phương quốc độ đều cùng phát ánh sáng hào quang, rọi chiếu đến đỉnh đầu Phật Thích Ca và chư đại Bồ Tát trong hội này. Phật Thích Ca cũng phát ánh sáng chiếu khắp mười phương quốc độ.

Lúc đó, Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng:

-Người hãy xem 25 vị vô học và đại Bồ Tát và A La Hán này cái nào viên thông nhất, thì chọn cái đó để tu, với người mật pháp sau này cũng vậy. Sau đây, Văn Thù theo lời và thừa oai thần của Phật nói kệ:

Biển giác tánh trong lặng,

Vốn đầy đủ vi diệu.

Biển giác là tâm của mình và cũng là tâm của mọi người, tâm của mọi người đều là biển giác, tánh vốn trong lặng không có làn sóng thì đầy đủ vi diệu, không dùng lời nói để diễn tả.

Chấp sáng sanh sở chiếu,

Sở lập tánh chiếu mất.

Tại sao bây giờ không có vi diệu? Tại chấp cái tâm mình có cái sáng, có cái sáng thì phải có cái chiếu, sanh ra sở chiếu. Có năng chiếu và sở chiếu thì có tác, chứ không phải cái vô tác. Tâm mình vốn là vô tác trong lặng, bây giờ nổi lên chấp, nói tâm tôi có cái sáng thì sanh ra sở chiếu. Sở chiếu kiến lập thì tánh chiếu bị mất. Tánh chiếu vô tác tự động soi khắp không gian thời gian. Tánh chiếu tự động bị mất, vì nổi lên vọng niệm gọi là nhất niệm vô minh.

Mê vọng có hư không,

Vì muốn chiếu soi thì phải có hư không mới chiếu soi được. Nếu không có hư không thì dựa vào đâu để chiếu soi?

Do Không lập thế giới.

Vì tất cả thế giới đều kiến lập ở trong hư không, rồi tâm nổi niệm thì có tướng.

Tướng lặng thành quốc độ,

Tri giác thành chúng sanh.

Tâm mình không phải không có tri giác, mà tri giác đó tự động. Nó không có năng tri sở tri, năng giác sở giác. Đã có tri giác là năng tri thì phải có sở tri. Năng sở đã lập thì tất cả đều là vọng. Cho nên nói: “Tri giác là chúng

sanh”. Phật không phải không có tri giác, nhưng tri giác đó tự động, vốn như vậy, không qua sự tác ý, gọi là vô tác. Bây giờ có tác rồi thì có năng sở đối đãi, mới thành hư vọng. Đã lập ra mê vọng có hư không, hư không đã sanh, sanh ở đâu? Sanh trong đại giác của tâm mình.

Không sanh nơi đại giác,

Như biển nổi một bọt.

Đại giác là biển cũng là tâm của mình, còn hư không ở trong đại giác. Tâm mình nổi lên bọt nước, bọt nước thí dụ cho hư không, thế giới kiến lập trong hư không, tức là kiến lập trong bọt nước.

Vô số nước hữu lậu,

Đều tự không sanh khởi.

Bây giờ các quốc độ hữu lậu trên thế giới, đều kiến lập trong bọt nước này, từ cái không này mới sanh khởi được. Như cái nhà chẳng có cái không, làm sao cất lên được?

Bọt bể không đã diệt,

Vì cái bọt ví dụ cho hư không, nếu bọt bể thì hư không tiêu diệt.

Đâu thể còn tam giới.

Tam giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Con người ở trong dục giới, còn cõi trời ở trong sắc giới. Tam giới đều ở trong bọt nước này, bọt nước đã bể thì tam giới cũng đâu còn. Chỉ còn nước biển tức là còn cái tâm mình thôi.

Về cõi tánh chẳng hai,

Phương tiện có nhiều lối.

Tham thiền là muốn về cõi nguồn, cõi nguồn không có hai thứ, tức là tâm, tự tánh, Phật tánh, ... Nhưng phương tiện muốn đưa mình đến chỗ nguồn gốc, chỗ biển giác tâm mình thì có nhiều đường lối. Tổ Sư thiền cũng là một đường lối đi đến nơi tâm mình, ngoài ra còn có 84.000 pháp môn nữa, cho nên nói có nhiều lối.

Bậc thánh chẳng ngăn ngại,

Thuận nghịch đều tùy nghi.

Phàm phu có tâm chấp thật làm chướng ngại, cho nên đi đến đâu cũng bị ngăn ngại; còn bậc thánh chỉ có thể lưu bố tướng, không chấp thật thì không chướng ngại, như đi qua vách tường rất dễ dàng.

Sơ cơ vào chánh định,

Nhanh chậm chẳng đồng nhau.

Người sơ cơ tu học, muốn vào chánh định có người nhanh có người chậm, tùy theo sự tu của mình không bằng nhau được. Tiếp theo ở đây là lục trần.

Quán sắc thành nội trần,
Tinh vi chẳng thấu triệt.
Nếu đã chẳng thấu triệt,
Làm sao được viên thông?

25 vị Bồ Tát và A La Hán, người nào cũng kể cách tu của mình cho là viên thông. Văn Thù nói quán sắc được thành đạo. Sắc là ngoại trần, do quán thành nội trần, như cái tách, cái ghế là ngoại trần. Quán ở trong tâm không có trần ở ngoài. Như quý vị ở đây quán cái tủ, cái chén ở nhà, không có trước mắt thành nội trần.

Tinh vi chẳng thấu triệt,

Đó chỉ ghi nhớ suy nghĩ, không có đầu đuôi, cho nên nói chẳng thấu triệt.

Âm thanh lộn ngữ ngôn,
Chỉ nương tựa lời Phật.
Một chẳng gồm tất cả,
Làm sao được viên thông?

Mùi hương do mình ngửi mới biết, nhưng mũi phải tiếp xúc với mùi hương; hợp với mùi hương thì mới biết mùi hương, nếu lìa khỏi thì không có. Nhưng hợp với lìa thì không có thường, đâu phải mùi hương có hoại. Cho nên nói: “Chẳng thường”, chẳng thường thì không phải viên thông; viên thông thì thường, vì không có bắt đầu và cuối cùng.

Chánh văn:

Xúc dĩ sở xúc minh,
(Xúc phải có sở xúc),
Vô sở bất minh xúc,
(Chẳng sở thì chẳng xúc),
Hợp ly tánh phi định,
(Hợp ly tánh chẳng định).
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Pháp xung vi nội trần,
(Pháp gọi là nội trần),
Bằng trần tất hữu sở.
(Nương trần ắt có sở).
Năng sở phi biến thiệp,
(Năng sở chẳng cùng khắp),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Kiến tánh tuy động nhiên,
(Tánh kiến dù rõ ràng),
Minh tiền bất minh hậu,
(Thấy trước chẳng thấy sau),
Tứ duy khuy nhất bán,
(Bốn phía thiếu một nửa),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Tỷ tức xuất nhập thông,
(Hơi Thở thông ra vào),
Hiện tiền vô giao khí,
(Quán đến chẳng giao khí),
(Giống như nín thở)
Chi ly phi thiệp nhập,
(Lìa thở chẳng ngộ nhập),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Thiệt phi nhập vô đoạn,
(Thiệt nhập chẳng vô có),
Nhân vị sanh giác liễu,
(Do vị sanh giác tri),
Vị vong liễu vô hữu,

(Vị mất giác cũng mất),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Thân dữ sở xúc đồng,
(Thân với xúc đồng nhau), (5)
Các phi viên giác quán,
(Chẳng phải Viên Giác Quán),
Nhai lượng bất minh hội,
(Chẳng hội không ngần mé),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Tri căn tạp loạn tư,
(Ý căn lộn vọng tưởng),
Trạm liễu chung vô kiến,
(Chẳng thấy tánh trong lặng),
Tưởng niệm bất khả thoát,
(Tưởng niệm chẳng giải thoát),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Thức kiến tạp tam hòa,
(Kiến, Tướng, Thức hòa hợp),
Cật bốn xung phi tướng,
(Cả ba vốn chẳng tướng),
Tự thể tiên vô định,
(Tự thể đã chẳng định),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Tâm Văn động thập phương,
(Tâm Văn khắp mười phương),
Sanh ư đại nhân lực,
(Sanh nơi đại nguyện lực),
Sơ tâm bất năng nhập,
(Sơ cơ, chẳng thể vào),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Tỷ Tướng bản quyền cơ,
(Quán Mũi là phương tiện),
Chỉ linh nhiếp tâm trụ,
(Chỉ khiến nhiếp tâm trụ),
Trụ thành tâm sở trụ,

(Trụ thành tâm sở trui) (6)
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Thuyết pháp lộng âm văn,
(Thuyết Pháp dùng âm thanh),
Khai ngộ tiên thành giả,
(Khai ngộ người đã thành),
Danh cú phi vô lậu,
(Lời nói chẳng vô lậu),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Trì Phạm đản thúc thân,
(Trì Phạm chỉ trói thân),
Phi thân vô sở thúc,
(Phi thân chẳng thể trói),
Nguyên phi biến nhất thiết,
(Vốn chẳng khắp tất cả),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Thần Thông bốn túc nhân,
(Thần Thông vốn sáu đức),
Hà quan pháp phân biệt,
(Chẳng do luyện mới có),
Niệm duyên phi ly vật,
(Tác ý không lìa vật),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Nhược dĩ Địa tánh quán,
(Nếu quán theo tánh Địa),
Kiên ngại phi thông đạt,
(Ngăn ngại chẳng thông suốt),
Hữu vi phi thánh tánh,
(Hữu vi chẳng phải thánh),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Nhược dĩ Thủy tánh quán,
(Nếu quán theo tánh Thủy),
Tướng niệm phi chơn thật,
(Niệm tướng chẳng chơn thật),
Như như phi giác quán,

(Giác quán chẳng như như),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Nhược dĩ hoùa tánh quán,
(Nếu quán theo tánh hỏa),
Yém hữu phi chơn ly,
(Có chơn chẳng phải chơn),
(chơn giải thoát)
Phi sơ tâm phương tiện,
(Chẳng thích hợp sơ cơ),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)

Giải giảng:

Xúc phải có sở giác,
Chẳng sở thì chẳng xúc.
Hợp ly tánh không định,
Làm sao được viên thông?

Tiếp xúc thì phải có sở xúc, như cái bàn là sở xúc, cái tay là năng xúc. Phải có sở xúc mới hiển bày cái xúc được. Nếu chẳng có sở thì chẳng có xúc. Vậy xúc là hợp, nhưng ly không có xúc. Hợp với ly tánh không có nhất định. Như tôi muốn uống nước thì phải cầm cái tách này, mới xúc đến cái tách, nếu tôi để xuống là ly. Hợp ly tánh không nhất định, không phải luôn luôn xúc hoài. Cho nên, không được gọi là viên thông.

Pháp gọi là nội trần,
Nương trần ắt có sở.
Năng sở chẳng cùng khắp,
Làm sao được viên thông?

Pháp gọi là nội trần đối với ý căn. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, là tiền trần, cũng gọi là ngoại trần. Còn pháp do mình suy nghĩ ghi nhớ là thuộc về nội trần. Nương theo cái trần phải có cái sở. Có năng biết thì phải có sở biết, năng sở thì chẳng cùng khắp.

Bây giờ, mình ở đây nhớ đến thân nhân Việt Nam là cái sở, thuộc về pháp trần. Đâu phải mình luôn luôn như vậy, có khi nhớ có khi quên; nhớ chỗ này thì không nhớ chỗ kia nên không cùng khắp, nó chỉ nhớ một chỗ thôi. Nhớ thân nhân ở Việt Nam thì không nhớ thân nhân ở Pháp. Lúc nhớ thân nhân ở

Pháp thì không nhớ thân nhân ở Việt Nam, nó không cùng khắp nên không gọi là viên thông.

Tánh kiến dù rõ ràng,
Thấy trước chẳng thấy sau.
Bốn phía thiếu một nửa.
Làm sao được viên thông?

Như tôi thấy cái tách, thấy cái bàn, thấy tất cả đại chúng đây, mặc dầu tôi thấy rõ ràng; nhưng tôi chỉ thấy phía trước, phía sau không thấy, tức là thiếu một nửa, cho nên không cùng khắp thì làm sao được viên thông!

Hơi thở không ra vào,
Quán đến chẳng giao khí.
Lìa thở chẳng ngộ nhập,
Làm sao được viên thông?

Quán hơi thở đến chẳng giao khí (giống như nín thở). Hít vô thở ra, lúc hít vô đã đầy mà chưa thở ra, ở giữa gọi là giao khí. Quán đến chỗ giao khí, không phải hít vô cũng không phải thở ra. Lúc đó lìa thở, vì hít vô thở ra, mà ở giữa hít vô và thở ra, gọi lìa thở làm sao ngộ nhập? Không ngộ nhập làm sao được viên thông?

Thiệt nhập chẳng vô cơ,
Do vị sanh giác tri.
Vị mất giác cùng mất,
Làm sao được viên thông?

Cái lưỡi biết vị thì phải tiếp xúc với đồ ăn, mình mới biết đồ ăn đó ngọt hay mặn... Không phải vô cơ khi không có đồ ngọt mặn, phải có sự nếm do mùi vị mới sanh giác tri, biết ngọt hay đắng. Nếu vị giác đã mất thì giác tri đó cũng mất, như mình ăn đồ ngọt, xong rồi uống nước vô thì vị ngọt cũng hết, mà giác tri cũng hết. Lúc đó đâu còn biết cái ngọt nữa, như vậy làm sao được viên thông?

Thân với xúc đồng nhau,
Chẳng như Viên Giác quán.
Chẳng hội không ngăn mé,
Làm sao được viên thông?

Thân với xúc đồng nhau, chẳng phải Viên Giác quán. Sự xúc rõ ràng chỉ có thân mới biết, quên thân cùng giác cũng chẳng phải Viên Giác. Như người bị gai đâm chân, cảm thấy rất đau, khi quên thân thì không còn biết đau. Bản giác không có năng đau và sở đau, nên không đau, gọi là quên thân cùng giác, nhưng chẳng phải Viên Giác. Phải Viên Giác quán thân tâm đều tiêu diệt thì mới cùng khắp hư không.

Bây giờ còn thân, tuy quên thân còn có cái giác. Nên thân và tâm cần phải tiêu diệt, không còn thân xúc và không còn tâm biết nữa. Còn tâm biết thì có ngăn mé, chẳng phải Viên Giác quán. Mới có thể chẳng xúc chẳng nhờ thân biết mà thâm hội (ngộ).

Nhờ thân xúc mới biết thì không phải ngộ, vạn pháp nay có thân xúc thì sự biết có ngăn mé; nhờ thân xúc vật cứng biết là cứng, xúc vật mềm biết là mềm; chỉ là theo sự xúc mà biết chỗ xúc, còn ngoài ra thì không biết, nó hạn chế trong cái xúc đó. Vì có ngăn mé thì không phải viên thông. Cho nên nói: Làm sao được viên thông?

Ý căn lộn vọng tưởng,
Chẳng thấy tánh trong lặng.
Tưởng niệm chẳng giải thoát,
Làm sao được viên thông?

Ý căn ngày đêm hay sanh vọng tưởng, ban đêm vọng tưởng sanh ra nhắm mắt chiêm bao. Ban ngày vọng tưởng sanh ra mở mắt chiêm bao. Nó luôn lộn với vọng tưởng thì mất đi tánh trong lặng. Có thiền định mới có tánh trong lặng, hàng ngày chúng ta cứ lộn với vọng tưởng, gọi là nhất niệm vô minh thì chẳng thấy tánh trong lặng. Hàng ngày cứ nhất niệm này qua nhất niệm kia, mình muốn thoát khỏi, nhưng không được vì tập khí đã có từ lâu đời. Như cuộc sống hàng ngày phải lo tiền nhà, tiền ăn uống, lo cái này cái kia,... nên không thể thoát được. Trừ ra tham thiền đến kiến tánh mới thoát khỏi được. Vậy tưởng niệm chẳng giải thoát, làm sao được viên thông?

Kiến tướng, thức hòa hợp,
Cả ba vốn chẳng tướng.
Tự thể đã chẳng định,

Làm sao được viên thông?

Kiến là năng thấy, tướng là sở thấy, thức là phân biệt. Mắt tôi là kiến, thấy cái tách là tướng; do thức phân biệt cái tách có con rồng màu vàng, ba cái hòa hợp. Nhưng ba cái chẳng có tánh. Tại sao? Năng kiến ở đâu? Không phải chỗ kiến, cũng không phải chỗ tướng, cũng không phải chỗ thức. Tức là không phải từ kiến ra, không phải từ tướng ra, không phải từ thức ra. Vậy cả ba chẳng có tướng, tự thể đã chẳng định, làm sao được viên thông?

Tâm vẫn khắp mười phương,
Sanh nơi đại nguyện lực.
Sơ cơ chẳng thể vào,
Làm sao được viên thông?

Vẫn là nghe, không phải dùng tai để nghe, mà dùng tâm để nghe. Dùng tai nghe thì có hạn chế, nghe không xa được. Dùng tâm nghe thì mới xa, vì khắp mười phương hư không. Nhưng tâm vẫn ấy thành đạo đều có nguyện lực, thì lúc thành Phật, theo bản nguyện mà độ chúng sanh khắp mười phương. Bây giờ mình sơ cơ mới học tu, đâu có được định lực đó. Vậy làm sao được viên thông?

Quán mũi là phương tiện,
Chỉ khiến nhiếp tâm trụ.
Trụ thành tâm sở trụ,
Làm sao được viên thông?

Có một vị quán mũi thấy hơi thở trắng hết, nhưng đó chỉ là phương tiện, chỉ khiến nhiếp tâm trụ, tức là chú tâm ở ngay chỗ hơi thở ra của mũi, ngoài ra chỗ khác không để ý. Ban đầu tâm không trụ được, đến chừng trụ tâm được một chỗ rồi, thì chỗ đó thành có sở trụ. Có sở trụ là chướng ngại cái dụng của tâm, nên không được viên thông. Vì bản thể của tâm là vô sở trụ.

Thuyết pháp dùng âm thanh,
Khai ngộ người đã thành.
Lời nói chẳng vô lậu.
Làm sao được viên thông?

Tu Bồ Đề thuyết pháp là hạng nhất, nhưng thuyết pháp là để cho người tu đến mức độ công phu gần đến ngộ, khi nghe đến đó thì ngộ liền. Nếu dùng âm thanh để khai ngộ cho người công phu gần thành tựu thì mới được.

Những người sơ tham, mặc dầu tham năm, mười năm mức độ còn kém thì nghe đâu thể khai ngộ! Nếu nghe mà chấp theo kiến giải thì thêm chướng

ngại. Thành ra lời nói chẳng vô lậu. Lậu là tập khí phiền não. Cho nên không được viên thông.

Trì phạm chỉ trói thân,
Phi thân chẳng thể trói.
Vốn chẳng khắp tất cả,
Làm sao được viên thông?

Khi thọ giới, cư sĩ tại gia thọ ngũ giới, hoặc thọ Bồ Tát giới, hay thọ Bát Quan Trai giới; có theo giới thực hành gọi là trì, nếu phạm giới gọi là phạm. Ở đây nói: “Trì với phạm đều là trói thân”. Vô sắc giới không có thân, lấy cái gì để trì để phạm?

Vậy trì phạm là người có thân. Vô sắc giới cũng là phạm phụ vậy! Sắc giới và dục giới phải có trì phạm, vì họ có thân. Còn phi thân (chẳng có thân), như vô sắc giới không có thân thì không thể trói. Cho nên, không cùng khắp, làm sao được viên thông?

Thần thông vốn sẵn đủ,
Chẳng do luyện mới có.
Tác ý không lia vật,
Làm sao được viên thông?

Thần thông của mọi chúng sanh đều sẵn đầy đủ bằng như Phật, nhưng Phật làm được mà mình làm không được, vì tư tưởng mình chấp thật nên bị chướng ngại, tức là tập khí phiền não làm chướng ngại. Mình tu là luyện bỏ tập khí, nhưng thần thông này không phải do luyện mà có; tức là không phải do tu mới có, đã sẵn có nhưng chưa hiện ra nên dùng chẳng được.

Thần thông của tâm mình khỏi cần tác ý, như thần thông của Quán Thế Âm không cần tác ý gọi là vô tác diệu lực. Tất cả tà ma ngoại đạo có tác ý mới dùng thần thông được. Tác ý thì phải dính mắc với vật, không lia được vật chất thì bị vật chất làm chướng ngại, làm sao được viên thông?

Nếu quán theo tánh địa,
Ngăn ngại chẳng thông suốt.
Hữu vi chẳng phải tánh,
Làm sao được viên thông?

Địa là ngăn ngại thì không thông suốt. Địa thuộc hữu vi, nếu dùng hữu vi thì không phải bậc thánh, vô vi mới là bậc thánh. Hữu vi chẳng phải thánh, làm sao được viên thông?

Nếu quán theo tánh thủy,
Niệm tưởng chẳng chơn thật.
Giác quán chẳng như như,
Làm sao được viên thông?

Thủy cũng vậy, niệm tưởng không chân thật, nổi niệm mới có. Niệm đó không chân thật gọi là vọng niệm. Giác quán là như như, không có niệm nào hết. Nếu có tưởng niệm thì không giác quán, như vậy làm sao được viên thông?

Nếu quán theo tánh hỏa,
Có chán chẳng phải chơn.
Chẳng thích hợp sơ cơ,
Làm sao được viên thông?

Chơn là chơn giải thoát, chán là nhầm chán, cũng như mình sợ lửa. Nếu có chán thì không giải thoát, chẳng thích hợp sơ cơ, làm sao được viên thông?

Chánh văn:

-Nhược dĩ Phong tánh quán,
(Nếu quán theo tánh Phong),
Động tịch phi vô đối,
(Động tịch là đối đãi),
Đối phi vô thượng giác,
(Chẳng phải vô thượng giác),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Nhược dĩ Không tánh quán,
(Nếu quán theo tánh Không),
Hỗn độn tiên phi giác,
(Ngoan không chẳng phải giác),
Vô giác dị Bồ Đề,
(Chẳng giác nghịch Bồ Đề),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Nhược dĩ Thức tánh quán,
(Nếu quán theo tánh Thức),
Quán thức phi thường trụ,
(Sanh diệt chẳng thường trụ),

Tồn tâm mãi hư vọng,
(Trạm nhiên vẫn hư vọng),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
-Chư hạnh thị vô thường,
(Các hạnh là vô thường),
Niệm tánh nguyên sanh diệt,
(Tánh niệm vốn sanh diệt),
Nhân quả kim thù cảm,
(Nhân với quả khác nhau),
Vân hà hoạch viên thông?
(Làm sao được viên thông?)
- Ngã kim bạch Thế Tôn,
(Nay con bạch Thế Tôn),
Phật xuất Ta Bà giới,
(Phật hiện cõi Ta Bà),
Thử phương chơn giáo thể,
(Giáo thể ở cõi này),
Thanh tịnh tại âm văn,
(Âm văn trong sạch nhất),
Dục thủ Tam Ma Đề,
(Muốn đắc Tam Ma địa),
Thiệt dĩ Văn trung nhập,
(Nên từ Văn mà vào),
Ly khổ đắc giải thoát,
(Lành thay Quán Thế Âm),
Lương tai Quán Thế Âm,
(Lìa khổ được giải thoát),
Ư hăng sa kiếp trung,
(Trải qua hằng sa kiếp),
Nhập vi trần Phật quốc,
(Vào vô số cõi Phật),
Đắc đại tự tại lực,
(Dùng sức đại tự tại),
Vô úy thí chúng sanh,
(Thí chúng sanh vô úy),
Diệu âm Quán Thế Âm,
(Diệu âm Quán Thế Âm),
Phạn âm hải triều âm,
(Phạn âm hải triều âm),

Cứu thế tất an ninh,
(Cứu thế đều an lành),
Xuất thế hoạch thường trụ.
(Xuất thế được thường trụ).
-Ngã kim khai Như Lai,
(Nay xin bạch Như Lai),
Như Quán Âm sở thuyết,
(Theo lời Quán Âm nói),
Thí như nhân định cư,
(Như người đang yên tĩnh),
Thập phương cụ kích cô,
(Mười phương đồng đánh trống),
Thập xứ nhất thời vãn,
(Mười chỗ nghe một lượt),
Thử tác viên chơn thật.
(Là viên thông chơn thật).
-Mục phi quán chướng ngại,
(Mắt chẳng thấu chướng ngại),
Khẩu tử diệc phục nhiên,
(Miệng mũi cũng như thế),
Thân dĩ hiệp phương tri,
(Thân xúc hợp mới biết),
Tâm niệm phân vô tự.
(Tâm niệm thì lãng xảng).
Cách viên thính âm hưởng,
(Cách tường nghe âm vang),
Hà nhĩ câu khả vãn,
(Xa gần đều nghe được),
Ngũ căn sở bất tề,
(Ngũ căn chẳng thể bằng),
Thị tác thông chơn thật.
(Là viên thông chơn thật).

Giải thích:

Nếu quán theo tánh phong,
Động tịnh là đối đãi.
Chẳng phải vô thượng giác,
Làm sao được viên thông?

Phong là gió, gió thì có động, hết gió thì lại tĩnh. Động tĩnh là tương đối, nếu có tương đối thì không phải vô thượng giác. Vô thượng giác không có tương đối, tức là tuyệt đối. Nếu có tương đối, làm sao được viên thông?

Nếu quán theo tánh không,
Ngoan không chẳng phải giác.
Chẳng giác nghịch Bồ Đề,
Làm sao được viên thông?

Nếu quán hư không, hư không là ngoan không chẳng có tri giác; nếu chẳng có tri giác thì không phải Bồ Đề, tức là nghịch với Bồ Đề. Vậy làm sao được viên thông?

Nếu quán theo tánh thức,
Sanh diệt chẳng thường trụ.
Trạm nhiên vẫn hư vọng,
Làm sao được viên thông?

Thức là phân biệt, nếu quán theo tánh thức, thức là biết cái sanh diệt; nhưng sanh diệt chẳng thường trụ, có khi sanh có khi diệt thay phiên lẫn nhau. Mặc dầu, trạm nhiên không lay động, nhưng vẫn là hư vọng. Thức như nước trong lạng, nhưng không phải thường trụ.

Nước vốn trong lạng, vì bỏ đất cát vô thì thành nước đục. Nếu để cho đất chìm xuống thì nước trong lạng, nhưng ở dưới đáy vẫn còn đất cát. Khi lay động nó trở thành nước đục, nên nói chẳng thường trụ. Phải bỏ đất cát, chỉ còn lại nước trong, tức là phải luyện thức thành trí mới được. Nếu chỉ quán theo tánh thức thì sanh diệt chẳng thường trụ. Dù đến trạm nhiên cũng là hư vọng. Nên nói không được viên thông.

Các hạnh là vô thường,
Tánh niệm vốn sanh diệt.
Nhân với quả khác nhau,
Làm sao được viên thông?

Ngũ uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Hành là thay đổi biến hóa, như mặt mũi đang thay đổi từng sát na, do mình không biết; nhưng cách thời gian dung mạo mặt mũi thay đổi khác, nó hay biến đổi gọi là vô thường.

Tánh niệm vốn trong sạch: Tâm niệm của mình cũng là cái hạnh. Niệm giây thứ nhất diệt thì niệm giây thứ hai nổi lên, niệm giây thứ hai diệt thì niệm

giây thứ ba nổi lên. Mỗi niệm đều sanh diệt, tại mình không biết, tưởng có một cái niệm. Nhưng sự thật tâm niệm mình sanh diệt rất mau. Trong kinh thí dụ: “Tâm niệm sanh diệt nhanh như dòng suối chảy gấp, nhìn thấy như không chảy”.

Nhân với quả đồng nhau, vì mình cho là một niệm; nhưng sự thật muôn ngàn niệm sanh diệt hoài, tối ngày sáng đêm niệm khởi niệm diệt mình không biết. Như các tế bào thay đổi mà mình không biết, tức là đang hành gọi là hành uẩn. Nhân với quả khác nhau, liên tiếp chứ không phải một. Cho nên, không được viên thông.

Nay con bạch Thế Tôn,
Phật hiện cõi Ta Bà.
Giáo thể ở cõi này,
Âm văn trong sạch nhất.

Cõi Ta Bà thì dùng âm thanh, tức là lựa phần văn (âm thanh) để tu dễ nhất. Cho nên, dùng âm văn trong sạch nhất, để đạt đến viên thông.

Muốn đắc tam ma địa,
Nên từ văn mà vào.

Tức là học Quán Thế Âm, trên nói ban đầu nghe động, sau này bỏ động nghe tịnh, kể đến động tịnh đều bỏ. Cứ từ từ mà vào thì cuối cùng mới được viên thông. Cho nên, Văn Thù tán thán.

Lành thay Quán Thế Âm,
Trải qua hàng sa kiếp,
Vào vô số cõi Phật.
Dùng sức đại tự tại,
Thí chúng sanh vô úy.

Đại tự tại thì không dùng sức là tự động, nếu dùng sức thì không tự động. Để hình dung sức đại tự tại tức là không có sức gì cả, gọi là vô tác diệu lực, để bố thí cho chúng sanh được vô úy (không sợ hãi).

Diệu âm Quán Thế Âm
Phạn âm hải triều âm.
Cứu thế đều an lành,
Xuất thế được thường trụ.

Do diệu lực tự tại của Quán Thế Âm độ chúng sanh, như hải triều âm là tiếng của biển ngày đêm kêu ồ ồ liên tục không dứt, ấy gọi là hải triều âm; để thí dụ cái âm của tâm mình như hải triều âm. Mặc dầu, nó không có âm, nên mới dùng hải triều âm để ví dụ không bao giờ ngừng. Dùng để cứu chúng sanh nhưng không có dùng, cứu chúng sanh được an lành, xuất thế được thường trụ. Nếu được giác ngộ thì được thường trụ.

Nay xin bạch Như Lai,
Theo lời Quán Âm nói.
Như người đang yên tịnh,
Mười phương đồng đánh trống.
Mười chỗ nghe một lượt,
Là viên thông chân thật.

Mình dùng tánh vắng để tu, trong này có thí dụ mười phương đồng đánh trống, mình đồng thời nghe đủ mười phương, nghe cùng một lượt, không có trước có sau, không thiếu phương nào cả; tức là khắp hư không, cũng là viên thông chân thật.

Cho nên, Văn Thù nói cách tu của Quán Thế Âm là thích hợp cho người cõi Ta Bà để tu, ngài Hư Vân nói: “Phản vắng vắng tự tánh của Quán Thế Âm là tham Tổ Sư thiền”. Chiếu cố thoại đầu tức phản vắng vắng tự tánh là viên thông chơn thật.

Mắt chẳng thấu chướng ngại,
Miệng mũi cũng như thế.
Thân xúc hợp mới biết,
Tâm niệm thì lắng xả.
Cách tường nghe âm vang,
Xa gần đều nghe được.
Ngũ căn chẳng thể bằng,
Là viên thông chơn thật.

Con mắt cách vách tường không thể thấy được, gọi là mắt chẳng thấu chướng ngại. Miệng mũi cũng như thế. Miệng ăn, lưỡi tiếp xúc đồ ăn mới biết vị ngọt vị đắng. Thân xúc hợp mới biết, ly thì không biết. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân không bằng cái nghe.

Cái nghe cách tường vẫn nghe, con mắt không thấu được; ở ngoài người ta lớn tiếng, mình ở trong này vẫn nghe được, không bị vách tường làm chướng ngại, xa gần đều nghe được. Ngũ căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân)

không thể bằng nhĩ căn (tánh nghe), cho nên, chọn nhĩ căn để tu là viên thông nhất.

Hỏi:

Ăn chay có thể ăn nhưng được không?

Đáp:

Đến mùa người ta ăn nhưng, các thầy thuốc khác thu tiền vô, hơn làm cả một năm. Tôi ở Cà Mau làm thầy thuốc, những người tôi trị hết bệnh, hỏi tôi có cần ăn nhưng không? Tôi nói: Không. Vì có liên quan sát sanh, uống sâm thì được. Tôi làm như vậy, các ông chủ tiệm thuốc bắc không vui lòng. Nhưng lập trường của tôi là vậy. Chứ bảo người ta sát sanh mà mình được tiền, nhưng có nhân quả thì tôi không làm.

Tôi thường nói: Uống sữa bò, uống mật ong và ăn trứng gà. Có người không ăn trứng gà, mà uống mật và uống sữa bò. Theo thực tế ăn trứng gà không có trứng (không sanh mạng), mình ăn có nhân quả ít hơn uống sữa bò và uống mật ong.

Tại sao? Vì uống mật ong là dành lương thực của con ong. Uống sữa bò là dành lương thực của bò con. Còn trứng gà không có trứng giống như phân của con gà, mình ăn không có nhân quả gì hết. Phật có dùng mật ong và sữa bò, người ta cho là được. Ở Trung Quốc, nhà nào cũng nuôi gà thả ăn tự do, khó biết được trứng có trứng hay không trứng; lý do này, người ta tránh sát sanh nên không ăn trứng gà. Nhưng tôi có cách biết được, là lấy trứng gà đưa trước ánh đèn, nếu nhìn thấy trứng gà có lần chỉ đen là trứng gà có trứng, còn không thấy gì hết thì trứng gà không trứng.

Chánh văn:

-Âm thanh tánh động tịnh,
(Âm thanh có động tịnh),
Văn trung vi hữu vô,
(Nơi nghe thành có không),
Vô thanh hiệu vô văn,
(Tiếng dứt gọi chẳng nghe),
Phi thật văn vô tánh.
(Đâu phải dứt tánh nghe).

Thanh vô ký vô diệt,
(Chẳng tiếng, nghe chẳng diệt),
Thanh hữu diệt phi sanh.
(Có tiếng, nghe chẳng sanh).
Sanh diệt nhị viễn ly,
(Sanh diệt thấy đều lìa),
Thị tắc thường chơn thật,
(Ấy là thường chơn thật),
Túng linh tại mộng tưởng,
(Dẫu lúc đang nằm mơ),
Bất vi bất tư vô,
(Không tưởng nghe vẫn còn),
Giác quán xuất tư duy,
(Giác quán vượt suy tư),
Thân tâm bất năng cập.
(Thân tâm chẳng thể đến).
Kim thử Ta Bà Quốc,
(Nay cõi Ta Bà này),
Thanh luận đặc tuyên minh.
(Thanh giáo được giảng rõ).
Chúng sanh mê bản vấn,
(Chúng sanh mê Bản Vấn),
Tuần thanh cố lưu chuyển,
(Đuôi theo tiếng lưu chuyển),
A Nan túng cường ký,
(A Nan dù nhớ hay),
Bất miễn lạc tà tư.
(Chẳng khỏi kẹt tà tưởng).
Khởi phi tùy sở luân,
(Theo vật bị chìm đắm),
Triền lưu hoạch vô vọng,
(Phản vấn được lìa vọng),
A Nan ngữ đế thính,
(A Nan hãy lắng nghe),
Ngã thừa Phật oai lực,
(Ta thừa oai thần Phật),
Tuyên thuyết Kim Cang Vương,
(Khai giảng pháp Kim Cang),
Nhu huyễn bất tư nghi,
(Chánh định sanh chư Phật),

Phật mẫu chơn tam muội.
(Như huyền bất tư nghì).
-Ngũ văn vi trần Phật,
(Ngươi nghe vô số Phật),
Nhất thiết bí mật môn.
(Tất cả pháp bí mật).
Dục lậu bất tiên trừ,
(Nếu chẳng trừ dục lậu),
Súc văn thành quá ngộ,
(Chấp nghe thành lỗi lầm),
Tương văn trì Phật Phật,
(Dùng nghe, chấp lời Phật),
Hà bất tự văn văn?
(Đâu bằng nghe bản văn?)
-Văn phi tự nhiên sanh,
(Nghe chẳng tự nhiên sanh),
Nhân thanh hữu danh tự,
(Do tiếng có tên "nghe"),
Triền văn dữ thanh thoát,
(Xoay nghe thoát khỏi tiếng),
Năng thoát dục thù danh?
(Đặt tên "nghe" cho ai?)
-Nhất căn ký phản nguyên,
(Nhất căn trở về cội),
Lục căn thành giải thoát,
(Lục căn thành giải thoát),
Kiến văn như huyền ế,
(Kiến văn như bệnh nhậm),
Tam giới nhược không hoa.
(Tam giới như hoa đốm).
Văn phục ế căn trừ,
(Phản văn bệnh nhậm trừ),
Trần tiêu giác viên tịnh,
(Trần tiêu, giác trong sạch),
Tịnh cực quang thông đạt,
(Cực trong sáng thông suốt),
Tịch chiếu hàm hư không.
(Chiếu soi khắp hư không).
Khước lai quán thế gian,
(Trở lại xem thế gian),

Do như mộng trung sự.
(Đều như việc trong mộng).
Ma Đăng Già tại mộng,
(Ma Đăng Già trong mộng),
Thùy năng lưu nhữ hình!
(Sao nhiếp được thân người!)
-Như thế xảo huyền sư,
(Như người khéo huyền thuật),
Huyền tác chư nam nữ,
(Làm ra hình nam nữ),
Tuy kiến chư căn động,
(Dù thấy lục căn động),
Yếu dĩ nhất cơ trừu.
(Do sợi dây điều khiển)
Tức cơ quy tịch nhiên,
(Vi huyền vốn chẳng tánh),
Chư huyền thành vô tánh.
(Dây ngưng thành vắng lặng).
Lục căn diệt như thị,
(Lục căn cũng như vậy),
Nguyên y nhất tinh minh,
(Dựa nhất tâm sáng tỏ),
Phân thành lục hòa hiệp,
(Chia thành lục hòa hợp),
Nhất xứ thành hư phục.
(Nhất căn đã về cội).
Lục dụng giai bất thành.
(Lục dụng đều chẳng thành).
Trần cầu ứng niệm tiêu,
(Trần cầu ngay đó tiêu),
Thành viên minh tịnh diệu.
(Thành sáng tỏ trong sạch).
Dư trần thượng chư học,
(Ngôi học còn dính bụi), (7)
Minh cực tức Như Lai.
(Cực sáng tức Như Lai).
-Đại chúng cập A Nan,
(Đại chúng và A Nan),
Triển nhữ đảo văn cơ.
(Xoay cái văn điên đảo).

Phản văn văn tự tánh,
(Phản văn bản tánh văn), (8)
Tánh thành vô thượng đạo,
(Mới thành vô thượng đạo),
Viên thông thật như thị.
(Viên thông thật như thế).
-Thử thị vi trần Phật,
(Đây là vô số Phật),
Nhất lộ Niết Bàn môn.
(Một cửa vào Niết Bàn).
Quá khứ chư Như Lai,
(Quá khứ chư Như Lai),
Tư môn dĩ thành tựu,
(Do cửa này thành tựu),
Hiện tại chư Bồ Tát.
(Hiện tại chư Bồ Tát).
Kim các nhập viên minh,
(Mỗi mỗi vào diệu minh),
Vị lai tu học nhân,
(Người tu học vị lai),
Đương y như thị pháp.
(Nên y theo pháp này).
Ngã diệc tùng trung chứng,
(Chẳng những Quán Thế Âm),
Phi duy Quán Thế Âm,
(Ta chứng cũng cửa này),
-Thành như Phật Thế Tôn,
(Đúng như lời Thế Tôn),
Tuân ngã chư phương tiện,
(Hỏi về các phương tiện),
Dĩ cứu chư mạng kiếp,
(Để cứu độ mạng kiếp),
Cầu xuất thế gian nhân,
(Người cầu pháp xuất thế),
Thành tựu Niết Bàn tâm,
(Thành tựu tâm Niết Bàn),
Quán Thế Âm vi tối.
(Quán Thế Âm hơn cả).
-Tự dư chư phương tiện,
(Ngoài ra phương tiện khác),

Giai thị Phật oai thần,
(Đều là oai thần Phật),
Tức sự xả trần lao,
(Sâu cạn tùy cơ thuyết),
Phi thị thường tu học,
(Khiến xả bỏ trần lao).
Thiền thâm đồng thuyết pháp.
(Chẳng phải lối tu chánh).
-Đánh lễ Như Lai tạng.
(Đánh lễ Như Lai tạng),
Vô lậu bất tư nghi,
(Vô lậu bất tư nghi),
Nguyện gia bị vị lai,
(Nguyện giúp đỡ đời sau),
Ư thử môn vô hoặc,
(Chẳng làm nơi cửa này),
Phương tiện dị thành tựu,
(Phương tiện dễ thành tựu),
Khâm dĩ giáo A Nan,
(Đề dạy cho A Nan),
Cấp mạng kiếp trầm luân,
(Và chúng sanh mạng kiếp),
Đản dĩ thử căn tu,
(Cứ theo căn này tu),
Viên thông siêu dư giả,
(Viên thông hơn pháp khác),
Chơn thật tâm như thị.
(Thế là tâm chơn thật).

Giảng giải:

Âm thanh có động tịnh,
Nơi nghe thành có không.
Tiếng dứt gọi chẳng nghe,
Đâu phải dứt tánh nghe.

Tiếng và nghe khác nhau; tiếng dứt nói chẳng nghe, chẳng nghe thì không có tánh. Tánh nghe không sanh diệt, tiếng (âm thanh) có sanh diệt; tức có âm thanh là động, không có âm là tịnh. Nếu không có tánh nghe để nghe tịnh, làm sao biết lúc đó là tịnh?

Cho nên, tiếng dứt là tịnh, không phải không nghe, vì vẫn còn nghe nên mới biết tịnh, đâu phải dứt tánh nghe! Nếu tánh nghe dứt làm sao biết tịnh? Tánh nghe không dứt, nếu thân này chết, tánh nghe vẫn còn; nó tồn tại vĩnh viễn, cũng như tánh thấy vậy.

Chẳng tiếng nghe chẳng diệt,
Có tiếng nghe chẳng sanh.

Không tiếng nghe vẫn còn, không phải diệt; mà có tiếng, cái nghe không phải mới sanh! Tánh nghe thì vô thủ vô chung, vĩnh viễn tồn tại. Không phải có tiếng, tánh nghe mới sanh, không tiếng mà tánh nghe lại diệt!

Sanh diệt thấy đều lìa,

Ấy là thường chơn thật.

Tánh nghe tánh thấy lìa sanh diệt, thường chơn thật thì không có sanh diệt, tồn tại vĩnh viễn, nhưng người ta không tin. Thân có lay động, nên biến đổi thì chết mất, không được chơn thật.

Dẫu lúc đang nằm mơ,
Không tưởng, nghe vẫn còn.

Mình đang nằm mơ không suy nghĩ, nhưng tánh nghe vẫn còn.

Giác quán vượt suy tư.
Thân tâm chẳng thể đến.

Dùng bộ óc để suy nghĩ, chính suy nghĩ này làm chướng ngại tự tánh của mình. Nhà khoa bắt chước bộ ghi nhớ tinh vi của bộ óc, tạo ra cái máy điện toán. Cái ghi nhớ đó rất hay, không nhớ lộn không quên. Chính người làm ra cái máy đó hay nhớ lộn hay quên.

Mình giao cho nó nhớ cái gì thì nhớ mãi, không quên không lộn. Đến chừng mình hỏi thì nó trả lời liền. Như mình đem chín con số nhân với chín con số, ra đáp án rất lâu. Giao đáp án cho nó ghi nhớ, khi nào cần thì nó chỉ ra đáp án liền. Bây giờ 300 triệu dân Mỹ, nó không nhớ lộn.

Người tạo ra tại sao nhớ lộn? Vì có bộ phận suy nghĩ làm ảnh hưởng, gọi là giác quán vượt suy tư. Cái này mình phải có tu mới làm được. Nhưng cái máy thì làm được, vì không có bộ phận suy tư, chỉ có bộ phận ghi nhớ.

Nếu đã vượt ra ngoài suy tư, thì chỗ đó thân tâm chẳng thể đến. Chỗ đó là bản tâm bản tánh của mình, vì không hình tướng số lượng; nên thân tâm không thể đến, phải có số lượng mới suy tư. Giác quán vượt ra ngoài suy tư, chỉ có người tu tự ngộ tự chứng làm được.

Hỏi:

Nói tánh thấy tánh nghe: “Thường nghe như chưa nghe, thường thấy khi chưa thấy”. Câu này người ta khó hiểu, xin thầy giải thích?

Đáp:

Có tiếng cho là động, không tiếng cho là tịnh, đó là sanh diệt của âm thanh; động là âm thanh sanh, tịnh là âm thanh diệt. Còn tánh nghe: Khi chưa nghe vẫn có tánh nghe, động cũng đang nghe, tịnh vẫn đang nghe. Dầu cho không động tịnh, nó vẫn đang nghe, luôn luôn nghe, không bắt đầu và cuối cùng, vì khắp thời gian. Cho nên, Thiên tông nói tánh nghe: Thường nghe khi chưa nghe.

Chưa nghe là tác dụng của bộ óc, thuộc về suy tư, còn cái kia không phải suy tư. Nếu vượt ra ngoài suy tư thì suy tư không có, nên không dính dáng với suy tư. Chỗ đó là bản tâm của mình, muốn hiện bản tâm thì phải tu đến kiến tánh mới hiện lên được.

Thường thấy khi chưa thấy, thường nghe khi chưa nghe, là hiển bày tánh thấy tánh nghe luôn luôn sẵn có, không bao giờ có gián đoạn và không có sự bắt đầu.

Sự thật lý tuần hoàn không bắt đầu và cuối cùng. Dùng kính hiển vi để xem cái bàn cái tách thì thấy mỗi hạt nguyên tử đang xoay. Sự xoay không bắt đầu và cuối cùng, bất cứ giờ nào nó cũng đang xoay. Nếu dùng kính hiển vi ai cũng thấy được.

Mặt trăng đang xoay xung quanh quả đất, quả đất đang xoay xung quanh mặt trời không bao giờ ngưng. Theo nhà khoa học nói: “Cứ 1 giờ thì quả đất xoay 180.000 cây số”. Hiện giờ chúng ta ngồi đây, như ngồi trên chiếc phi thuyền đang bay, mà mình không hay biết.

Dù mình không hay biết, nhưng nó cũng đang bay; nếu nói theo quả đất để diễn tả là: “Quả đất thường bay khi chưa bay”. Như vậy, tánh nghe thì: “Thường nghe khi chưa nghe”. Tánh thấy thì: “Thường thấy khi chưa thấy”.

Bắt đầu và cuối cùng là do bộ óc nhận thức sai lầm, cho là có bắt đầu cuối cùng. Phật đã nói trắng ra, không bắt đầu và cuối cùng. Cho nên, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh. Nếu có sanh thì phải có bắt đầu, nhưng sự thật vốn không bắt đầu. Vũ trụ vạn vật không cái nào có bắt đầu, tại không có lý do bắt đầu.

Nhưng tánh chấp con người, phải tìm ra sự bắt đầu mới được. Như nhà khoa học, triết học muốn tìm bắt đầu của con người và vũ trụ. Nếu theo lập trường của Phật gọi là si mê. Không bắt đầu mà tìm bắt đầu làm sao được? Cho nên nói: Thân tâm chẳng thể đến.

Nay cõi Ta Bà này,
Thanh giáo được giảng rõ.
Chúng sanh mê bản văn,
Đuổi theo tiếng lưu chuyên.

Vì mình có tư tưởng chấp thật, đuổi theo tiếng và âm thanh ở cõi Ta Bà. Bản văn là tánh nghe, mình bị mê hoặc, không chịu nhìn nhận tánh nghe của mình là không sanh diệt. Cứ đuổi theo tiếng và âm thanh, có tiếng nói là nghe, không tiếng nói không nghe. Đó không đúng với thật tế. Không tiếng tánh vẫn vẫn nghe, chứ không phải không nghe. Vì mê bản văn mới đuổi theo tiếng, nên bị âm thanh lừa gạt.

Phật đã nói rõ chỗ này.
A Nan dù nhớ hay,
Chẳng khỏi kẹt tà tướng.
Theo vật bị chìm đắm,
Phản văn được lìa vọng.

Vì đuổi theo cảnh thì cảnh làm chướng ngại, nên bị kẹt nơi suy nghĩ (tướng). Như ông nói nghiệp chướng nặng, do ông suy nghĩ cái sở suy nghĩ. Sự thật tâm không suy nghĩ thì không có nghiệp chướng (sở suy nghĩ). Cho nên, ở đây nói chẳng khỏi kẹt tà tướng, theo vật bị chìm đắm; tại đuổi theo vật, nên phải chìm đắm trong lục đạo luân hồi.

A Nan hãy lắng nghe,
Ta thừa oai thân Phật.
Khai giảng pháp kim cang,
Chánh định sanh chư Phật.

Văn Thù Bồ Tát nói A Nan phải chú ý nghe: Ta thừa oai thần của Phật, khai giảng pháp kim cang tức là pháp không hư hoại. Nên lấy kim cang để ví dụ cái pháp. Người nào giác ngộ thành Phật thì sẵn có chánh định. Nên nói chánh định sanh chư Phật, vì tới chánh định mới đến địa vị Phật.

Như huyền bất tư nghi.

Lục căn tiếp xúc lục trần đều là huyền, nhưng là trong chiêm bao; nên như huyền không phải huyền, vì mình chấp thật mới thành huyền. Chỗ này trong kinh Lăng Già giải thích rất rõ ràng.

Người nghe vô số Phật,
Tất cả pháp bí mật.
Nếu chẳng trừ dục lậu,
Chấp nghe thành lỗi lầm.

Vô số Phật thuyết pháp là không có pháp để thuyết. Vì vốn là không có pháp, tại có tâm chấp của chúng sanh đã có bệnh giả, thì Phật mới dùng thuốc giả để đối trị bệnh giả của chúng sanh. Cho nên, vô số Phật thuyết pháp bất khả tư nghi, nhưng cũng như huyền; không phải thật, gọi là như huyền bất tư nghi. Pháp bí mật mà tai mắt tiếp xúc không được cho là bí mật, sự thật không có bí mật.

Lậu là tập khí phiền não, dục là sự ham thích; mắt thích sắc đẹp, tai ham nghe khen ngợi, mũi muốn ngửi mùi thơm, lưỡi ưa ăn đồ ngon. Do chấp các cảnh vật cho là thật, nếu không trừ dục lậu, chấp nghe thành lỗi lầm. Chấp nghe thì không nghe động phải nghe tịnh. Cho nên, phần văn không phải nghe động tịnh.

Dùng nghe giữ lời Phật.
Đâu bằng nghe bản văn?
(Nghe bằng tánh nghe).
Nghe chẳng tự nhiên sanh,
Do tiếng có tên “nghe”.
Xoay nghe thoát khỏi tiếng.
Đặt tên nghe cho ai?

Những người giảng kinh Lăng Nghiêm và nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm cho phần văn là trở về nghe tịnh, không nghe động là nghe tự tánh, ấy là sai lầm. Tại sao? Trong này nói: “Nghe chẳng tự nhiên sanh, do tiếng có tên

nghe”. Phán văn là xoay cái nghe lìa khỏi tiếng, đã lìa khỏi tiếng thì đặt tên nghe cho ai? Cho nên, phán văn không cần nghe.

Tánh thấy tánh nghe nghe không lay động, mà không nói là thấy là nghe là cái gì! Vì đã lìa âm thanh là không động tịnh thì đâu cần nghe nữa! Nên nói: “Thường nghe khi chưa nghe”. Nếu nghe thì phải nghe động, nghe tịnh. Vậy, lìa khỏi tiếng không cần chữ “nghe”, còn đặt tên nghe cho ai? Đó là chánh văn của kinh Lăng Nghiêm.

Nhất căn trở về cội,
Lục căn thành giải thoát.
Kiến văn như bệnh nhậm,
Tam giới như hoa đốm.
Phán văn bệnh nhậm trừ,
Trần tiêu giác trong sạch.

Phán văn tức là nhĩ căn trở về cội, cội là bản tâm, Phật tánh, tự tánh. Tự tánh vốn là một, còn lục căn đâu phải 6 thứ? Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm đều trở về cội. Một căn trở về cội thì lục căn thành giải thoát. Vì về cội chỉ có một, như kiến là thấy, văn là nghe; có thấy nghe là bệnh nhậm, tức con mắt bệnh.

Trở về cội không phải là không thấy nghe, nhưng thấy nghe ấy tự động không qua tác ý, giống cái dụng của hư không. Như cái dụng của tấm gương sáng, hình nam hình nữ đến trước gương, đều chiếu soi rõ ràng, nhưng nó không nói tôi đang chiếu soi.

Hỏi:

Tiểu thừa dứt lục căn, sao không được giải thoát?

Đáp:

Tiểu thừa dứt lục căn, nhưng có pháp dứt lục căn, rồi cho là không có lục căn. Đại thừa thì lục căn vẫn y như cũ, mắt vẫn dùng để thấy tai vẫn dùng để nghe, chỉ là không chấp thật. Cái tách vẫn là cái tách, cái lư vẫn là cái lư. Nhưng không chấp cái tách là thật, cái lư là thật. Tức là không lấy ý tưởng xen vào trong đó.

Như công án: “Thấy núi sông vẫn là núi sông”, có thể lưu bố tượng không trước tượng, chứ không phải dẹp thể lưu bố tượng. Tiểu thừa đem thể lưu bố tượng dẹp đi là phá hoại pháp thể gian, không đúng với thực tế.

Cái gì cũng y như cũ thôi, nói có là thêm, nói không là bớt; không có thêm bớt, nên không bị thêm bớt dính mắc. Nhưng không phải hoàn toàn không có, chỉ là không dính mắc tức là nghĩa vô sở trụ.

Quyển 8

Chánh văn:

-A Nan! Như vậy chúng sanh trong mỗi loài đều gồm đủ 12 thứ điên đảo, cũng như bụi mắt thấy hoa đóm lãng xăng, thấy đều từ diệu tâm sáng tỏ vọng sanh điên đảo, nên có đủ thứ tư tưởng hư vọng tán loạn như thế. Nay người tu chứng Tam Ma Địa, đối với bản nhân của tư tưởng tán loạn ấy, phải lập ba tiệm thứ mới có thể diệt trừ, cũng như muốn trừ mật độc trong bình để đựng cam lồ, thì phải dùng nước sôi và tro rửa sạch cái bình, rồi mới đựng cam lồ.

-Thế nào gọi là ba tiệm thứ? Một là tu tập trừ các trợ nhân; hai là chơn tu, nạo sạch chánh tánh (tánh tâm dục); ba là tinh tấn, xoay ngược hiện nghiệp.

1. Sao gọi là trợ nhân?

-A Nan! 12 loại chúng sanh trong thế giới, chẳng thể tự sống, phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng, ấy là: ăn bằng cách nhai xé như con người; ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần; ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ Thiên và ăn bằng ý thức như cõi Tứ không, cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại.

-A Nan! Tất cả chúng sanh, ăn ngọt thì sống, ăn độc thì chết. Vậy chúng sanh cầu Tam Ma Địa, nên dứt bỏ ngũ tân của thế gian, ngũ tân này hễ ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm sân hận. Những người ăn ngũ tân, dù biết giảng giải mười hai bộ kinh, nhưng mười phương thiên tiên đều chê mùi hôi thối ấy mà tránh xa; các loài ma quỷ, thừa lúc đang ăn ngũ tân, liếm môi của họ, người ấy thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, chẳng được lợi ích.

-Người ăn ngũ tân mà tu Tam Ma Địa, thì Bồ Tát, Thiên Tiên, mười phương thiện thần chẳng đến hộ vệ. Đại lực ma vương có cơ hội hiện ra thân Phật, thuyết pháp cho họ, chê bai giới cấm, tán thán dâm dục và sân si. Người ấy chết thành quyến thuộc ma, khi hết phước báo của ma, liền đọa ngục A Tỳ.

-A Nan! Người tu đạo Bồ Đề phải dứt hẳn ngũ tân, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ nhất.

2. Sao gọi là nạo sạch Chánh Tánh?

-A Nan! Chúng sanh muốn vào Tam Ma Địa, trước tiên phải giữ giới trong sạch, dứt hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ nấu chín, chẳng ăn đồ sống.

-A Nan! Người tu hành nếu chẳng dứt dâm dục và sát sanh, mà muốn ra khỏi ba cõi thì chẳng có chỗ đứng. Nên phải xem sự dâm dục như rắn độc, như kẻ thù.

-Trước tiên phải giữ Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn, trì thân chẳng động, sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi. Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh tương sát; đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau, và khỏi phải trả nợ của thế gian.

-Người trong sạch ấy tu Tam Ma Địa, với cái thân của cha mẹ sanh, chẳng cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, gặp Phật nghe pháp, vâng lãnh thánh chỉ, được đại thần thông, dạo khắp cõi mười phương, túc mạng trong sạch, chẳng còn những điều khó khăn nguy hiểm, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

3. Sao gọi là Xoay ngược Hiện Nghiệp?

-A Nan! Người giữ giới trong sạch như thế, tâm chẳng tham dâm thì chẳng dong ruồi theo lục trần bên ngoài, do sự chẳng dong ruồi tự xoay về bản tánh, đã chẳng duyên theo cảnh trần thì lục căn chẳng chỗ nương tựa, ngược dòng về Nhất, lục dụng chẳng thành, mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, ví như lưu ly, bên trong có trắng sáng (tự chiếu vô năng sở), thân tâm an lạc, diệu viên bình đẳng, được đại yên ổn, tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó, người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Từ đó dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.

-A Nan! Thiện nam tử ấy, dục ái khô cạn, căn và cảnh chẳng duyên nhau, cái báo thân hiện tiền này chẳng còn tiếp tục sanh nữa, giữ tâm rỗng sáng, thuần là trí huệ; tánh trí huệ sáng suốt chiếu mười phương cõi. Chỉ có cái huệ khô cạn ấy, gọi là Càn Huệ Địa.

Giải giảng:

A Nan! Như vậy chúng sanh mỗi loài đều gồm 12 thứ điên đảo.

Điên đảo là do cái tâm, mọi chúng sanh cũng do cái tâm, cái thân này cũng do tâm tạo. Nếu nói ở trong tâm thì thân là 1 vật ở trong tâm. Cái tách cũng là 1 vật ở trong tâm, cái bàn cũng là 1 vật ở trong tâm.

Nhưng mình chấp thân là ta, còn các thứ kia ở ngoài thì thành nhị mới điên đảo. Mỗi người đều đủ 12 loài, như kinh nói: “Mỗi loài gồm 12 thứ điên đảo”. Điên đảo là do tâm, nếu nói theo thế gian thì muôn triệu tỷ cũng có, chứ không chỉ có 12 thôi. Nhưng bây giờ chúng sanh chia ra làm 12 loài, thì mỗi chúng sanh đều có 12 thứ điên đảo giống như 12 loài vậy.

Thấy đều diệu tâm sáng tỏ mà vọng sanh điên đảo. Như hư không chẳng có hoa đốm, do bụi mắt mới thấy có hoa đốm; tức là từ chỗ không có sanh ra có, thì tất cả vọng điên đảo đều là vậy. Ở trên nói: “Chấp sáng sanh sở chiếu”. Sở lập thì bị mất tánh chiếu soi tự động, nếu lập năng sở thì tánh chiếu soi không còn tự động. Cho nên, muốn làm phải dùng ý niệm mới làm được.

Nên có đủ thứ tư tưởng tán loạn hư vọng như thế! Nay người tu chứng tam ma địa, đối với bản thân của tư tưởng tán loạn ấy, phải lập 3 tiệm thứ mới có thể diệt trừ. Như muốn trừ mật độc trong bình, để đựng cam lồ thì phải dùng nước sôi và tro rửa sạch bình.

-Thế nào gọi là 3 tiệm thứ?

- 1 - Là tu tập trừ các trợ nhân.
- 2 - Là chơn tu nạo sạch chánh tánh (tánh dâm dục).
- 3 - Là tinh tấn, phải xoay ngược hiện nghiệp.

Đoạn trên, kinh Lăng Nghiêm tiếp người thượng căn, đoạn này tiếp người trung căn và hạ căn, cho nên mới có 3 tiệm thứ, tức là có thứ lớp.

Tổ Sư thiên tiếp người thượng căn, nên không có thứ lớp; trung căn, hạ căn đều do tâm chấp mới có. Sự thật, vốn không có thứ lớp, nên Hòa thượng Bác Sơn là Tổ tông Tào Động nói: “Từ hạ căn có thể chuyển thành thượng căn, có thể chuyển mật pháp thành chánh pháp”. Vì do tâm chấp, tâm chấp là hạ căn, tâm chấp nhẹ thành trung căn, tâm chấp ít hơn thì thượng căn, không chấp gì hết gọi là Phật.

1- Sao gọi là trợ nhân?

A Nan! 12 loài chúng sanh trong thế giới chẳng thể tự sống, phải nhờ 4 cách ăn để nuôi dưỡng; ấy là: Ăn bằng cách ăn nhai xé như con người, ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần, ăn bằng niệm tưởng như cõi tứ thiên và ăn bằng ý thức như cõi tứ không. Cho nên, Phật nói “tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại”.

Người và thú ăn bằng nhai xé, quỷ thần chỉ ngửi mùi, như các đồ cúng họ chỉ ngửi mùi, còn lại đồ ăn thì mình ăn được. Ăn bằng niệm tưởng như cõi tứ thiên. Từ lục giới sắp lên cõi sắc giới có tứ thiên: Sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên chia làm 18 lớp cõi trời. Cõi tứ thiên muốn ăn chỉ khởi niệm tưởng thì có đồ ăn trước mặt dùng niệm tưởng để ăn.

Không muốn ăn cũng dùng niệm tưởng để dẹp, như may quần áo không có chỗ ráp mối, vì họ dùng niệm tưởng. Bây giờ, ông Trương Bảo Thắng cũng dùng niệm tưởng làm được, chứ không phải cõi trời mới làm được; cõi người cũng làm được, những người tu đến mức nào có thể làm được phần đó.

Ăn bằng ý thức như cõi Tứ không, niệm tưởng còn có sắc thân; Tứ không chẳng có sắc thân, tức là vô sắc giới có 4 lớp cõi trời. Tứ không ăn bằng ý thức, vì họ không có thân thể. Kỳ thật họ không có ăn. Cõi Tứ không chấp thức a lại da là ta, tất cả hiểu biết của a lại da thức gọi là ăn. Như mình coi sách là thức ăn tinh thần, tức là ăn bằng ý thức. Thiên định cũng là món ăn.

Phật cũng do tâm tạo, huông chi quỷ thần sao không phải do tâm tạo! Tâm tạo đến mức nào thành quỷ thần, tạo đến mức nào thành Phật, tạo đến mức nào thành a tu la, tạo tới mức nào đến cõi lục giới, tạo tới mức nào đến cõi sắc giới, tạo tới mức nào đến cõi vô sắc giới, tất cả đều do tâm tạo, không có cái nào ở ngoài tâm.

Cho nên, ngoài tâm chẳng có pháp. Nếu quỷ thần không phải tâm tạo, thì tất cả không phải tâm tạo. Phật nói: “Tất cả đều do tâm tạo”. Phật do tâm tạo,

bất quá là cao nhất. Vì thế, Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ 4 thứ ăn mà được tồn tại trong thời gian không gian.

Tổ Huệ Trì ở Lư Sơn từ giả anh là tổ Huệ Viễn, đi vào Tứ Xuyên hành cước gặp cây có lỗ lớn, vô đó ngồi nhập định không hay biết. Lỗ cây từ từ bịt kín lại. Qua thời gian hơn 700 năm, trời đánh sét trúng cây đó, làm cây nứt ra, ông rớt ra ngoài. Lúc đó người ta thấy, lại sờ cái thân thấy vẫn còn nóng, tóc dài quấn cả thân thể, nhưng ông vẫn còn ở trong định, chưa có ra định. Người ta đi báo chánh quyền, chánh quyền không biết làm thế nào, mới chở về kinh thành tâu vua. Vua mời Thiền sư lại búng ngay tên tai, làm cho ông xuất định.

-Hỏi tổ Huệ Trì : Nhập định bao lâu rồi?

-Tổ Huệ Trì trả lời: Mới có một chút.

-Tổ lại hỏi: Anh tôi có khỏe mạnh không?

-Anh của ông là người nào?

-Anh tôi là Huệ Viễn.

-Phải Huệ Viễn ở Lư Sơn không?

-Phải.

-Huệ Viễn đã mất lâu rồi.

Người ta tính ra đã hơn 700 năm, ông nhập định thời gian lâu mà tự mình không biết; ông tưởng là một chút lát, lúc đó ông không có cảm giác thời gian.

Như ngài Hư Vân đang nấu khoai mà nhập định đến nửa tháng. Mấy người ở gần không thấy ông. Mọi người qua chúc tết, thấy ngài đang ngồi nhập định, liền làm cho xuất định.

-Hỏi: Ngài ăn chưa?

-Hư Vân nói: Chưa, bây giờ chắc khoai chín rồi! Mở nắp nồi khoai thấy mọc lên rất nhiều.

Hỏi:

Có người lên cõi tiên, khi trở về thấy con cháu không còn, thấy toàn người lạ, vậy hiện tượng đó như thế nào?

Đáp:

Trong cuốn thế kỷ 21, có một bài nói Einstein chứng tỏ thời gian có thể trở lại quá khứ. Nhà khoa học nói con gái 19 tuổi trở lại gặp ông nội. Thí dụ 20 năm trước chưa sanh cô gái, thì cô gái không biết ở đâu? Nói ngược lại thời gian 100 năm thì cô gái được 120 tuổi.

Bây giờ, nói cô là 120 tuổi hay trước đó 100 năm, nếu thêm 1 triệu tuổi tức là 1 triệu năm sau, mà truy lại 1 triệu năm trước, thì cô có 1 triệu lẻ 20 tuổi. Nếu cho là 1 tỷ thì cô có 1 tỷ 20 tuổi, để ngược lại tỷ năm. Nay nói có 1 tỷ 20 năm hay không có? Nếu có 1 tỷ 20 tuổi thì không có thời gian trước thời gian sau.

Nếu nói thời gian trước thì không có tuổi nào hết. 20 năm trước không có tuổi nào hết, huống là 1 tỷ! Dùng thời gian sau để ngược thời gian trước, thì rất là mâu thuẫn! Cho nên Phật nói: “Tất cả do tâm tạo”, nhưng đều là vọng, có lý cách mấy cũng là vọng.

Tại sao không ăn ngũ tân? Ngũ tân: Tỏi, hành, hẹ, nén, hưng cừ. Những thứ này ở trong đây có nói, ăn sống kích thích lòng dâm, ăn chín nổi lên sân hận. Cho nên, người tu hành phải chấm dứt ăn ngũ tân, tuy không sát sanh nhưng chướng ngại tu hành, còn hơn ăn thịt.

2 – Sao gọi là nạo sạch chánh tánh?

Chánh tánh là đối với tà tánh, người ta nói “Tại sao chánh tánh phải nạo sạch”? Chánh tánh ở đây là tánh dâm dục. Tánh dâm dục là tà làm sao nói chánh tánh? Vì tất cả con người đều do dâm dục mới có, là tánh chánh của con người. Nếu không có dâm dục thì không có con người, là chánh tánh con người được sanh ra, nên gọi là chánh tánh. Nếu đuổi theo mặt chữ giải thích là sai lầm.

Năm giới (sát, đạo, dâm, vọng, tửu) của người tại gia, sát sanh là đi đầu, còn tu sĩ là dâm đứng đầu. Dâm khó trừ hơn sát, khó hơn không biết bao nhiêu lần!

Trước tiên phải giữ gìn tứ khí, bát khí của giới Thanh Văn trì thân chẳng động.

Tứ khí của Tỳ Kheo là dâm, đạo, sát, vọng. Phạm một trong bốn tứ khí thì phải mất Tỳ Kheo. Phạm giới dâm, đạo (theo giới luật trộm hơn năm chỉ vàng), sát (giết người), vọng (đại vọng ngữ: Chưa chứng nói chứng, chưa

đắc quả nói đã đắc, như chưa chứng quả, nói được truyền tâm ấn) thì mất giới Tỳ Kheo.

Bát khí là 8 giới điều của Tỳ Kheo Ni, nếu phạm 1 trong 8 giới ấy, thì không được làm Tỳ Kheo Ni.

Sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát.

Giới Thanh Văn (Tiểu thừa) thì cái thân làm mới phạm. Như muốn ăn cắp cái tách, chưa lấy cái tách đi khỏi thì không phạm, khi nào đụng đến và dời khỏi thì mới phạm. Còn giới Bồ Tát khởi tâm lấy cái tách thì phạm, cho nên giới Bồ Tát là giữ tâm không cho niệm khởi lên. Giới Bồ Tát gọi là giới tâm địa. Người phạm giới Bồ Tát thì sám hối với người thọ giới Bồ Tát. Nghĩa là: “Tôi đã lỡ phạm giới Bồ Tát, xin ông chứng minh cho tôi, sau này tôi không có phạm nữa”, gọi là sám hối, nhưng đây là tội nhẹ.

Phạm tứ khí, bát khí thì Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni đều mất. Phạm giới trong vòng nửa giờ còn sám hối được, nếu qua nửa giờ không cho sám hối. Khi Tăng đoàn chấp nhận cho sám hối, nên mời 20 vị Tỳ Kheo để làm lễ yết ma (hội nghị cho sám hối).

Theo giới luật người xin sám hối phải sẵn sóc phục dịch (nấu cơm, rửa chén, giặt đồ...) cho 20 vị Tỳ Kheo này trong nửa tháng, khi 20 vị Tỳ Kheo này thấy vị xin sám hối chơn thật, thì đồng ý cử hành lễ yết ma cho sám hối, thì diệt hết tội 9 triệu năm địa ngục.

Nếu một trong 20 vị đó không đồng ý thì lễ yết ma không thành, tức là không cho sám hối. Nếu cho sám hối thì giới Tỳ Kheo mất, chỉ còn giới Sa Di suốt đời; chứ không được Tỳ Kheo nữa, muốn có Tỳ Kheo thì phải đợi kiếp sau đầu thai thành người rồi đi thọ giới lại. Nếu không sám hối thì làm người thường. Ở các nước Tiểu thừa bị lột áo cà sa, rồi giao cho chính phủ trị tội.

Chánh tánh nạo cho sạch. Ở trên nói, Không phạm giới dâm, mà luôn cả không phạm cũng không còn. Tức là không có một ý niệm nào sanh khởi, mới là nạo sạch. Cho nên dùng chữ nạo. Không phải rửa, rửa thì còn dính thì mới tu hành tinh tấn.

3. Sao gọi là xoay ngược hiện nghiệp?

(Cuộc sống hằng ngày của mình là hiện nghiệp).

-A Nan! Người giữ giới trong sạch như thế, tâm chẳng ham dâm thì chẳng dong ruỗi, theo lục trần bên ngoài, do sự chẳng dong ruỗi tự xoay về bản tánh, đã chẳng duyên theo cảnh trần thì căn chẳng có chỗ nương tựa. Ngược lại, khen ngợi không ham, chê cũng không thích; mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy.

Lục căn không phải 6 người, nhất là nhất tâm. Từ nhất tâm sanh ra 6 thứ nhiệm vụ. Nếu ngược lại thì trở về nhất tâm. Trở về được thì lục dụng không thành tựu, tức là mắt thấy cũng như không thấy, tai nghe cũng như không nghe. Cho nên nói lục dụng chẳng thành.

Mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, ví như lưu ly, bên trong có trắng sáng (tự chiếu không năng sở) thân tâm an lạc, diệu viên bình đẳng, được đại yên ổn (nếu có đẹp xấu thì tâm bị nhiễu loạn thì không yên ổn, có khen chê cũng vậy).

Tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện ở trong đó (cái tương đối là thêm vô, nếu bỏ hết thì bản lai diện mục hiện ra), người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Từ đó dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị (đây là giáo môn, từ chỗ Thập Tín, Thập Trụ,.... từ bậc mà chứng quả, lên tới Thập Địa, Đẳng Giác) ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.

Cái này là do trung hạ căn mà nói như vậy, thì tu thiền quán: Sa ma tha, tam ma bát đề, thiền na; 3 thiền quán này, không những nạo sạch chánh tánh mà những cái khác cũng hết luôn, chứ không phải đối trị một thứ. Như Chứng Đạo Ca nói: “Đừng hái lá bẻ cành, ra sức mạnh nhổ gốc, thì lá ít ngày tự rụng, đâu nhọc công hái từng lá”. Cách tu của tiểu thừa, trung thừa, đại thừa và tối thượng thừa là theo lời Phật dạy để tu, thì các thứ chấp thật đều hết.

Chuyện bà lão đốt am là công án của Thiền tông:

Có vị Tăng xin bà lão để nhập thất (bế quan) 3 năm. Qua 3 năm bà lão muốn biết vị Tăng này kiến tánh chưa! Bà sai con gái mỗi bữa mang cơm cho vị Tăng, khi vị Tăng ăn cơm xong, rồi ôm chặt hỏi vị

Tăng: Nói đi! Nói đi!

Vị Tăng trả lời: Cây khô dựa đá lạnh, mùa đông chẳng hơi ấm (tỏ ra trạng thái cô gái ôm ông, ông không có cảm giác; theo người thường khen vị Tăng ấy rất hay, có công phu tu, con gái kể lại cho bà lão nghe).

Bà lão nói: Nuôi ông đó 3 năm chẳng có ích lợi gì, đuổi đi và đốt luôn cái am.

Vị Tăng đi lang thang một thời gian, rồi trở lại xin bà lão nhập thất lần nữa, trong 3 năm sẽ cho bà thỏa mãn. Bà già đồng ý, qua thời gian 3 năm bà lão cũng sai con gái trước đó mang cơm cho vị Tăng, chờ ông ăn xong rồi ôm chặt ông và hỏi: Nói đi! Nói đi!

Vị Tăng trả lời: Trời biết, đất biết, ta biết, người biết, đừng cho bà già biết.

Cô gái kể cho bà già nghe như vậy.

Bà già nói: À! Được rồi, chẳng uổng công ta nuôi 3 năm.

Vị Tăng đã kiến tánh rồi, nhưng theo người đời làm sao được? Vì đâu có cái gì nữa, đã là bất nhị rồi không thêm bớt gì. Chúng tỏ cho bà già biết là ông đã kiến tánh.

Nghịch với lý thì người kiến tánh mới nói được, còn người chưa kiến tánh thì phải hợp lý. Như trước kia chưa kiến tánh thì nói ra rất hợp lý, bà già biết ông chưa kiến tánh; kiến tánh rồi không lập chơn lý, nếu lập lý thì hợp lý và không hợp lý.

Người kiến tánh không có đúng và không đúng. Nói như vậy bà già mới biết ông kiến tánh, nếu còn sợ bà già biết là còn tư tưởng của người thường, làm sao khác hơn người thường được?

Tất cả cử chỉ lời nói của chư Phật chư Tổ là mục đích để phá chấp. Cho nên, người chấp lạy Phật thì Tổ nói không lạy Phật, người nào chấp không lạy Phật, thì Tổ nói phải cung kính lạy Phật.

Như Sa Di chấp là khỏi lạy Phật, thì Hoàng Bá bảo phải cung kính lạy Phật Sa Di nói: Lạy gối lạy đất làm chi?

Hoàng Bá bạt tai Sa Di: Bảo lạy Phật cứ lạy Phật, sao lại nói bậy?

Sau này Sa Di làm vua, phong cho Hoàng Bá là Đoạn Tế Thiên Sư. Vua không trả thù do bị đánh bạt tai.

Viện chủ hỏi Lâm Tế: Lạy Phật trước hay lạy Tổ trước?

Lâm Tế trả lời: Phật không lạy, Tổ cũng không lạy.

Ngài nổi pháp của Hoàng Bá, Hoàng Bá thì lạy Phật, còn Lâm Tế thì không lạy Phật là phá chấp của viện chủ.

Như viện chủ chấp tượng Phật, thì Đôn Hà đốt tượng Phật.

Hỏi:

Bát khí là gì?

Đáp:

Theo giới luật không cho biết, phải thọ giới Tỳ Kheo Ni mới cho biết; thọ giới Tỳ Kheo thì cho biết giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo phải thông suốt 2 bộ luật Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni. Tỳ Kheo Ni thì chỉ biết giới của Tỳ Kheo Ni, chứ không được biết giới của Tỳ Kheo, Tại sao? Vì pháp bát kinh của Tỳ Kheo Ni không được tử tội Tỳ Kheo, nửa tháng Tỳ Kheo Ni phải mời Tỳ Kheo vào Ni viện để dạy Tỳ Kheo Ni. Cho nên, Tỳ Kheo phải biết giới luật của Tỳ Kheo Ni mới có thể dạy được.

Người ta nói Phật chế giới luật không bình đẳng. Tỳ Kheo 250 giới, Tỳ Kheo Ni 348 giới; như Tỳ Kheo có tứ khí, Tỳ Kheo Ni có bát khí. Tỳ Kheo được nói tội Tỳ Kheo Ni và ngược lại. Tỳ Kheo được xuất gia 7 lần, Tỳ Kheo Ni chỉ xuất gia một lần, chế giới luật như vậy không bình đẳng mà Phật nói bình đẳng!

Vì lòng từ bi của Phật muốn cho nam nữ được bình đẳng, mới chế luật giống như không bình đẳng, để giúp cho người nữ được bình đẳng như người nam. Tại sao? Vì tâm lý sinh lý người nữ khác người nam, phải có những giới luật để kiềm chế người nữ. Như người nam đi ra ngoài đường không mặc áo không ai để ý, người nữ đi ra ngoài đường như vậy có được không?

Như ở Mỹ có cô gái ra công viên không mặc quần áo, cảnh sát cảnh cáo phạt cô ấy, rồi bắt cô ấy mặc lại quần áo, cô ấy lại kiện cảnh sát. Vì hiến pháp nhà nước Mỹ tôn trọng tự do cá nhân không mặc quần áo là tự do cá nhân, đâu có phạm tội!

Hỏi:

Có phải người tu cao không phân biệt nam nữ?

Đáp:

Không phải là không phân biệt, đến kiến tánh thì mới làm được, còn chưa kiến tánh thì còn phải phân biệt. Kiến tánh không phân biệt nam nữ, như chưa kiến tánh, Tỳ Kheo không bao giờ đánh lễ Tỳ Kheo Ni; Tỳ Kheo Ni đã thọ giới 100 năm, Tỳ Kheo ở giới đàn mới ra, Tỳ Kheo Ni phải đánh lễ Tỳ Kheo. Nhưng Tỳ Kheo Ni đã kiến tánh, Tỳ Kheo phải đánh lễ Tỳ Kheo Ni, đã kiến tánh thì không phân biệt nam nữ.

Phật chế ra giới luật nghiêm khắc, để giúp cho Tỳ Kheo Ni mau được kiến tánh.

Sự thật năm 1974 tôi đi các chùa ở Mã Lai, chùa của Tăng, phần nhiều Ni nắm quyền; bây giờ ở Mỹ cũng có, ở Việt Nam cũng vậy, Phật chế ra các giới luật để giúp cho người nữ, nhưng không giúp nổi.

Hỏi:

Lấy cái gì để biết người đó đã kiến tánh?

Đáp:

Duy Thức có 4 phần: Kiến phần, tướng phần, tự chứng phần, chứng tự chứng phần. Đến tự chứng phần là tự mình chứng chứng tỏ, chứng tự chứng phần là thầy mình ấn chứng (truyền pháp, ấn chứng). Bây giờ mình chỉ có kiến phần và tướng phần không có tự chứng phần. Cho nên, Phật nói “không có vô minh”, mình không tin được.

Độc đầu ý thức (thức thứ 6) biến hiện nhắm mắt chiêm bao. Vì lúc ngủ mê thì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ngưng hoạt động, chỉ thức thứ 6 hoạt động biến hiện thân chiêm bao, tiếp xúc thế giới, thân thể, cái tách, cái bàn đều thấy có thật chất; tiếp xúc nóng biết nóng, tiếp xúc lạnh biết lạnh. Thân chiêm bao cũng biết buồn biết vui, bị người ta đánh cũng biết đau. Lúc đang chiêm bao, có vị thiện tri thức giải thích cho người chiêm bao, cái tách, cái bàn, cái thân của ông đều không thật. Trong lúc ấy thân chiêm bao không tin.

Tại sao? Nói thân tôi không thật, mà người ta đánh tôi biết đau, cái nào nóng biết nóng cái nào lạnh biết lạnh, tại sao nói không thật? Ai tin cho được! Nhưng khi thức dậy, hết chiêm bao chứng tỏ những cái thật không có; chỉ còn cái thân nằm trên giường, lúc ấy không cần thiện tri thức giải thích; tự mình chứng tỏ, tức là được tự chứng phần. Khi chưa được tự chứng phần,

nói có lý không tin, vì tiếp xúc đều là thật. Thức tỉnh được tự chứng phần thì chứng tỏ, không tin cũng không được, vì sự thật đã rõ ràng.

Bây giờ, tôi nói các vị nghe là mở mắt chiêm bao là đồng thời Duy Thức biến hiện. Sao gọi là mở mắt chiêm bao? Vì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân cùng hoạt động với ý thức. Như nhĩ thức nghe được tiếng phải có thức thứ 6 đồng thời nổi lên, mới biết tiếng người, tiếng chim, tiếng chó,... phân biệt rõ ràng.

Nếu chỉ có thức thứ 6, không có nhĩ thức; thức thứ 6 nghe được tiếng, nhưng không biết tiếng gì. Cho nên, phải 2 thức hợp tác đồng thời nổi lên mới phân biệt rõ ràng. Các thức khác cũng vậy. Hai thức đồng thời biến hiện gọi là mở mắt chiêm bao.

Nhưng người đời chỉ tin nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, còn mở mắt chiêm bao không phải chiêm bao. Bây giờ, đâu ai có tin chúng ta ngồi đây là chiêm bao! Tại sao không tin? Vì chưa tự chứng phần. Như nhắm mắt chiêm bao, khi thức tỉnh được tự chứng phần. Nhưng nhắm mắt chiêm bao tự thức, đêm sau có thể chiêm bao lại; mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức, phải tham thiền mới thức tỉnh, thức tỉnh gọi là kiến tánh thành Phật.

Phật là giác ngộ tức trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, còn mình chưa thức tỉnh là chưa kiến tánh thì chưa tự chứng phần. Cho nên, Phật giải thích trong kinh thật có lý, như kinh Lăng Nghiêm, Tâm Kinh,... các chùa mỗi ngày đều có đọc nhiều lần: “Vô vô minh, vô lão tử”, tức là không vô minh, không già chết, vậy ai tin cho được! Không tin là chưa tự chứng phần. Tham thiền đến kiến tánh được tự chứng phần tự mình chứng tỏ, như chiêm bao thức dậy thì biết rõ.

Do tâm người giác ngộ có thể chánh ngộ hay tà ngộ. Cho nên, phải thêm chứng tự chứng phần, tức là người kiến tánh ấn chứng để chứng tỏ người này đã giác ngộ rồi. Nếu không có người kiến tánh ấn chứng, chư Tổ nói: “Dùng kinh liễu nghĩa hay ngữ lục của Tổ sư kiến tánh triệt để ấn chứng cũng được”. Như Tổ Đạt Ma dùng kinh Lăng Già để ấn tâm, cho nên gọi là Lăng Già Tâm Aán. Đến Lục Tổ dùng kinh Kim Cang để ấn tâm.

Ngữ lục của Tổ để ấn chứng, nếu còn có lý tức là còn chấp ngôn thuyết là người chưa ngộ. Như kinh Lăng Nghiêm nói: “Phàm có ngôn thuyết đều chẳng có nghĩa thật”, kinh Kim Cang nói: “Ai nói Phật có thuyết pháp, người ấy phỉ báng Phật”. Không có pháp để thuyết mới gọi là thuyết pháp. Những cái này cũng như: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, mà

tâm của các ông động” đều cùng một nghĩa; mà nói cùng một nghĩa cũng không được, tức là không có khác; muôn ngàn sai biệt đều không khác, nếu có khác thì không phải rồi.

Hỏi:

Tại sao phàm phu như chúng con, khi đọc công án có cái hiểu, có cái không hiểu?

Đáp:

Các vị đã ngộ mới dùng ngữ lục, kinh liễu nghĩa để ẩn chứng được. Bây giờ, mình cách chỗ tự chứng còn cách xa, nói đến việc ẩn chứng là vọng. Các vị ấy đã lên tới đỉnh núi rồi, mình ở dưới chân núi mà đoán mò không thể được!

Hỏi:

Có người nói: Tu thì huệ sáng ra là sao?

Đáp:

Người đó không biết căn bản Phật pháp, tại họ chấp diệu tâm sáng tỏ thành không sáng tỏ. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô trí diệc vô đắc”. Nói rõ là không trí cũng không đắc, nếu có đắc thì không phải rồi. Biểu đồ Đại Thừa Tuyệt Đối Luận nói: “Vô tu vô chứng”. Vậy làm sao có đắc? Điều thứ nhất của Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên là: “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, vậy làm sao nói đắc!

Hỏi:

Chúng con phàm phu nghĩ: Phật là đấng toàn giác, khi ngài xuất hiện thì hào quang rực rỡ, các vị Tăng tu hành có Tăng tướng, việc ấy như thế nào?

Đáp:

Đó là đối với trung căn, hạ căn thì phải nói vậy, như đối với lớp mẫu giáo thì phải nói theo cách mẫu giáo. Đối với tiểu học thì lại nói khác hơn mẫu giáo một chút. Đến trung học, đại học cũng nói khác. Đâu thể dùng bài tiểu học, chứ không được lộn với nhau.

Theo lớp mẫu giáo nói: Con mèo lớn con mèo nhỏ, ba con mèo bốn con mèo. Như đem cái này để dạy đại học làm sao được! Nói là: Phàm phu phải vậy! Phàm phu thì phàm phu chứ! Chưa kiến tánh, người nào cũng là phàm phu.

Hỏi

Chúng quả thấp có thể biết được quả cao không?

Đáp:

Cấp trên biết cấp dưới, cấp dưới làm sao biết cấp trên? Chúng sơ địa Bồ Tát không biết nhị địa Bồ Tát. Huống chi chưa chứng quả gì hết, mà muốn biết quả Diệu Giác, làm sao được? Như ở dưới chân núi làm sao biết trên đỉnh núi?

Hỏi:

Theo thời cuộc bây giờ làm cho chúng con trở ngại không tu được, vậy phải làm thế nào?

Đáp:

Trở ngại là do tâm chấp nặng hay nhẹ, tâm chấp nhẹ gọi là thượng căn, tâm chấp nặng gọi là hạ căn. Tất cả đều do tâm tạo. Thói quen phiền não đã từ vô thủy, mình không muốn chấp cũng không được. Như nhà Nho nói: “Núi sông dễ dời, bản tánh khó đổi”. Cho nên, phải quyết tử tu đến mức nào mới thấy được chỗ đến, chưa tới mà hỏi cũng như không. Như chúng Sơ Địa mà hỏi Nhị Địa thì không thể biết, không những vô ích mà lại còn chướng ngại.

Khó dễ do người chứ không phải do pháp, pháp không có khó dễ. Người này cho là dễ người kia cho là khó, nhưng cùng chung một pháp đều là pháp của tâm. Vì chưa đến vô vi có muôn ngàn sai biệt, con đường đến vô vi rất nhiều. Người này đi đường này, người kia đi đường kia, không thể nói được.

Cho nên, có năm thứ chủng tánh, trong đó có bất định chủng tánh (kinh Lăng Già). Có người không có chủng tánh nhất định và có người có chủng tánh nhất định như: Chủng tánh ngoại đạo, chủng tánh Thanh Văn, chủng tánh Bồ Tát, chủng tánh Như Lai.

Chủng tánh không nhất định là sao? Như người ta thuyết pháp Thanh Văn thì họ tu Thanh Văn gọi là chủng tánh Thanh Văn. Nếu nghe người ta thuyết pháp Duyên Giác thì họ tu Duyên Giác, gọi là chủng tánh Duyên Giác. Nếu ta thuyết pháp Bồ Tát thì họ tu Bồ Tát gọi là chủng tánh Bồ Tát. Họ tu theo Phật thừa thì gọi là chủng tánh Như Lai.

Chủng tánh bất định là tùy theo nhân duyên, nghe pháp nào tu theo pháp đó. Còn chủng tánh nhất định: Như chủng tánh tiểu thừa không nghe được pháp đại thừa. Phật giảng kinh Pháp Hoa có 5.000 người bỏ đi, vì họ có chủng tánh nhất định.

Hỏi:

Khi tu hành có những đường đi lối rẽ làm sao chúng con biết được để tránh?

Đáp:

Đường lối thực hành tham Tổ Sư thiên. Tôi nói 10 điều, nhưng chi tiết không thể nói hết được. Cho nên, nói có người lão tham để hướng dẫn người sơ tham. Nếu làm theo điều thứ nhất là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” thì bảo đảm không lọt vào lối rẽ, nhưng 9 chữ này không dễ gì làm được.

Phật giảng ma ngữ âm chỉ là đại cương, chứ đâu chỉ có 50 thứ! Phật nói 84.000 là ước số, nếu phân tích ra rất nhiều. Kỳ thật, bản tâm không số lượng, có số lượng là do vọng tâm sanh ra.

Chánh văn:

-Sao nói Thập Tập Nhân?

-Một là Dâm Tập giao tiếp, phát nơi cọ xát lẫn nhau, cọ mãi không thôi, thế nên trong đó phát ra ngọn lửa hồng, như người dùng hai tay cọ xát, thì tương ấm hiện tiền. Hai tập khí đốt nhau mới sanh những việc giương sắt, trụ đồng. Mười phương Như Lai xem sự hành dâm đồng như đục hỏa, Bồ Tát xem đục như hầm lửa phải tránh.

-Hai là Tham Tập giao kế (so đo tham cầu) phát nơi thu hút lẫn nhau, hút mãi không thôi, thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá, như người hít hơi gió vào miệng thì có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lẫn nhau, mới chịu những khổ của địa ngục hàn băng. Mười phương Như Lai xem việc tham cầu đồng như tham thủy, Bồ Tát xem tham như biên độ phải tránh.

-Ba là Mạn Tập giao lãng (lấn ép nhau), phát nơi ỷ thế, lấn áp không thôi; thế nên có sự cãi vã tranh chấp, quây nước thành sóng, như người tự liếm miệng lưỡi, chảy ra nước miếng. Hai tập khí chọi nhau, mới sanh những việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy v.v... Mùì phương Như Lai xem sự ngã mạn như uống nước si, Bồ Tát xem ngã mạn như sự chìm đắm phải tránh.

-Bốn là Sân Tập giao xung (xung đột nhau) phát nơi chống đối chống mãi không thôi, tâm nóng nảy phát lửa, đúc khí thành kim loại, thế nên có những việc đao sơn, kiếm thụ, rìu, búa, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đụng nhau, mới sanh những việc thiên, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đánh, đập, v.v... Mùì phương Như Lai xem sự sân hận như dao gươm bén, Bồ Tát xem sân hận như chém giết phải tránh.

-Năm là Trá Tập giao dụ (dụ dỗ nhau), phát nơi quyến rũ, lôi kéo chằng thôi, thế nên có những việc dây, cây, thông lọng, căng nọc, như nước thấm ruộng thì cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau mới sanh những việc gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, đòn v.v... Mùì phương Như Lai xem sự dối trá đồng như gian tặc, Bồ Tát xem dối trá như beo sói phải sợ.

-Sáu là Cuồng tập giao khi (lừa gạt), phát nơi phỉnh gạt, gạt mãi không thôi, buông tâm gian dối, thế nên có đất bùn, đại tiểu tiện, các thứ ô uế, như bụi theo gió, chẳng có chỗ thấy. Hai tập khí dìm nhau, mới sanh những việc chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn v.v... Mùì phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng như cướp giết, Bồ Tát xem sự lừa gạt, như giẫm rắn độc.

-Bảy là Oán Tập giao hiềm (hiềm khích), phát nơi sân hận, thế nên có sự quăng đá, ném gạch, hộp nhót, cũi nhót, rọ nhót, dẫy bọc, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau, mới sanh những việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, tóm, siết v.v. Mùì phương Như Lai xem sự thù oán, đồng như Quỷ Vi Hại, Bồ Tát xem thù oán như uống rượu độc.

-Tám là Kiến Tập giao minh (kẻ thông minh ham kiến chấp), như năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau, ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thừa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng. Hai tập khí giao xen, thế nên mới có Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn v.v... Mùì phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hàm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

-Chín là Uổng Tập (vu vạ) giao xen, phát nơi vu không phải báng; thế nên có hợp sơn, hợp thạch, cối nghiền, cối xay, như kẻ gièm pha vu oan người lương thiện. Hai tập khí bài xích lẫn nhau, mới sinh những việc áp giải, đê đập, ép huyết v.v. Mười phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp gièm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như bị sấm sét.

-Mười là Tụng Tập giao thuyên (thừa kiện cãi vã), phát nơi che giấu tội lỗi; thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như đứng giữa mặt trời, chẳng thể giấu bóng. Hai tập khí phô bày lẫn nhau mới sinh ra những việc ác hữu, nghiệp kính, chiếu soi, hỏa châu, phơi bày nghiệp xưa, đối nghiệm v.v... Mười phương Như Lai xem sự che giấu đồng như hiểm tặc, Bồ Tát xem sự che giấu như đội núi cao đi trên biển cả.

Giải thích:

Tập là tập khí, tức thói quen từ lâu đời làm nhân sanh ra nghiệp. Ở đây chia ra 10 thứ, kỳ thật có rất nhiều. Những cái kia là cá nhân thì sự hại ít hơn, kiến tập giao minh thì sự hại rất nhiều.

Kiến là kiến giải, có người chẳng thà chết, nhưng vẫn giữ kiến giải của mình cho là đúng. Chiến tranh tôn giáo thời xưa do kiến chấp mà sanh ra, làm tai hại biết bao nhiêu! Cho nên, tất cả kinh của Phật đều phá kiến chấp.

Hỏi:

Thiền sư làm tướng lãnh thì cái oán ra sao?

Đáp:

Thiền sư không có oán hiềm, như ngài Lai Quả bị hiếp đáp, mà ngài còn lại đi xin lỗi.

Đại úy Vệ ở Việt Nam, đang tác chiến cho lính gặp địch không nổ súng; lúc đó mấy trăm người địch tới, nếu nổ súng thì ông và lính sẽ chết. Qua mấy năm, lính của ông không chết người nào, bạn bè của ông cùng đọt chết mất chỉ còn vài người. Cho nên, không tạo nhân thì không bị quả.

Hỏi:

Coi ti vi thấy người bị tai nạn, làm cho mình chảy nước mắt, vậy đó là tướng hay tình?

Đáp:

Đó là tướng, nhưng có lộn với tình. Tướng là suy nghĩ, lúc ấy suy nghĩ có cảm tình thương xót thì có thể nửa tướng nửa tình. Nếu nói rõ ráo về bản tâm thì không có tình, tướng gì hết. Tình tướng là do sự chấp mới có. Cho nên, cuốn Truyền Tâm Pháp Yếu của ngài Hoàng Bá nói: Nếu mình không nổi lên một chút tình tướng thì tâm mình trong sạch, vốn là Phật.

Hỏi:

Có một người tham thiền, nhưng có nhiều con cháu, lúc nào cũng lo cho con cháu, vậy tham thiền như thế nào?

Đáp:

Người ấy chưa tin tự tâm. Thập Tín bên Giáo môn thì đã tin tự tâm. Hoàng Bá nói trong Truyền Tâm Pháp Yếu: “Nếu không tin tự tâm thì tu cũng vô ích”. Bởi vậy, nghiệp cũ chưa hết mà nghiệp mới cứ tạo thêm, làm sao chấm dứt được! Phải ngưng nghiệp cũ, nghiệp mới không tạo nữa.

Chư Tổ dạy mình cứ giữ không hiểu không biết, tức là nghi tình của câu thoại đầu. Vì do tâm niệm mình mới biết, như thương con, thương chồng,... đều do tâm niệm biết. Nếu giữ được không hiểu không biết, làm sao còn biết thương chồng thương con! Vì giữ nghi tình không được tức là không có tham thiền. Nếu có tu nhiều chỉ là niệm câu thoại mà thôi.

Hỏi:

Nếu giữ nghi tình thì làm việc hàng ngày không chạy việc, vì làm việc là dùng tâm biết. Việc ấy như thế nào?

Đáp:

Lúc làm việc không tập tham thiền, tập tham thiền trong lúc không làm việc, công việc thuần thực thì lúc làm việc vẫn tham thiền được, vì tự động khởi lên hỏi câu thoại và khởi nghi tình. Rồi từ từ nghi tình thành khối trong ngày đêm 24 giờ.

Nếu tham thiền một ngày nghi tình tiến thêm 20 giây, 3 ngày được 1 phút, 1 tháng được 10 phút, 6 tháng được nửa giờ, 1 năm được 1 giờ, 24 năm thì 24 giờ, tức là đến thoại đầu. Đến thoại đầu là sắp kiến tánh.

Tại mình không tích cực, lại nói không được. Lòng tin tự tâm chưa vững chắc, nên nói thì dễ, còn làm rất khó. Chư Tổ dạy: “Giữ nghi tình liên tục thì tự buông xả, nếu không giữ nghi tình, mà muốn buông xả thì buông xả không được”.

Hỏi:

Người lương thiện thì không ăn cắp, người không ăn cắp thì tự nhiên lương thiện, so sánh giữ thoại đầu như thế nào?

Đáp:

Không ăn cắp là do ăn cắp, rồi nói không ăn cắp, đó là trong đối đãi. Tự tánh không đối đãi thì không nói lấy hay buông, làm hay không làm. Vậy, xả là có lấy nên nói xả. Như kinh Lăng Già nói: Vì có sừng trâu, nên nói sừng thỏ không có. Vì vậy, khởi lên ý niệm gì đều là tâm trộm cắp. Nếu nói tôi giữ giới là tâm trộm cắp, tôi đi đúng lời Phật dạy là tâm trộm cắp. Vì ý niệm khởi lên khác với nghi tình, ngài Trung Phong nói tâm là tâm trộm cắp.

Hỏi:

Thọ giới Bồ Tát là cứu độ chúng sanh, việc ấy như thế nào?

Đáp:

Bồ Tát có Lục Độ và Tứ Nhiếp. Tứ nhiếp là bố thí dẫn đầu, nhưng khiến họ vào trí huệ Phật. Không độ họ được và ngược lại họ độ những người ấy ra thế tục, tức là tùy thuận theo ý kiến họ mà nhận sự cúng dường. Như họ muốn cúng sao thì mình chịu theo họ cúng sao là phá hoại nhân quả. Phật dạy mọi người đều phải tin nhân quả, nếu cúng sao được thì không còn nhân quả là phá hoại Phật pháp.

Hỏi:

Lễ cầu siêu là phát xuất từ đâu?

Đáp:

Lễ cầu siêu là xuất phát từ tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ. Tự mình dùng thần thông cứu mẹ không được, rồi thưa với Phật. Phật dạy: Vào ngày rằm tháng 7 cúng dường trai Tăng, nhờ tâm lực 1.250 Tỳ Kheo

A La Hán hợp lại ảnh hưởng tâm của bà Thanh Đề (mẹ của Mục Kiền Liên) được sửa đổi, ra khỏi cảnh ngạ quỷ.

Hỏi:

Thế nào còn thấy người thuyết pháp và thấy mình nghe pháp là chưa tin tự tâm?

Đáp:

Vì có ta, như còn có ta thuyết pháp, các vị là người nghe ta thuyết pháp. Các vị không biết, ta thì biết, đó là ngã chấp. Phật pháp trước tiên phải phá ngã chấp.

Người thuyết pháp phải hiểu nguồn gốc Phật pháp là trước tiên phải phá ngã chấp, nên chư Phật chư Tổ dạy phải phát tâm vô sở đắc (phát tâm Bồ Đề). Cuối cùng chứng quả Phật cũng là vô sở đắc. Vì Phật tánh vốn sẵn có thì đâu cần đắc gì nữa! Cho nên nói: “Không dùng Phật để đắc Phật, dùng pháp để đắc pháp”. Tức là hiện ra bản tâm của mình gọi là kiến tánh.

Tỳ Kheo ở trong thất chúng (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa, Sa Di, Sa Di Ni, là 5 chúng xuất gia, còn Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di là 2 chúng tại gia). Thất chúng gọi là Tăng già, Tăng già là một Tăng đoàn, tức là hòa hợp chúng. Tỳ Kheo và người thuyết pháp phải biết mới dạy người ta được, nếu không biết mà lại đổ thừa: “Tại tôi không biết”. Vậy làm sao được!

Kinh Lăng Già nói: “Vi nhân đối đãi, có con nên mới gọi cha, có cha nên mới gọi là con”. Cha phải có bổn phận của cha, con cũng có bổn phận của con. Nếu cha bỏ bổn phận thì sao làm cha được! Làm chức vụ gì trong xã hội phải có bổn phận chức vụ đó. Nếu làm Tỳ Kheo mà không có bổn phận Tỳ Kheo thì sao được!

Hỏi:

Xin thầy giải thích ý nghĩa Thức Xoa?

Đáp:

Thức Xoa ban đầu không có. Tỳ Kheo Ni ở Ấn Độ, trước kia có chồng mang thai tự mình không biết; khi xuất gia thọ giới Tỳ Kheo Ni, bụng lớn rồi sanh con; những người ở ngoài xã hội phê bình: “Tỳ kheo Ni còn sanh con”.

Cho nên, Phật phải chế thêm một cấp nữa, là phải qua Thứ Xoa 2 năm; kỳ thật đủ 12 tháng và thêm 1 ngày, có thai hay không thì biết. Nếu không có thai mới cho thọ Tỳ Kheo Ni, việc ấy đã có người như vậy. Thứ Xoa nghĩa là hợp pháp của Tỳ Kheo Ni, nhưng chưa thọ giới của Tỳ Kheo Ni.

Hỏi:

Trường hợp cô họ Tô kiến tánh thì thế nào?

Đáp:

Ông nội của cô họ Tô là thừa tướng Tô Công Tụng, ở đời nhà Tống, chưa xuất gia mà đã kiến tánh. Sau này xuất gia là Thiền sư Diệu Tông, vì kiến tánh nên tỉnh trưởng mời làm trụ trì một Tông Lâm (Truyền Đăng Lục).

Tỳ Kheo Ni chưa kiến tánh đánh lễ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo không đánh lễ Tỳ Kheo Ni; đến chừng Tỳ Kheo Ni kiến tánh thì Tỳ Kheo đánh lễ. Nếu mình có tu thì giống Bát Nhã vẫn còn, tăng thêm chứ không giảm bớt, tự nhiên âm thầm dần dần sửa đổi tập khí.

Hỏi:

Phật độ chúng sanh phải có nhân duyên, vậy ép họ tu để làm gì?

Đáp:

Người ta tự phát tâm tu chưa chắc thành tựu, huống là bị ép! Có ngoại đạo tà ma mới ép người tu, ép người ta thờ.

Chánh văn:

THẬP TÍN

1. Tập khí tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu, diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuần chơn, gọi là Tín Tâm Trụ.

Lược giải:

Khi tham dục mới cạn, chưa nói được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, chẳng nghiêng bên Không, chẳng nghiêng bên Giả, cũng chẳng trụ nơi Trung đạo, từ đây khởi quán:

Không, Giả, Trung, tam đế viên dung, gọi là Viên Diệu; ở đây tâm thức có thể đến. Khi giác quán đã thành, từ chơn phát diệu, khế hợp lý viên, thì gọi là Diệu Viên, chỗ này tâm thức chẳng thể đến. Nếu trung đạo nương theo chơn, thì sự diệu, chưa phải chơn, từ chơn phát diệu, diệu ấy mới là Chơn Diệu.

Diệu chưa phải chơn, nên chẳng thể thường trụ, trung đạo thuần chơn, nên diệu được thường trụ. Diệu đã thường trụ thì tất cả vọng tưởng chẳng có chỗ dựa. Nói "Diệu" là tự cảm thấy bất khả tư nghì, chẳng thể dùng ngôn ngữ tỏ bày, lòng tin tự tâm rất chơn thật, nên gọi là Tín Tâm Trụ. (heát).

2. Chơn tín sáng tỏ, tất cả viên thông, ba thứ: ám (5 ám), xứ (12 xứ), giới (18 giới), chẳng thể ngăn ngại, như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xã thân, thọ thân, thấy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên, gọi là Niệm Tâm Trụ.

3. Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thủy đều hóa thành một tâm tinh minh (tinh vi sáng tỏ), từ tinh minh tiến lên chơn tịnh, gọi là Tinh Tấn Tâm.

4. Tâm tinh tấn hiện tiền, thuần dùng trí huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

5. Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là Định Tâm Trụ.

6. Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tiến tới chẳng lui gọi là Bất Thối Tâm.

7. Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất, giao tiếp với tinh thân của mười phương Như Lai gọi là Hộ Pháp Tâm.

8. Tánh sáng của Bản giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật về tự tánh, cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau, trong đó, các bóng nhiệm màu trùng trùng vô tận, gọi là Hồi Hương Tâm.

9. Với từ Quang của Bản Tâm miên mật, an trụ nơi vô vi, vô thượng trong sạch, thường trụ của Phật, chẳng thể lạc mất, gọi là Giới Tâm Trụ.

10. Trụ giới tự tại, hay đạo khắp mười phương, ở đi tùy nguyện, gọi là Nguyên Tâm Trụ.

Giải thích:

1. Tập khí tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai (đây bắt đầu tu, tham dục mới cạn), dùng tâm này chảy vào trung đạo.

Trung đạo không nghiêng bên không, cũng không nghiêng bên giả; tức là không chấp bên không, cũng không chấp bên giả. Không trụ trung đạo chơn thật, vì không có 2 bên thì không có chính giữa, cho nên trung đạo chẳng trụ.

Tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu, diệu tướng thường trụ, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuận chơn gọi là tín tâm trụ.

Thập Tín ở đây, tại sao nói trụ và đều nói tâm? Bất cứ Phật pháp, Tiểu thừa, Đại thừa, pháp nào cũng nói về tâm. Cho đến khoa học triết học cũng nói về tâm. Ban đầu là 10 thứ tin (tín tự tâm), đã tin được rồi gọi là tín tâm trụ.

Lược giải:

Khi tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, từ đây khởi quán, không, giả, trung, tam tế viên dung (chẳng trụ nơi không, giả, trung), gọi là viên diệu; ở đây tâm thức chẳng thể đến.

Khi giác quán thành, từ chơn phát diệu, khế hợp với lý viên (lý viên là viên tròn không bắt đầu và cuối cùng) thì gọi là diệu viên. Nếu trung đạo nương theo chơn (có chơn thì có giả để tương đối) thì sự diệu chưa phải chơn, từ chơn phát diệu, diệu ấy mới là chơn diệu (Phật pháp nói chữ “diệu” là suy nghĩ chẳng thể đến).

Diệu chưa phải chơn, nên chẳng thể thường trụ; trung đạo thuận chơn, nên diệu được thường trụ. Diệu đã thường trụ thì tất cả vọng tưởng không có chỗ dựa. Nói diệu là tự cảm thấy bất khả tư nghì, chẳng thể dùng ngôn ngữ tỏ bày, lòng tin tự tâm rất chơn thật, nên gọi là tín tâm trụ. (hết).

2. Chơn tín sáng tỏ (lòng tin tự tâm chơn thật sáng tỏ) tất cả viên thông, ba thứ âm, xứ, giới (âm là ngũ âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; xứ: Lục căn, lục trần, lục thức là 18 giới). Chẳng thể ngăn ngại.

Tức là dùng lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức, nhưng hoàn toàn chẳng trụ thì không bị ngăn ngại.

Như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai. Tất cả tập khí xả thân, thọ thân thấy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên (tập từ lâu đời cùng hiện một lượt, tu đến chỗ này mới thấy được), gọi là niệm tâm trụ.

3. Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thi đều hóa thành một tâm tinh minh (tinh minh là tinh vi sáng tỏ). Tinh minh tiến lên chơn tịnh, gọi là tinh tấn tâm.

4. Tâm tinh tấn hiện tiền, thuận dùng trí huệ, gọi là huệ tâm trụ. (Ban đầu dùng ý thức, đến chỗ này thì dùng được trí huệ, cho nên gọi là huệ tâm trụ).

5. Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường trụ, gọi là định tâm trụ. (Trí huệ dùng ra là động, nhưng cứ tu mãi, thì động đến định, tới thường định gọi là định tâm trụ).

6. Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tới chẳng lui, gọi là bất thối tâm. (Trước kia tiến rồi có thể lui, đến chỗ này tiến mà không có lui, gọi là bất thối tâm).

7. Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai, gọi là hộ pháp tâm. (Ở Phật pháp, người có tu thì có người hộ pháp, nhưng tu cũng là tâm, hộ pháp cũng là tâm, được vui chẳng mất, tức là có hộ pháp, gọi là hộ pháp tâm).

8. Tánh sáng của bốn giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay từ quang của Phật về tự tánh, cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau ở trong đó, các bóng nhiệm màu trùng trùng vô tận, gọi là hồi hướng tâm.

(Tu đến chỗ này thì ánh sáng của bốn giác được duy trì không bị mất, lúc ấy hay dùng diệu lực của tâm xoay từ quang Phật, tức là tự tánh Phật về tự tánh. Nói thì nói vậy như trước kia hướng ngoại, bây giờ không hướng ngoại, thì gọi là xoay về tự tánh. Như ánh sáng hai gương đối chiếu nhau ở trong đó, các bóng nhiệm màu trùng trùng vô tận. Như mình đi cắt tóc có hai

gương đối nhau, thấy hình của mình trùng trùng vô tận; gọi là hồi hương tâm).

9. Với từ quang của bản tâm miên mật, an trụ nơi vô vi, vô thượng trong sạch, thường trụ của Phật, chẳng thể lạc mất, gọi là giới tâm trụ.

(Từ quang của bản tâm, nếu không bị mất thì miên mật. An trụ nơi vô vi tức là không động. Vô vi là không làm mà tự làm, vô thượng trong sạch là trong sạch không có gì hơn. Phật tánh là thường trụ, trước kia bị vọng tưởng làm cho ngăn ngại. Đã an trụ nơi vô vi không có gì làm chướng ngại được, chẳng thể lạc mất, gọi là giới tâm trụ).

10. Trụ giới tự tại hay đạo khắp mười phương, ở đi tùy nguyện, gọi là nguyện tâm trụ.

(Lúc đó muốn đi chỗ nào cũng được, đạo khắp mười phương, muốn đi muốn ở là tùy nguyện của mình, gọi là nguyện tâm trụ). Ở đây là Thập Tín, nhưng đều gọi là trụ.

Chánh văn:

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, do chân phương tiện phát ra mười bậc tín tâm kê trên, tâm tinh vi phát ra ánh sáng, mười thứ dụng xen lẫn nhau, viên dung thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.

2. Trong tâm sáng suốt như lưu ly trong sạch, trong hiện vàng ròng tinh túy, dùng diệu tâm trước kia sửa sang thành đất địa để đi đứng (thực hành) gọi là Trị Địa Trụ.

3. Tâm địa biết khắp, tất cả rõ ràng, đi khắp mười phương, được chẳng ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.

4. Hạnh đồng với Phật, thọ tinh thân Phật, như cái thân trung âm tự tìm cha mẹ, trung âm dung thông với lòng tin, thâm nhập vào giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.

5. Đã vào đạo thai, nối dòng của Phật, như thai đã thành hình, tướng người đầy đủ, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

6. Dung mạo và tâm tướng đều đồng như Phật, gọi là Chánh Tâm Trụ.

7. Thân tâm dung hợp, ngày càng tăng trưởng gọi là Bất Thối Trụ.
8. Linh tướng của thập thân nhất thời đầy đủ gọi là Đồng Chơn Trụ.
9. Hình đã thành, ra khỏi thai, làm con của Phật, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.
10. Khi Pháp Vương Tử đã trưởng thành, ví như Thái Tử vua Sát Lợi đến tuổi trưởng thành, sẽ được phụ vương ủy nhiệm việc nước, nên làm lễ quán đảnh (lễ trưởng thành), gọi là Quán Đảnh Trụ.

Giải thích:

Tại sao cũng nói Thập Tín là trụ? Đã tin tự tâm, trụ nơi tự tâm thì trụ, nhưng đến cấp này mới trụ chân thật. Trước là lòng tin vững chắc, có lòng tin vững chắc, mới dần dần phát hiện thể dụng của chân tâm mình.

Từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, cho đến Đẳng Giác, Diệu Giác. Phật nói sơ lược sự tu chứng, nhưng mình tu đến chỗ đó mới biết. Nếu đem giải thích ra giống như y văn giải nghĩa, nói cho quý vị nghe, quý vị cũng không thể biết.

Theo Tổ Sư thiên không qua những giai cấp này. Thiên tông thường thường nói có 3 quan: Sơ Quan, Trung Quan, Mạc Hậu Lao Quan; nhưng có người khỏi cần qua Sơ Quan, Trung Quan, thẳng đến Mạc Hậu Lao Quan, như Tổ Lâm Tế.

Cho nên, nói 3 quan cũng là phương tiện, kỳ thật từ địa vị phàm phu không qua giai cấp nào, mà chứng Đẳng Giác. Nhưng đó là ngộ cái lý bằng như Phật. Về sự thì tập khí vẫn còn, phải qua bảo nhậm mới dứt trừ được tập khí. Vì vậy, Thiên tông bảo nhậm là bế quan (nhập thất), để bảo nhậm cái ngộ của mình.

Có người tập khí thế gian còn nguyên, nên chưa hiện được thần thông. Tập khí bớt bao nhiêu thì hiện ra được bấy nhiêu thần thông. Tập khí hết sạch thì sức dụng Phật tánh hiện ra bằng như Phật Thích Ca và chư Phật.

Chánh văn:

DIỆU GIÁC

-A Nan! Từ Càn Huệ Tâm đến bậc Đẳng Giác rồi giác ấy mới được viên mãn nơi Tâm Kim Cang. Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, trải qua 12 ngôi vị đơn và phức (l) mới đến Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

-Mỗi mỗi địa ấy, đều lấy trí Kim Cang quan sát mười thứ ví dụ như huyễn, dùng Xa Ma Tha (chỉ) và Tỳ Bà Xá Na (quán) của chư Như Lai tu chứng trong sạch lần lượt sâu vào.

-A Nan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tiên tu, nên khéo thành tựu 55 quả vị trong đạo Bồ Đề chơn thật. Quán như thế gọi là chánh quán, chẳng quán như thế gọi là tà quán.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ở trong chúng, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

-Thế Tôn! Nên gọi Kinh này là Kinh gì, con và chúng sanh phải phụng trì như thế nào?

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

-Kinh này gọi là "Đại Phật Đảnh Thuần Trắng Chẳng Ô Nhiễm, Vô Thượng Bảo Ấn, Mười Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân", cũng gọi là "Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan, và Tỳ Kheo Ni Tánh trong Hội này, đắc Tâm Bồ Đề, vào Biển Biến Tri", cũng gọi là "Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa", cũng gọi là "Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Mười Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú", cũng gọi là "Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm", các người nên phụng trì.

Phật nói xong, tức thời A Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa "Mật Ấn Chẳng Ô Nhiễm" và được nghe những danh hiệu liễu nghĩa của Kinh này, đón ngộ diệu lý của Thiên Na, tiến tu các Thánh vị, tâm niệm rộng lắng, dứt trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tam giới.

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

-Thế Tôn có oai đức lớn, từ âm vô ngại, khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh khiến con hôm nay thân tâm an lạc, được lợi ích lớn.

-Thế Tôn! Nếu diệu tâm sáng tỏ này vốn viên mãn cùng khắp, như thế cho đến đất đai, cỏ cây sâu bọ, hàm linh, bản tánh chơn như, tức là chơn thể thành Phật của Như Lai; vậy Phật thể chơn thật, tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và trời? Thế Tôn, lục đạo này vốn tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi?

-Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trì Giới Bồ Tát, lén hành dâm dục, vọng nói hành dâm, chẳng phải sát sanh và trộm cắp, chẳng có nghiệp báo. Nói xong, nơi nữ căn liền sanh ngọn lửa lớn, rồi từng đốt xương lại bị bùng cháy, đọa ngục A Tỳ.

-Như vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly thì giết hại hết dòng họ Cù Đàm; Thiện Tinh thì vọng nói tất cả pháp đều Không (đoạn diệt Không) đang sống bị đọa vào ngục A Tỳ.

-Các địa ngục ấy, là có chỗ nhất định hay chẳng định? Mỗi người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả, hay là tất cả tự nhiên?

-Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai phá ngu dại, khiến tất cả chúng sanh trì giới, nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.

Giảng giải:

-A Nan! Từ Càn Huệ tâm đến bậc Đẳng Giác, rồi giác ấy mới được viên mãn nơi tâm kim cang.

Kim cang là hột xoàn, tánh chất cứng phá được tất cả vật, tất cả vật không phá được kim cang. Cho nên, dùng kim cang để dụ cho tâm. Từ ban đầu Càn Huệ đến Đẳng Giác ấy mới được viên mãn; tức là không bị lui sụt, không có gì hoại được; nên gọi là tâm kim cang.

Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, trải qua 12 ngôi vị đơn và phức, mới đến Diệu Giác, thành vô thượng đạo.

Càn Huệ, Tứ Gia Hạnh (Noãn Địa, Đảnh Địa, Nhẫn Địa, Thế Đệ Nhất Địa), Đẳng Giác là 7 đơn và 5 lớp phức (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa), cộng chung là 57 cấp; tức trải qua 12 ngôi vị đơn và phức thì đến Diệu Giác thành vô thượng đạo.

-Mỗi địa ấy đều lấy trí kim cương, quan sát mười thứ ví dụ như huyễn (chúng sanh như huyễn, chúng quả như huyễn), dùng sa ma tha (chỉ), tỳ bà xá (quán), tức là tu chứng của giáo môn, chúng trong sạch từ cạn vào sâu.

Tông Thiên Thai có:

-3 thứ quán: Không, giả, trung là dùng trí huệ để quán.

-3 thứ chỉ: Là ngưng làm cho tâm định.

Ban đầu là Hệ Duyên Chỉ, thường thường chỉ ở dưới rún (đơn điền), tức đem tâm buộc dưới đơn điền.

Tiến lên một bước là Tùy Duyên Chỉ, tức thấy cái này không thật thì không trụ, thấy cái kia như huyễn cũng không trụ.

Đến cấp thứ ba là Thể Chơn Chỉ bằng Tổ Sư thiên. Thể là thể cứu tức tham thiên, chơn là chơn như Phật tánh; thể cứu chơn như Phật tánh. Lúc đó tự động, quán không thì không phải thật không, quán giả thì không phải thật giả, quán trung thì không chỗ trung để an lập. Chẳng phải không, chẳng phải giả, chẳng phải trung, vậy là cái gì? Là cái gì tức nghi tình cũng là Thể Chơn Chỉ.

Hỏi:

Tu chỉ quán là mất thời giờ phải không?

Đáp:

Phải mất thời giờ, gần đây có Pháp sư Đế Nhân nổi tiếng bên tông Thiên Thai, mà không tu chỉ quán của tông phái mình, lại tu Tịnh Độ, giảng giáo lý Thiên Thai. Vì phức tạp khó tu, không bằng Tổ Sư thiên giản dị.

Hỏi:

Tu chỉ được thần thông, tu quán được trí huệ, vậy như thế nào?

Đáp:

Quán thì phải dùng trí huệ, ở đây là Càn Huệ; còn chỉ thì ngưng được vọng tâm, nên thần thông phát lên. Thật ra, không phải thần thông, mà sức dụng

của tự tánh hiện ra, người thế gian thấy kỳ lạ cho là thần thông. Như Trương Bảo Thắng hiện ra được kỳ lạ, người ta cho là thần thông.

Chỉ là ngưng được tâm hoạt động thì sức dụng của tự tánh tự nhiên hiện ra. Như dùng máy để đo bộ óc, vọng tưởng ngưng hoạt động nên đèn của máy tắt. Nếu giữ tâm ngưng hoạt động lâu thì sức dụng tự tánh tự động hiện ra. Nhưng do quán mới có chỉ, khi không chỉ không được, Giáo môn dùng quán.

Quán và chỉ đồng thời, như cái này bằng vàng, dùng trí huệ để quán vật này như huyễn, không làm cho mình ham thích thì tâm không trụ nơi đó, nên được chỉ. Lục căn tiếp xúc lục trần, vì có tập khí lâu đời làm cho mình ham thích. Như nổi tâm yêu ghét thì không chỉ được.

Quán tất cả pháp huyễn hóa không thật thì tâm không phan duyên, nên mới chỉ được. Như cột con khi, đừng cho nó nhảy qua nhảy lại. Nên ban đầu dùng Hệ Duyên Chỉ. Môn phái nào cũng có chỉ quán của môn phái đó, cho đến Tịnh Độ cũng có 16 pháp thiền quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Hỏi:

Tông Tịnh Độ cho người tu Tịnh Độ đọc 3 quyển kinh: Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà, ngoài ra không được đọc kinh khác phải không?

Đáp:

Tổ Ân Quang dạy người tu Tịnh Độ chỉ cho xem 3 quyển kinh: Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà. Mục đích của Tổ là muốn cho người tu Tịnh Độ chỉ một môn đi sâu vào, để mau được thành tựu. Ngài Ân Quang đã xem hết đại tạng kinh, biết rõ hết, nên khuyên người tu Tịnh Độ giữ một môn đi sâu vào. Tu pháp môn nào chỉ xem kinh của pháp môn đó.

A Nan! Như thế dùng 3 tiệp thứ tiến tu, nên khéo thành tựu 55 quả vị trong đạo Bồ Đề chân thật (từ Càn Huệ đến Diệu Giác là 57 quả vị, trừ Càn Huệ và Diệu Giác ra, thì còn 55 quả vị).

Quán như thế gọi là chánh quán, chẳng quán như thế gọi là tà quán (theo giáo môn phải quán như thế, còn Tổ Sư thiên không phải quán, chỉ giữ nghi tình không có năng quán sở quán).

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ở trong đại chúng liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

Thế Tôn! Nên gọi kinh này là kinh gì? Con và chúng sanh phải phụng trì như thế nào? (Phật thuyết kinh xong mới đặt tên kinh là do đệ tử hỏi, thường thường nói nhiều tên, như ở chỗ này).

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

-Kinh này gọi là “đại Phật đánh thuần trắng chướng ô nhiễm (đây là nói theo chú Lăng Nghiêm, chú Lăng Nghiêm dịch nghĩa là thuần trắng chướng ô nhiễm). Vô thượng bảo ấn (kinh liễu nghĩa dùng để ấn chứng người tu chứng đến bậc nào, như đây nói chứng Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng,...). Mười phương Như Lai thanh tịnh hải nhãn (con mắt của mười phương Như Lai, cái gì cũng thấy rõ; nếu theo lời Phật dạy mà tu tới mức thì được hải nhãn rất trong sạch).

Cũng gọi là “cứu hộ thân nhân cứu thoát A Nan (Ma Đăng Già mê hoặc A Nan, làm nhân duyên để Phật thuyết kinh này. Thân nhân nghĩa là em của Phật. A Nan là đại diện đương cơ của kinh này, độ thoát A Nan tức là độ thoát tất cả chúng sanh).

Và tánh Tỳ Kheo Ni trong hội này (tánh Tỳ Kheo Ni là Ma Đăng Già, ban đầu Ma Đăng Già mê hoặc A Nan, sau nhờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đưa hai người về chỗ Phật, Phật thuyết pháp, hai người nghe được chứng quả. A Nan chứng quả Tư Đà Hàm, Ma Đăng Già chứng quả A La Hán).

Đắc tâm Bồ Đề vào biển biến tri (biến tri tức là biết của tự tánh khắp không gian và thời gian) cũng gọi là “Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa” (Phật thuyết pháp có bất liễu nghĩa và liễu nghĩa, kinh Lăng Nghiêm là kinh liễu nghĩa) cũng gọi là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Mười Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú” cũng gọi là “Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm” các người nên phụng trì kinh này.

Phật nói xong, tức thời A Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa “mật ấn chướng ô nhiễm” và được nghe danh hiệu liễu nghĩa của kinh này, đốn ngộ diệu lý của thiên na (trung đạo), tiến tu các thánh vị, tâm niệm rộng lặng, dứt trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tam giới.

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

-Thế Tôn! Có oai đức lớn, từ âm vô ngại, khéo khai phá mê hoặc vi tế của chúng sanh, khiến con hôm nay thân tâm an lạc lợi ích lớn (A Nan thay mặt cho đại chúng được lợi ích lớn, là do Phật khai thị phá trừ mê hoặc vi tế của chúng sanh).

-Thế Tôn! Nếu diệu tâm sáng tỏ này viên mãn cùng khắp, như thế cho đến đất đai, cỏ cây, sâu bọ, hàm linh, bản tánh chơn như, tức là chơn thể thành Phật của Như Lai; vậy Phật thể chơn thật, tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, loài người và trời? Thế Tôn, lục đạo này vốn tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi?

Phật giảng kinh chỉ là phá chấp, chứ không phải chân lý. Cho nên, A Nan thay mặt đại chúng hỏi: “Nếu tất cả đều là diệu tâm sáng tỏ vốn sẵn đầy đủ khắp không gian thời gian. Bây giờ núi sông, đất đai, cây cỏ, sâu bọ, hàm linh đều là bản tánh của chơn như, là có các đạo: Trời, người, a tu la, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Tại sao? Thế Tôn! Lục đạo này vốn tự có hay tập khí hư vọng chúng sanh tự sanh khởi?”

-Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trì giới Bồ Tát, lén hành dâm dục, vọng nói hành dâm chẳng phải sát sanh và trộm cắp, chẳng có nghiệp báo. Nói xong, nơi nữ căn liền sanh ngọn lửa lớn, rồi từng đốt xương lại bị bùng cháy đọa địa ngục a tỳ.

Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trì giới Bồ Tát, lấy ý của mình lập ra cái lý là hành dâm không phải sát sanh và trộm cắp, không có hại đến người khác cho là không tội, nói chẳng có nghiệp báo.

Khi thọ giới Bồ Tát rồi, mà nổi lên một niệm, thì khởi tâm động niệm đều có nghiệp báo, tức khởi lên một niệm là có nhân thì phải có quả, mặc dầu chưa đi làm.

Như ông Uất Đầu Lam Phát chỉ khởi lên một niệm: “Tôi sẽ làm con chồn bay, vào rừng ăn chim, vào nước ăn cá”. Niệm ấy ông lại quên, rồi ông chứng quả Phi Phi Tướng, qua 8 vạn đại kiếp, ông vẫn phải bị đọa con chồn bay. Sau khi ông hết làm thân chồn bay thì trở lại làm người.

-Như vua Lưu Ly giết hết dòng họ Cù Đàm (dòng họ Thích Ca), và Tỳ Kheo Thiện Tinh vọng nói tất cả các pháp đều không (đoạn diệt tức là không còn cái gì), đang sống bị đọa vào địa ngục a tỳ.

Trong Hư Vân Niên Phổ, ngài Hư Vân kể chuyện Lưu Ly Dân: Ngày xưa nước của Phật Thích Ca có công chúa rất đẹp. Nước Lưu Ly là nước lớn mạnh. Nước của Phật Thích Ca là nước nhỏ. Thái tử của nước Lưu Ly muốn cưới công chúa của nước Phật Thích Ca, nhưng công chúa không chịu.

Vì sợ nước lớn mạnh, nên lấy tỳ nữ thay thế giả công chúa để gả cho thái tử, rồi sanh ra Lưu Ly Dân. Lúc ấy Lưu Ly Dân còn nhỏ về bên ngoại chơi. Cái ghế chỉ dành cho Phật Thích Ca ngồi thuyết pháp, người nào cũng không được ngồi.

Nhưng Lưu Ly Dân còn nhỏ không biết gì mới leo lên ghế ngồi, thì bị những người dòng họ Thích Ca la rầy, y giữ những lời này mà giận ở trong tâm. Khi vua cha chết, y lên ngôi thay thế cha. Rồi đem binh bao vây nước của Phật Thích Ca, giết sạch hết người lớn nhỏ không còn một người nào cả.

Lúc ấy, Phật Thích Ca và Mục Kiền Liên đều thấy, Phật Thích Ca không cứu, Mục Kiền Liên thấy vậy mới đem 500 người bỏ vô trong bát, rồi đưa lên trên trời tránh binh lính của Lưu Ly Dân giết. Khi quân lính giết sạch rồi rút đi, thì Mục Kiền Liên đem cái bát xuống đất, thấy trong bát toàn là máu.

Rồi hỏi Phật Tại sao? Phật nói: Ấy là nhân quả, tại cứu không được, cho nên tôi không cứu. Vì lý do: Hồi xưa, dân này trong một cái làng, có một cái hồ lớn nhiều loại cá ở trong đó. Dân tộc này tát cạn hết nước hồ, bắt hết cá mà ăn; chỉ có một con nít không ăn, không bắt, nhưng lấy một cái cây gõ đầu con cá ba cái. Con nít đó chính là Phật Thích Ca, cho nên Phật đã thành đạo còn nhưc đầu ba ngày.

Tỳ Kheo Thiện Tinh đại vọng ngữ cho là các pháp đều là không, vì làm cho người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả hay là tất cả tự nhiên?

-Xin Phật rừ lòng đại từ, khai phá ngu đại, khiến tất cả chúng sanh trì giới nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.

Vì có nhân quả, người ta mới chịu trì giới, nên không phạm giới, Phật mới nói rõ cho mọi người nghe tiếp dưới đây.

Chánh văn:

Phật bảo A Nan:

-Lành thay câu hỏi này, khiến các chúng sanh chẳng mắc tà kiến, nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà nói.

-A Nan! Bản tánh của tất cả chúng sanh vốn chơn thật trong sạch, vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí, do đó chia thành nội phần và ngoại phần.

-A Nan! Nội phần tức là phần trong của chúng sanh. Do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình, vọng tình tích chứa không thôi, sanh ra ái thủy, nên chúng sanh hễ nghĩ đến thức ăn ngon thì chảy nước miếng; nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì chảy nước mắt, tham cầu của báu, trong tâm ham muốn, cả mình đều thấm nhuần nước tham; tâm tham dâm dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch. A Nan, những ái dục ấy dù khác, nhưng sự chảy nước là đồng, tánh nước thấm ướt chẳng lên được, tự nhiên sa đọa, gọi là Nội Phần.

-A Nan! Ngoại Phần tức là phần ngoài của chúng sanh. Do lòng khao khát phát ra vọng tưởng, vọng tưởng chứa mãi không thôi, sanh ra thắng khí. Nên chúng sanh hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng; tâm trì chú ấn thì cử chỉ hùng dũng, tâm muốn sanh cõi trời thì chiêm bao thấy bay lên, tâm nhớ cõi Phật, thì thắng cảnh thâm hiện, phụng sự Thiện Tri Thức thì tự khinh thân mạng. A Nan, những vọng tưởng dù khác, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là động, bay động chẳng chìm, tự nhiên vượt lên, gọi là Ngoại Phần.

-A Nan! Tất cả sanh tử tương tục trên thế gian, sống thì tùy thuận theo tập khí, chết thì biến đổi theo dòng nghiệp, đến lúc lâm chung, còn chút hơi ấm, các việc thiện ác của một đời đồng thời hiện ra, sống thì thuận, chết thì nghịch, hai tập khí giao xen lẫn nhau, thuận tưởng thì bay lên, ắt sanh cõi trời, nếu cái tâm bay ấy gồm cả phước đức, trí huệ và tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được mở mang, thấy tất cả tịnh độ với mười phương chư Phật, theo nguyện vãng sanh.

-Tình ít tưởng nhiều, nhẹ nhàng bay xa thì làm phi tiên, đại lực quý vương, phi hành Dạ Xoa, địa hành La Sát, dạo khắp cõi trời, chẳng gì ngăn ngại. Trong đó nếu có thiện tâm thiện nguyện, hộ trì Phật Pháp, hoặc hộ trì giới cấm và người trì giới; hoặc hộ trì thần chú và người trì chú; hoặc hộ trì thiên định, thành tựu pháp nhẫn, thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tọa của Như Lai.

-Tình và tưởng bằng nhau, chẳng bay chẳng chìm, sanh nơi cõi người; tưởng sáng suốt thì thông minh, tình ám muội thì ngu độn.

-Tình nhiều tướng ít, đọa vào súc sinh, nghiệp nặng thì làm loài có lông, nghiệp nhẹ thì làm loài có cánh.

-Bảy phần tình, ba phần tướng, thì chìm dưới thủy luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngạ quỷ, thọ cái khô của lửa hồng, thường bị đốt cháy, dầu được uống nước cũng hóa thành lửa, nên nói bị nước hại, trải qua trăm ngàn kiếp, chẳng thể ăn uống.

-Chín phần tình, một phần tướng, thì đọa dưới hỏa luân, thân vào giữa phong luân và hỏa luân, nghiệp nhẹ thì vào ngục Hữu Giác, nghiệp nặng thì vào ngục Vô Giác.

-Thuần tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu tâm chìm sâu ấy, có phỉ báng Đại Thừa, phá giới cấm của Phật, cuồng vọng thuyết pháp, hư tiêu tín thí, lạm nhận cung kính, hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng cấm, thì lại phải sanh khắp ngục A Tỳ mười phương.

-Chúng sanh cùng tạo ác nghiệp thì phải chịu quả báo đồng phận, nhưng trong cộng nghiệp mỗi người đều có biệt nghiệp của mình, tùy theo ác nghiệp sở tạo, mỗi mỗi tự chuốc lấy quả báo khác nhau.

-A Nan! Những điều kể trên, đều do nghiệp của chúng sanh tự chiêu cảm, tạo Thập Tập Nhân, thọ Lục Giao Báo.

Giảng giải:

Phật nói: “Tất cả đều do tâm tạo”, nghiệp báo của mình do mình tạo ra, không phải ai cho mình cả! Trong này phân ra tình và tướng. Tướng nhiều thì lên, tình nhiều thì xuống, ở trong lục đạo luân hồi. Nhưng tướng cũng là vọng tướng, tình chấp nặng nên đi xuống, còn tướng theo nghiệp mà sanh.

Thấy đồ ăn mình ham thích, tự nhiên nước miếng trong miệng chảy ra, cho đến mình nổi tâm dâm thì căn cũng chảy nước, trong này nói rất kỹ. Tất cả đều do tâm mình tạo, đây nói theo tư tưởng chấp thật của người đời, tất cả là kể chuyện chiêm bao.

Nếu nói thực tế thì nửa quyển trước có nói rõ, còn ở đây là độ người trung hạ căn, tùy theo tư tưởng chấp thật mà giảng. Còn Thiên tông thì quý vị coi lại Truyền Tâm Pháp Yêu của Hoàng Bá rất đơn giản, nhưng người ta khó tin.

Hỏi:

Tướng đây có phải tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức không?

Đáp:

Tướng là tư tưởng suy nghĩ, tư tưởng dùng để tu là thiền quán tướng, tư tưởng tranh giành những việc ở xã hội cũng gọi là tướng, dùng tư tưởng tạo nghiệp, lập ra thủ đoạn mách lới đều là tướng.

Hỏi:

Tình thức là như thế nào?

Đáp:

Tình là tình yêu tình ghét, yêu thì mình muốn lấy, ghét thì mình muốn bỏ. Tướng có thể sanh tình, mà tình có thể sanh tướng; cho nên mới có nặng nhẹ, nghiêng về bên tướng nhiều thì lên, nghiêng về bên tình nhiều thì xuống. Nhưng muốn tu thì dùng cái tướng, chứ không dùng cái tình. Tình không có tu, chỉ là đọa thôi.

Bác ái là tình thương, mà tăng cường ngã chấp. Không phải từ bi của nhà Phật, từ bi của nhà Phật thì không có tình. Vì từ bi không có ngã chấp. Tướng là dùng để tu hay là đọa, còn tình chỉ có đọa.

Bác ái là tin tôi thì tôi cho lên Thiên đường, không tin tôi thì tôi cho xuống địa ngục; vì bác ái có ngã chấp, tức là yêu ghét của tình. Từ bi nhà Phật, người nào cũng bằng nhau. Không những không có phạt xuống địa ngục, mà phải xuống địa ngục kéo họ lên, mặc dầu họ tự tạo tự xuống.

Cho nên, bác ái và từ bi nghịch với nhau, chứ không phải người đời cho là giống nhau. Sự thật từ bi không có mục đích gì hết, không có xen lộn cái tình ở trong đó, còn bác ái thì có tình rất mạnh. Có tình nào cũng từ ngã chấp làm nhân. Như con cọp thương con, bắt thú khác cho con nó ăn, đó cũng là tình thương vậy. Cũng có người cướp giựt của cải người khác để cho con mình.

Tình thương yêu mến của nhà Phật gọi là nhân. Nhà Phật nói: “Đại nhân bất nhân”. Tại sao? Như mặt trời chiếu khắp, mọi chúng sanh đều hưởng ánh sáng bằng nhau, tức là yêu mến của lòng từ bi khắp mọi chúng sanh, thành

ra không có ai không có yêu mến! Mà tất cả lại được, vì tất cả bằng nhau. Nên không có tình cá nhân, còn bác ái có tình cá nhân ở trong đó.

Hỏi.:

Có người nói: “Tôi sanh ra làm việc bác ái”, vậy như thế nào?

Đáp:

Đó cũng là truyền thống tôn giáo, họ quan niệm cái gì đều do chúa ban cho. Tôi nói theo khoa học, họ hiểu và tin, nhưng cuối cùng cũng nói là chúa ban cho mới được. Như vậy thì khỏi nói rồi, vì từ hồi xưa đã huân tập sâu vào trong óc.

Chánh văn:

Sao nói Lục Giao Báo?

-A Nan! Tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, đều từ lục căn mà ra.

-Sao nói ác báo từ lục căn mà ra?

-Một là Kiến Báo chiêu cảm ác quả. Khi kiến nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng; hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng.

-Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

-Hai là Văn Báo chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm.

-Nhu vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp; chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

-Ba là Khứu Báo chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy dẫy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là người thông bị các hơi độc xông vào, nhiều loạn tâm thân; hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất.

-Nhu vậy, người khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; xông vào thị giác thì thành lửa, đuốc; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi; xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thịt lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý thức thì thành tro, chường khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

-Bốn là Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy, che khắp thế giới; thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể, hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy.

-Nhu vậy, nếm mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì thành lồng sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa.

-Năm là Xúc Báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn, rắn lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt (người gác ngục) đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu; hai là lia xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ.

-Nhu vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; qua thính giác thì

thành đánh, đập, đâm bắn; qua khứu giác thì thành tóm, đưng, khảo, trói; qua vị giác thì thành cày, kim, chém, chặt; qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

-Sáu là Tướng Báo chiêu cảm ác quả. Khi tướng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi; hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở.

-Nhu vậy, tà tướng kết vào ý thức thì thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; kết vào thính giác thì thành đại hợp bằng giá, sương mù, đất bùn; kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

-A Nan! Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A Tỳ; nếu cả thân khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào khu 18 địa ngục; nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo, thì người ấy vào khu 36 địa ngục; nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào khu 108 địa ngục.

-Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp, nhưng cùng vào chỗ đồng phận trong thế giới, ấy đều do vọng tưởng sanh ra, chẳng phải vốn san có.

Giảng giải:

Ở đây nói quả báo địa ngục. Thập tập nhân: Tập là tập khí làm nhân, cũng như thập ác (tham, sân, si, sát, đạo, dâm, vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiện, ác khẩu), có nhân thì phải chịu quả. Vậy thập tập nhân do ai tạo ra? Là lục căn tạo ra, gọi là lục giao báo. Mặc dầu lục căn, nhưng mỗi căn đều gồm 6 thứ, giao lộn lẫn nhau, nên gọi là giao báo.

1. Kiến báo chiêu cảm ác quả, khi kiến nghiệp giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng cháy khắp 10 phương, thần thức bay rơi theo khói, vào ngục a tỳ, phát minh 2 tướng.

Ban đầu thấy chiêu cảm ác quả, gọi là nhân kiến nghiệp, lúc lâm chung thì thấy lửa hồng khắp 10 phương. Đạo Phật không nhìn nhận linh hồn, các tôn giáo khác đều nói linh hồn, thói quen các thầy và Phật tử cũng đều nói linh hồn.

Phật Thích Ca không nhìn nhận linh hồn. Tại sao? Vì người ta tưởng là linh hồn tồn tại vĩnh viễn, tức là thân xác chết, linh hồn còn. Sự thật, kinh Lăng Nghiêm nói: “Phàm có lay động thì có biến đổi”. Vì sao?

Vì con nít chết là linh hồn con nít, người lớn chết là linh hồn người lớn, người già chết là linh hồn người già; cứ theo cơ thể này mà biến đổi, biến đổi thì phải chết mất, làm sao tồn tại vĩnh viễn được? Mà lại nói linh hồn đi đâu thai chỗ này chỗ kia!

Đạo Giáo nói 3 hồn 7 vía, một người làm sao nói 3 hồn 7 vía được? Cho nên, Phật nói là thần thức, thần thức không theo cơ thể biến đổi; đi đâu thai là do thần thức, chứ không phải là linh hồn, chịu khổ cũng là thần thức.

Hỏi:

Xin thầy khai thị rõ có đi đâu thai hay không đi, vì có đi thì có thời gian?

Đáp:

Phật tùy theo chấp của chúng sanh, để dạy chúng sanh tu giải thoát. Chỗ thật tế vốn không có đâu thai, như Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô vô minh, vô lão tử”, là không có vô minh, không có già chết, làm sao có hay không có lục đạo luân hồi? Nhưng bệnh chấp của chúng sanh lọt vào chiêm bao do ý thức tạo ra.

Độc đầu ý thức biến hiện gọi là nhắm mắt chiêm bao, đồng thời ý thức biến hiện gọi là mở mắt chiêm bao. Tất cả lục đạo luân hồi đều ở trong chiêm bao, tức là mở mắt chiêm bao. Trong mở mắt chiêm bao có nhắm mắt chiêm bao. Nếu lấy kinh nghiệm nhắm mắt chiêm bao, thì hiểu được mở mắt chiêm bao.

Nhắm mắt chiêm bao không có cái gì thật, nhưng trong lúc chiêm bao thấy toàn là thật; cho đến ở trong chiêm bao, thức dậy hoàn toàn không có, chỉ do ý thức biến hiện. Một mình thức thứ 6 biến hiện là nhắm mắt chiêm bao. Hai thức đồng thời biến hiện là mở mắt chiêm bao. Lúc chiêm bao phải chịu nhân quả chiêm

bao, luân hồi trong chiêm bao, đầu thai chỗ này chỗ kia, tùy theo cái nghiệp chiêm bao.

Cho nên, mục đích của Phật muốn mình ở trong chiêm bao thức tỉnh, gọi là kiến tánh thành Phật. Là tất cả chiêm bao là bình yên vô sự. Nếu còn ở trong chiêm bao, Phật có nói thật tế cũng không tin được.

Không tin được tại vì chưa được tự chứng phần. Nhắm mắt chiêm bao, ngủ thức dậy thì được tự chứng phần.

Mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức, nếu không tham thiền. Tới chừng thức tỉnh gọi là kiến tánh thì được tự chứng phần. Duy Thức còn thêm chứng tự chứng phần. Thiền tông gọi là truyền tâm ấn, nghĩa là tâm của thầy đã ngộ triệt để, dùng để chứng minh trò đã ngộ rồi. Dùng tâm để ấn chứng tâm gọi là truyền tâm ấn. Những người không biết, tưởng là có cái tâm để cho người này người kia, giống như vật chất vậy.

Hiện giờ mình đang ở trong chiêm bao, chưa được tự chứng phần; tự chứng phần phải kiến tánh mới được. Chưa kiến tánh, Phật có giải thích trong kinh rất có lý; nhưng tin không nổi, vì tiếp xúc cái nào cũng thấy thật. Không những lo cho thân mình mà còn phải lo cho con cháu nữa, nếu biết không thật thì khỏi cần lo. Nhưng không được, phải lo mới được, khó mà buông!

Phật đã nói mấy chục năm, nhưng người ta khó tin. Cho nên, cuối cùng Phật mới truyền pháp môn Tổ Sư thiền, để cho người ta được tự chứng phần; nếu chưa được tự chứng phần, nghe người ta nói có lý cũng khó tin. Những người nói tin, nhưng sự thật trong tiềm ý thức, vẫn cho các việc trước mắt là thật, không chịu tin là mở mắt chiêm bao.

Nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều là chiêm bao. Nhưng người đời chỉ nhìn nhận nhắm mắt chiêm bao, chứ không nhìn nhận mở mắt chiêm bao. Vì nhắm mắt chiêm bao đã thức tỉnh, là được tự chứng phần, cho nên lòng tin vững chắc. Còn mở mắt chiêm bao chưa được tự chứng phần, vì chưa kiến tánh, thành ra Phật và chư Tổ nói có lý cũng không tin.

Vì chưa kiến tánh, do 10 thứ tập nhân lại thọ lục giao báo. Vừa rồi nói các cảnh địa ngục, các vị nghe cũng biết rất khổ. Cái khổ là do thần thức này cảm thấy, đối với bản tâm không có liên quan.

Bây giờ thần thức đang hiện hành, thì bản tâm ẩn trong thần thức, chứ không phải là hai. Mình quen mắt bản tâm, chỉ nhìn nhận thần thức. Nên bị thần

thức lôi kéo vào chỗ khổ chỗ vui mà cảm thọ. Chỗ này, Phật muốn mình ngộ mới được. Nếu chưa ngộ mình vẫn còn dùng thần thức.

Thần thức đang hiện hành, cũng gọi là hiện hành vô minh. Phật và chư Tổ nói: “Chúng sanh hiện hành vô minh của chúng sanh, tức là bất động trí của chư Phật”. Ấy không phải là hai. Cái này trong công án Thiền tông của Ngưỡng Sơn.

Có người hỏi Ngưỡng Sơn: Thế nào vô minh hiện hành của chúng sanh, tức là bất động trí của chư Phật?

Một Sa Di đi ngang, Ngưỡng Sơn hỏi: Thế nào là Phật tánh? Sa Di nói rồi đi. Ngưỡng Sơn nói tiếp: Đó là hiện hành vô minh của chúng sanh.

Mình chưa ngộ thì khó hiểu, kể vậy chỉ hiểu phần nào thôi.

Nói tóm lại, cuộc sống hằng ngày đều dùng lục căn, lục căn ham thích hay chán ghét cũng ở trong 10 thứ tập nhân. Cho nên, Thiền tông chỉ giữ nghi tịnh là không hiểu không biết, mới ngưng được lục căn tạo nghiệp nhân. Nghiệp nhân không tạo thì nghiệp quả không có. Nên rất giản dị, như không phải Giáo môn, phải học nhiều kinh điển.

Nghiệp có biệt nghiệp và cộng nghiệp. Như máy bay của Nhật Bản ở Đài Loan bị rớt chết rất nhiều, chết một lượt là cộng nghiệp. Nhưng trong đó có 10 người không chết là biệt nghiệp. Trong biệt nghiệp có cộng nghiệp, trong cộng nghiệp cũng có biệt nghiệp. Nếu làm nghiệp nhân thì phải chịu nghiệp quả, việc ấy có thể sửa lại được. Tâm tạo nghiệp cũng dùng tâm sửa nghiệp.

Chánh văn:

-Lại nữa A Nan! Nếu các chúng sanh phá hủy luật nghi, phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết Bàn và các nghiệp khác, thì trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy, sau khi đền tội xong, thọ các hình quý.

Nếu ở nơi bản nhân, do tham vật tạo tội, người ấy khi đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là Quái Quý; do tham sắc tạo tội, khi đền tội xong, gặp gió thành hình, gọi là Bạt Quý; do tham dâm trá tạo tội, khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình, gọi là Mĩ Quý; do tham sân hận tạo tội, khi đền tội xong, gặp sâu bọ thành hình, gọi là Cồ Độc Quý; do tham ghi khắc thù oán tạo tội, khi đền tội xong, gặp kẻ thù vận suy thành hình, gọi là Lệ Quý; do tham ngạo mạn tạo tội, khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Nga Quý; do tham

lừa gạt tạo tội, khi đền tội xong, gập u ắn thành hình, gọi là Yểm Quỷ; do tham mình ngộ tạo tội, khi đền tội xong, gập tinh linh thành hình, gọi là Võng Lượng Quỷ; do tham vu vạ tạo tội, khi đền tội xong, gập linh hiển thành hình, gọi là Dịch Sử Quỷ; do tham kết bè phái tạo tội khi đền tội xong, gập con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quỷ.

-A Nan! Loại này đều vì thuận tình mà sa đọa, khi nghiệp lửa đốt cạn thì lên làm quỷ, ấy đều do vọng tưởng của tự mình chiêu cảm nghiệp quả, nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì nơi diệu tâm sáng tỏ, vốn chẳng có gì cả.

-Lại nữa A Nan! Khi hết nghiệp quỷ, tình và tướng cả hai đều không, mới ở nơi thế gian, với người mắc nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để trả nợ xưa.

-Loài quái quỷ theo vật, khi vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kêu.

-Bạt quỷ theo gió, khi gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cửu trùng (loài dự báo điềm xấu như chim cú, quạ...)

-Mî quỷ theo súc, khi súc chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chôn.

-Cổ quỷ theo sâu, khi suy sâu diệt hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài độc hại.

-Lệ quỷ theo vận suy, khi suy tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun sán.

-Ngạ quỷ theo khí, khi khí tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài gia súc.

-Yểm quỷ theo u-ắn, khi u-ắn tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tằm, cừu, cung cấp đồ mặc.

-Võng Lượng Quỷ theo tinh linh, khi tinh tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim mùa.

-Dịch Sử Quỷ theo linh hiển, khi linh diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hươu trung (loài dự báo điềm tốt như phụng, lân).

-Truyền Tống Quỷ theo người, khi người chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tùng phục bên người như chó, mèo.

-A Nan! Loại này đều vì nghiệp lửa đốt cạn, sanh vào loài súc, đền trả nợ xưa, ấy cũng là do vọng nghiệp chiêu cảm; nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì các vọng duyên này, vốn chẳng có gì cả.

Như người hỏi về những quả báo ác nghiệp của Bửu Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ Kheo Thiện Tinh từ đâu ra? Phải biết mỗi mỗi đều tự tạo, chẳng phải từ trên trời xuống, từ dưới đất ra, hay người khác đưa đến. Tự tạo vọng nghiệp, tự chiêu ác quả, mà chẳng biết nơi tâm Bồ Đề, ấy đều do vọng tưởng giả dối kết tụ.

-Lại nữa A Nan! Những súc sinh ấy, đền trả nợ cũ, nếu trả quá nợ cũ, thì trở lại làm người, đòi lại phần thừa. Nếu người kia có sức mạnh, lại có phước đức, thì khỏi bỏ thân người mà vẫn hoàn lại phần thừa ấy được, còn nếu chẳng phước đức thì phải làm súc sinh để trả lại cái thiếu.

-A Nan nên biết! Nếu mắc nợ tiền tài hoặc sức lực của loài vật, khi đền đủ thì tự ngưng... Nếu ở trong đó có giết hại sinh mạng hoặc ăn thịt họ, như thế cho đến ăn nhau, giết nhau, trải qua vô số kiếp, như chuyển bánh xe, lúc cao lúc thấp, thay phiên nhau chẳng ngừng. Trừ khi gặp Phật ra đời, ngộ pháp Xa Ma Tha, nếu không thì nghiệp chẳng thể ngưng.

-Nay người nên biết, loài chim kê kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngoan cố.

-Loài cừu trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng quái dị.

-Loài chồn kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngu dại.

-Loài độc hại kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nham hiểm.

-Loài giun sán kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng hèn hạ.

-Loài gia súc kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nhu nhược.

-Loài tầm, cừu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nghèo khổ.

-Loài chim mùa trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng văn hoa.

-Loài hươu trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông minh.

-Loài tùng phục bên người kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông thạo.

-A Nan! Loại này dù trả hết nợ cũ, trở lại làm người, đều do điên đảo tạo nghiệp, sanh nhau giết nhau từ vô thủy, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao xoay vần mãi, bọn này gọi là thật đáng thương xót.

-A Nan! Lại có chúng sanh, trong cõi người chẳng theo chánh giác tu Tam Ma Địa, mà tu theo vọng niệm, giữ tâm cứng cố hình hài, ẩn trong rừng núi, những chỗ vắng người, thành mười loại tiên.

1. A Nan! Những chúng sanh ấy, kiên cố dùng đồ bỏ chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thực, gọi là Địa Hành Tiên.

2. Kiên cố dùng cỏ cây chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thuốc, gọi là Phi Hành Tiên.

3. Kiên cố luyện đờn chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo hóa chất, gọi là Du Hành Tiên.

4. Kiên cố luyện khí chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tinh khí, gọi là Không Hành Tiên.

5. Kiên cố luyện tâm dịch chẳng ngừng nghỉ, thành tựu nhuận đức, gọi là Thiên Hành Tiên.

6. Kiên cố hấp thụ tinh hoa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự hấp thụ, gọi là Thông Hành Tiên.

7. Kiên cố luyện theo bùa chú chẳng ngừng nghỉ, thành tựu bùa phép, gọi là Đạo Hành Tiên.

8. Kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ, thành tựu niệm tưởng, gọi là Chiếu Hành Tiên.

9. Kiên cố về thủy hỏa giao cấu chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự cảm ứng, gọi là Tinh Hành Tiên.

10. Kiên cố biến hóa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tà ngộ, gọi là Tuyệt Hành Tiên.

-A Nan! Loại này đều ở trong cõi người mà luyện tâm, chẳng tu chánh giác, xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi, ẩn núp nơi núi sâu, hòn đảo, những chỗ vắng người; ấy cũng là theo vọng tưởng mà luân hồi. Nếu chẳng tu tam muội, khi phước báo hết, phải trở lại trong lục đạo.

Giải thích:

Trong mười pháp giới, tội địa ngục là nặng nhất. Tội địa ngục hết thì lên ngạ quỷ, tức là tội nhẹ hơn một chút. Tội ngạ quỷ hết thì lên súc sanh. Súc sanh trả nợ hết thì lên làm người. Tùy theo nghiệp nhân trước, nên mới có người thông minh, có người ngu si,... trong này phân tích nhiều loại.

Nếu người nào tu theo ngoại đạo, trong này có nói 10 thứ tiên, họ sống muôn ngàn tuổi, hết thời hạn họ cũng phải luân hồi sanh tử trong lục đạo. Những người tu ở ẩn trong rừng sâu, không ai tới, chỉ thích ở một mình không muốn gặp người, thì phải dùng trái cây để sống, nhưng phải cần muối, nên đốn củi đem ra ngoài đường và viết rằng: “Ai lấy củi này, xin cho tôi ít muối”. Đến lúc trời chiều tối họ ra lấy muối mang đi vào rừng sâu. Họ tu đến thành tiên, đến già họ cũng phải chết, tức là cái nhân họ tạo tới đâu thì cái tuổi tới đó cũng phải chết.

Lục đạo luân hồi là: Trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; kinh Lăng Nghiêm có thêm đạo tiên, thành ra có 7 loại (thất thú). Có chỗ nói 5 loài, vì a tu la có 4 loại: A tu la cõi trời, A tu la cõi người, A tu la cõi súc sanh, A tu la cõi ngạ quỷ. Cho nên, không có lập riêng một loại A tu la. Nhưng bây giờ người ta đã quen gọi lục đạo, nên chỉ có một A tu la.

Nói tóm lại, mình tạo nghiệp nhân gì thì chịu nghiệp quả đó. Cho đến tu thành tiên, họ cũng có nghiệp nhân nghiệp quả; vì họ không có tu đúng chánh pháp, nên không được giải thoát nhưng được sống dai. Những người tu tiên không ăn thịt chúng sanh, chỉ ăn trái cây; nên họ không có trả nợ thịt.

Tôi thường nói: “Giết một mạng thì trả lại một mạng, ăn một cục thịt phải trả lại một cục thịt”. Tại sao? Vì hôm nay làm thịt 10 con gà để bán, nếu họ bán không được thì ngày mai họ không có giết nữa; nếu họ bán được thì

ngày mai họ giết thêm. Mình đi mua thịt cũng là gián tiếp sát sanh. Nếu mình không mua thì họ không giết.

Kinh Lăng Già nói: “Dùng tiền để bắt, người ta dùng lưới, dùng tay chân để bắt, cũng là cùng tạo nghiệp nhân”. Thọ giới Bồ Tát không cho nuôi mèo, chồn. Vì người nuôi mèo muốn cho nó đi bắt chuột, cũng là gián tiếp sát sanh.

Hỏi:

Có các chùa cho mèo ăn thịt, vậy việc ấy như thế nào?

Đáp:

Việc ấy hiểu lầm, thời kỳ Phật Thích Ca đi bình bát, người ta bỏ bất cứ cái gì đều phải ăn; không được chọn cái ngon ăn, không ngon mà bỏ. Không được đi mua thức ăn. Đi bình bát quy định đi 7 nhà. Nếu đi 7 nhà mà không có ai cúng dường, thì mang bình bát không trở về, bữa đó nhịn đói.

Nhưng thường thường các nước Thái Lan, Tích Lan, Cam Pu Chia, những người cư sĩ hay phát tâm cúng dường, nếu không cúng dường thì trong tâm thấy khó chịu. Cho nên, họ ăn cái gì thì họ cúng cái đó, vì thế tu sĩ không có quy định phải cúng cái gì.

Các vị cư sĩ muốn cúng dường, họ mang đồ ăn để sẵn trước cửa nhà vào lúc 5 giờ sáng, có sư đi ngang qua thì bỏ vô bình bát. Nếu cúng 5 vị thì làm 5 phần, cúng 10 vị thì làm 10 phần. Các nước Thái Lan, Cam Pu Chia, con trai lớn lên đều phải đi xuất gia, cho đến làm vua cũng phải đi xuất gia, đi bình bát như các vị sư vậy.

Đi bình bát về, các thức ăn chia ra làm 2 phần, một phần ăn liền, còn lại một phần 11 giờ trưa mới ăn, buổi chiều không ăn. Các tu sĩ ở Thái Lan, buổi chiều họ không mua đồ ăn, nếu mua thì người ta cho là phạm giới. Các tu sĩ người Hoa muốn ăn vào buổi chiều, phải đóng cửa lại. Vì sợ người Thái Lan bất ngờ vô gặp.

Chánh văn:

DỤC GIỚI

1. A Nan! Những người thế gian, chẳng cầu đạo thường trụ, chưa thể rời bỏ sự ân ái vợ chồng, nhưng tâm chẳng buông lung nơi tà dâm, do tâm đứng lặng phát ra sáng suốt. Sau khi chết, ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.
 2. Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, chưa hoàn toàn trong sạch. Sau khi chết, vượt ánh sáng nhật nguyệt, ở trên đảnh cõi người, loại này gọi là Đạo Lợi Thiên.
 3. Gặp dục tạm giao, qua rồi thì chẳng nhớ; nơi cõi người động ít tịnh nhiều. Sau khi chết, an trụ nơi hư không, ánh sáng nhật nguyệt chẳng thể soi đến, hạng người ấy tự có ánh sáng, loại này gọi là Tu Diệm Ma Thiên.
 4. Lúc nào cũng tịnh, nhưng khi tiếp xúc bỗng đến, chưa thể lìa bỏ. Sau khi chết, sanh lên cõi tinh vi, chẳng nối liền với những cõi trời, người ở dưới; khi kiếp hoại tam tai cũng chẳng thể đến, loại này gọi là Đâu Suất Đà Thiên.
 5. Ta chẳng tâm dâm dục, chỉ đáp ứng với nhu cầu của người, xem sự dâm dục vô vị như ăn sáo. Sau khi chết, sanh lên cõi biến hóa, loại này gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.
 6. Tâm chẳng trụ thế gian, mà thọ dụng cảnh dục đồng như thế gian; đang lúc thọ dụng, rõ ràng siêu thoát. Sau khi chết, vượt lên tất cả cảnh biến hoá và chẳng biến hóa, loại này gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.
- A Nan! Sáu cõi trời kể trên, hình dù khởi động mà tâm còn dính mắc, từ đây trở xuống, gọi là Dục Giới.

Giảng giải:

Tam giới gồm có: “Dục giới, sắc giới, vô sắc giới”, con người và cầm thú đều ở trong cõi dục giới. Trong này nói có 6 lớp cõi trời dục giới. Dục này là dâm dục, dâm dục càng bớt thì sanh đến cõi khác càng cao. Ngài Long Thọ nói: “Cõi trời thấp nhất thì dâm dục bằng cõi người”. Nếu lên một lớp chỉ cần 2 người ôm nhau thì thỏa mãn. Lên lớp nữa chỉ nắm tay là cảm thấy thỏa mãn. Lên lớp nữa chỉ 2 người cười nhau thì thỏa mãn. Đều có tánh dâm dục của

	nam	nữ.
--	-----	-----

Quyển 9

Chánh văn:

SẮC GIỚI

SƠ THIÊN

1. A Nan! Tất cả người tu tâm trong thế gian chẳng nhờ Thiên Na thì chẳng có trí huệ; nếu được giữ thân chẳng dâm dục, khi đi khi ngồi, niệm tưởng đều không, ái nhiễm chẳng sanh, chẳng lưu luyến Dục Giới, làm bạn với Phạm Thiên, hạng này gọi là Phạm Chúng Thiên.

2. Dục lậu đã trừ, "Tâm lia dục" hiện, ưa hành theo các luật nghi, đức hạnh trong sạch, hạng này gọi là Phạm Phụ Thiên.

3. Thân tâm diệu viên, oai nghi đầy đủ, giới cấm trong sạch, lại có sự tỏ ngộ, được thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương, hạng này gọi là Đại Phạm Thiên.

-A Nan! Ba bậc này tất cả khổ não chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, dục lậu chẳng thể lay động, gọi là Sơ Thiên.

NHỊ THIÊN

1. A Nan! Hàng Phạm Thiên thống lãnh Phạm chúng, đầy đủ phạn hạnh, lắng tâm chẳng động; do tịch lặng sanh ra ánh sáng; hạng này gọi là Thiếu Quang Thiên.

2. Ánh sáng chói lọi, chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi đều như lưu ly; hạng này gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

3. Hào quang đồng như âm thanh, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa trong sạch, ứng dụng vô cùng; hạng này gọi là Quang Âm Thiên.

-A Nan! Ba bậc này tất cả lo buồn chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, những phiền não thô động đã uốn dẹp, gọi là Nhị Thiên.

TAM THIÊN

1. A Nan! Hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, thành hạnh tinh tấn, thông với sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Thiếu Tịnh Thiên.

2. Cảnh "Tịnh Không" hiện tiền, chẳng có bờ bến, thân tâm nhẹ nhàng, thành sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

3. Thế giới và thân tâm, tất cả đều trong sạch, thành tựu đức tánh trong sạch, thắng cảnh hiện tiền, qui về cái vui tịch diệt, hạng này gọi là Biến Tịnh Thiên.

-A Nan! Ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên ổn, được sự vui vô lượng, dù chẳng phải thật đắc chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ, gọi là Tam Thiên.

TỨ THIÊN

1. Lại nữa A Nan! Cõi trời này, thân tâm chẳng bị bức bách, nhân khổ đã hết, biết sự vui chẳng thường trụ, lâu ắt biến hoại, hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả, tướng thô đã diệt, tánh phước được sanh, hạng này gọi là Phước Sanh Thiên.

2. Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch, được sự tùy thuận nhiệm mầu, cùng tốt vị lai, tánh phước chẳng ngăn ngại, hạng này gọi là Phước Ái Thiên.

3. A Nan! Từ cõi trời này tẻ ra hai đường: Nếu dùng tâm sáng tỏ đầy đủ phước đức trước kia để tu chứng an trụ, hạng này gọi là Quảng Quả Thiên.

4. Nếu nơi tâm trước kia, nhằm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn, trọn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lẳng tâm bất tướng, trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sanh, hạng này gọi là Vô Tướng Thiên.

-A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động, dù chẳng phải là chỗ chơn bất động của đạo vô vi, nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thực, gọi là Tứ Thiên.

NGŨ TỊNH CƯ THIÊN

-Ở đây, còn có năm bậc Bất Hoàn Thiên, đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới, nên an lập chỗ ở nơi tâm xả của đồng phạm chúng sanh.

1. Vậy, khổ vui đã diệt, ưa ghét chẳng sanh, hạng này gọi là Vô Phiền Thiên.
2. Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đối đãi, hạng này gọi là Vô Nhiệt Thiên.
3. Mười phương thể giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn tất cả cấu nhiễm của cảnh trần, hạng này gọi là Thiện Kiến Thiên.
4. Diệu kiến hiện tiền, biến tạo vô ngại, hạng này gọi là Thiện Hiện Thiên.
5. Sắc trần từ tướng lãng xăng đến chỗ cứu cánh chẳng động, cùng tột tánh sắc chẳng có bờ bên, hạng này gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

-A Nan! Với các cõi Bất Hoàn Thiên này, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương cõi Tứ Thiên mới được nghe biết, nhưng chẳng thể thấy biết. Như nay trong thế gian, nơi núi sâu rừng thẳm, những đạo tràng của bậc thánh, đều có các vị A La Hán trụ trì, mà người thế tục chẳng thể thấy.

-A Nan! Mười tám cõi trời kể trên, dù thoát khỏi cảnh dục, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân, gọi là Sắc Giới.

Giảng giải:

18 lớp cõi trời sắc giới chia làm tứ thiên: Nhị thiên, tam thiên và tứ thiên. Ngoại đạo tu thiên được sanh lên cõi trời.

Sơ thiên có 3 lớp: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên. Nói đức Chúa trời tạo ra vũ trụ vạn vật gọi là Đại Phạm Thiên. Kỳ thật, không phải. Vì người ta hiểu lầm, vũ trụ vạn vật không có ai tạo. Phật đã nói tất cả đều bắt đầu là nghĩa vô sanh, tức không sanh khởi. Thân này do cha mẹ sanh ra, nhưng truy cứu thì không có cha mẹ đầu tiên, tức là không bắt đầu.

Phật tánh tồn tại vĩnh viễn, không chết mất mà không sự thành lập; nếu có sự thành lập thì có bắt đầu. Nhà khoa học chưa biết được cho là tự nhiên, kinh Lăng Nghiêm nói: “Không có thể tự nhiên và nhân duyên”.

Sự thật chứng tỏ không phải tự nhiên, cũng không phải nhân duyên, nếu tự nhiên được thì chỗ không có biến thành có. Vậy con người khỏi cần cha mẹ sanh ra, trái đào không cần cây đào sanh ra, trái dứa không cần cây dứa sanh ra. Cho nên, lý tự nhiên không thể được.

Nếu nói là nhân duyên, cũng như con gà và trứng gà làm nhân duyên với nhau, con gà sanh ra trứng gà, trứng gà ấp ra con gà. Nhưng không có nhân đầu tiên, tức là con gà không có thể bắt đầu, trứng gà không có thể bắt đầu. Không thể bắt đầu, Phật nói vô thi; tức là nghĩa vô sanh, nên người tu chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh.

Nhưng bây giờ người ta không chịu tin là vô thi vô sanh, nhà khoa học và nhà triết học không tin nghĩa vô sanh, vì chấp thật; nếu có bắt đầu thì bắt đầu chỗ nào? Không có chỗ. Vì bản tâm cùng khắp hư không.

Bắt đầu từ thời gian nào? Chính thời gian không có bắt đầu, mình truy sự bắt đầu thì phải xuyên qua thời gian; thời gian không bắt đầu thì vũ trụ vạn vật làm sao có sự bắt đầu? Nhưng nhà khoa học tới bây giờ tìm không ra, nhưng vẫn tìm sự bắt đầu của vũ trụ và con người. Nhưng sự thật không bắt đầu được.

Nếu nói bắt đầu thì chỉ có 2 điểm bắt đầu, bắt đầu từ chỗ có hay bắt đầu từ chỗ không có. Nếu bắt đầu từ chỗ có thì chỗ có kia đã bắt đầu rồi, nếu bắt đầu chỗ không có thì vô lý, không có biến thành có thì thế giới loạn hết. Như vừa rồi tôi nói: “Con người khỏi cần cha mẹ sanh ra, trái dứa khỏi cần cây dứa sanh ra”.

Bây giờ, cây lý sanh ra trái lý, chứ cây lý không thể sanh ra trái đào được. Không có cây lý, không thể tự nhiên có trái lý, không có thể tự nhiên được thì không có thể bắt đầu. Cho nên, Phật nói trắng ra là không có sự bắt đầu.

Hiện tượng thế giới này mình chấp cho là thật, mới tìm sự bắt đầu; như nhắm mắt chiêm bao, ai cũng biết không có bắt đầu. Lúc đang chiêm bao thấy cái nào cũng thật, giả sử thiện tri thức trong chiêm bao giải thích cho người trong chiêm bao, tất cả các thứ trong chiêm bao đều không thật, người chiêm bao không tin, vì tiếp xúc thấy cái nào cũng thật. Khi mình thức dậy

thì tự mình chứng tỏ không có cái nào thật, luôn cả thân chiêm bao cũng không thật.

Mở mắt chiêm bao cũng vậy, tiếp xúc cái gì cũng thật, ai cũng chấp thế giới này là thật; tới chừng kiến tánh tức là ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, mới tự mình chứng tỏ, gọi là chứng ngộ, cũng gọi là chứng quả. Nếu chưa ngộ thì tiếp xúc cái gì đều cho là thật, vì chưa được chứng phần. Khi thức tỉnh nhắm mắt chiêm bao, được tự chứng phần thì tin đó là chiêm bao. Còn mở mắt chiêm bao chưa được tự chứng phần, tuy Phật nói rất có lý, mình cũng không tin.

Tôi giảng theo kinh, các vị nghe không tin nổi, nên bây giờ huân tập từ từ mới tin. Huân tập được rồi, những cái ham thích tự động bớt dần thì lòng tin có thêm. Minh tu đúng theo chánh pháp của Phật Thích Ca thân truyền pháp Tổ Sư thiên là hơn 4 thiên của sắc giới nhiều lắm. Nếu muốn tu tứ thiên tôn không biết bao nhiêu công phu, chịu bao nhiêu cực khổ.

Qua tứ thiên còn có ngũ tịnh cư thiên, có 5 lớp. 5 lớp này khi họ biết được chánh pháp, có thể chứng quả A La Hán ra khỏi luân hồi. Nếu không biết chánh pháp, chấp thật 4 thiên này, không ra khỏi luân hồi.

Chánh văn:

VÔ SẮC GIỚI

-Lại nữa A Nan! Từ trên danh của Sắc Giới, lại tẽ ra hai đường:

-Nếu nơi tâm xả, phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông, bèn ra cõi trần, thành A La Hán, vào Bồ Tát Thừa, hạng này gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

-Nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại, tiêu ngại vào không, hạng này gọi là Không Xứ.

-Chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt, trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức; hạng này gọi là Thức Xứ.

-Sắc và Không đã tiêu, tâm thức đều diệt, mười phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến; hạng này gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

-Dùng tánh thức chẳng động để diệt sự nghiêng ngã, thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận, như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận, hạng này gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

-Hạng này xét cùng cái Không, nhưng chẳng tột lý Không; nếu từ thánh đạo Bất Hoàn Thiên mà xét cùng, hạng này gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán.

-Nếu từ Vô Tướng Thiên của ngoại đạo mà chấp thật Không, chẳng biết quày đầu, mê muội hữu lậu, chẳng nghe chánh pháp, bèn vào luân hồi.

-A Nan! Những cõi trời kể trên, mỗi mỗi đều là phạm phu đền trả nghiệp quả, khi nghiệp quả trả hết bèn vào luân hồi. Thiên Vương các cõi ấy, đều là Bồ Tát tu Tam Ma Địa, lần lượt tiến lên, hướng về đường tu của Bạc Thánh.

-A Nan! Cõi Tứ Không này, thân tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền, chẳng có sắc thân của nghiệp quả; từ đây đến cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

-Ấy đều do chẳng rõ diệu tâm sáng tỏ, tích chứa vọng tưởng, chấp thân trung ấm, tùy loại thọ sanh, vọng có tam giới, nên vọng theo bảy loài mà chìm đắm.

Giảng giải:

Chỗ Ngũ Tịnh Cư Thiên là cao nhất sắc giới, tẻ ra 2 đường:

-Nếu nơi tâm xả, phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông thì ra cõi trần, thành A La Hán (ra khỏi luân hồi) vào Bồ Tát thừa, hạng này gọi là hồi tâm đại A La Hán.

Tức là hồi tâm phạm phu thành tâm thánh nhân. 10 pháp giới là: Tứ thánh và lục phạm. Lục phạm là: Trời, người. A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Tứ thánh là A La Hán (Thanh Văn), Bích Chi Phật (Duyên Giác), Bồ Tát và Phật. Nếu cõi trời cao nhất mà hồi tâm được ra khỏi cõi trần thì chứng quả A La Hán.

-Nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại, tiêu ngại vào không (chấp không), hạng này gọi là Không Xứ (tuổi thọ được 20.000 đại kiếp, vô sắc không có sắc thân, chấp a lại da thức là ta).

-Chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt, trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức (thức thứ 7 chấp a lại thức là ta, còn ta nên

không ra khỏi luân hồi, tức chưa phá được ngã chấp), hạng này gọi là Thứ Xứ (tuổi thọ 40.000 đại kiếp).

-Sắc và không đã tiêu, tâm thức đều diệt, 10 phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến; hạng này gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

Nếu mình muốn đến chỗ này đâu phải dễ. Bây giờ mình tiếp xúc hư không và vật chất đều chấp cho là thật. Như trái nho, cái tách thuộc về sắc, hư không thuộc về hư không; đến chỗ này sắc và không đã tiêu, mà tâm thức cũng diệt.

Tâm thức của mình biết trái nho, cái tách, hư không. 10 phương hư không chẳng thấy biết, nhưng có chỗ tịch lặng, chẳng có chỗ đến, chính là trụ nơi này, rồi cho là không có cái gì, gọi là vô sở hữu xứ. Chấp vào hoàn toàn không có cái gì, vì không có tâm thức để biết sắc, không; tuổi thọ quả này được 60.000 đại kiếp.

Hỏi:

Cái không này có giống vô ký không chẳng?

Đáp:

Không này là vô ký không của ngoại đạo, còn của mình là ở trên đường tu, có lọt vào một chút thì cũng trở lại bình thường. Quả của ngoại đạo thì họ hưởng 60.000 đại kiếp, họ trụ nơi tịch lặng nên không tiến lên, cho nên gọi là vô sở hữu (không có cái gì).

-Dùng tánh thức chẳng động để diệt sự nghiền ngẫm, thành ra ở nơi vô tận tỏ bày tánh tận, như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận, hạng này gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

Đây là cõi trời cao nhất, tuổi thọ 80.000 đại kiếp. 1 đại kiếp có 4 trung kiếp, 1 trung kiếp có 20 tiểu kiếp, 1 tiểu kiếp có 16.000.000 năm.

$16.000.000 \text{ năm} \times 20 \times 4 \times 80.000 = 102.400.000.000.000 \text{ năm}$, là tuổi thọ của Phi Tướng Phi Phi Tướng. Nhưng họ cũng ở trong chiêm bao.

Ngày xưa Phật chưa chứng quả đi theo ngoại đạo, sau cùng theo ông Uất Đầu Lam Phát, thì Phật cũng chứng đến chỗ đó, nhưng Phật biết là không

được, mới bỏ đi. Khi Phật thành đạo, muốn độ ông Uất Đầu Lam Phát, thấy ông đã vào cõi Phi Tướng Phi Tướng trước một ngày.

Phật nói, khi ông hết tuổi thọ, phải đọa làm chồn bay, vì lúc tu, bên bờ sông nghe cá lội làm cho ông bức mình, trên cây nghe chim kêu làm cho ông khó chịu. Tâm ông nghĩ: “Sau này tôi làm chồn bay vào rừng ăn chim, vào nước ăn cá”. Có tâm niệm lại quên, nhưng đã gieo nhân rồi, khi hưởng hết tuổi thọ cõi trời phải đọa làm chồn bay. Nếu ăn chim ăn cá thì phải đọa thêm nữa, để trả nợ mạng nợ thịt.

Nếu không tu đúng chánh pháp rất nguy hiểm. Đã phí bao nhiêu công sức khổ, mà lại bị luân hồi sanh tử.

Hỏi:

Loài người do loài khí mà thành, vậy thuyết ấy như thế nào?

Đáp:

Tôi hỏi: Con người do con khí tiến hóa, vậy con khí do con gì tiến hoá? Nói là con chó. Con chó do con gì tiến hoá? Con mèo. Con mèo do con gì tiến hoá? Con chuột. Cứ hỏi tới hoài, cuối cùng tới con sau chót thì không trả lời được. Lý luận tiến hóa đó không thành lập được, các nhà khoa học vì họ chấp thật. Kỳ thật do nghiệp thức mình biến ra, làm sao mà tiến hóa được!

Hỏi:

Bây giờ chinh phục thiên nhiên để phục vụ cho loài người, việc ấy như thế nào?

Đáp:

Vì chú trọng hưởng thụ vật chất nên có việc ấy. Nhưng cảm thấy hạnh phúc là vật chất hay tinh thần? Nếu đem so sánh hưởng thụ vật chất ở Mỹ là cao hơn hết, nhưng tinh thần hạnh phúc ít lo lắng không bằng ở Việt Nam. Những người triệu phú muốn hưởng cái gì cũng được, nhưng phiền não nhiều hơn người thường. So sánh với người xưa mấy ngàn năm trước, họ còn hạnh phúc hơn mình, vì họ không có lo gì cả. Mặt trời lên, họ đi làm, mặt trời xuống họ đi về.

Hỏi:

Làm thế nào có điểm đầu tiên để tiến lên?

Đáp:

Đâu có căn bản nào để tiến lên, vì họ không hiểu được căn bản. Căn bản là tâm. Theo vật lý là tuần hoàn không có bắt đầu, vũ trụ lớn, vũ trụ nhỏ cũng như vòng tròn vậy. Nếu dùng kính hiển vi mấy ngàn lần xem cái bàn, cái tách, thấy những hạt nguyên tử, giữa có một trung tử, chu vi có nhiều điện tử đang xoay tròn.

Mặt trăng thì xoay xung quanh địa cầu, địa cầu xoay xung quanh mặt trời, mỗi giờ xoay 180.000 cây số. Mình đi xe 100 cây số giờ thấy đã nhanh. Hiện nay mình ngồi đây như ở trên một chiếc phi thuyền đang bay 180.000 cây số giờ, nhưng mình không thấy có bay.

Vũ trụ lớn xoay thì nói là do hấp dẫn lực của vạn hữu. Chiếc xe hơi chạy phải có xăng, để làm động lực mới chạy. Nhưng hạt nguyên tử đang xoay, vậy lấy gì để xoay? Không biết nó bắt đầu xoay từ hồi nào?

Và không biết chừng nào nó chấm dứt xoay? Ví dụ trái đất nổ thành nhiều hạt bụi, mỗi hạt bụi vẫn còn xoay, không bao giờ ngưng. Vậy động lực do đâu mà xoay hoài? Nhà khoa học cũng không biết.

Hỏi:

Có người đặt ra câu hỏi: Tại sao tôi có hai lông mày? Việc ấy như thế nào?

Đáp:

Nếu hỏi thì cái nào cũng có tại sao? Tất cả đều không biết nguồn gốc tại sao. Phật đã nói rõ là “tất cả đều do tâm tạo”. Nhưng tâm không hình tướng, không số lượng; nhà khoa học nhận biết số lượng, còn thực tế không biết. Nhà khoa học muốn truy cứu sự bắt đầu, phải phân tích rất nhỏ để tìm sự bắt đầu. Nhưng toán học phân tích càng nhỏ thì không tới chỗ bắt đầu được, chỉ có con số nhỏ thêm thôi.

Như con sâu dếp cỏ là một tế bào rất nhỏ phải dùng kính hiển vi mới thấy được. Nếu một ngày nó thành 2 con thì trải qua 130 ngày thì tích thành 1 quả đất, thêm 1 ngày nó thành 2 quả đất. Nếu đem quả đất xẻ hai, cứ mỗi phần xẻ hai đến 130 ngày thì khôi phục lại con sâu dếp cỏ. Theo thứ tự đó,

dùng toán học xẻ con sâu thêm; nó chỉ có con số biểu thị, nhưng thịt của con sâu, nhà khoa học không thể biết được.

Truy cứu sự bắt đầu của không gian và thời gian cũng vậy. Nhà khoa học dùng tư tưởng chấp thật, để truy cứu rất mâu thuẫn. Chuyện trước mắt đã không truy cứu được, huống là hồi xưa mấy triệu năm trước làm sao biết được! Hiện tại một ngày 24 tiếng, 1 tiếng có 60 phút, 1 phút có 60 giây, 1 giây nhà Phật có 60 sát na; nếu chia thêm 3 lần nữa, con số vẫn còn rõ ràng, mà nhà khoa học không thể biết nếu đem chia 3.000 lần cũng còn con số, nhưng thời gian đâu! Hiện tại làm sao thành lập được?

Tờ báo nói: Có cô gái 19 tuổi đi ngược lại thời gian để gặp ông ngoại, đem thí dụ đó không được. Vì cô gái 19 tuổi tức là sanh ra 19 năm, nếu tính ngược 20 năm thì cô chưa sanh, cũng không biết ở đâu! Nếu cô ấy muốn gặp ông ngoại 100 năm trước thì cô ấy phải 119 tuổi. Vậy nói quá khứ 100 năm trước hay vị lai 100 năm sau, nếu vị lai 100 năm sau thì cô 119 tuổi. Vậy làm sao truy cứu ngược thời gian trước được? Những chuyện vô lý, nhà khoa học lại đi truy cứu, thật là vô ích.

Chánh văn:

A TU LA

-Lại nữa A Nan! Trong tam giới còn có 4 loại A Tu La:

1. Nếu từ loài quỷ, dùng sức hộ pháp, nhờ thần thông vào trong hư không; loại A Tu La này là noãn sanh, thuộc về loài quỷ.
2. Nếu từ cõi trời, thất đức bị đọa, chỗ ở gần với nhứt nguyệt; loại A Tu La này là thai sanh, thuộc về loài người.
3. Có vua Tu La, thống lãnh tất cả A Tu La trên thế giới, sức mạnh vô úy, có thể tranh quyền với Phạm Vương Đế Thích và Tứ Thiên Vương, loại A Tu La này là hóa sanh, thuộc về loài trời.
4. A Nan, riêng có một số A Tu La thấp kém sanh ở đáy biển, lặn dưới hang nước, ban ngày dạo trên hư không, ban đêm về ngủ dưới nước; loại A Tu La này là thấp sanh, thuộc về loài súc.

-A Nan! Bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người, thần tiên, cõi trời và A Tu La kể trên, đều là những tướng hữu vi hôn trầm, vọng tưởng tùy

nghiệp thọ sanh. Thật ra thấy đều như hoa đóm trên không, vọng hiện nơi bản tâm vô tác sáng tỏ, vốn vô sở đắc, chỉ một hư vọng, chẳng có cội gốc.

-A Nan! Những chúng sanh này, chẳng nhận được bản tâm, bị luân hồi trải qua vô số kiếp, chẳng được chơn tánh trong sạch, ấy đều do tùy thuận ba nghiệp sát, đạo, dâm; hoặc ngược lại ba thứ đó, thành không sát, đạo, dâm; vọng thấy "Có" thì là loài quý, vọng thấy "Không" thì là loài trời; Có và Không thay phiên nhau, phát khởi tánh luân hồi.

-Nếu ngộ pháp Tam Ma Địa, thì diệu Tâm thường tịch, hữu vô bất nhị, bất nhị cũng diệt, những việc không sát, đạo, dâm còn chẳng có, huống là thuận theo sát, đạo, dâm.

-A Nan, chẳng dứt ba nghiệp thì chúng sanh mỗi mỗi đều có nghiệp riêng, do nghiệp riêng ấy, trong đồng phận của chúng sanh, chẳng phải là không có chỗ nhất định. Đó là do tự tạo vọng nghiệp, vọng vốn chẳng nhân, chẳng thể truy cứu cội gốc.

-Người khuyên người tu hành, muốn đắc đạo Bồ Đề, phải trừ dứt ba nghiệp. Nếu ba nghiệp chẳng dứt, dầu được thần thông, cũng đều là những công dụng hữu vi của thế gian, tập khí chẳng diệt thì lạc vào ma đạo, dù muốn trừ vọng, càng thêm giả dối. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót.

-Vậy, vọng do người tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ Đề, thuyết như thế gọi là chánh thuyết, chẳng thuyết như thế tức là tà thuyết. Khi đó, Như Lai sắp xuống pháp tòa, nơi tòa sư tử, dựa ghế thất bửu mà bảo khắp đại chúng và A Nan rằng:

Giảng giải:

A tu la ở trong các loại: Cõi người, cõi súc sanh, cõi nạ quý. Người ta đã quen nói lục đạo luân hồi là trời, người, a tu la, súc sanh, nạ quý, địa ngục. A tu la có 4 loại, có người nói ngũ đạo luân hồi, chứ không nói lục đạo. Nhưng đã có thói quen, người ta gọi là lục đạo. Đến chỗ ngũ đạo, tôi cũng dịch là lục đạo. Vì nói ngũ đạo thì mắc công giải thích thêm. Kinh Lăng Nghiêm có thêm đạo thần tiên, thành ra có 7 đạo. Đó tùy theo chúng sanh mà thuyết.

Luân hồi là nhân quả, lục đạo có tam thiện đạo có tam ác đạo. Người làm thiện nhiều thì sanh lên tam thiện đạo. Người làm ác nhiều thì sanh đến chỗ ác đạo, tức là ác nhiều nhất thì sanh đến chỗ địa ngục, làm ác ít hơn thì sanh

ngạ quỷ, làm ác nhẹ nữa thì làm súc sanh. Còn thiện cao nhất là cõi trời, kể đến là cõi người và thấp hơn là cõi a tu la.

Nếu cho lục đạo là thật, như vậy ban đầu chúng sanh bình đẳng, chưa ai làm thiện, chưa ai làm ác, mà ai sanh thiện đạo? Ai sanh ác đạo? Nếu không làm ác mà xuống địa ngục, không làm thiện mà lên thiên đường thì không nhân quả. Như vậy làm sao lục đạo có bắt đầu được!

Theo hiểu biết của mình để truy cứu thì không thành lập lục đạo luân hồi. Nhưng người ta nói lục đạo luân hồi, luân hồi cũng tùy theo tâm chấp chúng sanh mới nói. Vì chúng sanh đã chấp thật, tức là đem cảnh giới chiêm bao cho là thật, thì ở trong chiêm bao mới có, thức dậy không có.

Lục đạo luân hồi không thể bắt đầu, chưa làm thiện làm sao sanh trong tam thiện đạo? Chưa làm ác làm sao sanh trong ác đạo? Nếu vậy không có nhân quả. Đạo Phật phải nói nhân quả, đâu phải như các đạo khác, không làm ác, nếu không tin tôi thì phạt xuống địa ngục, đó là độc tài. Việc này là nhân quả tự tạo, như Phật không phạt người xuống địa ngục, mà Phật muốn cứu họ lên.

Phật đã nói tất cả các pháp đều không bắt đầu, lý bắt đầu không thể thành lập; ấy cũng là nghĩa vô sanh, tức không có sự sanh khởi. Tại sao? Nếu có sanh khởi thì phải có bắt đầu. Bây giờ mình thấy có sanh tử, sanh là bắt đầu, tử là cuối cùng.

Ngài Long Thọ là Tổ 14 của Thiên tông, nói trong Trung Quán Luận phá chấp sanh tử rằng: Nếu tử có trước thì ai cũng không tin, mọi người đều cho sanh có trước. Nếu sanh có trước khởi cần tử có sanh thì sanh độc lập lia tử, tức sanh không có tử. Nhưng sanh đều phải tử, không thể lia tử, tất cả cái gì sanh đều phải có tử, không những động vật, thực vật cũng vậy. Vì vậy, chứng tỏ sanh có trước là không đúng.

Như con gà và trứng gà vậy, con gà không lia trứng gà mà độc lập. Sanh tử cũng vậy, sanh không lia tử mà độc lập, tử không lia sanh mà độc lập. Cho nên, nói sanh có trước là không đúng, vì không đủ lý do. Nhưng nhà khoa học, triết học đều tin sanh tử là thật. Nhưng Phật nói sanh tử không thật, vì không có lý thành lập được; người chứng quả ngộ pháp vô sanh, gọi là vô sanh pháp nhẫn; tức là chứng tỏ không có sự sanh khởi, nói sanh khởi là do bộ óc hiểu lầm.

Nhận thức sai lầm, mình có thể chứng tỏ; nhìn thấy bức tranh, như có cao thấp xa gần. Nhưng thực tế mình lấy tay sờ lên bức tranh thì thấy không có cao thấp xa gần. Nếu không có cao thấp xa gần thì bức tranh không đẹp; như mình coi phim, có cao thấp xa gần có hoạt động. Sự thật thì không có việc ấy, chỉ là ảo tưởng mà thực tế không phải vậy.

Lục đạo luân hồi là do bệnh chấp của chúng mà nói. Ngoại đạo không biết, cho đến nhiều Phật tử cũng không biết, những giảng sư thuyết pháp cũng cho lục đạo luân hồi là thật, vì có tư tưởng chấp thật. Nếu có tư tưởng chấp thật thì lọt vào biên kiến. Nguồn gốc của biên kiến là có và không. Cho thật có là biên kiến, cho thật không cũng là biên kiến. Biên kiến trong đạo Phật là 1 thứ trong 5 thứ ác kiến. Người tu và người không tu nhận thức sai lầm, nên nói có ma ngũ âm.

Chánh văn:

MA NGŨ ÂM

-Nay ta đã thuyết pháp chơn tu, các người còn chưa hiểu những ma sự vi tế, cảnh ma hiện tiền, các người cũng chẳng biết, vì tâm chẳng chánh, lọt vào tà kiến, nên bị ma ngũ âm, hoặc thiên ma, hoặc quỷ thần, hoặc yêu mê xâm nhập, trong tâm chẳng biết, nhận giặc làm con. Những người nhị thừa, được ít lại cho là đủ, như Tỳ Kheo Vô Văn, tu đến tứ thiên mà vọng nói đã chứng thánh quả, đến khi hết phước báo cõi trời, đọa địa ngục A Tỳ. Nay các người hãy chú ý nghe:

-Các người phải biết, cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh vốn viên mãn diệu minh, cùng với mười phương chư Phật chẳng hai chẳng khác, vì do vọng tưởng của các người mê chấp đạo lý mới thành lỗi lầm, từ đó sanh ra si ái, si ái sanh trưởng khắp nơi, nên có tánh hư không, sự mê chấp tiến hóa không ngừng, nên sanh ra thế giới, vậy thì mười phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập.

Phải biết: Hư không sanh khởi trong tâm các người như đám mây ở giữa hư không, hưởng là các thế giới đều ở trong hư không. Trong các người có một người kiến tánh, thì mười phương hư không đều tiêu diệt ngay, làm sao những quốc độ trong hư không chẳng bị tan nát. Các người tu thiên đến nơi chánh định, cũng như mười phương Bồ Tát và Đại A La Hán, chơn tâm dung thông, ngay đó trạm nhiên.

Khi ấy, tất cả ma vương và quỷ thần, thấy cung điện của mình khi không sụp đổ, đều cảm thấy kinh khủng, họ đều được năm thứ thần thông (chỉ trừ ra Lưu Tận Thông), ham thích trần lao, đâu thể để cho người tu Chánh pháp làm sụp đổ xứ sở của họ, cho nên đang lúc người tu được chánh định, những thiên ma, yêu tinh, quỷ thần đều tụ lại để quấy phá, nhưng họ ở trong trần lao, người tu ở trong diệu giác, dù họ hung dữ cách mấy cũng hại chẳng được; ví như gió thổi ánh sáng, hoặc dùng dao cắt nước, chẳng ăn nhằm gì.

Họ như băng đá, người tu như nước nóng, nước nóng làm tan rã băng đá. Họ ý lại sức thần thông, nhưng chỉ là khách, người tu là chủ, nếu chủ mê thì khách được thành tựu sự quấy phá của họ, nếu người tu ngay đó giác ngộ chẳng mê, thì ma sự của họ chẳng làm gì được mình.

Giải giảng:

Ngũ âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Bất cứ mình chấp vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức, muốn thỏa mãn dục vọng của mình. Như mắt muốn sắc đẹp, tai muốn nghe khen ngợi, mũi muốn ngửi mùi thơm, lưỡi muốn nếm vị ngon, ... Lục căn đều có sự ham muốn phải có sở đắc, sở cầu. Cái nào thích thì mình yêu, cái nào không thích thì mình ghét. Vì tâm chấp thật nên có khen chê, yêu ghét; cái tốt muốn đắc muốn cầu, cái xấu thì sợ. Cho nên, các thứ ma mới có cơ hội nhập vào.

-Các người phải biết, cái bản giác của 10 phương chúng sanh vốn viên mãn diệu minh.

Bây giờ, mình cũng là chúng sanh, tâm mình viên mãn đầy đủ. Chữ “diệu” là bất khả tư nghì, không thể suy nghĩ đến được. Chữ “minh” là sáng, nhưng sáng này gọi là diệu, không phải sáng của đèn, sáng của mặt trời, sáng của mặt trăng. Sáng của mặt trăng, mặt trời, đèn thì năng chiếu sở chiếu; còn sáng của tâm không có năng sở, cho nên gọi là diệu. Có năng sở đối đãi thì suy nghĩ có thể đến, không được gọi là diệu. Tất cả chúng sanh sẵn có diệu minh này.

Cùng với 10 phương chư Phật chẳng hai chẳng khác, vì do vọng tưởng các người mê chấp đạo lý mới thành lỗi lầm.

Đáng lẽ, không có cái gì đạo lý, nhưng mình đã lập ra đạo lý thì phải có đối đãi, đúng lý với không đúng lý; như vậy thành lỗi lầm.

Từ đó sanh ra si ái sanh trường khắp nơi, nên có tánh hư không (vì cái nào đúng lý hợp lý thì ưa, tâm của mình khắp nơi, khởi lên si ái cũng khắp nơi, nên có tánh hư không), sự mê chấp tiến hóa không ngừng nên sanh ra thế giới (có hư không rồi mới có thế giới, vì thế giới kiến lập trong hư không).

Vậy thì 10 phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập (vô số quốc độ phải kiến lập trong thế giới, như mình ở trong thế giới Ta Bà này, tất cả quốc độ: Nước Việt Nam, nước Mỹ,... đều ở trong thế giới này. Nhưng đều do vọng tưởng kiến lập, chứ không phải thật có).

Phải biết: Hư không sanh khởi trong tâm các người, như đám mây ở giữa hư không (hư không cũng là do tâm mình tạo, hư không sanh ở nơi tâm mình, như đám mây ở giữa hư không chẳng biết từ đâu đến đang đi chỗ nào?)

Hướng là các thế giới đều ở trong hư không! (Hư không còn không thể kiến lập, hướng là thế giới còn ở trong hư không).

Trong các người có một người kiến tánh thì 10 phương hư không đều tiêu diệt ngay, làm sao những quốc độ trong hư không chẳng bị tan nát!

Ví dụ tâm mình là biển giác, hư không là hòn bọt trong biển, thế giới kiến lập trong hư không, tức trong hòn bọt; các quốc độ trong thế giới, nếu bọt bể là hư không tiêu thì thế giới và các quốc độ cũng phải mất.

-Các người tu thiền đến nơi chánh định, cũng như 10 phương Bồ Tát và đại A La Hán, chơn tâm dung thông, ngay đó trạm nhiên.

Có thiền định thì tâm mới trạm nhiên, tâm trạm nhiên như thấy rõ các vật hiện ở dưới nước trong. Như tấm gương, người già lại thì hiện người già, người trẻ lại thì hiện người trẻ, hình nam hình nữ cũng vậy. Nhưng nó chỉ là cái bóng không phải thật.

Khi ấy tất cả ma vương và quỷ thần, thấy cung điện của mình khi không sụp đổ, đều cảm thấy kinh khủng, họ đều được 5 thứ thần thông (chỉ trừ ra lậu tận thông).

5 thứ thần thông: Thiên nhãn thông là thấy núi đá không bị chướng ngại, Thiên nhĩ thông là xa cách mấy cũng nghe được, Thần túc thông là bay được, Tha tâm thông là biết được tâm niệm của người khác, Túc mạng thông là biết được nhiều kiếp trước và nhiều kiếp sau.

Như A La Hán thì biết được tám muôn kiếp trước và biết được tám muôn kiếp sau. Không những tự biết mình, mà khi khởi quán biết được người khác trong 8 muôn kiếp trước và 8 muôn kiếp sau, nếu qua 8 muôn kiếp thì không biết được.

Hỏi:

8 muôn kiếp trước thì biết được, còn 8 muôn kiếp sau nghiệp mình chưa tạo thì làm sao biết được?

Đáp:

Trong tự tánh không có thời gian, do tâm chấp nên mới có trước sau. 8 muôn kiếp trước mình tạo nghiệp là cái nhân thì 8 muôn kiếp sau hiện cái quả. Nếu 8 muôn kiếp sau mình tạo khác thì cái quả được sửa lại, như bây giờ tham thiền cũng sửa được cái quả. Kiếp trước mình tạo nhân thì kiếp này chịu quả. Nhưng biết tham thiền thì tâm lực của mình mạnh.

Thí dụ: Những người vượt biên bị chết đói đều có tiền, có tiền không bao giờ bị chết đói, vì họ tạo nghiệp chết đói, có tiền cũng phải bị chết đói.

Có cơ hội vượt biên, dùng tiền đi mua khỏi cái chết; nhưng nhân quả không trừ với nhau, nếu tạo thiện được phước, tạo ác bị khổ. Họ tạo thiện thì có tài quả, nhưng họ tạo ác làm cho người chết đói thì phải chịu quả chết đói. Lúc họ không tu, mà tạo cho người chết đói, ví như tâm lực 1 độ, nếu không tu thì tâm lực vẫn 1 độ, cái quả chết đói thế nào cũng phải đến. Cho nên, vượt biên hết lương thực họ bị chết đói.

Biết tu thì tâm lực từ 1 độ lên 2 độ, 3 độ, 4 độ đến 10 độ,... Mặc dầu, mới làm thiện không có làm ác, nhưng cái nhân mạnh thì quả đến liền; còn 1 độ là nhân yếu thì cái quả phải đến sau. Như mình thiếu nợ người này người kia, chủ nợ có thể lực mạnh phải trả trước, chủ nợ thể lực yếu thì trả sau. Nhân quả cũng giống như vậy.

Trong kinh nói: Có hai vợ chồng chỉ có một tấm vải choàng, ngoài ra không có quần áo gì nữa. Chồng đi xin ăn thì vợ phải ở nhà, vợ đi xin ăn thì chồng phải ở nhà, hai người thay phiên nhau dùng tấm vải để mặc đi xin ăn. Một hôm có vị Tăng đi ngang nhà, hai vợ chồng nói với nhau: Kiếp này chúng ta thiếu phước nên nghèo, bây giờ cúng dường tấm vải này cho đức Phật, rồi chúng ta ở trong nhà mà chịu chết.

Phật đem chuyện này nói với vua, vua nghe thấy cảm kích ban cho hai vợ chồng nghèo tiền bạc của cải.

Tâm lực hai vợ chồng này rất mạnh, kể cả mạng sống của mình còn không tiếc, khi họ cúng dường ấy thì nhân quả đến liền. Vì vậy nhân nào mạnh thì quả đến trước, còn nhân nào yếu thì quả đến sau. Thí dụ: Trước kia mình có gieo nhân chết đói ở 1 độ. Bây giờ, tham thiền tâm lực lên đến 10 độ rồi không tu nữa, thì cái quả 10 độ đến hết tới 9 độ, 9 độ hết thì tới 8 độ, cứ như thế đến 1 độ cũng phải trả quả chết đói. Nếu mình không ngưng tu, từ 10 độ lên tới 20 độ, 30 độ, 40 độ, cứ như thế lên đến 1 triệu độ thành Phật.

Nhưng cái nhân chết đói không mất, thành Phật trở lại độ chúng sanh, những người có nhân duyên được ưu tiên phải độ trước. Mình sửa lại cái nghiệp của mình là như vậy, chứ không có xóa bỏ nhân quả.

Hỏi:

Có người nói: Đạo Phật là đạo yếm thế nên các nước theo đạo Phật thì nghèo. Việc ấy như thế nào?

Đáp:

Ấy là nhân quả, chứ không phải là đạo. Đạo nào cũng dạy người ta làm lành. Làm lành thì được phước, làm ác thì bị khổ. Đó là nhân quả của mọi người khác nhau. Như đạo Phật ở nước Ấn Độ tiêu diệt gần hết, chỉ còn Bà La Môn Giáo và Ấn Độ Giáo. Nước Trung Quốc nghèo, nhưng tại Hàng Châu có Phật Giáo nhiều, họ tạo nhân tốt nhiều nên đời sống khá hơn mấy chỗ khác.

Pháp sư Đàm Hư có hồi ký, các nhà triệu phú ở Thượng Hải biết Phật pháp, mỗi lần đi cứu tế ở Tây An đều mời pháp sư Đàm Hư đi cùng, thuyết pháp dạy người ta làm lành, sửa lại cái nghiệp nghèo khổ. Như dân miền nam Việt Nam có bố thí nhiều, nên cuộc sống đỡ hơn dân miền trung, miền bắc.

Hỏi:

Tại sao ở bên Tây Tạng là nước Phật Giáo lại nghèo khổ?

Đáp:

Tại họ tạo nghiệp nghèo khổ, nên sanh chỗ đất không có canh tác được. Không có gạo để ăn, phải nhờ chăn nuôi trâu, bò, dê làm lương thực để sống. Cho nên, cứ tạo nghiệp sát sanh mãi, vì thế cái khổ không tránh khỏi được. Như có gia đình cá đang vui chơi, bị người chài lưới bắt ăn thì đời đời họ chịu nghèo. Vì họ tạo nghiệp nhân phải bị nghiệp quả.

Hỏi:

Nghiệp nhân quả có sửa lại được, vậy xem bói có đúng không?

Đáp:

Làm sao đúng! Phật đã không cho môn đồ bói toán, tiên tri. Có ông Linh mục người Mỹ vẫn biết điều đó không đúng, mà bây giờ đệ tử Phật đi bói toán, đi cầu phước!

Hỏi:

Có người làm thức ăn chay, giả làm con này con kia, như vậy việc ấy như thế nào?

Đáp:

Ở Thượng Hải có một quán cơm chay, mời một ông bộ trưởng đã về hưu đến ăn để quảng cáo, ông này đã ăn chay trường. Khi ông nhìn thấy thực đơn toàn là tên đồ mặn, ông đổ cả bàn ăn rồi đi ra và nói: “Mời tôi lại ăn chay mà toàn là đồ mặn”. Quán cơm chay biết, không để tên đồ mặn nữa.

Ngài Hư Vân nói: Nếu đem bột mì làm con cá, như ăn mặn chứ không phải ăn chay. Vì tâm mình còn ham ăn mặn, nên mới làm ra hình thức như vậy. Hay làm những hình đó là tùy thuận của khách hàng để dễ buôn bán.

Nếu dùng thức ăn chay mà làm hình con này con kia, để dụ cho con cháu ăn chay thì Phật cũng không cho. Vì sao? Vì **họ không sửa tâm được**, nếu mình dụ thì phải làm đồ ăn cho ngon. Như ông chủ ngân hàng ở Thượng Hải, cả gia đình đều ăn chay, chỉ có bà mẹ không chịu ăn chay, mà ông rất có hiếu. Mỗi lần ông đề nghị mẹ ăn chay thì bị la rầy.

Bà nói: “Không ăn chay mà cứ nói ăn chay hoài!” Không có cách nào khuyên mẹ ăn chay, ông không khuyên nữa. Ông bảo nhà bếp làm chay thật ngon, không nói là đồ chay, bà mẹ vẫn ăn bình thường không biết đồ chay.

Qua thời gian 2 năm, ông nói với mẹ rằng: Ngày sanh nhật của mẹ, đãi tiệc tất cả là đồ chay.

Bà mẹ nói: Tôi không ăn chay, mà cứ nói ăn chay.

Ông ấy nói: Mẹ đã ăn chay 2 năm rồi.

Chánh văn:

I - MA SẮC ÁM

-A Nan nên biết, người tọa đạo tràng, vọng niệm nếu hết thì ngay cái lìa niệm ấy tất cả sáng tỏ, động tịnh chẳng dờn, nhớ quên như một, nên trụ nơi này mà nhập chánh định. Như người mắt sáng ở chỗ đen tối, chơn tánh trong sạch, trong tâm chưa phát ánh sáng, đây gọi là phạm vi của Sắc Ám. Nếu con mắt sáng tỏ, thì mười phương khai mở, chẳng còn đen tối, gọi là Sắc Ám hết, thì khi ấy được siêu việt Kiếp Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân là bởi Kiên Cố Vọng Tưởng (l) làm gốc.

1. A Nan, đang trong lúc tham cứu diệu minh, quên cả tứ đại, bỗng sắc thân ra vào các vật chất đều chẳng chướng ngại, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra trước mắt. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

2. Trong lúc tham cứu diệu minh, thân như lưu ly, bỗng trong thân lấy ra các loài giun sán mà thân vẫn y nguyên, chẳng bị thương tổn, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra hình thể, đây chỉ là do tu hành tinh tấn tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

3. Trong lúc tham cứu diệu minh, khi ấy, ngoài sắc thân ra, hồn phách, ý chí, tinh thần dung hòa lẫn nhau, bỗng trong hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương chư Phật cùng diễn mật nghĩa, đây gọi là hồn phách, ý chí thay phiên nhau làm chủ khách, ly hợp lẫn nhau, thành tựu thiện chủng, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

4. Trong lúc tham cứu diệu minh, trong tâm sáng tỏ, phát ra ánh sáng, chiếu khắp mười phương thành màu sắc Diêm Phù Đà, tất cả các loài đều hóa thành Như Lai. Bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang,

ngàn Phật vây quanh, trăm ức cõi Phật cùng hoa sen đồng thời hiện ra. Ấy gọi là việc sở nhiệm của tâm hồn linh ngộ, ánh sáng của tâm chiếu soi các thế giới, tạm được như vậy, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

5. Trong lúc tham cứu diệu minh, quan sát chẳng ngừng, sức đè nén hàng phục quá mức, bỗng trong hư không thành màu sắc bách bảo, xanh vàng đỏ trắng đồng thời cùng khắp mười phương mà chẳng chướng ngại nhau. Ấy gọi là sự dụng công đè nén quá mức tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

6. Trong lúc tham cứu diệu minh, trong sáng chẳng loạn, bỗng lúc nửa đêm, ở trong nhà đen tối, thấy rõ các vật chẳng khác ban ngày, ấy gọi là tâm dụng đến chỗ vi tế, cái năng thấy trong như lưu ly, cái sở thấy thấu qua đen tối, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

7. Trong lúc tham cứu diệu minh, toàn tâm dung hòa với hư không, bỗng thân thể đồng như cây cỏ, lửa đốt, dao chém chẳng có cảm giác, thiêu chẳng thấy nóng, chém chẳng thấy đau, ấy gọi là tâm và trần dung hợp thành một, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

8. Trong lúc tham cứu diệu minh, dụng công đến chỗ thanh tịnh, bỗng thấy núi sông, đất đai mười phương đều thành cõi Phật đầy đủ thất bảo, ánh sáng chiếu khắp, lại thấy hàng sa chú Phật, cung điện trang nghiêm, cùng khắp thế giới, thấy khắp thiên đàng địa ngục đều chẳng ngăn ngại, ấy gọi là tập trung tư tưởng ngày càng sâu đậm, lâu ngày hóa thành, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

9. Trong lúc tham cứu diệu minh, đến chỗ sâu xa, bỗng ở nửa đêm, thấy được các đường phố và bà con phương xa, nghe được tiếng nói của họ, ấy gọi là tâm bức bách quá mức bay ra, nên cái thấy thấu qua vật chất, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

10. Trong lúc tham cứu diệu minh, thấy hình thể của thiện tri thức, trong giấy lát hiện ra đủ thứ biến đổi, ấy gọi là tâm tà bị yêu mị, hoặc thiên ma xâm nhập, thỉnh linh thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, chẳng phải chứng

thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

-A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do Sắc Âm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra. Chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh thành đại vọng ngữ, đọa địa ngục A Tỳ.

-Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

Giảng giải:

A Nan nên biết, người tọa đạo tràng, vọng niệm đều hết thì ngay cái lìa niệm ấy tất cả sáng tỏ, động tịnh chẳng dôi đổi, nhớ quên như một, nên trụ nơi này mà nhập chánh định.

Phổ thông người ta dùng thiên quán tưởng cầu được nhập định, tất cả vọng tưởng không nổi lên thì được lìa niệm, tất cả sáng tỏ rõ ràng, động tịnh chẳng dôi đổi, chẳng khác, nhớ quên như một, lúc ấy trụ nơi này nhập chánh định.

Như người mắt sáng ở chỗ đen tối, chơn tánh trong sạch, trong tâm chưa phát ánh sáng, gọi là phạm vi của sắc âm (khi nào có thiên định mới thấy chơn tánh trong sạch).

Hỏi:

Tham Tổ Sư thiên có gặp ma sắc âm không?

Đáp:

Có người cũng gặp, vì qua thiên định nên thấy nhiều cảnh giới. Nhưng không biết có cảnh giới, còn những thiên quán tưởng có sự ham thích. Như thiên quán của Tịnh Độ, khi thấy được các cảnh giới như: Thấy hoa, ánh sáng, họ cảm thấy mừng. Nếu ham thích những cảnh giới ấy thì dễ bị nhập ma.

Trong này Phật bảo A Nan cùng các vị Bồ Tát nói rõ cho các chúng sanh sau này biết: “Khi thiên định gặp những cảnh giới này đừng cho là thánh”. Bây giờ, nhiều người cũng cho là thánh, lọt vào tà ma mà tự mình không biết.

Hỏi:

Vọng niệm đã hết thì đến thoát đầu chưa?

Đáp:

Vọng niệm đã hết thì chưa đến thoát đầu. Thoại đầu là phương pháp tu của Thiên tông, còn cái này thuộc về Thiên giáo môn, không có nghi tình. Họ dùng quán tưởng, ở trên có nói. Thiên quán tưởng này chia ra làm 5 âm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mỗi âm có 10 cảnh giới, dễ bị lọt vào tà ma, cho nên câu cuối cùng nói “liền lọt vào tà ma”. Nhiều cảnh giới, nhưng nói đại khái 10 cảnh giới của mỗi âm, để cho mình biết đừng mừng, đừng sợ hãi. Nếu có sợ hãi thì lọt vào tà ma.

Nếu con mắt sáng tỏ thì 10 phương khai mở, chẳng còn đen tối, gọi là sắc âm hết thì người ấy được siêu việt kiếp trước, nhưng quán xét nguyên nhân là bởi Kiên Cố Vọng Tưởng làm gốc.

Kiên cố vọng tưởng nên mới sanh ra các cảnh giới, nguồn gốc là vọng tưởng, vì vậy thấy cảnh giới đó đừng để ý cho là chứng thánh. Tự cho mình chứng thánh thì lọt vào tà ma. Trong này, nếu không cho là thánh thì cảnh giới tốt.

Nếu có cảnh giới mình không chấp thì không sao, vì có tu mới được cảnh giới này, cho nên cũng gọi là tốt. Nhưng đối với Tổ Sư thiên, không cần thấy những cảnh giới này thì càng tốt hơn. Bởi vì chấp những cảnh giới ấy thì lọt vào tà ma, ấy gọi là kiên cố vọng tưởng.

Vọng tưởng của mình suốt ngày hay suy nghĩ, như người ta tu cầu thần thông; suốt ngày cứ luôn suy nghĩ, cũng phát ra thần thông. Nhưng có khi không có thần thông mà bị ma nhập, giúp cho họ làm như mình có thần thông vậy.

Hỏi:

Khi ngồi thấy tự nhiên bùng bùng lên, vậy việc ấy như thế nào?

Đáp:

Việc ấy cũng là một cảnh giới, những người tu Tịnh Độ thấy một chút cảnh giới thì họ vui thích, nhưng tham thiền thì không màn tới. 10 điều của ma sắc âm đều do kiến cố vọng tưởng làm gốc. Bất cứ thấy cái gì hay có thần thông đều do vọng tưởng.

Thần thông do mình tập luyện thì phải bay, hay ma giúp cho mình cũng bay được. Thần thông của tự tánh sẵn có khởi cần bay. Như Tổ Đạt Ma muốn đi hàng phục 6 phái ngoại đạo, chỉ nghĩ đến tới liền, chứ khởi cần bay. Vì tự tánh mình khắp không gian, muốn hiện chỗ nào thì hiện.

Vọng tưởng là tiềm ý thức, trước kia mình nổi một niệm mà quên, nhưng ở trong tiềm ý thức đã có. Nếu không có vọng tưởng còn tham thiền, mà không có nghi tinh, chỉ là niệm thoại đầu để đè nén vọng tưởng.

Nói chung mình thấy cái gì cũng như không thấy, như trong này đừng cho là thánh, đừng cho là cái gì, không có 2 chữ cho là. Nếu có 2 chữ cho là thì không được. Cho nên, Lâm Tế nói: “Gặp Phật giết Phật, gặp ma chém ma”. Vì cho là Phật thì phải giết Phật, vì cho là ma thì phải chém ma, tức là chém tâm chấp của mình.

A Nan! 10 thứ cảnh giới thiền định trên, đều do sắc âm và tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra.

Vì có sắc thân này sanh ra đủ thứ. Sắc thân do tứ đại hợp thành, tứ đại gồm có: Địa, thủy, hỏa, phong, vốn không có giác tri. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Vì có vọng tưởng thành có giác tri”. Có giác tri hợp với vọng tưởng thì giao tranh với nhau, sanh ra đủ thứ cảnh giới.

Chúng sanh ngu mê chẳng chịu xét kỹ, gặp những nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa địa ngục a tỳ.

Nếu đại vọng ngữ, do tu sĩ nói phải bị đọa địa ngục a tỳ 90 triệu năm, tức là chưa có chứng cho là chứng, chưa có đắc cho là đắc. Còn tiểu vọng ngữ như: Nói dối thì tội nhẹ, tội nhẹ nhất cũng mấy chục ngàn năm.

Hỏi:

Các phương sở do vọng tưởng mà có, vậy cõi Tây Phương phải do vọng tưởng mà ra không?

Đáp:

Cõi Tây Phương do vọng tưởng mà ra, do người tu Tịnh Độ có công nghiệp mới có cõi Tây Phương. Cho nên, kinh liễu nghĩa nói: “Tâm tịnh thì Phật độ tịnh”. Tu Tịnh Độ có 3 thứ: Trì danh niệm Phật, quán tưởng niệm Phật là thiên của Tịnh Độ và thật tướng niệm Phật khỏi cần vãng sanh, tâm tịnh thì Phật độ tịnh. Nhưng có số người dạy Tịnh Độ và tu Tịnh Độ còn không biết.

Hỏi:

Có phải thật tướng niệm Phật là liễu nghĩa không?

Đáp:

Thật tướng niệm Phật là liễu nghĩa, nhưng người ta không làm; cho đến có người hoằng dương Tịnh Độ cũng không biết thật tướng niệm Phật. Thật tướng thì vô tướng, nhưng người tu Tịnh Độ thì chấp có tướng, làm sao đến tới thật tướng được!

-Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị cho người tu (Phật bảo các vị Bồ Tát trong pháp hội Lăng Nghiêm, sau này theo lời của Phật mà dạy cho chúng sanh tu không bị sai lầm), hộ trì cho họ thành vô thượng đạo, chớ để thiên ma được dịp quấy phá (Phật muốn phòng ngừa trước, nhưng sau này dạy người ta tu, không dạy theo kinh của Phật, lấy ý của mình mà dạy).

Hỏi:

Thế nào là tẩu hỏa nhập ma?

Đáp:

Tẩu hỏa nhập ma của ngũ âm còn dễ trị hơn ma ở ngoài. Tâm ma khó trị, ma ở ngoài dễ trị.

Chánh văn:

II - MA THỌ ÁM

-A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được Sắc Âm, tâm thấy chư Phật như bóng hiện trong gương, dường như có sự chứng đắc, nhưng chưa được thọ

dụng. Cũng như người bị bóng đèn, tay chân vẫn còn, thấy nghe rõ ràng, vì tâm bị tà bên ngoài xâm nhập, chẳng thể cử động được, ấy gọi là phạm vi của Thọ Âm. Nếu bóng đèn hết, tâm lia sắc thân, được tự thấy mặt mình, ở đi tự do vô ngại, gọi là Thọ Âm hết, thì lúc ấy được siêu việt Kiến Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân, là do Hư Minh Vọng Tưởng (2) làm gốc.

1. A Nan! Đang lúc thiền định, thấy ánh sáng chói lọi, trong tâm ức chế quá mức, bỗng sanh lòng buồn bã, cho đến thấy các loài ruồi muỗi như con của mình, thương xót rơi lệ, ấy gọi là dụng công đèn nén quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng chẳng phải chứng thánh, chẳng mê chẳng chấp, lâu tự tiêu diệt; nếu cho là thánh, thì bị Ma Bi xâm nhập, hễ gặp người thì than khóc không xiết, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

2. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, thảng cảnh hiện tiền, kích động quá phần, bỗng trong đó sanh lòng dưng mãnh, phần chí sánh bằng chư Phật, cho là một niệm có thể siêu việt ba A Tăng Kỳ kiếp, ấy gọi là dụng công lấn tiến quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, chẳng mê chẳng chấp lâu tự tiêu diệt, nếu cho là thánh thì bị Ma Cuồng xâm nhập, hễ gặp người thì khoe khoang kiêu căng, ngã mạn tăng trưởng, cho đến trên chẳng thấy có Phật, dưới chẳng thấy có người, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

3. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, tiến đến trước chẳng có chứng đắc mới, lui về sau lại mất chỗ cũ, sức trí kém mòn, giữa chừng bị lạc, chẳng có sở thấy, trong tâm bỗng sanh khô khan, luôn luôn nhớ mãi không tan, lại cho là tinh tấn, ấy gọi là tu tâm mà chẳng huệ. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Nhớ xâm nhập, ngày đêm trôi tâm vào một chỗ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

4. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, sức huệ mạnh hơn sức định, tâm chấp các việc thù thắng, tự tưởng là Phật Lô Xá Na, được ít cho là đủ, ấy gọi là dụng tâm quên mất quán chiếu, đọa vào tri kiến. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Hèn-Hạ-Đề-Biết-Đủ xâm nhập, hễ gặp người thì tự xưng là Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

5. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, chưa được chứng mới, lại mất chỗ cũ, tiến lui đều chẳng được, cảm thấy khó khăn, bỗng sanh lòng lo âu, tâm chẳng muốn sống, mong cầu người khác sát hại thân này để

mau được giải thoát, ấy gọi là tu hành lạc mất phương tiện. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Hay-Lo-Rầu xâm nhập, tự cầm dao kiếm chém cắt thịt mình, thích bỏ thọ mạng, hoặc thường lo rầu, trốn vào rừng núi, sợ bị người thấy, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

6. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ấm rõ ràng, ở nơi thanh tịnh, tâm được an nhàn, bỗng trong lòng vui mừng vô cùng, chẳng thể kèm chế được, ấy gọi là khinh an mà chẳng có trí huệ tự ngăn. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Ham-Vui xâm nhập, hễ gặp người thì cười, múa hát ngoài đường, tự cho mình đã được giải thoát vô ngại, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

7. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ấm rõ ràng, tự cho sự tu của mình đã đầy đủ, bỗng tâm sanh đại ngã mạn, hoặc khinh mạn người, hoặc ngạo mạn mình hơn người, hoặc tăng thượng mạn, hoặc tì liệt mạn (khinh người hơn mình), đồng thời phát ra. Đã dám khinh chê mười phương chư Phật, huống là các bậc Thanh Văn, Duyên Giác! Ấy gọi là kiến chấp quá cao, không có trí huệ tự cứu. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Đại-Ngã-Mạn xâm nhập, không lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng, nói với Phật tử rằng: "Tượng Phật là loại vàng đồng, đồ gỗ, kinh sách là lá cây, giấy lụa, cái thân này đã là chơn thường, sao chẳng cung kính cúng dường mà đi sùng bái loại cây loại gỗ, thật là điên đảo". Khiến những người tin theo lời họ, hủy hoại tượng Phật, kinh sách, làm làm chúng sanh đọa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

8. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ấm rõ ràng, ở nơi sáng tỏ tự ngộ chơn lý, được sự thuận lợi, trong lòng bỗng sanh khinh an vô cùng, tự nói chứng thánh, được đại tự tại, ấy gọi là do huệ mà được khinh an. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Khinh-An xâm nhập, tự cho là đủ, chẳng cầu tiến thêm, cũng như Tỳ Kheo Vô Văn, làm làm chúng sanh đọa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

9. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ấm rõ ràng, trong chỗ tỏ ngộ, được tánh hư minh, bỗng trong đó sanh lòng đoạn diệt, bác bỏ nhân quả, luôn luôn chấp không. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, nếu cho là thánh, thì bị Ma-Rỗng-Không xâm nhập, chê báng người trì giới là Tiểu Thừa, cho bậc Bồ Tát hễ ngộ được Tánh Không thì chẳng có tri phạm, thường ở nơi đàn việt tín tâm, rượu thịt, dâm uế. Vì được sức ma

nhiếp trì, nên chẳng sanh nghi ngờ, tâm ma xâm nhập lâu ngày, hoặc ăn những đồ nhơ nhớp, đại tiểu tiện, cho là chẳng khác rượu thịt, phá hoại giới luật, khiến người tạo tội, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

10. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ám rõ ràng, ham đắm sự hư minh, bỗng sanh lòng yêu vô hạn, yêu quá phát điên, liền thành tham dục, ấy gọi là trong định ham chấp sự an ổn, không có trí huệ tự chế, lầm vào ái dục. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh thì bị Ma-Dục xâm nhập, vọng nói dâm dục là đạo Bồ Đề, người hành dâm gọi là Trì Pháp Tử, dạy người thế gian làm việc dâm dục. Nhờ sức ma nhiếp trì, những kẻ ngu mê tin theo trong thời mật pháp chẳng phải ít, đến lúc ma sanh lòng chán rời khỏi thân thể, người ấy mất hết uy đức, bị sa vào lưới pháp luật, khiến chúng sanh bị lầm lạc, đọa địa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

-Mười thứ cảnh giới thiền định trên, đều do thọ ám và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ.

-Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mật pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

Giảng giải:

Sắc ám thuộc về vật chất; thọ, tưởng, hành, thức, thuộc về tinh thần. Thọ ám không phải vật chất, cho nên dùng chữ “hư minh”. Minh là sáng, nhưng không phải thật nên nói là hư, cũng do vọng tưởng sanh ra. Tất cả đều do vọng tưởng của mình tạo ra. Trên nói sắc ám và tâm giao tranh lẫn nhau, còn đến chỗ này, tâm và thọ ám giao tranh lẫn nhau, hiện ra 10 thứ cảnh giới này.

Tức là tâm sanh ra vọng tưởng, so đo tính toán giao tranh với thọ ám. Có nhiều cảnh giới, chứ không chỉ có 10 thứ cảnh giới. Nếu chẳng tự biết, mà cho là chứng thánh đều là đại vọng ngữ, thì phải đọa địa ngục a tỳ. Nên Phật mới phòng ngừa trước và bảo các vị Bồ Tát theo lời Phật dạy nói cho chúng sanh sau này biết, khỏi bị lọt vào tà ma.

Hỏi:

Ở Mỹ có mấy người nhập ma, vậy như thế nào?

Đáp:

Ở Việt Nam cũng có nhập ma, chỗ nào cũng có, nhập ma mà tự mình không biết, lại nói tu chánh pháp, giảng kinh thuyết pháp. Giảng kinh thuyết pháp, nhưng không tu cũng bị nhập ma. Trí Giả đại sư gọi là học Phật pháp thành ngoại đạo.

Từ Điển Phật Học nói 3 thứ ngoại đạo:

-Ngoại đạo thứ nhất là chính thức ngoại đạo. Họ dùng bản hiệu ngoại đạo, tu thành tựu được sanh lên cõi trời hoặc là làm thần tiên, họ không có tội địa ngục.

-Ngoại đạo thứ nhì là cách tu ngoại đạo, nhưng lấy bản hiệu Phật Giáo, cho mình là Phật Giáo, làm cho người ta hiểu lầm, nên phải có tội địa ngục.

-Ngoại đạo thứ 3 thì không phải ngoại đạo, những người này học Phật pháp hay giảng kinh thuyết pháp, nhưng không hiểu ý của Phật, cho ý của mình là ý của Phật để dạy chúng sanh, tức là dùng chủ quan của mình cho là Phật nói vậy, làm oan cho Phật. Như kinh nói: “Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan”, thì họ thành học Phật pháp trở thành ngoại đạo.

Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai đã chứng quả giải thích rất đúng.

Hỏi:

Ngoại đạo thứ ba và ngoại đạo thứ nhì, cái nào tội nhiều?

Đáp:

Phật đã thọ ký cho những người học Phật pháp trở thành ngoại đạo, tức là Phật thí dụ cho những người này là con trùng của sư tử. Ngoại đạo không thể tiêu diệt Phật pháp.

Như con sư tử thì bách thú đều sợ. Sư tử chết năm đó, cọp beo không dám lại gần ăn thịt, vì sợ nó đang ngủ. Sư tử chết nên thịt bị thúi, con trùng sanh ra rồi ăn thịt nó; tức là đệ tử của Phật mới tiêu diệt được Phật pháp.

Do ngã chấp quá nặng, lấy ý của mình cho là mình hiểu Phật pháp để dạy người, cho nên sai lầm. Nếu họ có tin đồ nhiều chừng nào thì tội nặng nhiều chừng nấy, vì người tin bị hại nhiều, nếu không có một người tin thì không có tội.

Hỏi:

Có vị bác sĩ biết Phật pháp, chỉ biết nghĩa 2 câu, chứ không biết nghĩa 3 câu. Ông rất thành tâm giúp người ta tu, nên nói pháp, vậy việc ấy như thế nào?

Đáp:

Những người học Phật pháp thành ngoại đạo, thì họ cũng thành muốn giúp người ta; nhưng giúp sai lầm, vì họ không biết nên phải bị tội. Trong Phật pháp chẳng thà không biết thì nói không biết, chứ đừng cho không biết nói là biết. Giảng 2 câu tức là còn nằm trong tương đối thì lọt vào biên kiến trong 5 thứ ác kiến.

5 thứ ác kiến là: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ kiến. Nhiều vị giảng kinh lọt vào biên kiến mà tự mình không biết, vì chỉ giảng được 2 câu, không thấu nghĩa 3 câu. Bá Trượng Ngũ Lục giải thích nghĩa 3 câu rất rõ. Tôi dịch kinh Kim Cang cũng thấy nhiều chỗ có nghĩa 3 câu.

Hỏi:

Vậy người dạy sai cũng thành tà đạo sao?

Đáp:

Phải rồi, tâm tạo cái gì thì ra cái ấy. Chư Tổ nói trong lịch sử Thiền tông, mặc dầu không phải của người tu, là do lỗi của tà sư. Nhưng mình theo tà sư thì bị luân, vì tâm mình cũng tạo, không phải người khác tạo cho mình.

Hỏi:

Như vậy các Pháp sư cũng có tội hết sao?

Đáp:

Nếu kinh bất liễu nghĩa thì giảng theo kinh bất liễu nghĩa, họ không có bị tội. Những người giảng kinh bất liễu nghĩa, cuối cùng có con đường thông

vào liễu nghĩa. Như các thời khóa tụng kinh, sau cùng đều tụng Bát Nhã để quét sạch những cái trước.

Tổ Giáo môn lập sẵn ra thời khóa, nhưng người tụng không hay biết, chỉ biết miệng tụng cho Phật nghe là có công đức. Thậm chí, có người tụng sẵn đề trong kho, người nào đến mua đem ra bán, có giá tiền của mỗi bộ kinh. Do đó, nhiều tiền đi vượt biên bị bắt cải tạo 13 năm.

Chánh văn:

III - MA TƯỚNG ẨM

-A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được thọ ẩm, dù chưa dứt hết tập khí, nhưng tâm đã được rời khỏi thân thể, như chim ra khỏi lồng, đã được thành tựu từ thân phàm trở lên, trải qua 60 cấp bậc thánh vị Bồ Tát, được Ý-Sanh-Thân, đi ở vô ngại. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy dù không hay biết gì, nhưng lời nói của họ đã làm cho người thức nghe biết, ấy gọi là phạm vi của Tướng Ẩm.

Nếu động niệm và vọng tưởng dứt trừ, trong tâm sáng tỏ như gương sạch hết nhơ bụi, được sự chiếu soi, chẳng thấy có tướng sanh tử, gọi là tướng ẩm hết, thì lúc ấy được siêu việt Phiền Não Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi Dung Thông Vọng tưởng (3) làm gốc.

1. A Nan! Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham đắm sự hư minh, tham cầu sự khéo léo, khi ấy thiên ma được dịp nhập vào thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến nơi người cầu khéo léo, thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, hoặc Đế Thích, hoặc phụ nữ, hoặc Tỳ Kheo Ni, hoặc trong phòng tối thân phát ánh sáng, người ấy ngu mê chẳng biết cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy của họ, tín tâm lay chuyển, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

Ma ưa nói những việc biến đổi của tội phước, hoặc nói Như Lai sẽ ra đời chỗ này chỗ kia, hoặc nói những điềm kiếp hỏa, binh loạn, hãm dọa người ta, làm cho gia tài người ta vô cớ bị tiêu tan, ấy gọi là Quái Quỷ (quỷ tham lam) tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời bỏ người ấy, lúc đó đệ tử lần thầy đều bị sa lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

2. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham thích đi chơi, tham cầu sự du lịch. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người tham cầu du lịch, thuyết pháp cho họ, người nghe pháp bỗng thấy thân mình ngồi trên bửu liên hoa, toàn thân hóa thành sắc vàng, cả chúng nghe pháp đều được như vậy, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham dâm dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

Ma ưa nói việc chư Phật ra đời; hoặc nói người này người kia, chỗ này chỗ nọ là Phật Bồ Tát hóa thân đến đây, khiến người nghe thấy vậy, sanh lòng ham mộ, tà kiến khởi lên, làm mất chủng trí, đây gọi là Bạt Quý (quỷ dâm dục), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ mới khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

3. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm tham cầu sự luôn luôn khế hợp. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu khế hợp thuyết pháp cho họ, khiến người nghe chưa nghe pháp đã được tỏ ngộ, niệm niệm dòi dôi, hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc tốt xấu của thế gian, hoặc nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát tâm ham ái dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

Ma ưa nói Phật có lớn nhỏ trước sau, có chơn giả, có nam Phật, nữ Phật, Bồ Tát cũng vậy; người nghe thấy vậy lạc mất bản tâm, dễ lọt vào tà ngộ. Đây gọi là Mĩ Quý (quỷ gian dối), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lần thầy đều bị sa lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

4. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham thích suy xét căn bản, phân tích cội gốc cùng tột của sự vật. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu phân tích cội gốc thuyết pháp cho họ, ma có uy thần thuyết phục các người, khiến chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã hàng phục, nói Bồ Đề Niết Bàn, pháp thân

thường trụ tức là cái sắc thân hiện hữu này, cha con đời đời tương sanh với nhau tức là pháp thân thường trụ chẳng dứt, cái trước mắt đã là cõi Phật, chẳng có cõi Tịnh Độ và đức Phật nào khác. Người nghe tin nhận, quên mất bản tâm trước, đem cả thân mạng quy y, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham suy xét, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

Ma ưa nói nhĩ, nhĩ, tử, thiết đều là Tịnh Độ, nam nữ nhị căn là nơi chơn thật của Bồ Đề Niết Bàn, người mê chẳng biết, tin lời ô uế ấy. Đây gọi là Cổ Độc Yểm Thắng Ác Quỷ (quỷ cuồng), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

5. Trong lúc thiên định, thọ ám hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham cầu sự tiên tri cảm ứng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu cảm ứng, thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe tạm thấy thân họ như trăm ngàn tuổi, lòng sanh yêu mến, chẳng muốn rời bỏ, chịu làm đầy tớ cúng dường đủ thứ mà chẳng biết mệt mỏi, lại khiến đồ chúng của mỗi người trong tâm đều biết họ là tiên sư, là thiện tri thức, sanh lòng yêu mến, thiết tha như keo sơn, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ưa thân cận, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

Ma ưa nói kiếp trước người này người kia là anh em, là vợ của ta, nay đến để độ họ, cùng nhau đi đến cõi này cõi kia để cúng dường Phật này Phật nọ; hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh kia, chư Phật đều nghỉ tại đó, người mê chẳng biết, tin lời cuồng vọng ấy. Đây gọi là Lệ Quỷ (quỷ sân si), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

6. Trong lúc thiên định, thọ ám hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham cầu tĩnh tịch, khắc khổ siêng tu, ưa thích chỗ vắng lặng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tĩnh lặng thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe mỗi mỗi đều biết nghiệp báo của mình, hoặc nói với một người nào rằng: "Người nay dù chưa chết, nhưng đã làm súc sinh". Rồi bảo người khác đến sau lưng họ làm dạng đập đuôi, liền

khiến người ấy đứng dậy chẳng được, làm cho tất cả đều hết lòng khâm phục, có người móng tâm lên, ma liền biết ý.

Ngoài luật nghi của Phật ra, nó càng thêm khắc khổ, phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, phơi bày việc người, chẳng tránh hiềm khích, ưa nói việc tội phước của tương lai mà may may không sai. Đây gọi là Đại Lực Quỷ (quỷ ngạo mạn), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

7. Trong lúc thiên định, thọ âm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham muốn tri kiến, siêng năng nghiên cứu, tham cầu túc mệnh. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tri kiến, thuyết pháp cho họ. Người ấy khi không ở nơi nghe pháp được hòn ngọc báu, có lúc ma lại hóa thành súc sinh, miệng ngậm hạt châu và các châu báu, sách, bùa, các vật quý lạ, trước tiên đem hiến cho người ấy, sau nhập xác họ, hoặc bảo với họ là dưới đất nơi đó có hạt châu chiếu sáng, khiến các người nghe, được chưa từng có.

Do sức ma nhiếp trì, thường ăn cây thuốc chứ chẳng ăn cơm, hoặc hằng ngày chỉ ăn một hột mè hoặc một hột lúa mà thân vẫn béo mạnh; phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, chẳng tránh hiềm khích; ưa nói kho báu nơi tha phương hoặc chỗ ẩn cư của bậc thánh hiền mười phương, những người theo sau thường thấy có kẻ kỳ lạ. Đây gọi là loại quỷ thần sơn lâm, thổ địa, thành hoàng sông núi, tuổi già thành ma, hoặc kêu gọi làm việc dâm dục, phá hoại giới luật, cùng với người vâng theo lên làm sự ngũ dục; hoặc chỉ ăn cây cỏ cho là tinh tấn, những việc làm không có nhất định, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

8. Trong lúc thiên định, thọ âm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham cầu thần thông biến hóa. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu thần thông, thuyết pháp cho họ.

Người ấy hoặc tay cầm ngọn lửa để trên đầu tứ chúng, lửa cháy sáng vài thước mà chẳng thấy nóng hay bị cháy, hoặc đi trên mặt nước như đi trên đất

bằng, hoặc an tọa ở giữa hư không, hoặc vào trong bình hay trong túi, xuyên qua bức tường đều chẳng chướng ngại, chỉ đối với quân binh giao trận là không được tự tại thôi. Tự nói là Phật, thân mặc bạch y, nhận lễ lạy của bậc Tỳ Kheo, phỉ báng thiên luật, chửi mắng đồ chúng, phơi bày việc người mà chẳng tránh hiềm khích, ưa nói thần thông tự tại, hoặc khiến người thấy cõi Phật ở kế bên; dùng sức quý mê hoặc người, chẳng phải có thật, khen ngợi sự dâm dục, chẳng bỏ thô hạnh, đem những việc ô uế cho là truyền pháp.

Đây gọi là loại Sơn tinh, Hải Tinh, Phong Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh, tất cả cây cỏ trên trời đất lâu năm lụy kiếp thành tinh, hoặc là Long (rồng) mê, hoặc loại tiên chết rồi sống lại thành mê, hoặc loại tiên chết rồi hình thể chưa tan, quỷ quái khác nhập vào, tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

9. Trong lúc thiên định, thọ ám hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham muốn nhập diệt, tham cầu đi sâu vào cái rỗng không. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu rỗng không, thuyết pháp cho họ.

Trước mặt đại chúng, thân ma bỗng biến mất, chúng không trông thấy, lại từ hư không thành linh hiện ra, ở đi tự tại, hoặc hiện thân như lưu ly, hoặc duỗi tay chân bay mùi chiên đàn, hoặc đại tiểu tiện như đường phèn cứng chắc, phỉ báng giới luật, khinh bỉ người xuất gia. Ưa nói không có nhân quả, hễ chết rồi là diệt hẳn, chẳng có thân sau và nói các phàm thánh dù đã được không tịch, nhưng vẫn còn lén hành tham dục, và người thọ sự dâm dục ấy cũng được Tâm-Không.

Đây gọi là loại kim ngọc, chi thảo, hoặc con lân, phụng, rùa, hạc, thu hút tinh khí của nhứt nguyệt, trải qua ngàn vạn năm chẳng chết thành tinh, tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

10. Trong lúc thiên định, thọ ám hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham muốn sống lâu, vất vả nghiên cứu, tham cầu trường thọ chẳng diệt. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ

người cầu trường thọ, thuyết pháp cho họ, hay nói đi lại từ nơi này đến nơi khác chẳng có ngăn ngại; hoặc trong chốc lát từ muôn ngàn dặm đi liền trở lại, mang theo đồ vật của nơi đó; hoặc ở trong nhà, cho người ấy đi vài bước từ vách tường bên đông sang bên tây, mà người ấy đi gấp suốt năm chẳng tới, khiến họ tin đó là Phật hiện tiền.

Ma ưa nói tất cả mười phương chúng sanh đều là con ta, ta sanh ra chư Phật, sanh ra thế giới, là Phật nguyên thủy, tự nhiên ra đời, chẳng do tu được. Đây gọi là Tự Tại Thiên Ma ở đời, sai khiến những quyến thuộc chưa phát tâm (kẻ đã phát tâm thì hộ trì chánh pháp), lợi dụng sự hư minh của họ, thu hút tinh khí của người.

Người ấy hoặc không nhờ thầy mà tự mình thấy rõ, mà tự xưng là Thần Hộ Pháp Kim Cang, cho người sống lâu; hoặc hiện thân mỹ nữ, thịnh hành việc tham dục, khiến người ấy chưa đầy một năm gan não đã khô kiệt, hay nói lầm nhảm một mình, nghe như yêu mê mà người khác chẳng hiểu. Khi bị sa vào lưới pháp luật, chưa kịp xử hình thì đã chết khô, nhiều loạn người ấy đến chết mới thôi. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

-A Nan phải biết! Nơi thời mạt pháp, mười thứ ma kể trên ở trong pháp ta xuất gia tu hành; hoặc nhập thân người khác, hoặc tự hiện hình, đều nói đã thành chánh biến tri, khen ngợi sự dâm dục, phá hoại giới luật. Ma và đệ tử họ truyền nhau làm việc dâm dục, tà ma như thế, mê hoặc tâm can người từ chín đời cho đến cả trăm đời, khiến người tu hành đều thành quyến thuộc của họ, sau khi chết tất cả sẽ trở thành dân ma, lạc mất chánh biến tri, đọa ngục A-Tỳ.

-Nay các người đều đã được vô lậu, chưa nên sớm nhập Niết Bàn, phải nguyện ở lại, vào trong thời mạt pháp, khởi đại từ bi, cứu người phát chánh tâm tu hành, khiến đừng lạc vào tà ma, được chánh biến tri. Nay ta đã độ các người ra khỏi sanh tử, các người hãy theo lời Phật dạy mà hành gọi là báo ân Phật.

-A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do Tướng Âm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chúng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

-Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo như lời dạy bảo trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

Giải giải:

Đoạn này nói về tướng ám, ngũ ám là ngũ uẩn. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Chiếu ngũ uẩn giai không”, tức là ngũ uẩn không thật, do nguồn gốc vọng tưởng mà có. Sắc ám gọi là kiên cố vọng tưởng, Thọ ám gọi là hư minh vọng tưởng, Tưởng ám gọi là dung thông vọng tưởng.

Tại sao có dung thông vọng tưởng? Vì có sắc ám với tâm suy nghĩ, suy nghĩ bất cứ cái gì đều là vọng. Cho là Phật có thật cũng là vọng, cho là Phật không có thật cũng là vọng, tức là nổi lên ý niệm gì đều là vọng. Cái vọng này là do tướng ám với tâm giao tranh mới thành. Cho nên, hai cái dung thông gọi là dung thông vọng tưởng.

Cảnh giới 1 đến cảnh giới 10, do mình chấp thật vọng tưởng thì ma mới thừa cơ hội nhập vào, làm cho mình đủ thứ thần thông. Như mình ở đây về Việt Nam lấy đồ vật chỉ có 5 phút. Đó là thần thông của ma, nhưng người ấy tưởng mình có thần thông. Đến chừng ma nhàm chán, bỏ thân thể thì người ấy và thầy sa vào lưới pháp luật, bị pháp luật trừng trị, sau này phải đọa xuống địa ngục.

Cho nên, Phật bảo các Bồ Tát, phải theo lời của Phật dạy cho người đời sau biết, đừng chấp cho là thật thì khỏi bị sa vào lưới pháp luật và không bị đọa địa ngục. Những ma tu có thần thông lớn, nhưng hưởng hết phước báo, sau này cũng đọa địa ngục. Trong này nói: “Đệ tử lẫn thầy đều đọa địa ngục”.

Có người nói: “Tôi làm đệ tử, đâu có biết!” Tuy không biết, nhưng theo thầy đó ủng hộ cho là đúng, làm cho người khác phải bị hiểu lầm, giúp cho thầy làm việc tà, để cho người khác theo. Nếu theo càng đông thì tội càng lớn, nên cũng theo thầy xuống địa ngục. Không phải là không biết mà không có tội!

Quyển 10

Chánh văn:

IV - MA HÀNH ÁM

-A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được Tướng Âm, những mộng tưởng bình thường tiêu sạch, thức, ngủ thường như một, chẳng còn đuổi theo cảnh trần, cái giác minh vắng lặng như hư không, thấy các núi sông, đất đai của thế gian như bóng hiện trong gương, tùy duyên chiếu soi, ở đi đều chẳng dính mắc, biết hết các tập khí xưa, cái nguồn gốc của sanh diệt từ đây được hiển lộ, thấy khắp 12 loại chúng sanh trong mười phương, dù chưa thông suốt manh mối của từng loại, nhưng đều từ một nguồn gốc phát sanh ra, giống như bụi trần lãng xãng, ấy là chỗ căn cứ địa của ngũ căn, đây gọi là phạm vi của Hành Âm.

Nhưng tánh của Hành Âm vốn chẳng lãng xãng, sở dĩ lưu chuyển chẳng ngừng là do tập khí của nhiều kiếp, nếu tánh ấy trở về vắng lặng, tập khí dứt sạch, tướng lưu chuyển hết, như làn sóng lặng trở về nước yên, gọi là Hành Âm hết, thì lúc ấy được siêu việt Chúng Sanh Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi U-Ấn Vọng Tướng (l) làm gốc (Hành Âm lưu chuyển vi tế, động mà chẳng động nên gọi là U-ấn).

l. A Nan nên biết! Trong lúc thiền định, khi được chánh tri, chánh tâm sáng suốt, mười loại thiên ma chẳng còn được dịp quấy phá, mới được truy cứu cùng tột cội gốc sanh diệt của các loài. Quán xét cái cội gốc đó mà khởi tâm so đo, thì người ấy bị đọa vào hai loại Vô Nhân Luận:

a. Thấy sự bắt đầu vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã dứt được tướng sanh diệt, nhờ 800 công đức của Nhân căn, thấy được tất cả chúng sanh từ 8 vạn kiếp, theo nghiệp xoay vòng, chết đây sống đó, luân chuyển không ngừng, còn ngoài 8 vạn kiếp thì mịt mù chẳng thể thấy được, bèn cho là từ 8 vạn kiếp đến nay, mười phương chúng sanh trên thế giới vô nhân mà tự có. Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

b. Thấy sự cuối cùng vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã biết được căn bản của sự sanh, như người sanh người, chim sanh chim, xưa nay con quạ vẫn đen, con cò vẫn trắng, trời người vẫn đứng thẳng, thú vật vẫn đứng ngang, trắng chẳng do tẩy mà thành, đen chẳng do nhuộm mà nên, từ 8 vạn kiếp nay vẫn không dời đổi, nay đến tận hết hình thể này cũng vẫn như thế. Bỏ lai của ta chẳng thấy Bồ Đề thì làm sao lại có sự tu thành Bồ Đề! Vì mê lầm cho tất cả sự vật đều vốn vô nhân, do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

-Ấy gọi là ngoại đạo thứ nhất lập Vô Nhân Luận.

2. Trong lúc thiền định, chánh tâm sáng suốt, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, thấy luôn luôn như vậy chẳng biến đổi, ngay nơi đó khởi tâm so đo, chấp đó là thường, thì người ấy bị đọa vào bốn thứ Chấp Thường Luận:

a. Người ấy xét thấy cùng tột bản tánh của tâm và cảnh, hai nơi đều không có nhân, do tu tập biết được tất cả sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ hai vạn kiếp đến nay vẫn lưu chuyển không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

b. Người ấy xét cùng tột cội gốc của tứ đại, bốn thứ tánh ấy thường trụ, do tu tập biết được tất cả. Sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ bốn vạn kiếp đến nay cái thể vẫn thường còn, không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

c. Người ấy xét cùng tột cội gốc của lục căn, theo tánh chấp thụ của thức thứ bảy, trong tâm-ý-thức, chỗ nguồn gốc căn bản, tánh thường như vậy. Do tu tập biết được tất cả chúng sanh từ tám vạn kiếp này, dù có luân hồi, vốn là thường trụ, cuối cùng chẳng mất bản tánh, nên chấp cho là thường.

d. Người ấy đã dứt được tướng ám chẳng còn cái tướng sanh diệt cho là tâm sanh diệt, nay đã vĩnh diệt, tự nhiên thành chẳng sanh diệt, vì tâm so đo nên chấp cho là thường.

- Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ hai lập Viên Thường Luận.

3. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, khởi tâm so đo giữa ta và người, người ấy bị đọa vào bốn thứ kiến chấp điên đảo, một phần vô thường, một phần chấp thường luận:

a. Người ấy quán tâm diệu minh khắp cõi mười phương cho là thần ngã chơn thật, từ đó sanh chấp, cho ta cùng khắp mười phương, trạm nhiên sáng suốt chẳng động, tất cả chúng sanh ở nơi tâm ta tự sanh tự diệt, vậy thì tâm tánh ta là thường, còn sự sanh diệt ấy là chơn vô thường.

b. Người ấy chẳng quán tự tâm mà quán khắp mười phương hằng sa quốc độ, thấy chỗ kiếp hoại (từ cõi tam thiên trở xuống) thì gọi là chủng tánh chơn vô thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại được (từ cõi tứ thiên trở lên, kiếp hoại chẳng đến được) thì gọi là chơn thường.

c. Người ấy chỉ quán riêng tâm mình, thấy tinh mật vi tế như vi trần, lưu chuyển mười phương, khiến thân này liền sanh liền diệt mà tâm tánh chẳng dời đổi, ngã tánh chẳng hoại, gọi ta là tánh thường, sanh tử của tất cả chúng sanh từ ta mà ra thì gọi là tánh vô thường.

d. Người ấy đã dứt được Tướng Âm, thấy hành âm lưu chuyển thường xuyên, gọi là tánh thường: Sắc, thọ, tướng ba âm nay đã diệt hết thì gọi là vô thường.

- Do so đo này, một phần vô thường, một phần là thường, nên bị lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ ba lập Một Phần Thường Luận.

4. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong phân vị (2) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ Hữu Biên Luận:

a. Người ấy trong tâm so đo cái gốc sanh lưu chuyển chẳng ngừng, chấp quá khứ vị lai gọi là hữu biên, chấp tâm tương tục gọi là vô biên.

b. Người ấy quán từ tám vạn kiếp đến nay thì thấy có chúng sanh, từ tám vạn kiếp trở về trước thì chẳng thấy chẳng nghe, bèn cho chỗ chẳng thể thấy nghe ấy gọi là vô biên, chỗ có chúng sanh gọi là hữu biên.

c. Người ấy chấp rằng ta biết cùng khắp, được tánh vô biên; tất cả mọi người đang trong cái hay biết của ta, mà ta chẳng từng biết cái tánh biết của họ, ấy gọi là họ chẳng được cái tâm vô biên, chỉ được tánh hữu biên thôi.

d. Người ấy quán đến cùng tột Hành Âm rồi không, so đo trong tâm cái sở thấy của mình, cho là ở trong một thân của tất cả chúng sanh đều là phân nửa sanh phân nửa diệt, cho đến tất cả hiện hữu trong thế giới này cũng đều phân nửa hữu biên, phân nửa vô biên.
-Do so đo này, hữu biên vô biên, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tư lập Hữu Biên Luận.

5. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi tri kiến khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ: Điền đảo, bất tử, càn loạn, biến kế hư luận:

a. Người ấy quán xét cội gốc của sự biến hóa thấy chỗ lưu chuyển thì gọi là biên, thấy chỗ nối nhau thì gọi là thường, thấy chỗ thấy được thì gọi là sanh, thấy chỗ chẳng thấy được thì gọi là diệt, cái nhân nối nhau chẳng gián đoạn

thì gọi là thêm, khi đang nói nhau, ở giữa có chỗ gián đoạn thì gọi là bớt, chỗ sanh của mọi vật thì gọi là hữu, chỗ diệt của mọi vật thì gọi là vô; dùng lý quán xét thì thấy đồng, dùng tâm thì thấy khác. Có người đến cầu pháp hỏi nghĩa thì đáp: "ta nay cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng thêm cũng bớt", bất cứ lúc nào đều nói đảo loạn như thế, khiến người nghe rồi cũng như không nghe.

b. Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Vô, vì vậy nên chẳng có chứng đắc, hễ có người đến hỏi chỉ đáp một chữ "Vô", ngoài ra không nói gì cả.

c. Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Hữu, vì vậy mà có sự chứng đắc, hễ có người đến hỏi thì chỉ đáp một chữ "Hữu", ngoài ra không nói gì cả.

d. Người ấy hữu vô cùng thấy, do cảnh rời rạc nên tâm cũng bị rối loạn, hễ có người đến hỏi thì đáp: "Cũng có tức là cũng không, ở trong cũng không, chẳng phải cũng có". Tất cả càn loạn, chẳng thể hỏi ra kết quả. -Do so đo này, hư vô càn loạn, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, đây gọi là ngoại đạo thứ năm chấp bốn thứ Điên Đảo, Bất Tử, Càn Loạn, Biến Kế Hư Luận.

6. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong dòng sanh diệt vô tận khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết có tướng: Hoặc tự giữ cái sắc thân, cho sắc thân là ta; hoặc thấy ta bao trùm khắp các cõi nước, thì cho ta có sắc; hoặc thấy duyên cảnh xưa theo ta luân hồi thì cho sắc thuộc về ta; hoặc thấy cái ta nương theo hành âm mà tương tục, thì cho ta ở nơi sắc, xoay chuyển như vậy thành mười sáu tướng, từ đó sanh ra cái chấp "có phiền não thật", và "Bồ Đề thật", hai tánh ấy đi song song mà chẳng đụng chạm nhau, do so đo này, chấp sau khi chết có tướng, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ sáu trong ngũ âm chấp sau khi chết có tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

7. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong những chỗ sắc, thọ, tưởng, đã diệt từ trước, khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết chẳng tướng. Thấy Sắc Diệt rồi thì hình thể chẳng có nhân, thấy tướng diệt rồi thì tâm chẳng bó buộc, thấy thọ diệt rồi thì chẳng còn chỗ nối liền, tánh âm tiêu tan, đâu có sự sanh mà chẳng có thọ, tưởng, đồng như cây cỏ, cái thể chất hiện hữu này còn bất khả đắc, huống chi chết rồi thì đâu còn hình tướng nào! Theo đó suy lường, xoay chuyển thành tám thứ vô tướng,

cho rằng nhân quả, Niết Bàn, tất cả đều không, chỉ có danh tự, cuối cùng đoạn diệt. Do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ bảy trong ngũ âm chấp sau khi chết chẳng tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

8. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong chỗ hành âm còn mà thọ tướng đã diệt, cho "Có, Không" đồng thời cùng hiện nên tự thể phá nhau, người ấy bị đọa vào điên đảo luận, chấp sau khi chết chẳng phải "Có" cũng chẳng phải "Không", trong sắc, thọ, tưởng, thấy có chẳng phải là có, nơi hành âm lưu chuyển, thấy không chẳng phải là không, xoay chuyển như vậy cùng tận âm giới, thành tám thứ tướng "chẳng phải có chẳng phải không", dù gặp một duyên nào đều nói sau khi chết cũng có tướng cũng không tướng. Lại chấp hành âm tánh hay thay đổi, tâm phát thông ngộ, thấy "Có, Không" đều chẳng phải, hư và thật đều không chỗ căn cứ, do so đo này, làm cho mịt mù chẳng thể nói được, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tám trong ngũ âm chấp sau khi chết chẳng có cũng chẳng không, lập Tâm Điên Đảo Luận.

9. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu-Hậu-Vô (3) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bảy thứ Đoạn Diệt Luận: Hoặc chấp cái thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt, xoay chuyển như thế tận cùng bảy nơi, cái thân hiện tiền khi tiêu diệt rồi chẳng còn sanh nữa, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ chín trong ngũ âm chấp sau khi chết đoạn diệt, lập Tâm Điên Đảo Luận.

10. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu Hậu Hữu (4) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào năm thứ Niết Bàn Luận: Hoặc nhận dục giới là nơi Chánh Chuyển Y, vì thấy cảnh viên minh nên tâm sanh ái mộ, hoặc nhận sơ thiên vì tánh không còn lo, hoặc nhận nhị thiên, vì tâm không còn khổ, hoặc nhận tam thiên, vì rất vui đẹp, hoặc nhận tứ thiên vì khổ vui đều mất, chẳng bị luân hồi sanh diệt vậy. Mê lầm cõi trời hữu lậu cho là quả vô vi, năm nơi an ổn ấy là nơi Thắng Tịnh Y, xoay chuyển ở năm chỗ này, cho là cứu cánh, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ mười trong ngũ âm chấp năm thứ Niết Bàn, lập Tâm Điên Đảo Luận.
-A Nan! Mười thứ thiền định cuồng giải trên đều do Hành Âm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp

nhân duyên này, mà chẳng tự biết, nhận sự mê lầm cho là giải thoát, tự nói chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ. -Sau khi Như Lai nhập diệt, nơi thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị khắp tất cả chúng sanh, khiến đều tỏ ngộ nghĩa này, chớ cho tâm ma tự khởi nghiệp chướng, hộ trì cho họ dứt bỏ tà kiến, khiến thân tâm được mở mang, giác ngộ nghĩa chơn thật, thành Vô Thượng Đạo, chẳng bị lạc đường, chẳng được ít cho là đủ, làm bia chỉ đường giải thoát của Phật.

Giảng giải:

Đoạn này nói về hành âm, 3 tướng: Sắc, thọ, tưởng đã hết. Nhất là do tưởng âm suy nghĩ thì ma mới nhập, 3 âm hết thì tâm kiên cố ma ở ngoài không thể nhập được; nhưng tự sanh tâm ma khó trị, ma ở ngoài dễ trị.

10 thứ cảnh giới của ma hành âm, đều nói chánh tâm kiên cố, tức là ma ở ngoài không thể quấy phá được. Vì có tâm chấp mới thành đủ thứ ngoại đạo, cuối cùng cũng phải đọa địa ngục a tỳ. Trong này có hai cái đối đãi nhau là hậu hậu hữu và hậu hậu vô. Do hành âm thay đổi nên mình từ nhỏ biến thành người lớn, rồi biến thành người già, trong cuộc sống hàng ngày và cơ thể mình thay đổi đều do hành âm. Hành âm rất là khó thấy, cho nên gọi là u uẩn vọng tưởng.

Như mặt mũi mình không thấy thay đổi, nhưng nó đang thay đổi. Do hành âm mà mặt mũi mình đang thay đổi, ngũ tạng lục phủ cũng đang thay đổi, thay đổi từng sát na nhưng mình không thấy không biết, vì không biết nên gọi là u uẩn vọng tưởng. Do u uẩn vọng tưởng nên có chúng sanh trực (trực như nước lụt).

Trong đó có nói phương vị, luận về thường và vô thường. Nói về tánh thuộc kiến phần gồm hữu biên và vô biên. Nói về phương vị thì thuộc tướng phần, tức là 4 thứ hữu biên luận nói về phương vị:

- Phương vị tam tế (quá khứ, hiện tại, vị lai).
- Phương vị kiến văn (kiến là thấy, văn là nghe).
- Phương vị nhân ngã (ta, người).
- Phương vị sanh diệt.

Đều bị kẹt trong phương vị hành âm, mà sanh ra vọng tâm so đo thành ngoại đạo, hết phước ngoại đạo cũng phải bị đọa.

Tại sao nói: Hậu hậu vô (sau sau không)? Vì trước kia có hành âm, mà chẳng có thọ, tướng; vì thọ, tướng đã diệt. Sau này hành âm cũng chẳng có. Trước kia thấy sau khi chết chẳng có tướng là chỉ nói về một chỗ thân diệt mà thôi (thân thể này chết không còn), nay truy cứu hết 7 chỗ tận diệt chẳng sanh nữa.

7 chỗ là gì? Là thân diệt thuộc về Dục Giới. Như con người thuộc về Dục Giới, như đi thiêu biến thành tro, đi chôn biến thành đất; gồm cõi trời cõi người, cõi trời có 6 lớp Dục Giới. Sắc Dục Diệt thuộc sơ thiên (không có sắc thân dâm dục). Khô Diệt thuộc về nhị thiên. Cự Lạc Diệt thuộc về tam thiên. Cự Xả Diệt thuộc về tứ thiên.

Dù nói 5 chỗ diệt (tứ thiên là 4 chỗ với dục giới của cõi trời cõi người), kỳ thật gồm 2 cõi của Vô Sắc Giới là: Không Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ. Chỗ Không Vô Biên chẳng còn gì, chỗ Vô Sở Hữu cũng không có; cho là tất cả diệt hết, nên nói 7 chỗ diệt. Đây lọt vào chỗ cao nhất vô tướng thiên ngoại đạo. Giống như Tỳ Kheo Vô Văn đồng một đoạn kiến, chết cho là hết không còn gì, nên đọa đoạn diệt luận (hậu hậu vô).

Trước đã nói: Hậu hậu vô, sau lại nói hậu hậu hữu (sau sau có)? Bởi cội gốc sanh diệt lằng xằng này là chẳng thể diệt được, vì chưa đến chỗ chơn tịch diệt; mà vọng thấy chỗ diệt có sự chứng đắc, nên nói hậu hậu hữu. Hành âm được tạm ngưng sát na, tánh viên minh hơi hiện, bèn cho là chẳng sanh diệt, tức Niết Bàn, do so đo thành có năm chỗ Niết Bàn vậy.

10 cảnh giới trên đều là tâm điên đảo luận. Tại sao nói điên đảo vọng tưởng? Hành âm u uẩn nên khó thấy được, mới lấy tâm đoán mò cho là vậy hoặc cho là không phải vậy; cho là vậy thì điên đảo hay cho không phải vậy cũng là điên đảo. Vì vậy, tham Tổ Sư thiên nhất định không thể dùng 2 chữ cho là mới gọi là thoát đầu.

Thoại đầu là không có niệm nào sanh khởi. Nhiều người lấy câu thoát là mục tiêu thì sai lầm, vì chấp vào câu thoát. Nếu chấp vào câu thoát thì đã có niệm biết niệm khởi rồi. Dùng 2 chữ cho là tức là có khởi niệm cho là đúng, cho là không đúng, cho là có, cho là không. Bất cứ cho là cái gì đều có niệm nổi lên, không có niệm khởi lên, mới được gọi là thoát đầu.

Ngài Hư Vân nói: “Có niệm là thoát vi”. Mặc dầu, không có niệm khởi lên, không phải đoạn diệt; chỗ đó Thiên tông gọi là đầu sào 100 thước, Giáo môn gọi là vô thi vô minh. Chỗ đó tôi thường lấy cây viết để ví dụ ở trên là thoát

đầu, dưới là thoại vi. Bắt đầu tham thoại đầu là rời thoại vi mà chưa đến thoại đầu.

Vì mục đích mình muốn đến thoại đầu, nên mới nói tham thoại đầu hay khán thoại đầu. Khi đến thoại đầu thì đường đi ý thức đã hết, tới chỗ này không có đường đi nữa; tức là nguồn gốc của ý thức, thấy trước mắt thanh thanh tịnh tịnh không còn cái gì. Ngoại đạo và Tiểu thừa cho chỗ này là Niết Bàn. Nhưng chỗ này còn dính líu với ý thức, chưa lìa ý thức.

Phải từ đầu sào 100 thước tiến lên một bước lìa khỏi ý thức, sát na lìa ý thức gọi là kiến tánh. Ngài Lai Quả nói: “Cảnh giới này như mình lọt vào hư không té xuống cho chết rồi sống lại”, Thiên tông gọi là:

“Tuyệt hậu tái tô” (sau khi chết sống lại).

Chỗ này có 2 cái chết: Đại tử đại hoạt, tiểu tử tiểu hoạt.

Tại sao gọi là tiểu tử tiểu hoạt? Đây là để thí dụ cái ngộ (tiểu tử) là phá sở quan. Dù chết mà sống lại, nhưng còn cái xác chưa tan; tức là ngộ rồi nhưng còn cái ngộ, cho là mình có ngộ. Vì ngộ thì đối với mê, có mê mới có ngộ. Nếu hết mê thì không có ngộ.

Hỏi:

Bác sĩ tham thiền làm sao mổ bệnh nhân được?

Đáp:

Tham thiền đến giai đoạn tham thuần thực thì vừa mổ vừa tham thiền được. Như tham ở trong tịnh dễ nhập, ở trong động khó nhập. Ví như ở trong tịnh có thể 3 tháng vào cửa, còn ở trong động 3 năm có khi chưa vào cửa được. Nếu 3 năm trong động vào cửa, cũng khó gấp 10 lần trong tịnh; trong tịnh 3 tháng vào cửa, nhưng 300 năm không được kiến tánh. Trong động 3 năm vào cửa có thể 4 năm kiến tánh.

Mục đích tham thiền là muốn kiến tánh, vì kiến tánh mới thức tỉnh được mở mắt chiêm bao, giải thoát tất cả khổ. Tham thiền ở trong tịnh tuy dễ nhập, nhưng lại khó thành tựu, trong động khó nhập nhưng dễ thành tựu. Ban đầu trong tịnh thấy dễ mau nhập hơn trong động. Ngài Lai Quả nói: “Nếu trong động mà không động được ông, tịnh cũng không làm ảnh hưởng đến ông”, như vậy thực hành mới đúng đắn.

Cơ Bản Thực Hành có 2 yếu tố:

- Tin tự tâm.
- Phát nghi tình.

Đối với tham Tổ Sư thiền thì minh tâm kiến tánh là cần nhất. Hành giả tham thiền cũng thực hành được, nhưng chỉ tin pháp môn chưa tin tự tâm. Chư Phật chư Tổ dạy mình cần phải tin tự tâm. Ngài Lâm Tế nói: “Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ, giết Tổ, gặp cha mẹ giết cha mẹ”. Nếu không tin tự tâm thì nghe rất khó chịu, họ cho là nói bậy, đâu phải là Tổ sư danh tiếng!

Lâm Tế là một phái thiền lớn trong ngũ gia tông phái, gần đây có nhiều vị kiến tánh đều trong phái này. Nhưng người không tin tự tâm thì chấp ở ngoài tâm có Phật, nghe nói gặp giết Phật, tưởng là giết Phật thật. Sự thật tâm mình khắp không gian thời gian, tất cả không ở ngoài tâm mình; như chư Phật, chư Tổ, cha mẹ,... đều ở trong tâm mình. Vì không tin tâm mình mà lại tin ngoài tâm, mới có tư tưởng chấp thật. Chính tư tưởng chấp thật làm chướng ngại cho mình kiến tánh.

Chư Phật chư Tổ rủ lòng đại từ đại bi, phá tâm chấp của mình; không sợ người ta hiểu lầm, mà nói thẳng: “Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp cha mẹ giết cha mẹ,...” là giết tâm chấp thật của mình.

Nếu tâm chấp Phật mà là thật thì phải giết tâm chấp ấy. Chấp Tổ và chấp cha mẹ cũng vậy. Bởi vì tất cả chỉ là giả danh, chỉ là sanh diệt ở trong tâm mình; cho nên mình tin tự tâm đầy đủ thì việc ấy mới đúng. Còn không tin tự tâm lại tin ngoài tâm, thì cho ngài Lâm Tế nói rất sai lầm.

Câu nói ấy là ngài Lâm Tế nói trước đại chúng, trong đó có nhiều căn cơ khác nhau. Câu nói này đối với bậc thượng thượng căn. Còn cơ xảo để tiếp người, ngài Lâm Tế có Tứ Liệu Giản. Rồi có chia làm 3 thứ căn cơ để tiếp thượng căn, trung căn, hạ căn, và đặc biệt xuất cách không có theo căn khí, việc ấy tiếp người theo mọi căn cơ của chư Tổ, trong Lâm Tế Ngữ Lục nói rất kỹ.

Hỏi:

Người ta nghe câu nói: “Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp cha mẹ giết cha mẹ”. Phật Tổ đã chết, cha mẹ còn sống, họ coi việc giết cha mẹ bình thường thì việc đó như thế nào?

Đáp:

Đó họ cho là một lý do, nhưng lúc Tổ nói không có ý này. Ngài Lâm Tế nói: “Tôi nói đúng theo pháp, nhưng các vị không lãnh hội được, chớ Tổ chỉ biết nói đúng theo pháp”. Phật Thích Ca trong kinh liễu nghĩa cũng nói những lời mâu thuẫn, như kinh Lăng Già: “Chẳng có Phật vào Niết Bàn, chẳng có Niết Bàn để Phật vào”.

Vậy Phật Giáo đồ tin Phật là tin cái gì? Không có Phật mà tin và học cái gì? Kinh đó phổ biến. Như kinh Kim Cang là Phật thuyết, mà Phật nói: “Ai nói Như Lai có thuyết pháp thì người ấy phỉ báng Phật”. Lời này ai cũng cho rất mâu thuẫn.

Cho nên, Phật sợ người ta đuổi theo lời nói, cứ dấn đi dấn lại hoài. Ý của Phật không phải trong lời nói, lời nói đều chẳng có nghĩa thật. Như kinh Lăng Nghiêm nói: “Phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật”, vì vậy người đọc phải biết chỗ này đọc hay lướt qua không để ý. Nhiều người đọc kinh hay chấp thật lời kinh, ít có người không chấp thật. Chỉ có người tin tự tâm đầy đủ, thì tự nhiên sẽ không chấp thật. Bởi tất cả đều ở ngoài tâm, kỳ thật không phải ở ngoài tâm, vì nó không dính dáng với chân tâm.

Hỏi:

Làm thế nào vừa làm việc vừa tham thiền?

Đáp:

Công phu chưa tới mức độ vừa làm vừa tham không được, vì dùng cái biết của bộ óc; công phu đến chỗ bộ óc hoàn toàn không biết thì làm gì cũng được, nhất là làm nghề của mình đã làm quen thì được. Những người làm y học, khi mổ lại bỏ quên dụng cụ làm rồi may lại, vậy những người đó đâu có tham thiền! Lúc chú ý một việc gì, làm việc khác hay sai. Như có nhà khoa học khi muốn lược hột vịt mà lại bỏ đồng hồ vô lược.

Tham thiền là lúc bộ óc hoàn toàn không biết. Biết của bộ óc gọi là vọng tri, cái biết của Phật tánh gọi là linh tri. Linh tri tự động thay thế vọng tri để làm việc. Vọng tri làm việc có lộn, còn linh tri làm việc không bao giờ có lộn. Vọng tri có khi làm việc lành có khi làm việc ác, còn linh tri không bao giờ làm việc ác.

Tin tự tâm tức là tin linh tri sẵn sàng. Bây giờ mình chưa thành Phật, nhưng cái dụng của linh tri không bớt, không ngưng. Tại sao? Nếu bớt thì sẽ biến đổi chết mất, thành pháp sanh diệt; ngưng là gián đoạn cũng là pháp sanh diệt. Linh tri là Phật tánh luôn luôn khắp không gian thời gian.

Nếu Phật tánh có sanh diệt thành Phật cũng vô dụng, khỏi cần tu thành Phật làm gì! Phật tánh không sanh diệt, không thể bớt, không thể ngưng. Bây giờ, linh tri của mình cũng đang dùng, không gián đoạn, không ngưng, chỉ là mình không tự biết, mình phải tin như vậy.

Buổi đầu tiên tôi đi dạy lớp Hán Nôm tại Huệ Quang, những người đó chữ Hán đều giỏi. Tôi có dạy hai chữ: “Linh tri và vọng tri”. Linh tri là cửa vi diệu, vọng tri là cửa tai họa. Linh tri không nhờ lục căn, không nhờ ngoại cảnh, vì không gián đoạn. Lục căn và ngoại cảnh có sanh diệt, không sanh diệt thì không cần nhờ đến sanh diệt. Mục đích tham thiền dùng linh tri để thay thế vọng tri.

Hỏi:

Ngồi thiền dễ tham, đi kinh hành khó tham hơn, việc đó như thế nào?

Đáp:

Tham thiền trong tịnh có thể 3 tháng vào cửa, trong động phải 3 năm. Nhưng cũng có người lại khác, ở Việt Nam có nhiều người Phật tử nói với tôi: “Ngồi tham thiền không bằng chạy xe máy, đang chạy xe máy lại tham thiền dễ hơn”. Có người bị một chút động cũng không tham được, nên mỗi người mỗi khác.

Như Uất Đầu Lam Phát ngồi thiền dưới gốc cây nghe chim kêu chịu không nổi, gần bờ sông nghe cá lội cũng bực mình. Cho nên, ông giận nghĩ rằng: “Sau này làm chồn bay vào nước ăn cá, vào rừng ăn chim”. Chỉ nghĩ thoáng qua rồi quên, ông tu chứng phi tướng phi phi tướng, thọ 80.000 đại kiếp. Sau này hết tuổi thọ ông phải đầu thai làm chồn bay. Vậy tịnh trong thời gian ngắn có ăn nhằm gì!

Nhưng cuộc sống ở xã hội họ chán sự ồn ào, có cơ hội được tịnh, thấy tâm hồn yên ổn thì ham thích. Ngài Đại Huệ mắng các Thiền sư và các quan tu Mặc chiếu, vì lý do chán động cầu tịnh. Vì nghiêng về một bên nên gọi là tà thiền, ngài Đại Huệ thường bài xích Mặc chiếu là tà thiền.

Tào động là chánh tông, làm sao có thực hành theo Mặc chiếu tà thiên! Bây giờ, thiên của Nhật Bản bị biến thái là giải công án.

Hỏi:

Thế nào là lục thần thông?

Đáp:

Lục thần thông gồm có: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông. Lậu tận thông chỉ Phật Giáo mới có, tà ma và ngoại đạo đều không có. Tà ma và ngoại đạo chỉ có 5 thứ thần thông: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, và túc mạng thông.

Chánh văn:

V. MA THỨC ẨM

-A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, các tính sanh diệt lãng xăng chuyển động của thế gian bỗng được tan rã, các nghiệp báo luân hồi, sự cảm ứng vi tế như chỉ tơ gân được đoạn dứt, sắp được minh ngộ nơi cõi Niết Bàn, như gà gáy lần chót, trời bắt đầu rạng đông.

Lục căn hư tịnh, chẳng còn giống ruồi cảnh trần, trong ngoài trạm nhiên sáng suốt, cho đến nhập vô sở nhập: Thấu suốt cội gốc thọ mạng của 12 loại chúng sanh trong mười phương, chấp vào cái cội gốc đó, các loài chẳng đến với nhau, mà ở nơi mười phương đều đồng một cội gốc, sự phát hiện chỗ ẩn bí đó, như trời gần sáng mà chưa sáng, rạng đông kéo dài, đây gọi là phạm vi của Thức Âm.

Nếu ở chỗ đồng ấy, nhờ sức thiên định mài giũa lục căn, đến thấy nghe thông nhau, sự dụng của lục căn muốn hợp hay tách ra đều được tự do thành tựu, trong ngoài sáng suốt như lưu ly, gọi là thức âm hết, thì lúc ấy được siêu việt Mệnh Trục. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi Vọng Tượng (mường tượng) Hư Vô, Điên Đảo Vọng Tượng (5) làm gốc.

l. A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được hành âm, trở về chỗ cội gốc của Thức Âm, sanh diệt đã diệt mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, có thể khiến lục căn thông dụng lẫn nhau, cũng thông với cái giác tri của các loài trong mười phương, do sự thông dụng ấy mới được đi vào chỗ

cội gốc của Thức Âm. Nếu ở chỗ trở về mà lập cái nhân Chơn Thường, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Năng nhân, sở nhân", làm bạn với bọn ngoại đạo tóc vàng, nhận chỗ "căn bản của vô minh" làm nơi sở quy, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống ngoại đạo thứ nhất.

2. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở chỗ cội gốc của thức Âm, ôm làm tự thể của mình, cho tất cả 12 loại chúng sanh khắp hư không đều phát xuất từ thân ta, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Năng phi năng" (6), làm bạn với bọn ma dân hay hiện thân vô biên ở cõi Sắc giới, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh Đại Mạn Thiên, thành giống chấp ngã thiên viên thứ hai (thiên viên chưa được viên thông, chỉ có một nửa).

3. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi cội gốc của thức âm khởi tâm nương tựa, tự nghi thân tâm mình từ đó mà ra, mười phương hư không đều từ đó sanh khởi, bèn nhận chỗ đó là cái thể chơn thường, là nơi chẳng sanh diệt. Ở chỗ sanh diệt chấp là thường trụ, chẳng những chẳng thấy tánh chơn bất sanh diệt, mà còn nhận lầm tánh sanh diệt hiện tại, an trụ tại chỗ mê lầm này, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "thường phi thường", làm bạn với bọn ở cõi trời Tự Tại Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm nhân y (cái nhân nương tựa) thành cái quả vọng kế (vọng chấp thường trụ), trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn thành giống điên đảo viên thông thứ ba (nói viên thông mà chưa được viên thông).

4. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi sở tri, kiến lập tri giải, cho các loài cây cỏ mười phương đều gọi là hữu tình, với người chẳng khác; cây cỏ làm người, người chết rồi lại thành cây cỏ, cho đến loài vô tình đều có sự giác tri, hữu tình vô tình chẳng có phân biệt, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Tri vô tri", làm bạn với hai thứ ngoại đạo Bà Tra và Tiệt Ni, chấp tất cả đều có sự giác tri, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm viên tri, thành cái quả hư vọng, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Điên Đảo Tri thứ tư.

5. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi lục căn dung thông lẫn nhau đã được tùy thuận vô ngại, rồi nương theo viên dung này, cho là tứ đại hay biến hóa tất cả, nên từ nơi tứ đại ham cầu tánh sáng suốt của hỏa; thích tánh trong sạch của thủy; ưa tánh chu lưu của phong, quán tánh thành tựu của trần, mỗi mỗi đều tôn sùng, lấy các trần ấy nhận làm bản nhân, chấp cho là thường trụ, thì bị đọa vào cái chấp "Sanh vô Sanh", làm bạn với bọn ngoại đạo Ca Diếp Ba và Bà La Môn, siêng tâm ép xác, thờ lửa thờ nước để cầu được ra khỏi sanh tử, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước, thờ phụng, mê tâm theo vật, lập cái nhân vọng cầu, cầu cái quả vọng mong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống của tạo hóa điên đảo thứ năm.

6. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở trong viên minh chấp là hư vô, bác bỏ các sự tạo hóa, lấy cái vĩnh diệt làm chỗ quy y, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp "Quy vô quy" (cho vô quy là Quy), làm bạn với bọn Thuần Nhã Đa (thần hư không) ở cõi Vô Tướng Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp cái tâm hư vô thành quả Không Vong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống đoạn diệt thứ sáu.

7. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi viên thường sanh lòng cứng cố cái thân này, cho là thường trụ đồng với tánh ấy, mãi không tiêu diệt, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp "Tham phi tham" (7), làm bạn với bọn A Tư Đà (chẳng ai bằng), tham cầu trường thọ, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước mạng căn, lập cái nhân cố vọng (kiên cố cái vọng thân), cầu quả thường trụ, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống vọng diên thứ bảy (vọng diên: Vọng muốn kéo dài).

8. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, xét thức âm là mạng căn của các loài dung thông lẫn nhau, bỗng sợ tiêu diệt, muốn giữ lại trần lao, bèn ở chỗ đó ngồi cung liên hoa, hóa ra rất nhiều châu báu và mỹ nữ, buông lung tâm mình, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp "chơn vô chơn" (cho vô chơn là chơn), làm bạn với cõi Tha Hóa Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là phát cái nhân tà tướng, lập quả trần lao hưng thịnh, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống thiên ma thứ tám.

9. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông. Ở trong nguồn gốc của thức ám, khởi tâm phân biệt tinh, thô, chơn, ngụy, nhân quả trả nhau, chỉ cầu sự cảm ứng, trái ngược đạo thanh tịnh, chấp cái khổ, tập, diệt, đạo của Tứ Thánh Đế, cho là đến chỗ diệt rồi là xong, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Thanh Văn, làm bạn với kẻ tăng thượng mạn như Tỳ Kheo Vô Văn, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm cảm ứng tinh vi, thành quả tịch diệt, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Triền Không thứ chín (Triền Không: Bị ràng buộc ở chỗ Không).

10. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, ở nơi tánh giác minh, viên dung thanh tịnh, truy cứu sự thâm diệu, bèn chấp đó là Niết Bàn, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Bích Chi, làm bạn với những người Duyên Giác và Độc Giác, chẳng biết hồi tâm hướng về Đại Thừa, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm âm thầm hợp với viên giác (8), thành cái quả trạm minh, trái xa viên-thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh cái giác viên minh, thành giống Bất Hóa Viên thứ mười (Bất Hóa Viên: Chấp vào nơi viên mà chẳng thể hóa giải được).
-A Nan! Mười thứ cảnh giới thiền định trên, giữa chừng thành điên, là do nương theo mê hoặc, ở nơi chưa cứu cánh chấp cho là đủ, ấy đều do thức ám với dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này hiện tiền, mỗi mỗi đều dùng tâm mê chấp những tập quán ưa thích cũ của mình, cho là cứu cánh mà ngừng nghỉ tại đó, tự nói đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ, lạc vào tà ma ngoại đạo, khi hết nghiệp báo chiêu cảm, bị đọa ngục A Tỳ, còn hàng Thanh Văn Duyên Giác thì chẳng cầu tiến thêm. Các người đã phát tâm theo đạo Như Lai, sau khi ta nhập diệt, nơi thời mạt pháp, phải đem pháp môn này truyền dạy cho đời sau, khiến tất cả chúng sanh đều rõ biết nghĩa này, chớ để cho kiến ma (tự chấp tri kiến của mình thành ma), tạo nghiệp chìm đắm, hộ trì cho họ dứt bỏ tà duyên, khiến thân tâm họ nhập tri kiến Phật, từ bắt đầu đến khi thành tựu chẳng bị lạc đường.

Giảng giải:

Thức là phân biệt, tức mình có cho là thành phân biệt. Trí không phân biệt, cho nên chuyển thức thành trí. Pháp Bảo Đàn nói: “Chuyển tám thức thành tứ trí, chuyển 5 thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) là Thành Sở Tác Trí, chuyển thức thứ 6 thành Diệu Quan Sát Trí, chuyển thức thứ 7 thành Bình Đẳng

Tánh Trí, chuyển thức thứ 8 thành Đại Viên Cảnh Trí”. Chuyển được 8 thức thành tứ trí thì kiến tánh, tức là tự do không có gì trói buộc.

Pháp Bảo Đàn nói: “Thức thứ 6 và thức thứ 7 trong nhân chuyển, 5 thức trước và thức thứ 8 là quả chuyển”. Tức là chỉ cần chuyển thức thứ 6 và thức thứ 7. Thức thứ 7 ngày đêm không ngừng chấp ngã, nếu chuyển thức thứ 7 thành Bình Đẳng Tánh Trí thì hết chấp ngã; tất cả đều bằng nhau không có ta với người, thì lục căn cũng chuyển, thức thứ 8 chuyển luôn.

Thức thứ 8 là vô ký chẳng che lấp, thức thứ 7 là vô ký có che lấp, có che lấp vì chấp ngã. Thức thứ 8 nhận chứa chủng tử thiện ác và vô ký. Do không phân biệt chấp trước thành ra không che lấp, thức thứ 7 truyền cho thức thứ 6 dẫn 5 thức trước thi hành, rồi tạo nghiệp thiện ác thì có chủng tử thiện ác. Chủng tử thiện ác được thức thứ 7 truyền vô chứa trong thức thứ 8. Chủng tử thiện ác chín mùi thì thức thứ 7 đem ra cho thức thứ 6 cùng 5 thức trước để thi hành.

Nếu 8 thức được chuyển thành tứ trí là bỗng lai không phân biệt, tất cả y như cũ, không thêm cái ngã vô, tức không có cho là, có cho là thì đem ý kiến của mình vô. Cho là có hay là cho là không, cho là đúng hay cho là sai, đều là ý kiến vọng tưởng của mình. Các vị thượng căn thì chỉ ở trong thể lưu bố tướng không sanh ra trước tướng. Cho nên, không dùng thức để phân biệt cho là vậy mới đúng, cho là cái này có, cho là cái kia không. Tức không dùng 2 chữ “cho là”.

Cho nên, tham thoại đầu chưa có niệm khởi, tức không có 2 chữ “cho là”. Nếu có 2 chữ “cho là” không phải thoại đầu, như vậy rất là gián dị; tại thói quen lâu đời cứ cho là, muốn phân biệt thành ra cho là khó. Cho là khó cũng là cho là, cho là dễ cũng cho là. Sự thật, pháp không có khó dễ, cho là khó mới thành khó, cho là dễ mới thành dễ.

Ông người Mỹ trước kia chưa tham thiền, ông có học thiền ngoại đạo nên cũng có căn bản; tuy nghe tôi giảng, ông cũng tiếp thu được. Như Tánh Không sẵn có, không thêm tư tưởng mình vô; cái không ngoại đạo tu sai lầm, họ cũng nói Phật Giáo tu sai lầm.

Cái không của ngoại đạo là do tư tưởng làm thành, như cái không của tách, cái không của nhà, cái không của bình,... Cái không đó là do tạo tác mà thành, như cất cái nhà thì dùng cái không sẵn sẵn; nếu đem đồ vật trong nhà bỏ (bỏ vọng tưởng), thì căn nhà trống rỗng thành cái không.

Không sẵn sàng khỏi cần bỏ, đồ vật trong đó vẫn là không; tất cả núi sông đất đai ở trong không mà sanh diệt, đối với không chẳng có ảnh hưởng. Mà tự đem đồ đạc vô trong nhà, rồi dọn ra bỏ ngoài, được cái không của cái nhà; cái nhà trống rỗng là do ngoài đạo tạo tác thành, chứ không phải cái không sẵn sàng.

Có người nói dẹp hết vọng tưởng thành cái không đó, thì cũng giống như ngoại đạo, còn cái không sẵn sàng chẳng có chương ngại. Núi sông đất đai nhà cửa cây cối đều là sanh diệt trong cái không này, tất cả nhờ cái không này mà hiện ra cái dụng; nhưng cái không chẳng động không nổi lên ý cho là cái này đúng, cái kia không đúng.

Tức là không có một ý niệm gì hết, mà hiển bày cái dụng, dùng cái gì cũng được, vì tất cả dùng đều chẳng lìa cái không này. Bây giờ, đem cái không này tạo thành cái không của tách, cái không của bình; rồi giải thích cái không của tách khác cái không của bình, giải thích thấy cũng có lý, nhưng đều không phải cái không của bản lai. Không của bản lai chẳng có gì không thêm một cái gì vô, cũng không bớt một cái gì ra, nó cứ y như vậy.

Nếu đem cái này cái kia để dẹp mới được thì dẹp cách nào cũng không được, như kinh nói: Lúc hỏa tai thì đại thiên thế giới đều bị cháy thành tro.

Thiền sư hỏi vị Giáo môn: Đến lúc hỏa tai thì tất cả vũ trụ thế giới đều cháy hết phải không?

Vị Giáo môn đáp: Phải

Thiền sư hỏi: Cháy hết rồi còn lại tro tàn để ở đâu?

Vị Giáo môn không trả lời được.

Vì vậy, chấp thật thì có mâu thuẫn, như con sâu dếp cỏ là con khoảnh rất nhỏ, chỉ là đơn tế bào, từ con đầu tiên tới đời 90, thể tích nó thành 1 thước khối, tới đời 130 thì thể tích bằng quả đất, chỉ có trải qua 130 ngày, nếu thêm 1 ngày thì 2 quả đất, thêm 1 ngày nữa thì 4 quả đất. Chỉ là 1 con khoảnh rất nhỏ trải qua 130 ngày thì quả đất chứa không nổi, còn mấy cái kia như: Con người chết, các con thú chết thì chứa ở đâu? Thành ra vị Thiền sư hỏi vị giáo môn trả lời không được, vì chấp lời Phật là chân thật.

Cho nên, Phật rất sợ người ta chấp lời của Phật là chân thật. Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm: “Phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật”. Kinh Kim

Cang nói: “Tôi thuyết pháp 49 năm chưa từng nói một chữ”, vì nói không được. Bạch tịnh thức rất vi tế, nên Phật không muốn khai giảng, vì sợ người ta chấp thật. Những người thông minh cứ đem tư tưởng vô cho là của mình. Mình không dùng tư tưởng gì được!

Địa cầu mình đang ở trong một tiểu thế giới là Nam Thiệm Bộ Châu, cùng 3 châu khác tổ chức thành một tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới gọi là tiểu thiên thế giới, thì bằng bốn ngàn địa cầu. Tiểu thiên thế giới này, nhân thêm một ngàn nữa là trung thiên thế giới, rồi trung thiên thế giới nhân thêm một ngàn nữa, gọi là đại thiên thế giới, rồi đại thiên đó nhân với nhau, gọi là tam thiên đại thế giới, tức là một cõi Phật.

Chúng quả A La Hán thấy được tất cả tam thiên đại thế giới, ngoài tam thiên đại thế giới thì không thấy. Bồ Tát thấy nhiều tam thiên đại thế giới, cho đến vi trần thế giới, nhưng vẫn còn số lượng. Đó là thiên nhãn thông. Thiên nhĩ thông cũng vậy. Thần túc thông là bay. Ngoại đạo tà ma đều bay được, cho đến Tiểu thừa cũng bay được, còn Đại thừa đã hiện được thần thông của tự tánh thì khỏi cần bay.

Như Tổ Đạt Ma muốn đi đến chỗ nào chỉ nổi ý lên thì hiện ngay đó, nếu muốn hiện một lượt nhiều chỗ cũng được. Như Phật Thích Ca hiện lên một lượt thiên bá ức hóa thân ở cả tỷ thế giới, đồng thời thuyết pháp, tên họ hiệu Phật đều khác nhau.

Vì bản thể của tâm cùng khắp không gian, muốn hiện chỗ nào cũng được. Nhưng ngoại đạo chỉ có năm thần thông, không có lậu tận thông. A La Hán thêm lậu tận thông, tức là hết tập khí phiền não, tự nhiên có thần thông. Còn Đại thừa thì vô lượng vô biên, làm cái gì cũng được, gọi là chánh biến tri.

Hỏi:

Sau khi kiến tánh, nhập thất để thanh lọc tập khí, vậy căn nào được thanh lọc trước thì căn đó có thần thông trước phải không?

Đáp:

Phải rồi, dứt trừ tập khí đến mức nào thì thần thông hiện đến đó. Như Trương Bảo Thắng 37 tuổi, cái thông của y mà nhà khoa học có dùng máy gì cũng không biết được. Có người được tha tâm thông không biết lái xe, người ấy dùng cái biết lái xe của người khác thì cũng lái xe được; người ấy không

biết computer, nhưng dùng cái biết computer của người khác thì cũng sử dụng computer được. Người này đang làm việc ở viện khoa học Bắc Kinh.

Hỏi:

Người có thần thông mà ngã mạn thì thế nào?

Đáp:

Họ có tu mới được thần thông đó, làm sao có ngã mạn! Nếu ngã mạn thì hết thần thông. Như một người có dùng thần thông đến hoàng cung, khi đánh lễ vua đụng chân cung nữ, nổi niệm ưa thích thì mất thần thông, khi về phải đi bộ. Cho nên, phải tâm trong sạch thì thần thông mới hiện.

Chánh văn:

-Chư Phật trong quá khứ hằng sa kiếp đều nhờ pháp môn này mà khai ngộ, thành đạo Vô Thượng. Nếu dứt được thức ám rồi thì lục căn của các người hỗ dụng lẫn nhau, do hỗ dụng này được vào cấp bậc Kim Cang Càn Huệ Bồ Tát, ở trong đó phát khởi chơn trí, trong suốt như mặt trăng ở trong ngọc lưu ly, từ đó cho đến siêu việt thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh và Kim Cang thập địa, Đẳng Giác viên minh vào trong biển Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, Bồ Đề viên mãn, quy về Vô Sở Đắc.

-Đây là những ma vi tế trong lúc tu tập thiền định mà chư Phật đã giác ngộ từ đời quá khứ, cảnh ma hiện tiền, các người nhận biết được liền tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình, chẳng lọt vào tà kiến, thì ám ma tiêu diệt, thiên ma vỡ nát, đại lực quỷ thần hoảng sợ chạy trốn. Các loại yêu tinh ly mê chẳng còn sanh ra, những căn hạ liệt cũng được tinh tấn, tâm chẳng mê lầm nơi Đại Niết Bàn, thẳng đến Bồ Đề, chẳng gì thiếu sót.

-Nếu các chúng sanh ngu độn trong đời mạt pháp chưa hiểu Thiên Na, chẳng biết Phật pháp mà ưa tu tam muội, e họ mắc phải tà kiến, nên một lòng khuyên họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của ta; nếu chưa thể tụng trì, thì viết nơi thiền đường, hoặc đeo trong thân, như thế, tất cả tà ma đều chẳng động đến được. Người nên kính vâng lời dạy sau cùng về đường tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

A Nan nghe Phật dạy bảo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ chẳng sót, lại bạch Phật rằng:

-Như lời Phật dạy, trong tướng ngũ ấm, năm thứ hư vọng vốn là bản tâm, chúng con bình thường chưa được Như Lai khai thị tỳ mỷ như thế. Lại ngũ ấm này là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà diệt trừ? Năm lớp này đến đâu là bờ bến? Xin Như Lai phát lòng đại từ, khiến tâm và mắt của đại chúng được trong sáng, và làm đạo nhãn tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp.

Phật bảo A Nan:

-Diệu tâm sáng tỏ, bốn giác trong sạch, vốn chẳng có sanh tử và những trần cấu, tất cả chúng sanh, cho đến hư không, đều do vọng tưởng mà sanh khởi. Cái bốn giác vốn sáng tỏ trong sạch này, vọng sanh các tướng thế gian, như Diễm Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng. Vọng vốn chẳng nhân, lại nơi vọng tưởng lập tánh nhân duyên, kẻ mê nhân duyên cho là tự nhiên, thật ra, tánh hư không còn là huyền hóa, nhân duyên và tự nhiên đều do vọng tâm của chúng sanh tạo thành.

-A Nan, biết chỗ vọng khởi, thì nói vọng duyên, nếu vọng vốn không, thì các vọng nhân duyên vốn chẳng thể có, huống là chẳng biết lại cho là tự nhiên. Vì thế, Như Lai phát minh: Bản nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

-Thân người trước tiên, do niệm tưởng của cha mẹ sanh ra, tâm người nếu chẳng có niệm tưởng thì chẳng thể đến hợp với tướng của cha mẹ mà thọ sanh. Như trước ta đã nói, tướng tượng vị chua thì tiết ra nước miếng, tướng tượng leo dốc thì lòng bàn chân ghê rợn, dốc cao chẳng có, vật chua chưa đến, thân người nếu chẳng cùng loại với hư vọng thì làm sao nghe nói chua lại tiết ra nước miếng? Nên biết sắc thân hiện tiền của người, gọi là Kiên Cố Vọng Tướng thứ nhất.

Như trên đã nói, tướng tượng leo dốc thì khiến thân thật chịu ghê rợn; vì cái nhân niệm tưởng cảm thọ, lay động sắc thân, nay trước mắt người ham thuận chán nghịch, hai hiện tượng này giao tranh với nhau, gọi là Hư Minh Vọng Tướng thứ hai.

-Bởi do niệm tưởng sai khiến sắc thân; nếu sắc thân với niệm tưởng chẳng cùng loại, thì tại sao thân người lại theo niệm tưởng sai khiến? Đủ thứ hiện tượng tương ứng với niệm tưởng, hễ tâm sanh thì thân nhận, lúc thức là niệm tưởng, lúc ngủ thành chiêm bao. Vậy thì niệm tưởng của người lay động vọng tình, gọi là Dung Thông Vọng Tướng thứ ba.

-Lý tạo hóa chẳng ngừng, âm thầm dời đổi, móng dài, tóc mọc, sức mòn, hình nhẵn, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết.

-A Nan, ấy nếu chẳng phải là người, thì tại sao thân người lại dời đổi? Nếu ắt phải là người, thì sao người lại chẳng hay biết? Vậy thì, hành âm của người niệm niệm chẳng ngừng, gọi là U Ân Vọng Tướng thứ tư.

-Lại, chỗ tánh thức trong lặng chẳng lay động của người, cho là thường còn ấy, ở nơi thân người chẳng ra ngoài Kiến, Văn, Giác, Tri, nếu cho là chơn thật, thì chẳng thể huân tập sự vọng, tại sao các người đã từng xem một vật lạ từ năm xưa, trải qua nhiều năm, nhớ quên chẳng còn; về sau bỗng thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng, chưa từng lạc mất?

-Vậy nơi tánh thức trong lặng chẳng lay động này, đâu có suy tính, mà niệm niệm chịu sự huân tập! A Nan nên biết, tánh trong lặng này chẳng thật, như dòng nước chảy gấp, trông như tịch lặng, ấy là vì chảy gấp mà chẳng thấy, chứ chẳng phải không chảy; nếu chẳng phải là cội gốc của niệm tướng, thì đâu thể huân tập sự vọng? Nếu lục căn chưa được hỗ dụng tự tại, thì vọng tướng này chẳng bao giờ diệt trừ được.

-Vậy nên hiện nay cái Kiến, Văn, Giác, Tri của người, hòa hợp với tập khí vi tế, thành mười tám vọng tướng hư vô nơi tánh Tràm Liễu, gọi là tướng vi tế của Diên Đảo Vọng Tướng thứ năm.

-A Nan! Ngũ âm này do năm thứ vọng tướng kể trên mà thành.

-Nay người muốn biết bờ bến sâu cạn, thì Sắc với Không là bờ bến của Sắc Âm; Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Âm; Nhớ với Quên là bờ bến của Tưởng Âm, Diệt với Sinh là bờ bến của Hành Âm; Tràm nhập hợp Tràm, là bờ bến của Thức Âm.

Giải thích:

Chư Phật quá khứ hằng sa kiếp đều nhờ pháp môn này mà khai ngộ, thành đạo vô thượng (pháp Tổ Sư thiên là giáo ngoại biệt truyền không có trong này). Nếu dứt được thức âm thì lục căn các người được hỗ dụng lẫn nhau.

Như Quán Thế Âm, âm là âm thanh dùng nghe mới phải, lại dùng quán (xem), tức là dùng mắt để nghe, gọi là lục căn hỗ dụng. Trương Bảo Thắng dùng ý niệm xem và một cô gái dùng tai nhìn chữ. Nếu mình tu đến mức nào thì dụng tự tánh hiện lên mức ấy, là mắt có thể nghe, tai có thể thấy. Lục căn

không phải 6 thứ, mà chỉ một thứ. Vì chấp thật nên mắt thấy, tai nghe; đến chừng tu đắc đạo thì tai thấy mắt nghe, lục căn hỗ dụng lẫn nhau.

Do hỗ dụng này được vào cấp bậc Kim Cang Càng Huệ Bồ Tát, ở trong đó phát khởi chơn khí (chơn khí này là trong tâm mình có sẵn, nhưng do tu hành khi dứt tập khí rồi thì nó tự phát khởi lên), trong suốt như mặt trăng ở trong ngọc lưu ly (đáng lẽ không hình tướng, nhưng dùng lời nói để diễn tả cho mình tin phần nào), từ đó cho đến siêu việt Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh và Thập Địa.

Thập Tín có 10 cấp, Thập Trụ có 10 cấp, Thập Hạnh có 10 cấp, Thập Hồi Hướng có 10 cấp, Thập Địa có 10 cấp, Tứ Gia Hạnh có 4 cấp và Càn Huệ, Đẳng Giác, Diệu Giác, tổng cộng là 57 cấp. Như các kinh khác thông thường chỉ có 52 cấp.

Đẳng Giác viên minh, vào trong biển diệu trang nghiêm của Như Lai, viên mãn Bồ Đề quy về vô sở đắc.

Tại sao chứng Diệu Giác mà vô sở đắc? Vì tất cả đều sẵn có. Mặc dầu, mình là chúng sanh, nhưng đã sẵn có tất cả thân thông trí huệ bằng như chư Phật, không kém một chút nào cả. Cho nên nói: “Hiện hành vô minh của chúng sanh, tức là bất động trí của chư Phật”. Người ta nói: Vậy khó hiểu quá! Bây giờ mình đang hiện hành vô minh, mà nói là bất động trí của chư Phật, làm sao chứng tỏ? Một Thiên sư nói: Dễ chứng tỏ lắm! Lúc ấy chú tiểu đang quét nhà, Thiên sư gọi chú tiểu, chú tiểu ngó lại.

Thiên sư nói: Bất động trí đó!

Rồi hỏi: Thế nào là Phật tánh?

Chú tiểu ngơ ngác, ngó qua ngó lại rồi bỏ đi.

Thiên sư nói: Hiện hành vô minh đó!

Đến chừng mình ngộ thì biết, bây giờ vô minh hiện hành, nhưng bất động trí không mất. Cho nên, chứng tới viên mãn cũng là vô sở đắc, tức là không có đắc cái gì, vì mình sẵn có. Vì thế, mình tu đến mức nào thì hiện cái dụng mức đó.

Hỏi:

Dụng của tự tánh khác với phản xạ như thế nào?

Đáp:

Phản xạ khác dụng của tự tánh, như gió bay bụi thì tự nhiên có phản xạ làm con mắt nhắm lại rất mau, như tay mình đụng đến chỗ nóng thì tự nhiên rút lại. Ấy không phải tự tánh là dụng của tự tánh.

Tất cả phản xạ đều là dụng của tự tánh, như mình đang nói chuyện là dụng của tự tánh; tức lục căn là dụng của tự tánh. Tất cả không ngoài tự tánh, nên nói là bất nhị. Thể của tự tánh khắp không gian thời gian. Như những hạt nguyên tử của cái bàn đang xoay là dụng của tự tánh, cũng là tâm tạo thành.

Loài cây bắt động vật để ăn thịt, tưởng là hữu tình; sau biết là vô tình, như cái máy không có tình cảm. Tôi dùng thẻ đưa vào máy điện toán, nó hỏi tôi bỏ vô hay rút ra? Tôi nói rút ra, nó hỏi rút bao nhiêu? Tôi nói rút 20 thì nó đếm 20, tôi rút 100 thì nó đếm 100. Nó biết đếm biết nhớ, cho biên nhận nói tôi trước kia có 1.000, rút hết 100 còn 900.

Không thể nói cái máy là hữu tình được! Vì làm nhiều việc hơn loài cây ăn động vật. Nhưng không có tình cảm, chỉ là cái máy. Cây ăn động vật, giống như cái máy không có tình cảm. Bây giờ máy điện toán chứng tỏ rõ ràng.

Hỏi:

Người đàn bà có tài giác quan thứ 6, việc ấy phải là tự tánh không?

Đáp:

Giác quan thứ 6 thì người nào cũng có, chỉ là không hiện ra thôi; không những là giác quan thứ 6, mà giác quan thứ 7, thứ 8 thứ 9, vô lượng vô biên, vì siêu việt số lượng. Nhà khoa học có ngũ căn và giác quan thứ 6, thứ 7 thì ở trong số lượng.

Nhưng vô lượng vô biên mà máy điện toán chứng tỏ được, không cần Trương Bảo Thắng chứng tỏ. Nhà khoa học chỉ lấy một bộ phận của bộ óc để tạo ra cái máy điện toán.

Hỏi:

Có sự quyết định điều gì thì ấy có phải tự tánh không?

Đáp:

Bất cứ cái gì không ngoài tự tánh, nhưng qua bộ óc thì chia làm 3 tánh: Thiện, ác và vô ký (không thiện, không ác), đó là do bộ óc chủ trương. Nhưng phải có tự tánh mới chủ trương được, nguồn gốc là tự tánh, nhưng qua bộ óc thì mỗi người mỗi khác.

Tự tánh không khác, như tự tánh ánh sáng của mỗi cây đèn không khác; bao nhiêu cây đèn đều cùng chung một ánh sáng, nhưng mỗi cây đèn đều khác. Cây đèn này với cây đèn kia thắp ra ánh sáng khác nhau, nhưng chung một ánh sáng không khác. Không thể chỉ ra ánh sáng này thuộc cây đèn này, ánh sáng kia thuộc cây đèn kia.

Hỏi:

Linh tánh có phải tự tánh không?

Đáp:

Linh tánh không phải tự tánh, nhưng đều do tự tánh mới có thể dùng ra mới thấy được, tức là qua bộ óc có đủ sai biệt, nếu không qua bộ óc thì bất nhị không có sai biệt.

-Phản xạ là dụng của tự tánh, nhưng dụng nhất thời phải không?

-Dụng tự tánh hiện hành không qua bộ óc, gọi là Bát Nhã. Bây giờ, dụng tự tánh không hiện hành mà phải qua nghiệp cảm của mỗi người có trí ngu khác nhau. Nhưng nguồn gốc là tự tánh, khi qua bộ óc suy tư cho là cái này đúng cái kia sai. Tự tánh không có đúng sai, không có tương đối.

Hỏi:

Những người lái xe chạy nhanh lòn lách rất hay, việc ấy có phải tự tánh không?

Đáp:

Việc ấy là hiện ra dụng của tự tánh, ở Việt Nam cũng có người làm được; lúc đang tham thiền phát khởi nghi tình không thấy xe cộ, nhưng tránh được ổ gà và cục đá lớn trên đường, nhưng họ không biết.

Hỏi:

Trường hợp nào có nghi tình và không nghi tình?

Đáp:

Biết có nghi tình tức không có nghi tình, vì nghi tình là không hiểu không biết; nếu đã biết thì không phải nghi tình, biết là có ý niệm nổi lên. Thoại đầu là chưa có ý niệm nổi lên, biết là nhờ ý niệm mới biết được; nếu không có ý niệm nổi lên, lấy cái gì để biết?

Có nghi tình là hoàn toàn không biết mới gọi là tham thiền. Nếu biết mình tiến bộ, biết có nghi tình thì không phải nghi tình. Bây giờ, nhiều người niệm thoại đầu, tức là tham thoại vủ; tự cho không biết, nhưng sự thật là biết. Vì lấy câu thoại làm mục tiêu, chứ không phải lấy thoại đầu làm mục tiêu. Thoại đầu là chỗ chưa có niệm, còn câu thoại thì có niệm. Cho nên, ngài Hư Vân nói: Tham thoại vủ chứ không phải tham thoại đầu.

Những người có tập khí nặng khó khởi nghi tình, nên tôi nói “phải nhìn”; tức là vừa nhìn vừa hỏi để giữ được nghi tình. Nếu hỏi hình như có, mới hỏi dứt thì hết, giữ nghi tình không được lâu; còn nhìn được thì giữ nghi tình kéo dài. Mình đừng biết tới, cứ dùng công phu tinh tấn cũng tham, không tinh tấn cũng tham, biết cũng tham không biết cũng tham; đừng dùng 2 chữ “cho là”, nếu dùng 2 chữ “cho là” tức có ý niệm nổi lên thì không phải thoại đầu.

Nếu mình cho là làm sao thì không đúng, thuộc về vọng tưởng, hay cho là chân lý đúng theo lời Phật nói cũng là vọng tưởng, vì có cho là.

Hỏi:

Có phải mình dùng kiến tinh để khán không?

Đáp:

Phải dùng kiến tinh để khán, chứ không phải dùng con mắt để khán; bởi vì con mắt sau này chết biến thành tro biến thành đất, còn kiến tinh không thể biến thành tro biến thành đất. Kiến tinh tồn tại vĩnh viễn là dụng của tự tánh. Công phu mình đến mức nào thì hiện ra cái dụng mức ấy.

-Đây là những ma sự vi tế trong lúc tu tập thiền định mà chư Phật đã giác ngộ từ đời quá khứ, cảnh ma hiện tiền, các người nhận biết được liền tẩy trừ

tâm cầu nhiễm của mình, chẳng lọt vào tà kiến thì ám ma tiêu diệt, thiên ma vỡ nát, đại lực quý thần hoảng sợ chạy trốn. Các loài yêu tinh ly mỹ chẳng còn sanh ra, những căn hạ liệt cũng được tinh tấn, tâm chẳng mê lầm nơi Đại Niết Bàn, thẳng đến Bồ Đề, chẳng gì thiếu sót.

Trong Giáo môn có nói 50 thứ ma ngũ ám, nếu mình biết thì đừng để ý tới thì ma không có thể làm gì được, nếu chấp thật là lọt vào tà.

-Nếu các chúng sanh ngu độn trong đời mạt pháp chưa hiểu thiên na.

Thiên na thuộc về trung quán là không nghiêng bên có, cũng không nghiêng bên không, không nghiêng bên động, cũng không nghiêng bên tịnh; có người cho là có, cho là không, đều không phải là thiên na.

Chẳng biết Phật pháp là ưa tu tam muội, e họ mắc phải tà kiến nên một lòng khuyên họ trì chú Phật danh đà la Ni của ta (chú Lăng Nghiêm dịch là thuần trắng chẳng ô nhiễm, mỗi sáng chùa hay tụng).

Nếu chưa thể tụng trì thì viết nơi thiên đường, hoặc đeo trong thân, như thế, tất cả tà ma đều chẳng động đến được, người nên kính vâng lời dạy sau cùng về đường tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

Trong kinh nói vậy, nhưng nhiều người chấp thật, tưởng chỉ cần đeo chú Lăng Nghiêm trong mình. Nhưng trong này nói: “Chính mình phải giữ giới trong sạch, việc ấy là điều thứ nhất thì chú mới có công hiệu”. Nếu mình phá giới làm bậy bạ thì chú đó có treo nhiều chỗ cũng không công hiệu, cho đến mình tụng cũng không công hiệu.

Hỏi:

Nếu giữ giới đàng hoàng thì khỏi cần trì chú phải không?

Đáp:

Phải rồi, trong Hư Vân Niên Phổ nói: Có một con mãng xà độc, 500 vị A La Hán dùng thần thông đuổi không đi. Một Tăng giữ giới trong sạch nói với mãng xà rằng: “Xin người rời khỏi chỗ này” thì nó liền đi khỏi, vị Tăng không dùng thần thông.

Hỏi:

Việc cầu mưa xuống, vậy có thật không?

Đáp:

Có thật, việc đó ngoại đạo tà ma làm được, trong này ma ngữ âm có nhiều thần thông rất hay. Bây giờ, có người được một chút thần thông cho là kiến tánh, so với ma thì người đó còn kém nhiều không bằng ma. Cho nên, Thiên tông không chú trọng thần thông, vì thần thông ai cũng sẵn có, chỉ cần tu đúng thì nó hiện.

-A Nan nghe lời Phật dạy bảo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ chẳng sót, lại bạch Phật rằng:

-Nhu lời Phật nói, trong tướng ngữ âm, năm thứ hư vọng vốn là bản tâm, chúng con bình thường chưa được Như Lai khai thị tỳ mỷ như thế. Lại ngữ âm này tiêu trừ một lượt hay theo thứ tự mà diệt trừ? Năm lớp này đến đâu là bờ bến? Xin Như Lai phát lòng đại từ, khiến tâm và mắt của đại chúng được trong sáng, và làm đạo nhân tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp.

Phật bảo A Nan:

-Diệu tâm sáng tỏ bốn giác trong sạch, vốn chẳng có sanh tử và những trần cấu.

Cha mẹ sanh ra là sanh, sau này già hay gặp tai nạn chết gọi là chết, nhưng Phật ở đây nói không sanh tử. Diệu tâm (Phật tánh) sáng tỏ, cũng là bốn giác trong sạch không vướng mắc sanh tử, thiện ác, có hay không, vì sanh tử là ô nhiễm. Cho nên, gọi là bốn giác trong sạch.

Tất cả chúng sanh, cho đến hư không đều do vọng tưởng mà sanh khởi.

Vũ trụ vạn vật, đất đai, mặt trăng, mặt trời,... cho đến hư không đều do vọng tâm tạo ra, gọi là vọng tưởng sanh khởi. Thiên tông nói: “Kiến tánh là đập bể hư không”, thì khái niệm không gian bị tẩy sạch. Không gian, thời gian, số lượng đều là vọng tưởng. Đến chừng kiến tánh triệt để, tập khí sạch thì vọng tưởng không có, gọi là đập bể hư không; tức là khái niệm không gian, thời gian và số lượng đều tiêu mất, lúc ấy được tự do tự tại.

Bây giờ, mình bị 3 khái niệm này trói buộc, không rời khỏi 3 khái niệm. Như tôi ngồi đây là chiếm chỗ không gian, tôi 72 tuổi, 72 là số lượng, tuổi là thời gian; 3 khái niệm này rút ra thì tôi làm sao ngồi đây được! Sự thật chỉ là 3 khái niệm vọng tưởng, chứ không có cái gì thật tế; nhưng ai cũng chấp 3 khái niệm này, thành ra mới có đủ thứ phiền não. Vì vậy, Phật ở đây nói trắng cho mình biết.

Cái bản giác vốn sáng tỏ trong sạch này, vọng sanh các tướng thế gian (các tướng thế gian đều do vọng tưởng, nhưng vọng tưởng cũng từ bản giác sáng tỏ mà sanh khởi), như Diễn Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng (Diễn Nhã Đạt Đa sáng thức dậy, soi gương thấy đầu mình đẹp quá tự mình không biết, tưởng là yêu mỹ, rồi tự phát điên bỏ chạy).

Vọng vốn chẳng nhân, lại nơi vọng lập tánh nhân duyên.

Vọng không có nhân, tại sao? Nếu có nhân thì không được gọi là vọng. Câu này Phật trả lời câu hỏi của Phú Lô Na. Nhưng các Pháp sư Giáo môn thuyết pháp đều nói là nhân duyên, chấp nhân duyên là thật. Nhưng nhân duyên cũng là do vọng tưởng sanh ra không thật.

Kẻ mê nhân duyên cho là nhân duyên, thật ra tánh hư không còn là huyền hóa, nhân duyên và tự nhiên của chúng sanh tạo thành cũng là huyền hóa (cho nên nhất thiết duy tâm tạo).

A Nan, biết chỗ vọng khởi thì nói chỗ vọng duyên, nếu vọng vốn không thì các vọng nhân duyên vốn chẳng thể có, huống là chẳng biết lại cho là tự nhiên. Vì thế, Như Lai phát minh: Bản nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Bây giờ, mình chấp thân ngũ ấm là thật, nên phải chịu đủ thứ phiền não đau khổ, cũng là tại mình, chứ không phải tại ai, không có ai cho mình.

Hỏi:

Có người Mỹ nói rằng: Chúng ta có nhà cao để ở, có xe tốt để đi, sao lại nói là không thật?

Đáp:

Họ được hưởng những thứ đó, là kiếp trước họ đã tạo ra cái nhân. Như bây giờ họ đem hoa cúng dường Phật thì họ được sắc đẹp, bố thí cho người khác

thì một được một; cúng dường Tam Bảo thì một được nhiều, như một hạt lúa làm nhân sanh ra nhiều hạt lúa.

Theo nhân quả thì tự mình phát tâm đem tiền của đến chùa, cúng dường cho tu sĩ đạo đức tốt có hồng pháp sẽ được quả phước, thí dụ quả là 1 triệu độ. Còn kêu gọi mà phát tâm để người đến lấy tiền ấy, sau này người kêu gọi phát tâm cũng được quả 1 triệu độ, nhưng phải đi tìm mới có, chứ không phải tự nhiên có. Nhưng tự mình cúng dường thì phước báo tự đến, chứ không đi tìm.

Người có nhà lầu xe hơi đều là nhân quá khứ, người ấy hưởng nhà lầu xe hơi, rồi còn hoài không! Già bệnh rồi chết, nhà lầu xe hơi rồi đổi chủ khác. Thân này đã không còn thì không phải huyễn là gì? Nó chỉ tạm thời tồn tại một thời gian là huyễn chứ không phải vĩnh viễn.

Phật tánh vĩnh viễn không phải huyễn. Thân này là huyễn rồi sẽ chết, nhưng đang sống mặt mũi cũng thay đổi từng sát na. Từ nhỏ biến thành lớn, lớn biến thành già, già bệnh nhiều rồi chết. Nếu thân này là huyễn thì nhà lầu xe hơi cũng là huyễn. Nếu không có thân này làm sao hưởng nhà lầu xe hơi! Vậy tất cả đều là huyễn.

Như mấy hôm trước có 2 người dùng máy bay riêng của mình bay bị rớt xuống rồi chết, rớt xuống nhằm xe đi ngang làm cho người lái xe bị chết. Việc ấy là nghiệp nhân đã gieo từ kiếp trước. Đâu có ngờ, như vậy không phải huyễn hóa là gì? Họ đang hưởng, nhưng đến lúc chết thì phải chịu chết. Không có cái nào vĩnh viễn được, chỉ có tu tự mình làm chủ; tức là tâm mình mới thật sự vĩnh viễn, những cái huyễn hóa thì tạm thời một thời gian.

-Thân người trước tiên do niệm tưởng của cha mẹ sanh ra, tâm người chẳng có niệm tưởng thì chẳng thể đến hợp với tưởng của cha mẹ mà thọ sanh. Như trước ta đã nói, tưởng tượng vị chua thì tiết ra nước miếng, tưởng tượng leo dốc thì lòng chân ghê rợn; dốc cao chẳng có, vật chua chưa đến thân người nếu chẳng cùng loại với hư vọng thì làm sao nghe nói chua lại tiết ra nước miếng? Nên biết sắc thân hiện tiền của người, gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng thứ nhất.

-Như trên đã nói tưởng tượng leo dốc thì khiến thân chịu ghê rợn, vì cái nhân niệm tưởng cảm thọ, lay động sắc thân, nay trước mắt người ham thuận chán nghịch, hai hiện tượng này giao tranh với nhau, gọi là Hư Minh Vọng Tưởng thứ hai.

-Bởi do vọng tưởng sai khiến sắc thân, sắc thân với niệm tưởng chẳng cùng loại, thì sao thân người lại theo niệm tưởng sai khiến? Đủ thứ hiện tượng, tương ứng với niệm tưởng hể tâm sanh thì thân nhận, lúc thức là niệm tưởng, lúc ngủ là chiêm bao.

Chiêm bao do niệm tưởng biến hiện, độc đầu ý thức biến hiện là nhắm mắt chiêm bao, đồng thời ý thức biến hiện là mở mắt chiêm bao. Mình đang mở mắt chiêm bao, nhưng người ta không chịu nhìn nhận, chỉ cho nhắm mắt chiêm bao mới là chiêm bao. Tại sao?

Vì nhắm mắt chiêm bao, ngủ thẳng giấc thì thức dậy; thức dậy thì được tự chứng phần, chứng tỏ vừa rồi là chiêm bao.

Mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức, phải tham thiền mới tự thức; tham thiền đến chỗ kiến tánh được tự chứng phần, mới tin mở mắt chiêm bao cũng là chiêm bao. Chưa thức thì không tin, dù Phật giải thích có lý cũng không tin.

Vậy thì niệm tưởng của người lay động tình, gọi là Dung Thông Vọng Tưởng thứ ba.

-Lý tạo hóa chẳng ngừng, âm thầm dời đổi, móng dài, tóc mọc, sức mòn, hình nhão, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết. A Nan, ấy nếu chẳng phải là người thì sao người chẳng hay biết?

Bây giờ, mặt mũi của mình thay đổi mình chẳng hay, tóc mình đang dài mình không biết, nhưng nó đang thay đổi không có phút nào ngưng.

Hỏi:

Tại sao những người chết, móng tay và râu tóc vẫn cứ dài ra?

Đáp:

Vì còn chất dinh dưỡng trong cơ thể thì nó còn dài ra. Như ngài Huệ Trì là em của sơ tổ Tịnh Độ, nhập định hơn 700 năm, tóc ra dài quấn cả thân mình. Ngài không ăn uống, máu ngưng chảy, tim ngừng đập. Theo bác sĩ cho như vậy là chết rồi, nhưng người nhập định không phải chết. Người chết thì bộ óc phải hư trước, mấy cái khác cũng hư theo.

Nhập định thì bộ óc ngưng làm việc mà không chết, nên khởi cần chất dưỡng khí để cung cấp. Không cần ăn thì bao tử và ruột cũng không làm việc. Vì có chất dinh dưỡng làm cho máu lưu thông đến các bộ phận, chỗ nào cũng không cần thì máu ngưng chạy. Máu chạy là nhờ trái tim đập, nếu không cần nữa thì trái tim cũng ngưng. Tất cả đều ngưng, chỉ ngưng chứ không chết. Vì không chỗ nào hư, nên khi xuất định thì cơ thể trở lại bình thường.

Hỏi:

Người ta nói: Lâm Tế tướng quân, Tào Động long vân, Vân Môn vương giả, ấy nghĩa là sao?

Đáp:

Đó là gia phong, nếu không kiến tánh, làm sao áp dụng được! Bây giờ môn phái nào cũng tham thoại đầu. Khi nhà Tống có Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ra đời, thì các cơ xảo của Tổ sư, người ta xem biết hết; có đánh đập chửi mắng người ta biết là cơ xảo của thầy, thì không phát được nghi tình. Cho nên, chư Tổ mới bắt đắc dĩ dạy tham thoại đầu. Hồi xưa đâu có cần tham thoại đầu, tham thoại đầu tức là mình đã biết tham thiền rồi.

Chư Tổ dùng cơ xảo làm cho mình tham thiền, nhưng không biết mình tham thiền. Ngài Lai Quả gọi là “vô tham mới là chân tham”, vô tham không phải không có tham, tức là mình tham thiền mà mình không biết mình tham thiền. Bước đầu tiên đã đến chân tham, bây giờ muốn đến chân tham phải trải qua thời gian lâu dài.

Như ngài Lâm Tế đi hỏi Phật pháp 3 lần đều bị đánh 3 lần rồi đuổi ra, thì tự nhiên phát nghi: Tại sao tôi hỏi Phật pháp lại bị đánh? Vậy lỗi ở chỗ nào? Tự mình nghi mà mình không biết mình nghi.

Hỏi:

Tại sao người tu Tịnh Độ cũng gọi là Lâm Tế chánh tông? Có đúng chánh tông Lâm Tế không?

Đáp:

Phải, họ đúng, vì họ cũng truyền pháp Quyển xuống từ đời từ đời, nhưng không tu thiền Lâm Tế. Ban đầu ngộ đạo được truyền tâm ấn, tức lấy tâm

truyền tâm. Đến sau này không có kiến tánh, mà cũng có tham thiền, cũng có truyền pháp.

Rồi sau này tu Tịnh Độ không có tham thiền, cũng truyền là dòng Lâm Tế, nhưng cũng còn có tu, sau này không có tu, ăn thịt uống rượu cũng truyền Lâm Tế.

Lâm Tế là một phái của Tổ Sư thiền, qua đời Lục Tổ chia làm 5 phái. Phái Lâm Tế là lớn nhất, như tôi thuộc dòng Lâm Tế đời 58.

Vậy thì hành âm của người niệm niệm chẳng ngừng, gọi là U Uẩn Vọng Tướng thứ tư (do vọng tưởng ẩn mật làm cho thay đổi, cho nên gọi là U Ẩn Vọng Tướng).

-Lại chỗ tánh thức trong lặng chẳng lay động của người, cho là thường còn ấy, ở nơi thân người chẳng ra ngoài kiến, văn, giác, tri. Nếu cho là chơn thật thì chẳng thể huân tập sự vọng, tại sao các người đã từng xem một vật lạ từ năm xưa trải qua nhiều năm nhớ quên chẳng còn, về sau bỗng thấy vật lạ đó thì nhớ lại rõ ràng, chưa từng lạc mất?

Đây là nói thức âm, thức là phân biệt. Nếu nói thức không lay động là chân thật thì không biến đổi, mà không thể huân tập, tức là không thêm bớt, như trước kia thấy một vật lạ, đã cách nhiều năm quên mất, sau này bỗng nhớ lại cảnh cũ, tức là vẫn còn huân tập ở trong óc. Huân tập là vọng tưởng, nên chẳng ra ngoài kiến, văn, giác, tri; tất cả kiến, văn, giác, tri là do thức phân biệt. Nếu phá được thức âm thì kiến tánh là chuyển thức thành trí.

Hỏi:

Am ma la thức là gì?

Đáp:

Am ma la thức là thức thứ 9, là bạch tịnh thức (như tờ giấy trắng) là bản thức không có nhiệm vụ gì, cũng là bản thể của thức chia ra làm 8 nhiệm vụ. Như nhãn thức là nhiệm vụ phân biệt sự thấy, nhĩ thức là nhiệm vụ phân biệt sự nghe,... Mỗi thức đều có nhiệm vụ riêng.

-Vậy nên hiện nay cái kiến, văn, giác, tri của người hòa hợp với tập khí vi tế, thành mộng tượng hư vô nơi tánh Trạm Liễu, gọi là tướng vi tế của Điên Đảo Vọng Tướng thứ năm.

Thức có phân biệt đều là điên đảo, không đúng với sự thật, cho nên gọi là điên đảo vọng tưởng. Nếu thức thứ 8 chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí, thì không còn phân biệt điên đảo.

-A Nan! Ngũ âm này do 5 thứ vọng tưởng kể trên mà thành. Nay người muốn biết bờ bên sâu cạn thì Sắc với Không là bờ bên của Sắc Âm.

Có hư không mới để vật chất được, sắc là vật chất, không là trống rỗng. Nếu không có cái không thì không hiện ra cái sắc. Nếu không có cái sắc thì không thể tả cái không. Cho nên, sắc với không mới làm bờ bên của Sắc Âm.

Hỏi:

Trong 5 âm, tu dễ nhất là sắc và thọ, còn tưởng, hành, thức thì tu rất khó phải không?

Đáp:

Lấy thức để tu thì rất khó, sắc là vật chất có hình tướng có số lượng mình thấy được thì dễ tu. Từ sắc đến thọ đến tưởng đến hành đến thức, thức là khó tu nhất.

Xúc với lìa là bờ bên của Thọ Âm (có cảm nhận nên gọi là thọ, vì có xúc mới biết được lạnh hay ấm, êm hoặc không êm, gọi là cảm thọ. Xúc rồi lìa mới biết có xúc. Cho nên, xúc với lìa là bờ bên của Thọ Âm).

Nhớ với quên là bờ bên của Tưởng Âm (tưởng là suy nghĩ, suy nghĩ thì có nhớ với quên).

Diệt với sanh là bờ bên của Hành Âm (vì thay đổi là sanh diệt, như tế bào của mình có cái sanh cái diệt, nên mặt mũi mình thay đổi, vậy sanh diệt là bờ bên của Hành Âm).

Trạm nhập hợp trạm là bờ bên của Thức Âm (nước trong lạng không có làn sóng gọi là trạm).

Lược giải:

Trước kia, A Nan hỏi về ngũ âm đến đâu là bờ bên, ở đây Phật giải thích kỹ càng, có nguyên nhân có bờ bên, từ cạn vào sâu.

Sắc chẳng tự sắc, vì không hiển sắc, nên sắc với không là bờ bên của sắc ấm. Thọ chẳng tự thọ, vì xúc mới có thọ, nên xúc với lìa là bờ bên của thọ ấm, tưởng chẳng phải tưởng, vì ghi nhớ gọi là tưởng, nên nhớ với quên là bờ bên của tưởng ấm, hành chẳng phải hành, vì sanh diệt chẳng ngừng, gọi là hành, nên sanh với diệt là bờ bên của hành ấm, thức gọi là trạm liễu (trong lặng sáng suốt) là đã diệt sanh diệt, tánh thức nhập vào chỗ cội gốc trong lặng, mà hợp với trạm nhiên, có nhập có hợp, tức là bờ bên của thức ấm.

Vì trạm nhập là thức ấm, trạm xuất là hành ấm. Chơn tánh chẳng gọi trạm nhập, là vì cùng khắp pháp giới, nên chẳng có xuất nhập (chơn tánh là Phật tánh cũng là bản tâm của mình), nay trạm nhập dần dần đi vào cho đến vô sở nhập, tức đến chỗ chẳng sanh diệt vậy.

Đây là cách tu của Giáo môn, còn Thiền môn không phải vậy; thiền môn chỉ cần giữ nghi tình thì không có xuất nhập, giáo môn thì có xuất nhập. Đại định là na già định, tức chỗ nào cũng định, cho đến cầm dao kiếm ra trận cũng định (Pháp Bảo Đàn).

Chánh văn:

-Cội gốc của ngũ ấm từng lớp sanh khởi; sanh do thức mà có, diệt theo sắc mà trừ; Lý thì Đốn Ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự chẳng thể bỗng diệt, phải dần dần mới được dứt sạch.

-Ta đã khai thị cho người về thất kết của khăn bông, tại sao còn chẳng rõ mà lại hỏi nữa! Người đối với cội gốc vọng tưởng này, nơi tâm được khai ngộ, rồi mới có thể truyền dạy cho người tu hành trong đời mạt pháp, khiến họ biết sự hư vọng, tự sanh nhàm chán, biết có Niết Bàn, chẳng lưu luyện tam giới.

-A Nan! Nếu có người đem thất bảo chất đầy mười phương hư không để cúng dường vô số Phật, tâm chẳng buông lung, ý người thế nào, người ấy do nhân duyên cúng dường Phật này, có được phước nhiều chăng?

A Nan đáp rằng:

-Hư không vô tận, thất bảo vô biên. Xưa kia có người cúng Phật bảy xu, còn được phước báo làm Chuyển Luân Vương, huống là dùng thất bảo đầy khắp hư không để cúng dường; thất bảo ấy suốt kiếp đếm mãi còn chẳng thể hết, làm sao phước ấy lại có bờ bên!

Phật bảo A Nan:

-Lời nói của chư Phật chẳng có hư vọng, nếu có người gây các tội Tứ Trọng (Sát, đạo, dâm, vọng), Thập Ba La Di, phải trải qua địa ngục A-Tỳ phương này phương kia, cho đến cùng tội các ngục A Tỳ mười phương trong sát na, chẳng nơi nào không trải qua, nếu người ấy dùng một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời Mạt pháp, liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc được phước siêu việt hơn người cúng dường trước kia gấp trăm ngàn lần, ngàn vạn ức lần như thế cho đến toán số thí dụ đều chẳng thể so bằng.

Giảng giải:

-Cội gốc của ngũ ấm từng lớp sanh khởi, sanh do thức mà có, diệt theo sắc mà trừ, lý thì đồn ngộ, theo ngộ cùng tiêu, sự chẳng thể bỗng diệt, phải dần dần mới được dứt sạch.

Phàm phu tham Tổ Sư thiên, như ngài Lâm Tế và Mã Tổ ngộ một lần tới Đẳng Giác, khởi qua năm mươi mấy cấp bậc, nhưng ngộ đó là cái lý, sự thì phải tiệm tiêu, tức là phải qua bảo nhậm mới dứt trừ tập khí dần dần. Như Lục Tổ ngộ rồi còn vô rùng ở chung với thợ săn 15 năm để dứt tập khí.

-Ta đã khai thị với người về thất kết của khăn bông, tại sao còn chẳng rõ mà hỏi nữa! Người đối với cội gốc vọng tưởng này, nơi tâm được khai ngộ, rồi mới có thể truyền dạy cho người tu hành trong đời Mạt pháp, khiến họ biết sự hư vọng, tự sanh nhàm chán, biết có Niết Bàn, chẳng lưu luyến ba cõi.

Phật giảng xong, dặn các Bồ Tát và A La Hán, sau này theo lời Phật dạy cho chúng sanh biết có Niết Bàn, mà tất cả việc thế gian đều là hư vọng, sanh nhàm chán mới cầu pháp xuất thế gian, đừng lưu luyến tam giới. Tam giới là dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

-A Nan! Nếu có người đem thất bảo chất đầy 10 phương hư không để cúng dường vô số Phật, tâm chẳng buông lung, ý người thế nào, người ấy do nhân duyên cúng dường Phật này, có được phước nhiều chăng?

A Nan đáp rằng:

-Hư không vô tận, thất bảo vô biên. Xưa kia có người cúng Phật 7 xu còn được phước báo làm Chuyển Luân Vương, huống là dùng thất bảo đầy khắp

hư không để cúng dường; thất bảo ấy suốt kiếp đếm mãi còn chẳng thể hết, làm sao phước ấy lại có bờ bến!

Phật muốn so sánh công đức hỏi A Nan: Có người chất thất bảo đầy hư không cúng dường Phật, thì được phước đức nhiều không?

A Nan đáp: Dùng thất bảo đầy khắp hư không để cúng dường thì phước bảo ấy tự nhiên rất nhiều.

Phật bảo A Nan:

-Lời nói của chư Phật chẳng có hư vọng, nếu có người gây tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di, phải trải qua địa ngục A Tỳ phương này phương kia, cho đến cùng tột các ngục A Tỳ mười phương trong sát na, chẳng nơi nào không trải qua.

Tứ Trọng là giới của Tỳ Kheo gồm có: Sát, đạo, dâm, vọng, còn gọi là 4 Ba La Di hay là Tứ Khí. Thập Ba La Di là 10 thứ Ba La Di dịch là cực ác. Theo Tỳ Kheo phạm Tội Ba La Di thì phải đọa 9 triệu năm địa ngục.

Nếu người ấy dùng một niệm đem pháp môn này, khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp, liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái khổ địa ngục thành cõi an lạc, được phước siêu việt hơn người cúng dường trước kia gấp trăm ngàn lần, ngàn vạn ức lần, như thế toán số thí dụ cũng chẳng thể tính đếm.

Người ta dễ hiểu lầm chỗ này, cho là chỉ cần đem pháp môn này ở trong đời mạt pháp để dạy người sơ học, thì phước đức hơn người đem thất bảo chất đầy hư không cúng dường Phật. Những người trước kia phạm Ba La Di phải đọa địa ngục mà không bị đọa lại được phước an lạc. Như vậy là dễ quá! Sự thật không phải như vậy. Cho nên tôi lược giải ở dưới đây.

Lược giải:

Đoạn trên nói về có người gây các tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di phải đọa địa ngục A Tỳ. Nếu người ấy dùng một niệm đem pháp môn này, khai thị cho người đời mạt pháp thì liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái khổ địa ngục thành cõi an lạc, như vậy công quả đâu có công bình, nếu thật có như thế thành không có nhân quả sao!

Chứng Đạo Ca nói:

Liễu rồi nghiệp chướng vốn là kkhông,

Chưa liễu nợ xưa đành phải trả.

Liễu này là liễu ngộ, tức là ở trong chiêm bao tự tiêu diệt, vì đã rời khỏi chiêm bao mở mắt thì nghiệp chướng trong chiêm bao tự tiêu diệt; do đã rời khỏi chiêm bao, thì nghiệp chướng trong chiêm bao đâu còn nữa! Nếu chưa liễu thì còn ở trong chiêm bao, phải chịu nghiệp báo trong chiêm bao không thể tiêu liền.

Kinh nói dùng một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tiêu diệt, biến nhân khổ thành cõi an lạc, ấy là ám chỉ người liễu ngộ mới có thể liền tiêu nghiệp chướng, người không kiến tánh thì không thể được.

Y văn giải nghĩa tam thế Phật oan, độc giả phải xem xét kỹ!

Chánh văn:

-A Nan! Nếu có chúng sanh hay tụng trì kinh này và chú này như ta đã nói, thì phước báo cùng tội số kiếp cũng chẳng thể hết; nếu nương theo lời dạy của ta mà tu hành, thì thẳng đến Bồ Đề chẳng còn nghiệp ma.

Phật thuyết kinh này xong, các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tất cả cõi trời, người, A Tu La trong thế gian, với các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thần tiên, đồng tử ở cõi khác, và đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, đánh lễ ra về.

Giải thích:

A Nan! Nếu có chúng sanh hay tụng trì kinh này và chú này như ta đã nói thì phước báo cùng tội số kiếp chẳng thể hết.

Kinh này và chú này làm sao có sức lực mạnh như thế? Sức lực là tâm mình, vì tất cả thần thông trí huệ, mình có sẵn đầy đủ bằng như tất cả chư Phật. Kinh và chú này là dạy mình tu để phát hiện cái mình sẵn có.

Khi phát hiện rồi gọi là kiến tánh thành Phật, thì tất cả năng lực được hiện ra, phước báo hưởng không hết, vì có vô cùng tận. Còn phước hữu vi lớn bao nhiêu, lâu ngày cũng hưởng hết. Như đem thất bảo chất đầy hư không cúng dường Phật, thì phước báo rất lớn, nhưng lâu ngày hưởng cũng phải

hết. Phước của tự tánh sẵn có, hưởng không bao giờ hết, chỉ cần tham thiền phát hiện phước của tự tánh.

Nếu nương theo lời dạy của ta mà tu hành, thì thẳng đến Bồ Đề chẳng còn nghiệp ma.

Nếu theo lời Phật dạy phá ngã chấp thì không bị nghiệp ma. Như điều thứ 1 của Đường Lối Thực Hành Tham Tở Sư Thiền là phá ngã chấp: “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”; thực hành được 9 chữ này thì phá được ngã chấp, nên ma không thể nhập.

Phật thuyết kinh này xong, các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tất cả cõi trời, người, a tu la trong thế gian với các vị Bồ Tát nhị thừa thần tiên, đồng tử ở cõi khác, và đại lực quỷ thần mới phát tâm đều rất vui mừng đánh lễ ra về.

Ưu Bà Tắc là nam cư sĩ, Ưu Bà Di là nữ cư sĩ, là những người đã thọ tam quy ngũ giới. Thông thường nói lục đạo, không nói thần tiên, mà kinh Lăng Nghiêm nói có thất loại, tức là thất đạo luân hồi, thần tiên là tu theo ngoại đạo.

Cho nên, trong chúng nghe pháp có một đạo thần tiên. Đồng tử là chú tiểu người tu chưa chứng quả. Chánh pháp và ngoại đạo đều có đồng tử, bây giờ người Việt mới xuất gia gọi là chú tiểu, người Hoa mới xuất gia đều kêu bằng thầy.

Hỏi:

Ở Việt Nam, miền Bắc gọi Sư cụ, Sư ông, Sư bác. Miền Trung gọi là Ôn, Thầy. Những danh từ Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức mới có sau này. Như vậy có đúng không? Và đối với Phật Giáo Trung Hoa như thế nào?

Đáp:

Đúng, nếu theo giới luật thì không đúng. Như ở Việt Nam nói Hòa thượng là lớn nhất, rồi đến Thượng tọa, mới Đại đức.

Vì giới Bồ Tát không phải là tận hình thọ, tức là khi đã thọ giới rồi, cho đến thành Phật thì giới không mất. Bởi vậy, người không được truyền giới, vì làm người phải chết. Như các vị Tỳ Kheo chết rồi thì mất Tỳ Kheo. Cho nên,

thọ giới Bồ Tát phải mời Phật Thích Ca làm bổn sư, Di Lặc Bồ Tát làm yết ma, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm giáo thọ sư.

Trong giới luật nói: “Đại đức Thích Ca Mâu Ni, Đại đức Văn Thù Sư Lợi, Đại đức Di Lặc”, đều xưng là Đại đức. Vậy chúng tở Đại đức đâu nhỏ! Thượng tọa gồm có: Thượng tọa, Trung tọa, Hạ tọa.

Thọ giới từ 1 năm cho đến 9 năm gọi là Hạ tọa. Thọ giới từ 10 năm đến 19 năm gọi là Trung tọa. Từ 20 năm trở lên gọi là Thượng tọa. Thọ giới Tỳ Kheo được 10 năm thì rời bổn sư, đi làm Hòa thượng để thu đệ tử xuất gia, theo giới luật mà biết, Hòa thượng lớn hơn Thượng tọa là không đúng.

Thói quen người Hoa gọi người xuất gia đều là Hòa thượng, gọi chú tiểu là Tiểu Hòa thượng, người lớn là Hòa thượng.

Hỏi:

Thế nào là Nạp Tăng?

Đáp:

Vào thời Phật, ở Ấn Độ có điều táng tặc là đem người chết để vào một chỗ trên núi cho chim ăn. Chim ăn hết thịt còn lại quần áo, các vị tu sĩ đi lượm về khâu vá lại nhiều miếng thành quần áo để mặc, nên người ta gọi là bá nạp y, hay chỗ đồng rác lượm về, gọi là phẩn tảo y. Vì vậy tự xưng là Nạp Tăng.

Người thế gian cung kính tu sĩ thì tu sĩ phải chịu cực khổ. Nhưng bây giờ tu sĩ không chịu cực khổ, cho đến người ta còn cúng dường thuốc thơm. Theo giới luật tuy không cấm hút thuốc, nhưng theo ý giới luật thì cấm. Như giới luật không cấm cờ bạc, nhưng tu sĩ cờ bạc được không? Là không được, vì người thế gian phê bình.

Phạm điều gì thế gian phê bình, Phật đều cấm, Tại sao? Phật pháp muốn hoàng dương rộng khắp thế gian, nếu người thế gian phản đối thì Phật pháp làm sao hoàng dương! Nếu tu sĩ phạm pháp luật của nhà nước cũng là phạm giới luật của nhà Phật. Tại sao? Vì Phật pháp đi đến nước nào thì chính phủ ấy hoan nghinh, do giữ pháp luật của nước đó. Để hoàng dương Phật pháp nên Phật mới chế ra giới luật.

Hỏi:

Phong tục an táng người chết của Ấn Độ là dùng củi để đốt người chết. Khi qua Trung Hoa làm ma chay tán lễ tán tụng là do Đạo Giáo, chứ không phải Phật Giáo. Như vậy như thế nào?

Đáp:

Làm tuần 49 ngày là do thân trung âm, thiện và ác bằng nhau, chưa phân biệt được sanh đường lành hay sanh đường ác thì có thân trung âm. Thân trung âm 7 ngày có 1 lần sanh tử để đi đầu thai. Nếu lần thứ 1 đến lần thứ 6 chưa đi đầu thai được, thì quyết định lần thứ 7 đi đầu thai.

Cho nên, Phật Giáo làm tuần tụng kinh cầu siêu, làm phước để ảnh hưởng đến thân trung âm, nghiêng về thiện một chút, thì đi đầu thai vào 3 đường lành. Nếu giết heo bò để cúng thì chắc chắn thân trung âm nghiêng về ác sanh vào 3 đường ác.

Hỏi:

Tham thiên có người thân chết phải làm thế nào?

Đáp:

Cứ vẫn tham thiên. Ở Việt Nam mời tôi đến linh cửu thuyết pháp, bà con thân quyến tựu lại nghe. Vì có người chết người ta dễ nghe, như có bức thư của Diêm La Vương để cảnh cáo; các người làm việc ở nhà mai táng cũng có đến nghe. Vì họ thấy lạ, tại sao người ta tụng kinh, mà cái này lại thuyết pháp, sau khi nghe rồi lại cũng có người lại chùa tìm tôi để học đạo, và các bạn đồng tham cùng nhau tham thiên.

Khỏi cần hồi hướng mà thân trung âm cũng được hướng. Nếu có thân trung âm thì nó thấy rõ ràng. Thân trung âm biết tham thiên thì liền sanh thiện đạo. Chỉ tham thiên là tốt nhất, vì tâm lực của người tham thiên mạnh hơn những người không có tham thiên; sức lực nhiều người tham thiên hợp lại dễ ảnh hưởng người chết sửa lại tâm, được một chút thiện thì sanh về thiện đạo.

Vì nghiệp thiện ác bằng nhau, nên mới có thân trung âm. Nếu phân biệt được nghiệp thiện ác nặng nhẹ thì chết đây kia sanh, phần nhiều không có thân trung âm.

Những người đã chứng quả thì sanh tử tự do. Có một vị kiến tánh được tỉnh trưởng mời trụ trì Tông Lâm, nhưng nhân duyên với ông tỉnh trưởng kiếp

trước có vấn đề gì, tình trường hay kiếm chuyện khó dễ. Sư trụ trì viết thư cho đệ tử là một quan lớn rằng: Nhân duyên của tôi còn 6 năm ở nơi này, nhưng tôi muốn đầu thai nhà ông được không? Ông quan được thư lấy làm mừng, có ý hứa cho, chưa nói cho vợ biết.

Có một đêm vợ quan mới la lên: Chỗ này sư không đến được! Tức là thấy sư đó vô trong phòng.

Quan ấy hỏi vợ mình: Gì vậy?

Bà vợ nói: Tôi thấy một sư vô trong phòng.

Rồi ông đốt đèn lấy thư đưa cho vợ coi, hai vợ chồng mới cười nhau. Rồi sau này sanh ra đứa bé, tức là sư đó đến đầu thai. Đứa bé được 3 tuổi, có Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan đã kiến tánh triệt để đến thăm đứa bé và hỏi đứa bé: Minh chia tay được bao lâu rồi?

Đứa bé trả lời: Được 4 năm rồi.

Mới được 3 tuổi mà chia tay được 4 năm, tức là nói cái gì cũng biết hết, nói thiền ngữ thì người kiến tánh biết, người khác không biết. Đứa bé được sáu tuổi rồi chết.

Hỏi:

Kinh Lăng Nghiêm có phải tu mật tông không?

Đáp:

Không phải kinh này căn bản tu Mật tông, kinh này là hiển giáo. Đối với mật nên nói hiển, Mật tông trước kia là ngoại đạo; rồi đến ngài Long Thọ nhiếp họ vào đạo Phật, tức là sau khi Phật đã nhập diệt. Long Thọ là tổ thứ 14 của Thiền tông, ngài nhiếp 6 ngoại đạo vào chánh pháp, cho nên làm Tổ 6 tông phái, Mật tông cũng do ngài Long Thọ làm Tổ.

Kinh Lăng Nghiêm gọi là viên đốn, tức là thượng căn, trung căn, hạ căn đều độ hết; nửa quyền trước độ người thượng căn, nửa quyền sau độ người trung hạ căn. Phật không bỏ sót một chúng sanh nào.

Trước kia nói câu mật nghĩa, chưa ngộ gọi là mật nghĩa, ngộ rồi thì không gọi mật nghĩa. Như Lục Tổ nói: “Ngộ rồi thì cái mật ở bên ông”, vì không

hiểu cho là mật, nếu ngộ rồi thì không cho là mật. Cho nên, Phật pháp chỉ cần 1 tiếng ồ (ngộ) là xong.

Hỏi:

Ngày xưa Phật Giáo ở Ấn Độ bị Hồi Giáo tiêu diệt, cho nên các kinh điển bị chôn vùi, đến bây giờ người ta tìm ra và để trong thư viện Đôn Hoàng có phải không?

Đáp:

Không phải vậy, tất cả kinh được kết tập sau khi Phật nhập diệt, bây giờ ở Đôn Hoàng cũng có kinh nguy, do các nhà nghiên cứu của nước Anh phát giác được bản chép tay tưởng là nguyên bản rồi, đem đến viện bảo tàng ở Luân Đôn.

Pháp Bảo Đàn có 8 bản khác nhau, có một bản đệ tử của Thần Tú, cho Thần Tú là Lục Tổ. Đó là đệ tử thần tú làm giả, rồi để trong Đôn Hoàng. Sau này người ta không biết tưởng là thật. Bây giờ, các nước bên Tây phương không biết cho là thật, nhưng trong đó có nhiều cái giả.

Hỏi:

Bát Nhã Tâm Kinh có câu: “Độ nhất thiết khổ ách” là do ngài Huyền Trang thêm vào, chứ bản chính không có, vậy phải không?

Đáp:

Không phải vậy, trong chữ Hán có ý mà không có lời; không phải chỉ là kinh, mà sách thuốc của Trung quốc cũng có. Như sách của Tôn Sư Trương Trọng Cảnh, nhiều chỗ có ý mà không có lời, vì tôi là đông y sĩ đã có nghiên cứu. Kinh Viên Giác, kinh Lăng Nghiêm đều có ý đó, nên tôi thêm lời vào để sáng tỏ nghĩa kinh.

Hỏi:

Trong pháp hội Lăng Nghiêm có trên một triệu người nghe Phật thuyết pháp. Vậy thời xưa không có loa, làm sao cả đại chúng nghe hết được?

Đáp:

Kinh Pháp Hoa nói: “Phật thuyết kinh Pháp Hoa, đồng thời có thiên bá ức hóa thân cũng thuyết kinh Pháp Hoa ở nơi các quốc độ khác”. Như vậy Phật đâu có dùng loa cho đại chúng nghe! Trong lịch sử Thiên tông nói: “Kinh Hoa Nghiêm gồm có 81 quyển, Hoa Nghiêm Bồ Tát (người Trung Quốc), cho mỗi người cầm một quyển, rồi ông đọc mà mọi người cùng nghe lời ông đọc quyển của mình đang xem”.

Chỉ có một mình ông đọc mà có 81 thứ, mỗi người nghe khác. Người coi quyển 1 thì nghe ông đọc quyển 1, người coi quyển 2 thì nghe ông đọc quyển 2, người coi quyển 3 thì nghe ông đọc quyển 3, người coi quyển 80 thì nghe ông đọc quyển 80, nếu 80 người đều nghe một lượt, thì một triệu người cũng có thể nghe một lượt vậy!

Hỏi:

Trên một triệu người nghe pháp, vậy chỗ nào có đủ để ngồi?

Đáp:

Ông có coi kinh Duy Ma Cật không? Phòng nhỏ mà chứa 36 tòa sư tử lớn như núi Tu Di, tòa to lớn mà các vị A La Hán có thần thông không lên được trên đó ngồi.

Hỏi:

Có người thông minh siêu xuất hơn người thường, họ dùng bộ óc làm một lý thuyết lập một tôn giáo. Vậy việc ấy như thế nào?

Đáp:

Nếu chơn lý mà có thể lập ra thì không phải là chơn lý. Phật Thích Ca nói: “49 năm ta chưa từng nói một chữ”, nên Phật không có lập chân lý và không phủ định. Nhưng Phật ở trong kinh kiến lập rồi phủ định, như không có tam thừa mà nói có tam thừa, không có Phật mà nói có Phật. Đến tối thượng thừa thì phủ nhận hết.

Nếu thông minh là thông minh của thế gian, như Chứng Đạo Ca nói: “Ngoại đạo thông minh chẳng trí huệ”. Trí huệ của Phật tánh gọi là Bát Nhã, không dịch là trí huệ; vì không tác ý nổi niệm, được dùng ra là tự động; không những tự động ở một chỗ, mà tự động cùng khắp không gian thời gian, mới gọi là Bát Nhã.

Bây giờ, mỗi chúng sanh đều có trí Bát Nhã, nhưng do vọng tưởng chấp thật che khuất tự tánh, nên không hiện ra dụng để dùng. Nếu theo lời Phật dạy tẩy sạch hết vọng tưởng thì dụng hiện lên khắp không gian thời gian, tẩy sạch được phần nào vọng tưởng thì hiện được dụng phần đó.

Hỏi:

Trong Thiên tông có khoảng 7000 Tổ kiến tánh và trước Phật Thích Ca có 7 Phật, làm sao có thứ lớp giữa các Phật và các Tổ?

Đáp:

Làm sao mà có thứ lớp! Không có thứ lớp. Các vị tu ở trong Thiên tông, từ địa vị phàm phu chứng Đăng Giác không theo thứ lớp. Những người căn cơ thấp kém hơn mới qua Sơ Quan, Trùng Quan.

Hỏi:

Tất cả tôn giáo là sản phẩm của bộ óc lập ra có phải không?

Đáp:

Tất cả tôn giáo là sản phẩm của bộ óc, còn Phật Giáo không phải là một tôn giáo, cũng không phải là sản phẩm của bộ óc, là tẩy sạch sản phẩm của bộ óc, thì chân tâm mới hiện ra. Vì vậy, Phật Giáo khác hẳn các tôn giáo. Nhưng sản phẩm của bộ óc dùng cho bộ óc để tiếp thu dễ hơn, nên người tín đồ của họ nhiều.

Bây giờ, tín đồ Phật Giáo cũng nhiều, nhưng dùng bộ óc để nhận biết đều là mê tín nhiều chứ không phải chánh tín. Thiên tông chỉ cần chánh tín, vì thế người ta khó tiếp thu được, mới ít có người tu theo. Phần nhiều các chùa nói tông phái nào cũng không đúng, giáo môn cũng không phải giáo môn, Tịnh Độ cũng không phải Tịnh Độ. Nếu không thể nói tu pháp môn gì! Mà nói Phật Giáo thì còn xa lắm.

Hỏi:

Bây giờ làm chùa nhiều, họ chỉ mê tín cầu xin cúng bái, chứ không phải vì tinh thần đạo Phật. Vậy có đúng không?

Đáp:

Đúng rồi, họ hoàn toàn nghịch với đạo Phật, cho nên Phật cho là đời mạt pháp. Việc ấy, Phật cũng không cứu được, vì nghiệp chúng sanh như vậy.

Hỏi:

Câu siêu cho người chết là độ người sống làm phương tiện cho họ tu, vậy như thế nào?

Đáp:

Nếu làm phương tiện thì đúng, nhưng họ không làm phương tiện cho người ta tu; vì họ không dạy cho người ta tu, chỉ làm phương tiện vô chùa lạy Phật; mà phải lạy Phật chùa tôi mới được phước, chứ lạy Phật chùa khác thì không được phước!

Hỏi:

Phật Di Lặc chừng nào ra đời?

Đáp:

Tuổi của con người cứ 100 năm thì giảm 1 tuổi, giảm cho đến lúc còn 10 tuổi; bắt đầu cứ 1 trăm năm thì lại tăng thêm 1 tuổi, khi được 20.000 tuổi thì lúc đó Phật Di lặc ra đời. Lời này căn cứ kinh Di Lặc Hạ Sanh. Đặc biệt của ngài Di Lặc là Duy Thức, ở Ấn Độ đã lập tông phái Duy Thức.

Trần Huyền Trang qua Ấn Độ 17 năm học Duy Thức về nước Trung Quốc rồi hoằng dương Duy Thức. Khuy Cơ là người thứ nhì hoằng dương tông Duy Thức tại chùa Từ Ân, người ta gọi là Từ Ân tông. Tiền thân của Khuy Cơ là A La Hán.

Ngày xưa bên Trung Quốc muốn xuất gia phải thi đậu mới cho xuất gia. Trần Huyền Trang lúc 13 tuổi thi đậu được xuất gia, vì kiếp trước ông cũng có tu. Trần Huyền Trang biện luận với tiền thân của Khuy Cơ, nhưng tiền thân Khuy Cơ biện luận không lại. Nên ngài Trần Huyền Trang nói với tiền thân của Khuy Cơ rằng: “Ông đi đầu thai ở nhà ngói đỏ ở kinh thành”, cung của vua là ngói đỏ.

Hồi đó, nhà Đường có Lý Thái Văn làm vua, các tướng đều là anh em của vua. Úc Tê Cung là anh vua, ngói nhà của ông cũng màu đỏ. Khuy Cơ đầu thai lộn ở nơi đây. Đến chừng ngài Huyền Trang đi Ấn Độ về hỏi trong

hoàng cung, không thấy Khuy Cơ, ngài mới tìm ra là ở nhà Úc Tề Cung. Sau này Khuy Cơ xuất gia làm đệ tử ngài Trần Huyền Trang.

HẾT